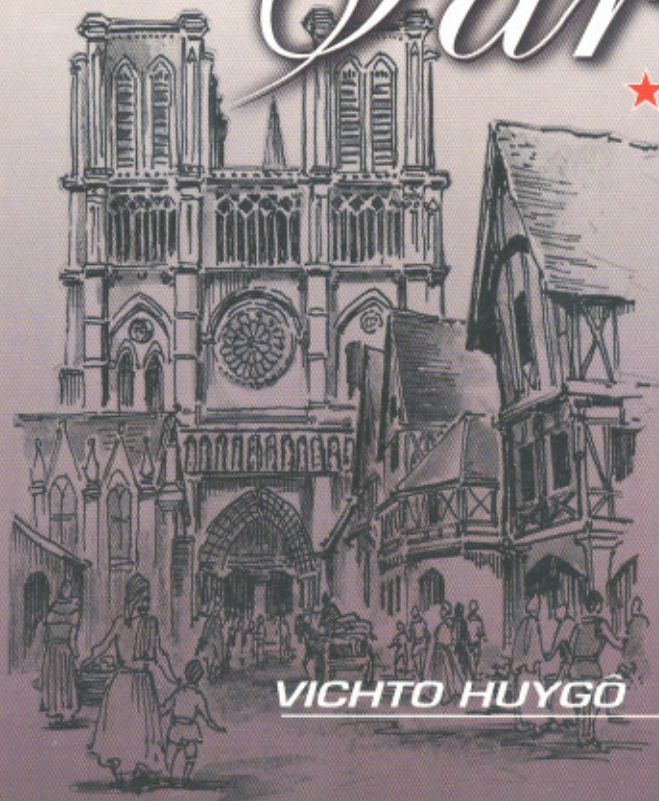


VĂN HỌC CỔ ĐIỂN PHÁP

NHÀ THỜ' ĐỨC BÀ

Paris



VICHTO HUYGÔ



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

VICHTO HUYGO

**NHÀ THỜ
ĐỨC BÀ PARI**

1482

(Hai tập)



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NHÀ THỜ ĐỨC BÀ PARI



Người dịch: NHỊ CA

(Sách tái bản)

Dịch từ nguyên văn tiếng Pháp
Notre Dame de Paris 1482 của Victor Hugo
(Nhà xuất bản Flammarion Paris - 1952)

$\frac{N}{VN-99}$ 5/615-99

LỜI GHI THÊM VÀO LẦN XUẤT BẢN HOÀN CHÍNH (1832)

Thật sai lầm khi đưa tin lần xuất bản này có thêm nhiều chương mới. Phải nói là *mới in*. Đúng thế, nếu hiểu mới là mới viết thì các chương thêm vào lần xuất bản này không phải mới. Chúng được viết cùng lúc với cả cuốn truyện, cùng thuộc một thời gian và cùng sinh ra từ một tư tưởng, chúng xưa nay vẫn là một thành phần của bản thảo *Nhà thờ Đức bà Pari*. Hơn nữa, tác giả không hiểu sao đột nhiên lại đưa thêm được những đoạn phát triển mới vào một tác phẩm loại này. Không thể tùy tiện làm như vậy. Theo tác giả, có thể nói một cuốn truyện nhất thiết phải sinh ra với đủ mọi chương của nó; một vở kịch sinh ra với đủ mọi chương của nó; một vở kịch sinh ra với đủ mọi cảnh của nó. Đừng tưởng có thể độc đoán sắp đặt số lượng chương hồi cho cái chỉnh thể, cái tiểu vũ trụ huyền bí ta vẫn gọi là kịch hoặc truyện. Chép nối hoặc hàn gắn đều không tốt với những tác phẩm loại này, chúng phải vọt ra liền mạch và nguyên vẹn từ đầu. Việc đã làm xong, đừng thay đổi ý kiến, đừng sửa chữa gì nữa. Sách xuất bản rồi, giới tính tác phẩm thuộc phái khỏe hoặc phái yếu được thừa nhận và xác định rồi, đứa trẻ đã cất tiếng chào đời, thế là nó sinh ra rồi, nó

đấy, sinh ra như thế đó, bố mẹ không còn làm gì được nữa, nó thuộc về khí trời và ánh nắng, cứ để mặc nó sống hoặc chết như vậy. Cuốn sách của anh hỏng rồi ư? Kê nó. Đừng thêm chương vào cuốn sách hỏng. Nó không hoàn chỉnh ư? Chỉ có thể vừa để vừa hoàn chỉnh nó được thôi. Cái cây mọc cong queo? Không uốn thẳng được đâu. Cuốn truyện anh ốm yếu? Nó không sống nổi? Không trả lại cho nó sức sống đang thiếu được đâu. Vợ kịch anh sinh ra que quắt? Hãy nghe tôi, đừng lấp chân gỗ vào.

Cho nên tác giả đặc biệt quan tâm đến việc để công chúng hiểu rõ các chương thêm vào đây không phải được viết riêng cho lần tái bản này. Nếu chúng chưa được công bố trong các lần xuất bản trước, đó là vì một lý do rất giản đơn. Vào thời kỳ cuốn *Nhà thờ Đức bà Pari* in lần đầu, hồ sơ đựng ba chương này thất lạc mất. Do đó phải viết lại hoặc bỏ qua. Tác giả nghĩ: trong số các chương chỉ hai chương có chút qui mô quan trọng nào đó, là những chương về nghệ thuật và lịch sử, chúng không hề làm tổn hại đến bối cảnh của tình tiết và cốt chuyện, công chúng sẽ không thấy được hai chương đó thiếu mất và chỉ có mình tác giả biết rõ bí mật của thiếu sót. Tác giả liền quyết định bỏ qua. Và lại, nếu cần thú nhận, tính lười biếng khiến tác giả thoái thác nhiệm vụ viết lại ba chương thất lạc. Thà viết quyển truyện mới còn nhanh hơn.

Bây giờ, các chương đã tìm thấy và nhân dịp này, tác giả liền trả chúng về chỗ cũ.

Vậy bây giờ đây là tác phẩm nguyên vẹn, như tác giả mơ ước, như tác giả viết, dù hay hoặc dở, sống lâu hoặc chết yếu, nhưng đúng theo ý muốn.

Các chương tìm thấy chắc ít giá trị trước mắt những người vốn rất đúng đắn, nhưng chỉ cần tìm tình tiết, cốt truyện trong cuốn *Nhà thờ Đức bà Pari*. Tuy nhiên có thể nhiều độc giả khác lại không thấy là vô ích việc nghiên cứu tư tưởng mỹ học và triết học ẩn náu trong cuốn sách, trong khi đọc *Nhà thờ Đức bà Pari*, họ lại rất thích thú tìm kiếm xem sau quyển truyện còn có cái gì khác ngoài cốt truyện và xin bỏ qua cho lỗi nói hơi kiêu kỳ, họ rất thích thú theo dõi luận thuyết của nhà sử học và mục đích của nhà nghệ sĩ qua sáng tạo nguyên vẹn của nhà thơ.

Chính vì những bạn đọc đó mà các chương thêm vào lần xuất bản này sẽ hoàn chỉnh cuốn *Nhà thờ Đức bà Pari*, tạm cho là *Nhà thờ Đức bà Pari* bỏ công được hoàn chỉnh.

Trong một chương, tác giả trình bày và phát triển ý kiến về sự suy đồi hiện nay của kiến trúc và về cái chết mà tác giả cho là giờ đây hầu như không tránh khỏi của nghệ thuật - chúa tể này, một quan niệm đáng tiếc đã mọc rễ trong đầu óc mình và được suy nghĩ kỹ. Nhưng tác giả thấy cần phải nói ở đây là mình rất mong một ngày kia, tương lai sẽ bảo mình nhầm. Tác giả biết nghệ thuật dưới mọi hình thức, hoàn toàn có thể hy vọng ở các thế hệ trẻ mà tài năng đang nảy mầm tại các lò xưởng chúng ta. hạt giống nằm giữa luống cày, mùa màng chắc chắn sẽ tốt đẹp. Tác giả chỉ sợ có thể thấy lý do ở tập hai⁽¹⁾ lần xuất bản này, mầu mỡ đã bị hút hết khỏi miếng đất cổ tốt nhất của nghệ thuật.

Tuy nhiên, hiện nay giới thanh niên nghệ sĩ có rất nhiều sức sống, nhiệt huyết và có thể nói cả thiên hướng nữa, cho nên trong các trường học đặc biệt là kiến trúc ở ta, vào giờ này, các giáo sư, vốn đều đáng ghét, không những không ngờ mà còn hoàn toàn trái ngược với ý muốn đang đào tạo những học trò thật là xuất sắc; trái hẳn với anh thợ gốm mà Horaxơ từng nói, anh ta dự định làm bình hai quai hóa ra lại sản xuất nồi đất. *Currit rota, urceus exit.*⁽²⁾

Nhưng trong mọi trường hợp, dù tương lai kiến trúc ra sao, các kiến trúc sư trẻ ngày kia giải quyết vấn đề nghệ thuật của họ thế nào, đang khi chờ đợi công trình mới, ta hãy gìn giữ lấy công trình cổ xưa. Nếu có thể, hãy giáo dục lòng yêu mến kiến trúc dân tộc cho nhân dân. Tác giả xin tuyên bố, đó là mục tiêu chính của cuốn sách; một mục tiêu chính của đời mình.

Nhà thờ Đức bà Pari có lẽ mở ra vài triển vọng thực sự về nền nghệ thuật thời trung cổ, nền nghệ thuật kỳ diệu đến nay nhiều người không biết hoặc tệ hại hơn nhiều người còn phủ nhận. Nhưng tác giả không hề nghĩ là nhiệm vụ tự đặt cho mình đã hoàn thành. Tác giả từng nhiều lần bênh vực nền kiến trúc cổ xưa, đã lớn tiếng tố cáo vô số hành động báng bổ, phá hoại nghịch đạo. Tác giả sẽ không hề mệt mỏi. Tác giả quyết tâm luôn luôn trở lại vấn đề này sẽ trở lại. Tác giả cũng kiên trì bảo vệ các di tích lịch sử như bọn chủ trương phá bỏ tượng thánh ở nhà trường và học viện từng kiên quyết tấn công. Vì thực đau lòng khi thấy nền kiến trúc trung cổ đó rơi vào bất cứ tay ai, thấy cái cách hiện nay bọn

thợ vườn đang đối xử với những hoang tàn của nền nghệ thuật lớn đó. Thật xấu hổ cho chúng ta, những kẻ thông minh đứng nhìn họ làm và chỉ hò hét phản đối suông. Và đây không chỉ nói tới các việc xảy ra ở tỉnh lẻ, mà đang xảy ra ở giữa Pari, ngay trước cửa nhà ta, dưới cửa sổ nhà ta, giữa thành phố lớn, giữa thành phố học thức giữa trung tâm báo chí, ngôn luận, tư tưởng. Để kết thúc lời ghi này chúng tôi không thể cưỡng lại nhu cầu tố cáo một vài hành động phá hoại văn hóa ngày nào cũng được trù định, bàn cãi khởi đầu, tiếp tục và thi công yên ổn đến cùng trước mắt ta, trước mắt quần chúng nghệ sĩ Pari, chống lại mọi chỉ trích đã phải sùng sốt trước thói táo tợn đó. Họ vừa phá hủy xong tòa tổng giám mục, một dinh thự với thẩm mỹ nghèo nàn nên thiệt hại không đến nỗi lớn; nhưng cùng một khối với tòa tổng giám mục, họ phá hủy luôn cả tòa giám mục, một di tích hiếm hoi của thế kỷ mười bốn mà vị kiến trúc sư phá hủy không biết phân biệt với cái khác. Ông ta nhổ cả lúa lẫn cỏ dại cũng như nhau cả thôi. người ta đang bàn san phẳng nhà nguyện Vanhxeen tuyệt đẹp, lấy đá để xây pháo đài gì đó, tuy Đômonin⁽³⁾ không cần đến. Trong khi sửa chữa hết sức tốn kém và phức hồi lâu đài Buốcbông, túp lều nát đó, họ để mặc gió mùa hủy hoại những cửa kính đẹp đẽ của nhà thờ Sapen. Từ vài hôm nay, giàn dáo đã dựng lên quanh chiếc tháp ở nhà thờ Xanh Giác Đơ La Busori; rồi một sáng nào đó, cuộc sẽ đổ vào. Có một gã thợ nề đang xây gian nhà trắng xóa ở giữa dãy tháp cổ kính của tòa Xanh Giácmanh Đê Prê tu viện phong kiến ba tháp chuông. Cứ tin rằng sẽ còn tên thợ nề khác phá đổ Xanh Giácmanh L. Ôxeroa. Tất cả lũ thợ nề đó tự xưng là kiến

trúc su, được tòa thị chính hoặc thường dân trả lương và mặc áo lam hàn lâm viện sĩ. Tất cả tác hại mà khiêu thẩm mỹ giả có thể gây cho khiêu thẩm mỹ thực, họ đều đã làm. Vào lúc chúng tôi viết bài này, cảnh tượng thật tang thương! Một gã loại đó đang nắm lấy cung Tuylori, một gã loại đó đang rạch vào giữa mặt Phihbe Đolooom⁽⁴⁾ và tất nhiên, không phải là một vụ tai tiếng xoàng xĩnh trong thời buổi này, khi thấy tòa kiến trúc nặng nề của vị đó rất trắng trợn đến nằm ngang sóng soài trước một trong mặt nhà tinh tế nhất của thời Phục hưng.

Pari

ngày 20 tháng 10 năm 1832.

QUYỂN MỘT

I. GIÂN ĐẠI SẢNH

Cách đây ba trăm bốn mươi tám năm sáu tháng mười chín ngày, dân Pari thức dậy theo tiếng chuông âm vang khắp nơi giữa ba lần tường thành của khu thành cũ, khu đại học và khu phố mới.

Tuy nhiên, mừng 6 tháng giêng năm 1482 chẳng phải là một ngày lịch sử cần ghi lại. Không có gì quan trọng về sự kiện từ sáng sớm đã làm sôi động các chuông nhà thờ cùng thị dân Pari. Không phải cuộc tấn công của dân Picardi hoặc dân Buócgônnhơ, cũng chẳng phải đám rước tráp thánh tích, hoặc loạn học trò ở vườn nho Laát, hoặc cuộc xa giá của *đức hoàng thượng đại hùng cường chúng ta*, hoặc chỉ là trò treo cổ ngoạn mục bọn trộm cắp trai và gái ở Tòa pháp đình Pari, càng không phải có vị sứ thần mũ măng cân đai diêm dúa nào đột nhiên tới, như thường có vào thế kỷ 15. Mới cách đây hai ngày, kỵ đoàn cuối cùng loại đó, của sứ thần xứ Phlăngđơ tới bàn chuyện hôn nhân giữa thái tử và Margorit Đờ Phlăngđơ⁽¹⁾ đã kéo vào Pari làm đức hồng y Buócbongh rất buồn bực; để

vui lòng đức vua. ngài dành tuổi tỉnh đón tiếp tất cả bọn thị trường ở hợp quê mùa xứ Phlăngđơ và thết họ tại lâu đài Buốcbong một châu *moralilê*, *xôli* và *phacxo* hay *tuyệt*⁽²⁾, trong khi mưa tầm tã ướt sũng cả màn che của lông lấy. Mừng 6 tháng giêng, ngày *làm xúc động toàn thể dân chúng Pari*, như sử gia Giảng Đờ Troa nói, từ thời xa xưa, đã long trọng gấp đôi, nhờ gộp ngày lễ vua vào ngày hội cuồng dâng⁽³⁾.

Hôm đó có đốt lửa liên hoan ở quảng trường Grevo lễ trồng cây tháng năm⁽⁴⁾ ở nhà nguyện Braco và diễn *mixtero*⁽⁵⁾ ở tòa pháp đình. Nhân viên của ngài đô trưởng mặc nhung y lông lấy bằng vải lông thú màu tím, đeo thánh giá lớn màu trắng trên ngực, từ hôm qua đã đi rao tù và khắp các ngã tư.

Cho nên từ sáng sớm, nhà cửa và hàng quán đều đóng lại, nam nữ thị dân đông nghịt từ khắp nơi kéo đến một trong ba địa điểm kể trên. Ai nấy đều đã dự tính, người đi dự lửa liên hoan, kẻ đến lễ trồng cây người tới xem diễn *mixtero*. Phải khen cái nét khôn ngoan lâu đời của dân lâu lổng đất Pari, cho nên cần nói phần lớn đám đông đều đi dự lửa liên hoan đang rất hợp thời hoặc tới xem *mixtero* sẽ diễn ở gian đại sảnh Tòa pháp đình rất kín đáo và ám cúng, thế là bọn tò mò đã hẹn nhau để mặc cây tháng năm tội nghiệp, chớm nở hoa, một mình run rẩy trước bầu trời tháng giêng trong nghĩa địa nhà nguyện Braco.

Dân chúng kéo tới đông nhất trên các đường phố quanh Tòa pháp đình, vì biết tin sứ thần xứ Phlăngđơ, vừa tới hôm kia, dự định sẽ xem diễn *mixtero* và bầu

Cuồng dăng giáo hoàng, việc này cũng sẽ tiến hành ở gian đại sảnh.

Hôm đó không để gì vào nổi gian đại sảnh, tuy hồi đó đã nổi tiếng là tòa nhà kín mái lớn nhất trên đời. (Quả thật sử gia Xôvan còn chưa đo gian đại sảnh của lâu đài Môngtargit). Dân tò mò đứng ở cửa sổ, thấy quảng trường Tòa pháp đình đông nghịt người, trông giống như mặt biển, có năm sáu dãy phố hết những cửa sông, mỗi lúc lại đổ ra các đợt sóng đầu người mới. làn sóng người không ngừng dâng to, đập vào những góc nhà nhô ra đây đó như mũi đất giữa lưu vực lô xô của quảng trường. Chính giữa mặt tiền cao vút, kiểu gôtic⁽⁶⁾, của Tòa pháp đình, hai dòng người không ngừng lên xuống cầu thang lớn, gập gập ở bậc tam cấp ngang chừng, tỏa thành những lớp sóng rộng chạy theo hai dốc hai bên, và tôi có thể nói, chiếc cầu thang lớn liên tục tuôn xuống quảng trường như thác đổ vào hồ. Tiếng thét, tiếng cười, tiếng dậm của hàng nghìn bàn chân làm thành tiếng ồn ào và náo động âm ỉ. Thỉnh thoảng, tiếng ồn ào, náo động đó lại rõ lên, đông người xô đẩy nhau về phía cầu thang lớn bị dồn lại, sôi động, quay cuồng. Đó là sự đột nhập của một cung thủ hoặc của con ngựa gã cảnh vệ. Đoàn cảnh binh đang xông đến để giữ gìn trật tự; truyền thống tuyệt diệu mà đoàn cảnh binh đã truyền lại cho Tòa đô thống, Tòa đô thống truyền lại cho đoàn kỵ biến binh và đoàn kỵ biến binh truyền lại cho sở cảnh sát Pari.

Ở cửa ra vào, cửa sổ, cửa mái, trên cả mái nhà, nghìn nghịt hàng nghìn khuôn mặt hiển lành thị dân, bình thân và lương thiện, nhìn tòa nhà, nhìn đám đông và không

đòi hỏi gì hơn nữa; vì rất đông dân Pari vốn quen bằng lòng với cảnh người xem người, nên đã là chuyện rất kỳ lạ khi họ thấy sau bức tường còn sắp diễn ra trò gì đó.

Nếu chúng ta, những người của năm 1830, trong ý nghĩ được phép hòa lẫn với dân Pari của thế kỷ mười lăm và cùng họ lôi kéo, chen chúc, xô đẩy nhau, bước vào gian phòng mệnh mông của Tòa pháp đình, rất chật hôm mùng 6 tháng giêng năm 1482, cảnh tượng sẽ không phải không hấp dẫn và lý thú, và ta sẽ thấy quanh ta toàn những vật cổ hóa ra có vẻ rất mới.

Nếu độc giả đồng ý, chúng tôi thử hình dung lại trong đầu óc cái ấn tượng mà bạn đọc cùng chúng tôi phải cảm thấy, khi bước qua ngưỡng cửa gian đại sảnh giữa đám đông hỗn tạp cả thường phục lẫn nhung y.

Thoạt đầu là tai ù, mắt hoa. Trên đầu, hai tầng vòm hình cung nhọn, lát gỗ chạm khắc sơn màu thanh thiên, thép vàng hoa huệ; dưới chân nền đá hoa xen kẽ trắng đen. Cách vài bước, một cột trụ lớn, rồi cái nữa, lại cái nữa; tất cả bảy cột dọc gian phòng đỡ lấy hai tầng vòm giao nhau ở khoảng giữa bể ngang căn nhà. Quanh bốn cột đầu tiên là các quầy bán hàng, sáng choang ánh thủy tinh và trang kim, quanh ba cột cuối là dãy ghế dài gỗ sồi được mài mòn và sạch bóng bằng ống quần dân kiện cáo và áo chùng quan biện lý. Quanh gian phòng, dọc dãy tường cao, giữa các cửa ra vào, cửa sổ, hàng cột, là một dãy dài bất tận các tượng của tất cả vua Pháp, kể từ Phara-mông; nào vua đại lãn, tay thông thuật, mắt nhìn xuống; nào vua vũ dũng và hiếu chiến, đầu cùng tay hùng hổ hướng lên trời. Rồi các ô kính muôn hồng nghìn tia ở

dây cửa sổ dài hình cung nhọn: là các cánh cửa sang trọng, chạm trổ tinh vi, ở cửa lớn gian phòng; và tất cả, vòm mái, cột trụ, tường nhà, khung cửa, gỗ lát, cửa, tượng, từ chân xuống dưới đều phủ lớp màu vàng xanh lộng lẫy, đã hơi cũ vào lúc ta trông thấy, chúng hầu như hoàn toàn biến mất dưới lớp bụi bặm và mạng nhện của năm công nguyên 1549, mà sử gia Bron theo tập quán vẫn còn khám phục.

Bây giờ ta hãy hình dung gian phòng mệnh mông thuẫn dài đó, sáng cái ánh mờ của một ngày tháng giêng, chật ních đám đông sắc sảo và ồn ào đang men theo dọc tường để xô đến và xoay quanh bảy cột trụ, như vậy ta đã có được ý niệm mơ hồ về bức toàn cảnh mà chúng tôi sẽ gắng miêu tả chính xác hơn về những chi tiết lạ lùng.

Nếu Ravayắc không ám sát vua Hăngri IV, chắc chắn sẽ không có hồ sơ vụ án Ravayắc đặt ở phòng lục sự Tòa pháp đình; sẽ không có bọn tông phạm lo lắng chuyện thủ tiêu các hồ sơ; từ đó, không có bọn đốt nhà bất đắc dĩ, vì chẳng có cách nào hơn là phải đốt phòng lục sự để đốt hồ sơ, và phải đốt Tòa pháp đình để đốt phòng lục sự; tóm lại cuối cùng sẽ không có vụ hỏa hoạn năm 1618. Tòa pháp đình cũ sẽ còn đứng đó với gian đại sảnh: tôi chỉ việc nói với bạn đọc: "Cứ đến đó mà xem"; và cả hai ta sẽ bớt việc, tôi thì phải viết mà bạn lại phải đọc những trang miêu tả như thế này. - Điều đó chứng minh cái chân lý mới mẻ này: các sự kiện lớn đều để lại hậu quả khôn lường.

Đã đành đầu tiên rất có thể Ravayác không có tông phạm, sau nữa nếu tình cờ có chẳng, chúng cũng không dính dáng gì vào vụ hỏa hoạn năm 1618. Còn hai cách giải thích khác nữa xem ra rất hợp lý. Thứ nhất là ngôi sao lớn bùng cháy, rộng một bộ, cao một khuỷu như mọi người đều biết đã từ trên trời rơi xuống Tòa pháp đình vào quá nửa đêm ngày mùng 7 tháng ba. Thứ nhì là bài thơ tứ tuyệt của Têôphim:

*Tất nhiên, quá là trò đáng buồn
Ở Pari, Pháp luật phu nhân,
Vì chúng ăn quá nhiều gia vị,
Tòa pháp đình, chằm lửa đốt luôn.*

Dù có nghĩ gì về ba cách giải thích chính trị, vật lý, thi ca của vụ cháy Tòa pháp đình năm 1618, sự việc, chắc chắn đáng buồn vẫn là vụ cháy. Hiện nay chẳng còn sót lại được mấy tí, nhờ tai họa đó, nhất là như đủ mọi lần trùng hưng liên tiếp khác nhau đã kết liễu nốt những gì đám cháy còn để lại, chẳng còn sót lại được mấy tí của ngôi nhà đầu tiên các vua Pháp ngự, của tòa lâu đài dần anh so với điện Luvro, ngay từ thời vua Philip Lo Ben đã khá cổ xưa rồi, khiến người ta tìm kiếm ở đó vết tích các dinh thự lộng lẫy do vua Rôbe xây dựng và Henganduyt miêu tả. Hầu hết cái đó đã tiêu tan. Còn đâu cung tế tướng, nơi vua Xanh Luy *hợp cẩn*? Đâu vườn ngự uyển Người ngồi xử án, "mặc áo giáp lót lông thú, áo pha len cắt tay, ngoài khoác áo choàng bạch đàn đen, nằm trên thảm, cùng Gioăngvin"? Đâu là cung hoàng đế Xigismông? Đâu cung vua Sáclo IV? Đâu cung Giảng Võ Thô?⁽⁷⁾ Đâu là cầu thang vua Sáclo VI hạ chiếu ân xá?

Đầu thêm điện mà Mácxen từng chém đầu Rôbe Đơ Clémông và nguyên soái Sămpanhô, ngay trước mặt thái tử? Đầu cửa cung từng là nơi xé tan các chỉ dụ của nguy giáo hoàng Bê-nê-dích, từ nơi đó các kẻ mang dụ tới đành quay trở về, chúng bị chế giễu bằng chụp mũ tế, khoác áo lễ, rồi được toàn Pari làm lễ tạ tội? Đầu là gian đại sảnh, được thếp vàng, sơn lam, với vòm cung nhọn, tượng, cột, vòm mái mệnh mông chỉ chít những chạm trổ? Đầu là cung thếp vàng? Đầu con sư tử đá chầu trước ngự môn, đầu cúi gầm, đuôi cụp giữa chân, như đàn sư tử của ngài vua Xalômông, mang tư thế nhẩn nhục thích hợp với ý nghĩa bạo lực trước công lý? Đầu các cửa điện huy hoàng? Các ô kính lộng lẫy? các đóng sắt bịt chạm trổ làm nán lòng cả Bixconeto? các đồ vàng bạc tinh vi của Duy Hăngxy?... Thời gian đã làm gì, con người đã làm gì đối với mọi kỳ quan đó? Tất cả cái đó, tất cả lịch sử xứ Gô-lô, tất cả nền nghệ thuật gô-tích còn để lại cho ta được những gì? Các vòm cung tròn thấp nặng của Đờ Brôx tiên sinh, vị kiến trúc sư vụng về của chính môn Xanh Giécve, đó là cho nghệ thuật; còn với lịch sử, ta có những kỷ niệm lăm lăm của chiếc cột trụ lớn, còn vang các câu lầm nhảm của bọn Patruy⁽⁸⁾.

Thật chẳng còn lại được bao nhiêu. - Ta hãy trở lại gian đại sảnh đích thực của Tòa pháp đình cổ đích thực.

Ở hai đầu của tòa nhà hình bình hành khổng lồ này, một bên chiếc bàn đá hoa trứ danh, rất dài, rất rộng và rất dày, chưa hề thấy bao giờ, như sổ hộ tịch cũ từng ghi, theo kiểu cách khiến Gargântuya⁽⁹⁾ thém rỏ dãi, đời thừa nào có khúc đá hoa to thế; bên kia là nhà nguyện

mà vua Luy XI sai khắc tượng mình quì trước đức mẹ đồng trinh, và bắt chấp hai hốc rỗng không bỏ lại, giữa đây tượng vua, ngài cứ hạ lệnh cất đi các tượng của vua Saclomanhơ và vua Xanh Luy hai vị thánh mà ngài cho là rất được trên trời tín nhiệm đặt làm vua nước Pháp. Nhà nguyện đó còn mới, xây chưa được sáu năm, hoàn toàn theo khiếu thẩm mỹ duyên dáng của lối kiến trúc tinh tế, điêu khắc diệu huyền, chạm trổ tinh vi và sâu sắc, ở ta nó đánh dấu giai đoạn cuối thời đại gôtic và còn tiếp tục mãi đến giữa thế kỷ 16 trong vẻ hoa mỹ kỳ ảo thời phục hưng. Đặt biệt chiếc cửa sổ hoa thị trổ trên cổng chính quả là một kiệt tác tinh vi và diễm lệ; như một ngôi sao băng ren.

Giữa phòng, đối diện với cửa lớn là chiếc bục che giấu kim tuyến kê sát tường, có lối vào đặc biệt bằng một cửa sổ hành lang của gian phòng thếp vàng, nó được dựng lên để dành cho sứ thần xứ Phlăngđơ và các đại thần khác được mời tới xem diễn kịch.

Theo tập quán, bán đá hoa sẽ là nơi diễn kịch. Từ sáng, bàn đá được sửa soạn xong; tấm đá hoa to lớn, chẳng chịt vết chân luật sư, đỡ một sàn gỗ khá cao, mặt trên mà cả phòng có thể trông thấy dùng làm sân khấu, còn phía dưới khuất sau màn che dùng làm phòng hóa trang cho diễn viên. Cái thang kê hờ hênh bên ngoài, nối liền sân khấu với phòng hóa trang, bậc dựng thẳng đứng tha hồ đi lên đi xuống. Không một nhân vật bất ngờ nào, không tình tiết, không kịch tính nào lại không buộc phải leo qua cái thang đó. Quả là thời thơ ấu hỗn nhiên, đáng kính của nghệ thuật và máy móc!

Bốn viên cảnh vệ của Pháp quan Tòa Pháp đình đứng ở bốn góc bàn đá, đó là những kẻ canh gác bắt buộc có mặt ở mọi cuộc vui dân chúng, vào ngày lễ tết cũng như ngày hành binh.

Kịch chỉ bắt đầu diễn khi chiếc đồng hồ lớn treo nơi Tòa pháp đình vang lên giữa trưa đánh xong tiếng thứ mười hai. Chắc diễn kịch như vậy thì quá muộn: nhưng phải chiếu theo giờ giấc của sứ thần.

Thế mà cả đám đông đã chờ suốt từ sáng. Vô số kẻ hiếu kỳ hiển lành đó rét run cầm cập từ từ mờ sáng ở trước bậc thềm lớn Tòa pháp đình: một số còn khẳng định đã nằm suốt đêm trên ngưỡng cửa lớn, để chắc chắn vào lọt được đầu tiên. Đám đông không ngừng lớn dần và như nước tràn, bắt đầu dâng lên dọc tường, loang quanh cột, ngập cả gờ tường, đầu cột, thành cửa sổ, khắp mọi nơi nhô ra của tòa nhà, khắp chỗ nổi lên của điêu khắc. Cho nên sự bức rút, nóng ruột, buồn chán, tự do của một ngày vui thả cửa và điên cuồng, các vụ cãi cọ luôn mồm luôn miệng vì cái khuỷu tay nhọn hoặc chiếc đế giày đóng cá sấu, sự mệt nhọc phải chờ đợi lâu, đã làm cho tiếng ồn ào của đám dân chúng tù hãm quây kín, chen chúc, xô đẩy, ngọt ngọt, trở nên ngoa ngoắt và chua chát, từ khá sớm trước khi sứ thần đến. Chỉ còn nghe thấy tiếng than vãn và nguyên rủa bọn sứ thần, thị trưởng, hồng y giáo chủ Buốcbông, pháp quan Tòa pháp đình, lệnh bà Margorit D'ôtriso, cảnh vệ cầm roi, cái rét buốt, nóng bức, thời tiết xấu, giám mục Pari, Cuồng đảng giáo hoàng, hàng cột, dây tượng, cửa ra vào đóng kín, cửa sổ mở toang; tất cả đều là trò vui cho lũ học trò và lính hầu tàn mạn trong

đám đông, đang chăm chọc và đùa nghịch trước mọi bất bình đó và có thể nói, càng kích động thêm nỗi tức giận chung.

Ngoài ra còn một nhóm quý sư vui nhộn đã đập vỡ kính cửa sổ, táo tợn leo ngồi lên bờ tường, từ đó chúng hết nhòm ngó lại chế giễu cả phía trong lẫn phía ngoài, cả đám đông trong gian đại sảnh lẫn đám đông ngoài quảng trường. Qua cử chỉ nhạo báng, tiếng cười ha ha, tiếng bạn bè giễu cợt gọi nhau từ đầu đến cuối phòng, ta dễ dàng nhận thấy các giáo sinh trẻ đó không chia buồn, chia mệt với khán giả, và để vui thú riêng, họ rất biết lợi dụng cảnh tượng trước mắt để giúp họ kiên nhẫn chờ đợi một cảnh tượng khác.

- Ói giời ời, cậu đây à, *Giôan Phrôlô Đờ Mô-lăngđinô!* một người gọi một gã nhỏ bé tóc hung, mặt mũi xinh xẻo, tinh quái, đang bám vào gờ nóc cột. Cậu đúng tên là Giảng Cối Xay, hai chân hai tay cứ như bốn cánh cối xay quay trước gió. Cậu đến đây từ bao giờ thế?

- Đội ơn quý dữ, *Giôan Phrôlô* đáp, đến đã hơn bốn tiếng rồi, mà mình rất mong chỗ đó sẽ được tính vào thời gian ở luyện ngục. Tôi đã nghe tám ca sĩ của vua Xixin ngâm ngợi tiết dẫu của buổi đại lễ hồi bảy giờ tại nhà nguyện Xanh Sapein.

- Ca sĩ chết tiết gì mà giọng còn nhộn hơn mữ chóp! Trước khi làm lễ cho ngài thánh Giảng, lẽ ra nhà vua phải hỏi xem ngài thánh Giảng có thích tiếng la-tinh được cầu nguyện bằng giọng xứ Prôvăng không đã.

- Chính để nuôi lũ ca sĩ phải gió đó của vua Xixin mà nhà vua đã làm như vậy! một bà già cất tiếng the

thé trong đám đông ở dưới chân cửa sổ. Thử hỏi các vị, ai lại một nghìn đồng livre tiền Pari một buổi lễ bao giờ mà lại trích từ tiền thuế cá biển ở các chợ Pari!

- Im đi, con mụ kia! một nhân vật to béo và bệ vệ nói, đang bịt mũi cạnh mụ hàng cá; nhất định là phải làm lễ rồi. Các người lại muốn nhà vua ốm lại hay sao?

- Ăn nói khá lắm, thầy⁽¹⁰⁾ Ginlo Loconuy, ông lái áo bào lông thú của đức vua ời! Gã học trò bé nhỏ ngồi bám nóc cột nói.

Lũ học trò phá lên cười trước cái tên xấu xí của ông lái áo bào lông thú tội nghiệp của đức vua.

- Loconuy! Gin Loconuy!⁽¹¹⁾ nhiều kẻ gọi âm lên.

- *Cornutus et hirsutus*⁽¹²⁾, một người khác hùa theo.

- Này, tất nhiên rồi! thằng quỉ sứ ngồi ở nóc cột tiếp lời. Có gì mà cười kia chứ? Thấy Gin Loconuy đáng kính, anh em với thầy Giảng Loconuy pháp quan hoàng cung, con trai thầy Mahiét Loco nuy, đệ nhất trấn môn rừng Vanhxen, tất cả đều là thị dân pari, đều lấy vợ từ đời bố đến đời con.

Càng thêm vui nhộn. Ông lái áo bào lông thú to béo, không thêm trả lời nửa câu, gắng tránh con mắt mọi người từ phía nhìn mình; nhưng ông có toát mồ hôi, thò phi phò cũng vô ích: như cái nệm đóng vào gỗ, ông càng cố càng nệm chặt hơn bộ mặt to bè trúng phong, đỏ dừ tíc tíc và giận dữ, vào giữa các bả vai người chung quanh.

Cuối cùng, một người đứng đó, to béo, thấp lùn và cũng trịnh trọng như ông ta, liến can thiệp.

- Thật lão lếu! Học trò mà ăn nói như vậy với một vị thị dân à! Thời trước thì người ta đã lấy củi phang cho một trận rồi thiêu sống luôn.

Tất cả lũ học trò hét toáng lên.

- Ái chà chà! Thằng cha nào dám lên giọng như vậy đấy? Con cú mèo xúi quẩy nào đấy?

- A, tao nhận ra rồi, một gã nói; thầy Angdry Muyxniê đấy mà.

- Vì ông ta là một trong bốn lá sách - tuyên thệ của khu đại học! gã khác tiếp lời.

- Cái gì cũng bốn trong cửa hàng đó, gã thứ ba nói: bốn quốc gia, bốn học viện, bốn ngày lễ, bốn biện lý, bốn tuyến hầu, bốn lá sách.

- Nếu thế, Giảng Phrôlô nói tiếp, càng phải làm loạn chúng nó lên.

- Muyxniê, ta đốt sách của thầy.

- Muyxniê, ta đánh đập gã dầy tớ của thầy.

- Muyxniê, ta giày vò vợ thầy.

- Tức mẹ Udardơ to béo phì nộn.

- Nhưng tươi tắn và vui vẻ như gái góa.

- Quỷ tha ma bắt chúng mày! Thầy Angdry Muyxniê lâu bâu.

- Thầy Angdry - Giảng nói, vẫn bám trên nóc cột - cầm mỏ di, nếu không tao nhảy xuống đầu bây giờ!

Thầy Angdry ngược mắt nhìn, trong giây lát như đo chiều cao chiếc cột, trọng lượng thằng quỷ, thẩm nhân trọng lượng đó với bình phương của tốc độ rồi nín lặng.

Giăng đã làm chủ chiến trường, tiếp tục với vẻ đắc thắng:

- Tao sẽ làm thế đấy, mặc dù tao là em của phó chủ giáo.

- Các vị ở khu đại học mới đẹp mặt chứ! cũng chẳng thêm tôn trọng quyền lợi của chúng ta vào một ngày như hôm nay! thế mà ở khu phố mới, có lẽ trồng cây thối nấm và lửa liên hoan, khu thành cũ có kịch, Cuồng dâng giáo hoàng và sứ thần xứ Phlăngđơ; còn khu đại học chẳng có quái gì cả!

- Thế mà quảng trường Môbe cũng khá rộng đấy chứ! một giáo sinh ngồi chồm hổm trên thành cửa sổ nói.

- Đả đảo hiệu trưởng, các tuyến hấu và biện lý! Gioan thét lên.

- Tối nay phải lấy sách của thầy Angdry nhóm lửa liên hoan ở Săng Gaya mới được, gã kia tiếp lời

- Cả đá sách bọn ký lục! - gã đứng cạnh hùa theo.

- Cả roi bọn phụ giáo!

- Cả ống nhổ bọn khoa trưởng!

- Cả bàn trà bọn biện lý!

- Cả thùng bánh bọn tuyến hấu!

- Cả ghế dầu lão hiệu trưởng!

- Đả đảo! anh chàng Giăng bé nhỏ lại hùa theo! đả đảo thầy Angdry, bọn phụ giáo và bọn ký lục; bọn thần học, bọn thầy thuốc và bọn nghiên cứu thư tín giáo hoàng; bọn biện lý, tuyến hấu và lão hiệu trưởng!

- Thế này thì đến ngày tận thế rồi! Angdry bịt tai, khề nói.

- A, hiệu trưởng đây rồi! Lão ấy đang đi qua quảng trường, một gã đứng trên cửa sổ reo lên.

Ai nấy vội quay lại nhìn ra quảng trường.

- Có đúng là ngài hiệu trưởng đáng kính của chúng ta, thầy Tibô đó không? Giảng Phrêlô Cối xay hơi, vì bám vào cái cột phía trong, nên không nhìn thấy gì ở bên ngoài.

- Phải, phải, tất cả trả lời, đúng lão ta, đúng lão ta rồi, thầy hiệu trưởng Tibô.

Quả thực, đó là hiệu trưởng cùng tất cả quan lại Khu đại học long trọng tới yết kiến sứ thần và lúc đó đang đi ngang qua quảng trường Tòa pháp đình. Lũ học trò chen chúc ở cửa sổ, đón tiếp họ đi qua bằng các lời lẽ cay độc và tràng vỗ tay nhạo báng. Hiệu trưởng dẫn đầu đoàn người, chịu đòn trước tiên; kể cũng khá đau.

- Chào ngài hiệu trưởng! Ai chà chà! chào ngài nhé!

- Cái tay cò bạc khòm này, lão làm thế nào mà đến được đây? Chả lẽ lão chưa đánh xúc xắc rồi sao?

- Xem lão ta lóc cóc cười con la kia! tại la còn ngắn hơn tai lão.

- Ái chà chà! Xin chào ngài hiệu trưởng Tibô! *Tybalde aleator*⁽¹³⁾! Lão ngốc! Quân cò bạc khòm!

- Cậu chúa phù hộ cho ngài! Ngài có đánh bạc suốt đêm qua không?

- Ô! cái mặt già khòm, da chì, nhọt nhọt, thiếu não chỉ vì ham mê cờ bạc và xúc xắc!

- Ngài đi đâu, *Tybalde ad dados*⁽¹⁴⁾, mà quay lưng lại khu đại học và cười la tới khu phố mới thế?

- Chắc lão đi tìm một căn nhà ở phố Tibôtôđê, Giảng Cối Xay hết lên.

Lũ học trò gào to như sấm nhắc lại câu nhạo báng và vỗ tay ran.

- Ngài đi tìm nhà ở phố Tibôtôđê, phải không ngài hiệu trưởng, tay cờ bạc chung lưng với quỷ sứ?

Rồi đến lượt các học quan khác.

- Đả đảo bọn phu giáo! đả đảo bọn môn lại.

- Này, Rôbanh Puxopanh, cái lão kia là lão nào vậy?

- Đó là Ginbe Đờ Xuydy, *Gilbertus de Soliaco*⁽¹⁵⁾, chánh văn phòng trường trung học Ôtoong.

- Này giầy tao đây: mày đứng đó tiện tay hơn; ném vào giữa mặt nó cho tao.

- *Saturnalitias militimus ecce nuces*⁽¹⁶⁾

- Đả đảo sáu nhà thần học mặc áo lễ trắng!

- Đó mà là nhà thần học à? Tao cứ tưởng sáu con ngỗng trắng của thánh bà Gionovieve cho khu phố mới, cho thái ấp Rônhi.

- Đả đảo bọn thầy thuốc!

- Đả đảo những cuộc tranh luận chủ yếu và nhạo báng.

- Cho lão cái mao đây, lão chánh văn phòng trường Xanhto Gionovieve! Chính lão đã phi pháp làm hại ta. - Đứng thế đấy! Lão đem chỗ của tao ở quốc gia Noóc măng

đi trao cho thằng nhóc Axcaniô Phandaxpada người tỉnh Buốcgiô, vì nó người Ý.

- Thế là bất công, lũ học trò nói. Dã đảo chánh văn phòng trường Xanhtrô Gionovievo!

- Này! thầy Gioasim Đờ Ladoho! Này! Luy Dahuylo! Này! Lămbe Hóctomăng!

- Quý bốp cái lão biện lý quốc gia Đức đi! - Bốp luôn cả bọn tư tế ở nhà nguyện Xanhtrô Sapeu với cả mũ xám của chúng: *cum tunicis grisis!*⁽¹⁷⁾

- *Seu de pellibus grisis fourralis!*⁽¹⁸⁾

- Ái chà chà! bọn giáo sư nghệ thuật! Đủ các thứ áo chùng thắm đẹp! đủ các thứ áo chùng đồ đẹp!

- Thành cái đuôi đẹp góm cho lão hiệu trưởng.

- Cứ như quận công xứ Vonido đi dự đám cưới ngoài biển.

- Này Giảng! lũ thầy dòng ở Xanhtrô Gionovievo kia!

- Kệ xác lũ thầy dòng!

- Tu viện trưởng Clôđơ Sôa! tiến sĩ Clôđơ Sôa! Có phải ông định tìm cô Mari La Giphardo đó không?

- Cô ta ở phố Glatinhi kia.

- Nó dọn giường cho trùm dân đang.

- Nó trả bốn đồng *doniê*; *quatuor denarios*⁽¹⁹⁾

- *Aut unum bombum*⁽²⁰⁾.

- Ông có muốn nó trả cả công cho ông không?

- Các bạn ơi! thầy Ximông Xàngganh tuyển hầu xứ Picardi, đeo vợ ở mông la.

- *Pos equitem sedet atra cura*⁽²¹⁾

- Cố lên thầy Ximông!
- Chào ngài tuyển hầu!
- Ngủ ngon nhé, tuyển hầu phu nhân!

- Liệu họ có sung sướng được thấy mọi cái đó không, Giôn Đơ Mỗlăngđinô thở dài nói, vẫn ngồi chót vót giữa đám lá trên nóc cột.

Trong khi ấy Angdry Muxniê, lái sách tuyên thệ Khu đại học, ghé tai nói với thầy Ginlo Loco-nuy, ông lái áo bào lông thú của đức vua:

- Thưa ông, tôi đã bảo đến lúc tận thế rồi mà. Không bao giờ lại thấy học trò ngỗ nghịch quá như vậy. Chính các phát minh khốn nạn của thế kỷ này đã làm hư hỏng hết. Pháo binh, đại bác, thần công và nhất là ấn loát, một thứ dịch hạch khác của nước Đức. Không còn bản viết tay, không còn sách nữa! Nghề in giết nghề sách. Đúng là tới lúc tận thế rồi.

- Cứ nhìn vào đà tiến bộ của vại nhưng thì tôi cũng thấy thế, bác lái da lông thú nói.

Giữa lúc đó, chuông đồng hồ điểm giữa trưa.

- Ah... tất cả đám đông đồng thanh reo lên. Lũ học trò nín lặng. Rồi họ xô đẩy nhau hỗn loạn, tha hồ đạp chân húc đầu, ai nấy mặc sức ho ran, loạt xoạt khăn tay; mỗi người tự thu xếp, chiếm chỗ, kiễng chân, tụ tập; thế rồi im phăng phắc; mọi cần cổ vươn mãi ra, mọi cái mồm há hốc, mọi cặp mắt đều nhìn phía bàn đá. Vẫn chẳng có gì. Bốn cảnh vệ của pháp quan vẫn đứng đó, im lìm và cứng đờ như bốn pho tượng quét sơn. Mọi cặp mắt quay lại nhìn cái bọc dành cho sứ thần xứ Plăngđơ. Cửa

vẫn đóng, bục vẫn trống không. Từ sáng, đám đông chờ đợi ba điều: buổi trưa, sứ thần xứ Phlăngđơ, vở kịch. Chỉ có mình buổi trưa đến đúng giờ.

Thế này thì thật quá đáng.

Mọi người đợi thêm một, hai, ba, năm, mười lăm phút; cũng chẳng có gì. Bục vẫn vắng ngắt, sân khấu im ắng. Thế rồi tức giận thay thế cho kiên nhẫn. Đúng là giọng nói tức tối mới lan đi nhẹ nhàng. "Diễn kịch đi!" mọi người khê kêu lên. Các đầu óc sục sôi. Con đông tố, mới đang ầm ỉ sôi động, phảng phất trên đầu đám đông. Chính Giảng Cối Xay dấy lên tia lửa đầu tiên.

- Diễn kịch đi thôi, kẹ xác bọn sứ thần! Hấn lấy hết hơi sức gào lên, quần quai như con rắn quanh đầu cột.

Đám đông vỗ tay, nhắc lại:

- Diễn kịch đi, mặc xác bọn sứ thần!

- Diễn ngay kịch cho mọi người xem đi; nếu không, theo tao, cứ treo cổ lão pháp quan Tòa pháp đình lên, thay cho hài kịch và moralité, gà học trò lại thét lên.

- Đúng đấy, dân chúng gào lên, ta hãy bắt đầu treo cổ bọn cảnh vệ trước đã.

Tiếp theo là tiếng hoan hô nhiệt liệt. Bốn gã khốn khổ tội nghiệp tái mặt và nhìn nhau. Đám đông chuyển động về phía chúng và bốn gã đã thấy chiếc hàng rào gỗ mỏng mảnh ngăn cách với bên ngoài đang cong lại và phình ra trước đám đông xô đẩy.

Giây phút thật nguy nan.

Làm cỏ! Làm cỏ sạch! từ phía reo lên.

Vừa vặn lúc đó, tấm màn che phòng hóa trang mà chúng tôi đã tả ở trên, được nhấc lên và một người bước ra, chỉ nhìn thấy người đó đám đông đột nhiên ngừng ngay lại và như hóa phép biến tức giận thành tò mò.

- Im lặng! im lặng!

Người đó rất lúng túng và run như cây sậy, bước tới rìa bàn đá, chào đi chào lại mãi, càng đến gần càng như người gập gồi chào.

Trong lúc đó, yên tĩnh dần dần trở lại. Chỉ còn tiếng lao xao mà bất cứ đám đông im lặng nào cũng có. Y nói:

- Thưa quý vị thị dân nam nữ, chúng tôi được hân hạnh xướng tụng và trình diễn trước đức hồng y một vở moralité tuyệt tác, mang tên. *Sự phán xét tối lành của đức bà đồng trinh Mari*. Chính tôi đóng vai Giuypite. Đức ông hiện đang tháp tùng đoàn sứ thần rất đáng kính của ngài công tước Ôtriso, đoàn sứ thần giờ này lại đang bận nghe diễn văn của ngài hiệu trưởng trường đại học, ở cổng Bôdê. Chúng nào đại đức giáo chủ tối, chúng tôi xin bắt đầu.

Rõ ràng, ít nhất cũng phải có sự can thiệp của Giuypite mới cứu nổi bốn viên cảnh vệ khốn khổ của pháp quan Toa pháp đình. Nếu chúng tôi được cái hạnh phúc bịa đặt câu chuyện rất thật này do đó phải chịu trách nhiệm trước đức bà phê bình, lúc này không hề chống lại chúng tôi nếu ai đó nhắc tới câu ngạn ngữ cổ điển: *Nec deus interst*⁽²²⁾. Và lại bộ quần áo của thượng đế Giuypite rất đẹp và cống hiển phần không nhỏ vào việc làm người đám dân chúng đang mãi mê ngắm nghía nó. Giuypite mặc áo giáp phủ nhung đen tán dĩnh vàng chói; ngài trùm mũ

sắt bịt mặt đem khuy bạc mạ vàng; và nếu không có lượt phân hồng và bộ râu to xù mỗi thứ che một nửa mặt, nếu không có cuộn bìa vàng chóa điểm kim nhũ, lò xo dài lụa trang kim ngài cầm trong tay mà con mắt thông thạo dễ dàng nhận thấy ngay đó là sét, nếu không có đôi chân màu da thịt và quần băng theo kiểu Hi-lạp, với cách ăn mặc trang nghiêm đó, ngài đã có thể xứng đáng so sánh với một cung thủ xứ Brotanơ của đội quân ngài Bery.

II. PIE GRINGOR

Tuy nhiên, trong khi hắn nói về bằng lòng thần phục đồng loạt do bộ quần áo gọi lên, tan dần theo lời nói; và khi hắn đi tới câu kết luận vô phúc: "Chùng nào đại đức giáo chủ tới, chúng tôi xin bắt đầu", tiếng hò hét như sấm dậy liền át hẳn lời hắn.

- Bắt đầu lập tức đi thôi! Diễn đi! Diễn ngay đi thôi! Dân chúng gào lên. Và nghe thấy tiếng *Giôan Đơ Môlăngđinô* vang to hơn mọi giọng, chọc thủng tiếng ồn ào như tiếng sáo trong dàn nhạc om sòm ở Nim:

- Bắt đầu ngay đi thôi! gã học trò rít lên.

- Đả đảo Giuypite và giáo chủ Buốcbông. Rôbanh Puxopanh cùng các giáo sinh khác trèo trên cửa, chửi ầm lên.

- Diễn ngay về moralitê đi! Đám đông hòa theo. Ngay lập tức! Ngay tức khắc! Chém đầu và treo cổ bọn kếp hát cùng giáo chủ!

Thân Giuypite tội nghiệp, ngo ngác run sợ, tái mét mặt dưới lớp phấn hồng, đành hạ uy sấm sét, cầm lấy chiếc mũ sắt bịt mặt; rồi hần chào và lắp bắp nói: "Đức ông... các sư thân... lệnh bà Margorit Đờ Phlăngđơ..." Hần không biết nói gì hơn. Trong thâm tâm, hần sợ bị treo cổ.

Chờ thì bị dân đen treo cổ, không chờ thì bị giáo chủ treo cổ, cả hai bên đều là vực thẳm, tức giá treo cổ.

May thay có người tới cứu nguy cho hần và gánh lấy trách nhiệm.

Một người đứng bên kia hàng rào, giữa khoảng trống quanh bàn đá, chưa ai trông thấy vì dáng người cao và gầy khuất sau chiều ngang chiếc cột hần tựa, đã hoàn toàn tránh mọi tia mắt, người đó, như ta nói, cao lớn gầy gò, xanh xao, tóc hung, còn trẻ, mặc dấu trần và má nhẵn nhéo, mắt sáng long lanh, miệng tươi cười, mặc áo vải xec đen đã sờn rách và nhẵn bóng vì cũ, lại gần bàn đá và vẫy gọi gã nạn nhân khốn khổ. Nhưng hần đang cuống quýt nên không nhìn thấy.

Người mới tới tiến thêm bước nữa: - Giuypite! anh ta gọi, anh bạn Giuypite thân yêu ơi!

Gã kia vẫn chẳng nghe thấy

Cuối cùng chàng tóc hung cao lớn sốt ruột, gần như quát lên trước mũi hần:

- Misen Giborno!

- Ai gọi tôi đấy? Giuypite hỏi, như giật mình bùng tỉnh

- Tôi người mặc áo đen đáp.

- A! Giuypite thốt lên.

- Cứ diễn ngay đi, chàng trai nói. Hãy chiều lòng dân chúng. Rồi tôi sẽ xin với ngài pháp quan, ngài sẽ xin lại với đức giáo chủ.

Giuypite thở phào

- Thưa quý ngài thị dân, hấn gân cổ gào lên trước đám đông tiếp tục ề hấn, chúng tôi xin bắt đầu diễn ngay.

- *Evoe, Juppiter! Plaudite, cives*⁽¹⁾ Lũ học trò reo lên

- Nôen! Nôen!⁽²⁾ dân chúng hò theo.

Thế là tiếng vỗ tay vang dậy như sấm và Giuypite đã quay vào sau màn che mà gian phòng còn rung chuyển tiếng hoan hô.

Trong lúc đó, con người vô danh đã thần kỳ chuyển *bão táp thành sóng lặng gió êm*, như ông lão Cornây thân yêu của ta từng nói, đã khiêm tốn quay lại chỗ bóng tối chân cột, và chắc sẽ đứng đó vô hình, bất động và câm lặng như trước, nếu không bị hai thiếu nữ kéo lại, họ đứng ở hàng đầu khán giả, đã trông thấy chàng bàn bạc với Misen Giborno - Giuypite.

- Thấy oi, một cô gọi, vẫy chàng lại gần...

- Thôi im đi, chị Liênardơ ơi, cô bạn đứng cạnh nói, cô ta xinh đẹp, tươi tắn và rất bạo dạn vì ăn mặc rất đẹp. Anh ta không phải giáo sinh mà là người thế tục, cho nên không được gọi là thấy oi, mà phải gọi ông ơi.

- Ông ơi, Liênardơ gọi.

Kẻ vô danh bước lại gần hàng rào.

- Các cô cần gì tôi ạ? chàng ta niềm nở hỏi

- Ô, không! Liênardơ ngưng ngừng nói, chị bạn em là Gixkét La Giảngxiên muốn nói chuyện với anh thôi ạ

- Không đâu, Gixkét dõ mặt cãi lại; chính Liênađo gọi anh: thấy ời; em mới bảo nó là phải gọi: ông ời.

Hai cô gái nhìn xuống. Chàng kia không mong gì hơn được bất chuyện nên tươi cười nhìn hai cô:

- Thế các cô không cần gì đến tôi à?

- Ô, không! Gixkét trả lời.

- Không a, Liênađo đáp.

Chàng trai tóc hung cao lớn bước lên định bỏ đi. Nhưng hai cô gái tò mò lại không muốn bỏ lỡ thời cơ

- Ông ời, Gixkét vội nói, bỗng bột như cống được thoát nước hoặc như đàn bà đã thuận lòng, thế ra ông quen anh lính sắp đóng vai đức bà đồng trình trong vở kịch?

- Chắc cô định nói sắm vai Giuypite? chàng vô danh hỏi lại.

- À! vâng, Liênađo đỡ lời, nó thật là ngốc! Thế anh quen Giuypite à

- Misen Giborno phải không? Chàng vô danh hỏi lại: thua tiểu thư, vâng.

- Râu anh ta mới rậm chứ! Liênađo nói.

- Vở họ sắp diễn đó, liệu có hay hay không? Gixkét rụt rè hỏi.

- Thưa cô, rất hay, chàng vô danh không chút do dự trả lời luôn.

- Thế sắp diễn vở gì vậy? Liênađo hỏi

- Thưa cô, xin thưa đó là vở *moralité*. Sự phán xét tốt lành của Đức bà đồng trình.

- Ô! Vở khác rồi. Liênađo nói

Tiếp theo là phút im lặng ngắn ngủi. Chàng vô danh lên tiếng:

- Vô moralité này mới tinh, chưa từng diễn bao giờ

- Hóa ra không phải vô đã diễn cách đây hai năm, Gixkét nói, vào cái hôm nghênh tiếp ngài khâm sai của giáo hoàng và có cả ba cô gái đẹp sắm vai...

- Các nàng tiên cá. Liênarđo nói.

- Và tất cả trần truồng, chàng trai nói.

Liênarđo e thẹn cúi nhìn xuống. Gixkét nhìn cô và cũng cúi theo. Chàng vô danh tươi cười nói tiếp:

- Vô này cũng sẽ vui lắm. Hôm nay là một vô moralité viết riêng cho lệnh bà tiểu thư xứ Phlăngđơ.

- Thế họ có hát dân ca không? Gixkét hỏi.

- Xì! chàng vô danh nói, làm gì có trong vô moralité! Không nên lẫn lộn thể loại như vậy. Giá là một vô xốt thì đã đành.

- Thật đáng tiếc, Gixkét nói. Hôm đó ở với nước Pôngxô có những ông bà dư tợn đánh nhau, họ còn làm nhiều động tác, vừa hát những bài thánh ca ngắn và dân ca.

- Cái đó thích hợp với một vị khâm sai của giáo hoàng nhưng lại không thích hợp với công chúa, chàng vô danh lạnh nhạt nói.

- Gần họ lại còn nhiều nhạc cụ trầm đưa nhau chơi, đánh những giai điệu rất du dương. Liênarđo nói.

- Còn để giải khát khách qua đường. Gixkét tiếp lời, vôi nước chia làm ba miệng phun ra nào rượu vang, nào sữa, nào rượu mùi, ai muốn uống tùy thích.

Tăng lữ, Quý tộc và hàng hóa tới ngồi nghỉ trên tấm bàn đá hoa ở Tòa pháp đình, tuôn ra trước mặt đám thánh giả hiển lành tất cả các tục ngữ, châm ngôn, như vẫn thường phụng phí ở các cuộc thi cử hồi đó của Viện nghệ thuật về ngụ biện, phương thức, hình tượng và hồi cảnh, nơi các thầy giành lấy mũ mào văn bằng học sĩ.

Quả là mọi cái đó đều hay tuyệt.

Tuy nhiên, trong đám đông mà bốn vai biểu tượng đang đua nhau tuôn ra hàng tràng ví von, không có vành tai nào chăm chú, trái tim nào hồi hộp, con mắt nào ngơ ngác, cái cổ nào vươn ra bằng con mắt, vành tai, cái cổ và trái tim của tác giả, thi sĩ, chàng Pie Gringoa trung thực, một lát trước đây đã không nén nổi vui sướng xưng danh với hai cô gái xinh đẹp. Chàng bước xa các cô vài bước, trở lại đứng sau cột, từ đó chàng lắng nghe, ngắm nhìn, thưởng thức. Tiếng vỗ tay hoan hỉ chào đón khúc giao đầu vẫn còn vang động trong lòng và chàng hoàn toàn đắm mình vào cảnh say sưa ngây ngất khi tác giả thấy tư tưởng mình từ miệng kếp hát được gieo từng tiếng một xuống đám thánh giả đông đảo đang im phăng phắc. Vinh dự thay Pie Gringoa!

Nói ra thật đau lòng nhưng phút say sưa đầu tiên chẳng mấy chốc bị quấy rối. Gringoa vừa mới ghé môi vào chiếc cốc đầy men hoan lạc và thắng lợi đó, một giọt chua cay đã hòa lẫn ngay vào.

Một gà ăn mỳ rách rưới, bị át giữa đám đông, chẳng kiếm chác được gì, và chắc không tìm thấy khoản bồi thường đầy đủ ở trong túi những người chung quanh, đã nghĩ cách trèo lên một chỗ dễ thu hút các cặp mắt và

Sau khi đón nhận tiếng vỗ tay rào rào đáp lại cử chỉ cúi chào, giữa im lặng thiêng liêng, bốn nhân vật cất tiếng giáo đầu, mà chúng tôi sẵn sàng tha cho bạn đọc khỏi phải nghe. Và lại, đến nay cũng vẫn thế thôi, công chúng thường chú ý đến quần áo họ mặc hơn vai trò họ sắm; mà thực ra, thế là phải. Cả bốn người đều mặc áo bào nửa vàng nửa trắng, chỉ khác nhau ở loại vải; cái thứ nhất bằng gấm thêu kim tuyến và ngân tuyến, cái thứ hai bằng lụa, cái thứ ba bằng len, cái thứ tư bằng vải. Nhân vật thứ nhất tay phải cầm kiếm, nhân vật thứ hai cầm hai chìa khóa vàng, người thứ ba cầm cái cân, người thứ tư cầm cái mai; và để giúp cho các đầu óc lười biếng không nhìn thấy rõ qua những trang trí trong suốt đó, ta có thể đọc các dòng chữ thêu to đen dưới vạt áo gấm. *Ta tên là Quý tộc*; dưới vạt áo lụa, *ta tên là Tăng lữ*; dưới vạt áo len, *Ta tên là Hàng hóa*; dưới vạt áo vải, *Ta tên là cây bừa*. Hai biểu tượng nam giới được chỉ dẫn rõ ràng cho mọi khán giả đứng đắn biết bằng vạt áo ngắn hơn và chiếc mũ mềm đội trên đầu, còn hai biểu tượng nữ giới, mặc áo dài hơn, đội khăn.

Cũng phải hết sức vô tình ác ý mới không nhận ra, qua đoạn thơ giáo đầu, là cây bừa kết hôn với hàng hóa và Tăng lữ kết hôn với Quý tộc, cả hai cặp vợ chồng sung sướng đó đều có chung một thái tử bằng vàng tuyệt đẹp mà họ dự định chỉ gán ghép cho cô nàng nào đẹp nhất. Cho nên họ đi lang thang khắp nơi để tìm kiếm và cần gấp giai nhân, sau khi lần lượt loại bỏ nữ vương nước Goncôgđo, quận chúa xứ Trêbidôngđo, công chúa của Đại hãn nước Thất đất, vân vân và vân vân..., Cây bừa và

- Thục mà! Thi sĩ khê hăng giọng đáp: tức là chúng tôi có hai người: Giảng Mác-săng thì xẻ ván, dựng khung sân khấu và lát gỗ, còn tôi viết vở. Tên tôi là Pie Gringoa.

Tác giả *Lo Xit* cũng không thể xưng danh kiêu hãnh hơn: *Pie Cornây*.

Bạn đọc hẳn nhận thấy thời gian đã trôi qua khá lâu, kể từ lúc Giuypite chui vào sau tấm màn che tới khi tác giả vở *moralité* mới, bất thần xưng danh trước sự khâm phục ngây thơ của Gixkét và Liê-nardô. Có điều kỳ lạ: tất cả đám đông, vài phút trước còn sôi sục, giờ đây thật từ tốn, tin vào lời gã kép hát; nó chứng minh cái chân lý vĩnh cửu và hàng ngày vẫn được thử thách tại các nhà hát ở ta, rằng cách tốt nhất khiến công chúng kiên nhẫn chờ đợi là khẳng định sắp bắt đầu ngay lập tức.

Dù sao, gã học trò Giôn vẫn không ngủ.

- Ai chà chà! - Hẳn đột nhiên thét lên giữa không khí im ắng chờ đợi tiếp sau phút nhón nháo - này Giuypite, Đức bà đồng trinh, lữ hệ xiếc của quý sử! Chúng mày định xỏ à? Diễn đi! Diễn đi thôi! Bắt đầu ngay đi không chúng ông lại ra tay bây giờ.

Nhưng chẳng cần phải làm đến như vậy

Tiếng nhạc khi trầm bỗng nổi lên ở phía trong sân khấu, rồi tấm màn vén lên; bốn nhân vật quần áo và phấn son sắc sỡ đi ra, trèo lên cái thang thẳng đứng của sân khấu, tới sàn trên, liền xếp hàng trước công chúng, cúi rạp xuống chào; khúc hòa tấu liền im bặt. Vở kịch bắt đầu.

- Còn ở dưới vòi nước một tí, Liénarđo nói luôn, ở nhà thờ Ba ngôi lại có cảnh thương khó bằng người mà không nói.

- Ừ, mình nhớ ra rồi! Gixkét reo lên: Chúa đóng đinh câu rút, và hai tên vô lại ở bên phải và bên trái!

Đến đây, các cô gái ba hoa, sôi nổi, nhớ tới cuộc nghênh đón ngài khâm sai của giáo hoàng, đua nhau cùng nói:

- Còn ở đằng trước, chỗ cổng họa sĩ, có nhiều người khác ăn mặc rất sang trọng.

- Còn ở vòi nước Xanh Inôxăng, lại có gã đi săn đuổi theo con huơu cái giữa tiếng chó sủa và tiếng kèn âm ỉ!

- Còn ở cửa hàng thịt Pari là những giá treo cổ tượng trưng cho nhà ngục Diéppo!

- Còn khi ngài khâm sai đi qua, này Gixkét có nhớ không, mọi người xông lên và tất cả bọn người Anh đều bị treo cổ.

- Còn cạnh cổng Satolê, có rất nhiều nhân vật lộng lẫy!

- Còn trên cầu Hối đoái, phía trên san sát là người!

- Còn khi ngài khâm sai đi qua, trên cầu họ thả tới hơn hai trăm tá đủ loại chim; thật là tuyệt, Liénarđo nhĩ.

- Hôm nay còn hay hơn, anh chàng tiếp chuyện, như buộc phải kiên nhẫn nghe họ kể, cuối cùng xen vào.

- Anh tin chắc là vở này hay à? Gixkét hỏi.

- Tin chắc chứ, chàng trai trả lời; rồi anh ta hơi huênh hoang nói tiếp: Thưa quý cô, chính tôi là tác giả đó.

- Thực ư? các thiếu nữ hết sức sùng sốt hỏi.

của bố thí. Cho nên, vào lúc ngâm những câu thơ đầu tiên của khúc giáo đầu, hấn liền bám vào những cột của chiếc bục dành riêng và đã treo lên tới gần đỉnh cột chắn phía dưới hàng lan can, rồi ngồi đó, áo quần rách rưới và vết loét ghê tởm trên cánh tay phải, hấn cầu mong các ông các bà chú ý rủ lòng thương hại. Thực ra, hấn chẳng nói câu nào.

Vì hấn im lặng nên đoạn giáo đầu được trót lọt và chắc cũng sẽ không có sự hỗn độn nào đáng kể, nếu mà quỉ không xui khiến gã học trò Gioan từ trên cột, chột nhìn thấy thằng ăn mày và mọi trò về của nó. Gã thanh niên kỳ cục phá lên cười như điên, bất chấp chuyện ngăn trở vở kịch và phá rối im lặng chung, hấn vui vẻ kêu lên:

- Kia! Cái lão hành khất đang xin ăn!

Ai từng ném hòn đá xuống cái ao đầy ếch nhái hoặc bắn phát súng vào giữa đàn chim, chắc hiểu được hiệu quả câu nói kịch côm đó giữa lúc mọi người đang chăm chú xem. Gringoa giật nảy người như bị chuyển điện. Đoạn giáo đầu ngừng lại mọi người nhấp nhóm quay đầu nhìn thằng ăn mày, nó không chút bối rối, thấy ngay đây là dịp may hiếm có để gạt hái, nên toét miệng cười phẩn chấn. Lím dìm đôi mắt:

- Lay ông lay bà, bố thí cho con!

- O này, chết thật, hóa ra Clopanh Truiophu, Gioan nói. Ai chà chà! Anh bạn, thế ra cái vết loét ở cẳng chân làm phiền nên anh bạn mới chuyển nó lên cánh tay chứ gì?

Nói xong, hấn khéo léo như khi, vút đồng chinh vào chiếc mũ phớt bắn trong cánh tay đau của tên ăn mày

chỉ ra. Nó lặng lẽ nhận cả tiền lẫn câu nói cay độc, và tiếp tục kêu van thê thảm:

- Lay ông lay bà, bố thí cho con!

Trò đó đâm ra mua vui rất nhiều cho thính giả và vô số khán giả, với Rôbanh Puxopanh cùng cả học sinh đầu tiên, vui vẻ vỗ tay hoan hô cuộc đối thoại kỳ quái vừa ứng tác, ngay nửa chừng giáo đầu, giữa gã học trò giọng the thé và gã ăn mày lải nhải van xin.

Gringoa rất bực mình. Thoạt đầu sùng sốt rồi trấn tĩnh lại, chàng ra sức quát tháo bảo bốn vai trò trên sân khấu: - Cứ diễn đi! khổ lắm, cứ diễn tiếp đi! - không thèm khinh bỉ liếc nhìn hai thằng phá quấy.

Giữa lúc đó, chàng thấy có người kéo vạt áo; chàng quay lại, hơi cúi kính, rồi vội gượng cười. Tất nhiên, phải thế thôi. Vì đó là cánh tay xinh đẹp của Gixkét La Giảngxiên lướt qua hàng rào, tìm cách làm chàng chú ý tới.

- Thưa ông, cô gái hỏi, họ có diễn tiếp không ạ?

- Có chứ, Gringoa trả lời, hơi bực mình vì câu hỏi.

- Thưa ông, cô nói tiếp, nếu vậy nhờ ông vui lòng cắt nghĩa hộ...

- Những điều họ sắp diễn chứ gì? Gringoa ngắt lời. Đây, thế này nhé!

- Không, Gixkét nói, cắt nghĩa những điều họ vừa mới diễn kia.

Gringoa giật nảy người, như có ai chọc vào vết thương rỉ máu.

- Cái con bé ngu ngốc, gần đỡ chết tiệt! Chàng lắm bầm nói.

Kể từ lúc này, Gixkét biến khỏi đầu óc chàng.

Trong khi đó, các đào kép đã tuân theo mệnh lệnh của chàng, còn công chúng thấy họ diễn tiếp, lại lắng nghe, kể ra cũng bỏ sót mất khối chỗ hay, vào cái khúc nối ghép giữa hai đoạn của vở kịch bị bất thần ngắt quãng. Gringoa thăm chua chát nghĩ vậy. Thế nhưng trật tự dần dần trở lại, gã học trò lặng thinh, tên ăn mày đếm tiền trong mũ và vở kịch lại lôi cuốn mọi người.

Thực tình đó là một tác phẩm rất hay, nếu sửa chữa qua loa, chắc hẳn đến nay vẫn có thể còn dùng được tốt. Phần giao đãi, hơi dài và hơi rỗng, nghĩa là đúng theo qui tắc, thật đơn giản và trong thánh thất ngây thơ của thâm tâm, Gringoa khâm phục vẻ sáng sủa của nó. Như mọi người đều đoán biết, bốn nhân vật biểu tượng có hơi một mối vì sau khi đi khắp ba phần thế giới mà vẫn chưa tìm ra được người xứng đáng để gửi gắm thái tử vàng. Giữa lúc đó là lời ca ngợi của con cá kỳ diệu, với muôn vàn ám chỉ tính tế về vị hôn phu trẻ trung của Margorít Đờ Phlăngđơ lúc này đang vô cùng buồn bã ẩn dật ở Amboador, và hoàn toàn không ngờ cày bừa và tăng lữ, quý tộc và hàng hóa đã vì mình vừa dạo vòng quanh thế giới. Vị thái tử kể trên quả là trẻ, là đẹp, là khỏe và nhất lại là con của sư tử Pháp (nguồn gốc đẹp đẽ của mọi đức tính đế vương!). Tôi xin tuyên bố hình ảnh ví von táo bạo đó thật tuyệt diệu và lịch sử tự nhiên của sân khấu, vào một ngày của biểu tượng và chúc hôn thi đế vương, không hề sợ hãi một thái tử con của sư tử.

Chính những pha trộn hiểm hoi và cầu kỳ đó đã xác nhận nhiệt tình. Dù sao, gọi là để góp phần phê bình, thì sĩ chỉ nên phát triển ý thơ tài tình đó dưới hai trăm câu thôi. Đã đành, theo lệnh ngài đô trưởng, vở kịch phải kéo dài từ mười hai giờ trưa đến bốn giờ chiều, cho nên nhất định phải nói năng gì đó. Và lại, mọi người đều kiên nhẫn nghe.

Bỗng nhiên, giữa lúc cô nương hàng hóa và lệnh bà Quý tộc đang cãi nhau, khi ngài cày bừa ngâm câu thơ bay bướm:

Khó thấy trong rừng con vật nào đặc thặng hơn; thì cánh cửa chỗ bực dành riêng, từ này đến giờ vẫn ngang chướng đóng kín, bỗng mở ra càng ngang chướng hơn; và giọng nói sang sảng của viên mô tòa bất thần rao lên: Đức ông hồng y giáo chủ Buốcbông.

III. ĐỨC HỒNG Y GIÁO CHỦ

Tội nghiệp thay Gringoa! tiếng pháo kếp to tướng nhất loạt nổ ran trong ngày lễ Xanh Giăng, tiếng vang rền của hai mươi xạ thủ súng hỏa mai tiếng nổ của khẩu thần công kỳ diệu ở tháp Bily vào ngày chủ nhật 29 tháng 9 năm 1465, trong lần vây hãm Pari, một lúc giết chết bảy tên Buốcgônho, tiếng nổ của tất cả thuốc súng tồn kho ở cổng đền vào giữa giờ phút long trọng và bi tráng này, cũng không làm chàng diếc tai bằng cái câu ngắn ngủi từ miệng mô tòa tuôn ra: *Đức ông hồng y giáo chủ Buốcbông.*

Chẳng phải Pie Gringoa sợ hoặc khinh gì đức hồng y giáo chủ. Chẳng vốn không có thói hèn nhát hoặc thói láo xược đó. Là phần tử chiết trung chân chính như ta thường gọi ngày nay, Gringoa thuộc loại tâm hồn cao thượng và kiên quyết, mực thước và bình tĩnh, bao giờ cũng biết giữ phải chăng *stare in dimidio rerum*⁽¹⁾, đầy lý tính và triết lý tự do mà vẫn biết coi trọng giáo chủ. Nói giống quý báu và không bao giờ dứt đoạn của những triết gia, đã được sự khôn ngoan, giống như một Arian⁽²⁾ khác trao cho cuộn chỉ để họ tháo gỡ từ buổi khai thiên lập địa mà đi qua mê cung của nhân tình thế thái. Thời nào cũng gặp lại họ, bao giờ họ cũng giống nhau, nghĩa là luôn luôn gặp, tùy theo mỗi thời. Và chưa cần kể tới anh chàng Pie Gringoa đại diện cho họ vào thế kỷ thứ mười lăm, nếu ta có thể trả lại cho chàng cái thanh danh xứng đáng đó, chắc hẳn chính tinh thần họ đã động viên cha Duy Bron khi cha viết vào thế kỷ thứ mười sáu những lời cao cả ngay thơ này, xứng đáng với mọi thế kỷ: "Đứng về quốc gia, tôi là dân Pari, còn đứng về ngôn ngữ, tôi là Parixian vì *Parrhisia* theo tiếng Hy-lạp có nghĩa là tự do ăn nói: tôi cũng sử dụng quyền tự do ăn nói ngay cả với chủ đức ông hồng y giáo chủ, chủ bác và anh em với đức ông quận công Công ty: tất nhiên là vẫn tôn trọng địa vị cao quý của các vị và không hề xúc phạm đến ai trong đám tùy tùng, vốn rất đông".

Cho nên chẳng phải vì thù ghét giáo chủ hoặc khinh bỉ sự có mặt của người mà Pie Gringoa có cảm giác khó chịu. Trái hẳn lại, anh chàng thì sĩ thừa đủ lương tri và mang chiếc áo khoác quá tả rồi, nên không thể không đặc

biệt quan tâm tới việc nhiều ví von trong đoạn giáo dẫu, đặc biệt là sự ngợi ca thái tử con trai sự tử Pháp, được lọt vào tai đại đức ông. Nhưng quyền lợi vốn không thống trị trong bản chất cao thượng của thi sĩ. Nói giả dụ thực thể của thi sĩ được thể hiện bằng con số mười, chắc chắn nhà hóa học, như Rabole nói, trong khi phân tích và bào chế, sẽ thấy nó gồm một phần quyền lợi lẫn chín phần tự ái. Thế mà, đúng lúc của mở ra cho cho giáo chủ đi vào, chín phần tự ái của Gringoa đang sung phồng và nung mủ trước làn gió của quần chúng ái mộ, đang trong tình trạng phát triển thần tốc, có thể nói nó đe bẹp luôn mất tằm chút phần tử quyền lợi tí tẹo mà vừa nãy ta đã nhận thấy trong câu tạo của thi sĩ; tóm lại, đó là vị thuốc quý, là vật dìm nặng của thực tế và nhân đạo mà không có nó, thi sĩ không thể chạm chân xuống đất. Gringoa vui sướng cảm thấy, nhìn thấy, có thể nói sẽ thấy toàn thể cuộc họp mặt, đã dành họ toàn là người hèn hạ, nhưng sá gì khi họ đang sưng sò, mê mết, gần như nghẹt thở trước những tràng dài từ dằng dặc vô biên, mỗi lúc lại tuôn ra từ mọi phần của vỏ chúc hôn thi. Tôi khẳng định chính chàng cũng lây phần vui sướng chung, và trái với La Phôngten, trong buổi trình diễn vở hài kịch của ông là *Phlorăngtanh*, đã hỏi: *Không biết cái thằng mất dạy nào đã viết vở sử thi này?* Gringoa sẽ sẵn sàng hỏi ngay người đứng cạnh: kiệt tác này của ai vậy? Bây giờ ta có thể thấy việc giáo chủ tới đột ngột và không đúng lúc như vậy đã tác động thế nào đến anh ta.

Điều anh ta lo sợ còn diễn ra tệ hơn thế. Thính giả đã náo động khi đức ông bước vào. Mọi cái đầu đều quay

nhìn phía bụi. Không còn nghe thấy gì nữa. - Giáo chủ! Giáo chủ! Mọi cái mồm xôn xao. Đoạn giáo đầu khốn khổ ngừng lại lần thứ hai.

Hồng y giáo chủ dừng lại một lát trên ngưỡng bụi. Trong khi ngài nhìn thính giả khá lạnh lùng, sự huyền não càng tăng. Ai cũng muốn nhìn rõ ngài. Cứ thế họ đua nhau nghển mồm cổ qua vai người khác.

Quả thực đây là một nhân vật cao cấp đáng xem hơn tất cả trò về khác, Sáclo, hồng y giáo chủ Buốcông, tổng giám mục và bá tước Lyông, trưởng chủ giáo Gôlor, vừa là thông gia với vua Luy XI vì Pie, ông anh của ngài, lãnh chúa Bôgiơ đã lấy công chúa đầu của đức vua lại vừa có họ ngoại với vua Sáclo. Quả cảm, qua bà mẹ của ngài là Anhe Đơ Buốcgônho. Thế mà nét chủ yếu, nét đặc sắc và riêng biệt trong tính nết của vị trưởng chủ giáo Gôlor lại chính là ý thức đĩnh thần và sùng bái kẻ cường quyền. Ta có thể thấy rõ vô vàn khó khăn, do hai bề thông gia đó gây cho giáo chủ, và đủ mọi thứ đá ngầm tạm thời, mà chiếc thuyền tinh thần của ngài phải lắt léo vượt qua, để khỏi xô vào cả Luy lẫn Sáclo, một thứ Saripđơ và Xyla⁽³⁾, từng nuốt chửng công tước Nomua và nguyên soái Xanh Pon. Nhờ giới ngài đã vượt qua cơn sóng gió và tới Rôm yên ổn. Nhưng mặc dù cặp bến, và chính vì đã cặp bến, ngài không bao giờ yên tâm khi nhớ lại đủ thứ may mắn của cuộc đời chính trị bấy lâu rất gay go và cần mẫn. Cho nên ngài thường hay nói là năm 1476 đối với ngài vừa đen vừa trắng; ngụ ý cùng năm đó đã tạ thế cả thân mẫu của ngài là nữ công tước Buốcbonne

lần ông anh họ của ngài là công tước Buốcgônho và đám tang nay làm vui nổi buồn đám tang kia.

Tóm lại đây là một người tốt. Ngài sống cuộc đời giáo chủ đầy hoan lạc, sẵn sàng vui thú với món rượu vang cung tiến Sayô, không ghét cô Risardo La Gácmoado và cô Tômaxơ La Xayardo, thích bố thí cho gái đẹp hơn bà già vì mọi lý do đó, rất được đám bình dân Pari ưa chuộng. Ngài đi đâu cũng vây quanh cả một triều đình nho nhỏ những giám mục và tu viện trưởng thuộc dòng dõi cao quý, đáng điểm, tục tĩu và nếu cần thì chèn nhậu nhét ngay; và đã nhiều lần các bà sùng đạo thất thà ở nhà thờ Xanh Giécmanh Đ'Ôxero, buổi tối đi ngang qua cửa sổ sáng đèn của tòa nhà Buốcbông, đã bất bình khi nghe thấy cũng vẫn những giọng nói ban ngày vừa cầu kinh vãn khóa cho họ, nay lại chạm cốc loảng xoảng, ngâm lại câu tục ngữ lưu linh của Bonoa XII, vị giáo hoàng đã thêm một mũ miện thứ ba vào ngọc miện giáo hoàng:

- *Bibamus papaliter*⁽⁴⁾.

Chắc nhờ tiếng tăm giành được rất xứng đáng đó mà khi bước vào, giáo chủ đã tránh khỏi mọi đón tiếp hân học của đám đông, trước đó một lúc đang rất bất bình và rất ít sẵn sàng tôn trọng một giáo chủ vào đúng hôm họ sắp bầu một giáo hoàng. Nhưng dân Pari không hay thù oán, hơn nữa, trong khi buộc vô thánh kịch phải diễn sớm, các thị dân hiếu đức đã đánh bại được giáo chủ và họ thấy thắng lợi này đủ rồi. Và lại đức hồng y giáo chủ Buốcbông vốn bảnh trai, mặc rất vừa vặn cái áo thụng đồ rất đẹp; tức là ngài đã được lòng tất cả đàn bà, do

đó chiếm một nửa đám thính giả rồi. Tất nhiên, chỉ vì phải chờ xem diễn kịch mà đi la ó một vị giáo chủ thì thật bất công và vô duyên, nhất là ngài lại bánh trai và mặc áo thụng đồ thật vừa vặn.

Cho nên ngài bước vào, chào cử tọa bằng nụ cười cha truyền con nối của những quý nhân dành cho dân chúng, thông thả bước tới ghế bành nhưng đồ chơi, có vẻ như đang nghĩ chuyện đầu đầu. Đoàn tùy tùng, cái bây giờ ta gọi là ban tham mưu các giám mục và linh mục, theo sau cũng ủa lên bục, làm khán giả càng náo động và tò mò hơn. Mạnh ai người nấy chỉ tỏ, kể tên, những ai dù chỉ biết một người trong đoàn; người thì kể tên Alôđê, giám mục Mácxây, nếu tôi nhớ đúng: kẻ lại chỉ tỏ trưởng giáo hội Xanh Đom; kẻ kể tên Robe Đờ Lépínátxơ, tu viện trưởng Xanh Gléc mạnh ĐêPrê vốn là anh em phóng đảng của một cô tình nhân của vua Luy XI: cứ thế với vô số nhảm lẫn và lú la lú lô. Còn lũ học trò thì chúi đồng. Hôm nay là ngày lễ của chúng, ngày hội cuồng đảng, ngày hội phóng dật, ngày chè chén say sưa hàng năm của giới luật sư và trường học. Hôm nay tha hồ mà bày bạ không ai cấm đoán và chẳng có gì là thiêng liêng hết. Hơn nữa, trong đám đông lại còn những mụ mồm loa mép giải như Ximon Catrolivơ, Anhe La Gadin, Rôbin piêđôbu... Dù sao ít nhất cũng được tha hồ chúi đồng và được văng tục dăm ba câu vào một ngày đẹp đẽ như thế này, cùng đàn đúm với giáo sĩ và gái đi! Cho nên chúng không chịu đứng ngoài và lẫn trong tiếng ồn ào là tiếng la hét kinh người nguyên rủa và văng tục của tất cả các miệng lưỡi tháo khoán, miệng lưỡi giáo 'sinh và học trò cả năm bị

kim giữ vì sợ thanh sắt nung của Xanh Luy. Tội nghiệp thay vua Xanh Luy, họ bắt chấp tất cả ngay giữa Tòa pháp đình của ngài. Đối với các vị vừa trèo lên bục ngồi, mỗi đứa trong bọn chúng tìm cách công kích một vị áo chùng thâm hoặc xám, hoặc trắng, hoặc tím. Còn Giáoan Phrôlô Đơ Mỗlăngđinô, với tư cách là em phó chủ giáo, hăng hái đã kích vào cái áo đỏ, giương mắt lão xước nhìn chằm chằm đức giáo chủ, miệng hát nhặng xi *Cappa replete mero!*⁽⁵⁾

Mỗi chi tiết đó, mà ở đây chúng tôi vạch trần ra trước nỗi kinh ngạc của bạn đọc đã hoàn toàn bị tiếng ồn ào chung át đi, nên mắt hút trước khi vang tới bục dành riêng. Và lại, đức giáo chủ cũng chẳng thềm để ý, vì theo phong tục, hôm đó tha hồ tự do. Hơn nữa, về mặt khó dăm dăm chúng tỏ ngài đang bận tâm tới mỗi lo khác, nó bám sát gót chân và gần như cùng lúc bước lên bục với ngài. Đó là đoàn sứ thần xứ Phlăngđơ.

Không phải ngài là nhà chính trị thâm trầm hoặc định kiểm soát gì nhờ hậu quả có thể có trong cuộc hôn nhân giữa lệnh bà em họ ngài, Margorit Đơ Buốgônho, với điện hạ em họ ngài, Saclo, thái tử Viên; tình hòa hiếu giả dối giữa công tước Ôtriso và vua Pháp lâu bền đến đâu, chuyện vua Anh sẽ coi việc khinh miệt công chúa của ngài ra sao, giáo chủ ít bận tâm đến và mỗi tối vẫn thưởng thức món rượu vang cung tiến Sayô, mà không ngờ chỉ vài chai thứ rượu vang đó (tất nhiên, đã được quan ngự y Côchiê kiểm tra và sửa chữa lại đôi chút) do vua Luy XI thần ái biểu vua Eđua IV đã giúp vua Luy XI loại trừ Eđua IV vào một sáng nào đó. *Đoàn sứ thần*

vô cùng kính mến của ngài công tước Ôtriso không làm giáo chủ lo lắng gì hết nhưng lại làm phiền mặt khác. Như chúng tôi đã nói sơ qua ở trang đầu quyển một này quả tình có hơi bực mình cho ngài, Saclo Đờ Buốcbông, phải bắt buộc niềm nở và linh đình đón tiếp bọn thị dân đám đó đó; hồng y giáo chủ như ngài mà phải tiếp bọn thẩm phán; dân Pháp như ngài, quen yến tiệc truy hoan mà phải tiếp bọn dân Phlăngđơ chuyên nốc bia mà lại phải tiếp đón công khai. Chắc chắn, để làm vui lòng đức vua, chưa bao giờ ngài phải nhún nhường vô vị bằng lần này.

Cho nên ngài quay về phía cửa, điều bộ lịch sự nhất trần đời (Vì ngài đã tập luyện mãi) khi mở tòa sang sảng rao lên: *Quý vị sứ thần của ngài công tước Ôtriso.* Không cần phải nói là toàn thể gian phòng đều làm như vậy.

Thế là từng đôi một đi tới, về long trọng trái hẳn với không khí hăng hái của đoàn tăng lữ Saclo Đờ Buốcbông, với bốn mươi tám sứ thần của Mắcximiliêng Đ'Ôtriso, dẫn đầu là đức cha tinh thần Giảng, tu viện trưởng ở Xanh Bectanh chuông ấn quan huân chương hiệp sĩ kim trùy và Giác Đờ Goa, tức ngài Đoby, đại pháp quan thành phố Găng. Đám đông im phăng phắc, cố nhịn cười để lắng nghe những cái tên kỳ cục và mọi chức vị thị dân mà mỗi nhân vật đó lạnh lùng bảo cho mở tòa, sau đó được rao hớn dõn cả tên lẫn chức vị, thường bị thiếu sót, trước đám đông. Đó là thầy Lôi Rơ lớp, thẩm phán thành phố Luvanh; ông Clay Đ'Êtuen, thẩm phán Bruyxen; ông Pôn Đờ Baót, tức Voamiden, tổng đốc xứ Phlăngđơ; thầy Giảng Côtêghen, thị trưởng thành phố Angve; thầy Gioéc Đờ La Morơ, đệ nhất thẩm phán tòa Quero thành phố Găng;

thầy Ghendon vắng De Hagio đệ nhất thẩm phán cùng thành phố trên; rồi Biebécco và Giảng pinnóc, và Giảng Dymaécgien, v.v..., v.v..., v.v...; pháp quan, thẩm phán, thị trưởng; rồi lại thị trưởng, thẩm phán, pháp quan; tất cả đều cũng đo, trịnh trọng, sốt sắng, lộng lẫy gấm nhung, đầu đội mũ mềm nhung đen tết ngù to bằng kim tuyến Sypro; tóm lại toàn dân Phlăngđơ khá giả mặt mũi trịnh trọng và nghiêm nghị, của loại gia đình mà họa sĩ Rămbrăng từng lột tả rất mạnh mẽ và trang nghiêm, nổi bật trên cái nền tối đen của bức tranh Tuần đêm; đó là các nhân vật đã ra mặt lộ cái vẻ mà Măximiliêng Đ'Ôtriso, như từng nói trong chỉ dụ của ngài, đã có lý để *tin cậy hoàn toàn vào ý thức, lòng quả cảm, kinh nghiệm, sự chính trực và ưu thế tốt đẹp của họ.*

Tuy nhiên, có một nhân vật ngoại lệ. Đó là một khuôn mặt thanh tú, thông minh, giảo quyệt, một thứ mồm khi và mồm nhà ngoại giao, được giáo chủ tiến lên ba bước và cúi rạp người chào, mặc dù ông ta chỉ mang tên là *Ghiôm Rym, cố vấn và tổng trấn thành phố Găng.*

Lúc đó còn ít người biết Ghiôm Rym là người thế nào. Đó là một tài năng hiếm hoi mà gặp được thời buổi cách mạng thì chắc sẽ chói lọi nổi lên trên các sự kiện, nhưng ở vào thế kỷ mười lăm, y đã bị hạn chế trong các âm mưu hắc ám và *phải sống bằng pháp hoại ngầm*, như công tước Xanh Ximông nói. Tóm lại, ông ta được vị đệ nhất công binh châu Âu trọng vọng, ông thân cận mưu mô với Luy XI và thường đứng tay vào các việc bí mật của nhà vua. Đám đông không hề biết mọi chuyện đó, cho nên họ

ngạc nhiên về thái độ kính cẩn của giáo chủ đối với bộ mặt ẻo lả của vị pháp quan xứ Phlăngđơ.

IV. THẦY GIÁC CÔPPONÔLO

Trong khi vị tổng trấn thành phố Găng cùng đức ông cúi rạp người chào nhau và trao đổi vài câu thật khê, một người cao lớn, mặt to bè, vai vạm vỡ, bước tới, cùng sống đôi đi vào với Ghiôm Rym: trông họ như con chó gộc cạnh con cáo. Cái mũ phớt chùm đầu và chiếc áo vét da nổi lên giữa đám nhung lụa vây quanh. Tưởng đó là một tên mã phu lấm đường, viên mô tòa liền ngăn lại:

- Này, anh bạn! Đứng lại.

Người mặc áo vét da huých vai đẩy bật hẳn ra.

- Cái lão này muốn gì kia chứ? bác ta nói, giọng oang oang, làm cả phòng chú ý tới cuộc đấu khẩu kỳ lạ. Anh không thấy tôi cùng đi với đoàn à?

- Tên ông là gì? mô tòa hỏi.

- Giác Côpponôlo.

- Chức vụ?

- Lái quần chèn ở hiệu *Ba dây chuyên*, tại Găng.

Viên mô tòa lùi phắt lại. Xương danh các thẩm phán và thị trưởng, còn tạm được; chứ một gã lái quần chèn, thì gay go quá. Giáo chủ như ngồi trên gai. Toàn dân đang nghe và nhìn. Đã hai ngày nay, đức ông phải cố liếm sạch dần gấu xứ Phlăngđơ đó cho tạm thơm tất để ra mặt công chúng và cuộc xung danh kỳ quái này thật

gian nan. Trong khi đó, Ghiôm Rym đã mỉm cười khôn khéo, bước lại gần mô tòa:

- Cứ xưng là thầy Giắc Cốpponôlo, tập sự viên của các thẩm phán thành phố Găng, ông ta bảo hẳn rất khê.

- Nay mô tòa, giáo chủ nói to nhắc lại, hãy xưng danh thầy Giắc Cốpponôlo, tập sự viên của các thẩm phán ở thành phố Găng lòng danh.

Thật sai lầm. Nếu chỉ một mình thì Ghiôm Rym đã gạt bỏ được khó khăn; nhưng Cốpponôlo đã nghe thấy giáo chủ nói.

- Ô lay Chúa, không! bác nói giọng như sấm Giắc Cốpponôlo, lái quần chèn. Nghe thấy chưa mô tòa? Không hon, không kém. Lay chúa! Lái quần chèn. Thế cũng đủ đẹp rồi. Ngài đại công tước đã nhiều lần nhờ quần chèn của ta mà thành công.

Tiếng cười, tiếng vỗ tay ran lên. Một câu pha trò lập tức được Pari hiểu ngay và do đó bao giờ cũng được hoan nghênh.

Xin nói thêm Cốpponôlo là người bình dân và dám công chúng vây quanh bác cũng là bình dân. Cho nên sự cảm thông giữa họ và bác rất nhanh, nhu chuyển điện, và có thể nói hết sức dễ dàng. Câu nói thách thức kiêu ngạo của bác lái quần chèn xứ Phlăngđơ, làm nhục các triều thần, đã dấy động trong mọi tâm hồn thứ dân một thứ tình cảm tự hào còn mơ hồ và mập mờ vào thế kỷ thứ mười lăm. Thật bình đẳng cái bác lái quần chèn vừa đối đầu với đức giáo chủ đó! Ý nghĩ này rất thú vị đối với những kẻ tội nghiệp quen khúm núm và vâng dạ trước

bọn tay chân cảnh vệ của pháp quan thuộc tu viện trưởng Xanhtrô Gionovievo, vị giáo sĩ tùy tùng giáo chủ.

Côpponôlo kiêu hãnh chào đức ông, đức ông đáp lễ người thị dân đầy quyền lực đáng gờm của vua Luy XI. Sau đó, trong khi Ghiôm Rym, *con người khôn ngoan và hóm hỉnh*, như lời sử gia Philip Đơ Cômmin nói, mỉm cười giễu cợt và trịch thượng nhìn họ, cả hai ai về chỗ người nấy, giáo chủ thì hết sức bối rối và lo lắng, còn Côpponôlo lại điềm đạm và kiêu kỳ, chắc hẳn thẩm nghĩ dù sao danh hiệu lái quần chèo của mình cũng chẳng thua kém gì ai và Mari Đơ Buôgônho, mẹ của Margorít mà hôm nay Côpponôlo đưa đi gả chồng, hẳn không sợ đức giáo chủ bằng sợ bác lái quần chèo: vì không phải một giáo chủ có thể xúi dân chúng thành phố Găng nổi loạn chống lại những sủng thần của con gái Saclo. Quả cảm, không phải một giáo chủ có thể dùng lời lẽ để động viên quần chúng chống lại nước mất và lời cầu nguyện của họ, khi lệnh bà xứ Phlăngđơ phải tới tận chân đài tử hình để van xin dân chúng tha tội cho bọn sủng thần; trong khi bác lái quần chèo chỉ cần giơ khuỷu tay bọc da là đủ làm rơi đầu hai vị quý ngài lãnh chúa tối cao Guy Himbéccua và chương án quan Ghiôm Huygônê!

Tuy nhiên, chưa phải đã hết chuyện đối với vị giáo chủ tội nghiệp và ngài còn phải uống nốt đến đáy chén cái cần rượu cay đắng của trò đánh bạn xúi quẩy này.

Bạn đọc chắc chưa quên tên ăn mày lão xược đã trèo lên ngồi bám vào ria bực của giáo chủ, ngay từ lúc mở màn giáo đầu. Các quý khách kéo đến không hề làm hấn nao núng và trong khi cả giáo sĩ lẫn sứ thần đang chen chúc nhau như cá mèi xứ Phlăngđơ chính cống nếm chắt,

trên dãy ghế khán đài, hấn vẫn ung dung và ngang tàng khoanh chân trên đầu cột. Thái độ lão xược đó thật ít thấy và lúc đầu, không ai để ý tới vì còn mãi nhìn đi chỗ khác. Còn hấn ta cũng chẳng nhìn thấy gì hết trong gian phòng; hấn lắc lư cái đầu, vẻ vô tư như dân Xứ Naplo và theo thói quen mấy móc, thỉnh thoảng lại kêu van giữa tiếng ồn ào: "Lạy ông lạy bà bố thí cho con!". Và dĩ nhiên, trong cả đám khán giả chắc hấn là người duy nhất không thềm ngoảnh đầu lại xem cuộc cãi cọ giữa Cópbonôlo và mô tòa. Thế mà, tình cờ lại xui khiến bác lái quần chèn thành phố Găng, người được dân chúng lập tức nhiệt liệt mến phục và đang thu hút mọi cặp mắt chăm chú, tới ngồi đúng hàng ghế đầu của bậc, ngay trên đầu thẳng ăn mày; và mọi người không phải ít ngạc nhiên lúc thấy vị sứ thần xứ Phlăngđơ, sau khi quan sát tên đám dớ ngồi dưới mắt mình, liền thân ái vỗ vào cái vai phủ áo rách. Tên ăn mày quay lại; cả hai bộ mặt đều lộ vẻ kinh ngạc, hàm ơn, tươi cười, v.v...; rồi, bất chấp cả khán giả, bác lái quần chèn và thẳng sâu quảng khề nói chuyện với nhau, tay cầm trong tay, trong khi mớ quần áo rách rưới của Clopanh Truiophu phơi bày trên nền dạ vàng kim tuyến phủ chiếc bậc trông giống như con sâu đục quả cam.

Cảnh tượng kỳ quái, mới mẻ này làm cả phòng lại diễn cuồng, vui sướng ồn ào hấn lên, khiến giáo chủ ngay đó liền nhận thấy; ngài hơi cúi xuống, và từ chỗ ngồi đó, chỉ có thể thấp thoáng trông thấy cái áo choàng bí ố của Truiophu, cho nên rất dễ tưởng là thẳng ăn mày đang

xin bố thí, ngài liền tức giận vì sự cả gan lớn mật đó và quát lên.

- Ông pháp quan Tòa pháp đình đầu quảng cái thằng khốn nạn kia xuống sông cho ta.

- Lay chúa! Đức ông giáo chủ ơi - Còpponôlo nói, vẫn nắm tay Clôphanh - đây là một anh bạn thân của tôi.

- Nôen! Nôen! đám đông gào lên. Kể từ phút đó bác Còpponôlo đã được dân chúng hết sức tín nhiệm ở Pari cũng như ở Găng; vì những kẻ tâm cơ như thế phải được tín nhiệm, khi họ lộn xộn phá quấy như vậy, theo lời Philip Đơ Cômín.

Giáo chủ cắn môi. Ngài ghé sát tu viện trưởng Xanhto Gienovievo ngồi cạnh, và khẽ bảo:

- Ngài đại công tước phái đến chỗ chúng ta những sứ thần quả là ngộ nghĩnh, để làm mai mối cho lệnh bà Margorit!

- Đức ông đã phí phạm lịch sự vô ích với lũ mồm lộn xừ phlăngđơ đó, tu viện trưởng trả lời *Margaritas ante porcos*⁽¹⁾.

- Nên nói là: *Porcos ante Margaritam*⁽²⁾, giáo chủ mỉm cười đáp.

Cả cái tiểu triều đình áo chùng đó lấy làm thích thú về trò chơi chữ. Giáo chủ cảm thấy hơi ngượng, thế là hết nợ với Còpponôlo vì ngài cũng đã có câu pha trò được hoan nghênh.

Giờ đây, những ai trong bạn đọc có khả năng tổng hợp một hình ảnh và một tư tưởng, như cách nói hiện nay, cho phép chúng tôi được hỏi liệu các bạn đã hình

dung được thật rõ ràng chưa cái cảnh tượng đang diễn ra ở trong căn phòng hình bình hành bốn cạnh rộng rãi của gian đại sảnh tòa pháp đình vào lúc chúng tôi gần trở sự chú ý của các bạn. Ở giữa phòng, tựa lưng vào tường phía tây, là cái bục rộng rãi, lộng lẫy phủ gấm kim tuyến, ở đó long trọng bước vào qua cái cửa nhỏ hình cung nhọn, các nhân vật bề vế, lần lượt được xưng danh bằng giọng the thé của viên mô tòa. Trên hàng ghế đầu, đã đầy đủ các vị tai to mặt lớn, tùm hum mũ bằng da chồn trắng vải nhung và vải điều. Chung quanh cái bục vẫn giữ được không khí im lặng, uy nghiêm, còn ở dưới, đằng trước, từ phía là dân chúng đông nghịt, náo động âm ỉ. Hàng nghìn cặp mắt dân chúng chĩa vào mỗi khuôn mặt trên bục hàng nghìn giọng nói thì thầm bàn tán từng tên tuổi. Tất nhiên, cảnh tượng đó gọi tính tò mò và rất xứng đáng được khán giả theo dõi. Nhưng còn đằng kia, ở mãi cuối phòng, một thứ sàn gỗ với bốn gã múa máy, ăn mặc sặc sỡ, ở trên và bốn người khác ở dưới là cái gì vậy? Người mặc áo choàng đen, mặt tái xanh, đứng cạnh sàn gỗ, là ai vậy? Than ôi! hỡi bạn đọc thân mến, đó là Pie Gringoa và khúc giáo đầu của chàng.

Tất cả chúng ta quên bằng chàng từ lâu.

Mà đó lại chính điều anh ta lo sợ.

Kể từ lúc giáo chủ bước vào Gringoa không ngừng lo lắng cho số phận của đoạn giáo đầu. Thoạt tiên, chàng thúc giục các đạo kép đã ngừng diễn, hãy tiếp tục và nói to lên: rồi thấy chẳng ai buồn nghe, chàng bảo họ ngừng lại, và suốt gần mười lăm phút ngừng diễn, chàng luôn luôn dậm chân, cựa quậy, ới ới gọi Gixkét và Liênađo,

khuyến khích người chung quanh đời diễn tiếp đoạn giáo đầu; tất cả đều vô ích chẳng ai rời mắt khỏi giáo chủ, các sứ thần và cái bọc trung tâm duy nhất của cả cái chu vi rộng rãi những tia mắt nhìn. Cũng cần nhận thấy, thật đáng tiếc phải nói ra điều này, là khúc giáo đầu bắt đầu hơi làm phiền khán giả, giữa lúc đức ông tới góp phần mua vui một cách ghê gớm đến thế. Dù sao, ở bọc cũng như ở bàn đá, vẫn là một cảnh tượng duy nhất: xung đột giữa cây búa và Tăng lữ, giữa Quý tộc và Hàng hóa. Và rất nhiều kẻ thấy tốt nhất là nên xem mọi người đang sống, thở hít, hoạt động, chen vai thích cánh bằng xương và bằng thịt qua đám sứ thần xứ Phlăngđơ, qua cái triều đình tăng lữ, sau tấm áo chùng giáo chủ sau manh áo ngắn Cópônôlo, hơn là bọn về mặt bôi hể, mũ măng cân đai, ngâm vịnh thơ ca hoặc tam nói là phủ lên hình nhân nhồi rom những áo vàng áo trắng do Gringoa gán cho.

Tuy nhiên, khi thấy trật tự dần dần trở lại, nhà thơ của chúng ta liền nghĩ ra một chiến thuật, đã cứu nguy tất cả.

- Thua ông, chàng quay lại nói với người đứng cạnh, một ông to béo, bệ vệ, nét mặt nhẵn nại hay ta làm lại từ đầu?

- Làm cái gì kia? Ông ta hỏi.

- Vô mixterơ chứ còn gì nữa! Gringoa trả lời.

- Cái đó tùy ông, ông kia đáp.

Thấy được câu tán thành lơ lửng như vậy là đủ, Gringoa tự thu xếp làm lấy công việc của mình, liền gào lên, cố hòa vào đám đông:

- Diễn lại vở mixtero từ đầu đi thôi! Diễn lại từ đầu đi thôi!

- Quái quái! Giôn Đơ Mỗlăngđinô nói, ở đằng kia chúng nó kêu la cái gì vậy? (Vì Gringoa một mình hò hét bằng bốn người) Nay các bạn ơi! vở mixtero đã chẳng diễn xong rồi là gì? Thế mà chúng nó lại còn đòi diễn lại từ đầu. Thật bố láo.

- Không! không diễn nữa! Tất cả lũ học trò thét lên. Đả đảo vở mixtero! Đả đảo!

Nhưng Gringoa hăng lên, càng gào to hơn: - Diễn lại từ đầu! Diễn lại từ đầu!

Tiếng gào thét làm giáo chủ chú ý.

- Nay ông pháp quan Tòa pháp đình ngài bảo một người cao lớn mặc đồ đen đứng cạnh đó vài bước, lũ quái kia ở trong bình nước phép hay sao mà làm ầm ầm như vỡ chợ vậy?

Vị pháp quan Tòa pháp đình là thứ quan tòa lương tính, một loài doi của ngành tư pháp, vừa là chuột vừa là chim vừa là quan tòa vừa là lính tráng.

Ông ta bước lại gần đức ông chỉ e ngài nổi trận lôi đình, lấp bấp bẫm về sự vô lễ của dân chúng: rằng buổi giữa trưa đã tới trước đức ông, rằng bọn đào kép buộc phải khai diễn không chờ được đức ông.

Giáo chủ cười phá lên.

- Ồ không sao, đến ông hiệu trưởng trường Đại học cũng phải làm như vậy thôi. Ngài Ghiôm Rym, ngài thấy thế nào?

- Thưa đức ông, Ghiôm Rym trả lời ta nên bằng lòng đã thoát nợ được một nửa vở kịch. Như vậy là có lợi rồi.

Bọn vô lại đó có thể diễn tiếp vở kịch chứ ạ? viên pháp quan hỏi

- Cứ diễn, cứ diễn tiếp đi, giáo chủ nói; ta thì thế nào cũng được. Trong lúc diễn, ta sẽ đọc sách kinh.

Viên pháp quan bước tới trước bục và khoát tay ra hiệu im lặng rồi nói to:

- Hỡi thị dân, lê dân và cư dân để làm vừa lòng những người muốn diễn lại từ đầu cũng như kẻ muốn chấm dứt, đức ông hạ lệnh cứ diễn tiếp

Cả hai phe đều phải chịu như vậy. Tuy nhiên cả tác giả lẫn công chúng còn thù mãi giáo chủ.

Các nhân vật trên sân khấu liền diễn tiếp khúc minh họa Gringoa hy vọng ít nhất mọi người cũng lắng nghe phần tác phẩm còn lại. Hy vọng đó chẳng mấy chốc cũng xep xuống như mọi ảo tưởng khác; tuy rằng khán giả đã trở lại im lặng như cũ; nhưng Gringoa không nhận thấy, vào lúc giáo chủ hạ lệnh diễn tiếp, cái bục còn lâu mới đầy đủ số người và sau các sứ thần xứ Phlànggdo còn lục tục kéo tới những nhân vật mới trong đoàn khách, mà tên tuổi và chức vụ được viên mô tòa xướng lên liên tục, chen ngang vào đối thoại kịch, gây tai hại vô cùng. Đúng thế, thử tưởng tượng tiếng the thé của viên mô tòa chen vào những câu mở ngoặc như sau giữa hai vãn thơ và đôi khi giữa hai nửa câu thơ:

Thầy Giác Sacmôluy, biện lý hoàng gia tại giáo hội pháp viện

Giăng Đơ Harlay, kỹ sư cận vệ sự vụ hiệp sĩ của đoàn tuần đêm đỏ thành Pari.

Ông Galiô Đơ Gioncalác, hiệp sĩ, lãnh chúa Bruyaxác, đoàn trưởng pháo binh ngự lâm quân!

Thầy Đơ Raghiê, kiểm soát viên thủy lợi và lâm nghiệp của đức hoàng thượng ở pháp, Săm panhơ và Bri!

Ông Luy Đơ Gravin, hiệp sĩ, cố vấn và thị vệ quốc vương, thủy sư đô đốc Pháp quốc, quan kiểm lâm rừng Vanhxen!

Thầy Đơni Lơ Merxinê giám đốc viện người mù Pari!
- v.v., v.v

Cứ thế mãi quả thực không chịu nổi.

Khúc hòa tấu kỳ lạ làm vở kịch rất khó theo dõi càng khiến Gringoa cáu kỉnh, nhất là chàng không thể giấu giếm rằng tình tiết đang mỗi lúc một phát triển tới cao trào và vở kịch chỉ được lắng nghe là đủ. Quả thật, khó mà tưởng tượng nổi một cốt kịch khác tài tình và bi tráng hơn. Bốn nhân vật của đoàn giáo đầu lâm vào cảnh lúng túng chết người, đang than vãn thì đích thân Vênuýt giáng lâm, *vera incessu paluit dea*⁽³⁾ nàng mặc chiếc váy ngắn xinh đẹp vẫn được treo làm huy hiệu trên chiếc thuyền của đô thành Pari. Nàng tự đến, đòi lấy Thái tử đã ước hẹn cho người đẹp nhất. Giuypite mà ta nghe tiếng sấm sét ầm vang trong phòng hóa trang, tán thành và nữ thần đã định mang Thái tử đi, nói toạc ra nghĩa là lấy chàng, thì một cô gái trẻ, mặc gấm trắng và tay cầm đóa hoa cúc margorít (nhân cách hóa lờ mờ công chúa xứ Phlăngđơ) tới tranh giành với Vênuýt. Kịch tính đạt tới cao trào và diễn biến phức tạp. Sau khi tranh cãi, Vênuýt, Margorít

và dàn hát để đồng ý là sẽ tới nhờ sự xét xử công bằng của Đức mẹ đồng trinh. Còn một vai trò đặc sắc nữa, đó là Đông Pedro, vua xứ Mêdôpôtami. Nhưng trải qua bấy nhiêu đứt đoạn, thật khó mà hiểu nổi là vai trò đó ích lợi gì. Mọi nhân vật đều trèo thang leo lên.

Nhưng thế là hồng bét. Không một vẻ đẹp nào của vở kịch được cảm thụ, thưởng thức. Từ khi giáo chủ bước vào, có thể nói một sợi dây vô hình và ma quái đã đột nhiên kéo tất cả các cặp mắt đang hướng về bàn đá quay lại nhìn cái bực, đang hướng về đầu phòng phía nam quay lại góc tây. Không còn gì làm khán giả tỉnh nổi cơn say. Mọi cặp mắt đều chăm chú nhìn vào đó, và những khách mới tới, cùng tên tuổi chết dẫm, cùng mặt mũi, cùng quần áo, luôn luôn trở thành trò vui. Thật chán quá. Trừ Gixkét và Liênardô, hai cô thỉnh thoảng quay đầu lại khi Gringoa kéo tay áo, trừ ông to béo kiên nhẫn đứng cạnh, còn chẳng ai chịu quay lại xem vở kịch tội nghiệp bị bỏ rơi. Gringoa chỉ còn thấy những khuôn mặt trông nghiêng.

Chàng hết sức cay đắng thấy bao vinh quang và thi ca xây dựng lên lần lượt sụp đổ từng mảng! Thế mà đã có lúc đám dân chúng này suýt nổi loạn chống lại ngài pháp quan, chỉ vì nóng lòng muốn xem tác phẩm của chàng! Bấy giờ được xem rồi thì họ lại không thèm ngó tới nữa. Ai dám ngờ chính buổi trình diễn này từng bắt đầu trong tiếng hoan hô nhất loạt! vẫn là ngọn triều lên xuống muôn thừa của làn sóng ủng hộ bình dân! Ai dám ngờ họ từng định treo cổ các cảnh vệ của pháp quan! Chàng sẵn sàng trả giá đắt để được tiếp tục sống giờ phút ngọt ngào đó!

Tuy nhiên, cuộc độc thoại tai hại của viên mô tòa ngừng lại. Khách đã đến đầy đủ và Gringoa thở phào. Các đảo kép hiện ngang diễn tiếp. Nhưng phải chăng ngài Cópbonôlo, bác lái quần chèn đã đột nhiên đứng dậy kia kia, và Gringoa nghe bác tuyên đọc bài diễn văn gồm ghiếc sau đây, giữa sự chăm chú lắng nghe của dân chúng:

- Thưa quý vị thị dân và quý tộc thành Pari, lay chúa, thật tôi không hiểu chúng ta đang làm gì ở đây. Rõ ràng ở góc đằng kia, trên cái sàn, tôi thấy mấy người hình như đang muốn nện nhau. Tôi không biết có phải đó là cái mà các vị gọi là võ mixtero hay không; nhưng xem ra thì chán lắm. Họ chỉ khích bác nhau bằng mồm, có thể thôi. Từ nãy đến giờ, tôi vẫn chờ họ choảng nhau. Thế mà chẳng thấy gì cả. Đó là bọn hèn nhát, chỉ biết làm xước da nhau bằng chửi bới. Đáng lẽ phải mời các võ sĩ ở Luân Đôn hoặc Rôtedam tới: nếu vậy thì hay quá! các vị sẽ được xem các quả đấm thôi son, từ ngoài quảng trường còn nghe thấy. Còn bọn này thật thảm hại. Ít ra chúng cũng phải cho ta xem một điệu vũ Môro hoặc một trò nhảy nhót khác! Họ đã nói với tôi khác kia. Họ hứa cho tôi xem hội cuồng dâng, có bầu giáo hoàng. Ở Găng chúng tôi cũng có bầu cuồng dâng giáo hoàng và nhờ giới, chúng tôi cũng không đến nổi lạc hậu trong chuyện này. Nhưng chúng tôi làm như sau. Một đám đông được tụ họp lại, như ở đây. Rồi lần lượt từng người thò đầu ra khỏi lỗ hổng và nhả mặt dọa người khác. Ai nhả mặt xấu nhất, được mọi người hoan nghênh, thì bầu làm cuồng dâng giáo hoàng. Như thế đấy. Vui ghê lắm kia. Các vị có đồng ý là ta sẽ bầu cuồng dâng giáo hoàng

ở đây theo kiểu xứ tôi không? Dù sao cũng đỡ chán hơn là nghe cái bọn ba hoa kia. Nếu bọn chúng cũng tới nhìn mặt ở lỗ cửa thì coi như họ cùng tham gia trò chơi. Thừa quý vị thị dân, các ngài thấy thế nào? Ở đây cũng tạm đủ các mẫu mặt kỳ cục của cả nam lẫn nữ để ta có thể vui cười theo kiểu xứ Phlăngđơ, còn mặt mũi chúng tôi thì cũng khá xấu xí để có thể hy vọng nhìn mặt ra trò.

Gringoa muốn đáp lại. Chàng kinh ngạc, tức giận, khinh bỉ đến ghen ghét. Thế nhưng, lời đề nghị của bác lái quần chèn bình dân lại được thị dân, họ khoái chí được gọi là *quí tộc*, nhiệt liệt hoan nghênh, cho nên mọi phản đối đều vô ích. Chỉ còn mặc cho trôi theo dòng nước. Gringoa đưa hai tay che mặt, chẳng được may mắn có tấm áo choàng để trùm lấy đầu như Agamennông của Timăngtơ⁽⁴⁾.

V . CADIMÔĐÔ

Trong chớp mắt, mọi cái đã sẵn sàng để thực hiện ý định của Cồppônôlơ. Thị dân, học trò và luật sư bắt tay vào việc. Tòa nhà nguyên nhỏ ở trước tấm bàn đá được chọn làm sân khấu nhìn mặt. Tấm kính võ ở cửa sổ hoa thị xinh đẹp phía trên cửa ra vào, để lộ thông thoáng một vòng tròn bằng đá, và mọi người qui định kẻ dự thi sẽ thò đầu qua. Muốn lên tới đó, chỉ cần trèo lên hai cái thùng to, không biết nhặt đầu về và chống tạm lên nhau. Để cho cái mặt nhìn giữ được vẻ mới tinh và nguyên xi, mỗi người dự thi, dù đàn ông hay đàn bà (vì có thể bầu

cả nữ giáo hoàng) sẽ buộc phải che mặt và đứng lách trong nhà nguyện cho đến khi ra mắt. Chỉ lát sau, nhà nguyện đã chật ních người dự thi và cánh cửa khép lại.

Từ chỗ ngồi, Cópbonôlơ sai phái, chỉ dẫn, thu xếp mọi việc. Giữa lúc ồn ào, giáo chủ cũng cúi kính không kém gì Gringoa, lấy cớ bận việc và phải làm lễ chiều, đã cùng đoàn tùy tùng rút lui, còn đám đông, náo động là thế khi đoàn đến, nay chẳng hề xúc động lúc đoàn đi. Chỉ mình Ghiôm Rym nhận thấy cuộc tháo chạy của đức ông. Giống như mặt trời, sự chú ý của quần chúng tiếp tục cái vòng quay; bắt đầu từ đầu phòng đằng kia, sau khi ngừng lại một lát ở giữa, bây giờ nó đã ở đầu này. Tấm bàn đá, cái bục gấm đã hết thời; nay đến lượt tòa nhà nguyện của Luy XI. Từ giờ cứ việc tha hồ vui chơi phá phách. Chỉ còn lại toàn dân xứ Phlăngđơ và lũ vô lại.

Bắt đầu thi nhận mặt. Khuôn mặt đầu tiên lộ ra ở lỗ cửa, mắt lộn mí đỏ lôm, mồm ngoác ra như mồm thú và trán nhăn lại tựa ủng kỵ binh đế quốc, làm mọi người phá ra cười nôn ruột đến nỗi Hômerơ cũng có thể tưởng cả bọn lê dân này đều là thiên thần. Trong lúc đó gian đại sảnh chẳng kém gì đỉnh núi Ôlanphơ và đấng Giuypite tội nghiệp của Gringoa hiểu rõ hơn ai điều đó. Một khuôn mặt nhăn thứ hai, thứ ba tiếp theo, rồi cái nữa, cái nữa và cứ thế tiếng cười, tiếng hò hét vui sướng tăng mãi. Trong trò này có cái gì đó đặc biệt cuồng loạn, vô cùng say mê và hấp dẫn, rất khó nói cho độc giả ngày nay ở các thính phòng hiểu nổi. Hãy tưởng tượng hàng loạt bộ mặt, lần lượt hiện ra với đủ mọi hình thức hình, học từ tam giác đến hình thang, từ hình nón đến khối đa diện;

đủ mọi vẻ mặt con người từ giận dữ đến dâm ô; đủ mọi lứa tuổi, từ nếp nhăn trẻ sơ sinh tới nếp nhăn bà lão hấp hối; đủ mọi hình dáng hư ảo, tôn giáo, từ thần Phônô đến quỷ Bendêbuyt; đủ mọi mặt súc vật, từ mõm thú đến mỏ chim, từ thủ lợn đến mõm chó. Hãy hình dung đủ loài ma quái ở cầu Mới, những ác mộng kinh hoàng dưới bàn tay nhà điêu khắc Giécmanh Pilông, bỗng hiện lên thành xương thành thịt và lần lượt tới nhìn thẳng vào mặt bạn với cặp mắt đỏ như than hồng; đủ thứ mặt nạ của hội khiêu vũ trá hình ở Vonido liên tiếp hiện ra trước ống nhòm của bạn; tóm lại, cả một ống kính vạn hoa bằng người.

Cuộc vui cuồng loạn mỗi lúc một mang vẻ xứ Phlăngđơ. Toniê⁽¹⁾ xem ra cũng chẳng thấm vào đâu. Hãy hình dung trận đánh trong tranh của Xanvato Rôda với cảnh rượu chè phê phỡn. Không còn ai là học trò, sư thần, thị dân, đàn ông, đàn bà; không còn Clôpanh Truiophu, Gilo Loconuy, Ximon Catrolivro, Rôbanh Puxopanh. Tất cả hòa tan trong cảnh phóng túng chung. Gian đại sảnh chỉ còn là một lò lửa lớn nghịch ngợm và tươi cười, mà mỗi cái mồm là một tiếng hét, mỗi con mắt là một ánh chớp, mỗi bộ mặt là một nếp nhăn, mỗi con người là một tư thế. Tất cả gào lên, hét lên. Bao nhiêu khuôn mặt quái gở lần lượt tới nhe răng há miệng ở lỗ cửa hoa thị giống như bấy nhiêu bụi nhùi rom vút thêm vào đống lửa. Và từ tất cả đám đông sôi sục bốc lên, như hơi lò lửa, một thứ tiếng ồn ào lạnh lạnh, the the, dính tai nhức óc, rít lên như tiếng cánh ruồi bay.

- Ôi chao! chết tiệt!

- Nhìn xem cái mặt kia kia!

- Trông chẳng ra làm sao cả.

- Đến lượt cái khác thôi!

- Ghiomét Mōgioropuy, hãy nhìn xem cái mồm bờ tốt, chỉ còn thiếu có cặp sùng nữa thôi! Có phải chống chỉ đó không?

- Cái khác!

- Ôi giáo hoàng! mặt gì mà nhăn nhúm thế kia?

- Ê ê! Đồ ăn gian. Chỉ được giờ mặt ra thôi.

- Cái con Perét Calobôt trời đánh! Nó chẳng từ cái gì.

- Nően! Nően!

- Chết cười đi được!

- Thằng cha này thì không chui lọt tai! v.v., v.v

Tuy nhiên, cũng phải công bằng với anh bạn Giảng của chúng ta. Giữa không khí ngày hội quỷ đó, vẫn thấy anh ta đứng trên đầu cột, tựa gã thủy thủ trên cột buồm. Anh ta múa may như phát điên phát cuồng. Mồm anh ta há hốc, phát ra tiếng thét không nghe thấy, chẳng phải bị át đi trước tiếng ồn ào chung dù ầm ầm đến đâu chẳng nữa, mà chắc vì đã đạt tới giới hạn của những âm cao có thể nghe thấy, khoảng mười hai nghìn rung động của Xôvơ hoặc tám nghìn của Biô⁽²⁾.

Con Gringoa, phút chán nản đầu tiên đi qua bắt đầu trấn tĩnh lại. Chàng vẫn cứng rắn trước tai họa - Cứ tiếp tục! Lần thứ ba, chàng bảo bọn đào kép những cái máy nói. Rồi rào bước đi lại trước bàn đá, chàng bỗng nảy ra ý định chơi ngông, là cũng tới lúc mặt ở lỗ cửa nhà nguyên, dù chỉ để có cái thích thú là nhân mặt chế giễu lũ dân

chúng vô ơn. - Không thể được, cái đó không xứng đáng với ta; không cần trả thù! ta phải chiến đấu tới cùng, chàng thẩm nhủ. Quyền lực của thi ca rất lớn đối với nhân dân; ta sẽ giành lại họ. Rồi sẽ thấy ai thắng ai, trò nhảm nhảm hay là văn chương.

Than ôi! chàng vẫn là khán giả duy nhất của tác phẩm mình.

Còn tệ hại hơn cả lúc này. Chỉ thấy toàn lưng là lưng

Chúng tôi lăm. Cái ông to béo kiên nhẫn mà chàng đã hồi ý kiến vào lúc nguy kịch, vẫn quay mặt về phía sân khấu. Còn Gixkét và Liênardo, hai cô ả đã chuẩn bị từ lâu

Gringoa xúc động tận đáy lòng trước vị khán giả duy nhất trung thành. Chàng tới gần, khẽ lắc tay ông và nói; vì con người trung thực đó đứng tựa hàng rào, đang thiu thiu ngủ.

- Thưa ngài, Gringoa nói, xin đa tạ ngài.

- Thưa ngài, ông to béo ngáp và hỏi lại, sao ạ?

- Tôi thấy điều làm phiền ngài, thì sẽ nói tiếp, là tất cả tiếng ồn ào này làm ngài không thể nghe được thoải mái. Nhưng xin cứ yên tâm: ngài sẽ lưu danh hậu thế. Xin ngài cho biết quý tính cao danh?

- Xin tự giới thiệu: RonônSatô, quan chấp án của tòa Satolê ở Pari.

- Thưa ngài, ở đây ngài là đại biểu duy nhất của thi ca, Gringoa nói.

- Thưa ngài, ngài thật thà quá, quan chấp án tòa Satolê trả lời.

- Ngài là người duy nhất đã hạ cố xem vở kịch đến nơi đến chốn, Gringoa nói tiếp. Ngài thấy nó thế nào?

- Ồ! Ồ! vị pháp quan to béo còn ngài ngủ trả lời, kể ra thì cũng vui vui đấy.

Thế là Gringoa đành bằng lòng với lời khen, vì tiếng vỗ tay như sấm ran xen lẫn tiếng hoan hô dậy đất, chấm dứt câu chuyện giữa hai người. Cuồng đang giảo hoàng đã được bầu xong.

- Nôen! Nôen! Nôen! Dân chúng từ phía gào lên hoan hô.

Quả thật là kỳ diệu cái mặt nhân lúc đó đang sáng ngời lỗ cửa hoa thị. Sau hàng loạt các mặt ngũ lăng, lục giác và dị dạng lần lượt hiện ra ở lỗ cửa, không cái nào đạt tới lý tưởng của sự kỳ quái đã thành hình trong trí tưởng tượng được kích thích vào ngày hội cuồng dật, đúng là phải có nổi cái nhân mặt cao siêu vừa làm đắm đông lóa mắt đó mới giành được cử tri. Chính ngài Cöpponôlo cũng vỗ tay; cả Clôphanh Truiophu cũng dự thi - và chỉ có Chúa mới biết bộ mặt hần đã vươn lên tới đỉnh cao của sự xấu xí - đành chịu thua. Chúng tôi cũng thúc thủ. Chúng tôi không định giúp độc giả có một ý niệm về cái mũi bè bè thành ba mặt tam giác, cái mồm vành móng ngựa, con mắt trái tí hí che lấp bởi chùm lông mày đỏ quạch rậm rì trong khi con mắt phải hoàn toàn biến mất dưới cái mụn cóc to tướng, hàm răng khắp khểnh hồng đỏ ba chỗ như lỗ châu mai pháo đài, cặp môi sần chai có chiếc răng mọc đâm ra như ngà voi, cái cằm vều vao, và nhất là vẻ mặt toát ra từ mọi cái đó, một thứ hỗn

hợp tình quái, kinh ngạc và buồn rầu. Nếu có thể, xin cứ tưởng tượng về cái toàn thể đó.

Tiếng hoan hô nhất tề nổi lên. Mọi người đổ xô vào nhà nguyện. Họ long trọng đưa ra vị Cuồng dâng giáo hoàng may mắn. Nhưng lúc đó sự ngạc nhiên và khâm phục mới đạt tới đỉnh cao. Cái mặt nhân chính là mặt thật của hắn.

Hoặc đúng hơn cả người hắn là một khối nhân. Một cái đầu to tướng lồm chồm tóc đỏ quạch; giữa đôi vai là cái bướu kèch xù làm đằng trước ngực như nhô ra; hệ thống đùi và chân vòng kiềng bẻ queo rất kỳ quái, chỉ có thể chạm nhau ở đầu gối, và nhìn thẳng đằng trước, trông giống như hai lưỡi hái kề nhau ở chỗ tay cầm; hai bàn chân to bè, hai bàn tay lớn khủng khiếp; và cùng với cả hình thù quái dị này, còn là một dáng đi đáng sợ, rất mạnh mẽ, nhanh nhẹn và quả cảm, một ngoại lệ kỳ lạ khác với luật lệ muôn thừa cho rằng sức mạnh cũng như vẻ đẹp là kết quả của hài hòa. Đó đức giáo hoàng do bọn cuồng dâng vừa bầu lên.

Có thể nói đây là một gã khổng lồ bị tháo rời từng mảnh và được hàn lại vụng về.

Khi tên quỷ hiện ra trên ngưỡng cửa nhà nguyện, bất động, mập mạp, chiều ngang gần bằng chiều cao, *vuông vắn ở cái nền*, giống như một vĩ nhân⁽³⁾ với áo ngoài nửa đỏ nửa tím, theo hình gác chuông bằng ngân tuyến, nhất là với vẻ xấu xí hoàn hảo, đám dân chúng nhận ngay ra hắn và đồng thanh reo lên:

- Tên Cadimôđô, thằng kéo chuông! Tên Cadimôđô, thằng gù nhà thờ Đức Bà! Cadimôđô thằng gù nhà thờ

Đức Bà! Cadimôđô, thẳng chột! Cadimôđô, thẳng khoèo chân! Nôen! Nôen!

Thấy ngay gã đáng thương có vô khối biệt hiệu.

- Các bà có chữa hãy cẩn thận! bọn học trò thét lên.

- Cả những ai định có chữa nữa, Giôan nói tiếp.

Các bà quả nhiên vội che mặt.

- Ôi! con khỉ khốn nạn, một bà nói.

- Vừa xấu lại vừa ác, bà khác nói.

- Nó là quỷ đấy, bà thứ ba xen vào.

- Tôi chẳng may lại ở gần nhà thờ Đức bà; suốt đêm, tôi nghe thấy nó cứ lảng vảng trên ống máng.

- Với lũ mèo.

- Nó luôn luôn ở trên nóc nhà chúng tôi.

- Nó gieo tai họa qua ống khói.

- Tối hôm vừa rồi, nó tới trợn mắt nhe răng ở cửa mái nhà tôi. Tôi cứ tưởng là người nào. Sợ quá đi mất!

- Tôi tin chắc nó đi dự dạ hội phù thủy. Có lần nó để chổi lên chậu rác của tôi.

- Eo ôi! cái mặt thẳng gù góm ghê!

- Trời! cái linh hồn độc ác!

- Tôm!

Trái lại, bọn đàn ông vui thích và vỗ tay.

Cadimôđô, đối tượng của đám đông ồn ào, vẫn đứng sững trên ngưỡng cửa nhà nguyện, vẻ mặt âm thầm và nghiêm trang, mặc cho mọi người ngắm nghía.

Một gã học trò, hình như Rôbanh Puxopanh thì phải, đến quá gần và cười ngay vào mũi nó Cadimôđô chỉ khẽ nắm lấy thắt lưng hắn và quăng ra xa mười bước qua đám đông. Không thèm nói nửa lời.

Ngài Côpponôlo thích thú, lại gần hắn.

- Lay chúa! Cha mẹ ơi! Suốt đời tao chưa thấy ai xấu xí tuyệt diệu như mày. Mày xứng đáng ngôi giáo hoàng ở Rôm cũng như ở Pari.

Bác nói và vui vẻ đặt tay lên vai hắn. Cadimôđô không động dậy. Côpponôlo nói tiếp:

- Mày là thằng ngợm khiến tao ngứa ngáy muốn chèn chèn với mày một bữa, dù có phải tốn tới một đồng dudanh mới bằng mười hai đồng doniê tiền Tua. Mày thấy thế nào?

Cadimôđô không trả lời.

- Lay chúa! bác lái quần chèn nói, hay là mày điếc? Quả nó điếc thật.

Nhưng nó bắt đầu khó chịu trước điệu bộ của Côpponôlo, và đột nhiên quay lại phía bác ta, răng nghiến kèn kẹt, khiến con người khổng lồ xứ Phlăngđơ phải lùi lại, như con chó gộc trước con mèo.

Thế là bao quanh nhân vật quái dị đó bằng thành hình một vòng tròn sợ hãi và kính nể ít nhất cũng tới mười lăm bước đường bán kính. Một bà lão bảo cho ngài Côpponôlo biết là Cadimôđô bị điếc.

- Điếc à! Bác lái quần chèn cười sáng sặc kiểu dân xứ Phlăngđơ. Lay Chúa! Đúng là một đức giáo hoàng hoàn mỹ.

- Này! Tôi biết nó, Giảng reo lên, cuối cùng từ nóc cột tụt xuống để tới xem Cadimôđô gần hơn, nó là tên kéo chuông của ông anh phó chủ giáo của tôi - Chào Cadimôđô!

- Người vói ngòm! Rôbanh Puxopanh, vẫn còn đau vì bị quăng ngã, nói. Nó xuất hiện: đó là thằng gù. Nó bước đi: đó là thằng khèo. Nó nhìn ta: đó là thằng chột. Ta nói với nó! đó là thằng điếc. - Thế đấy, tên Polyphem⁽⁴⁾ này, nó dùng lưỡi làm gì?

- Lúc nào thích thì nó nói. Nó điếc vì kéo chuông mãi. Nó không cảm đau, bà già nói.

- Nó còn thiếu mất cái đó. Giảng nhận xét.

- Và nó thừa mất một mắt, Rôbanh Puxopanh thêm vào.

- Không đúng, Giảng nói thật chí lý. Một thằng chột còn hoàn thiện hơn thằng mù nhiều. Nó biết nó thiếu cái gì.

Trong lúc đó, tất cả lũ ăn mày, tôi tớ, ăn cắp, hợp sức với học trò, đã linh đình tìm thấy trong ngăn tủ của các luật sư, chiếc mũ miện bằng bìa cứng và chiếc áo chùng cà tàng của Cuồng đảng giáo hoàng. Cadimôđô lắng lắng để cho họ mặc, với vẻ ngoan ngoãn kiểu hãnh. Rồi họ đặt hần ngồi lên chiếc kiệu sặc sỡ. Mười hai quan viên của hội cuồng đảng khiêng kiệu lên vai; và khuôn mặt u buồn của tên quỷ bóng hơn hờ một niềm vui chua chát và kénh kiệu, khi thấy tất cả đầu những người tuần tũ, hiên ngang và cân xứng đều dưới đôi chân dị hình của mình. Rồi đám rước âm ỉ và rách rưới kéo đi, theo tục lệ, diễu qua dãy hành lang bên trong Tòa pháp đình, trước khi ra phố và ngã tư.

VI. EXMÉRANDA

Chúng tôi vui mừng được báo với bạn đọc là trong suốt thời gian đó, Gringoa và vở kịch vẫn đứng vững. Các đào kép được chàng thúc dít vẫn không ngừng diễn, còn chàng không ngừng nghe. Chàng bất chấp tiếng ồn ào và quyết định diễn tới cùng, vẫn hy vọng rốt cục rồi công chúng sẽ phải quay lại xem. Ánh hy vọng đó bùng lên khi chàng thấy Cadimôđô, Côpponôlo và đám rước Cuồng đảng giáo hoàng đình tai nhức óc đã âm ỉ kéo ra khỏi phòng. Đám đông nô nức chạy ùa theo sau, "Thôi được, chàng thăm nhủ, thế là tất cả bọn lộn xộn dứt rồi." - Đáng tiếc, tất cả bọn lộn xộn lại là công chúng. Trong chớp mắt, gian đại sảnh vắng tanh.

Thực tình mà nói, cũng còn lại vài khán giả, người đứng tản mạn, kẻ tụ họp quanh dãy cột, gồm đàn bà, ông già hoặc trẻ con, đã chán ồn ào và xô đẩy nhau. Dăm gã học trò ngồi cười lên thành cửa sổ và nhìn ra quảng trường.

- Kể ra cũng còn đủ khán giả để xem nốt vở kịch của mình. Họ tuy ít, nhưng là công chúng tinh hoa, công chúng học thức, Gringoa nghĩ bụng.

Một lát sau, bỗng thấy thiếu mất bản giao hưởng đáng lẽ phải gây được hiệu quả mạnh nhất khi Đức bà đồng trình giáng lâm. Gringoa mới biết là dàn nhạc của mình đã bị đám rước Cuồng đảng giáo hoàng lôi tuột đi mất rồi - Thôi, cho qua, chàng nhấn nhục nói.

Chàng tới gần đám thị dân mà chàng cho là đang bàn tán vở kịch của mình. Đây mẫu chuyện chàng bắt chợt nghe được:

- Ngài Sonotô, ngài có biết cái lâu đài Navaro vốn là của ông Nomua không?

- Có, trước mặt nhà nguyên Braco chứ gì.

- Thế mà ty thuế vừa cho Ghiôm Alixăngdro, họa sĩ trang trí bản viết tay, thuê với giá sáu đồng livre tám xu tiền Pari mỗi năm đấy.

- Tiền thuê nhà đắt lên ghê thật!

- Thôi được! Gringoa thở dài thấm nhủ, đã có người khác nghe vậy.

- Các bạn ơi, đột nhiên một gã kỳ cục ngồi trên cửa sổ kêu, *Exmêranda! Exmêranda* ngoài quảng trường kia kia!

Cái tên đó tạo nên hiệu quả kỳ dị. Mọi người còn lại trong phòng đổ xô ra cửa sổ, trèo lên tường để nhìn, và reo lên: *Exmêranda! Exmêranda!*

Cùng lúc bên ngoài vang lên tiếng vỗ tay ran.

- Thế này là thế nào kia chứ, con Exmêranda à? Gringoa nói, thất vọng chấp hai tay. Ô! trời ơi! Bây giờ đến lượt cửa sổ rồi chắc.

Chàng quay nhìn tấm bàn đá và thấy vở kịch đã ngừng diễn. Đúng vào lúc Giuypite phải ra trò với sấm sét trong tay. Thế mà Giuypite vẫn đứng im lìm phía dưới sân khấu.

- Misen Gibornot Thi sĩ nổi giận quát lên, anh đứng làm gì đó? Đến vai anh rồi chứ? Vay lên đi!

- Chán quá, Giuypite nói, một thằng học trò lấy mất thang rồi.

Gringoa nhìn. Sự việc quả đúng như vậy. Mọi giao lưu bị gián đoạn giữa chỗ thất và chỗ mở của kịch tính.

- Thằng mất dạy! Chàng lắm bầm nói. Nó lấy cái thang làm gì kia chứ?

- Để đi xem con Exmêranda. Giuypite trả lời thăm hai. Nó bảo: Đây rồi, có cái thang để không! rồi xách luôn đi.

Đó là đơn cuối cùng. Gringoa nhẩn nhục chịu đơn.

- Quỷ tha ma bắt chúng mày đi! chàng bảo bọn đào kép, nếu tao không ra gì thì chúng mày cũng sẽ chẳng ra sao.

Thế là chàng rút lui, đầu cúi gằm; nhưng là người cuối cùng, như vị tướng đã chiến đấu quyết liệt.

Vừa đi xuống đây cầu thang khúc khuỷu của Tòa pháp đình, chàng vừa lầu bầu trong miệng: - Cái lũ dân Pari này quả là một đám đông hỗn tạp hết sức ngu ngốc và dần dộn; họ đến để nghe thánh kịch mà chẳng chịu nghe gì cả! Họ chú ý đến tất cả mọi người, cả Clôphanh Truiophu, cả giáo chủ, cả Côppônôlo, cả Cadimôdô, cả quý sư! nhưng lại không hề chú ý đến Đức bà đồng trinh. Đồ ngu, tao mà biết thế này thì rồi có khối Đức bà đồng trinh mà xem! Con mình, mình đến đây để nhìn các khuôn mặt lại thấy toàn lưng là lưng! Là thi sĩ mà lại thắng lợi như một gã bào chế! Đúng là Hôme⁽¹⁾ đã phải ăn mày ở các thị trấn Hy Lạp và Nadông⁽²⁾ chết lưu đày ở Mátxcova. Nhưng quý ăn thịt mình cũng được, miễn mình

hiếu nổi dân chúng đó thích thú cái gì ở con Exmêranda!
Trước hết, cái tên đó là cái gì? là trò bói toán cát nung
kiểu Ai-cập!

QUYỂN HAI

I. TỪ SARIPDO SANG XYLA

Tháng giêng, đêm xuống sớm. Phố xá đã tối om khi Gringoa rời Tòa pháp đình. Chàng thích đêm tối như vậy; chàng muốn đi ngay vào một ngõ tối và vắng để tha hồ nghĩ ngợi, để triết nhân xoa dịu nỗi đau của thi nhân. Vả lại, triết học đã trở thành nơi ẩn náu duy nhất, vì chàng không biết ở đâu bây giờ. Vở kịch diễn thì đã rành rành chết yếu, chàng không dám trở về căn nhà thuê ở phố Kho - trên sông, - ngay trước Bến cỏ, vì đã tính là ngài đô trưởng phải trả tiền cho vở chúc hôn thì, để chàng trả cho bác Ghiôm Đun Xia, nhân viên bao thuế bò dê vào phố của Pari, số nợ sáu tháng tiền thuê nhà, tức mười hai xu tiền Pari, nó bằng mười hai lần giá trị của những gì chàng có trên đời này, kể cả quần chèn ngắn, áo sơ mi và chiếc mũ trùm đầu. Đứng trú tạm dưới cửa tò vò con của căn nhà tối tăm viên quản ngân khố khu Xanh Sape, sau khi suy nghĩ một lát về nơi tạm trú đêm nay, với đủ các hẻm đường Pari tha hồ lựa chọn, chàng sực nhớ tuần trước, ở phố Hàng giày cũ, mình đã

nhằm sẵn một bậc thềm để leo lên lưng lừa ở trước của nhà viên cố vấn Tối cao pháp viện và thẳm nhủ thềm đá này có lúc sẽ thành cái gối vô cùng tuyệt diệu cho một gã ăn mày hoặc thi sĩ. Chàng tạ ơn thượng đế đã ban cho mình ý nghĩ hay ho đó; nhưng đang lúc sắp sửa đi qua quảng trường Tòa pháp đình để sang dãy mê cung khúc khuỷu của Khu thành cũ, nghèo nghèo mọi phố cũ cùng thời, nào phố Hàng thùng, phố Hàng dạ cũ, nào phố Hàng giày cũ, phố Do Thái v.v... hiện nay vẫn còn nguyên với dãy nhà mười tầng, chàng chợt thấy đám rước Cuồng dâng giáo hoàng cũng vừa ở Tòa pháp đình đi ra và kéo lừa ngang qua đường, hò hét ầm 1, đuốc sáng trưng và cả dàn nhạc của chàng, Gringoa. Lòng tự ái bị tổn thương lại quặn đau khi nhìn thấy cảnh tượng này; chàng lùi trốn. Trong nỗi niềm chua chát về vở kịch bị thất bại, mọi điều gợi nhớ đến ngày hội đều làm chàng căm kỉnh và róm máu vết thương lòng.

Chàng định đi qua cầu Xanh Misen; trẻ con đang chạy tung tăng trên đó, chơi pháo hoa và pháo thăng thiên.

- Pháo với phiếc chết tiệt!

Gringoa rửa thẳm và rẽ sang cầu Hồi đoái. Trước cửa dãy nhà ở đầu cầu có treo ba bức hình vẽ hoàng thượng, thái tử và công chúa Margorit Đờ Phlăngđơ, và sáu bức nhỏ hơn có chân dung công tước Ôtriso, giáo chủ Buốcbông, rồi ngày Bôgiơ, rồi lệnh bà Gian Đờ Phrăngxơ, rồi ngài con hoang Buốcbông và một vị nào đó nữa; tất cả sáng choang dưới ánh đuốc. Đám đông đứng ngắm nghía.

- May mắn thay họa sĩ Giảng Phuốcbôn!

Gringoa thở dài thườn thượt, thẳm nhủ và quay lưng lại dãy hình lớn, hình con. Trước mặt là một căn phố; phố tối om, vắng ngắt, làm chàng hy vọng thoát khỏi mọi tiếng ồn ào cũng như ánh sáng đêm hội. Chàng đi vào phố. Lát sau, chàng vấp phải một vật, loạng choạng và té ngã. Hóa ra bó cây thối rữa, mà bọn giáo sinh của giới luật đã đặt từ sáng trước cửa nhà qua chánh án tòa Tối cao pháp viện, nhân dịp ngày lễ long trọng. Gringoa dùng cảm chịu đựng cuộc chạm trán mới này. Chàng đứng dậy và ra bờ sông. Để lại sau cái tháp nhỏ dân sự và tháp lớn của khu vườn ngự uyển, trên bãi sỏi không lát đá, bùn ngập tới mắt cá chân, chàng tới mồm phía tây Khu thành cũ và đứng ngắm nghía một lát cù lao Chú đưa bò qua sông, đến nay đã biến mất dưới bức tượng con ngựa bằng đồng thau và cầu Mới. Hòn đảo nhỏ hiện trong bóng đêm, như một khối đen sì, ở phía bên kia ngòi nước hẹp, trắng bạch, ngần đôi. Nhờ ánh đèn sáng leo lét, có thể thấp thoáng thấy một căn lều trông như tổ ong của chú đưa bò qua sông trú ngụ ban đêm.

- Sung sướng thay chú đưa bò qua sông! Gringoa thẳm nghĩ, chú mày chẳng cần nghĩ tới tên tuổi mà cũng không làm chúc hôn thì! Chú mày mặc xác cả vua chúa kết hôn lẫn các nữ công tước Buốcgônho! Chú mày cóc cần loại hoa nào khác loại cúc margorit trong bãi cỏ đầu xuân thường để cho bò gặm! Còn ta, thi nhân, ta bị la ó, ta rét run, ta nợ mười hai xu và đế giày ta mỏng tang đến nỗi có thể dùng làm kính đèn lồng cho chú mày. Cảm ơn, hỡi chú đưa bò qua sông! Căn lều của chú mày làm ta vui mắt và giúp ta quên Pari!

Chàng bùng tỉnh khỏi cơn cảm khái gần như trủ tình trước tiếng pháo kếp Xanh Giăng đột nhiên từ căn lều thơ mộng đó nổ đùng. Đó là chú đưa bò qua sông cũng tham gia vui chơi ngày hội và đốt pháo hoa.

Tiếng pháo làm Gringoa sồn gai ốc.

- Hội hè phải gió! Chàng nguyên rửa, mày định deo đuổi tao đến tận đâu nữa? Chao, trời ơi, đến tận túp lều của chú đưa bò qua sông.

Rồi chàng nhìn dòng sông Xen dưới chân và nảy ra ý định khùng khiếp:

- Ôi! Chàng thâm nhủ, ta sẽ vui lòng trầm mình ngay, nếu nước không quá lạnh!

Thế là chàng liền có ngay một quyết định tuyệt vọng. Đà không thoát khỏi Cuồng đảng giáo hoàng, các tranh vẽ của Giăng Phuốcbôn, bó cây thối năm, pháo hoa lẫn pháo đùng, thì nên mạnh dạn lao vào giữa trung tâm hội hè, tới thẳng quảng trường Greco.

- Ít nhất, chàng thâm nghĩ, may ra ta cũng có được mẩu củi của đồng lửa liên hoan mà sưởi ấm, rồi chưa chừng còn kiếm được cả vài mẩu vụn của ba tấm huy hiệu lớn làm bằng đường của hoàng gia, chắc họ đã dựng trên quầy ăn công cộng của đô thành.

II. QUẢNG TRƯỜNG GREVO

Đến nay, quảng trường Grevo chỉ còn lại chút vết tích ít ỏi so với thời xưa. Đó là cái tháp con xinh đẹp dựng lên ở góc phía bắc quảng trường đã bị vùi lấp dưới lớp vôi quét bẩn thỉu, nó mài mòn cả các góc cạnh điêu khắc

sắc nét, có lẽ cái tháp rồi ra cũng sẽ mất hẳn, bị chìm ngập dưới dòng lũ của nhà cửa mới xây đang nuốt phăng rất nhanh chóng mọi tòa nhà cũ ở Pari.

Những người, như chúng ta, không bao giờ đi ngang qua quảng trường Greve mà không thương hại và không thiện cảm đoái nhìn cái tháp con tội nghiệp đó, bị nghẹt giữa hai căn lầu thời Luy XV, chúng ta có thể dễ dàng hình dung trong trí óc toàn bộ dãy dinh thự quanh quảng trường và thấy lại nguyên vẹn cái quảng trường cổ gồ-gồ-tích của thế kỷ mười lăm.

Cũng như hiện nay, đó là một hình thang không đều, một cạnh là bến sông còn ba cạnh kia là một loạt nhà cao, hẹp và tối! Ban ngày, có thể ngắm nhìn vẻ đa dạng của những dinh thự, tất cả đều chạm trổ bằng đá hoặc gỗ, chúng giới thiệu đầy đủ các kiểu mẫu kiến trúc nhà ở khác nhau của thời trung cổ, ngược từ thế kỷ mười lăm lên thế kỷ mười một, kể từ chiếc cửa sổ kính bát đầu truất phế hình cung nhọn, tới hình cung tròn rôman từng bị hình cung nhọn thay thế và hiện nay, ở phía dưới hình cung nhọn đó, nó vẫn chiếm giữ tầng gác một của tòa nhà cổ ở tháp Rôlăng, ngay góc quảng trường trông ra sông Xen, phía phố Hàng da Ban đêm, khối dinh thự này chỉ hiện lên đường viền đen của dãy góc nhọn những mái nhà trập trùng bao quanh quảng trường. Vì sự khác biệt căn bản nhất giữa thành phố hồi đó và thành phố bây giờ là hiện nay, các mặt nhà đều thông ra quảng trường và phố xá, còn hồi đó lại là các đầu hồi. Từ hai thế kỷ nay, nhà cửa đều xoay hướng.

Ở giữa, về phía đông quảng trường, sừng sững một kiến trúc nặng nề và lai tạp gồm ba tòa nhà xây kế nhau. Người ta gọi nó bằng ba cái tên, chúng cất nghĩa lịch sử, việc sử dụng và kiến trúc của nó: *Nhà thái tử*, vì Sácơ V, thái tử, từng ở đó; *Thương phẩm*, vì nó dùng làm Tòa đô chính; *Nhà cột* (*domus ad piloria*), vì có dãy cột lớn đỡ ba tầng gác. Thành phố tìm thấy ở đó tất cả những gì cần thiết cho một đô thành tốt lành như Pari: một nhà nguyện để cầu Chúa; một phòng cãi để mở phiên tòa biện hộ và nếu cần thì bắt bẻ người của nhà vua; và trên tầng dưới nóc là một *kho vũ khí* đầy súng đạn. Vì thị dân Pari biết rằng không phải bất cứ trường hợp nào cũng chỉ cần cầu nguyện và biện hộ cho quyền tự trị của Khu thành cũ là đủ, nên họ luôn dự trữ sẵn trong một kho thóc ở Tòa đô chính dăm khẩu súng hỏa mai chính cống đã hoen gỉ.

Ngay từ hồi đó, quảng trường Grevo đã mang vẻ rùng rợn mà đến nay nó vẫn còn giữ được, do ý nghĩ đáng ghét tự gọi nên và do Tòa đô chính u ám của Đôminic Bôcado đã thay thế cho Nhà cột. Phải nói một dài treo cổ và một giàn bên tù thường trực, mà thời đó người ta gọi là cái cân và cái thang, được dựng cạnh nhau, ngay giữa lòng đường lát đá, đã góp phần không nhỏ khiến mọi người không thém nhìn vào cái bãi tàn khốc đó, nơi bao kẻ tràn đầy sức khỏe và sinh lực đã từng hấp hối; nơi năm mươi năm sau lại nảy sinh *con sốt Xanh Valiê*, cái bệnh khủng bố bằng xử giáo, ghê tởm nhất trong mọi thứ bệnh, vì không phải do Chúa mà chính do con người gây ra.

đám đông trên cầu Hồi đối và tránh các tranh vẽ của Giảng Phuớcbôn; nhưng tất cả bánh xe cối xay của đức giám mục đã bắn tóe nước khi chàng đi qua, nên áo ngoài ướt sũng. Hơn nữa, chàng có cảm tưởng vô kích thất bại còn khiến mình rét hơn. Cho nên chàng vội đến gần đồng lửa liên hoan đang bốc cháy ngùn ngụt giữa quảng trường. Nhưng một đám đông nghịt đã vây quanh.

Dân Pari chết tiệt! Gringoa thảm nhủ, vì chàng đang thích độc thoại như một thi sĩ hí kịch chân chính, thế là họ lại án ngữ mất đồng lửa! Mà mình đang rất cần một chỗ sưởi ấm. Giày thì ướt sũng, còn lú cối xay khi gió đó lại ào ào hất nước vào mình! Quý tha cái lão giám mục Pari cùng tất cả cối xay của lão! Không biết giám mục thì cần đến cối xay làm gì kia chứ! Dễ thường lão muốn trở thành giám mục xay lúa chắc? Nếu lão cần được nguyên rửa, mình sẵn sàng nguyên rửa, cả tòa nhà thờ lớn lẫn mọi cối xay của lão! Thử xem lũ dân ba cha kia có sắp xéo đi không! Không biết họ làm gì ở đó! Họ đang sưởi; thú vị thật! Họ xem đốt lửa liên hoan; vui vẻ thật!

Chàng đến gần xem sao và thấy vòng người to rộng hơn nhiều, không phải để sưởi, còn đám đông đang nghin nghịt kéo đến cũng không phải chỉ cốt xem vẻ đẹp của ngọn lửa liên hoan đang bốc cháy.

Trên khoảng trống rộng rãi để chừa giữa đám đông và đồng lửa, một cô gái đang nhảy múa.

Cô gái đó là người, hay tiên hay thiên thần, mặc dù là triết gia hoài nghi, là thi nhân châm biếm, thì ngay phút đầu, Gringoa cũng không thể xác định, vì cảnh tượng huy hoàng làm chàng lóa mắt.

Nhân tiện xin nói thêm, quả là điều an ủi khi nghĩ cách đây ba trăm năm, tội tử hình còn chất chồng những bánh sắt phơi thây, dài treo cổ bằng đá, tất cả các dụng cụ nhục hình thường trực và chôn chặt ở lòng đường, ở quảng trường Grevo. Khu chợ, quảng trường Thái tử, ngã tư giáo đài Croa Duy Trahoa, chợ Heo, dài treo cổ Môngphôcôg góp ghiếc, rào chắn Cảnh binh, bãi Chuột, cổng Xanh Đom, Sămpô, cổng Bôđê, cổng Xanh Giắc, chưa kể vô vàn giáo đài của những đô trưởng, giám mục, tăng hội, tu viện trưởng, tăng viện trưởng đầy pháp quyền; chưa kể những vụ xử chìm trôi sông Xen, sau khi lần lượt mất hết mọi mảnh giáp trụ, mọi cực hình thừa mứa, mọi hình phạt kỳ quái và ngông cuồng, mọi nhục hình mà cứ năm năm một lần phải làm lại chiếc giường da ở tòa Đại Satolê, hiện nay quả là điều an ủi khi thấy quyền bá chủ già cỗi của xã hội phong kiến đó, gần như bị đuổi ra khỏi vòng pháp luật và khỏi thành phố, bị truy lùng từ đạo luật này tới đạo luật khác, bị xua đuổi từ chỗ này sang chỗ khác, cái quyền đó chỉ còn lại ở đô thành bát ngát Pari chúng ta một xó xinh ở nhục quảng trường Grevo, một máy chém tối tàn, lén lút, thấp thòm, nhục nhà, hình như lúc nào cũng lo ngay ngáy bị bắt quả tang, vì nó chuồn thật nhanh sau khi đã chém đầu!

III. BESOS PARA GOLPES⁽¹⁾

Khi tới quảng trường Grevo, Pie Gringoa rét cồng cả người. Chàng đã đi đằng phía cầu Thợ xay để tránh cái

Cô ta không cao lớn, mặc dù có vẻ như vậy, vì dáng người thanh mảnh vươn lên hết sức ngạo nghễ. Nước da nâu, nhưng ban ngày hắt ánh lên màu hồng tươi đẹp của dân Ängdaludi⁽²⁾ và dân La Mã. Bàn chân nhỏ nhắn cũng là chân người Ängdaludi, vì xò vừa khít vừa thoải mái vào đôi giày xinh xắn. Cô ta nhảy múa, xoay tròn, quay tít, trên tấm thảm Ba Tư cũ, trải tạm dưới chân; và mỗi lần quay tròn, khuôn mặt rạng rỡ của cô lại lướt qua đôi mắt to đen ngời sáng như ánh chớp.

Xung quanh cô, mọi người há hốc mồm, chăm chú xem; và quả thực là một con người siêu phàm, khi cô cứ thế nhảy múa theo tiếng trống rền trên đôi cánh tay tròn lẳn và thanh tao giơ cao quá đầu, với dáng người mảnh dẻ, lả lướt và nhanh nhẹn như ong bù về, trong chiếc áo nịt kim tuyến phẳng phiu, áo dài sắc sỡ phồng bay, với đôi vai trần, cặp chân thon thỉnh thoảng lộ ra dưới váy, mái tóc huyền, cặp mắt rực lửa.

- Quả thực, Gringoa nghĩ thầm, đây là một xà nuơng, một thần nữ, một tiên cô, một yêu tinh trên đỉnh núi Mênalên!

Giữa lúc đó, một bím tóc của "xà nuơng" tuột ra và một vật bằng đồng màu vàng buộc vào đó rơi xuống đất.

- Ô không! chàng nói, cô ta làm dân bôhêmiêng⁽³⁾.

Thế là tan biến mọi ảo mộng.

Cô ta lại nhảy tiếp. Cô nhặt hai thanh kiếm dưới đất, giơ mũi kiếm vào trán rồi xoay ngược với chiều người quay tít. Đúng là gái bôhêmiêng chính cống. Nhưng dù Gringoa vỡ mộng đến đâu, toàn bộ cảnh tượng đó cũng không thiếu vẻ huyền ảo và quái dị; ngọn lửa liên hoan chói lọi

và đồ rực chiếu sáng cô ta, lung linh rực rỡ trên các khuôn mặt của đám đông đang quay tròn, trên vầng trán nâu cô gái, và hắt quầng sáng nhạt nhấp nhô bóng người về cuối quảng trường, soi mặt tiền cũ kỹ, đem nhẻm và răn reo của tòa Nhà cột phía bên này, và các xà đá của dãi treo cổ phía bên kia.

Giữa hàng nghìn khuôn mặt nhuộm ánh lửa đỏ hồng, có một khuôn mặt hình như còn ngấm cô vũ nữ say mê hơn cả mọi người. Đó là một khuôn mặt đàn ông khắc khổ, diêm dăm và u ám. Người này bị đám đông vây quanh che lấp mất quần áo và có vẻ chưa quá băm nhăm tuổi; nhưng y đã hói trán; hai thái dương chỉ lơ thơ vài túm tóc thưa lốm đốm hoa râm; vầng trán rộng và cao bắt đầu nhăn nheo; nhưng đôi mắt sâu lại sáng ngời cái ánh thanh xuân kỳ lạ, cái sức sống nồng cháy, cái ham mê đắm đuối. Đôi mắt không rời cô bôhêmiêng và trong khi cô gái mười sáu tuổi cuồng nhiệt nhảy múa để mua vui cho mọi người thì sự mơ màng của hắn ta như mỗi lúc càng thêm u uất. Thỉnh thoảng, nụ cười và tiếng thở dài lại gặp nhau trên cặp môi hắn, nhưng nụ cười đau đớn hơn tiếng thở dài.

Cuối cùng, cô gái mệt phờ dừng lại và đám đông hoan hô nhiệt thành.

- Giali, cô gái gọi.

Và Gringoa thấy chạy lại một con dê con xinh đẹp, trắng toát, nhanh nhẹn, tinh ranh, bóng loáng cặp sừng vàng óng, đôi chân vàng óng, chiếc vòng cổ cũng vàng óng, mà từ này đến giờ chàng chưa nhìn thấy vì nó vẫn ngồi xồm ở góc thẳm và xem cô chủ nhảy múa.

- Giali, giờ đến lượt em, cô vũ nữ nói.

Rồi cô ngồi xuống và duyên dáng chia cái trống cho con dê.

- Giali, cô hỏi, bây giờ là tháng mấy?

Con dê giơ chân trước và gõ một cái vào mặt trống. Quả thực đang tháng giêng. Đám đông hoan hô.

- Giali, cô gái hỏi tiếp, xoay sang mặt trống bên kia, hôm nay là ngày bao nhiêu?

Giali giơ chiếc chân nhỏ vàng chóc và gõ sáu tiếng lên mặt trống.

- Giali, cô gái Ai-cập lại hỏi, xoay tiếp mặt trống, bây giờ là mấy giờ?

Giali gõ bảy tiếng. Giữa lúc đó, chuông đồng hồ Nhà cột đóng lên bảy tiếng.

Dân chúng kinh ngạc.

- Đúng là nó có yêu thuật, một giọng nói rùng rợn vang lên giữa đám đông. Đó là giọng người hói trán vẫn nhìn chăm chăm cô gái.

Cô ta giật mình, quay lại; nhưng tiếng vỗ tay ran lên và át hẳn tiếng nói rầu rĩ.

Tiếng vỗ tay xóa hẳn tiếng nói đó trong đầu óc cô nên cô tiếp tục hỏi con dê.

- Giali, ngài Ghiza Grăng Remy, đại úy khinh binh đô thành, đã làm gì trong đám rước ngày lễ thánh Săngdolo?

- Giali đứng thẳng hai chân sau và kêu be be, đi rất nghiêm trang, duyên dáng, khiến cả đám đông quay tròn

phải phì cười vì lối bắt chước thói sùng tín vụ lợi của vị đại úy khinh binh.

- Giali, cô gái hỏi tiếp, càng bạo dạn vì đã thành công hơn, ngài Giắc Sarmôluy, biện lý hoàng gia tại giáo hội pháp viện, rao giảng như thế nào?

Con dê liến ngổ xồm và kêu be be, hai chân trước múa may trông thật kỳ cục, cho nên nếu không tính đến thứ tiếng Pháp và tiếng la-tinh rất tối, thì cử chỉ, giọng nói, điệu bộ, thật giống hệt Giắc Sarmôluy.

Đám đông càng vỗ tay âm ỉ.

- Trò phi báng! tội phạm thượng! giọng người hời trán lại vang lên.

Một lần nữa, cô bôhêmiêng lại quay lại.

- Al cô nói, hóa ra cái lão khốn nạn này! Rồi chìa môi dưới ra khỏi môi trên, cô ngúng nguẩy bĩu môi theo thói quen, xoay gối quay ngoắt người đi và chìa chiếc trống, di xin tiền thường của đám đông.

Hào lớn, hào con, nào xu, nào chinh rào rào ném xuống như mưa. Đột nhiên, cô tới trước mặt Gringoa. Chàng đại đột thọc ngay tay vào túi làm cô dừng lại. - Quái quỷ! nhà thơ nói, thấy trong đáy túi là thực tế tức rỗng không. Tuy nhiên cô gái xinh đẹp vẫn đứng đó, nhìn chàng bằng đôi mắt mở to, chìa cái trống ra và chờ đợi. Gringoa toát mồ hôi hột.

Nếu có cả nước Pêru trong túi, chắc chắn chàng sẽ cho luôn cô vũ nữ, nhưng Gringoa không có nước Pêru, và lại ngay châu Mỹ hồi đó cũng chưa được tìm ra.

May thay, một sự việc bất ngờ tới cứu chàng.

- Con cào cào Ai-cập kia, mày có cút đi không? một giọng the thé thét lên từ xó tối om của quảng trường.

Cô gái sợ hãi quay lại. Đó không phải giọng người hói trán; mà là giọng đàn bà, một giọng sùng đạo và độc ác.

Thế nhưng, tiếng thét làm cô gái khiếp sợ lại khiến lũ trẻ chơi đùa quanh đó vui thích.

- Đó là mù tu kín ở Tháp Rôlăng, chúng reo lên, cười âm ỉ, đó là mù tu dòng Tui đang gào lên! Hay là mù ta chưa ăn gì, ta mang lại cho mù ít thức ăn thừa của quầy ăn thành phố đi! Cả bọn đổ xô về phía Nhà cột.

Trong khi đó, Gringoa lợi dụng lúc cô vũ nữ hết hoảng liển chuẩn thẳng. Tiếng trẻ hò reo làm chàng nhớ cả mình cũng chưa ăn gì. Chàng vội chạy tới quầy ăn. Nhưng lũ ranh con nghịch ngợm nhanh chân hơn; chàng tới nơi thì chúng đã vét sạch. Ngay đến mẩu bánh tối tàn nằm xu một cân cũng chẳng còn. Trên tường chỉ còn những bó hoa huệ mảnh dẻ, lẫn với tường vi, do Matior Bitécno vẽ từ năm 1434. Bữa ăn như thế thì đạm bạc quá.

Chưa ăn gì mà đi ngủ là chuyện phiền; chưa ăn gì mà còn không biết ngủ đâu, lại càng ít vui tươi hơn. Gringoa đang lâm vào bước đó. Không cơm ăn, không nhà ở; sinh kế bốn bề thúc bách và chàng cảm thấy chuyện sinh kế thực là khốn khổ. Từ lâu chàng đã phát hiện ra chân lý là Giuypite, trong lúc quá yếm thế, đã sáng tạo ra loài người và trong suốt cuộc đời nhà hiền triết, số phận đã vây hãm triết lý của y. Còn chàng, chưa bao giờ chàng bị vây hãm triệt để như thế này; chàng nghe dạ dày kêu gọi dầu hàng và thấy hết sức vô vị khi chính

số phận hẩm hiu lại dùng cái dối để đánh bại triết lý của mình.

Chàng đang mỗi lúc một thêm mơ mộng buồn rầu thì đột nhiên bừng tỉnh khi có tiếng hát kỳ dị, tuy rất êm ái, cất lên. Đó là tiếng hát cô gái Ai-cập.

Tiếng hát cũng giống như điệu múa và sắc đẹp của cô. Nó khó tả mà đáng yêu: có thể nói, đó là cái gì trong sáng, âm vang, thanh thoát, bay bổng. Tiếng hát liên tiếp bừng nở, các giai điệu, các tiết tấu đều bất ngờ, rồi các câu nhạc giản dị xen lẫn với những âm cao vút, lạnh lạnh, rồi các chuyển giọng cách quãng làm chim họa mi cũng không sánh kịp, nhưng vẫn du dương như thường, rồi các ngân rung bất độ mềm mại lúc dâng lên khi hạ xuống như cặp vú cô ca sĩ trẻ. Guong mặt xinh đẹp của cô linh động kỳ lạ với mọi biến thái của bài hát, từ cảm hứng cuồng loạn tới vẻ trang trọng thanh khiết nhất. Có thể nói cô khi như con diên, lúc là bà hoàng.

Lời ca thuộc một ngôn ngữ xa lạ với Gringoa, và hình như cô cũng không hiểu, vì tình cảm diễn tả qua điệu hát rất ít phù hợp với ý nghĩa của lời. Ví dụ như bốn câu thơ sau đây qua miệng cô hát, thật vô cùng vui nhộn:

*Un cofre de gran riqueza
Hallaron dentro un pilar,
Dentro del, nuevas banderas
Con figuras de espantar.*⁽⁴⁾

Rồi lát sau, Gringoa cảm thấy ứa nước mắt khi nghe giọng cô hát đoạn thơ này:

*Alarabes de cavallo
Sin poderse menear,*

*Con espadas y los cuellos,
Balleslas de buen echar.*⁽⁵⁾

Tuy nhiên, tiếng hát vẫn ngời sáng niềm vui và cô hát như chim hót, bình thản và vô tư.

Tiếng hát cô gái khuấy động tâm hồn mơ mộng của Gringoa, như con thiên nga khuấy động mặt nước. Chàng lắng nghe, say sưa và quên hết mọi thứ. Sau nhiều giờ, đây là giây phút đầu tiên, chàng không cảm thấy đau khổ.

Khoảng cách này thật ngắn ngủi.

Vẫn giọng đàn bà, đã ngắt quãng điệu nhảy của cô gái, lại tới cắt đứt tiếng hát.

- Con ve sầu âm phủ kia, mày có cảm mồm ngay đi không? mày vẫn từ trong xó tối om ở quảng trường thốt lên.

Con ve sầu tội nghiệp ngừng bật. Gringoa bịt hai tai.

- Ôi! Chàng kêu lên, cái cua mẹ khốn nạn làm gãy cây đàn ly tao rồi!

Cả các khán giả khác cũng thốt lên như chàng, nhiều người rủa:

- Cái con mẹ tu kín chết tiệt!

Và mẹ già phá đám vô hình ắt sẽ phải hối hận về tội trên chóc cô bôhemiêng, nếu đám đông lúc đó không mãi quay sang xem đám rước Cuồng đảng giáo hoàng, sau khi điếu qua nhiều phố và ngã ba ngã tư, đang đổ ra quảng trường Grevo, với đầy đủ lửa đuốc và tiếng ồn.

Đám rước mà bạn đọc đã thấy từ Tòa pháp đình kéo ra, vừa thành hình trên đường đi, vừa thu thập thêm tất cả những ai du còn xỏ lá, vô công rồi nghề và lang thang

trộm cắp, vẫn thường xuyên có mặt ở Pari, cho nên khi tới quảng trường Grevo, đám rước đã có vẻ hùng hậu lắm.

Dẫn đầu là xứ Ai-cập. Quận công Ai-cập cưỡi ngựa, dẫn đầu, có các bá tước đi chân, giữ dây cương cùng bàn đạp hộ, theo sau là đàn ông đàn bà Ai-cập lộn xộn, với lũ con nhỏ kiêu trên vai đang hò hét; tất cả, nào quận công, bá tước, dân cùng đinh, đều ăn mặc rách rưới, tả tơi. Rồi tới vương quốc tiếng lóng: tức là cả bọn trộm cắp ở Pháp, xếp hàng theo trật tự thứ bậc: cấp bé đi trước. Cứ như thế chúng diễu thành hàng bốn, với đủ loại huy hiệu khác nhau về cấp bậc của cái đoàn thể kỳ quái này, hầu hết đều què quặt, đứa thì thọt, đứa thì cụt, rồi ăn mày bán chuyen giả danh thất nghiệp, ăn mày đeo vớ hến vờ làm hành giả, ăn mày vờ bị chó đại cắn phải đến nhà thờ chữa bệnh, ăn mày ngậm xà phòng xùi bọt mép giả động kinh, đứa giả chốc đầu, giả ốm yếu, giả dói rách, giả què chống nạng, bọn cắt túi, bọn giả sâu quảng, phù thủng, giả bị bỏng, giả lái buôn phá sản, giả phế binh, giả hủi, bọn lòi con, bọn nghiện ngập; sự điểm duyệt đến Homero cũng mệt nhoài. Ở giữa đoàn tuyển thủ của bọn hủi và bọn nghiện ngập thấp thoáng thấy vua xứ tiếng lóng, Đại vương Côexro ngồi xồm trong chiếc xe ba gác nhỏ do hai con chó to kéo. Sau vương quốc tiếng lóng tới đế quốc Galilê⁽⁶⁾, Ghiôm Ruxô, hoàng đế đế quốc Galilê, dường bề bước đi trong chiếc áo bào đỏ tía hoen rợp vang, phía trước là bọn hề đang múa may quay cuồng các chiến vũ, hộ tống chung quanh là các gã mang chùy, các phò tá, và các thư lại văn phòng thanh toán. Cuối cùng là giới luật sư, với những cành cây thàng năm đầy hoa,

với áo dài đen, với bản nhạc om sòm âm 1, và những cây nến to tướng bằng sáp vàng. Giữa đám đông đó, các đại quan viên của hội đoàn cuồng dâng, khiêng trên vai cái cồng gấn dầy nến, nhiều hơn cả tráp thánh tích Xanh to Gionoviero vào thời dịch hạch. Và trên cồng chễm chệ ngôi vị tân giáo hoàng cuồng dâng, tay mang pháp trượng, mình mặc áo lễ, đầu đội mũ giáo chủ, tức tên kéo chuông nhà thờ Đức Bà, thẳng gù Cadimôđô.

Mỗi đoàn của đám rước lộ lằng này đều có âm nhạc riêng. Bọn Ai-cập khua rầm rĩ phách và trống Phi châu. Bọn nói lóng, thuộc loại rất ít khiêu nhạc, thì mới dừng lại ở đàn cò, kèn và tù và cổ lỗ của thế kỷ mười hai. Đế quốc Galilê cũng chẳng tiến bộ gì hơn: chỉ thấy trong dàn nhạc cây đàn robêch tối tàn của thời nghệ thuật sầu trĩ, có độc ba dây *rê-la-mi*. Thế nhưng tất cả dàn nhạc phong phú của thời đại đã được triển khai trong điệu nhạc chương tạc tuyệt mỹ, tấu quanh giáo hoàng cuồng dâng. Toàn tiếng đàn robêch vút cao, tiếng đàn robêch lạnh lạnh, tiếng đàn robêch dứt đoạn, chưa kể đến sáo, tiêu và bộ đồng. Than ôi! bạn đọc hẩn còn nhớ, đó chính là dàn nhạc của Gringoa.

Thật khó lòng hình dung được mức độ hơn hở đến kiêu kỳ và thỏa mãn trên bộ mặt buồn rầu và ghê sợ của Cadimôđô, trên chặng đường từ Tòa pháp đình tới quảng trường Grevo. Đây là lần đầu tiên hẩn được thỏa mãn lòng tự ái, như chưa bao giờ hưởng qua. Đến nay, hẩn chỉ được biết toàn tử nhục, khinh rẻ đối với hoàn cảnh hẩn, toàn ghê tởm đối với bản thân hẩn. Cho nên mặc dù điếc, hẩn vẫn thưởng thức như một giáo hoàng

chính cống mọi hoan hô của đám đông, mà hắn cảm ghét vì cảm thấy mình bị họ cảm ghét. Dù cho thần dân chỉ là lũ ô hợp những bọn điên khùng, bại liệt, trộm cắp, ăn may, cũng chẳng sao! Họ vẫn cứ là thần dân, và hắn cứ là chúa tể. Và hắn thực tâm thích thú mọi hoan hô giễu cợt đó, mọi kính nể nhạo báng đó, mà phải nói đám đông kể ra cũng hơi có phần sợ hãi thực sự. Vì gã gù vốn khỏe; vì gã khoèo vốn nhanh nhẹn; vì gã điếc vốn độc ác: ba đức tính làm giảm vẻ tức cười.

Kể ra, ta cũng khó tin được là vị tân giáo hoàng cuồng dâng tự mình hiểu nổi những cảm giác mà hắn cảm thấy và những cảm giác do hắn gây ra. Trí tuệ ẩn náu trong thân hình tàn tật nhất định tự nó cũng thiếu hụt và cảm lặng. Cho nên những điều cảm thấy lúc này, đối với hắn, đều hoàn toàn mơ hồ, không rõ và vô định. Chỉ thấy lóe lên niềm vui sướng, tràn trề kiêu ngạo. Chuông quanh khuôn mặt u ám và đau khổ bỗng tỏa sáng.

Cho nên mọi người không khỏi kinh ngạc và khiếp sợ khi thấy một người từ đám đông chạy tới rồi tức giận giăng khỏi tay Cadimôđô chiếc pháp trượng bằng gỗ thép vàng, biểu hiện của quyền lực giáo hoàng cuồng dâng, giữa lúc hắn đang say sưa đắc chí điếu qua trước Nhà cột.

Người này, gã tảo tợn đó, chính là nhân vật hói trán một lát trước đây còn đứng lẫn trong đám đông để xem cô bôhêmiêng và làm cô bé tội nghiệp lạnh toát người vì những lời đe dọa, hắn học. Hắn mặc áo giáo sĩ. Khi hắn bước ra khỏi đám đông, Gringoa từ nãy vẫn không để ý tới, bỗng nhận ra: - Kia! chàng ngạc nhiên thốt lên, hóa ra đức cha Clôđơ Phrêlô, phó chủ giáo, thầy dạy ta về

Héc-mét!⁽⁷⁾ Trời ơi, cha định làm gì cái thằng chột khôn nạn đó không biết? Không khéo bị nó nuốt sống mất.

Quả nhiên, một tiếng thét khủng khiếp vang lên. Gà Cadimôđô ghê gớm từ trên cánh lao vọt xuống và các bà quay mặt đi để khỏi nhìn hấn xé xác phó chủ giáo.

Hấn nhảy xổ tới linh mục, nhìn ông ta rồi quì xuống.

Linh mục giắt chiếc mũ miện, bẻ gãy pháp trượng, xé toạc áo lễ đính trang kim của hấn.

Cadimôđô vẫn quì đó, cúi đầu và chấp tay.

Rồi giữa họ xảy ra cuộc đối thoại kỳ lạ bằng dấu hiệu và cử chỉ, vì cả hai đều không nói gì. Linh mục đứng thẳng, tức giận hằm hằm, hách dịch; Cadimôđô chỉ quì rạp, nhả nhục, van xin. Thế mà chắc chắn Cadimôđô chỉ cần dí ngón tay cái cũng đủ khiến linh mục chết bẹp.

Cuối cùng, phó chủ giáo lay mạnh cái vai vạm vỡ của Cadimôđô, và ra hiệu cho hấn đứng dậy đi theo mình.

Cadimôđô đứng lên.

Thế là sau phút ngơ ngác ban đầu, hội đồng cuồng dâng liền định bảo vệ vị giáo hoàng đột nhiên bị truất phế. Bọn Ai-cập, dân nói lóng và tất cả đám luật sư tội sửa nhao nhao quanh linh mục.

Cadimôđô đứng chắn trước linh mục, giơ nắm đấm lực sĩ nổi gân cuồn cuộn và nghiêng răng kèn kẹt như con hổ nổi khùng nhìn đám người vây quanh.

Linh mục trở lại cái vẻ nghiêm trang lăm lì, ra hiệu cho Cadimôđô và lặng lẽ đi thẳng.

Cadimôđô đi trước mở đường, gạt phắt đám đông chạy tán loạn.

Khi cả hai đã ra khỏi đám dân chúng và quảng trường, lũ người hiếu kỳ và nhàn rỗi vội nhau nhau định đuổi theo xem. Cadimôđô liền chặn hậu và bước giật lùi để đi theo phố chủ giáo, hắt lức lừng, cúi kính, kỳ quái, sùng sộ, chân tay co lại giữ thế thủ, liếm chiếc răng nanh lợn lòi, găm ghè như thú dữ, khiến đám đông phải ngả nghiêng xiêu dạt vì một cử chỉ hoặc cái nhìn.

Đám đông đành để hai người đi vào một phố hẹp, tối om và không ai dám liều mạng đuổi theo; chỉ riêng ảo ảnh Cadimôđô nghiêng răng kèn kẹt đủ chấn lồi vào phố.

- Thật là kỳ diệu, Gringoa nói; nhưng mình biết tìm đâu ra cái ăn bây giờ?

IV. NHỮNG PHIÊN TOẠI KHI THEO ĐUỔI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐẸP QUA CÁC PHỐ VÀO BUỔI TỐI

Tình cờ Gringoa lại đi theo cô bôhêmiêng. Chàng thấy cô ta cùng con dê đi vào phố Hàng dao.

- Sao lại không? chàng thẩm nhủ.

Vốn là triết gia lang thang trên vỉa hè Pari, Gringoa nhận thấy không có gì thuận lợi hơn cho chuyện mơ mộng bằng đi theo một người đàn bà đẹp mà không biết người đó đi đâu. Trong việc tự nguyện từ bỏ quyền tự do ý chí, trong cái ý bông lông phụ thuộc vào một ý bông lông khác, ý bông lông này tự nó cũng không hề biết, còn xen lẫn ý thức độc lập kỳ dị và phức tạp mù quáng, một

cái gì đó trung gian giữa nô lệ và tự do làm Gringoa thích thú, chàng chủ yếu vốn có một tính cách ba phải, dao động và phức tạp, luôn luôn cực đoan, thường xuyên lơ lửng giữa mọi khuynh hướng nhân sinh và lấy cái nọ để trung lập cái kia. Chàng sẵn sàng tự ví mình với ngôi mộ Mahômét, bị thu hút ngược chiều bởi hai hòn đá nam châm và suốt đời do dự giữa trên cao và dưới thấp, giữa vòm mái và lòng đường, giữa rơi ngã và leo trèo, giữa đỉnh trời và tâm đất.

Nếu còn muốn sống đến ngày nay, chắc chắn Gringoa sẽ là điểm trung gian tuyệt diệu giữa cổ điển và lãng mạn!

Nhưng tiếc thay, chàng không đến nỗi quá cố sơ để sống ba trăm năm. Sự vắng mặt chàng tạo nên khoảng trống mà ngày nay càng cảm thấy rất rõ.

Tóm lại, để theo đuổi khách qua đường như vậy (và nhất là khách đàn bà), điều Gringoa đang sẵn sàng làm, không còn hoàn cảnh nào thích hợp hơn là đang lúc không biết ngủ đâu.

Cho nên chẳng dăm chiêu tư lự theo sau cô gái đang rào bước cạnh con dê xinh đẹp lóc cóc chạy, vừa nhìn thì dân ra về và các quán rượu đóng cửa, đó là những nhà hàng duy nhất mở cửa hôm đó.

- Dù sao, chàng loáng thoáng nghĩ, cô ta cũng phải có chỗ ở tại đâu đó: dân bohêmiêng vẫn tốt bụng. - Biết đâu đấy...?

Và trong những chấm lửng kèm theo câu nói đầy ngụ ý đó, đầu óc chàng cũng nảy ra bao ý nghĩ khá thú vị.

Trong lúc đó, thỉnh thoảng đi ngang qua những đám thị dân cuối cùng đang đóng cửa, chàng lại nghe lỏm được vài mẩu chuyện làm đứt đoạn mạch liên tưởng ước đoán tươi vui.

Vừa rồi là hai ông già bắt chuyện với nhau.

- Thấy Tibô Pheniclo, ngài có thấy rét không?

(Điều này Gringoa thừa biết ngay từ đầu mùa đông rồi).

- Rét thật, thấy Boniphaxo Didômơ a! Liệu mùa đông này có giống ba năm trước đây không, vào năm 80, giá củi tới tám xu một bó?

- Ô! Có thắm gì hử thấy Tibô, dạo đầu mùa đông năm 1407, trời còn băng giá suốt từ ngày lễ Xanh Máctanh tới ngày lễ Săngdolo! Mà rét cóng đến nỗi trong phòng xử án, ngòi bút viên lục sự cứ viết được ba chữ lại đông mực! Đám ra ngừng trệ cả việc ghi chép biên bản của tòa án.

Lát sau là những bà lằng giềng đứng ở cửa sổ tay cầm nến bị sương làm nổ lách tách.

- Này chị La Budraco, chồng chị có kể lại cái chuyện tai nạn đó không?

- Không. Chuyện gì thế hử chị Tuyacăng.

- Con ngựa của ông Gilơ Gôdanh, quản lý văn khế ở tòa Satolê hoảng sợ vì các sứ thần Phlăngđơ và đám rước của họ, đã xô ngã ngài Philippô Avrilô, dòng Xêlextanh.

- Thật à?

- Lại chẳng thật.

- Ngựa của thị dân! Thế thì quá lắm. Giá như ngựa của kỵ binh cũng còn đỡ!

Rồi cửa sổ khép lại. Nhưng Gringoa vẫn bị lạc mất dòng suy nghĩ rồi.

May thay, chàng nhanh chóng tìm lại và dễ dàng nối tiếp dòng suy nghĩ, nhờ cô bôhêmiang, nhờ Giali, vẫn bước đi trước mặt; đó là hai sinh vật thanh tao, trang nhã và duyên dáng, khiến chàng phải ngắm nhìn từ cặp chân xinh xắn, hình dáng đẹp đẽ đến cử chỉ yếu kiều, gần như hòa hợp làm một trước mắt chàng chiêm ngưỡng; với vẻ thông minh và thân thiện, cả hai tưởng như đều là con gái; với vẻ nhẹ nhàng, thanh thoát, yếu diệu trong dáng đi, cả hai đều giống như dê.

Nhưng phố xá mỗi lúc một thêm tối om vắng ngắt. Lệnh giới nghiêm đã điểm từ lâu, và chỉ thỉnh thoảng lắm mới gặp một khách đi đường trên phố, một ánh sáng nơi cửa sổ. Gringoa theo sau cô gái Ai-cập, bước vào khu phố bàn cờ chằng chịt ngõ sau hẻm, ngã tư và ngõ cụt, vây quanh nhà gỗ cũ Xanh Inôxăng, không khác gì cuộn chỉ bị con mèo làm rối.

- Phố xá gì mà lại rắc rối thế này.

Gringoa thâm nhủ, lạc giữa trăm nghìn lối ngõ luôn luôn quay về chỗ cũ, nhưng ở đó cô gái xem chừng rất quen thuộc đường đi, không chút lưỡng lự và mỗi lúc một bước nhanh hơn. Mỗi khi rẽ sang một phố khác, nếu chàng không nhìn thấy khối bát giác của giàn bêu từ ở phố Chợ, với nóc trống thủng nổi bật thành riềm đen trên khung cửa sổ còn sáng đen ở phố Vécdo-lê, chàng đã hoàn toàn không còn biết mình đang ở đâu. Từ nãy đến giờ, chàng bắt đầu làm cô gái phải để ý; cô đã nhiều bận lo ngại quay đầu lại nhìn; có lần cô còn dừng hẳn lại, lợi dụng ánh đèn

từ hàng bánh mì hé cửa, để nhìn chàng chầm chầm suốt từ đầu tới chân; rồi Gringoa thấy cô nhìn xong, lại khẽ bấu môi như chàng từng biết và bỏ đi.

Cái bấu môi làm Gringoa suy nghĩ. Rõ ràng nét nhân mặt duyên dáng đó đầy vẻ khinh khỉnh và chế nhạo. Cho nên chàng bắt đầu cúi đầu, đếm gạch lát đường và đi theo hơi cách xa một tí, đến một đầu phố rẽ làm khuất bóng cô gái, chàng bỗng nghe tiếng cô kêu thét lên.

Chàng vội rảo bước chạy tới.

Phố xá tối om. Tuy nhiên, nắm xo gai tấm đầu cháy trong lồng sắt, đặt dưới chân tượng Đức mẹ đồng trinh ở đầu phố, đủ cho Gringoa thấy rõ cô bôhemiêng đang giãy giữa trong cánh tay hai gã đàn ông đang cố bịt miệng để cô đừng kêu. Con dê con tội nghiệp, hết sức hoảng sợ, chúc sừng kêu be be.

- Ôi tuần canh, cứu chúng tôi với!

Gringoa kêu ầm và mạnh dạn bước tới. Một trong hai người đang giữ cô gái, liền quay lại nhìn chàng. Đó là khuôn mặt khủng khiếp của Cadimôđô.

Gringoa không bỏ chạy, nhưng cũng không tiến thêm bước nào.

Cadimôđô chạy lại, gạt tay một cái đủ khiến chàng lộn cổ ngã lẩn ra đường, rồi vội chạy vụt vào bóng tối, ôm theo cô gái nằm rũ trên cánh tay hằn như dải lụa. Kẻ tông phạm bước theo hắn, còn con dê tội nghiệp rên rĩ kêu be be cũng chạy theo cả bọn.

- Cứu tôi với! Chúng nó giết người! cô bôhemiêng khốn khổ gào lên.

- Dừng lại! Lữ khốn kiếp, thả ngay con đi đó ra cho tao!

Đột nhiên vang lên tiếng gầm như sấm của một kỵ sĩ từ ngã tư bên cạnh vụt lao ra.

Đó là một đại úy cung thủ ngự lâm quân, trang bị từ đầu đến chân, tay cầm siêu đao.

Chàng giằng cô bôhêmiêng khỏi tay Cadimôđô đang ngo ngắc, đặt vắt ngang yên ngựa và giữa lúc tên gù ghè góm sức tỉnh hoàn hồn, xông tới để giành lại con mồi thì mười lăm mười sáu cung thủ, vẫn theo sát đại úy, ủa tới, tay cầm guom. Đó là một phân đội ngự lâm quân đi tuần tra, theo lệnh của ngài Rôbe D'Estutovin, đô trưởng Pari.

Cadimôđô bị bao vây, bắt giữ, trói chặt. Nó gầm lên, sùi bọt mép, cắn cấu và nếu là ban ngày, chắc chắn chỉ riêng về mặt, càng kinh sợ hơn vì tức giận, cũng đủ làm cả phân đội bỏ chạy. Nhưng ban đêm, nó bị tước mất vũ khí ghè góm nhất là sự xấu xí.

Trong lúc xô xát, kẻ tông phạm đã lúi mất.

Cô bôhêmiêng duyên dáng ngồi dậy trên yên ngựa viên sĩ quan, hai tay vịn lên đôi vai chàng trai trẻ và đắm đắm nhìn chàng vài giây, như vui sướng vì bộ mặt tươi cười và sự cứu giúp của chàng đối với cô. Rồi cô lên tiếng đầu tiên hỏi chàng, giọng nói dịu dàng lại càng ngọt ngào thêm:

- Thưa ngài hiến binh, tên ngài là gì ạ?

- Đại úy Phêbuyt Đờ Satôpe, xin hân hạnh thưa quý nương! viên sĩ quan uốn thẳng người, đáp.

- Cảm ơn, cô gái nói.

Rồi trong khi đại úy Phêbuýt vượt đồi rìa kiểu dân Buốcgônho, cô gái đã tụt xuống ngựa, như mũi tên rơi xuống đất và chạy mất.

Một tia chớp cũng không biến nhanh bằng.

- Đếch ra làm sao! đại úy thốt lên, thít chặt thêm dây trói Cadimôđô, giá tao giữ được con đi còn hay hơn.

- Thưa đại úy, đành vậy thôi! một hiến binh nói, con chim bông lau bay đi rồi, chỉ còn con giới ở lại.

V. TIẾP TỤC CÁC PHIÊN TOẠI

Gringoa bị ngã choáng váng, vẫn nằm giữa lòng đường, trước tượng Đức mẹ đồng trinh từ bi ở đầu phố. Dần dần chàng tỉnh lại; thoát đầu chàng chấp chèn vài phút, không phải không êm ái trong con nửa mê nửa tỉnh, với hình ảnh mờ ảo của cô bôhêmiêng cùng con dê hòa hợp với sức nặng của quả tống Cadimôđô. Tình trạng đó kéo dài không lâu. Một cảm giác lạnh toát ở phần thân thể tiếp xúc với lòng đường, đột nhiên làm chàng tỉnh lại và phục hồi trí nhớ. - Sao lại lạnh thế này? chàng bỗng tự hỏi. Lúc đó chàng mới thấy mình đang nằm mấp mé rãnh nước.

- Con quỷ gù chết tiệt! chàng lau bàn và định dậy. Nhưng khắp người tê dại và đau đớn, chàng đành phải nằm tại chỗ. Dù sao cũng còn bàn tay tự do: chàng bịt mũi và nhấn nhục chịu đựng.

- Bùn Pari, chàng trầm nghĩ (vì chàng định ninh tin chắc rãnh nước từ nay sẽ là nhà).

Nếu không suy nghĩ, còn biết làm gì khác ở nhà?), bùn Pari đặc biệt thôi. Chắc nó chứa nhiều muối khoáng diêm tiêu bốc hơi. Dù sao đó cũng là ý kiến của thầy Nicôla Phlamen⁽¹⁾ và phái luyện đan...

Chữ *luyện đan* làm chàng sực nhớ tới phó chủ giáo Clôđơ Phrôlô. chàng nhớ lại cảnh xô xát vừa nhìn thấy, cảnh cô bôhemiêng giãy giụa giữa hai người, việc Cadimôđô có thêm tông phạm, rồi khuôn mặt u ám, kiêu kỳ của phó chủ giáo chợt mờ hồ hiện qua trí óc chàng. - Kỳ lạ thật! Chàng trầm nghĩ. Dựa vào dữ kiện và luận cứ đó, chàng bắt đầu xây dựng tòa lâu đài kỳ ảo những giả thuyết, cái dinh thự bằng con bài giấy của bọn triết gia. Rồi đột nhiên một lần nữa trở lại với thực tế, chàng kêu lên: - Ái chà chà! rét quá!

Quả thực, chỗ nằm mỗi lúc thêm bất ổn. Mỗi phần tử nước rãnh lấy đi một phần tử nhiệt lượng toát ra từ thân Gringoa và sự cân bằng giữa nhiệt độ cơ thể chàng và nhiệt độ rãnh nước bắt đầu xuất hiện một cách khó chịu.

Bỗng nhiên chàng lại gặp điều phiền muộn có tính chất khác hẳn.

Một đám trẻ, cái lũ ranh con chân đất, bất kể thời nào, vẫn thường lang thang khắp vỉa hè Pari, dưới cái tên vinh cửu là *nhóc con* và ngay hồi chúng ta còn bé, cũng thường bị chúng ném đá mỗi chiều tan học, chỉ vì quần ta mặc không rách, một bầy trẻ nhỏ tinh quái đó ừa chạy tới ngã tư nơi Gringoa đang nằm, vừa cười vừa thét, hình như bất chấp cả giấc ngủ của bà con phố phường. Chúng nó kéo lê một thứ túi méo mó; và chỉ

riêng tiếng guốc của chúng cũng đủ làm một xác chết phải choàng dậy. Gringoa cũng chưa phải hoàn toàn chết thật, nên vội nhồm ngay dậy.

- Ơi ông Henocanh Dăngdeso oi! Ơi ông Giăng Panhxobuốc oi! Chúng reo âm lên; lão già Oxtaso Mubông buồn sắt ở góc phố chết rồi. Bọn này vớ được cái đệm rom của lão, bọn này sẽ nhóm lửa liên hoan. Hôm nay là ngày sứ thần xứ Phlăngđrê!

Thế là chúng vút cái đệm rom trúng ngay vào người Gringoa mà chúng không nhìn thấy khi vừa chạy tới. Đồng thời một đứa liền rút mớ rom, chạy đến châm ở ngọn đèn trước tượng Đức mẹ đồng trinh từ bi.

- Chết cha rồi! Gringoa lâu bầu, bây giờ có lẽ mình sẽ nóng điên lên mất!

Giờ phút thật nguy ngập. Chàng sắp bị hãm giữa lửa và nước; bằng một cố gắng phi thường, một cố gắng của gà làm bạc giả sắp bị bỏ vạc dầu và đang tìm cách trốn chạy, chàng đứng phắt dậy, hất cái đệm rom vào lũ nhóc rồi chạy thẳng.

- Lạy Đức mẹ đồng trinh! lũ trẻ kêu lên; lão buồn sắt sống lại rồi!

Và chúng bỏ chạy tán loạn.

Tám đệm rom liền làm chủ chiến trường. Balophorê, cha Duygiơ và Corôgiê khẳng định là hôm sau, chiếc đệm được thu nhặt rất long trọng bởi xứ đạo và mang tới bảo tàng của nhà thờ Thánh bà Opoétuyn, nơi đây người coi đồ thánh đã giữ làm kỷ vật khá quý báu cho mãi tới năm 1789, cùng với phép lạ vô biên của tượng Đức mẹ

đồng trình ở đầu phố Mácôngxây; vào đúng cái đêm đáng ghi nhớ mừng 6 rạng mừng 7 tháng giêng năm 1482, chỉ cần có mặt Người, Đức mẹ đã trừ tà cho hương hồn Oxtaso Mubông, lão ta muốn đánh lừa ma quỷ nên lúc sắp chết đã tính quái giấu kỹ linh hồn mình trong tấm đệm rom.

VI. CÁI VÒ VỞ

Sau khi quàng chân lên cổ chạy được một lát, chẳng còn biết đầu vào đâu, húc đầu vào đủ mọi góc phố, nhảy qua mọi rãnh nước, vượt mọi ngõ hẻm, mọi phố cụt, mọi ngã ba ngã tư, tìm lối trốn chạy và lẩn thoát qua mọi góc ngách của phố Chợ cũ kỹ, lo sợ hoảng hốt tìm kiếm cái mà tiếng la tỉnh của các hiến chương gọi là *tota via, cheminum et viaria*⁽¹⁾, nhà thơ của chúng ta đột nhiên dừng lại, thoát tiên thổ hồn hển, rồi như bị chen cổ họng bởi một lý lẽ loanh quanh vừa mới nảy ra trong đầu.

- Hồi ngài Pie Gringoa, chàng tự nói với mình, vừa lấy ngón tay dí vào trán, tôi thấy hình như ngài đang chạy tựa thẳng rồ. Lũ nhãi ranh cũng sợ ngài không kém gì ngài sợ chúng. Thưa ngài, tôi thấy hình như ngài đã nghe thấy tiếng guốc chúng chạy về phía nam, trong khi ngài chạy về phía bắc. Vậy thì sẽ xảy ra một trong hai điều như sau: hoặc là chúng đã trốn chạy; nếu thế, tấm đệm rom do chúng bỏ lại trong con hốt hoảng chính là cái giường êm ấm mà ngài chạy đi tìm suốt từ sáng tới giờ, và chính Đức mẹ đồng trình đã mầu nhiệm gửi tới để thưởng cho ngài về vô thánh kịch viết dâng Người, có

kèm theo cả điệu ngợi ca lẫn vũ khúc; hoặc là lũ trẻ không chạy đi, và trong trường hợp đó, chúng đã chầm bùi nhùi vào tấm đệm, như vậy đúng là ngọn lửa tuyết điệu mà ngài đang cần để thụ hưởng, hong khô và sưởi ấm. Cả hai trường hợp, lửa ấm hoặc giường êm, tấm đệm đó đều là quà tặng của trời. Đáng tối linh Đức mẹ đồng trinh ở đầu phố Mécôngxây, có lẽ bất Oxtaso Mubông phải chết cũng chỉ vì việc đó; thế mà ngài lại điên rồ chạy trốn thực mạng như vậy, như gã dân Picardi chạy trốn trước gã dân Pháp, bỏ lại đằng sau cái mà ngài đáng tìm kiếm ở đằng trước, ngài đúng là một thằng ngốc!

Thế là chàng bèn quay lại, vừa ngó nghênh sục sạo, mũi hếch lên ngửi hít, tai vểnh ra nghe ngóng, cố tìm lại chiếc đệm phúc đức. Nhưng toi công vô ích. Chỉ thấy toàn những nhà cửa, phố cụt, ngã tư ngã năm nối liền nhau, khiến chàng cứ lưỡng lự bần thần tìm mãi không ra, càng lúng túng và loay hoay giữa các ngõ hẻm tối om, rắc rối hơn cả lúc bước vào mê cung của lâu đài Tuốcnen. Cuối cùng chàng nản lòng và trịnh trọng thốt lên:

- Những ngã ba ngã tư chết tiệt! Đúng là do quỷ sứ làm ra theo hình định ba của nó.

Lời than tạm an ủi chàng và vừa vãn một ánh lửa đỏ, thấp thoáng ở cuối cái ngõ hẻm dài và hẹp, càng làm chàng phấn chấn tinh thần thêm.

- Lay Chúa tôi! chàng nói, kia rồi! Đúng là tấm đệm rom đang cháy.

Rồi tự so sánh với người lái dò chìm thuyền trong đêm, chàng thành kính nguyện cầu:

- *Salve, salve maris stella.*⁽²⁾

Chàng đọc đoạn kinh cầu phúc đó với Đức mẹ đồng trinh hoặc với cái đèn rom? Đó là điều chúng ta hoàn toàn không biết được.

Vừa đi vài bước vào ngõ hẻm dài đặc, dốc tuột, không lát đá, mỗi lúc càng lấy lợi và dốc hơn. Chàng liền nhận ra một điều khá kỳ lạ. Ngõ không phải vắng. Đây đó suốt ngõ có những hình khối mơ hồ và dị dạng, đang bò, tất cả đang kéo về phía ánh lửa bập bùng cuối phố, như đàn sâu bọ nặng nề ban đêm tha từng nhánh cỏ tới ngọn lửa mục đồng.

Không gì phiêu lưu bằng cứ mò mẫm hủ họa thế này. Gringoa tiếp tục bước đi và lát sau đuổi kịp một con trong đàn dơi bọ đang uể oải lết theo bầy. Lại gần, chàng thấy đó chỉ là một gã què hai chân khốn khổ đang chống hai tay để lặn người đi, như con niềng niềng bị thương chỉ còn hai cẳng. Đúng lúc chàng tới gần loài nhện mắt người này thì nó thảm thiết van xin:

- *La buona mancio, signor! la buona mancia!*⁽³⁾

- Quý bắt mày đi, Gringoa nói, và bắt nốt cả tao nữa, nào tao có hiểu mày nói gì!

Rồi chàng đi tiếp.

Chàng đến gần một khối di động khác và ngắm nhìn. Đó là một gã què lè, đã thọt chân lại cụt tay, què cụt đến nỗi có cả một hệ thống phức tạp những nạng và chân gỗ chống đỡ, khiến hắn giống hệt một đàn dơi thợ nề biết đi. Gringoa vốn quen ví von cao thượng và cổ điển, liền thầm so sánh với cái kiếng sống của Vuyncah⁽⁴⁾.

Cái kiếng sáng đó đi qua, chào chàng, nhưng ngả mũ ngang cầm Gringoa, như cái đĩa cạo râu, rồi thét vào tai:

- *Senor caballero, para comprar un pedaso de pan!*⁽⁵⁾

- Hình như thằng này cũng đang nói, Gringoa thầm nghĩ: nhưng ngôn ngữ nó khó quá và nếu nó hiểu được thì quả nó sung sướng hơn mình.

Rồi bất thần nghĩ sang chuyện khác, chàng vỗ trán nói:

- Ờ nhỉ, không biết sáng nay họ định nói gì với *Exmêranda*?

Chàng định rào bước; nhưng lần thứ ba lại bị cái gì đó ngáng đường. Cái đó, hoặc đúng hơn người đó, là một gã mù, một kẻ mù nhỏ bé với khuôn mặt Do Thái râu ria, cầm cái gậy quơ vào không gian chung quanh và được một con chó to lôi đi, lẽ nhè van xin bằng giọng Hung:

- *Facitote caritatem!*⁽⁶⁾

- May quá! Pie Gringoa nói, cuối cùng hóa ra cũng có người nói được thứ tiếng của con chien. Chắc cái mặt mình cũng có vẻ ưa bố thí lắm, nên mới có người hỏi xin đang lúc túi tiền lép kẹp. Anh bạn ơi (chàng quay lại phía kẻ mù), tuần trước, tôi đã bán tới cái áo sơ mi cuối cùng; vì anh chỉ biết có thứ tiếng nói của Xixêrô, nên nó nghĩa là: *Vendidi hedomade nuper transita meam ultiman chemisam.*

Nói xong, chàng quay lưng lại người mù và đi tiếp; nhưng gã mù liền rào bước theo, rồi gã bại liệt, gã què hai chân cũng vội ủa tới, âm ỉ tiếng bát đũa và tiếng nạng khua lòng đường. Rồi cả ba chen nhau bám sát gót chàng Gringoa tội nghiệp, hát bài ca của chúng:

- *Caricatem!* tên mù hát.

- *La buona mancia!* tên cụt hai chân hát.

Và tên thọt cao giọng nhắc lại cái câu du dương:

- *Un pedaso de pan!*

Gringoa phải bịt tai.

- Ôi, thật loạn xạ! chàng kêu lên.

Chàng bỏ chạy. Tên mù chạy theo. Tên thọt cũng chạy. Tên què hai chân cũng chạy nốt.

Thế rồi, càng vào sâu trong phố, nào què hai chân, nào mù lòa, thọt cẳng cứ nhung nhúc vây quanh chàng, lại thêm bọn cụt tay, chột mắt, bọn hủi lở loét, đứa từ trong nhà, đứa từ dãy ngõ đâm ngang, đứa từ cửa sổ các nhà hăm kéo ra, chúng gào thét, gầm rú, rên rĩ, tất cả đều bước thấp bước cao, lảo nháo, kéo ùa về phía ánh sáng và lội bì bõm trong bùn như ốc sên sau cơn mưa.

Gringoa vẫn bị ba kẻ lằng nhằng bám sát và chưa biết rồi sẽ ra sao, chàng ngo ngác đi giữa đám đông, tránh bọn thọt, bước qua bọn què, hai chân vượng vịu giữa cái tổ kiến què cụt này, như gã thuyền trưởng người Anh sa lầy vào đám cua càng.

Chàng chột nghĩ hay là thử quay lại. Nhưng muộn quá rồi. Cả đoàn người đã khép chặt sau lưng và ba tên ăn mày vẫn áp sát. Chàng đành đi tiếp, vừa bị xô đẩy bởi dòng người cuộn cuộn lẫn nổi sợ đến chóng mặt chóng mặt, tất cả khiến chàng như đang qua cơn mộng mị khủng khiếp.

Mãi sau chàng mới tới cuối phố. Phố đổ ra một quảng trường rộng bát ngát, ở đây trăm ngàn ánh sáng rải rác

le ló trong màn sương mờ ảo ban đêm. Gringoa vội chạy ra quảng trường, hy vọng nhờ đôi chân nhanh nhẹn thoát khỏi ba bóng ma tàn tật vẫn bám riết.

- *Ondé vas, hombre!*⁽⁷⁾ tên bại liệt quát to, vút đôi nạng và đuổi theo với cặp giò khỏe mạnh nhất, vạch những bước thẳng tắp trên lòng đường Pari.

Trong lúc đó, tên cụt hai chân đã đứng thẳng dậy bằng đôi chân, chụp luôn vào đầu Gringoa cái thùng nẹp đai sắt nặng chịch và tên mù long lanh đôi mắt sáng rực nhìn vào mặt chàng.

- Tôi đang ở đâu thế này? nhà thơ hoảng sợ hỏi.

- Ở Cung điện thần kỳ⁽⁸⁾, một bóng ma thứ tư xán lại gần, trả lời.

- Trời ơi, rõ ràng ta thấy người mù đang nhìn, người què đang chạy, Gringoa thốt lên; nhưng đáng Cứu thế ở đâu?

Chúng đáp lại bằng chuỗi cười rùng rợn.

Nhà thơ khốn khổ đưa mắt nhìn quanh. Quả thực chàng đang ở giữa Cung điện thần kỳ kinh sợ, nơi không người lương thiện nào dám đặt chân tới vào giờ này; một vùng thần bí mà các sĩ quan ở Satolê⁽⁹⁾ và các cảnh vệ đội hiến binh lẫn mò vào thì sẽ vụn như cám; một khu phố của bọn trộm cắp, cái mụn cóc kinh tởm giữa khuôn mặt Pari; cái cổng sáng sáng tuôn ra và tới tới đổ về cả một rãnh ứ đọng tội lỗi, ăn mày ăn xin, lêu lổng du đảng, lúc nào cũng tràn ngập đầy đường phố các kinh thành; cái tổ ong khổng lồ tới tới trở về đủ loại ong độc của xã hội cùng các cửa cái vỡ vét được; cái bệnh xá giả danh

mà kẻ bôhemiêng, tên thầy tu phá giới, gã học sinh hư hỏng, bọn vô lại đủ các quốc tịch, nào Tây Ban Nha, Ý, Đức, đủ mọi tôn giáo, nào Do Thái, Cơ đốc, Hồi giáo, ngẫu tượng giáo mình đầy vết thương giả tạo, ban ngày đi ăn xin, đến đêm biến thành trộm cướp; tóm lại, cái buồng quần áo mệnh mông, nơi thay đổi mũ mành của tất cả diễn viên thời đó, trong tấn hài kịch vĩnh cửu mà trộm cắp, đi diếm và giết người thường diễn ra trên đường phố Pari.

Đó là một quảng trường rộng lớn, méo mó và lát đá mấp mô như mọi quảng trường ở Pari hồi đó. Đây đó sáng những ánh lửa, chung quanh tụ tập lúc nhúc các nhóm người kỳ quái. Bọn họ đi đi, lại lại, gào thét. Vang lên tiếng cười lạnh lạnh, tiếng trẻ con the the, tiếng đàn bà. Bàn tay, mái đầu của đám đông sẫm đen cắt trên nền ánh sáng thành muôn nghìn cử chỉ lạ lùng. Thỉnh thoảng, dưới đất, trước ánh lửa lung linh xen lẫn các bóng to lớn không ra hình thù, lại thấy chạy qua một con chó trông giống người, một con người trông giống chó. Ranh giới giữa các loài và các giống hình như bị xóa bỏ giữa khu phố này, như ở dưới thủ đô âm phủ. Đàn ông, đàn bà, súc vật, lứa tuổi, đặc cái, mạnh khỏe, ốm đau, tất cả đều chung đụng với nhau trong đám dân chúng này; tất cả đều hòa hợp, xen kẽ, trộn lẫn, chồng chất vào nhau; mỗi cái riêng đều dự vào cái chung.

Nhờ ánh lửa bập bùng và leo lét mờ chiếu, tuy đang bối rối, Gringoa vẫn nhìn thấy ở tứ phía chung quanh quảng trường bát ngát, những dãy nhà cũ kỹ, góm ghiếc, với mặt trên mốc rêu nhẵn nhúm, xiêu vẹo, mỗi cái trở

một hoặc hai cửa sổ mái còn sáng đèn, trong đêm tối trông giống những đầu bà già khổng lồ, quay vòng tròn, quái đản và nhẩn nhó, đang nheo mắt nhìn đêm hội phù thủy.

Thật đúng là một thế giới mới, xa lạ, khác thường, cổ quái, lê lết, nhưng nhúc, kỳ dị.

Gringoa mỗi lúc thêm sợ hãi, bị kẹt giữa ba tên ăn mày như ba gọng kìm, dính tai nhúc óc vì hàng loạt khuôn mặt khác lớn nhỏ đang găm sủa quanh mình, anh chàng Gringoa xúi quẩy cố định thần để nhớ xem hôm nay có phải thứ bảy không. Nhưng chỉ phí công vô ích: trí nhớ và suy nghĩ của chàng đã đứt quãng; rồi nghi ngờ hết thảy, phân vân giữa điều nhìn thấy với điều cảm thấy, chàng tự đặt câu hỏi không sao trả lời nổi:

- Nếu có ta thì điều đó có không? Nếu có điều đó, thì liệu ta có không?

Giữa lúc này, một tiếng quát rành rọt thét lên từ đám đông rào rào vây quanh:

- Ta dẫn nó đến trước nhà vua! Ta dẫn nó đến trước nhà vua!

- Lạy Đức mẹ đồng trinh! Gringoa khê nói, nhà vua ở đây, chắc phải là con dê đực.

- Dẫn nó đi! Dẫn nó đi! Đám đông nhắc lại.

Họ lôi chàng đi. Mạnh ai người nấy tóm chặt lấy chàng. Nhưng ba tên ăn mày không chịu bỏ ra và giằng lấy chàng ở tay bọn khác, thét âm:

- Nó là của chúng tao!

Cái áo cộc đã ốm o của nhà thơ thở hơi cuối cùng trong trận giằng co này.

Lúc đi ngang qua quảng trường rừng rợn, chàng dần dần hết choáng váng. Đi được vài bước, ý thức về thực tế liền trở lại. Chàng bắt đầu làm quen với không khí chung quanh. Thoạt tiên, với đầu óc nhà thơ, hoặc có lẽ giản dị và tầm thường hơn, với cái dạ dày lép kẹp, có thể nói một màn khói, một làn hơi nước đã dựng lên, lan ra giữa mọi vật và chàng, khiến chàng chỉ nhìn thấy chúng thấp thoáng qua màn sương mờ ảo của con ác mộng, qua bóng tối mộng mị làm run rẩy mọi đường nét, làm méo mó mọi hình thù, làm các đồ vật chất thành đồng to phình, làm nở phồng mọi sự vật thành quái tượng và con người thành bóng ma. Dần dần, thay thế cho ảo giác đó là cái nhìn bớt hốt hoảng và bớt phóng đại. Thực tế hiện ra rõ ràng chung quanh, đập vào mắt, va vào chân, và lần lượt phá tan từng mảnh toàn bộ về thơ mộng khủng khiếp mà lúc đầu chàng tưởng bị vây quanh. Chàng đành phải thừa nhận không phải mình đang bước dưới suối vàng mà trong bùn, không phải chen vai thích cánh với quý sư mà với bọn ăn cắp: không phải linh hồn mà chính tính mệnh mình đang lâm nguy (vì chàng thiếu cái của quý hòa giải thường đứng trung gian khá hiệu nghiệm giữa tên cướp và người lương thiện: túi tiền). Cuối cùng, quan sát cuộc chè chén, gần hơn và bình tĩnh hơn, chàng rơi từ đêm dạ hội phù thủy vào quán rượu.

Quả thực Cung điện thần kỳ chỉ là một quán rượu, nhưng quán rượu của bọn trộm cướp, đồ rục máu cũng như rượu nho.

Cuối cùng, khi đoàn người rách rưới áp giải chàng tới đích, cảnh tượng bày ra trước mắt không sẵn sàng gọi cho chàng hứng thơ, dù chỉ là thơ âm phủ. Hoàn toàn chỉ là thực tế tầm thường và phũ phàng của quán rượu. Nếu chúng ta không đang ở thế kỷ mười lăm thì có thể nói Gringoa đang từ Miken Ängio tụt xuống Calê (10).

Xung quanh đồng lửa lớn đang cháy trên nền lát đá tròn rộng, ngọn lửa lém lên những chân kiểng đồ rực lúc đó còn bỏ không, dầm cái bàn một kê đầy đồ hỗn độn, chẳng cần có tên hầu bàn giỏi đo đạc nào thêm sửa sang lại thành hình bình hành hoặc ít nhất cũng chăm nom cho nó khỏi cất góc quá chướng mắt. Trên bàn lấp lánh vài cốc rượu đang tụ tập vô số khuôn mặt lưu linh đồ rực ánh lửa và men say. Đây là một tên lính già, tiếng lóng gọi là thằng già phế binh, đang huýt sáo cời bỏ những dải băng buộc vết thương vờ rồi đuổi thẳng cái đầu gối lành lặn và khỏe mạnh, từ sáng đến giờ vẫn băng bó chẳng chịt. Trái lại, kia là một gã giả phù và sâu quảng đang chuẩn bị cái *cổng chân của Chúa* cho ngày mai bằng lá bạch khuất và màu bò. Cách hai bàn là tên ăn mày đeo vỏ hến vờ làm hành giả với đầy đủ quần áo hành hương, đang ngâm nga khúc bi ca Nữ thánh hoàng hậu, không quên lẫn nhải kêu van lẻ nhè. Chỗ khác, một tên nhóc giả bị chó dại cắn đang học cách mắc bệnh động kinh ở một lão ăn mày già dạy hẳn nghệ thuật xúi bọt mép bằng cách nhai xà phòng. Ngay cạnh, một tên giả mắc bệnh thủy thũng đánh rầm, làm bốn năm mụ me mìn phải bịt mũi, chúng ngồi cùng bàn đang tranh nhau một đứa bé vừa đổ đi buổi tối. Toàn là những tình huống

mà hai thế kỷ sau, như sử gia Xôvan nói, triều đình thấy tức cười đến nỗi được dùng làm trò giải trí cho nhà vua và giáo đầu cho vũ kịch hoàng cung Ban Đêm, gồm bốn hồi và trình diễn ở sân khấu lâu đài Tiểu Buổcbông. Một nhân chứng từng được nhìn tận mắt vào năm 1653 nói thêm: "Chưa bao giờ những biến hóa đột ngột của Cung điện thần kỳ lại được trình diễn hay như vậy. Benxêrat dẫn ta vào kịch bằng những vần thơ khá tình tứ".

Khắp nơi vang dậy tiếng cười ha hả và lời ca tục tĩu. Mạnh ai người ấy nói, chê bai và chửi rủa, không thèm nghe nhau. Cốc chén chạm nhau và cái cọ cũng bắt đầu từ đó, thế rồi cốc chén rạn vỡ làm rách thêm quần áo rách.

Một con chó to ngồi đề lên đuôi nhìn ngọn lửa. Dăm đứa trẻ cũng dụ vào cuộc chè chén. Đứa bé bị dễ đi vừa khóc vừa kêu. Một đứa khác bụ bẫm, chừng bốn tuổi, ngồi trên chiếc ghế dài quá cao, bỏ thông chân, mặt bàn cao ngang cằm, không nói năng gì. Đứa thứ ba lấy ngón tay trình trọng di lên mặt bàn chỗ mỡ bò chảy từ cây nến xuống. Đứa cuối cùng, bé tẹo, ngồi xổm trên bùn, gần như lấp hẳn trong chiếc chảo, cầm mảnh ngói nạo chảo, phát ra tiếng kêu đến làm mất vía Xtradivariuyt⁽¹¹⁾.

Một thùng rượu đặt cạnh đồng lửa, và một tên ăn mày ngồi trên thùng rượu. Đó là đức vua ngự trên ngai.

Ba tên vó được Gringoa dẫn chàng tới trước cái thùng và cả tiệc rượu liền im bất giấy lát, trừ cái chảo có thằng bé ngồi.

Gringoa nín thở không dám ngược nhìn.

- *Hombre, quita tu sombrero*⁽¹²⁾, một trong ba tên đã vó được chàng nói; và trước khi kịp hiểu câu đó nghĩa là

gì, hấn đã lột luôn mũ của chàng. Thực ra chỉ là cái mũ cà khổ, nhưng vẫn còn tạm dùng để che nắng che mưa, Gringoa đành thở dài.

Lúc đó, đức vua ngự trên thềm rượu liễn hỏi chàng:

- Thằng vô lại kia, mày là ai?

Gringoa giật mình. Giọng nói, mặc dù gần xuống để đe dọa, vẫn làm chàng nhớ tới một giọng khác, vừa sáng nay đã giáng đòn đầu tiên vào vỏ kịch của chàng, bằng cách lễ nhè van xin giữa đám thính giả: *Lạy ông lạy bà, bố thí cho con!* Chàng ngẩng đầu. Quả nhiên là Clôpanh Truiophu.

Clôpanh Truiophu mang phù hiệu đức vua, vẫn y nguyên quần áo rách rưới không hề thêm bớt. Vết thương ở cánh tay đã biến mất. Hấn cầm roi dây da trắng, hồi đó bọn tuấn cảnh thường dùng để dẹp đám đông, được gọi là *boullayes*. Hấn đội trên đầu thứ mũ có vành và kín ở trên; nhưng thật khó phân biệt đó là mũ bóng trẻ con hoặc vương miện, vì cả hai đều giống nhau. Tuy nhiên, không hiểu sao Gringoa bỗng lại chớm hy vọng khi nhận ra đức vua của Cung điện thần kỳ chính là tên ăn mày chết tiệt ở gian đại sảnh.

- Thưa ngài, chàng lấp bắp nói... Bẩm đức ông... Tâu điện hạ... Không biết tôi phải gọi ông bằng gì? cuối cùng chàng nói, đã lên tới đỉnh cao, công biết nên tôn xưng hơn nữa hoặc tụt xuống.

- Đức ông, bề hạ hoặc anh bạn, tùy mày muốn gọi tao là gì cũng được. Nhưng nhanh lên. Mày có cần nói gì để bào chữa hay không?

- Bào chưa ! Gringoa thăm nghĩ, đáng sợ thật. Chàng lấp bắp nói:

- Tôi là người sáng nay...

- Quý tha ma bắt mày! Clôpanh ngắt lời, đồ vô lại, tên mày là gì, nói ngay đi. Nghe đây. Mày đang đứng trước ba vị quốc vương hùng cường: tao là Clôpanh Truiophu, vua xứ Tuyno, người kế vị Khất cái đại vương Côexro, chúa tể tối cao vương quốc tiếng lóng; lão già vàng bủng mày thấy ngồi kia, đầu chít khăn lau, đó là Matiát Hungadi Xpicali, quân công xứ Ai-cập và xứ Bôhêm; còn lão béo không nghe ta nói và đang vuốt ve con dī, đó là Ghiôm Ruxô, hoàng đế xứ Galilê. Chúng tao đang xét xử mày. Mày bước vào vương quốc tiếng lóng mà lại không phải dân nói lóng, mày đã vi phạm đặc quyền của thành phố chúng tao. Mày sẽ bị trừng phạt, trừ phi mày là đại bọm, cất túi, ăn mày giả ốm, ăn mày giả bị bỏng, theo tiếng nói người lương thiện tức là ăn cắp, ăn mày, du đảng. Mày có thuộc loại đó không? Thử biện bạch đi. Hãy chứng minh tư cách của mày xem nào.

- Chao ôi! Gringoa thốt lên, tôi lại không có được cái vinh dự đó. Tôi là tác giả...

- Thế là đủ rồi, Truiophu nói luôn, không để chàng kịp hết lời. Mày sẽ bị treo cổ. Thừa các ngài thị dân lương thiện! Như vậy kể cũng bình thường thôi, vì các ngài xử người chúng tôi ở chỗ các ngài thì chúng tôi lại xử người của các ngài ở đây. Luật lệ các ngài dùng với ăn mày, ăn mày sẽ dùng lại với các ngài. Nếu luật lệ tàn ác thì lỗi là ở các ngài. Thỉnh thoảng cũng nên để mọi người nhìn thấy một khuôn mặt lương thiện nhần

nhỏ trên sợi dây thông lọng gai: cái đó làm cho sự việc sẽ cao quý hơn. Thôi nhé, anh bạn, hãy vui về cối bộ quần áo tã đưa cho cô ả kia. Tao sẽ sai treo cổ mày để mua vui cho cánh ăn mày, còn túi tiền của mày để họ mua rượu. Nếu cần giới giảng thì đây kia, trong cối đá, có pho tượng Chúa cha bằng đá rất tốt, bọn tao thó được ở nhà thờ Xanh Pie Ô Bơ. Mày có bốn phút để trút linh hồn vào đầu lão ta.

Lời hắn nói thật khủng khiếp.

- Chà, khá lắm! Clopanh Truiophu thuyết pháp như một đức thánh cha giáo hoàng, hoàng đế xứ Galilê vừa thốt lên, vừa đập vỗ cái cốc vai để kê chân bàn.

- Thưa quý vị hoàng đế và quốc vương, Gringoa điểm danh nói (chính tác giả cũng không hiểu sao anh ta lại trở nên cương quyết và nói năng đồng dục đến thế), các vị lắng rồi. Tôi tên là Pie Gringoa, tôi là nhà thơ đã viết vở thánh kịch sáng nay được trình diễn tại gian đại sảnh Tòa pháp đình.

- A, thế ra là mày, thằng thi sĩ! Clôpanh nói. Lạy Chúa, lúc đó tao cũng ở đấy! Nay, anh bạn, chả lẽ chỉ vì sáng nay mày làm chúng tao chán ngấy mà tối nay mày khỏi bị treo cổ hay sao?

Thật khó mà thoát nạn. Gringoa trầm nghĩ. Tuy nhiên, chàng vẫn cố một lần cuối; chàng nói:

- Nhưng tôi cũng không hiểu tại sao các nhà thơ lại không được xếp cùng bọn với ăn mày, Êđôpuýt từng là du dân; Hômeruyt từng là ăn mày; Mécquyariuyt từng là ăn cắp...⁽¹³⁾

Clôpanh ngắt lời:

- Thế ra mày định ăn nói quất quéc để làm rối óc chúng tao phải không? Thôi đi, hạy cúi đầu chịu treo cổ, đừng có lảm lời nữa!

- Thưa quốc vương xứ Tuyno, xin lỗi điện hạ, Gringoa cãi lại, quyết đấu tranh đến cùng. Ngài cũng cần nghe đã... Khoan nào!... Hãy nghe tôi... Ngài không thể không nghe tôi nói mà đã vội kết tội...

Tuy nhiên, giọng chàng thiếu nảo đã bị át trước tiếng ồn ào vây quanh. Thằng bé càng náo cháo hàng hái hơn bao giờ hết: tẻ hơn nữa, một mu già lại vừa đặt tên cái kiếng cháy đỏ một sanh đầy mỡ, kêu xèo xèo trên ngọn lửa như tiếng lủ trẻ hò reo đuổi theo một ông địa.

Trong lúc đó, Clôpanh Truiophu như đang bàn bạc một lát với quận công Ai-cập và hoàng đế xứ Galilê, gã này đã say mềm. Rồi hắn thét lên the the:

- Im lặng nào!

Song cái cháo và cái sanh rán mỡ lại không chịu nghe lời hắn, mà cứ tiếp tục song ca, nên hắn nhảy từ trên thùng xuống đá cái chảo cùng đứa bé lăn lông lốc văng xa đến mười bước, đá luôn cái sanh đổ tung tóe hết mỡ xuống đồng lửa, rồi trình trọng leo lên ngai, không thềm để ý đến tiếng khóc nức nở của thằng bé lẫn tiếng mu già cầu nhàu vì bữa ăn thế là đi tong, đang biến thành ngọn lửa, sáng trắng đẹp đẽ.

Truiophu ra hiệu, thế là quận công, hoàng đế, các trùm sở và lủ ăn mày giả hủi liến tới vây quanh hắn thành hình móng ngựa, còn Gringoa vẫn bị giữ chặt đứng

giữa. Đó là một vòng bán nguyệt những khổ rách, áo ôm, trang kim, chàng nạng, rìu búa, cẳng chân loạng choạng, cánh tay trần to tướng, mặt mũi quá gồ, phờ phạc và ngu dốt. Giữa cuộc họp bàn tròn những ăn mày, Clôpanh Truiophu, như vị thủ lĩnh của nghị viện, vị quốc vương của triều đình, vị giáo hoàng của tuyến cử hội, chế ngự mọi người trước hết bằng tất cả chiều cao chiếc thùng, sau đó bằng cái vẻ thật kiêu kỳ, dữ tợn và khủng khiếp, làm trông mất long sông sọc và nét mặt man rợ càng tôn thêm vẻ thú vật của nòi giống ăn mày. Trông y như chiếc thủ lợn rừng giữa đám mỡ lợn nhà.

- Nghe đây, hán vừa bảo Gringoa vừa đưa bàn tay sần sùi xoa cái cằm méo mó, không có lý gì mày lại không bị treo cổ. Kể ra mày cũng sẽ thấy khó chịu đấy; dĩ nhiên thôi, chỉ tại lũ thị dân chúng mày chưa quen mà. Chúng mày coi đó là chuyện quá to tát. Dù sao, tội tao cũng không muốn làm hại mày. Đây là một cách để thoát nạn hiện nay. Mày có muốn nhập bọn với chúng tao không?

Để nghị đó quả thực tác động mạnh đến Gringoa, chàng đang thấy cuộc đời sắp chấm dứt và bắt đầu tuyệt vọng. Chàng vội bám chặt lấy nó.

- Tất nhiên tôi rất muốn, muốn lắm, chàng nói.

- Mày bằng lòng gia nhập dân đoàn kiếm à? Clôpanh hỏi lại.

- Gia nhập dân đoàn kiếm ư? Xin bằng lòng, Gringoa trả lời.

- Mày chấp nhận là thành viên của dân miễn thuế chứ? Vua xứ Tuyơ hỏi thêm.

- Là dân miễn thuế.
- Thần dân của vương quốc tiếng lóng.

- Cửa vương quốc tiếng lóng.

- Hành khát?

- Hành khát.

- Từ trong thâm tâm?

- Từ trong thâm tâm.

- Báo trước cho mày biết, nhà vua nói tiếp, cũng không vì thế mà mày thoát khỏi tội treo cổ.

- Ma quỷ! nhà thơ thốt lên.

- Có điều là sau này mới bị treo cổ, một cách long trọng hơn, Clópanh thần nhiên nói tiếp, do phí tổn của đô thành Pari tốt bụng trên đài treo cổ bằng đá rất đẹp và bởi những người dân lương thiện. Đó cũng là điều an ủi cho mày.

- Ngài nói đúng, Gringoa đáp.

- Lại còn nhiều lợi lộc khác nữa. Với tư cách là dân miễn thuế, mày sẽ không phải nộp thuế bòn, thuế người nghèo, thuế đèn phốt mà bọn thị dân Pari phải trả.

- Đồng ý như vậy, nhà thơ nói. Tôi bằng lòng. Tôi là ăn mày, dân nói lóng, dân miễn thuế, dân đoán kiếm, tùy ngài muốn sao cũng được. Và tâu quốc vương xứ Tuynơ, tôi đã như thế từ lâu rồi, vì tôi là triết gia; chắc ngài cũng biết là *et omnia in philosophia, omnes in philosopho continentur*⁽¹⁴⁾

Vua xứ Tuynơ cau mày, bảo:

- Anh bạn, anh cho ta là người thế nào? Mày ba hoa cái thứ tiếng lóng Do Thái nước Hung gì đấy? Tao không biết tiếng Do Thái, không cần phải là Do Thái mới thành kẻ cướp được. Tao cũng không thèm ăn cắp nữa. Tao đã vượt lên trên cái đó, tao giết người. Cắt cổ à, ừ: cắt hầu bao ư, không.

Gringoa cố lựa lời xin lỗi giữa những câu nói ngắn ngủi, mỗi lúc một thêm hỗn hển vì tức giận đó:

- Xin Đức ông tha lỗi. Đó không phải tiếng Do Thái mà là tiếng La-tinh.

- Tao đã bảo mày tao không phải là dân Do Thái, Clôpanh nổi giận nói tiếp, tao sẽ cho treo cổ mày, đồ Do Thái giảo chết tiệt! Kể cả cái thằng ăn mày bé nhỏ giả láo buôn phá sản xứ Duydê đứng cạnh mày, tao chỉ chờ ngày thấy nó bị đóng đinh lên mặt quấy, như đồng tiền giả vốn chính là nó!

Vừa nói vậy, hắn vừa chỉ gã Do Thái người Hung bé nhỏ râu ria, từng đón đường Gringoa bằng câu *faci tote caritatem*⁽⁶⁾, nó không biết thứ tiếng nào khác nên đang ngạc nhiên nhìn sự tức giận của vua xứ Tuyno đổ vấy lên đầu mình.

Cuối cùng, đức ông Clôpanh người giận.

- Đồ ba que xỏ lá! hắn bảo nhà thơ, thế mày bằng lòng làm hành khất chứ?

- Tất nhiên, nhà thơ trả lời:

- Chỉ bằng lòng chưa đủ, Clôpanh quàu quàu nói. Thiện chí cũng không góp thêm được củ hành nào vào nồi canh, mà chỉ dùng để lên thiên đường, còn thiên đường

và xứ tiếng lóng lạo là hai chuyện khác nhau. Muốn được nhận vào xứ tiếng lóng, phải chứng tỏ mình cũng biết một món gì, do đó mà phải lục túi bù nhìn.

- Tôi xin lục tất cả những gì ngài muốn. Gringoa nói.

Clôpanh vẫy tay. Vài dân tiếng lóng bước ra khỏi đám người quây tròn và lát sau quay lại. Họ khiêng tới hai cái cột, chân cột đóng đế ngang, để dễ dựng đứng trên mặt đất. Hai đầu cột nối liền bằng xà ngang, tất cả hợp thành cái giá treo cổ lưu động xinh đẹp mà Gringoa may mắn được nhìn thấy dựng lên ngay trước mặt chỉ trong nháy mắt. Chẳng còn thiếu thứ gì, kể cả sợi thừng đu đưa duyên dáng dưới xà ngang.

- Không biết chúng định giờ trò gì thế này? Gringoa lo lắng, thầm hỏi. Nhưng chàng lập tức hết lo khi nghe tiếng chuông lắc. Đó là hình nộm mà bọn hành khất dùng sợi thừng treo cổ lên, một thứ bù nhìn đuổi chim, mặc áo đỏ, đeo dây mình mề và chuông nhỏ đủ để trang bị ba mươi con la giống Caxtic. Máy trăm cái chuông nhỏ đó rung lên chốc lát theo sợi thừng đu đưa, rồi im dần và cuối cùng tắt hẳn, khi hình nộm trở lại bất động theo định luật của chiếc đồng hồ quả lắc, đã từng hạ bệ những đồng hồ nước và đồng hồ cát.

Lúc đó, Clôpanh mới chỉ cho Gringoa chiếc ghế đầu cũ khắp khiêng đặt dưới hình nộm:

- Trèo lên đi.

- Chết mất! Gringoa kêu lên, tôi đến ngã gãy cổ thôi. Cái ghế của đức ông khắp khiêng như câu thơ ngũ lục của Macxian; một chân sáu còn chân kia là năm.

- Trèo lên, Clôpanh bảo:

Gringoa bước lên ghế và cuối cùng giữ được thăng bằng sau khi lắc lư cả đầu lẫn tay.

- Bây giờ, vua xứ Tuynơ nói tiếp, mày hãy bắt chéo chân phải sang chân trái rồi kiễng chân trái lên.

- Tàu đức ông, Gringoa nói, thế ra ngài nhất định bắt tôi phải ngã què cẳng à?

Clôpanh lắc đầu.

- Anh bạn, nghe đã, anh nói nhiều quá. Nói tóm lại, hãy làm như sau. Mày hãy đứng kiễng chân, đứng như tao nói; như vậy mày sẽ với tới túi áo người nộm; mày hãy lục soát rồi móc lấy ví tiền trong đó; nếu làm xong mọi việc mà không nghe thấy tiếng chuông nào, thế là được; mày sẽ làm hành khất. Chúng tao chỉ còn mỗi việc đánh đờn mày trong tám ngày.

- Lạy chúa! Tôi xin chịu, Gringoa nói. Thế nhờ tôi làm rung chuông thì sao?

- Thì sẽ bị treo cổ. Hiểu chưa?

- Tôi vẫn chẳng hiểu gì cả. Gringoa trả lời.

- Hãy nghe thêm lần nữa; mày hãy lục túi hình nộm và móc lấy ví tiền; chỉ cần dang làm mà có tiếng chuông kêu là mày sẽ bị treo cổ. Thế nào, hiểu chưa?

- Thôi được, Gringoa nói; tôi hiểu rồi. Rồi sau thì sao?

- Nếu móc được túi tiền mà không làm chuông kêu, mày sẽ là hành khất và được đánh đờn trong tám ngày liền. Bây giờ chắc hiểu rồi chứ?

- Không, thưa đức ông, tôi càng không hiểu. Như thế, tôi được lợi gì? một dằng phải treo cổ, một dằng bị đánh đòn...

- Thế còn hành khát? Clôpanh nói, được làm hành khát thì sao? Dễ thường xoàng đấy hẳn? Vì lợi ích của mày mà chúng tao đánh đòn, để dạn đòn dần.

- Xin đa tạ ngài, nhà thơ trả lời.

- Thôi, nhanh lên, nhà vua giậm chân lên cái thùng kêu vang như trống cái. Lục túi hình nộm đi, mà làm mau lên. Tao bảo trước lần cuối, chỉ cần nghe thấy tiếng chuông là mày sẽ thế chân thẳng bù nhìn.

Lũ dân nói lóng hoan hồ lời lẽ của Clôpanh và quây tròn xung quanh giá treo cổ, cười vang nhẩn tằm, khiến Gringoa thấy mình làm trò vui cho chúng quá nhiều, đâm hết cả sợ. Thế là không còn hy vọng gì hết, trừ cái may mắn mong manh sẽ thành công trong công việc ghê gớm buộc phải làm. Chàng quyết định liều một phen, nhưng trước hết không thể không thiết tha cầu khẩn người nộm sắp bị móc túi và có lẽ nó còn dễ mũi lòng thương hại hơn bọn hành khát. Trăm ngàn chuông nhỏ với quả lắc đồng nhỏ xíu, giống như bấy nhiêu miệng rắn độc há hốc, sẵn sàng cắn và rít lên.

- Ôi! chàng thẩm nói, lẽ nào cuộc sống ta lại phụ thuộc vào từng tiếng rung của những chuông này! Ôi! chàng chấp tay khẩn, hỡi chuông, đừng buông lời! Hỡi khánh, đừng đánh tiếng! hỡi lục lạc, đừng lúc lắc!

Chàng thử van xin Truiophu lần cuối.

- Thế nhờ gió thổi thì sao? chàng hỏi.

- Mày vẫn cứ bị treo cổ như thường, hấn trả lời không do dự.

Thấy không còn thể lẫn tránh, trì hoãn, lẫn tránh được nữa, chàng đành dừng cầm hành động. Chàng bắt chéo chân phải sang chân trái, đứng kiễn chân trái và giơ tay lên; nhưng đúng lúc sờ vào hình nộm, người chàng vón chỉ đứng lò cò một chân, liên loạng choạng trên chiếc ghế khập khiễng ba chân; bất giác chàng định vịn vào hình nộm, liền bị mất thăng bằng và ngã phịch xuống đất, choáng váng vì trăm ngàn tiếng chuông từ người nộm vang lên tàn nhẫn, nó bị bàn tay vịn vào, liền quay tròn rồi hiện ngang đu đưa giữa hai cột.

- Chết tôi rồi! Chàng thét lên, ngã lăn quay, mặt úp xuống đất như chết rồi.

Lúc đó, chàng vừa nghe thấy tiếng chuông khủng khiếp vang trên đầu, lẫn tiếng cười quái đản của lũ ăn mày, cùng tiếng Truiophu sai bảo:

- Dừng ngay thằng ngốc đó dậy cho tao, rồi lập tức treo cổ nó lên.

Chàng nhồm dậy. Thằng bù nhìn đã được tháo ra để nhường chỗ cho chàng.

Lũ nói lóng bắt chàng treo lên ghế. Clôpanh lại gần, đặt dây thòng lọng vào cổ rồi vỗ vai bảo:

- Vĩnh biệt anh bạn nhé! Bây giờ dừng hòng thoát nạn, dù sao mày cũng sẽ chết không kịp ngáp.

Cặp môi Gringoa khê thốt lên *xin tha tội*. Chàng đưa mắt nhìn quanh. Nhưng chẳng còn hy vọng; mọi người đều cười.

- Belovinho Đờ Lêtoan, hãy trèo lên xà ngang, vua xứ Truiophu bảo gã hành khất đồ sộ đang bước ra khỏi hàng.

Belovinho Đờ Lêtoan nhanh nhẹn trèo lên đóng gỗ bắc ngang và lát sau, Gringoa ngược cặp mắt khiếp hãi nhìn thấy hấn ngồi xồm ở cái xà trên đầu.

- Bây giờ, Clôpanh Truiophu nói tiếp, hể tao vỗ tay thì mày, Andry Lơ Rugio, mày sẽ lấy đầu gối hất đổ cái ghế, Phrăngxoa Săngtơ Pruyno, mày sẽ đánh đu vào chân thằng khốn khiếp; còn Belovinho, mày nhảy lên vai nó; và cả ba đứa cùng một lúc, hiểu chưa?

Gringoa rùng mình.

- Sẵn sàng cả chưa?

Clôpanh Truiophu hỏi ba tên nói lóng đang sẵn sàng nhảy xổ vào Gringoa như ba con nhện xông vào con ruồi. Gã nạn nhân tội nghiệp chờ đợi hải hùng giây lát, trong khi Clôpanh ung dung lấy chân đá hất vào đồng lửa mấy cành nho chưa cháy tới.

- Sẵn sàng cả rồi chứ? hấn hỏi lại và xòe tay định vỗ. Chỉ một giây nữa, thế là xong.

Nhưng hấn bỗng dừng lại, như nảy ra một ý định đột ngột.

- Khoan đã! hấn nói; tao quên mất!... Theo tục lệ, ta không thể treo cổ một người trước khi hỏi xem có mẹ đàn bà nào muốn lấy nó không. Này bạn, đó là dịp may cuối cùng cho mày. Mày phải kết hôn hoặc với con ăn mày hoặc với dây thòng lọng.

Luật lệ Bôhêmiêng này, đối với độc giả, có vẻ quái gở thật đấy, nhưng hiện nay vẫn còn được ghi lại đây đủ

trong pháp chế cổ nước Anh. Hãy đọc *Burington's Observations* thì rõ.

Gringoa thờ phào. Đây là lần thứ hai trong vòng nửa giờ, chàng sống lại. Cho nên chàng cũng không tin tưởng lắm.

- Này! Clôphanh trèo lên thùng thét to. Hỡi bọn đàn bà, lũ giống cái, trong chúng mày, kể từ mẹ phù thủy đến con mèo cái của mẹ, có đứa khốn kiếp nào muốn lấy thằng khốn kiếp này không? Nào, Côlet La Saron! Elidabét Truvanh! Ximon Giođudinơ! Mari Piêđobu! Tơơ La Lông! Bêracđơ Phanuen! Mixelơ Gionay! Clôđơ Rôngiơ Orây! Matuyarin Girôru! Nào! Idabô La Tiery! Lại đây rồi xem đi! Một thằng đàn ông ông cho không! Đứa nào muốn lấy hả?

Gringoa trông thiếu nảo như vậy, hấn chẳng ngon mắt lắm. Các mẹ ăn mày xem ra rất ít xúc động về đề nghị đó. Anh chàng khốn khổ thấy họ đáp:

- Không! Không! cứ treo cổ nó lên, bọn tôi càng thích.

Tuy nhiên có ba mẹ bước ra khỏi đám đông, và đến đánh hơi anh chàng xem sao. Đầu tiên là một ả phục phịch mặt vuông trắn trắn. Nó chăm chú ngắm cái áo ngắn tã nát của vị triết gia. Tấm áo khoác vải thô đã cũ và còn thùng lỗ chỗ hơn cả chiếc chảo rang hạt dẻ. ả cau mặt.

- Đồ tã rách! nó lâu bầu và hỏi Gringoa: Áo choàng đâu?

- Tôi đánh mất rồi. Gringoa đáp.

- Mũ đâu?

- Họ lột rồi.

- Giày đâu?

- Nó sắp mòn hết đế rồi.

- Túi tiền đâu?

- Chao ôi! Gringoa ấp úng nói, một xu dính túi cũng chả có.

- Thế thì hãy chịu treo cổ và nói cảm ơn đi! mụ ăn mày nói, rồi quay lưng đi.

Mụ thứ hai, già, đen nhèm, nhăn nheo, xấu xí, xấu đến mức làm bẩn cả cung điện thần kỳ, đi vòng quanh Gringoa. Chàng gần như run lên chỉ lo mụ ta không vờ đến. Nhưng mụ đã lăm bắm:

- Hấn gầy quá; rồi mụ bỏ đi.

Ả thứ ba là một đứa con gái khá tuổi trẻ và không đến nỗi xấu lắm.

- Cứu tôi với! anh chàng khốn khổ khề van xin. Nó thương hại ngấm nghĩa chàng giấy lát, rồi cúi nhìn xuống, sửa lại nếp váy và đứng đó lưỡng lự. Chàng dõi theo mọi cử chỉ; đây là tia hy vọng cuối cùng. Nhưng rồi cô gái bảo:

- Không, không! Ghiôm Lôngodu đánh tao mất.

Nó quay trở lại đám đông.

- Này bạn ơi, mày không may rồi. Clôphanh nói.

Rồi hắn đứng lên thùng, hỏi:

- Không ai mua à? hấn rao lên, bắt chước giọng mô tòa bán đấu giá, làm mọi người cười rộ; một lần, không ai mua à? hai lần, ba lần!

Rồi quay lại phía giá treo cổ, hấn gật đầu:

- Cho qua.

Belovinho Đờ Lêtoan, Andry Lo Rugio Phrăngxo Săngto Pruynơ lại gần Gringoa.

Giữa lúc đó, một tiếng reo lên từ đám dân nói lóng:

- Exmêrandal Exmêrandal

Gringoa giật mình và quay lại phía vừa cất tiếng reo. Đám đông dân ra nhường lối cho một khuôn mặt sáng ngời, trong trắng.

Đó là cô Bôhêmiêng.

- Exmêrandal Gringoa thốt lên xúc động, kinh ngạc vì cái tên thần kỳ đó đột ngột nổi lên mọi kỷ niệm trong ngày của chàng.

Nhân vật hiếm có này, bằng vẻ quyến rũ và sắc đẹp, như chinh phục được cả Cung điện thần kỳ. Dân nói lóng cả nam lẫn nữ nhẹ nhàng dạt sang bên để nhường lối và khuôn mặt tàn bạo của chúng bỗng tươi tỉnh trước cái nhìn cô gái.

Cô nhanh nhẹn bước tới gần nạn nhân. Con dê Giali xinh đẹp theo sau. Gringoa đang như người sắp chết. Cô lặng lẽ nhìn chàng một lát.

- Bác sắp treo cổ người này à? Cô nghiêm trang hỏi Clôpanh.

- Ừ, cô em ạ, vua xứ Tuynơ trả lời, trừ phi cô lấy hắn làm chồng.

Cô khề bừ môi dưới thật duyên dáng.

- Tôi bằng lòng lấy, cô nói.

Đến đây, Gringoa càng tin chắc từ sáng đến giờ mình toàn sống trong mơ và đây chỉ là mơ tiếp.

Quả thực, kịch biến tuy duyên dáng nhưng quá mạnh mẽ.

Họ tháo thòng lọng, cho nhà thơ bước xuống ghế. Chàng phải ngồi thụp xuống vì quá xúc động.

Quân công Ai-cập không nói nửa lời, mang tới cái vò đất sét. Cô Bôhêmiêng trao nó cho Gringoa.

- Anh hãy đập xuống đất đi, cô bảo chàng.

Cái vò vỡ tan.

- Hỡi chú em, quân công Ai-cập liền đặt hai tay lên trán họ, cô ta là vợ của chú; hỡi cô em, chú ấy là chồng của cô. Trong vòng bốn năm. Cô chú đi thôi.

VII. ĐÊM TÂN HÔN

Lát sau, nhà thơ của chúng ta đã ở trong một căn phòng nhỏ mái khum hình cung nhọn, thật kín đáo, thật ấm áp, chàng ngồi trước bàn, nó không muốn gì hơn là được vay tạm vài món ở chạn thức ăn treo gần đó, chàng thấy hiện lên trong tương lai chiếc giường êm ái và được đối diện với cô gái đẹp. Cuộc phiêu lưu xảy ra cứ như chuyện thần thông. Chàng bắt đầu nghiêm túc tự cho mình là một nhân vật của chuyện thần tiên, thỉnh thoảng chàng lại nhìn xung quanh, như để tìm xem cỗ xe bằng lửa thẳng hai con quái vật hoang đường có cánh⁽¹⁾, vật duy nhất có thể đưa chàng nhanh chóng như vậy từ đây địa ngục lên thiên đường, có còn đó ở đó không. Đôi khi chàng lại trần trần nhìn vào lỗ rách cái áo ngắn để bám chặt lấy thực tế và khỏi hoàn toàn xa rời mặt đất. Lý

trí chàng lơ lửng giữa khoảng không tưởng tượng, chỉ còn biết bám vào sợi chỉ đó.

Cô gái như không hề để ý tới chàng: cô đi lại, xếp dọn mấy cái ghế đẩu, nói năng với con dê, thỉnh thoảng lại bấu môi. Cuối cùng, cô đến ngồi gần bàn và Gringoa có dịp tha hồ ngắm nghía.

Hỡi bạn đọc, bạn đã từng là trẻ thơ và có lẽ bạn sẽ rất sung sướng nếu còn được như vậy. Chắc bạn đã hơn một lần (còn riêng tôi, tôi từng bỏ ra suốt ngày những ngày hữu ích nhất của đời mình) đuổi theo từ bụi này tới bụi kia, ở cạnh dòng nước chảy, vào ngày nắng, một con chuồn chuồn xinh đẹp xanh sẫm hoặc xanh nhạt, nó bay ngoắt đi ngoắt lại thoăn thoắt, để hôn mọi đầu cành. Chắc bạn còn nhớ đầu óc và con mắt bạn từng âu yếm tò mò đến thế nào, để theo dõi con xoay lốc xinh xẻo đó đang rít lên vo ve, với đôi cánh đỏ rực và xanh lơ, chính giữa phấp phới một hình thù huyền ảo càng mờ tỏ hơn bởi chính dáng bay vùn vụt. Sinh vật bay lượn đó rung đôi cánh để mơ hồ xuất hiện, có vẻ thật là hảo huyền, không tưởng, chẳng thể sờ mó, chẳng thể trông thấy. Nhưng cuối cùng, chuồn chuồn tới đậu ở đầu cành sậy, và bạn có thể nin thở ngắm nhìn đôi cánh dài bằng the, cái áo dài men sứ, hai khối mắt pha lê, bạn sẽ ngạc nhiên biết chừng nào, chỉ lo sợ hình thù đó lại bay đi mất hút, sinh vật đó lại trở thành hảo huyền! Bạn hãy nhớ lại cảm giác đó và bạn sẽ dễ dàng hiểu rõ điều Gringoa cảm thấy khi ngắm nhìn cô gái Exmêranda, dưới hình thù có thể trông thấy và sờ mó được, mà cho đến nay chàng mới chỉ thấp thoáng thấy qua con bảo lốc của

nhảy múa, ca hát và ồn ào. Càng đắm chìm mơ mộng, chàng càng lơ đãng nhìn cô gái và thầm nhủ: - Thế ra *Exmêranda* là như thế này ư? Một tuyệt thế giai nhân. Một vũ nữ múa rong! Quá nhiều và quá ít! Chính cô ta sáng nay đã kết liễu vở kịch của mình, chính cô ta tối nay lại cứu vớt đời mình. Là ma quỷ ám ảnh! Là thần tiên phù trợ! - Quả thực là cô gái đẹp! - Và phải yêu mình đến mê cuồng mới lấy mình như vậy, - Đúng thế, chàng nói rồi đột nhiên đứng dậy, với ý định về thực tiễn vốn là nền tảng tính nết và triết lý của chàng, quả tình mình không hiểu sự thế sao lại xoay ra thế này, nhưng đúng mình là chồng cô ta! Mang ý nghĩ đó trong đầu và trên mắt, chàng lại gần cô gái một cách thật lén lút và trai lơ, khiến cô ta phải lùi lại.

- Anh định làm gì tôi vậy? cô hỏi.

- *Exmêranda* yêu quý, sao em còn phải hỏi anh như vậy? *Gringoa* trả lời, giọng say mê đến nỗi chính chàng nghe tiếng mình nói cũng phải ngạc nhiên.

Cô gái Ai-cập mở to mắt.

- Tôi không hiểu anh định nói gì.

- Còn phải nói gì nữa! *Gringoa* nói, càng bông bột hơn, thậm chí hóa ra mình lại gặp được một người đoan chính của Cung điện thần kỳ, hỡi cô em hiền ngoan, anh chẳng phải là của em đó sao? Em chẳng là của anh đó ư?

Và hoàn toàn ngây thơ, chàng ôm ngang người nàng. Chiếc áo cô bôhêmiêng tuột khỏi tay chàng như làn da con chạch. Cô nhảy phắt tới cuối phòng cúi xuống và ngẩng lên, tay cầm con dao găm nhỏ, trước khi *Gringoa* kịp nhận thấy con dao từ đâu ra; cô tức giận kiêu kỳ,

môi cong lên, cánh mũi phập phồng, má đỏ rực như táo chín, tròng mắt long lanh tóe lửa. Đồng thời, con dê trắng nhỏ đứng chắn trước cô, cũng hiện ngang giương trán, vểnh cặp sừng xinh đẹp, vàng chóa và nhọn hoắt, chia về phía Gringoa. Tất cả chỉ trong nháy mắt.

Chuồn chuồn biến thành ong và chỉ chờ châm đốt.

Vị triết gia của chúng ta dùng lại sừng sốt, ngo ngác hết nhìn con dê lại nhìn cô gái.

- Lay Đức mẹ đồng trinh! cuối cùng chàng thốt lên khi đã hết ngạc nhiên, đúng là hai ả vui tính!

Đến lượt cô gái cũng lên tiếng:

- Kể ra anh chàng dấm dớ này cũng táo gan thật!

- Xin lỗi cô nương, Gringoa mỉm cười nói. Nhưng tại sao cô lại lấy tôi làm chồng?

- Thế cứ để mặc anh bị treo cổ à?

- Hóa ra, nhà thơ nói hơi có vẻ thất vọng, cô lấy tôi không ngoài ý định muốn cứu tôi thoát khỏi giá treo cổ?

- Vậy anh còn muốn tôi có ý định gì khác nữa?

Gringoa cắn môi. - Chao ôi, chàng tự nhủ, ta chưa hề chiến thắng về phương diện Quypidô⁽²⁾ như ta tưởng. Nếu vậy, hà tất phải đập vỡ cái vỏ tội nghiệp làm gì?

Lúc đó con dao găm của Exmêranda và cặp sừng con dê vẫn ở tư thế phòng thủ.

- Cô Exmêranda, nhà thơ nói, ta hãy hòa giải thôi. Tôi không phải là thư ký lục sự tòa án Satolê và sẽ không gây rắc rối vì cô đã mang dao găm trong người như vậy giữa đô thành Pari, ngay trước mũi lính tuần cảnh và lệnh nghiêm cấm của Ngài đô trưởng. Tất nhiên, cô thừa

biết cách đây tám hôm, Nôen Lăcorivanh đã bị phạt mười xu tiền Pari vì tội mang dao trong người. Song đó không phải việc của tôi, và tôi xin đi ngay vào chuyện. Tôi xin thề sẽ không lên thiên đường nếu tôi xấn lại gần cô mà chưa được cô bằng lòng và cho phép; nhưng xin cô hãy cho tôi ăn chút gì.

Thực tình, Gringoa cũng như ông Dêprêô rất ít "dục tình". Chàng không thuộc loại kỵ binh và pháo thủ xung phong chiếm đoạt các cô gái. Về phương diện ái tình cũng như mọi công việc khác, chàng luôn sẵn sàng theo thuyết biết đủ và vừa phải; cho nên một bữa ăn ngon, tay đôi vui vẻ, nhất là đang lúc đói, đối với chàng là giờ giải lao tuyệt diệu giữa mở đầu và đoạn kết thúc của một cuộc phiêu lưu tình ái.

Cô gái Ai-cập không trả lời. Cô khê bừ mỗi khinh khỉnh, ngẩng cao đầu như chim, rồi phì cười và con dao găm xinh xắn biến mất như nó đã xuất hiện, khiến Gringoa không kịp thấy con ong đã giấu cái nọc ở đâu.

Lát sau, trên bàn đã có ổ bánh mì đen, khoanh thịt mỡ, vài quả táo răn rúm và bình rượu bia. Gringoa ngồi ăn ngấu ngiến. Cứ nghe tiếng đĩa sắt và đĩa sứ chạm nhau hối hả, có thể nói tất cả tình yêu của chàng đã biến thành cảm giác ngon miệng.

Cô gái ngồi trước mặt lặng lẽ nhìn chàng ăn, rõ ràng đang bận nghĩ chuyện khác nên thỉnh thoảng lại tùm tùm cười, bàn tay êm dịu vuốt ve cái đầu thông minh của con dê đang khê nép mình bên đầu gối cô.

Cây nến vàng soi sáng khung cảnh ngốn ngấu và mơ mộng đó.

Khi tiếng kêu gào đầu tiên của dạ dày đã dịu rồi, Gringoa mới hơi ra vẻ xấu hổ khi thấy chỉ còn lại quả táo.

- Cô Exmêranda, cô không xoi gì à?

Cô gái lắc đầu từ chối và cặp mắt tư lự lại đắm đắm nhìn lên vòm mái căn phòng.

Không biết cô ta nghĩ ngợi cái quái gì? Gringoa thầm hỏi và nhìn theo phía cô nhìn; - Chẳng lẽ thằng lùn tạc bằng đá đang nhấm mặt trên trần vòm mái kia lại khiến cô phải chăm chú như vậy sao. Than ôi! ta đáng đem so sánh với nó ư!

Chàng cất tiếng: - Thưa cô!

Cô hình như không nghe thấy.

Chàng càng nói to hơn: - Cô Exmêranda!

Phí công vô ích. Cô gái nghĩ đầu đầu và tiếng nói Gringoa không đủ sức kéo cô trở về. May thay, con dê lại xen vào. Nó khê kéo tay cô chủ: - Giali, mày muốn gì? Cô gái Ai-cập sốt sắng hỏi, như giật mình sợ tỉnh.

- Nó đói đấy, Gringoa, thích thú được bắt chuyện.

Exmêranda bẻ vụn bánh và cho Giali ăn từ tốn trong lòng bàn tay.

Dù sao Gringoa cũng không cho cô có thời giờ trở lại mơ mộng. Chàng tế nhị dò hỏi.

- Thế ra cô không muốn coi tôi là chồng hay sao?

Cô gái nhìn chàng chằm chằm và đáp:

- Không.

- Thế là tình nhân được không? Gringoa hỏi.

Cô gái bĩu môi đáp:

- Không.

- Vậy là bạn nhé? Gringoa hỏi tiếp.

Cô vẫn nhìn chăm chăm và sau một lát suy nghĩ, liền đáp: - Có lẽ được.

Câu có lẽ được, vốn quen thuộc với triết gia, càng khuyến khích Gringoa thêm.

- Cô có hiểu thế nào là tình bạn không? chàng hỏi.

- Có, cô gái Ai-cập trả lời. Đó như thể là anh trai với em gái, hai tâm hồn gần nhau mà không hòa vào nhau, hai ngón tay trên bàn tay.

- Thế còn tình yêu? Gringoa hỏi tiếp.

- Ô! tình yêu ư! cô nói, giọng run lên và mắt ngời sáng. Đó là hai mà hóa một. Một trai và một gái hòa hợp thành một thiên thần. Đó là trời xanh.

Lúc nói vậy, cô múa rong đẹp vô cùng, khiến Gringoa hết sức sùng sốt, chàng thấy cô hoàn toàn phù hợp với kiểu say sưa gần như đông phương trong lời nói. Cặp môi hồng tình khiết hé cười; vầng trán ngây thơ và bình thản đôi lúc lại dăm dăm tư lự, như tấm gương nhòa hơi thở; và từ cặp mi đen dài rủ xuống, tỏa ra một thứ ánh sáng ngời ngời, làm khuôn mặt trông nghiêng ngả màu hoan lạc lý tưởng, mà Raphaen từng tìm ra ở giao điểm thần bí của các sắc thái trinh bạch, mầu tử và thần thánh.

Gringoa vẫn cứ hỏi tiếp.

- Vậy phải như thế nào mới làm đẹp lòng cô?

- Phải là nam nhi.

- Thế tôi, tôi là gì? chàng hỏi.

- Nam nhi phải đấu đội mũ, tay cầm gươm đi giày có đinh thúc ngựa bằng vàng.

- Thôi được, không cưới ngựa, chẳng thành nam nhi. Thế cô có yêu ai không?

- Yêu như người tình?

- Phải, như người tình.

Cô tư lự một lát rồi nói, giọng khác thường: - Sắp tới đây tôi mới biết.

- Sao không phải ngay tối nay? Nhà thơ lại âu yếm hỏi. Sao không yêu ngay tôi?

Cô nghiêm trang nhìn chàng.

- Tôi chỉ có thể yêu một người che chở nổi cho tôi.

Gringoa đỏ mặt và thôi không nói nữa. Rõ ràng cô gái ám chỉ việc chàng đã chẳng giúp đỡ được bao nhiêu, khi cô lâm nạn hai giờ trước đây. Kỷ niệm đó bị lu mờ trước bao chuyện xảy ra trong buổi tối, trở lại với chàng. Chàng đưa tay vỗ trán.

- Thưa cô, đúng thế, đáng lẽ tôi phải bắt đầu từ đó. Cô tha lỗi cho tính đãng trí điên rồ của tôi. Thế cô làm thế nào mà thoát khỏi nanh vuốt của Cadimidô?

Câu hỏi làm cô bôhêmiêng rùng mình.

- Ôi chao! Thằng gù kinh tởm! cô nói, lấy tay che mặt, và cô run lên như bị cồng lạnh.

- Đúng thế, thật kinh tởm! Gringoa nói, vẫn bám theo ý nghĩ của mình; nhưng cô làm thế nào mà thoát khỏi tay hắn?

Exmêranda mỉm cười, thở dài và nín lặng.

- Có có biết tại sao hấn đi theo cô không? Gringoa nói, muốn gọi hỏi khác đi.

- Tôi không biết, cô gái đáp. Rồi cô bỗng bật hỏi thêm: Thế còn anh, tại sao anh cũng đi theo tôi?

- Nói thật tình, tôi cũng chẳng biết nốt, Gringoa đáp.

Im lặng chốc lát, Gringoa lấy dao gạt cạnh bàn. Cô gái mỉm cười và như nhìn thấy gì đó qua bức tường. Đột nhiên có khe khẽ cất tiếng hát:

*Quando las pintadas aves
Mudas esian, y la tierra...(3)*

Cô bất thần nín bật và vuốt ve Giali.

- Con dê của cô xinh thật, Gringoa nói.

- Em gái tôi đấy, cô đáp.

- Tại sao họ lại gọi cô là *Exmêranda*? nhà thơ hỏi.

- Tôi cũng chẳng biết nữa.

- Cũng không biết nữa à?

Cô rút trong ngực ra cái túi con thỏ dài đeo nơi cổ bằng sợi dây râu chuối hạt trên châu. Cái túi sặc mùi long não. Ngoài bọc lụa xanh và ở giữa gắn một mặt thủy tinh xanh to giả ngọc bích.

- Có lẽ do cái này, cô nói.

Gringoa định cầm cái túi. Cô lùi lại.

- Đừng sờ vào. Túi bùa đấy: anh sẽ xúc phạm đến bùa ngải, hoặc bùa ngải sẽ làm hại anh.

Nhà thơ lại càng tò mò hơn.

- Ai cho cô túi bùa thế?

Cô đặt ngón tay lên miệng và giấu túi bùa vào ngực. Chàng thử hỏi thêm nhưng cô trả lời hờ hững.

- Cái tên *Exmêranda* có nghĩa là gì?
- Tôi không biết, cô đáp.
- Nó là tiếng nước nào?
- Có lẽ tiếng Ai-cập.
- Tôi cũng ngờ là như vậy. Gringoa nói. Có phải cô quê ở Pháp không?

- Tôi cũng chẳng biết.

- Thế bố mẹ cô đâu?

Cô liền hát theo một điệu cổ:

Bố tôi là chim

Mẹ tôi là chim

Tôi qua sông chẳng cần thuyền

Tôi qua sông chẳng cần tàu

Mẹ tôi là chim

Bố tôi là chim

- Thôi được, Gringoa nói. Thế cô tới Pháp hồi mấy tuổi?

- Lúc còn bé tí tẹo.

- Tới Pari hồi nào?

- Hồi năm ngoái. Lúc bọn tôi qua cổng Giáo hoàng kéo vào thành, tôi thấy chim bông lau bay ngang trời; lúc đó là cuối tháng tám; tôi có bảo: mùa đông rét lắm đây.

- Mùa đông năm đó rét thật, Gringoa nói, thích thú vì đã gọi được chuyện; suốt mùa đông đó, tôi cứ phải hà hơi sưởi ngón tay. Thế ra cô có tài tiên đoán?

Cô ta trở lại ít lời.

- Không.

- Cái người cô gọi là quận công Ai-cập đó là trùm bộ tộc à?

- Phải.

- Ấy chính người đó làm lễ cưới cho chúng ta đấy, nhà thơ rút rè nói.

Cô lại khẽ bẽn lẽn như thường lệ.

- Tôi cũng chưa biết tên anh là gì nữa.

- Tên tôi à? nếu cô muốn biết thì xin thưa: Pie Gringoa.

- Tôi biết một cái tên khác đẹp hơn, cô nói.

- Đồ quỷ quái! nhà thơ thốt lên. Không sao, tôi cũng chẳng giận cô đâu. Thế này nhé, có khi cô sẽ yêu tôi nếu biết rõ tôi hơn; và lại cô đã rất tin cậy mà kể chuyện đời cô, cho nên tôi cũng phải kể qua chuyện tôi cho cô nghe. Như vậy cô biết tên gọi Pie Gringoa và là con trai quan trung thuế tòa lục sự thành Gônexo. Bố tôi bị bọn Buốcgônho treo cổ và mẹ tôi bị bọn Picardi mổ bụng hồi vây hãm Pari cách đây hai mươi năm. Như vậy là lên sáu tuổi tôi đã mồ côi, chỉ còn biết lấy lòng đường Pari làm để giầy. Tôi không hiểu mình đã vượt qua khoảng cách từ sáu tuổi lên mười sáu bằng cách nào. Chỗ này bà hàng hoa quả cho quả mận, nơi kia ông chủ quán ăn vớt cho mẩu bánh; buổi tối, lại bị lính kích thủ tóm cổ nhét ngồi tù, ở đó tôi có được bó rạ để nằm. Mọi cái đó không ngăn cản tôi lớn lên và gầy nhom, như cô thấy đấy. Mùa đông, tôi tới sưởi nắng dưới vòm cổng của lâu đài Xăng và tôi rất buồn cười là đông lửa ngày lễ Xanh Giăng lại dành riêng cho tiết đại thử. Tôi mười sáu tuổi, tôi muốn kiếm chút địa vị. Tôi lần lượt thử đủ mọi nghề. Tôi đi lính; nhưng không đủ dũng cảm. Tôi đi tu, nhưng lại không đủ đức tin. Hơn nữa, tôi lại không biết uống rượu. Thất vọng, tôi vào học việc thợ xẻ nhưng lại không

đủ sức khỏe. Tôi mong được làm thầy giáo hơn; đã đành lúc đó tôi không biết đọc; nhưng đó không phải là lý do. Ít lâu sau, tôi nhận ra mình thiếu điều kiện để làm bất cứ việc gì; và thấy mình chẳng được tích sự gì hết, tôi bèn trở thành nhà thơ và soạn nhạc. Đó là một địa vị lúc nào cũng kiếm được khi người ta vô công rồi nghề, mà thế còn hơn là đi ăn cắp, như vài đứa bạn trẻ tuổi con cái nhà đầu trộm đuôi cướp từng khuyên tôi. Một hôm tình cờ tôi gặp cha Clôđơ Phrêlô, phó chủ giáo nhà thờ Đức bà. Ông ta quan tâm đến tôi và nhờ ông mà hôm nay tôi mới trở thành học giả thực thụ, biết tiếng la tinh từ bộ Bốn phần của Xixorô tới Văn điệu tang của các cha dòng Xêlextin, và không còn mù mịt đối với cả triết học kinh viện lẫn thi ca, âm nhạc và cả luyện đàn học nữa, môn đầu trò của các trò làm bộ làm tịch. Chính tôi là tác giả vở thánh kịch sáng nay được trình diễn thành công rực rỡ và được dân chúng nhiệt liệt hoan nghênh ngay giữa gian đại sảnh Tòa pháp đình. Tôi còn viết một quyển sách sẽ vào khoảng sáu trăm trang, bàn về ngôi sao chổi kỳ diệu năm 1465 đã làm một người phát điên. Tôi còn nhiều thành tựu khác. Cũng hơi biết nghề mộc pháo binh, tôi còn góp phần chế tạo khẩu thần công to tướng của Giảng Môgơ, mà cô hẳn biết nó đã vơ toác ở cầu Sarăngtông vào hôm thử súng và làm chết hăm tư kẻ tò mò. Cô xem đây, tôi đâu phải là món hời nhân xoàng. Tôi còn biết khối trò về rất dễ thương, rồi tôi sẽ dạy cho con dê của cô; chẳng hạn, bắt chuộc giám mục Pari, cái lão thầy tu hổ mang khốn kiếp có dây cối xay té uớt hết khách qua đường suốt dọc cầu Thọ xay. Hơn nữa, vở thánh kịch còn đem lại cho tôi rất nhiều

tiền mặt, nếu họ chịu trả tiền. Cuối cùng, thua cô, tôi sẵn sàng chờ cô sai bảo, cả bản thân tôi lẫn trí tuệ, lẫn tài năng khoa học, tài năng văn học của tôi, tôi sẵn sàng sống chung thủy tùy theo ý muốn của cô, hoặc làm vợ chồng nếu cô thích, hoặc làm anh em nếu cô thấy thế lại hay hơn.

Gringoa nín lặng, chờ đợi hiệu quả bài diễn văn đối với cô gái. Cô dăm dăm nhìn xuống đất.

Phêbuýt, cô khẽ thốt lên. Rồi quay lại nhà thơ, cô hỏi:

- *Phêbuýt* nghĩa là gì?

Tuy thấy lời diễn thuyết của mình chẳng liên quan gì đến câu hỏi đó, Gringoa vẫn không hề bực mình được dịp trở tài thông thái. Chàng háng giọng cất nghĩa:

- Đó là tiếng la tinh, có nghĩa là *mặt trời*.

- Mặt trời! cô gái nhắc lại.

- Đó là tên một cung thủ rất điển trai, vốn là thần, Gringoa nói thêm.

- Thần! Cô gái Ai-cập nhắc lại. Và giọng cô có vẻ tự lự, say đắm.

Vừa vặn lúc đó, một chiếc vòng trên tay cô gái tuột ra và rơi xuống. Gringoa vội cúi xuống nhặt. Khi ngừng lên, cô gái và con dê đã biến mất. Chàng nghe thấy tiếng còi then. Đó là chiếc cửa con chắc hẳn thông sang buồng bên cạnh, khóa trái phía bên kia.

- Không biết cô ta có để cho mình cái giường nào không? triết gia của chúng ta tự hỏi.

Chàng đi quanh buồng. Chỉ có chiếc hòm gỗ khá dài là tạm có thể ngủ được, chưa kể nắp hòm lại chạm trổ,

làm cho khi ngã lưng xuống, Gringoa cảm thấy gần giống như cảm giác của Micrômégát (4) nằm dài trên dãy núi Anpo.

- Thôi được, chàng nói, cố thích ứng với hoàn cảnh. Phải tập cho quen đi. Nhưng quả đây là đêm tân hôn kỳ lạ. Thật đáng tiếc. Vụ hôn nhân theo kiểu đập vỡ vò này đúng là có vẻ ngây thơ và cổ lỗ làm cho mình dâm ra thích thú.

QUYỂN BA

I. NHÀ THỜ ĐỨC BÀ

Chắc chắn đến nay nhà thờ Đức bà Pari vẫn còn là một tòa nhà hùng vĩ và thiêng liêng. Nhưng mặc dù nó cổ xưa mà vẫn giữ được vẻ đẹp, ta khó lòng nén tiếng thở dài, không thể không bực mình trước vô số điêu tàn, phá phách mà thời gian và con người lần lượt bắt tòa nhà cổ kính phải chịu đựng, không thêm tôn trọng cả Sáclo-manhơ từng đặt viên đá đầu tiên lẫn Philip Ôguýt đã đặt viên cuối cùng.

Trên khuôn mặt bà chúa già nua của những nhà thờ lớn ở ta, bên cạnh nếp nhăn bao giờ cũng thấy luôn vết sẹo. *Tempus edax, homo edacior*⁽¹⁾. Câu mà tôi sẵn sàng dịch như sau: thời gian thì mù lòa, con người lại ngu ngốc.

Nếu được rảnh rỗi để cùng bạn đọc lần lượt ngắm nghía từng vết phá hoại khác nhau in dấu lên tòa nhà thờ cổ xưa, ta sẽ thấy tội của thời gian ít hơn, còn tội của con người nặng hơn, nhất là người làm nghệ thuật. Tôi nhấn mạnh là *người làm nghệ thuật*, vì có những kẻ đã mang danh kiến trúc sư từ hai thế kỷ nay.

Trước hết, chỉ xin đưa ra vài dẫn chứng chủ yếu: chắc hẳn hiếm có những trang kiến trúc nào đẹp đẽ hơn mặt trước nhà thờ. Ở đây lần lượt và đồng thời có ba cổng khoét hình cung nhọn: một dãy hăm tám khám tượng quốc vương xây trở kiểu thêu ren; cái cửa sổ hoa thị lớn ở chính giữa với hai bên cửa sổ, như linh mục trợ tế và phó trợ tế; dãy hành lang cao vút và mảnh khảnh, có cửa tò vò hình tam diệp, đỡ lấy một nóc bằng nặng trên hàng cột thon, cuối cùng hai tòa tháp đen và to, với mái hiên lợp đá đen, những bộ phận hài hòa của một chỉnh thể tuyệt mỹ, chồng lên nhau thành năm tầng gác đỡ sộ; tất cả triển khai rành rành trước mắt, xô bồ mà ổn định, với vô vàn chi tiết về tạc tượng, điêu khắc và chạm trổ, mạnh mẽ hòa hợp cùng vẻ hùng vĩ bình thản của toàn thể. Có thể nói đây là bản giao hưởng đá dài đặc; là tác phẩm khổng lồ của một người và một dân tộc, một chỉnh thể hoàn tất thống nhất và phức tạp như trường ca *Ilíat* và dân ca *Rômăngxêrô*⁽²⁾, vốn cùng chị em với nó; là sản phẩm của sự chung đúc tất cả sức lực một thời đại, mà trên mỗi hòn đá đã nổi bật bằng trăm ngàn cách khác nhau, khí tài hoa người thợ được uốn nắn theo thiên tài nghệ sĩ; tóm lại, đây là một thứ sáng tạo của nhân loại, mãnh liệt và phong phú như sáng tạo của thiên thần, mà hầu như nó đã đoạt lấy hai tính chất: đa dạng, vĩnh cửu.

Và điều chúng tôi nói ở đây về mặt tiền, cũng phải nói như vậy về toàn thể ngôi nhà thờ: và điều nói về ngôi nhà thờ lớn Pari này, cũng phải nói như vậy về mọi nhà thờ Cơ đốc giáo thời trung cổ. Tất cả nằm trong một ngành nghệ thuật tự nó đã đến lúc hoàn chỉnh, hợp lý

và cân đối. Đo kích tắc ngón chân cái, tức là đo chiều cao người khổng lồ.

Hãy trở lại với mặt tiền của nhà thờ Đức bà, như nó còn lại hiện nay, khi chúng ta tới sùng bái chiêm ngưỡng tòa nhà thờ lớn uy nghiêm và bề thế, mà theo lời các nhà biên niên sử, nó làm ta run sợ: *quae mole sua terrorem incutit spectantibus*⁽³⁾.

Mặt tiền hiện nay thiếu mất ba vật quan trọng. Trước hết là cái thềm mười một bậc, xưa kia nâng nó lên cao khỏi mặt đất; sau là một dãy pho tượng ở bên dưới, từng được đặt vào các khám ở ba cổng và dãy tượng ở phía trên gồm hăm tám vị vua cổ xưa nhất của nước Pháp, bày dọc hành lang ở gác một, kể từ vua Xindobe tới vua Philip Ôguýt, tay cầm quả "vương cầu".

Bậc thềm là do thời gian làm mất đi, thời gian đã nâng cao mặt đất Khu thành cũ theo một tiến trình chắc chắn và chậm chạp. Nhưng trong khi nền đường Pari cứ dâng lên, lần lượt ngón dần mười một bậc thềm từng giúp cho tòa nhà hùng vĩ cao thêm, thời gian có lẽ đã làm lợi hơn là làm thiệt cho nhà thờ, vì chính thời gian đã phủ lên mặt tiền một màu xám của thế kỷ, làm cho tuổi già các dinh thự lại chính là tuổi đẹp nhất.

Nhưng ai đã lấy đi hai dãy tượng? Ai để lại các khám rỗng không? Ai đã khoét vòm cung nhọn mới, lai tạp, vào ngay chính cổng giữa? Ai dám lắp vào đó cái cửa gỗ nhạt nhẽo và nặng nề, chạm trổ theo kiểu Luy XV ngay cạnh các hoa văn của Bixcornet? Chính là con người: các kiến trúc sư, các nghệ sĩ ngày nay.

Nếu ta lại vào bên trong nhà thờ, ai đã lật nhào thánh Crixtophơ khổng lồ, một pho tượng rất nổi tiếng trong các tượng, nổi tiếng ngang với các gian đại sảnh Tòa Pháp đình nếu đem so sánh nó với các gian đại sảnh khác, ngang với tháp chuông Xtraxhua nếu đem so nó với các gác chuông khác? Lại còn vô số tượng được bày ở khắp các khoảng giữa hai cột của gian tiền đường và gian hát thánh ca, đủ cả tượng quì, tượng đứng, tượng cưỡi ngựa, nào đàn ông, đàn bà, trẻ con, vua chúa, giám mục, cảnh sát, bằng đủ thứ đá thường, đá hoa, vàng, bạc, đồng, cả sáp nữa, ai đã tàn bạo quét sạch mọi cái đó? Không phải thời gian đâu.

Và ai đã thay cái bàn thờ gôgích cổ đầy những tráp thành tích và hòm thánh vật lộng lẫy bằng cái quách đá hoa nặng chịch, chạm trổ mặt thần tiên và mây, trông như được cốp nhặt kệch còm ở tu viện Van Đơ Graxo hoặc lâu đài phế binh Anhvalido? Ai đã ngu ngốc đem chôn cái cửa lối thờ bằng đá nặng nề đó vào nền đá lát kiểu Carôlingiêng của Hercăngđuyt? Phải chăng đó là vua Luy XIV đã thực hiện ước nguyện của vua Luy XIII?

Và ai đã lắp các kính trắng lạnh lẽo thay vào những miếng kính "lộng lẫy muôn màu", từng làm con mắt kính ngạc của cha ông ta phải phân vân giữa cửa sổ hoa thị ngoài cổng lớn và các vòm cung nhọn nơi hậu cung? Con người hát thánh ca của thế kỷ mười sáu sẽ nói sao, khi nhìn thấy màu với vàng gôm ghiếc mà các tổng giám mục phá hoại thẩm mỹ thường bôi bẩn các nhà thờ? Anh ta sẽ nhớ ra đó là màu sắc của tên đao phủ quét lên các dinh thự *vô đạo*; anh ta sẽ nhớ tới lâu đài Tiểu Bước-bông

cũng phết vàng khè vì tội phản nghịch của nguyên soái, "thật là vàng khè, sử gia Xôvan nói, và quét kỹ đến nỗi hơn một thế kỷ sau còn chưa phai màu". Anh ta tưởng nơi thánh thất đã trở nên ô uế và đành bỏ chạy.

Và nếu trèo lên nhà thờ, không thèm dừng lại trước trăm ngàn phá phách đủ loại, ta phải hỏi ai đã xâm phạm đến gác chuông nhỏ xinh đẹp, xây tựa trên giao điểm của chiếc cửa kính; gác chuông đó không kém phần thon mảnh, táo bạo so với gác chuông bên cạnh (cũng bị phá rồi) của nhà nguyện Xanh Sapein và cao vút, nhọn hoắt, âm vang, trở thùng, chọc thẳng lên trời cao hơn hẳn các tháp khác. Một kiến trúc sư đầy khiêu khích thẩm mỹ (1787) đã xén cụt nó rồi và tưởng chỉ cần che đầy vết thương đó bằng lá thuốc cao to rộng bằng chì, trông giống cái vung nổi.

Nghệ thuật kỳ diệu thời trung cổ bị đối xử như vậy trên hầu khắp các nước, nhất là ở Pháp. Qua vết tích tàn phá, có thể phân biệt ba loại vết thương, cả ba đều hủy hoại với mức độ nặng nhẹ khác nhau: trước hết là thời gian đã dần dà xói lở dây dó, và làm hoen ố khắp các bề mặt; rồi đến các cuộc cách mạng chính trị và tôn giáo, vốn bản chất mù quáng và giận dữ, đã ào ào xông tới, xé rách bộ áo ngoài phong phú gồm những điêu khắc và chạm trổ, đập vỡ cửa sổ hoa thị, phá tan sợi dây chuyển những hoa văn và tượng nhỏ, tước đoạt các pho tượng, khi thì tước mũ giáo chủ lúc lại tước vương miện; cuối cùng là thói thời thượng càng ngày càng thô鄙 và ngu ngốc, kể từ những bước chệch đường hỗn loạn và trắng lè thời *Phục hưng*, cứ liên tiếp thay thế nhau trong cảnh suy thoái tất yếu của kiến trúc. Thói thời thượng

còn tác hại hơn cả cách mạng. Nó thẳng tay xâm phạm, đánh vào bộ khung xương của nghệ thuật, nó cắt bỏ, xén gọt, đảo lộn, giết chết dinh thự, về hình thức cũng như biểu tượng, về sự hợp lý cũng như về đẹp của nó. Thế rồi, nó còn trùng tu; một tham vọng mà cả thời gian lẫn cách mạng ít nhất đều không có. Theo *thị hiếu tốt đẹp*, nó trắng trợn gán ghép lên các vết thương của kiến trúc gô-tích, những vật ba vạ nhất thời khốn kiếp, những giải bằng đá hoa, những kim khí tô điểm cầu kỳ, đúng là nham nhở như hủi với những khối hình trũng, xoay ốc, cuộn tròn, rồi màn trướng, hoa dây, tua viền, lửa đá, mây đồng, thần ái tình béo tốt, hài đồng mũm mĩm, cái thị hiếu tốt đẹp đó bắt đầu tàn phá bộ mặt nghệ thuật trong phòng cầu nguyện của Catorin Đơ Mêdixi và hai thế kỷ sau, làm nó quăn quại và nhàn nhó tất thờ luôn trong khuê phòng của Đuybari phu nhân.

Cho nên, để tóm tắt những điểm chúng tôi vừa trình bày, có ba loại tàn phá hiện nay đang hủy hoại nền kiến trúc gô-tích. Nếp nhăn, mụn cóc ngoài da, là công trình của thời gian; bạo hành, chà đạp, toác thịt, gãy xương, là công trình của cách mạng, kể từ Luyte tới Mirabô⁽³⁾. Cưa cắt, mổ xẻ, bẻ gãy tay chân, *trùng tu*, đó là việc làm theo kiểu Hi-lạp, La-mã và bộ lạc man rợ của các giáo sư, theo lời Vitruvơ và Vinhôlô⁽⁴⁾. Nghệ thuật trắng lệ này do người Văngđan⁽⁵⁾ sinh ra, các viện hàn lâm đã giết chết. Cùng với các thế kỷ, các cuộc cách mạng, ít nhất chúng cũng tàn phá một cách vô tư và cao cả, còn kéo tới tiếp tay cả một bảy kiến trúc sư nhà trường, có môn bài, đã tuyên thệ và thể thốt, họ làm giảm giá trị

vì thói nhận định và lựa chọn thiếu thẩm mỹ, họ thay thế các riềm ren gôgích bằng lá rau diếp kiểu Luy XV, vì vinh quang vĩ đại nhất của đền Partênông⁽⁶⁾. Đó là cú đá của con lừa đối với con sư tử ngất ngoài. Đó là cây sồi già đang cành lá xum xuê nhưng buồn thay, lại bị loài sâu châm đốt, cắn xé.

Thật xa lắc kể từ hồi đó tới thời mà Rôbe Xênalit, đem so sánh nhà thờ Đức bà Pari với ngôi đền trú danh thờ Dian ở Ephêdô, từng được các tín đồ đa thần giáo ngày xưa hết sức quý chuộng và khiến Erôxtrato⁽⁷⁾ lưu danh bất tử, thấy ngôi nhà thờ lớn xứ Gôlô "còn tuyệt hơn về chiều dài, chiều rộng, chiều cao và cấu trúc"⁽⁸⁾.

Nhà thờ Đức bà Pari cũng hoàn toàn không thể gọi là một công trình hoàn tất, được xác định, xếp hạng. Nó không còn là nhà thờ rôman, nhưng cũng chưa phải nhà thờ gôgích. Tòa nhà đó không phải là một điển hình. Không giống tu viện Tuanuyt, nhà thờ Đức bà Pari không hề có khung nhà trang nghiêm và nặng nề, vòm mái tròn và rộng, vẻ trầm trụi lạnh lùng, sự giản dị uy nghiêm của những tòa nhà lấy hình cung tròn làm động lực. Không giống nhà thờ lớn Buôcgio, nó không phải là sản phẩm đẹp đẽ, nhẹ nhàng, đa dạng, rậm rì, lổn nhổn, nở rộ của hình cung nhọn. Không thể xếp nó vào gia đình cổ xưa của những nhà thờ âm u, huyền bí, thấp và như bị hình cung tròn đè bẹp; chúng gần như theo kiểu Ai-cập, trừ trần nhà; chúng toàn mang tính chất tượng hình, đạo giáo, tượng trưng; trong trang trí, chúng nặng về hình thoi và chữ chi hơn hoa lá, nặng về hoa lá hơn súc vật, nặng về súc vật hơn người, chúng là tác phẩm của giám

mục hơn của kiến trúc sư; là bước chuyển biến đầu tiên của nghệ thuật, còn in đậm dấu vết thần quyền và quân sự, bắt rễ từ thời Cận đế quốc (99) và dừng lại ở Ghiôm Kê chinh phục. Cũng không thể xếp tòa nhà thờ đó vào một gia đình khác, gồm những nhà thờ cao vút thanh thoát, đầy dẫy của kính hoa và tượng; chúng mang hình nét sắc nhọn, dáng vẻ táo bạo; đứng về biểu tượng chính trị, chúng là công xã và thị dân, đứng về tác phẩm nghệ thuật, chúng lại tự do, tùy tiện, cuồng nhiệt; chúng thuộc bước biến chuyển thứ hai của khoa kiến trúc, không còn tượng hình bất động và đạo giáo nữa, mà là nghệ sĩ tiến bộ và bình dân, nó bắt đầu từ thời quân Thập tự chinh trở về và chấm dứt vào thời vua Luy XI. Nhà thờ Đức bà Pari không phải thuần chủng La-mã như loại thứ nhất, cũng không phải thuần chủng Á-rập như loại thứ hai.

Đó là một tòa nhà của thời quá độ. Kiến trúc sư xác-xông vừa dựng xong các cột đầu tiên của gian giữa nhà thờ thì hình cung nhọn, từ cuộc Thập tự chinh trở về, đã tới chiếm lĩnh, ngự trên các nóc cột rôman to rộng, đáng lẽ chỉ đỡ lấy hình cung tròn. Hình cung nhọn từ đó làm chủ, xây dựng nốt phần nhà thờ còn lại. Tuy nhiên, buổi đầu còn thiếu kinh nghiệm và rụt rè, nó phình ra, tỏa rộng, tự hạn chế và không dám vút nhọn lên thành hình mũi tên và mũi dao trở, như sau này nó sẽ thực hiện trong bao nhà thờ lớn kỳ diệu. Có thể nói nó còn chịu ảnh hưởng của sự tiếp cận với các cột rôman nặng nề.

Tuy nhiên, các dinh thự của thời gian quá độ từ rôman chuyển sang gôtích đó không kém phần quý giá trong việc nghiên cứu, nếu so chúng với các điển hình

thuần túy. Chúng biểu hiện một sắc thái nghệ thuật, nếu không có chúng, thì cũng sẽ tiêu vong. Đó là việc lai ghép hình cung nhọn lên hình cung tròn.

Nhà thờ Đức bà Pari đặc biệt là một mẫu mực kỳ lạ của loại hình đó. Mỗi bề mặt, mỗi hòn đá của tòa nhà đáng kính này không những là một trang lịch sử đất nước mà còn của lịch sử khoa học và nghệ thuật. Cho nên ở đây chỉ xin đưa ra những chi tiết chủ yếu: trong khi cái cổng Đồ nhỏ bé gần như đạt tới giới hạn về sự tinh vi gô-tích của thế kỷ mười lăm, hàng cột của gian giữa nhà thờ, bằng hình khối và vẻ bề thế, lại ngược lên tới thời tu viện các-lô-vanh-giăng⁽¹⁰⁾ Xanh Giécmanh Đê Prê. Tường như đã trải qua sáu thế kỷ, từ cái cổng tới hàng cột. Ngay cả các pháp sư điểm kim cũng thấy những nét tượng trưng trên cổng lớn là một toát yếu mỹ mãn về pháp thuật của họ, còn nhà thờ Xanh Giéc Đơ La Busori lại là thứ chữ tượng hình rất hoàn chỉnh. Cho nên, tu viện rô-man, nhà thờ điểm kim, nghệ thuật gô-tích, nghệ thuật xắc-xông, cái cột tròn nặng nề làm nhớ tới Grêgoa VII, vẻ tượng trưng điểm kim từ đó Nicôla Phlamen mở đầu trước cả Luyte, vẻ thống nhất kiểu giáo hoàng, sự phân ly của giáo hội, tu viện Xanh Giécmanh Đê Prê, nhà thờ Xanh Giéc Đơ La Busori, tất cả đều hòa tan, hỗn hợp, trộn lẫn ở nhà thờ Đức bà. Tòa nhà thờ trung tâm đây sinh lực này là một quái vật thần thoại giữa bao nhà thờ cổ của Pari; đầu nó thuộc cái này, chân tay thuộc cái kia, móng thuộc cái nọ; gần như thuộc của mọi cái.

Chúng tôi xin nhắc lại, các kiến trúc lai tạp đó, không phải kém hấp dẫn đối với nghệ sĩ, người nghiên cứu đồ

cổ, nhà sử học. Chúng cho thấy khoa kiến trúc quả rất cổ xưa, vì chúng cũng chứng minh cho các di tích khổng lồ, các kim tự tháp Ai-cập, các chùa chiền đồ sộ Ấn-độ, là các sản phẩm vĩ đại nhất của kiến trúc đều là công trình xã hội hơn công trình cá nhân; là con đẻ của nhân dân lao động hơn hoa tay của thiên tài; là tồn trữ một dân tộc để lại; là tích tụ của những thế kỷ gom góp; là lớp cặn sau những lần bốc hơi liên tiếp của xã hội loài người; nói tóm lại, là những hình thức tạo thành. Mỗi đợt sóng thời gian chất chồng một chất phù sa, mỗi chủng tộc phủ một lớp lên tòa nhà, mỗi cá nhân góp vào một hòn đá. Như bầy hải ly, như đàn ong, như loài người vẫn thường làm vậy. Tháp Baben⁽¹¹⁾, tượng trưng vĩ đại nhất của kiến trúc, là một tổ ong.

Các dinh thự lớn, cũng như các núi lớn, là công trình của nhiều thế kỷ. Thường khi chúng vẫn lơ lửng mà nghệ thuật đã thay đổi: *pendent opera interrupta*⁽¹²⁾; chúng vẫn bình thân tiếp diễn tùy theo nghệ thuật đổi thay. Nghệ thuật mới nhận lấy tòa nhà ở nơi nó gặp, ghi tạc vào đó, đồng hóa với nó, tùy thích phát triển nó và nếu có thể được thì hoàn thành nó. Sự việc cứ diễn ra ổn thỏa, dễ dàng, thuận lợi, tuân theo một quy luật tự nhiên và êm thấm. Đó là sự lai ghép tự nhiên, một dòng nhựa chảy, một loại cây hồi sinh. Tất nhiên, trong sự hàn gắn liên tiếp của nhiều nền nghệ thuật trên nhiều tầng cao ở cùng một tòa nhà, có thể tìm thấy chất liệu cho khối cuốn sách dày cộm và đôi khi cho lịch sử thế giới của nhân loại. Con người, nghệ sĩ, cá nhân lu mờ trước những khối đồ sộ không tên tác giả; trí tuệ loài người kết tụ và tổng

hợp ở đó. Thời gian là nhà kiến trúc, nhân dân là người thợ nề.

Ở đây nếu chỉ xét tới nền kiến trúc cơ đốc giáo châu Âu, cô em của những tòa nhà to lớn phương Đông, ta sẽ nhận thấy nó xuất hiện như một tổng thể bao la, chia làm ba vùng rất dứt khoát, chồng chất lên nhau: vùng rôman⁽¹³⁾, vùng gôtích, vùng Phục hưng, mà ta sẵn sàng gọi là vùng Hi-La. Tầng rôman, vốn cổ xưa nhất và sâu xa nhất, bao gồm hình cung tròn; hình cung này được xây dựng trên nóc cột Hi-lạp, lại tái hiện ở tầng cận đại và ưu việt của thời Phục hưng. Hình cung nhọn đứng giữa hai cái đó. Các dinh thự hoàn toàn thuộc về một trong ba tầng đó đều hết sức riêng biệt, đơn nhất và hoàn chỉnh. Đó là tu viện Duymiegie, đó là nhà thờ lớn Remx, đó là Xanh Croa Đ'Ôclêăng. Nhưng cả ba vùng đều dính dấp và hòa lẫn nhau ở ngoài rìa, như các màu sắc trên bản phân tích ánh nắng. Từ đó mà có những kiến trúc phức tạp, những dinh thự của từng sắc thái và của từng thời kỳ quá độ. Có cái chân thì rôman, ở giữa gôtích, đầu lại Hi-La. Chẳng là người ta phải bỏ ra sáu trăm năm để xây dựng nó. Loại này vốn hiếm hoi. Tháp canh Etampo là một kiểu mẫu. Nhưng các tòa nhà làm theo hai kiểu thường thấy nhiều hơn. Đó là nhà thờ Đức bà Pari, kiến trúc hình cung nhọn nhưng các cột đầu tiên lại thâm nhập vào vùng rôman, nơi mà cổng Xanh Đoni và gian giữa tu viện Xanh Giécmanh Để Prê từng lao vào. Đó là gian tầng xá xinh đẹp bán gôtích Bôservin với tầng rôman lên tới bán thân. Đó là nhà thờ lớn Ruăng, nếu công dim

cái mòm chớp tháp chuông chính giữa vào vùng Phục hung⁽¹⁴⁾ thì đã hoàn toàn gột tích rồi.

Tóm lại, mọi sắc thái, mọi dị biệt đó chỉ ảnh hưởng tới bề mặt của dinh thự. Chính nghệ thuật đã thay da. Còn bản thân cấu tạo của nhà thờ cơ đốc giáo không bị đụng chạm tới. Vẫn là dãy xà kèo bên trong, vẫn là các phần sắp xếp hợp lý. Bất kể cái vỏ ngoài của tòa nhà thờ lớn được chạm trổ và thêu thùa thế nào, ta vẫn luôn luôn thấy, ít nhất cũng dưới dạng thức mằm mống và sơ khai, cái cốt cách bên trong của đại giáo đường La-mã. Bao giờ nó cũng phát triển trên nền đất theo cùng một quy luật. Vẫn hai gian bất di bất dịch cắt nhau thành hình chữ thập, đầu trên xây tròn thành hậu cung để làm nơi của đàn hát thánh ca; vẫn vĩnh viễn là những gian bên, dùng cho các cuộc rước bên trong nhà thờ, cho các gian nguyện ngẫm, một thứ hành lang dọc nơi gian chính tỏa ra, qua các hàng cột. Quy định như vậy rồi, số lượng các gian nguyện, cổng, tháp chuông, chớp lầu, cứ thay đổi bất tận, tùy theo thích thú của từng thế kỷ, từng dân tộc, từng nghệ thuật. Một khi nơi cúng lễ đã đầy đủ và đảm bảo, kiến trúc tha hồ muốn làm gì thì làm. Tượng thánh, kính cửa, hoa thị, hoa văn, đường răng cưa, đỉnh cột, phù điêu, chúng kết hợp mọi sáng tạo đó theo đối số thích nghi. Do đó mà các dinh thự có vẻ ngoài thiên hình vạn trạng nhưng thực chất bên trong vẫn vô cùng trật tự và thống nhất. Thân cây cố định, cành lá thì tùy nghi bay bướm.

II. PARI DƯỚI TÂM CHIM BAY

Chúng tôi vừa thử phục hồi đầy đủ tòa nhà thờ Đức bà Pari cho các bạn đọc xem. Chúng tôi đã sơ lược chỉ ra phần lớn vẻ đẹp của nó ở vào thế kỷ mười lăm mà hiện nay không còn; nhưng chúng tôi bỏ sót mất cái chính, đó là toàn cảnh Pari hồi đó đứng từ trên đỉnh tháp nhà thờ nhìn xuống.

Sau khi mò mẫm hồi lâu trên cầu thang xoáy ốc tối om, chọc ngang thọc thợ bức tường dày của gác chuông, cuối cùng ta sẽ bất thần bước lên một trong hai sân thượng cao, chan hòa ánh nắng và khí trời, quả thực ta thấy dưới mắt từ phía đông loạt bày ra một bức tranh đẹp đẽ; một cảnh tượng rất riêng biệt, có thể dễ dàng hình dung cho những ai trong bạn đọc từng may mắn nhìn thấy một thành phố gótích hoàn chỉnh, toàn diện, thuần nhất, hiện nay còn sót lại vài cái, như Nuyrămbe ở Bavie, Vitoria ở Tây-ban-nha; hoặc cả những mẫu nhỏ hơn, miễn được giữ gìn tốt, như Vitre ở Brotan, Nohaxen ở Phổ.

Pari cách đây ba trăm năm mươi năm, Pari của thế kỷ mười lăm đã là một thành phố khổng lồ. Dân Pari chúng ta nói chung thường nhầm lẫn về khoảng đất đai mà ta tưởng được mở rộng thêm từ đó đến nay. Kể từ vua Luy XI, Pari không mở mang thêm được hơn một phần ba. Tất nhiên, nó mất đi vẻ đẹp nhiều hơn được lợi về sự to tát.

Như ta đã biết, Pari sinh ra trên hòn cù lao cổ của Khu thành cũ, trông giống cái nồi. Bãi sỏi trên cù lao là tường thành đầu tiên, sông Xen là con hào đầu tiên của nó. Pari giữ nguyên tình trạng cù lao như vậy qua nhiều thế kỷ, với hai cái cầu, một ở phía bắc, một ở phía nam, và hai đầu cầu, vừa làm cổng ô lẫn pháo đài, Đại Satolê bên hữu ngạn và Tiểu Satolê bên tả ngạn. Sau đó, kể từ các đời vua đầu tiên, vì quá chật chội trong hòn đảo và không còn chỗ cựa quậy, Pari vượt qua dòng nước. Thế là, ở bên ngoài Đại và Tiểu Satolê, một dãy tường thành và tháp đầu tiên liền xâm chiếm lấy vùng quê ở đôi bờ sông Xen. Tới thế kỷ vừa qua, vẫn còn lại vài di tích của hàng rào cổ xưa đó; bây giờ, chỉ còn lại kỷ niệm về nó và đây đó, một cái tên quen gọi, như cổng Bôđê hoặc Bôđoayê, *Porta Bagauda*. Dần dần, làn sóng nhà cửa luôn bị xô đẩy từ giữa lòng thành phố ra bên ngoài, liền tràn ngập, găm nhấm, mài mòn và xóa bỏ bức hàng rào này. Philip Ôguýt bèn xây một con đê mới. Nhà vua giam Pari vào giữa một dãy tròn những tháp lớn, cao to và vững chắc. Trải hơn một thế kỷ, nhà cửa cứ chen chúc, tụ tập và dâng cao trong lưu vực đó, như nước dâng trong bể chứa. Nhà cửa bắt đầu trở nên sâu thẳm, chồng gác này lên tầng kia, treo lên nhau, vọt lên cao như nhựa cây bị dồn ép, rồi mạnh nhà nào nhà nấy nghiêng cổ cao hơn lóng giềng để kiếm chút khí trời. Phố xá ngày càng trùng xuống và co hẹp; mọi quảng trường đều đầy ắp và mất tăm. Cuối cùng, nhà cửa nhẩy vọt qua bức tường Philip Ôguýt và vui vẻ tỏa ra khắp cánh đồng, hỗn độn và bừa bãi như được trốn thoát. Ở đó, nó thành thang, xen ruộng làm vườn, tha hồ thoải mái. Từ năm 1367, thành phố mở rộng ra phía ngoại ô, đến nỗi lại cần có một hàng rào

mới, nhất là ở bên hữu ngạn. Vua Sáclo V đã xây nó. Nhưng một thành phố như Pari luôn luôn trào dâng tựa nước lũ. Chỉ có những thành phố như vậy mới trở thành kinh đô. Đó là mảnh đất lòng chảo, nơi hội tụ của mọi dốc núi địa lý, chính trị, đạo đức, tinh thần của một nước, mọi sườn dốc tự nhiên của một dân tộc; cũng có thể nói, đó là những giếng của văn minh và còn là những ống máng nữa, nơi cả thương mại, kỹ nghệ, lẫn trí tuệ, dân cư, tất cả những gì là nhựa, sức sống, tâm hồn của một quốc gia, không ngừng thẩm lậu và tích tụ từng giọt, từng giọt từ thế kỷ này qua thế kỷ khác. Do đó, hàng rào Sáclo V lại chung số phận với hàng rào Philip Ôguýt. Ngay từ cuối thế kỷ mười lăm, nó đã bị giày xéo vượt qua và khu ngoại ô càng chạy ra xa hơn. Vào thế kỷ mười sáu, tưởng như nó tụt lùi trông thấy và ngay từ thế kỷ mười lăm, chỉ tính tới lúc đó, Pari đã tiêu hao cả ba vòng đồng tám tường rào, mà vào thời Giuyliăng Bội giáo, có thể nói, nó được phôi thai từ Đại Satolê và Tiểu Satolê. Thành phố cường thịnh lần lượt làm rạn vỡ bốn vòng tường vây, như đứa trẻ lớn lên làm rách toạc quần áo năm cũ. Dưới thời vua Luy XI, giữa biển nhà cửa, đôi chỗ ta còn thấy nhô lên vài dãy tháp hoang tàn của các hàng rào cũ, như chòm đồi trong nạn lụt, như quần đảo của Pari cổ chìm ngập dưới Pari mới.

Từ đó, Pari vẫn còn thay đổi, thật đau khổ cho con mắt chúng ta; nhưng nó chỉ vượt thêm một hàng rào nữa, hàng rào Luy XV, cái bức tường khốn nạn bằng bùn và đơm rài, xứng đáng với ông vua xây dựng nó, xứng đáng với nhà thơ ca ngợi nó:

Bức tường vây quanh Pari làm Pari rên rĩ.⁽¹⁾

Vào thế kỷ mười lăm, Pari còn chia làm ba khu phố hoàn toàn khác nhau và tách biệt, mỗi khu đều có riêng bộ mặt, đặc trưng phong tục, tập quán, quyền lợi, lịch sử. Khu thành cũ, Khu đại học, Khu phố mới. Khu thành cũ chiếm cứ hòn đảo, vốn cổ xưa nhất, nhỏ nhất, và là bà mẹ của hai khu kia, chen giữa chúng, có thể tam vị như một bà già bé nhỏ ở giữa hai cô con gái to lớn, xinh đẹp. Khu đại học trải rộng bên tả ngạn sông Xen, từ viện Tuốcnen tới tháp Nenlo, những địa điểm tương xứng với Chợ rượu vang và Trường tiền của Pari bây giờ. Hàng rào của nó cắt xén khá rộng vùng quê này mà Giuyliêng từng xây cung Técmo. Núi Xanhto Gionovievo còn nằm trong đó. Điểm chốt của vòng cung tường thành này là cổng Giáo hoàng, nghĩa là gần khoảng đất bây giờ của điện Păngtêông. Khu phố mới, to nhất trong ba khu của Pari, ở bên hữu ngạn. Bến sông, ngày xưa bị sạt vỡ hoặc đứt quãng nhiều chỗ, chạy dọc sông Xen, từ tháp Bily tới tháp Boa, nghĩa là từ chỗ bây giờ là Kho thóc đây tới chỗ bây giờ là điện Tuylori. Bốn điểm mà sông Xen cắt ngang hàng rào kinh đô đó là viện Tuốcnen và tháp Nenlo bên tả ngạn, tháp Bily và tháp Boa bên hữu ngạn, chung hoàn toàn có thể gọi là *bốn tòa tháp của Pari*. Khu phố mới còn thọc sâu vào vùng quê hơn cả Khu đại học. Điểm cao nhất của hàng rào Khu phố mới (hàng rào Saclo V), ở chỗ cổng xanh Đơni và cổng xanh Máctanh, mà địa điểm đến nay không thay đổi.

Như chúng tôi vừa trình bày, mỗi phần ba to rộng đó là của Pari là một thành phố, nhưng là thứ thành phố không hoàn chỉnh vì quá đặc biệt, một thành phố

không thể tách rời hai cái kia. Cho nên, cũng là ba về mặt hoàn toàn riêng biệt. Khu thành cũ nhiều nhà thờ, Khu phố mới nhiều dinh thự. Khu đại học nhiều trường học. Ở đây, nếu bỏ qua các đặc điểm thứ yếu của Pari cổ và mọi thói tùy tiện của quyền hạn lục lổ, chỉ nhìn chung và chỉ tính đến những đại thể cùng những nét lớn giữa mớ hỗn độn các pháp chế thị xã, có thể nói: cù lao thuộc về giám mục, hữu ngạn thuộc về thị trưởng, tả ngạn thuộc về hiệu trưởng trường đại học. Trên hết là Đô trưởng Pari, một võ quan của hoàng gia chứ không phải là của tòa đô chính. Khu thành cũ có nhà thờ Đức bà. Khu phố mới có điện Luvơ và tòa đô chính. Khu đại học có trường Xoócbon. Khu phố mới có chợ. Khu thành cũ có nhà thương. Khu đại học có đồng cỏ Prê Ô Cléc. Tội trạng học trò phạm phải bên tả ngạn, ở đồng cỏ Prê Ô Cléc, người ta sẽ xử ở hòn đảo, chỗ Tòa pháp đình và trừng phạt bên hữu ngạn, ở giáo đài Môngphôcông. Trừ phi ngài hiệu trưởng, cảm thấy Khu đại học mạnh mà nhà vua lại yếu, can thiệp vào; vì đó là một đặc quyền của học trò được treo cổ ở khu của họ.

Nhân thế cũng xin nói phần lớn các đặc quyền này, mà có cả những đặc quyền to lớn hơn nữa, tước đoạt được của nhà vua, nhờ vào nổi loạn và phản nghịch. Đó là tiến trình từ xa xưa. Nhà vua chỉ nhả ra khi dân chúng giành giật. Có một hiến chương cổ nói về sự trung thành một cách ngây thơ: *Civibus fidelitas in reges, quae tamen aliquoties seditionibus interrupta, multa peperit privilegia*⁽²⁾.

Hồi thế kỷ mười lăm, sông Xen chảy xung quanh nằm hòn đảo ở trong hàng rào Pari: cù lao Luvê, lúc đó đây

cây cối mà nay chỉ còn cùi; cù lao Bò và cù lao nhà thờ Đức bà, cả hai hoang vắng, không có lấy một túp lều, cả hai đều là thái ấp của giám mục (tối thế kỷ mười bảy người ta xây hai cù lao đó thành một, mà ta gọi là cù lao Xanh Luy); cuối cùng Khu thành cũ và đầu kia là cù lao Chú đưa bò qua sông đến nay bị vùi lấp dưới nền đất đắp của cầu Mới. Khu thành cũ hồi đó có năm chiếc cầu; ba chiếc ở bên phải, cầu nhà thờ Đức bà và cầu Hối đoái bằng đá, cầu Thọ xây bằng gỗ; hai chiếc ở bên trái, cầu Nhỏ, bằng đá và cầu Xanh Misen, bằng gỗ; cầu nào cũng đầy nhà cửa. Khu đại học có sáu cổng do Philip Ôguýt xây: kể từ tháp nhỏ, đó là cổng Xanh Victo, cổng Boócđen, cổng Xanh Giécmanh. Khu phố mới có sáu cổng do Saclo V xây: kể từ tháp Bily, đó là cổng Xanh Ẩng toan, cổng Đèn, cổng Xanh Máctanh, cổng Xanh Đơni, cổng Môngmáctrơ, cổng Xanh Onorê. Tất cả các cổng đó đều chắc chắn, lại đẹp nữa, mà không kém về hùng vĩ. Một con hào rộng, sâu, chảy xiết vào mùa đông nước lũ, tám chân dầy tường thành vây quanh khắp Pari, được sông Xen cung cấp nước. Ban đêm, các cổng khép lại, người ta ngăn con sông ở hai đầu thành phố bằng xích sắt to tướng thế là Pari ngủ yên.

Nhìn dưới tầm chim bay, cả ba khu phố, Khu thành cũ, Khu đại học, Khu phố mới, mỗi khu hiện ra trước mắt như miếng vải dệt xoắn xít các phố xá hỗn độn kỳ lạ. Tuy nhiên, thoát nhìn, thấy ngay cả ba mảnh khu phố đó hợp thành khối duy nhất. Lập tức ta thấy hai dãy phố dài song song, không đứt quãng, không rối loạn, gần thẳng tắp, đồng thời chạy suốt từ đầu này tới đầu kia của ba

khu phố, từ nam lên bắc, vuông góc với sông Xen, nối liền các khu phố, pha trộn, hòa tan, đổ rót, chuyển chỗ không ngừng dân cư của khu này vào trong tường thành của khu kia và biến cả ba khu thành một. Phố thứ nhất chạy từ cổng Xanh Giắc tới cổng Xanh Máctanh; nó mang tên phố Xanh Giắc ở khu đại học, phố Do thái ở khu thành phố cũ, phố Xanh Máctanh ở Khu phố mới; nó vượt sông hai lần dưới cái tên cầu Nhỏ và cầu nhà thờ Đức bà. Phố thứ hai, mang tên phố Hàng đàn ở tả ngạn, phố Hàng thùng ở hữu ngạn, phố Xanh Đơni ở hữu ngạn, cầu Xanh Misen trên một nhánh sông Xen, cầu Hối đoái ở nhánh bên kia, chạy từ cổng Xanh Misen ở Khu đại học tới cổng Xanh Đơni ở Khu phố mới. Tóm lại, dưới bao cái tên khác nhau, đó vẫn chỉ là hai căn phố, nhưng là hai phố mẹ, hai phố sinh sôi, hai động mạch của Pari. Mọi tĩnh mạch khác của ba khu thành phố đều từ đó chảy ra hoặc đổ về.

Ngoài hai phố chính bắt chéo đó, xuyên ngang Pari suốt chiều rộng, chung cho cả kinh thành, mỗi Khu phố mới và Khu đại học còn có phố lớn riêng, chạy suốt chiều dọc, song song với sông Xen và cắt vuông góc khi gặp hai phố động mạch. Cho nên ở khu phố mới, ta xuôi thẳng tuốt từ cổng Xanh Ăngtoan tới cổng Xanh Oronê; ở khu đại học, từ cổng Xanh Victo tới cổng Xanh Giécmanh. Hai phố lớn đó, chạy ngang qua hai phố đầu tiên, hợp thành tám mạng trên đó chạy dài bắt chéo và đan dệt tứ phía tất cả hệ thống chằng chịt phố xá Pari. Trên bản vẽ hệ thống rối rắm này, nếu quan sát kỹ, ngoài ra ta còn nhận thấy hai chùm phố lớn nữa, chạy loang rộng dần từ cầu

tới cổng, như hai bó lúa xòe ra, một ở Khu đại học, một ở Khu phố mới.

Hình thế trắc địa này, cho đến nay, vẫn còn lại phẳng phát đôi chỗ.

Giờ đây, vào năm 1482, đứng trên đỉnh tháp nhà thờ Đức bà nhìn xuống, toàn cảnh đó xuất hiện dưới dáng vẻ ra sao? Đó là điều chúng tôi gắng trình bày dưới đây.

Đối với khách ngoạn cảnh hớn hển leo lên tới đỉnh tháp này, trước hết là cảnh huy hoàng những nóc nhà, ống khói, phố xá, cầu cống, quảng trường, mái nhọn, gác chuông. Tất cả đồng thời đập ngay vào mắt, nào đầu hồi gọt đẻo góc nhọn, tháp canh mọc cheo leo ở góc tường, tháp đá trắng của thế kỷ mười một, bia đá đen của thế kỷ mười lăm, tháp canh lâu đài tròn và trần trụi, tháp nhà thờ vuông vắn và chạm trổ, cái lớn, cái nhỏ, cái thấp lùn, cái cao vút. Tầm mắt cứ mãi mê ngắm mãi chiếu sâu hun hút của dãy mê cung, ở đây mọi cái đều độc đáo, hợp lý, tài tình, xinh đẹp, mọi cái đều xuất phát từ nghệ thuật, từ bất cứ căn nhà nào có mặt tiền sơn và chạm, mái ngoài, cửa tò vò thấp, gác xây nhô ra, tới hoàng cung Luvơ, hồi đó còn một dãy cột tháp. Nhưng đây mới là những mảng khối chính, phân biệt được khi cặp mắt bắt đầu làm quen với dãy lâu đài nhấp nhô.

Đầu tiên là Khu thành cũ. Như lời sử gia Xô-van nói - vẫn ông lừng củng nhưng đôi khi may mắn cũng gặp được câu hay - cù lao ở Khu thành cũ hình thành như một con thuyền lớn ngập lún trong bùn và theo dòng nước tới mức cạn giữa dòng sông Xen. Chúng tôi vừa trình bày là vào thế kỷ mười lăm, con thuyền đó cập bến ở hai bờ

sông bằng năm chiếc cầu. Hình dáng chiếc thuyền này cũng từng khiến các thầy ký làm huy chương chú ý tới; vì theo Phavin và Paxkiê, chính ở đó, chứ không phải trong vụ vây hãm của dân Noóc măng, mà có con thuyền trang trí trên chiếc huy hiệu cổ của thành Pari. Đối với người biết tìm hiểu thì huy hiệu là đại số học, là ngôn ngữ. Lịch sử toàn vẹn của nửa sau thời trung cổ được viết trên huy hiệu, cũng như lịch sử của nửa trước được viết bằng tính tượng trưng của nhà thờ Rôman. Đó là thứ chữ tượng hình của thời phong kiến kế tiếp thứ chữ tượng hình của xã hội thần quyền.

Tóm lại, Khu thành cũ xuất hiện trước tiên dưới mắt ta, dưới thuyền hướng về đông còn mũi thuyền hướng về tây. Quay nhìn về mũi thuyền, ta thấy trước mắt một dãy dài bất tận các mái nhà cũ, phía trên là vòm mái tròn to rộng của gian trước nhà nguyên Xanh Sapen, giống cái móng con voi chỗ tòa tháp. Tuy nhiên, ở đây, ngọn tháp đó vút lên cao nhất, được xây cất công phu, tỉ mỉ, kỳ khu nhất, có thể nhìn thấy bầu trời qua cái chóp chạm trổ như ren thêu. Trước nhà thờ Đức bà, sát ngang đây, là ba dãy phố đổ vào sân thánh đường một quảng đường, một quảng trường xinh đẹp san sát nhà cửa cũ kỹ. Phía nam quảng trường là mặt tiền nhẵn nhéo, cau có của nhà thương đang nhìn xuống, mái nhà như mọc đầy mụn nhọt. Rồi bên phải, bên trái, phía đông, phía tây, trên mảnh đất thật chật hẹp của Khu thành cũ, sừng sững dựng lên các tháp chuông của đủ loại nhà thờ, gồm mọi niên đại, hình dáng, qui mô, từ tháp chuông thấp bé, một ruộng kiểu rôman của nhà thờ Xanh Đôn Đuy Pa, *carcer*

Glauciné⁽³⁾, tới tháp chuông cao vút thanh tú của nhà thờ Xanh Pie Ô Bơ và Xanh Landry. Sau nhà thờ Đức bà, về phía bắc, là dãy tu viện với hành lang gótích; phía nam là lâu đài bán rônan của giám mục, phía đông là mỏm đất vắng vẻ của Bãi hoang. Giữa dãy nhà cửa chằng chịt ngồn ngang này, qua những ống khói cao bằng đá trở thùng xây trên mái, cao hơn cả những cửa sổ cao nhất của các dinh thự, mắt ta còn thấy thêm tòa Lâu đài của thành phố tặng Giuyvênan Đế Uyaxanh dưới thời vua Saclo VI; xa hơn là dãy lầu quét nhựa đường ở chợ Paluyt; xa nữa là hậu cung mới xây của nhà thờ Xanh Giécmanh Lơ Vio, nối dài thêm với một mẫu phố Phevo vào năm 1458; rồi đây đó là một ngã tư đông nghịt người, một giàn bêu tù dựng nơi góc phố, một đoạn dài của con đường Philip Ôguýt, lát đá đẹp đẽ, giữa đường kẻ vạch dành cho ngựa đi, tới thế kỷ mười sáu không may bị thay thế bởi lối rải sỏi thảm hại mang tên *con đường Liên minh*, rồi một sân sau vắng vẻ có tháp cầu thang sáng mờ thường thấy ở thế kỷ mười lăm, mà đến nay còn sót lại một chiếc ở phố Buocdon. Cuối cùng, bên phải nhà nguyện Xanh Sape, về phía tây, là Tòa pháp đình với dãy tháp xây trên bờ sông. Rừng cây vườn ngự uyển trải dài ở mỏm phía tây Khu thành cũ che lấp cù lao Chú đưa bò qua sông. Từ trên đỉnh tháp nhà thờ Đức bà này khó mà nhìn thấy mặt nước của các nhánh sông ở hai bên Khu thành cũ. Nhà che lấp cầu, cầu che lấp dòng sông Xen.

Rồi khi cặp mắt vượt quá dãy cầu, nơi các mái nhà lộ lộ xanh rêu bị hơi nước làm xám mốc quá sớm, khi cặp mắt quay nhìn sang trái, về phía Khu đại học, thì

tòa lâu đài đập vào mắt trước tiên chính là dãy tháp to và thấp của Tiểu Satolê, cánh cổng toang hoác nuốt chửng một góc cầu Nhỏ; và nếu con mắt lướt dọc bờ sông từ đông sang tây, từ viện Tuốcnen tới tháp Nenlo, ta sẽ thấy một dãy dài các nhà cửa có rui mè chạm trổ, cửa kính sắc sỡ, chất chống các tầng gác bên lề đường, một dãy khúc khuỷu dài dặc những dấu hồi nhà thị dân, thỉnh thoảng cắt quãng bởi một đầu phố và đôi lúc bởi mặt tiền hoặc phía sườn của một dinh thự lớn bằng đá, có đủ sân và vườn, tòa ngang dãy dọc nghênh ngang bề thế giữa đám nhà cửa cùng đình chen chúc chật chội như một đại lãnh chúa giữa đám lê dân. Dọc bên sông có khoảng năm, sáu dinh thự như vậy, từ trú xá Loren cùng chiếm chung với trường trung học Bécnadanh một khoảng đất lớn ở sát cạnh viện Tuốcnen, tới lâu đài Nenlo, có tòa tháp chính ở ven Pari, có dãy mái nhọn mỗi năm ba tháng tha hồ in những hình tam giác đen sì lên những vùng hồng chói lọi của mặt trời sắp lặn.

Phía bờ sông Xen này xem ra không buồn bán sầm uất bằng bờ bên kia, học trò ở đây tụ tập nhau làm ồn hơn là thợ thuyền, và thực ra bên sông chỉ kéo dài từ cầu Xanh Misen tới tháp Nenlo. Phần bờ sông Xen còn lại, chỗ là bãi sỏi trơ trụi, như ở phía bên kia trường trung học Bécnadanh, chỗ lại chen chúc nhà cửa dầm chân xuống nước, như ở khoảng giữa hai chiếc cầu. Các bà thợ giặt làm âm ỉ chỗ đó; suốt từ sáng đến tối, dọc theo bờ sông, họ gào thét, nói năng, hát hồng, họ đập vải, hệt như ngày nay. Đó chẳng phải một nơi kém vui nhộn của Pari.

Khu đại học rõ ràng hợp thành một khối. Từ đầu đến cuối là một tổng thể đồng nhất và chặt chẽ. Nhìn từ trên cao, ta thấy hàng nghìn mái nhà san sát, nhấp nhô, dính kết, hầu hết chung một yếu tố hình học, có vẻ là sự kết tinh của cùng một thực chất. Các khe phố khúc khuỷu chia cắt dãy nhà từng khoanh không đến nỗi quá chênh lệch. Bốn mươi hai trường trung học được phân bố khá đều đặn, nên đầu đầu cũng có; vòm mái trăm hình nghìn vẻ và vui mắt của các dinh thự đẹp đẽ đều chung một nguồn gốc nghệ thuật với những mái nhà tầm thường nép phía dưới, cho nên cuối cùng chỉ là số nhân bình phương hoặc lập phương của cùng một hình thù hình học. Chúng bổ sung mà không phá rối, chúng thêm thắt mà không đè nặng lên cái toàn thể. Hình học là cân xứng. Đây đó đâm ba lâu đài trắng lệ cũng nhô lên kiểu điểm trên các kho thóc đẹp đẽ trên tả ngạn, trú xá Nove; trú xá Rômo, trú xá Remxo, nay không còn nữa; rồi điện Cluyny, đến nay vẫn còn, để làm yên lòng các nghệ sĩ, cách đây vài năm nó vừa bị truất phế cái tháp một cách ngu xuẩn. Gần Cluyny có tòa lâu đài La Mã, vòm cổng xây cuốn xinh đẹp, đó là cung Témơ Đờ Giuyliêng. Còn thêm vô số tu viện không kém đẹp đẽ và to lớn so với lâu đài, nhưng lại đậm vẻ thiêng liêng và trang trọng hơn. Đập trước tiên vào mắt là: trường trung học Bécnađanh có ba gác chuông; tu viện Xanhtrơ Gionovievơ hiện còn lại tòa tháp vuông, khiến ta càng thêm luyến tiếc những chỗ khác; tòa Xoócbon, nửa trường học, nửa tịnh xá, còn sót lại gian giữa thánh đường tuyệt diệu, tu viện tứ giác Matuyranh đẹp đẽ, tu viện Xanh Bonoa kề ngay cạnh, trong khoảng thời gian giữa lần xuất bản thứ bảy và thứ

tám của cuốn sách này, họ đã kịp thời đóng cửa cái sân khấu ở trong đó; tu viện Coocdoliê có ba đầu hồi to cao chồng lên nhau; tu xá Ôguyxtanh, với gác chuông duyên dáng cất trên nền trời Pari một đường viền ren thứ hai tiếp sau tháp Nenlơ, kể từ phía tây lại. Các trường trung học đúng là cái vòng nối tiếp các tu viện với thế giới bên ngoài, còn về mặt kiến trúc, trung gian giữa lâu đài và tu xá, nghiêm trang mà thanh nhã, điêu khắc không phóng túng bằng ở lâu đài, kiến trúc không khắc khổ bằng ở tu viện. Các tòa nhà đó, với nghệ thuật gôgich hòa hợp hết sức chính xác sự phong phú và tính tiết kiệm, rồi thay, đến nay hầu như chẳng còn lại gì. Các nhà thờ (vốn rất nhiều về đẹp lộng lẫy ở Khu đại học, xếp hàng đứng đó với đủ lứa tuổi của nền kiến trúc, từ hình cung tròn ở nhà thờ Xanh Giuyliêng tới hình cung nhọn ở nhà thờ Xanh Xêvoranh) các nhà thờ chế ngự tất cả, và như một hòa điệu, thỉnh thoảng lại chọc lên trời những nét cất muôn hình nghìn vẻ của các đầu hồi cao vút vát nhọn các gác chuông trở thùng, các tháp thon mảnh mà đường nét cũng chỉ là sự phóng đại đẹp đẽ một góc nhọn mái nhà.

Nền đất Khu đại học vốn mấp mề. Ngọn núi Xanh to Gionovievơ ở hướng đông nam làm thành cái bong bóng khổng lồ và đứng trên đỉnh tháp nhà thờ Đức bà này, quả là mất là cái cảnh phố xá chật hẹp, khúc khuỷu, chen chúc nhau (bây giờ gọi là Khu la tinh) những khóm nhà cửa rải ra từ phía trên mỏm cao đó, hỗn độn xô nhau lao từ vách núi gần thẳng đứng xuống tận bờ sông, có cái như muốn ngã lăn xuống, có cái lại định leo lên, cái

nọ nứ lấy cái kia. Một làn sóng bất tận ngàn vạn chấm đen, chen chúc trên lòng đường làm rối cả mắt. Đó là đám dân chúng, nhìn từ cao và từ xa.

Cuối cùng, chen giữa các mái nhà, ngọn tháp, dinh thự bạt ngàn nhấp nhô đang lượn vòng, uốn khúc và khoanh vùng một cách thật kỳ dị cái giới hạn cuối cùng của Khu đại học, thỉnh thoảng ta lại thấy hiện lên một mảnh tường lớn rêu phong, một tháp tròn to bè, một cổng ô có tường trở răng cưa, tượng trưng cho pháo đài: đó là hàng rào Philip Ôguýt. Xa xa xanh rờn các đồng cỏ, xa xa mất hút các con đường, dọc đường lác đác dăm căn nhà ngoại ô, càng về xa càng ít đi. Vài vùng ngoại ô đó thật quan trọng. Tính từ viện Tuốcnen trở đi, trước hết là thị trấn Xanh Vichto, với chiếc cầu một nhịp bắc ngang sông Bievro, với tu viện còn đọc được lời văn bia của Luy Lơ Grô, *épitaphium Ludovici Grossi*⁽⁴⁾, với nhà thờ có gác chuông bát giác kèm bốn gác chuông nhỏ kiểu thế kỷ mười một (ở Etampơ cũng có một gác chuông như vậy; nó chưa bị phá sập), rồi thị trấn Xanh Mácxô, đã có tới ba nhà thờ và một nhà tu kín. Sau đó, bỏ lại bên trái chiếc cối xay gió Gôbolanh với bốn bức tường trắng, ta tới ngoại ô Xanh Giắc có cây thánh giá chạm trổ đẹp đẽ đứng giữa ngã tư có nhà thờ Xanh Giắc Duy Hô Pa hồi đó xây kiểu gôtic, nhọn hoắt và duyên dáng, có nhà thờ Xanh Magloa xinh đẹp kiểu thế kỷ mười bốn mà Napoléong từng biến thành kho chứa cỏ, rồi nhà thờ Đức bà Đê Săng có hình vẽ khảm đá màu kiểu bidăngxơ. Cuối cùng, bỏ lại ở giữa đường tu viện dòng Sácơ, một tòa nhà phong phú đồng thời với Tòa pháp đình, có dãy vườn nhỏ chia

từng khoanh và cái cảnh hoang phế Vôve đầy ma thiêng quỷ dữ, tấm mắt ta hướng nhìn phía tây liền bắt gặp ba gác chuông nhọn kiểu rôman của nhà thờ Xanh Giécmanh Đê Prê. Thị trấn Xanh Giécmanh, lúc đó đã là công xã lớn, ở phía sau có tới mười lăm, hai mươi dãy phố. Gác chuông nhọn hoắt nhà thờ Xanh Xuynpixơ đánh dấu một góc thị trấn. Ngay cạnh là tường vây bốn mặt của hội chợ Xanh Giécmanh, mà nay là chợ; rồi giàn bêu tù của tu viện trưởng, một tháp tròn nhỏ xinh đẹp, đội chóp nón bằng chì. Lò ngói ở xa hơn rồi phố Lò bánh dẫn tới lò bánh hoàng gia, rồi cối xay gió trên đỉnh gò, rồi trại hủi, một gian nhà lẻ loi, xấu xí. Nhưng hấp dẫn nhất và khiến cặp mắt phải dừng lại lâu, đó là bản thân tu viện. Rõ ràng tu xá này, mang dáng dấp nguy nga của cái vừa là thánh đường vừa là thái ấp, tòa lâu đài này của tu viện trưởng mà các giám mục Pari sẽ sung sướng được ngủ lại một đêm, tòa nhà ăn mà kiến trúc sư đã tạo nên không khí, vẻ đẹp cùng cửa sổ hoa thị lộng lẫy như một nhà thờ lớn, căn nhà nguyện thanh nhã tựa Đức mẹ đồng trinh, gian nhà ngủ đồ sộ, những thửa vườn rộng rãi, cửa rào song sắt, cầu treo, dãy tường trở răng cưa hé cho nhìn thấy các đồng cỏ xanh rờn chung quanh, các sân lấp lánh bóng quân sĩ xen lẫn áo lễ giáo chủ thêu kim tuyến, tất cả tập hợp và châu tuần quanh ba tòa tháp cao vút hình cung tròn, được xây thật vững vàng trên hậu cung kiểu gô-tích, làm nổi lên một bóng dáng huy hoàng phía chân trời.

Rồi cuối cùng, sau khi ngắm nhìn hồi lâu Khu đại học, ta quay sang hữu ngạn, phía Khu phố mới, cảnh

tượng đột nhiên thay đổi hẳn tính chất. Đúng thế, Khu phố mới, lớn hơn Khu đại học nhiều, cũng không thuận nhất. Thoạt nhìn, thấy nó chia thành nhiều mảng khác nhau rõ rệt. Trước hết, về hướng đông, ở mảng thành phố đến nay vẫn mang tên cái đầm lầy mà Camuylôgien làm cho Xêđa phải sa lầy, ta thấy san sát lâu đài. Dãy phố này chạy ra mãi tận bờ sông. Bốn dinh thự gần liền nhau, Giuy, Xăngxo, Bắcbô, cung Hoàng hậu, soi bóng mái đá đen chen lẫn tháp nhỏ thon mảnh xuống dòng sông Xen. Bốn dinh thự đó chiếm khoảng đất từ phố Nônanhdiêro tới tu xá Xêlétanh, với chiếc gác chuông xinh xắn chìa lên trời đường nét đầu hồi và tường trở răng cưa. Dăm ba túp lều xám nghiêng mình xuống dòng nước trước dãy lâu đài trắng lệ đó, không hề che lấp các góc xinh đẹp của mặt tiền, các cửa sổ vuông to rộng với thành cửa bằng đá. Các vòm cửa hình cung nhọn chổng chất tượng, các gờ nổi cạnh của những bức tường bao giờ cũng vuông góc, cùng mọi chi tiết kiến trúc bất ngờ xinh đẹp khác, chúng làm cho nghệ thuật gôthich có vẻ thay đổi kết cấu trên từng công trình. Sau dãy dinh thự đó, là tòa lâu đài thần kỳ Xanh Pon, rộng bát ngát và trăm hình nghìn vẻ tỏa lan tứ phía, khi bị xẻ dọc, rào giậu, và trở răng cưa như tòa thành, lúc bị cây to che lấp như tu viện; nơi đây, vua Pháp có thể thừa chỗ để đón tiếp vô số vương hầu vào loại như Hoàng thái tử và quận công Buốcgônho với đủ loại hầu cận và tùy tùng, chưa kể các đại lãnh chúa, rồi hoàng đế mỗi khi người tới thăm Pari, cả sư tử trong những dinh cơ riêng nằm trong hoàng cung. Ở đây cũng xin nói thêm, mỗi diện vương hầu hồi đó gồm ít nhất mười một phòng, từ gian tiền sảnh tới phòng cầu nguyện,

chưa kể các hành lang, buồng tắm nước, buồng tắm hơi, cùng mọi "nơi phụ" khác, mà tòa nhà nào cũng có; chưa kể vườn tược riêng cho mỗi tân khách của nhà vua; chưa kể các gian bếp, hầm rượu, buồng đầy tớ, buồng ăn chung trong nhà; các sân gia cầm có tới hai trăm phòng thí nghiệm thông thường, từ gian lò bánh tới gian ngựa tữ; hàng nghìn trò chơi, như đánh cầu vố, đánh cầu vọt, trò xô vòng; các chuồng chim, bể cá, vườn động vật, chuồng ngựa, chuồng bò; các thư viện, binh công xưởng và lò đúc. Một hoàng cung hồi đó, một điện Luvơ, một cung Xanh Pon là như vậy. Một thành bang trong thành bang.

Từ đỉnh tháp ta đang đứng, lâu đài Xanh Pon bị bốn tòa nhà lớn vira kể che khuất mất ít nhiều, nhưng nó vẫn còn hết sức nguy nga, tráng lệ.

Mặc dù được nối liền khéo léo với chính điện bằng các hành lang dài có cửa kính và bằng hàng cột, tòa lâu đài vẫn nổi bật lên ba dinh thự mà vua Saclơ V đã kết hợp với hoàng cung; đó là dinh Tiểu Muxcơ, có hàng lan can trạm trổ uốn lượn đẹp đẽ viền lấy mái nhà; dinh tu viện trưởng Xanh Mđơ, mang hình dáng pháo đài với tháp lớn, lan can ném đá, lỗ châu mai, các khung chắn sắt và trên chiếc cửa rộng kiểu xắc-xông là huy hiệu của tu viện trưởng giữa hai lỗ đục của chiếc cầu treo; dinh bá tước Êtămơ, với chiếc tháp canh chính đồ sộ ở phần trên, tròn vành vạnh, sứt mẻ như mào gà sống; đây đó, dăm ba cây sồi già mọc chụm lại như bắp xúp lơ khổng lồ, bấy thiên nga đùa dờn dưới ao nước trong vắt, lẫn lẫn bóng râm và ánh nắng; vô số sân để lộ từng khoảng ngọan mục; chuồng sư tử với hình cung nhọn thấp trên

trụ cột ngắn kiểu xắc-xông, với cửa rào sắt và tiếng gầm liên miên; vượt qua mọi cái đó là gác chuông long lở của tu viện Ave Maria; bên trái là dinh ngài đô trưởng thành Pari, sừng sững bốn tháp nhỏ trở thùng tinh vi; về cuối, ở giữa chính cung Xanh Pon với vô số mặt tiền, vô số tô điểm được lần lượt thêm thắt vào thời Saclo V, các đắp điểm hỗn tạp mà thói ngông của các kiến trúc sư đã chống chọi lên suốt hai thế kỷ nay, với đủ loại hậu cung của thánh đường, đủ loại đầu hồi của hành lang, hàng nghìn chong chóng quay theo chiều gió, và hai tháp cao kề sát nhau, mái chóp nón, với trở răng cưa, hết như mũi nhọn uốn cong vành.

Cứ tiếp tục leo lên các tầng của dãy lâu đài xếp bậc thang mở rộng xa xa trên nền đất, rồi vượt qua một khe sâu đào giữa các nóc nhà của Khu phố mới, đó là chỗ vượt ngang phố Xanh Angtoan, và vẫn chỉ hạn chế vào các tòa nhà chính, mắt ta liền bắt gặp điện Angulêm, một kiến trúc rộng lớn của nhiều thời đại, có những phần mới tinh và trắng toát, hòa hợp với toàn thể không hơn gì miếng vải đỏ trên tấm áo xanh lam. Tuy nhiên mái nhà hết sức nhọn và cao của tòa lâu đài hiện đại, lồm chồm ống máng chạm trở, phủ tấm chì khảm đồng đỏ chóc rục rở uốn thành muôn đường nét kỳ dị, mái nhà khảm đồng kỳ cục đó vươn lên duyên dáng giữa đồng hoang tàn xám xịt của dinh thự cũ, với dãy tháp to cao cũ kỹ, phình ra theo năm tháng như các thùng rượu tự sụp xuống vì hư nát và vỡ toác từ trên xuống dưới, trông giống các bụng phệ còi phanh khuy áo. Đằng sau tua tủa dựng lên một rừng mái nhọn hoắt của các lâu đài của cung Tuốcnen.

Dù ở Sămbo hoặc ở Alămbra, không đâu bày ra được cái cảnh kỳ lạ, khoáng đảng, ngoạn mục, bằng cái rừng mái nhọn, gác chuông, ống khói, chong chóng, hình xoay ốc, đỉnh ốc, đèn lồng trở thùng như khoét bằng đầu tròn, lâu tạ, tháp nhỏ hình thoi, hoặc như người ta thường gọi hồi đó là tiểu tháp, rất khác nhau về hình khối, chiều cao và dáng vẻ. Trông cứ như một bàn cờ đá khổng lồ.

Bên phải cung Tuốcnen là khóm tháp khổng lồ đen như mực, cái nọ lồng vào cái kia, như thể được bó lại bằng con hào vòng tròn, là tháp canh chính nhiều lỗ châu mai hơn cửa sổ, cái cầu treo lúc nào cũng kéo dựng lên, cửa chắn song lúc nào cũng hạ chẵn xuống, đó là pháo đài Baxtio. Những mỏ đen ngòm thò ra khỏi bờ tường khía răng cưa, trông xa tưởng như các ống máng, đó là nòng đại bác.

Phía dưới đồng dân thần công, dưới chân tòa lâu đài ghê gớm là cổng Xanh Angtoan, lấp ló giữa hai tháp.

Bên kia cung Tuốcnen, tới tận tường thành Sáclo V, là tám thảm mịn màng các vườn tược và cây cảnh hoàng gia, với những khoảng đất xanh rờn hoa lá xum xuê trải rộng, ở giữa nổi lên chằng chịt các hàng cây, lối đi ngang dọc, của khu vườn trứ danh Đêđaluyt mà vua Luy XI đã ban cho Côchiê. Thiên văn đài của vị bác sĩ dựng lên giữa dãy mê cung, như chiếc cột lớn đơn độc có căn nhà nhỏ trên đỉnh cột. Trong phòng quan sát này đã tiến hành những cuộc chiêm tinh ghê gớm.

Chỗ đó, nay là quảng trường Hoàng cung.

Như chúng tôi vừa kể, khu lâu đài mà chúng tôi cố gọi để bạn đọc có được một ý niệm, bằng cách chỉ kể

những cái chính, khu lâu đài đó chiếm khoảng đất mà hàng rào Sáclơ V cắt góc với sông Xen ở phía đông. Trung tâm Khu phố mới là một dãy nhà dân chúng. Ba chiếc cầu ở Khu thành cũ cũng bắc sang hữu ngạn vào ngay chỗ đó và cầu dẫn đến nhà dân chúng rồi mới tới lâu đài. Đám nhà của thị dân này chen chúc như lỗ tổ ong mang vẻ đẹp riêng. Có những mái nhà ở kinh thành nom giống như các lớp sóng đại dương, cảnh tượng đó thật hùng vĩ. Thoạt tiên là các phố xá dọc ngang hỗn độn, tạo nên trăm nghìn khuôn mặt tươi vui cho khu phố. Quanh chợ trông giống ngôi sao trăm cánh. Các phố Xanh Đôn và Xanh Máctanh, tỏa ra vô số cành nhánh, chạy ngược lên cạnh nhau như hai cây to quện cành lá vào nhau. Sau đó là các đường nét khúc khuỷu, các phố Hàng thạch cao, phố Hàng thủy tinh, phố Thọ dệt, v.v... luồn lách khắp nơi. Ở đây cũng có dinh thự tráng lệ nhô trên làn sóng hóa đá của mặt biển hồi nhà. Phía đầu cầu Hối đối, sau đó thấp thoáng sông Xen sủi bọt dưới các bánh xe của cầu Thọ xay, là điện Satolê, không còn cái tháp kiểu La Mã như dưới thời Giuyliêng Bội giáo, mà là kiểu tháp phong kiến kiểu thế kỷ mười ba, xây bằng đá rất rắn có cuộc đến ba giờ liền cũng chẳng nẩy được sâu bằng năm dấm. Đó là tháp chuông vương vấn ruộm rả của nhà thờ Xanh Giác Đờ La Busori, với các góc tường đầy điêu khắc, trông thật đẹp, tuy nó chưa được hoàn thành vào thế kỷ mười lăm. Hồi đó, đặc biệt nó còn thiếu bốn con quái vật, mà hiện nay được dựng trên nóc nhà, trông giống bốn con nhân sư, khiến Pari mới tìm cách đoán ra điều bí ẩn của Pari cổ; nhà điêu khắc Raun chỉ xây bốn con quái vật đó vào năm 1526 và chỉ kiếm được hai chục

phường tiền công. Đó là Nhà cột, trông ra quảng trường Grevo, mà chúng tôi từng giới thiệu qua loa với độc giả rồi. Đó là nhà thờ Xanh Giécve, bị chiếc cổng xây dựng *khieu thêm mỹ* làm hỏng từ đó; nhà thờ Xanh Mèri, với hình cung nhọn cũ còn phẳng phất hình cung tròn; nhà thờ Xanh Giảng nổi tiếng nhờ nóc gác chuông tuyệt đẹp; đó là bao nhiêu đền đài khác, vui lòng pha trộn vẻ kiêu diễm vào giữa đám đông phố xá tối tăm, chật hẹp và sâu hun hút. Thêm vào là các cây thánh giá bằng đá chạm, mọc nhan nhản khắp ngã ba ngã tư, còn nhiều hơn cả giá treo cổ; nghĩa trang Inôxăng, với hàng rào kiến trúc hiện lên thấp thoáng xa xa ở phía trên các nóc nhà; giàn bêu tù Khu chợ, với cái nóc nhô lên ở giữa hai ống khói của phố Mầm nhỏ; chiếc cầu thang ở Croa Đuy Trahoa, giữa ngã tư lúc nào cũng đen ngịt người; dãy nhà tối tăm xây vòng tròn ở Chợ gạo; các đoạn hàng rào cũ Philip Ôguýt hiện ra đây đó, mát hút giữa các nhà cửa, dãy tháp chằng chịt dây leo, cổng đổ nát, tường xiêu vẹo nghiêng ngã; bến sông với trăm nghìn cửa hàng và cửa hiệu cửa cổ khách mua; sông Xen chật ních thuyền bè từ Bến cỏ tới tòa án giám mục; như thế, ta đã có được một hình ảnh hỗn độn về cái hình thang trung tâm của Khu phố mới vào năm 1482.

Cùng hai khu phố đó, một bên gồm lâu đài, một bên gồm nhà cửa, còn thêm yếu tố thứ ba tạo nên bộ mặt của Khu phố mới, đó là một dãy dài tu viện, bao quanh hầu như gần hết chu vi Khu phố mới, từ đông sang tây, ở phía sau của hàng rào pháo đài đang khép kín Pari, và tạo nên một hàng rào thứ hai bên trong, gồm toàn

nhà tu và nhà nguyện. Chẳng hạn, ngay sát cạnh khu vườn của cung Tuốcnen, giữa phố Xanh Angtoan và phố Đền cũ là tu viện Xanh Catorin bát ngát cây cối, chỉ có tường thành Pari bao quanh. Giữa phố Đền cũ và phố Đền mới, là tòa Đền, với dãy tháp u ám, cao to, sừng sững, cô quạnh, giữa khoảng đất rộng rào tường rào cửa. Giữa phố Đền mới và phố Xanh Máctanh, một nhà thờ nguy nga, phòng thủ kiên cố, xung quanh là vườn tược, với vòng đai các tháp, vành mũ lâu chuông, nếu so về hùng vĩ và huy hoàng thì chỉ thua có các nhà thờ Xanh Giécmanh Đê Prê. Giữa hai phố Xanh Máctanh và Xanh Đòni trải dài khu nhà thương Thánh ba ngôi. Cuối cùng, giữa phố Xanh Đòni và phố Môngtogo là tu viện Con gái Chúa. Ngay cạnh hiện lên dãy mái xiêu vẹo và dãy tường đổ nát của Cung điện thần kỳ. Đó là cái khâu phàm tục duy nhất xen lẫn vào giữa dãy xích tu viện thiêng liêng này.

Cuối cùng, khu thứ tư tự nổi bật lên giữa đám mái nhà bên hữu ngạn, và chiếm góc tây của hàng rào cùng bờ sông phía hạ lưu, là một dãy mới các lâu đài cùng dinh thự chen chúc dưới chân điện Luvơ. Tòa Luvơ cổ của Philip Ôguýt, tòa lâu đài đồ sộ với chiếc tháp lớn tập hợp quanh mình hăm ba tháp chủ yếu, chưa kể các tháp nhỏ trông xa như gắn vào tầng nóc kiểu gótích của điện Alăngxông và điện Tiểu Buốcbông. Con giao long gồm toàn tháp này, tên lính canh khổng lồ của Pari, lúc nào cũng ngẩng cao hăm tư cái đầu lên, với cặp móng đồ sộ, căng phồng hoặc xếp vẩy ngói đá đen, tuôn chảy trăm ngàn ánh kim khí, kết thúc hình thế Khu phố mới một cách kỳ lạ ở phía tây.

Đó chính là khu nhà thị dân bát ngát, cái người La mã gọi là *insula*, viền cả bên phải lẫn bên trái bởi hai khối lâu đài, một khối là điện Luvrơ, khối kia là cung Tuốclen, phía bắc chắn ngang bằng một vòng đai dài các tu viện và nhà cửa, vườn tược xum xuê, tất cả đều hỗn hợp và hòa tan trước mắt nhìn; phía trên của trăm nghìn dinh thự đó, với mái ngói đỏ xen kẽ mái đá đen tạo thành bao nhiêu dây xích kỳ lạ, là các gác chuông chạm trổ, tô điểm, vờ vời của bốn mươi tư tòa nhà thờ bên hữu ngạn; rồi hăng hà sa số đường ngang ngõ dọc; với ranh giới một bên là hàng rào những tường cao có tháp vuông (dây tường rào của Khu đại học đều có tháp tròn), còn bên kia là sông Xen với cầu bắc ngang và vô số thuyền bè qua lại; Khu phố mới vào thế kỷ mười lăm như thế đó.

Phía bên kia dây tường rào, vài khu ngoại ô chen chúc nơi cổng ô, nhưng ít hơn và thưa hơn ở vùng ngoại ô Khu đại học. Đằng sau pháo đài Baxtiơ là hai chục túp lều tùm tùm quanh các điêu khắc kỳ lạ của xóm Croa Phôbanh và hàng cột xây cuốn của tu viện Xanh Angtoan Để Săng; rồi làng Pôpincua, lấp giữa ruộng lúa; rồi xóm Cuốtiô, la liệt quán rượu vui vẻ; thị trấn Xanh Lôrăng với nhà thờ có gác chuông trông xa như nhập vào dãy tháp nhọn của cổng Xanh Máctanh, ngoại ô Xanh Đônì có trại hải Xanh Ladrô rộng rãi; đi qua cổng Môngmáctơ là tòa Grănggiơ Batoliero với dãy tường trắng xóa; sau đó là Môngmáctơ, sườn dốc đá vôi, hồi đó nhà thờ nhiều gần bằng cối xay gió, nay chỉ còn lại cối xay, vì bây giờ xã hội chỉ cần có bánh cho phần xác thôi. Cuối cùng, phía bên kia điện Luvrơ, là ngoại ô Xanh Onorê chạy dài giữa

đồng cỏ, hồi đó lớn lắm rồi, là Tiểu Brotanhơ xanh um, là Chợ heo trái dài, giữa chợ quay tròn cái lò khùng khiếp để luộc lợn làm bạc giả. Giữa xóm Cuốctiơ và thị trấn Xanh Lớ-răng mắt ta liền nhận ra vòm mái một tòa nhà sừng sững giữa cánh đồng vắng vẻ, một thứ dinh thự trông xa giống dãy cột hoang phế dựng trên cái nền sụt lổ. Đó chẳng phải đền Pác-tên-ông, cũng chẳng phải đền thờ Giuypite Ô-lan-hơ. Đó là dài treo cổ Mông-phô-công.

Bây giờ, nếu việc liệt kê từng ấy dinh thự, dù chúng tôi gắng kể rất sơ sài, không đến nỗi phá tan cái hình ảnh chung về Pari cổ, mà chúng tôi dần dần xây dựng trong tâm trí bạn đọc, xin tóm tắt bằng vài câu. Ở giữa là cù lao Khu thành cũ, hình dáng giống con rùa khổng lồ, thò những cái cầu lồm chồm vẩy ngói như cẳng chân, từ dưới chiếc mu xám các mái nhà. Bên trái là hình thang nguyên khối, rắn chắc, đông đặc, chen chúc, lổn nhổn của Khu đại học. Bên phải là hình bán nguyệt rộng rãi của Khu phố mới, với vườn tược và lầu đài xen lẫn nhau nhiều hơn. Cả ba khối, Khu thành cũ, Khu đại học, Khu thành mới đều chằng chịt bạt ngàn phố xá. Con sông Xen "đòng Xen nuôi dưỡng" như cha Duy Bron thường gọi, vắt ngang, bị tắc nghẽn nào cù lao, nào cầu, nào thuyền bè. Khắp chung quanh là đồng bằng bát ngát, vá vúi muôn mảnh cây trồng, rải rác xóm làng xinh đẹp; bên trái là Lxy, Văngvơ, Vôgira, Mônggruio, Giăngtily với tháp tròn, tháp vuông. v.v...; bên phải là hai chục làng khác từ Công-phlăng tới Thành phố giám mục. Phía chân trời, một đường viền những đồi núi quay tròn như bờ lưu vực. Cuối cùng, xa xa, về phía đông, là Vànhxen cùng bảy tháp tứ

giác; phía nam, Bixêtro cùng dãy tháp nhỏ nhọn hoắt; phía bắc, Xanh Đơni và gác chuông nhọn; phía tây, Xanh Ciu và tháp canh. Đó là Pari, nhìn từ đỉnh tháp của nhà thờ Đức bà, bằng mắt đàn qua sống vào năm 1482.

Tuy nhiên, đó là thành phố mà Vonte bảo *trước Luy XIV nó chỉ có bốn tòa nhà đẹp*: tòa nhà Xoócbon, tòa Van Đơ Graxơ, tòa Luvơ hiện đại và không nhớ cái thứ tư là cái gì, hình như tòa Luyxămbua thì phải. May thay, không phải vì thế mà Vonte không viết *Cứngdit* và trong số tất cả những người kế tiếp nhau giữa cái dòng nhan loại dày đặc, ông vẫn là người có cái cười quái quỷ nhất. Và lại, điều đó chứng tỏ rằng mặc dù có thể là một thiên tài vĩ đại, người ta vẫn không hiểu gì về một ngành nghệ thuật mà mình không quen. Molière đã chẳng tưởng mình làm vinh dự ghê gớm cho Raphaen và Miken-Ăngiơ đó ư, bằng cách gọi họ là các *Ngài yêu kiều luống tuổi!*

Ta trở lại với Pari và thế kỷ mười lăm.

Hồi đó, thành phố không chỉ xinh đẹp mà thôi; đó là một thành phố đồng đều, một sản phẩm kiến trúc và lịch sử của thời trung cổ, một cuốn sử bằng đá. Đó là một thành bang chỉ gồm có hai lớp, lớp rôman và lớp gôtích, vì lớp La-mã đã mất đi từ lâu, trừ cung Têcno Đơ Duyliêng, nơi nó còn thọc được qua cái cùi dày thời trung cổ. Còn lớp Xento thì ngay đào giếng cũng chẳng tìm thấy mẫu nữa.

Năm mươi năm sau, khi thời Phục hưng mang cái xa xỉ hào nhoáng trong thói chơi ngông và trong các hệ thống của nó, mang sự lạm dụng của các hình cung tròn La Mã, các cột Hy Lạp và các hình tò vò thấp kiểu gôtích,

mang nền điêu khắc rất tao nhã và rất lý tưởng, mang sự thích thú đặc biệt các hoa văn và hình hoa lá, mang tính kiến trúc tả giáo đồng thời với Luyte, mang chúng vào trộn lẫn với tính thống nhất rất nghiêm ngặt mà lại đa dạng đó, Pari có lẽ càng đẹp hơn lên, mặc dù kém hòa hợp với con mắt và trí tuệ. Nhưng thời buổi huy hoàng đó không kéo dài. Thời Phục hưng chẳng phải vô tư: nó không chỉ bằng lòng xây dựng, nó còn muốn đập phá. Đúng là nó đang cần rộng chỗ. Cho nên cái Pari kiểu gôthich chỉ hoàn hảo trong một phút. Người ta vừa mới hoàn thành nhà thờ Xanh Giác Đờ La Busori thì đã bắt đầu phá hồng điện Luvơ cổ.

Từ đó, thành phố lớn cứ biến dạng từng ngày. Pari gôthich từng xóa bỏ Pari rôman, đến lượt nó lại tự xóa bỏ. Nhưng liệu có thể nói là cái Pari nào đã được thay thế?

Có Pari của Catorin Đờ Mêđixi, với cung Tuylori⁽¹⁾, Pari của Hăngri II với tòa Đô chính, hai dinh thự còn mang thị hiếu thẩm mỹ lớn; Pari của Hăngri IV với quảng trường Hoàng cung: mặt tiền bằng gạch với các góc tường bằng đá và mái đá đen, những tòa nhà ba màu; Pari của Luy XIII với tu viện Van Đờ Graxơ: một kiến trúc nặng nề và thấp lùn, vòm mái hình quai giò, cột không hiểu sao lại phình ra, còn mái thì gù lên; Pari của Luy XIV với lâu đài phế binh Anhvalidơ: đồ sộ, lộng lẫy, vàng son và lạnh lẽo; Pari của Luy XV, với nhà thờ Xanh Xuynpixơ: nào đầu cột xoáy ốc, hình dây lựu thắt nút, rồi mây bay, búp sợi và rau diếp uốn lượn, tất cả đều bằng đá; Pari của Luy XVI, với nhà thờ Păngtêông: một kiểu bất chuộc tối của nhà thờ Xanh Pie ở Rôma: (tòa nhà tự dồn ép lại

182

vụng về, nên không sửa sang được đường nét); Pari của nền cộng hòa, với trường Y học: một thị hiệu nghèo nàn kiểu Hi-La, giống tòa Côlidê hoặc tòa Páctênông, cũng như hiến pháp năm thứ ba giống với luật lệ Minốt, trong kiến trúc thường gọi là *thị hiệu métxido*⁽¹⁾; Pari của Napolêông với quảng trường Văngđôm: cái này thì cao cả, một cột đồng đúc bằng súng đại bác; Pari của nền Quân chủ trùng hưng, với sở Chúng khoán: hàng cột trắng tinh đỡ lấy bờ tường nhẵn thín, tất cả đều vuông vắn và trị giá hai mươi triệu đồng.

Gắn liền với mỗi kiến trúc tiêu biểu đó, cùng chung một thị hiệu, cách thức và phong độ, là một số nhà cửa rải rác ở mọi khu phố, mà con mắt sành sỏi dễ dàng phân biệt và xác định được niên đại. Khi biết nhìn, người ta tìm ra tinh thần thế kỷ và dung nhan quốc vương ngay ở cả chiếc vỏ gỗ cửa.

Như vậy, Pari hiện thời không có khuôn mặt chung nào cả. Đó là một tập mẫu sưu tầm của nhiều thế kỷ và cái đẹp nhất thì mất rồi. Kinh đô chỉ phát triển về nhà cửa; mà nhà cửa nào có ra gì! Cứ theo đà này, Pari sẽ đổi mới năm mươi năm một lần. Cho nên ý nghĩa lịch sử của kiến trúc nơi đây đang mất đi từng ngày. Các đền đài đó ngày càng hiếm và ta thấy nó như dần dần mất tăm, chìm ngập dưới nhà cửa. Cha ông ta có một Pari bằng đá; con cháu ta sẽ có một Pari bằng thạch cao.

Còn đối với các dinh thự hiện đại của Pari mới, chúng tôi sẵn sàng không muốn nhắc tới. Không phải vì chúng tôi không biết ngưỡng mộ đúng đắn. Nhà thờ Xanh-tô Giôn-viêro của ngài Xuphlô chắc chắn là cái bánh ngọt

Xavoa đẹp nhất bằng đá đến nay chưa hề có. Lầu đài Quốc dân quân cũng là mẫu bánh rất đặc biệt. Vòm mái Chợ gạo là chiếc mũ lưỡi trai kỳ mà Anh vào cỡ lớn. Các tháp nhà thờ Xanh Xuynpixo là hai cái kèn lớn, hình thù của nó cũng như mọi cái khác thôi; chiếc máy điện báo cong queo và nhẵn nhọt tạo thành một chuông ngại đáng yêu trên mái. Xanh Rốc có chiếc cổng mà vẽ huy hoàng chỉ có thể sánh với Xanh Tôma Đacanh. Nó cũng có bức chạm nổi Chúa đóng đinh trên cây thánh giá để dưới hầm và một mặt trời bằng gỗ thếp vàng. Đó là những vật hết sức kỳ diệu. Chiếc đèn lồng của mê cung ở Vườn cây cũng rất tài tình. Con tòa nhà sở Chứng khoán, với hàng cột kiểu Hy Lạp, cửa ra vào và cửa sổ hình cung tròn La Mã, vòm mái lớn hình cung thấp Phục hưng, chắc chắn đó là một kiến trúc rất nghiêm túc và rất tinh túy. Bằng chứng là nó được xây một tầng thấp che mái mà Aten chưa hề có, đường nét thẳng tắp đẹp đẽ, ngắt quãng đây đó thật duyên dáng bởi các ống khói lo suôi. Xin nói thêm, nếu buộc kiểu kiến trúc một dinh thự phải phù hợp với mục đích sử dụng, làm sao chỉ cần trông vào hình dáng dinh thự là thấy ngay mục đích đó tự bộc lộ ra, ta sẽ không việc gì quá thán phục một tòa nhà không sao phân biệt được đó là hoàng cung hoặc nhà hội đồng hương thôn, tòa thị chính, trường trung học, trường tập ngựa, viện hàn lâm, kho hàng thương chính, tòa án, viện bảo tàng, trại lính, nhà mồ, đền miếu, nhà hát. Trong khi chờ đợi, đó là sở Chứng khoán. Ngoài ra, một tòa nhà phải thích hợp với khí hậu. Tòa nhà này chắc hẳn được xây dựng đặc biệt cho bầu trời giá rét và mưa nhiều ở ta. Mái nhà bằng phẳng như ở phương đông, cho nên vào mùa đông,

gặp lúc tuyết rơi, người ta lại phải quét mái, vì chắc hẳn mái làm ra cốt để được quét dọn. Con về mục đích sử dụng như chúng tôi vừa nói trên, tòa nhà hoàn thành thật tuyệt diệu; nó là sở Chứng khoán ở Pháp cũng như tòa đền xưa kia ở Hy Lạp. Quả thực kiến trúc sư đã khá vất vả để tìm cách che cái mặt đồng hồ treo, nó làm hỏng cả vẻ thanh tao của những đường nét đẹp đề ngoài mặt tiền, nhưng ngược lại, ta lại có hàng cột chạy chung quanh tòa nhà, mà dưới đó, vào những ngày đại lễ trang trọng thiêng liêng, các tay buôn bán chứng khoán và môi giới thương mại có thể đang hoành phát triển học thuyết.

Rõ ràng đó là những dinh thự rất nguy nga. Thêm vào còn vô số đường phố đẹp đẽ, vui nhộn và đa dạng như phố Rivoli và tôi tin rằng, từ trên khinh khí cầu nhìn xuống, một ngày kia Pari sẽ bày ra trước mắt các đường nét phong phú, các chi tiết rực rỡ, các cảnh sắc khác lạ, một cái gì đó thật hùng vĩ trong sự giản dị và thật bất ngờ trong cái đẹp, nó là đặc điểm của một bàn cờ.

Tuy nhiên, dù bạn thấy Pari hiện giờ tuyệt vời đến thế nào chăng nữa, cũng hãy thử trở lại Pari thế kỷ mười lăm, hãy tái tạo nó trong đầu óc, nhìn trời đất qua dãy hàng rào kỳ lạ những mái nhọn, đỉnh tháp, gác chuông, hãy tỏa ra giữa thành phố bát ngát, vấp vào mũi các cù lao, dồn lại trước các nhịp cầu sông Xen với từng vũng nước xanh xanh vàng vàng còn chuyển động hơn cả làn da rắn, hãy tách hẳn cái dáng trông nghiêng của Pari cổ trên nền chân trời xanh lam, làm cho đường viền chung quanh thành phố thấp thoáng hiện lên trong màn sương mù mùa đông thường quấn quít vào vô số ống khói, hãy

đim nó vào đêm sâu và ngắm nhìn trò kỳ ảo của bóng đêm và ánh sáng trong mê cung các dinh thự âm u; hãy phóng xuống một ánh trắng để mơ hồ soi chiếu nó và làm cho những cái đầu lớn của các tháp ngói lên khỏi mù sương; hoặc dựng lại bóng đen thẫm đó, làm trăm nghìn góc nhọn của mái nhà và đầu hồi thức tỉnh khỏi bóng tối, rồi làm nó nổi bật lên, răng nhe tua tủa hơn cả hàm cá mập trên nền trời màu đồng lúc chiều tà - Rồi hãy thử so sánh xem.

Còn nếu bạn lại muốn tiếp nhận từ thành phố cổ một cảm giác mà thành phố mới không còn cung cấp được nữa, thì chờ buổi sáng một ngày lễ lớn, lúc mặt trời mọc vào hôm lễ Phục sinh hoặc lễ Đức chúa thánh thần hiện xuống, hãy trèo lên một đỉnh tháp để có thể từ đó nhìn thấy khắp kinh đô, rồi tham dự vào lúc thức dậy của những chuông nhà thờ. Hãy ngắm nhìn muôn nghìn nhà thờ nhất loạt rung lên theo một tín hiệu phát đi từ giữa bầu trời, vì chính mặt trời phát tín hiệu đó. Thoạt tiên là tiếng vang rải rác, loang từ nhà thờ này sang nhà thờ khác, như cái phứt nhạc công báo hiệu cho nhau sắp bắt đầu; rồi đột nhiên, hãy nhìn xem, vì hình như đôi lúc tai cũng nhìn được, nhìn xem từ mỗi gác chuông đồng thời dựng lên một thứ như là cột tiếng động, khối hòa âm, trong veo và có thể nói cách biệt với mọi tiếng khác, trên bầu trời lộng lẫy buổi sáng. Rồi dần dần vang to lên, nó hòa tan, xen lẫn, xóa nhòa lẫn nhau, hỗn hợp thành dàn nhạc tuyệt vời. Chỉ còn một khối âm thanh vang động không ngừng tỏa lên từ vô số lầu chuông, nó bay lên, múa lượn, xông xáo, quay cuồng trên kinh thành và loang

186

rộng cái vòng tròn âm i rung rinh mãi quá chân trời. Tuy nhiên, biển hòa âm này không hề hỗn độn. Dù rộng lớn và sâu thẳm đến đâu, nó vẫn không mất vẻ trong suốt. Ta sẽ thấy mỗi nhóm âm thanh, thoát ra từ dây chuông, uốn lượn riêng rẽ; ta có thể theo dõi cuộc đối thoại lần lượt trầm hùng và cao vút, tiếng mõ réo và tiếng chuông rền; ta sẽ thấy âm vực nhảy cách quãng bát độ từ gác chuông này sang bát chuông khác; ta sẽ thấy nó bay lên phơi phới, nhẹ nhàng và lạnh lói từ cái chuông bạc, thấy nó rơi xuống gục ngã và khập khiễng từ cái chuông gỗ; ta thấy phục âm giai phong phú luôn luôn hạ xuống dâng lên giữa bao âm thanh khác của bảy chuông nhà thờ Xanh Oxtaso, ta sẽ thấy chạy ngược lại các thanh âm trong vắt và vút nhanh, chúng ngoặt ngoẹo lóe sáng dăm ba lần rồi tắt ngấm như ánh chớp. Đằng kia tu viện Xanh Máctanh hát lên the thé rè rè; ở đây giọng lầu bầu, rùng rợn của tòa Baxtiơ, đầu nọ giọng trầm của tháp Luvơ to cao, cái chuông ngự ở Hoàng cung không ngừng tung ra tám hướng những điệp âm chói ngời, trên đó buông ra đều đặn các âm thanh nặng nề của lầu chuông nhà thờ Đức bà, làm nó lóe sáng như đe dưới búa. Thỉnh thoảng, ta sẽ thấy lướt qua đủ loại thanh âm vắng tót từ bộ chuông ba chiếc của nhà thờ Xanh Giécmanh Để Prê. Rồi đôi lúc, khối tiếng động cao cả này còn mở ra và để lọt vào khúc vĩ thanh của nhà thờ Avê Maria, nó bùng nổ và lấp lánh như chùm sao. Phía dưới, tận đáy dàn nhạc, ta sẽ mơ hồ nhận thấy tiếng hát bên trong của các nhà thờ, toát ra khỏi lỗ trống vang rung của vòm mái - Rõ ràng, đây là vở nhạc kịch rất đáng được nghe. Bình thường, tiếng vang được nối lên từ Pari ban ngày, đó là thành

phố đang nói; ban đêm, đó là thành phố đang thờ, bây giờ là thành phố đang hát. Hãy lắng tai nghe khúc toàn tấu của các lầu chuông, hãy gieo lên toàn bộ bản nhạc đó tiếng thầm thì của nửa triệu con người, tiếng dòng sông đang thờ triền miên, tiếng gió thổi bất tận, tiếng tứ tấu trầm và xa của bốn khu vực rừng mọc trên dãy đồi ở cuối chân trời như các đàn đại phong cầm bát ngát, hãy chìm tất cả âm thanh quá thấp hoặc quá cao của chiếc chuông trung tâm vào bản nhạc đó và vào cái bằng lăng nhàn nhạt, rồi hãy nói xem, liệu trên đồi này, hỡi có cái gì phong phú hơn, vui tươi hơn, chói lọi hơn, rực rỡ hơn mớ âm thanh hỗn tạp của các chuông lớn chuông bé này, hơn cái lò lửa âm nhạc, hơn mười ngàn giọng chuông đồng cùng hát lên trong các ống sáo bằng đá cao ba trăm bộ, hơn cái thành bang đã trở thành đàn nhạc, hơn bản giao hưởng âm vang như bão táp.

QUYỂN BỐN

I. TẤM LÒNG VÀNG

Mười sáu năm trước khi xảy ra câu chuyện đang kể đây, vào ngày sáng đẹp trời của ngày lễ Cadimôđô, trong nhà thờ Đức bà, sau buổi lễ, một sinh vật được đặt trên đất giường kê bên trái tiền đường, trước mặt bức tranh lớn về thánh Christôphơ, có khuôn mặt tạc bằng đá của ngài hiệp sĩ Ängtoan Dê Etxác quỳ gối ngược lên nguyện ngấm từ năm 1413, nhưng rồi sau họ quyết định triệt hạ cả ông thánh lẫn tín đồ. Trên tấm đất giường đó thường đặt những trẻ vô thừa nhận, để tùy mọi kẻ từ thiện ai thích cứ việc đem về nuôi. Trước đất giường còn có chiếc thau đồng đựng tiền bố thí.

Loại sinh vật nằm trên tấm ván lúc buổi sáng ngày lễ Cadimôđô vào năm thiên chúa 1467, xem ra gọi thú tò mò đến cao độ cho một đám khá đông đang tụ tập xung quanh. Đám đông phần lớn gồm người phái đẹp. Nhưng hầu hết là bà già.

Ở hàng đầu và đang cúi sát xuống giường, ta thấy có bốn bà mặc áo choàng xám, một loại áo chùng, chắc hẳn thuộc một hội thánh mộ đạo nào đó. Tôi thấy chẳng

có lý do gì mà không ghi vào sổ sách tên bốn bà kén áo và dâng kính đó để lưu danh hậu thế. Đó là Anhe La Heemo, Gian Đờ La Tácmo, Hăngriét La Gônchie, Gôsero La Viôlét, cả bốn đều góa chồng, cả bốn đều là các bà thực thà ở nhà nguyện Echiên Hôđri, được phép của bề trên và đúng với luật lệ của Pie D'Ayi, vừa rời nhà để đến nghe giảng.

Tuy nhiên, nếu các bà tu dòng Hiếu khách vốn tính nết chân thực đó tạm thời tuân theo các luật lệ của Pie D'Ayi, quả tình họ đã hún hờ vi phạm các luật lệ của Misen Đờ Braso và của đức hồng y ở Pido, vẫn cấm đoán dã man họ không được nói.

- Sao nó lại thế này hả chi? Anhe hỏi Gôsero, ngắm đứa bé nằm phoi đó, đang rên la, giãy giụa trên chiếc giường gỗ, và quá sợ hãi trước con mắt mọi người.

- Nếu trẻ con đẻ ra bây giờ đều thế này cả thì rồi con người sẽ ra sao? Gian thốt lên.

- Tôi không sành về con trẻ, nhưng cứ nhìn thẳng bé này cũng đủ có tội rồi, Anhe tiếp lời.

- Chị Anhe này, nó chẳng phải là đứa trẻ nữa.

- Đúng là con khỉ thiếu tháng, Gôsero nhận xét.

- Đúng là một phép lạ, Hăngriét La Gônchie bảo.

- Nếu vậy, đây là phép lạ thứ ba kể từ hôm chủ nhật *Lotaro*⁽¹⁾, Anhe nói. Vì phép lạ thứ hai trong tháng mới xảy ra cách đây có tám ngày, khi kẻ chế giễu người hành hương bị Chúa phạt tại nhà thờ Đức bà Ôbecviliã.

- Cái của nợ vô thừa nhận này đúng là một quái vật gớm ghiếc, Gian nói thêm.

- Nó gào thét đến người hát kinh cũng phải diếc tai, Gôresơ tiếp lời. Đồ nhóc to mồm, mày có câm đi không!

- Vậy mà của nợ này là do đức ông ở Remxo gửi cho đức ông ở Pari đấy! La Gônchie chấp tay lại, nói.

- Tôi nghĩ đây là một con thú, một con vật, sản phẩm của một tên Do thái với một mụ lợn xê; Anhe La Hécme nói. Tóm lại nó chẳng có vẻ gì của Chúa, cần vứt xuống sông hoặc quăng vào lửa.

- Chỉ mong sẽ chẳng có ai nhận nuôi nó, La Gônchie bảo.

- Chao ôi, lạy Chúa! Anhe thốt lên, hay ta đem thằng bé ôn vật này tới bú nhờ mấy mụ vú tội nghiệp ở đằng kia, tại căn nhà trẻ vô thừa nhận cuối ngõ hẻm chạy ra sông, ngay cạnh dinh cơ đức giám mục! Tôi thà để cho ma cà rồng nó bú còn hơn.

- Cái chị La Hecme này, thật là ngây thơ quá! Gian xen vào. Thế chị không thấy thằng nhóc quái vật này ít nhất cũng lên bốn rồi, nó có lẽ thích cái xiên nướng chả hơn cái bú tí của chị.

Đúng thế, "thằng nhóc quái vật" không phải là trẻ sơ sinh. (Chính bản thân tôi cũng rất lúng túng, không biết gọi nó bằng cách nào khác hơn). Đó là một khối nhỏ rất gồ ghề và quấy rất mạnh, nhét trong bao tải có in dấu hiệu của ngài Ghiôm Sácchiê, lúc đó đang là giám mục ở Pari, với cái đầu thò ra ngoài bao. Cái đầu hình thù cũng méo mó. Chỉ thấy một rừng tóc đỏ hoe, một con mắt, cái mồm và hàm răng. Mắt khóc, mồm gào, còn răng chỉ muốn cắn. Toàn bộ giầy giữa trong bao tải, làm kinh ngạc cả đám đông, họ không ngừng lũ lượt thay phiên nhau kéo tới vây quanh.

Phu nhân Alôido Đơ Gôndolôriê, một bà giàu có và quyền quý, tay dắt cô con gái xinh đẹp khoảng sáu tuổi, cài sừng bằng vàng trên mũ bà kéo theo tấm voan dài, bà dừng lại lúc đi ngang qua chiếc giường, đứng nhìn giấy lát sinh vật khốn nạn đó, còn cô con gái xinh xắn Phlo Đơ Lit Đơ Gôndolôriê, mặc toàn nhung lụa, đưa ngón tay xinh xẻo chỉ từng chữ để đánh vần tấm bằng luôn treo cạnh đầu giường: TRẺ VÔ THỪA NHẬN.

- Thực tình, ta tưởng ở đây chỉ bày trẻ con, bà nói, ghê tởm quay mặt đi.

Lúc quay đi, bà vút vào chậu thau một đồng tiền bạc, nó kêu đánh keng một tiếng giữa mớ tiền lẻ, làm các bà thực thà tội nghiệp ở nhà nguyện Êchiên Hôđri tròn xoe mắt.

Lát sau, nhà bác học nghiêm nghị Rôbe Mixtricon, đệ nhất bí thư của nhà vua, đi ngang qua, nách kẹp cuốn sách lề lớn, tay kia khoác bà vợ (bà Ghiomét La Marét), như vậy là có luôn bên mình hai món điều hòa, cả tình thần lẫn thể tục. Ngồi quan sát vật đó rồi bảo:

- Trẻ vô thừa nhận! Chắc nhất được ở bên bờ Cừu tuyến âm ty!

- Chỉ thấy nó có độc một mắt, bà Ghiomét nhận xét. Còn bên kia là cái mụn cóc.

- Không phải mụn cóc đâu, thấy Rôbe Mixtricon nói. Đó là quả trứng chứa bên trong một quái vật khác giống hệt như vậy, quái vật đó lại mang quả trứng nhỏ khác chứa đựng một quái vật khác nữa, và cứ thế nối tiếp mãi.

- Tại sao ông lại biết là như vậy? Ghiomét La Marét hỏi.

- Tôi biết rất rõ, ngài đệ nhất bí thư đáp.

- Thưa ngài đệ nhất bí thư, Gôsevo hỏi, ngài tiên đoán ra sao về đứa trẻ gọi là nhật được này?

- Những tai họa hết sức lớn, Mixtricon đáp.

- Chao ôi, lay Chúa! một bà già trong đám đông thốt lên. Chẳng trách năm ngoái có dịch hạch hoành hành, giờ lại nghe nói quân Anh sắp lũ lượt đổ bộ ở Harophlo.

- Như thế có lẽ hoàng hậu sẽ không đến Pari vào tháng chín này, một bà khác tiếp lời. Hàng họ đang ế ẩm quá rồi!

- Tôi cũng đồng ý, Gian Đơ La Tácmo hứa theo, đôi với đám dân hèn Pari thì tốt hơn hết là nên để thằng bé yêu quái này nằm trên đồng cũi hơn là nằm trên phản.

- Một đồng cũi cháy đỏ rực! bà già nói thêm.

- Thế là khôn ngoan hơn cả, Mixtricon bảo.

Từ này đến giờ, một linh mục trẻ đứng nghe mấy nữ tu sĩ bàn tán và ông đệ nhất bí thư phán bảo. Khuôn mặt ông ta khắc khổ, vầng trán rộng, cái nhìn sâu thẳm. Ông lặng lẽ gạt đám đông, ngắm nhìn thằng bé yêu quái, rồi để tay lên nó. Thật vừa đúng lúc. Vì các bà mẹ đạo đã thêm thuồng nghĩ tới đồng cũi cháy đỏ rực.

- Tôi nhận nuôi đứa trẻ này, linh mục nói.

Ông bọc nó vào áo chùng của mình rồi đem đi. Đám đông kinh ngạc nhìn theo. Lát sau ông đã mất hút, qua cổng Đô dẫn từ nhà thờ tới nhà tu.

Khi hết sương sò, Gian Đơ La Tácmo mới ghé tai bảo La Gônchie.

- Chị ơi, tôi đã bảo mà, gã giáo sinh trẻ đó, ông Clôđơ Phrôlô đó là phù thủy.

II. CLÔĐOPHRÔLÔ

Đúng thế, Clôđơ Phrôlô không phải là nhân vật tầm thường.

Ông ta thuộc một gia đình trung lưu mà lối nói không thích đáng của thế kỷ trước thường vẫn gọi là đại tư sản hoặc tiểu quý tộc, gia đình này thừa hưởng của anh em Paclet khu thái ấp Tiarosáp, trực thuộc giám mục Pari, mà hăm một căn nhà đã là đối tượng cho biết bao vụ kiện tụng trước tòa vào hồi thế kỷ mười ba. Vì là chủ nhân của lãnh địa nên Clôđơ Phrôlô là một trong số *trăm bốn mươi một* lãnh chúa được coi là có đất phát canh trong vùng Pari và ngoại thành; do đó từ lâu vẫn thấy tên ông được ghi theo tư cách này, giữa lâu đài Tàngcácvin của ngài Phrăngxoa Lơ Rê và trường trung học Tua, trong cuốn pháp điển lưu trữ tại Xanh Máctanh Đê Săng.

Từ nhỏ, Clôđơ Phrôlô đã được cha mẹ chuẩn bị cho bước vào hàng giáo phẩm. Chàng được học đọc tiếng la tinh, được dạy luôn phải nhìn xuống và nói nhỏ. Ngay từ bé, ông bố đã bắt chàng tới lưu trú ở trường trung học Toócxi bên Khu đại học. Chàng lớn lên ở đây, giữa cuốn sách lễ và bộ tự điển.

Thực ra đó là một đứa trẻ u buồn, nghiêm trang, đúng đắn, học rất chăm và mau hiểu biết. Chàng không hò hét lúc ra chơi, ít đùa đòi nhậu nhẹt trên phố Phuarơ,

chẳng biết *dare alapas et capillos laniare*⁽¹⁾ là gì, và không hề có mặt trong cuộc bạo loạn năm 1463 mà các nhà chép sử đã trình trong ghi dưới tiêu đề: "cuộc nổi loạn thứ sáu ở Khu đại học". Chẳng ít khi chế giễu các học trò tội nghiệp ở Môngtaguy vì những *cappettes*⁽²⁾ trở thành tên gọi bọn chúng, hoặc những học trò được học bổng ở trường trung học Doóc măng vì cái đầu hớt trọc và tấm áo choàng ba mảnh bằng da màu xanh lá cây, xanh da trời và tím, *azarini coloris et bruni*⁽³⁾ như đã ghi trong hiến chương của đức hồng y ở Cát Cuaron.

Ngược lại, chàng rất chăm chỉ tới các trường lớn, trường nhỏ ở phố Giảng Đờ Bôve. Người học trò đầu tiên mà tu viện trưởng ở Xanh Pie Đờ Van trông thấy, khi ông bắt đầu giảng về giáo qui, đó là Clôđơ Phrôlô, chàng luôn luôn đứng lì ở chân cột ngay trước bục giảng của trường Xanh Văngdrođoxin, tay cầm nghiền mực bằng sừng, miệng ngậm ngòi bút, hí hoáy viết trên đầu gối sòn vải, còn mùa đông thì hà hơi vào ngón tay cho đỡ lạnh. Người thánh giả đầu tiên mà ngài Milo Đ'Ixliê, tiến sĩ pháp lệnh luật, trông thấy mỗi sáng thứ hai hớt hải tới, khi cửa trường Sếp Xanh Đơni vừa mở ra, đó là Clôđơ Phrôlô. Cho nên, mới mười sáu tuổi, cậu học sinh trẻ đã có thể đương đầu với một ông cha ở nhà thờ về môn thần học huyền bí, với một ông cha ở giáo nghị hội về môn thần học giáo qui, với một vị tiến sĩ ở Xoócbon về môn thần học kinh viện.

Học xong môn thần học, chàng lao vào môn pháp lệnh luật. Từ cuốn *Người chủ mọi phán quyết*, chàng nhảy sang bộ *Pháp lệnh tập của Saclomanho*. Rồi trong cơn thèm

khát học hỏi, chàng lần lượt ngón hết cuốn pháp lệnh này đến cuốn khác, nào pháp lệnh của Têđô , giám mục Hixpalo, rồi pháp lệnh của Busa, giám mục Omo, pháp lệnh của Yvo, giám mục Sáctrơ; rồi pháp lệnh của Grachiêng, tiếp nối với bộ pháp lệnh tập của Sáclomanhơ; rồi tuyển tập của Grêgoa IX; rồi thông điệp của *Super specula* của Honoriuyt III. Chàng tìm hiểu, chàng làm quen với cả một thời kỳ của dân luật lẫn giáo luật rộng lớn và hỗn tạp, chúng chống đối nhau và hình thành giữa buổi lộn xộn thời trung cổ, một thời kỳ do giám mục Têđô mở ra năm 618 và giáo hoàng Grêgoa chấm dứt năm 1227.

Tiêu hóa xong môn pháp lệnh luật, chàng lao vào y khoa và văn nghệ. Chàng nghiên cứu môn dược thảo, môn thuốc cao. Chàng chuyên trị các bệnh sốt, các loại vết thương, sung tấy, mụn nhọt. Giắc Đ'Expa cho chàng đồ y sĩ vật lý, Risa Helanh cho chàng đồ y sĩ giải phẫu. Chàng cũng theo học hết các cấp bậc cử nhân, cao học và tiến sĩ nghệ thuật. Chàng học ngôn ngữ, tiếng la tinh, tiếng Hy Lạp, tiếng Do Thái, ba yếu địa hội đó ít ai dám xông vào. Thật là một con sói tiếp thu và tích lũy vốn liếng khoa học. Năm mười tám tuổi, chàng đã hoàn thành bốn khoa đại học. Chàng trẻ tuổi đó hình như cho cuộc đời chỉ có mục đích duy nhất là: kiến thức.

Vào khoảng thời gian đó, mùa hè quá nóng của năm 1446 làm phát sinh bệnh dịch hạch lớn, làm chết hơn bốn chục ngàn nhân mạng ở lãnh địa từ tước Pari, và trong đó, theo lời sử gia Giăng Đờ Troa, có "Tiên sinh Acnun, chiêm tinh hoàng gia, một người rất tử tế, khôn ngoan và dễ thương". Khu đại học loang đi tiếng đồn là phố

Tiarosáp đặc biệt bị bệnh dịch hoành hành mạnh nhất. Đó chính là nơi ở của gia đình Clôđơ ngay giữa lãnh địa. Cậu học sinh hốt hoảng chạy vội về nhà. Bước qua cửa, bố và mẹ đã chết từ hôm qua. Một đứa em trai nhỏ xíu mới đẻ còn sống, bị bỏ mặc trong nôi, đang la khóc. Cả gia đình chỉ còn sót lại có thể với Clôđơ. Anh thanh niên bế đứa em, ra đi tự lự. Từ trước tới giờ, chàng chỉ sống trong sách vở, nay bắt đầu sống với cuộc đời.

Tai họa này là một khủng hoảng trong đời sống Clôđơ. Mồ côi cha mẹ, mười chín tuổi đã làm anh cả, làm chủ gia đình, chàng đột ngột bị lôi tuột ra khỏi mơ mộng học đường để rơi xuống thực tế đời sống. Thành ra, lòng đầy thương cảm, chàng đem hết say mê và tận tụy dồn cho đứa bé em trai; tình người đó thật là điều kỳ lạ và êm dịu đối với chàng, một người xưa nay chỉ biết yêu mê sách vở.

Tình cảm này phát triển tới mức độ đặc biệt. Ở một tâm hồn tuổi mới như vậy, nó như mối tình đầu. Từ nhỏ đã cách biệt với cha mẹ, rất ít khi gần gũi họ, sống thâm kín và gần như giam hãm trong sách vở, trước hết chỉ khát khao có học tập và nghiên cứu, từ trước tới giờ hoàn toàn chú trọng có mỗi trí thông minh, nó càng phát triển trong khoa học, và trí tưởng tượng, nó càng mở rộng trong văn học, gã học trò tội nghiệp chưa có thời giờ cảm thấy vị trí của trái tim. Chú em trai mất cha mất mẹ, thằng nhỏ đó, đột nhiên từ trên trời rơi vào tay, biến chàng thành con người khác. Chàng chợt thấy còn bao thú khác trên đời, ngoài những lý luận ở Xóéchon và câu thơ của Hôme, thấy con người cần yêu thương, cuộc sống không

có tình thương và tình yêu chỉ là một bộ máy khô dầu, cốt kết và chối tai; nhưng đang ở vào lứa tuổi chỉ biết thay đổi một ảo tưởng này bằng ảo tưởng khác, chàng lại tưởng chỉ duy nhất cần thiết có tình cảm máu mủ và gia đình, chỉ cần tình yêu em trai là đầy đủ cho cả cuộc đời.

Cho nên chàng bập vào yêu đứa em Giăng với niềm say mê của một cá tính vốn thâm trầm, nồng nhiệt, tập trung. Đứa bé tội nghiệp yếu đuối, xinh xắn, hồng hào, tóc hung và quăn, đứa em mồ côi không nơi nương tựa nào khác ngoài đứa anh mồ côi, làm chàng xao động hết tâm tư, vốn hay tư lự, chàng lo nghĩ về Giăng với lòng xót thương vô hạn. Chàng chăm sóc, chăm nom nó như đối với một vật hết sức mong manh và nường nhẹ. Đối với đứa trẻ, chàng còn hơn một người anh, mà trở thành người mẹ.

Chú bé Giăng chết mẹ khi còn bú. Clôđơ gửi nó cho bà vú nuôi. Ngoài thái ấp Tiarosáp, chàng còn thừa hưởng của gia đình bên nội thái ấp Mulanh, thuộc khu vực thấp vùng Giăngtly. Ấp Mulanh là một cối xay dựng trên đồi, gần lâu đài Uynsetơ (Bixétơ). Ở đó có bà thợ xay đang nuôi đứa con bụ bẫm; nơi này lại không xa Khu đại học, Clôđơ ẵm bé Giăng tới đó gửi nuôi.

Từ đó, cảm thấy phải đeo bồng thêm gánh nặng chàng sống rất nghiêm túc. Việc chăm lo đứa em không phải chỉ là trò giải trí mà còn trở thành mục đích của việc học tập. Chàng quyết tâm hiến mình trọn vẹn cho một tương lai được Chúa chứng giám, và ngoài hạnh phúc cùng tiền đồ của chú em, chàng sẽ không bao giờ có vợ con nào khác. Cho nên hơn bao giờ hết, chàng càng gần

chặt với cái nghiệp tu hành. Tư cách, kiến thức, địa vị cận thần đối với giám mục Pari, khiến các cánh cửa giáo hội mở rộng trước mặt chàng. Hai mươi tuổi, do lệnh đặc miễn của đức giáo hoàng, chàng trở thành linh mục và được cử làm thầy tư tế trẻ nhất ở nhà thờ Đức bà, giáo đường mang danh *altare pigroum*⁽⁴⁾, vì ở đó làm lễ muộn nhất.

Ở nhà thờ Đức bà, càng vui đầu thêm vào sách vở thân yêu, chỉ rời ra khoảng một giờ để chạy tới ấp Mulanh, chàng nhanh chóng được cả tu viện kính trọng và khâm phục vì kiến thức lẫn lối sống khắc khổ, vốn hiếm thấy vào tuổi này. Từ tu viện, danh tiếng bác học của chàng lan ra ngoài dân chúng; theo thói thường hồi đó, dân chúng dễ biến tiếng tăm bác học thành tiếng tăm phù thủy.

Hôm ngày lễ Cadimôđô, đúng lúc chàng vừa làm lễ xong ở bàn thờ của bốn lười, nơi đó ở ngay cạnh cửa của dàn hát thánh ca sát liền với chính diện, mé tay phải, gần tượng Đức mẹ đồng trinh, chàng chợt chú ý tới đám đông bà già đang léo nhéo quanh chiếc giường trẻ vô thừa nhận.

Chàng liền đến gần đứa nhỏ khốn nạn đang bị ghét bỏ và hăm dọa. Cảnh cùng cực, hình thù quái gở, sự ruồng bỏ, nỗi lo lắng cho chú em, ý tưởng kỳ quái đột nhiên nảy ra trong óc là nếu mình chết, chú em Giảng thân yêu rất có thể bị vứt bỏ khốn khổ trên chiếc giường đặt trẻ vô thừa nhận, mọi cái đó cùng lúc ập vào tâm tư, chàng liền thấy cảm thương vô hạn và bế đứa trẻ đi.

Lúc nhấc thăng bé ra khỏi bao tải, chàng thấy nó quả thật dị tướng. Thăng quý con tội nghiệp có mụn cóc trên mắt trái, cổ rút, xương sống cong queo, xương ức nhô ra, chân khoèo; nhưng coi nó khỏe mạnh; tuy không hiểu nó bi bô thứ ngôn ngữ gì, nhưng tiếng hét tỏ ra đầy sức lực, khỏe khoắn. Clôđơ thấy nó xấu xí càng thêm thương; vì yêu quý em trai, chàng tâm nguyện sẽ nuôi thăng bé này, để mai sau, dù chú Giăng có phạm lỗi lầm gì cũng sẽ được chuộc lại bằng công việc từ thiện này, do chàng làm vì cậu em. Đó cũng là thứ đầu tư bằng nghĩa cử, được thực hiện vì chú em; đây là món hàng từ thiện chàng muốn tích trữ sẵn, phòng một ngày kia, gặp lúc cậu em túng thiếu, có thể đem loại tiền duy nhất này ra để trả suất quá giang nhập cảnh thiên đường.

Chàng làm lễ rửa tội cho đứa con nuôi và đặt tên là *Cadimôđô*, muốn qua đó ghi nhớ cái ngày gặp thăng bé, hoặc giả muốn dùng tên đó để chỉ rõ tất cả đặc điểm, thiếu sót và quái dị bẩm sinh của đứa nhỏ tội nghiệp. Thật thế, *Cadimôđô*, chột mắt, gù lưng, chân khoèo, chỉ là một thứ *gần đủ*.

III. IMMANIS PECORIS CUSTOS, IMMANIOR IPSE⁽¹⁾

Đến năm 1482, *Cadimôđô* thế là đã lớn. Từ vài năm nay, nó trở thành gà kéo chuông của nhà thờ Đức bà, nhờ công cha nuôi Clôđơ Phrôlô, ông này đã làm tới phó chủ giáo ở Giôđát, nhờ ơn bề trên là ngài Luy Đơ Bômông, giữ chức giám mục Pari vào năm 1472, sau khi Ghiôm

200

Sắcchiê từ trần, nhờ ở quan thầy là Olivie Con Hoẵng, đội ơn Chúa vốn là thợ cạo của vua Luy XI.

Thế là Cadimôđô trở thành người kéo chuông của nhà thờ Đức bà.

Thời gian trôi qua đã tạo nên mối dây hết sức mật thiết nối liền gã kéo chuông với nhà thờ. Vinh viễn bị ngăn cách với thế giới bên ngoài bởi hai tai họa là sinh ra vô thừa nhận và hình thù quái dị, từ nhỏ bị giam hãm trong hai vòng tròn không thể vượt qua đó, gã khốn khổ đã quen không nhìn thấy gì hết trong đời sống ở bên ngoài dây tường nhà thờ luôn trùm bóng râm che chở nó. Tùy theo mỗi tuổi nó lớn lên và trưởng thành, nhà thờ Đức bà đối với nó lần lượt là vỏ trứng, cái tổ, căn nhà, tổ quốc, vũ trụ.

Chắc chắn đã có một thứ hòa hợp bí hiểm và tiên quyết giữa con người đó cùng tòa nhà thờ. Hồi còn bé tí, nó đã lê la vụng vẹo và nhảy chồm chồm dưới vòm mái âm u, với khuôn mặt người và tay chân thú vật, nó giống con vật bó sát tự nhiên trên nền đá lát ẩm ướt và u tối, mà những đỉnh cột kiểu rôman hắt bóng xuống thành bao hình thù kỳ quái.

Sau đó, khi lần đầu nó bắt giác nứu lấy sợi dây thùng trên tháp, rồi đánh đu lên và làm rung chuông, Clêđô, ông bố nuôi, thấy việc đó giống như kết quả của một đứa trẻ đã biết mở miệng và tập nói.

Cứ thế, dần dà, nó luôn luôn phát triển theo ý hướng của giáo đường, nó sống ở đó, ngủ tại đó, hầu như không bao giờ ra ngoài, suốt ngày chịu đựng một áp lực bí hiểm, nó trở nên giống hệt tòa nhà thờ, gắn chặt vào đó, và có

thể nói dính liền như một bộ phận của tòa nhà. Xin được phép dùng hình ảnh là các góc lồi của nó khớp với các góc lõm của nhà thờ và nó không chỉ là kẻ trú ngụ, mà còn là nội dung tự nhiên của tòa nhà. Hầu như có thể nói, nó khuôn theo hình dáng của tòa nhà, như con ốc sên uốn theo hình cái vỏ. Đó là nơi trú ẩn, cái hang lỗ, cái vỏ của nó. Giữa nó và ngôi nhà thờ cổ có một mối đồng cảm tự nhiên rất sâu sắc, với bao tương quan từ lực, bao tương quan vật chất, khiến nó dính chặt vào nhà thờ như con rùa dính chặt vào mai. Tòa thánh đường gỗ ghê là vỏ cứng của nó.

Tưởng cũng không cần lưu ý trước bạn đọc là đừng nên hiểu theo nghĩa đen từng chữ các hình ảnh mà tác giả buộc phải dùng ở đây, để diễn tả sự ngẫu hợp kỳ lạ, cân xứng, tức khắc, hầu như đồng chất giữa con người và tòa nhà. Cũng chẳng cần nói tới mức độ hiểu biết kỹ càng của nó đối với toàn bộ ngôi nhà thờ, trải qua một thời gian chung sống lâu dài và thân thiết như vậy. Chỗ ở này là riêng của nó. Không có góc ngách nào Cadimôđô không chui vào, chẳng có nơi cao tít nào nó chưa leo tới. Đã nhiều lần, nó trèo lên mặt tiền nhiều tầng mà chỉ cần bám vào các mẫu điêu khắc nhô ra. Các tháp chuông mà người ta thường thấy nó bám ở bên ngoài, trèo lên như con thằn lằn leo lên bức tường thẳng đứng, hai tháp chuông sừng đôi khổng lồ, rất cao, rất nguy hiểm và đáng sợ, chẳng hề làm nó chóng mặt ghê hãi, lấy bầy choáng váng; cứ trông các tòa tháp thật ngoạn ngoạn dưới bàn tay nó, rất dễ leo trèo, ta có cảm tưởng nó đã chế ngự được tòa tháp. Nhảy nhót, leo trèo, nó rôn mai như vậy

202

giữa các vực thẳm của tòa giáo đường khổng lồ, nó hầu như biến thành khí và son dương, như trẻ con vùng biển Calabro biết bơi trước khi biết đi, còn nhỏ xú đã đùa với sóng biển.

Hơn nữa, không chỉ thân thể, mà cả tinh thần của nó hình như cũng được cấu tạo rập khuôn theo nhà thờ. Tâm hồn nó ở vào trạng thái nào, uốn theo nếp quen nào, biểu lộ dưới dạng thức nào qua cái vỏ dị dạng của cuộc sống bán khai, đó là điều rất khó khăn định. Cadimôđô sinh ra đã chột mắt, gù lưng, khoeo chân. Clôđô Phrôlô đã kiên nhẫn gắng công sức mới dạy được nó biết nói. Nhưng oan nghiệt vẫn bám chặt lấy đứa con hoang tội nghiệp. Kéo chuông tại nhà thờ Đức bà từ năm mười bốn tuổi, nó bị thêm một tật nguyên mới giáng xuống, để hoàn tất nỗi đau khổ; tiếng chuông đã làm thủng màng tai; nó bị điếc. Cánh cửa duy nhất mà tạo hóa vẫn còn mở rộng để nó tiếp xúc với ngoại giới, đột nhiên đóng lại vĩnh viễn.

Cánh cửa đóng lại ngăn chặn nốt tia ánh sáng và vui sướng duy nhất còn len lỏi được vào tâm hồn Cadimôđô. Tâm hồn đó liền rơi vào đêm tối dày đặc. Nỗi buồn, cũng như tật nguyên của gã khốn khổ, thế là trọn vẹn, không sao chữa nổi. Hơn nữa, tật điếc còn làm cho nó hầu như câm. Vì, để khỏi làm trò cười cho kẻ khác, từ lúc biết mình bị điếc, nó kiên quyết nín lặng, chỉ thỉnh thoảng hé miệng khi có độc một mình. Nó cố tình không nói, làm cho Clôđô Phrôlô mất bao công phu mới khiến nó mở mồm. Do đó dẫn tới tình trạng mỗi khi bắt buộc

phải cất lời, miệng lưỡi nó thật lóng ngóng, vụng về, như cái cửa đã gỉ mất bản lề.

Nếu bây giờ ta thử len lỏi vào tâm hồn Cadimôđô qua lần vỏ dày và cứng đó; nếu ta dò mỗi chiều sâu của cơ cấu hư hỏng đó; nếu ta có dịp soi được ngó qua các bộ phận đục mờ đó, khám phá phần bên trong tâm tối của sinh vật mờ đục đó, soi sáng các ngõ ngách u ám, các hẻm cụt phi lý và đột nhiên rơi một ánh sáng chói lọi lên linh hồn bị trói buộc dưới đáy cái hang động đó, chắc chúng ta sẽ thấy linh hồn khốn khổ này ở trong một tình trạng nghèo nàn, cần cỗi và còi cọc như các tội nhân ở nhà tù Vonido, gục xuống chết già trong cái hộp bằng đá quá thấp và quá hẹp.

Chắc chắn tinh thần cũng ốm yếu trong một thân thể tàn tật. Cadimôđô mơ hồ cảm thấy trong con người nó đang mù quáng chuyển động một linh hồn cấu tạo theo hình thể của nó. Cảm giác về mọi đối tượng bị bẻ queo rất nhiều trước khi tới tư duy. Đầu óc nó là môi trường đặc biệt: các ý nghĩ xuyên qua đó thoát ra đều trở thành méo mó. Cảm nghĩ xuất phát từ sự bẻ queo như vậy, tất nhiên phải ngang ngược và sai lạc.

Từ đó nảy sinh trăm ngàn phán đoán hàm hồ, trăm ngàn ý nghĩ lộng bông lăm lặc, lúc điên dại, lúc ngu ngốc.

Hậu quả đầu tiên của cơ cấu tai hại này là làm rối loạn con mắt nhìn sự vật. Hầu như nó không có cảm quan thu nhận tức khắc nào cả. Thế giới bên ngoài, đối với nó, bình như xa xôi hơn nhiều so với mọi người.

Hậu quả thứ hai của nỗi bất hạnh là nó trở thành độc ác.

Thật vậy, nó độc ác vì nó man rợ, nó man rợ vì nó xấu xí. Trong bản chất cũng có sự sắp đặt hợp lý, như ở chúng ta.

Sức lực nó phát triển đến kỳ lạ là một nguyên nhân nữa của tính độc ác. *Malus puer robustus*⁽²⁾, như triết gia Hôbơ từng nói.

Tuy nhiên, cứ công bằng mà nói, có lẽ tính độc ác vốn không phải bẩm sinh ở nó. Từ bước chân đầu tiên đi vào giữa mọi người, nó đã cảm thấy, rồi nhìn thấy, mình bị chửi mắng, hành hạ, xua đuổi. Lời nói của người đời với nó bao giờ cũng chỉ là chế giễu hoặc nguyên rủa. Lớn lên, nó chỉ thấy toàn thù hằn vây bọc chung quanh. Nó chấp nhận. Nó thu thập sự độc ác của mọi người. Nó nhặt lấy thứ vũ khí mà họ đã đã thương nó.

Tóm lại, nó chỉ miễn cưỡng quay lại mặt tiếp xúc với mọi người. Toa nhà thờ là đủ với nó rồi. Nhà thờ đầy đầy tượng đá, nào vua chúa, thần thánh, giám mục, ít nhất cũng không cười vào mũi nó và chỉ nhìn nó bằng cặp mắt bình thần và ân cần. Các tượng khác, tượng quái vật và quỷ sứ, cũng chẳng thù hằn gì Cadimôđô. Về mặt này, nó giống hệt lũ dó. Chúng chế giễu bọn người khác thì đúng hơn. Thần thánh là bạn và ban phúc lành cho nó; quái vật cũng là bạn và chở che nó. Cho nên, nó thường than thở rất lâu với các bạn dó. Cho nên, đôi khi nó ngồi xồm hàng giờ liền trước mặt pho tượng. Nếu có ai chột đến, nó bỏ chạy như kẻ tình nhân bị bắt gặp đang dạo khúc tình ca.

Nó thấy nhà thờ không chỉ là xã hội, mà còn là vũ trụ, còn là toàn bộ thiên nhiên. Nó không mơ ước rằng

cây bên đường nào khác ngoài các khung cửa kính luôn luôn vẽ hoa, không mơ bóng râm nào khác ngoài vòm lá bằng lá đầy chim chóc, xum xuê tỏa rộng trên đỉnh dãy cột kiểu xác-xông, không mơ núi non nào khác ngoài dãy tháp khổng lồ của nhà thờ, không mơ biển cả nào khác ngoài Pari đang rì rầm dưới chân tòa tháp.

Cái nó yêu thương nhất trong tòa nhà mẫu tử, cái làm thức tỉnh tâm hồn nó và mở rộng đôi cánh tội nghiệp mà tâm hồn vẫn giữ gìn khấp khểnh trong hang động, cái làm nó đôi khi sung sướng, đó là các quả chuông. Nó yêu mến, vuốt ve, trò chuyện, thông cảm với chúng. Nó yêu thương tất cả, từ chuông nhỏ trên tháp nhọn tới chuông lớn trên cổng chính. Gác chuông nhỏ, cũng như hai tòa tháp, đối với nó là ba cái lồng lớn nhất bấy chim do nó nuôi và chỉ hót cho nó nghe. Mặc dù chính các chuông đó đã làm nó điếc, nhưng bà mẹ thường lại yêu hơn đứa con nào từng làm khổ mình nhất.

Quả thực bấy giờ nó chỉ còn nghe được các tiếng chuông thôi. Với tư cách đó, quả chuông lớn được nó yêu thương hơn cả. Nó thích nhất quả chuông đó trong đám con gái ồn ào, tung tăng quanh nó những ngày hội. Quả chuông lớn mang tên Mari. Nó chỉ có một mình trong tòa tháp phía nam cùng cô em Giacolin nhỏ bé hơn, nhất trong cái lồng nhỏ bên cạnh đó. Chuông sò di mang tên Giacolin, vì đó là tên bà vợ của Giảng Đờ Môngtaguy, người đã cúng chuông cho nhà thờ, nhưng không vì thế mà tránh khỏi rơi dẫu ở Môngphêcông. Trong tháp thứ hai có sáu chuông khác, và cuối cùng còn sáu chuông nhỏ nhất ở trên gác chuông nhỏ cùng quả chuông gỗ, chỉ đánh

lên từ chiều thứ năm giải tội tới sáng ngày trước lễ phục sinh. Như vậy Cadimôđô có một hậu cung mười lăm quả chuông, nhưng chuông lớn Mari được sùng ái nhất.

Khó tưởng tượng nổi niềm vui của nó vào những ngày chuông đóng vang lung. Lúc pho giáo chủ thả nó ra và bảo: đi đi! nó liền leo lên thang cuốn các gác chuông, còn nhanh hơn kẻ khác chạy xuống. Nó hئن ha hئن hئن lao vào gian phòng chót vót treo chiếc chuông lớn, nó kính cẩn và yêu thương ngắm nhìn quả chuông, đưa tay vuốt ve như với con tuấn mã sắp chạy chặng đường dài. Nó than vãn cho sự vất vả sắp tới của chuông. Xong những vuốt ve ban đầu, nó bảo bọn phụ việc đứng ở tầng dưới tòa tháp bắt đầu. Bọn này đu mình vào dây chuông, ống cuốn dây kêu rít và cái vỏ kim khí khổng lồ từ từ chuyển động. Cadimôđô hồi hộp nhìn theo. Tiếng va chạm đầu tiên giữa quả lắc và cổ đồng làm rung chuyển cả giá gỗ treo chuông. Cadimôđô run rẩy cùng chuông. A ha! nó reo lên, cười vang khoái trá. Rồi nhịp chuông mau hơn, đà chuông càng bay bổng hơn, con mắt Cadimôđô càng mở to thêm, lóe ánh lân tinh và lửa đỏ. Cuối cùng, chuông bắt đầu đổ hồi rộn rã, cả tòa tháp rung lên, cùng với kèo gỗ, lá chì, đá tảng, tất cả cùng lúc gập vang, từ cột móng tới vòm mái hình cò ba lá. Cadimôđô liền sùi hết bọt mép, đi đi lại lại, từ chân tới đầu cùng run rẩy theo tòa tháp. Quả chuông mặc sức hùng hổ, lần lượt há mồm đồng với hai vách tháp, phả ra luồng gió bão táp cách xa bốn dặm còn nghe thấy. Cadimôđô đứng trước cái mồm há hốc đó; nó thụp xuống, dướn lên theo nhịp chuông qua lại, nó hít thở luồng gió cuốn tung, lần lượt hết ngó xuống

quảng trường sâu thẳm đông người ở dưới chân hần hai trăm bộ, lại nhìn chiếc lưới đồng khổng lồ từng giây tới thét vào tai nó. Đó là lời nói duy nhất nó nghe được, tiếng động duy nhất làm xáo động sự im lặng mênh mông trong nó. Người nó nở nang trong tiếng chuông như con chim tắm nắng. Đột nhiên tiếng chuông cuồng loạn nhập vào nó; mắt nó ánh lên kỳ dị; nó đợi tiếng chuông ập tới như con nhện chờ ruồi, rồi bất thần lao mình nhảy bổ tới. Thế là, reo mình trên vực thẳm, lao theo nhịp chuông du bổng tít, nó nắm lấy hai tai con quái vật bằng đồng, đầu gối kẹp chặt, gót chân thúc như thúc ngựa, đem hết áp lực và sức nặng thân mình làm tăng thêm đà chuông rung cuồng nộ. Trong khi đó, tòa tháp lay động; còn nó thét lên, nghiêng rầm kèn kẹt, mái tóc đỏ hoe dựng đứng, ngực thở phì phò như bể lò rèn, mắt tóe lửa, quả chuông quái gở đang cười hỏn hển hí lên và lúc đó, không còn là hồi chuông nhà thờ Đức bà, không còn là Cadimôđô nữa, chỉ còn là một giấc mơ, một con lốc, một trận bão; là choáng váng cuối lên tiếng động; là linh hồn bám trên lưng ngựa bay; là quái vật kỳ dị nửa người nửa chuông; là một loại Axtonpho⁽³⁾ kinh khủng phóng trên con thần mã kỳ diệu bằng đồng và sống động.

Sự hiện diện của con người kỳ quái này thổi khắp giáo đường một luồng sinh khí lạ lùng. Cứ theo lời đồn mê tín phóng đại của dân chúng, tưởng như chính nó toát ra một luồng khí thần bí làm sống dậy mọi khối đá của giáo đường và làm rung động các hầm sâu của ngòi nhà thờ cổ. Chỉ cần biết có nó ở đó là tưởng như trông thấy trăm ngàn pho tượng trên hành lang và cổng chính đang

sống và hoạt động. Mà quả thật, tòa nhà thờ giống như một sinh vật ngoan ngoãn, biết nghe lời nó; tòa nhà đợi lệnh nó mới cất to tiếng; Cadimôđô như ông thần bếp ảnh và ngự trị khắp ngôi nhà. Có thể nói chính nó khiến tòa nhà đồ sộ hô hấp. Đúng là nó có mặt khắp nơi, nó phân thân ra khắp các xó xỉnh trong nhà. Lúc thì mọi người kinh hoàng nhìn thấy chót vót trên nóc cháp một gã lùn kỳ quái đang leo trèo, bò ngoằn ngoèo bằng tứ chi, luồn ra bên ngoài tụt xuống vực thẳm, du từ mô đá này sang mô đá khác và chui tọt vào lục lọi bên trong một cây san hô bằng đá tạc; đó là Cadimôđô đi kiểm tổ qua. Lúc lại dựng phải một thứ quái vật sống, ngồi xồm và cau có trong một góc thánh đường tối om; đó là Cadimôđô đang tư lự. Khi chợt thấy dưới gác chuông một cái đầu to tướng và một mớ tay chân lủng củng đang hùng hổ đánh du ở đầu sợi dây thừng; đó là Cadimôđô kéo chuông vào buổi lễ chầu hoặc lễ vãn. Ban đêm, thường thấy một bóng ma quái đàn thắt thểu trên dây lan can mỏng manh trở hình thêu ren, chạy viển vông tháp và bao quanh hậu cung thánh đường; lại vẫn thẳng gù nhà thờ Đức bà. Thế là theo lời các bà ở quanh khu đó, khắp tòa nhà thờ bỗng có vẻ kỳ quái, dị thường, khủng khiếp; đây đó hiện lên những mắt mờ trùng, mồm há hốc; rồi tiếng chó sủa, nào mắng xà, kỳ lân bằng đá vươn cổ há mồm suốt ngày đêm canh gác tòa nhà thờ khổng lồ; nếu lại là đêm Giáng sinh, trong khi quả chuông lớn rên rĩ kêu gọi tín đồ tới dự buổi lễ rực sáng nửa đêm, mặt tiền âm u của nhà thờ bỗng bao phủ một không khí khiến ta có cảm tưởng chiếc cổng lớn đang nuốt đám đông, còn ở cửa hoa thì đang nhìn họ. Mà mọi cái đó đều do sự có mặt

của Cadimôđô. Nếu ở Ai-cập, người ta đã coi nó là thần linh của ngôi đền; thời trung cổ cho nó là quỷ sứ; thực ra nó là linh hồn nhà thờ Đức bà.

Đến độ mà những ai từng biết có Cadimôđô đã sống ở đó, sẽ thấy nhà thờ Đức bà, giờ đây sao mà hoang vắng, thê lương, chết chóc. Như có cái gì ở đó tiêu vong. Thân xác đồ sộ này trống rỗng; chỉ còn bộ xương; linh hồn rời đi rồi, chỉ còn lại vị trí cũ của nó, có thể thôi. Như chiếc sọ người, trên đó vẫn còn hai lỗ của đôi mắt, nhưng đã mất vẻ nhìn.

IV. CON CHÓ VÀ CHỦ NÓ

Tuy nhiên, có một nhân vật mà Cadimôđô đặt riêng ra ngoài môi thù hận và tính độc ác của nó đối với mọi người, một nhân vật nó yêu thương rất mực, có khi còn hơn cả ngôi nhà thờ: đó là Clôđô Phrôlô.

Chuyện cũng đơn giản thôi. Clôđô Phrôlô đã đưa nó về, nhận làm con, rồi nuôi nấng, dạy bảo. Còn bé tí, nó đã quen nứ chân Clôđô Phrôlô để trốn lũ trẻ và đàn chó sủa cắn đuổi nó. Clôđô Phrôlô dạy nó nói, đọc, viết. Cuối cùng Clôđô Phrôlô còn cho nó làm gả kéo chuông. Mà đem cái chuông lớn gả cho Cadimôđô, tức là đem Giuyliét gả cho Rômêô.

Cho nên lòng biết ơn của Cadimôđô thật sâu xa, say đắm, vô bờ, và mặc dù về mặt cha mẹ nuôi luôn u ám, nghiêm khắc, lời nói thường cộc lốc, nghiệt ngã, hách dịch, lòng biết ơn đó không hề suy xuyến giây phút nào.

Cadimôđô là tên nô lệ phục tùng nhất, gã đầy tớ ngoan ngoãn nhất, con chó tinh nhanh nhất của phó giáo chủ. Khi gã kéo chuông khốn khổ bị điếc, hần và Clôđơ Phrôlô liền tạo ra một thứ ngôn ngữ điệu bộ, bí hiểm, chỉ hai người hiểu với nhau. Do đó, phó giáo chủ là con người duy nhất Cadimôđô còn giao thiệp được. Trên đời này, nó chỉ còn tiếp xúc với hai thứ, nhà thờ Đức bà và Clôđơ Phrôlô.

Không gì so sánh nổi uy quyền của phó giáo chủ đối với gã kéo chuông hoặc sự tận tụy của gã kéo chuông với phó chủ giáo. Chỉ cần Clôđơ ra hiệu và Cadimôđô có ý muốn làm vừa lòng ông ta là nó sẵn sàng nhảy ngay từ ngọn tháp nhà thờ Đức bà xuống đất. Quả là một điều đáng chú ý về tất cả cái sức mạnh thể lực đó, nó phát triển tới mức hết sức phi thường ở Cadimôđô và được mù quáng trao vào tay kẻ khác sử dụng. Trong đó rõ ràng có lòng tận tâm của người con và tình quyến luyến của đầy tớ; cả sự mê hoặc một linh hồn bởi một linh hồn khác. Đó là một thể chất hèn kém, vụng về và nguơng ngáp đang cúi đầu, nguơng mắt van lơn trước một trí tuệ và sâu sắc, mãnh liệt và siêu việt. Sau hết và trên hết là lòng biết ơn. Một lòng biết ơn được đẩy tới giới hạn tốt cùng, khiến ta không còn biết so sánh với gì. Đức tính này không thuộc loại có những chứng minh tốt đẹp nhất ở con người. Cho nên có thể nói Cadimôđô yêu phó chủ giáo hơn bất cứ con chó, con ngựa, con voi nào từng yêu chủ nó.

V. TIẾP THEO CHUYỆN CLÔĐO PHRÔLÔ

Năm 1482, Cadimôđô tuổi trạc hai mươi, còn Clôđo Phrôlô khoảng ba mươi sáu: người lớn lên, kẻ già đi.

Clôđo Phrôlô không còn là cậu học sinh tầm thường của trường trung học Toócxi, người đỡ đầu hiền dụ cho một đứa nhỏ, chàng triết gia trẻ tuổi và mơ mộng biết rất nhiều và cũng nhiều điều không biết. Đó là một tu sĩ khắc khổ, nghiêm nghị cau có; một kẻ chăm lo phần hồn; vị phó chủ giáo ở Giôđát, tay chân thứ hai của giám mục, gánh vác việc cai quản hai địa phận Mônghêry và Satôpho cùng một trăm bảy mươi tư cha xứ nông thôn. Đó là một nhân vật bệ vệ, âm thầm, khiến lũ trẻ hát thánh ca mặc áo trắng và áo lễ, các giáo sĩ và thầy dòng ở Xanh Ôguyttxanh, các giáo sinh thần tụng ở nhà thờ Đức bà phải run sợ mỗi khi ông ta thông thả đi qua dưới vòm mái hình cung nhọn lao vút nơi chính điện, uy nghiêm, trầm mặc, hai tay khoanh lại và đầu cúi gục trước ngực, cả khuôn mặt chỉ còn trông thấy cái trán hói cao.

Tuy vậy, đức cha Clôđo Phrôlô vẫn không ngừng học tập và chăm lo việc giáo dục cậu em nhỏ, hai việc của đời ông. Nhưng cùng với thời gian, đôi chút cay đắng đã xen vào những chuyện dịu ngọt đó. Như sử gia Pôn Điacrô từng nói, để lâu ngày, mớ ngon nhất cũng có mùi. Thằng bé Giảng Phrôlô biệt hiệu *Cối xay*, mang tên nơi nó được nuôi nấng, không lớn lên theo ý hướng của Clôđo định sẵn. Ông anh hy vọng em mình sẽ là học sinh mộ đạo,

ngoan ngoan, giỏi giang, vẻ vang. Nhưng đứa em giống cái cây non đánh lừa sự cố gắng của người làm vườn và khăng khăng chỉ quay về phía có không khí và ánh nắng ấm tới, đứa em chỉ lớn lên, xum xuê, mọc toàn cành lá tươi tốt, um tùm, về phía lười biếng, ngu dốt và điếm đàng. Đúng là thứ quý sứ, rất bừa bãi, làm đức cha Clôđơ phải cau mày, nhưng nó cũng rất vui vẻ và tế nhị, làm ông anh phải mỉm cười. Clôđơ gọi em tới học cũng trường trung học Toócxi, nơi ông đã học tập và nghiền ngẫm vào những năm còn trẻ: ông đau lòng thấy học đường này, xưa kia từng treo gương tên họ Phrêlô, nay lại ghê sợ cũng cái tên họ đó. Đôi khi ông trách mắng Giảng rất nghiêm khắc và rất lâu, còn cậu em găng ngồi nghe. Dù sao, thằng bé hư hỏng cũng có lòng tốt, như thường thấy trong mọi tấn hài kịch. Nhưng mắng mỏ xong, nó vẫn chứng nào tật ấy, tiếp tục nghịch ngợm, phá phách. Khi thì nó nghênh tiếp bằng cách trêu chọc một chú *lính tò te* (tên gọi bọn họ vừa mới tới Khu đại học); đó là truyền thống quý báu còn được trân trọng giữ mãi tới ngày nay. Lúc nó lại cầm đầu một lũ học trò xông vào quán rượu theo cách cổ điển, *quasi classico excitati*⁽¹⁾, rồi "múa gậy tấn công" phang chủ quán và vui nhộn cướp phá, đập vỡ cả đầu dong rượu dưới hầm. Sau đó là tờ trình văn về bằng tiếng la tinh, do viên phụ giáo trường Toócxi lật đật mang đến cho đức cha Clôđơ với lời phê đau đớn: "*Rixa, prima causa vium optimum potatum*"⁽²⁾. Cuối cùng thật ghê tởm đối với một đứa trẻ mười sáu tuổi, khi họ nói rất nhiều lần nó còn quá trớn tới chơi bời tận dưới phố Glatinhi.

Rất cực, đau khổ và thất vọng vì chuyện tình cảm thế gian, Clôđơ càng hăng say lao mình vào vòng tay khoa học, cô em ít nhất cũng không cười vào mũi mình và bao giờ cũng trả công ta chăm sóc, mặc dù bằng đồng tiền đôi khi hơi rỗng. Cho nên, ông ta ngày càng thêm thông thái và đồng thời, như một hậu quả tất nhiên, ngày càng thêm cứng rắn ở cương vị linh mục, ngày càng thêm buồn bã ở cương vị con người. Ở mỗi người chúng ta đều có ít nhất nhiều sự song hành giữa trí tuệ, tập quán và tính cách, chúng phát triển không ngừng và chỉ dứt đoạn ở các bước ngoặt lớn đường đời.

Vì Clôđơ Phrôlô, từ thời niên thiếu đã đi qua gần hết cái vòng tròn của những kiến thức nhân bản thực nghiệm, hình thức và hợp pháp, cho nên ông buộc phải đi xa hơn nữa, trừ phi muốn dừng lại *ubi defuit orrbis*⁽³⁾, và tìm thêm thức ăn mới cho hoạt động không hề thỏa mãn trí tuệ của mình. Biểu tượng cổ xưa con rắn cắn đuôi thích hợp nhất với khoa học. Hình như Clôđơ Phrôlô đã trải qua điều đó. Nhiều kẻ đứng đắn cam đoan sau khi tận thu phần *fas* của kiến thức nhân loại, ông ta dám thâm nhập vào cõi *nefas*⁽⁴⁾. Họ nói ông lần lượt ném hết mọi quả táo trên cây trí tuệ, rồi cuối cùng cắn cả vào trái cấm, chẳng hiểu vì đói hay vì chán ngán. Như bạn đọc đã thấy, ông ta đã từng lần lượt tham dự các hội thảo của những nhà thần học ở Xócbon, các hội nghị của những nhà mỹ thuật học noi gương Xanh Hilero, các cuộc tranh luận của những nhà nghiên cứu thư tín giáo hoàng noi gương Xanh Máctanh, các hội đàm của những nhà y học tin vào nước thánh ở nhà thờ Đức bà, *ad cupam*

Nostrae - Dominae⁽⁵⁾ tất cả các món ăn hợp pháp và hợp lệ mà bốn nhà bếp lớn, mệnh danh bốn đại học phân khoa, có thể nấu nướng và bung mời trí tuệ, ông ta đã ngốn hết và chán ngấy trước khi nguôi cơn đói; cho nên ông càng đào thêm về phía trước, thấp hơn, bên dưới mọi khoa học hoàn tất, vật chất, hạn chế đó: có lẽ ông đã liêu thử thách cả linh hồn mình và ngồi vào hang động trước cái bàn bí mật của các thuật sĩ luyện đan, các nhà chiêm tinh, nhà điểm kim mà Averôét, Ghiôm Đơ Pari và Nicôla Phlamen cắm đầu vào thời trung cổ, nó còn lan tràn sang phương Đông, dưới ánh sáng chiếc giá nền bảy ngọn, cho tới Xalômông, Pytago và Dôrôaxtrô.

Ít nhất đó cũng là điều người ta phỏng đoán, dù đúng hay sai.

Có điều chắc chắn phó chủ giáo thường hay tới thăm nghĩa địa Xanh Inôxăng, đã dành đó là nơi chôn cất bố mẹ ông cùng các nạn nhân khác của trận dịch hạch năm 1466; nhưng xem ra ông hăm mộ các cây thập tự trên mộ song thân ít hơn nhiều nếu so với các hình thù kỳ quái trên phần mộ của Nicôla Phlamen và bà vợ Clôđơ Pécnen, xây ngay cạnh.

Có điều chắc chắn người ta thường thấy ông đi dọc đường Lôm-bác và lén lút bước vào căn nhà nhỏ ở góc phố Văn sĩ và phố Marivôn. Căn nhà này do Nicôla Phlamen xây, rồi chết ở đó vào năm 1417, từ bấy đến nay vẫn bỏ hoang, giờ bắt đầu sụp đổ, do bọn điểm kim và bọn luyện đan ở mọi nước đã làm hỏng tường chỉ vì khắc tên vào đó. Thậm chí vài kẻ lảng giềng còn cam đoan một lần nhìn qua cửa sổ hầm nhà, họ thấy phó chủ giáo Clôđơ

đào, bói, xúc đất ở dưới hai căn hầm mà cột chống nguêch ngoạc đầy những câu thơ và vô số chữ tượng hình do chính Nicôla Phlamen tự tay viết. Họ đoán Phlamen chôn hòn đá điểm kim dưới hầm đó và suốt hai thế kỷ, từ Magixtri tới cha Paciphich, bọn điểm kim vẫn không ngớt đào bới nền đất, cho tới khi căn nhà bị moi móc, sụp sạo kinh khủng, cuối cùng biến thành tro bụi dưới chân họ.

Còn điều chắc chắn nữa là phó chủ giáo say mê một cách lạ lùng cái cánh cổng tượng trưng của nhà thờ Đức bà, một thứ trang sách cứng của phù thủy viết bằng đá bởi giám mục Ghiôm Đờ Pari, ông này chắc bị đầy địa ngục vì tội đã treo một tiêu đề hiểm độc như vậy trên bài thơ thần thánh mà phần còn lại của tòa nhà thờ vĩnh viễn hát ca. Phó chủ giáo Clôđơ cũng mang tiếng đã tìm hiểu tỉ mỉ pho tượng khổng lồ của thánh Crixtophơ và bức tượng đài bí hiểm hồi đó dựng ngay trước cổng sân nhà thờ mà dân chúng nhạo báng gọi là ông Logri. Nhưng điều mọi người đều nhận thấy, đó là những gờ dài đặc ông thường ngồi trên lan can sân thượng nhà thờ để ngắm dãy điêu khắc tạc trên cánh cổng chính, khi quan sát các trình nữ diễn rõ với cây đèn lộn ngược, lúc nhìn các trình nữ khôn ngoan với cây đèn thẳng đứng; lần khác lại thấy ông tính toán góc độ do tia mắt con quạ đứng trên khung cửa phía tay trái nhìn vào một điểm bí mật trong nhà thờ, chắc là nơi giấu hòn đá điểm kim, nếu nó không có ở dưới hầm nhà Nicôla Phlamen. Nhân thế xin nói thêm, dãy cũng là số phận đặc biệt của nhà thờ Đức bà vào hồi đó, khi nó được cả Clôđơ lẫn Cadimôđơ, hai kẻ dị biệt đến thế, cùng yêu mến ở hai trình độ khác nhau và hết

sức sùng bái: được quý mến vì vẻ đẹp, tấm vóc, nét hài hòa toát ra từ cái toàn thể tráng lệ của tòa nhà bởi một người, một thứ nửa người nửa ngợm sống bản năng và man rợ; được quý mến bởi một kẻ khác, có óc tưởng tượng thông thái và say mê, vì ý nghĩa, huyền thoại, nội dung nó chứa đựng, vì biểu tượng rải rác sau các điêu khắc ở ngoài mặt tiền, như trên tấm giấy da vẫn ẩn hiện hàng chữ cũ sau khi bị chùi đi để viết hàng chữ mới; tóm lại, vì điều bí hiểm mà nó mãi mãi thách thức trí thông minh con người.

Cuối cùng, có điều chắc chắn phó chủ giáo đã thu xếp cho mình, trên một trong hai tháp nín xuống quảng trường Grevo, ngay cạnh gian treo chuông, một căn phòng nhỏ rất bí mật, không ai được bước vào, ngay cả đức giám mục nếu không được phép, như lời đồn đại. Căn phòng này xưa kia được xây sát nóc tháp, giữa các tổ qua, do giám mục Huygô Đờ Bodăngxông⁽⁶⁾, hồi sinh thời thường hay luyện trò ma quái ở đây. không ai biết căn phòng chứa đựng những gì; nhưng ban đêm, từ bãi sỏi khu Teranh, qua khung cửa sổ nhỏ sau lưng tháp, người ta thường thấy một ánh lửa hồng, nhấp nháy, kỳ dị, thoát ẩn thoát hiện chập chờn theo từng quảng ngắn thời gian đều đặn, như nhịp theo chiếc bề thổi hỗn hển và do ngọn lửa hơn là ánh đèn chiếu sáng. Trong bóng tối, ở độ cao đó, ánh lửa gây cảm giác kỳ lạ và mấy mụ đàn bà kháo nhau: Phó chủ giáo đang thổi bề đấy, hỏa ngục đang cháy bập bùng trên đó.

Dù sao, mọi cái đó chưa có gì là bằng chứng rõ rệt về phù thủy; nhưng cũng đã đủ khơi để phỏng chừng có

lửa; cho nên phó chủ giáo liền vang danh tên tuổi. Tuy nhiên, chúng tôi cũng phải nhận là các khoa học Ai-cập, các phép chiêu hồn, ảo thuật, dù vô tội và hồn nhiên nhất, đều không có kẻ thù nào quyết liệt, kẻ tố cáo nào thẳng tay bằng các chức sắc ở nhà thờ Đức bà. Dù ghê tởm thật tình hoặc chơi trò vừa ăn cướp vừa la làng, các đầu óc thông thái trong giáo hội vẫn ngang nhiên coi phó chủ giáo như một linh hồn đã lưu lạc tới nơi tiền sảnh của địa ngục, lạc lõng trong ngõ ngách của giáo lý bí mật, mây mù trong đêm tối của khoa học huyền bí. Còn dân chúng cũng không lắm: đối với người sắc sảo đôi chút, Cadimôđô là quý sư và Clôđơ Phrôlô, thầy phù thủy. Rõ ràng gã kéo chuông phải phục vụ phó chủ giáo trong thời gian nào đó, rồi sẽ được đem linh hồn ông ta đi, như món tiền công được linh. Cho nên, dù sống hết sức khắc khổ, phó chủ giáo vẫn bị đám con chiên mộ đạo coi là nặng mùi khó ngửi; và không có cái mùi mộ đạo nào, dù ít linh nghiệm nhất, lại không đánh hơi thấy phó chủ giáo là phù thủy.

Tuổi mỗi lúc một cao, nếu kiến thức khoa học của ông đã hình thành những vực thẳm thì ngay cõi lòng cũng vậy. Ít nhất người ta có thể tin chắc điều đó, khi ngắm khuôn mặt chỉ thấy thấp thoáng một linh hồn như ẩn sau đám mây u ám. Tại sao ông ta có vầng trán hói như vậy, cái đầu luôn cúi gằm, lồng ngực luôn phập phồng thò dài? Tư tưởng bí ẩn nào làm ông nhếch mép cười với bao cay đắng, cùng lúc với cặp lông mày nhú lại gần như đôi bờ mộng sắp húc nhau? Tại sao mớ tóc sót lại đã sớm hoa râm? Ngọn lửa nội tâm đôi lúc lóe sáng trong

218

khỏe mắt, đến độ con mắt giống như cái lỗ đục bên thành lò lửa, đó là ngọn lửa gì?

Các triệu chứng của mối quan tâm tinh thần mãnh liệt đó đặc biệt đạt tới mức cao căng thẳng, vào lúc xảy ra câu chuyện này. Đã nhiều lần, đứa trẻ hát thánh ca phải sợ hãi bỏ chạy, khi nó gặp ông một mình trong nhà thờ, vì khỏe mắt ông quá long lanh quái dị. Đã nhiều lần, giữa chính diện, vào giờ có khóa lễ, người quỳ bên cạnh đã nghe ông thốt ra những lời lẽ thêm thất mơ hồ xen lẫn vào tiếng hát kinh *ad omnem tonum*⁽⁷⁾. Đã nhiều lần, chị lao công ở khu Teranh, nhận "giặt giữ quần áo cho chức sắc tu viện", kinh hãi nhận thấy các vết móng tay và ngón tay quắp lại in trên áo ngoài của ngài phó chủ giáo ở Giôđát.

Thế mà ông ta còn nghiêm khắc hơn gấp đôi và chưa bao giờ gương mẫu như vậy. Do cương vị và tính nết, ông thường xa lánh đàn bà; nay ông càng thù ghét họ hơn bao giờ hết. Chỉ nghe tiếng áo lụa đàn bà sột soạt, ông đã vội kéo mũ trùm sụp xuống tận mắt. Ông khắt khe về phương diện sống khắc khổ và kín đáo đến mức khăng khăng cấm cả lệnh bà Bôgiơ, con gái vua, không được bước vào nhà thờ, trong dịp bà đến thăm tu viện Đức bà vào tháng chạp năm 1481; ông nhắc lại với giám mục các điều luật trong Hắc thư, để ngày trước hôm lễ thánh Xanh Bactêlêmy năm 1334, nghiêm cấm mọi phụ nữ không được vào tu viện, "bất kể ai, già hay trẻ, phu nhân hay nàng hầu". Do đó, đức giám mục buộc phải dẫn chỉ dụ của khâm sai Ôđô miễn cho một vài bà lớn, *aliquae magnates mulieres, quae sine scandalo evitari non possunt*⁽⁸⁾.

Thế mà phó chủ giáo vẫn còn phản đối, vạch ra chỉ dụ của đức khâm sai, ban hành từ năm 1207, có trước cuốn Hắc thư những một trăm năm bảy năm, do đó đã bị vô hiệu hóa. Và ông từ chối không tiếp kiến công chúa.

Ngoài ra còn thấy ít lâu nay ông càng căm ghét gấp bội bọn đàn bà Ai-cập và danhgari. Ông thỉnh cầu đức giám mục ban pháp lệnh tuyệt đối cấm bọn đàn bà bôhemiêng tới nhảy múa và đánh trống tại quảng trường sân trước nhà thờ, đồng thời lục tìm trong các văn khố ăm mốc của giáo hội pháp viện, với mục đích thu thập các trường hợp phù thủy đàn ông và đàn bà bị tội hỏa thiêu hoặc treo cổ vì đồng lõa làm trò ma thuật với dê đực, lợn nái và dê cái.

VI. MẤT LÒNG NGƯỜI

Như đã nói ở trên, phó chủ giáo và gà kéo chuông ít được cảm tình của đám dân chúng to đầu và thấp cổ ở quanh khu vực nhà thờ. khi Clôđơ và Cadimôđô cùng ra phố, việc này thường xảy ra luôn, lúc mọi người thấy cả hai đi ngang qua, chủ đi trước tó theo sau, trên đường phố râm mát, chật hẹp và tối tăm của khu phố nhà thờ Đức bà, vô khối lời độc địa, câu hát chế giễu, nói xỏ tục tằn, liên nhằm vào họ mà xả xối, trừ phi Clôđơ Phrôlô, việc này ít khi xảy ra, bước đi đầu ngửng cao nhìn thẳng, pho vãng trán nghiêm nghị và gần như cao cả trước mặt những kẻ nhạo báng chung hừng.

Hai người ở trong khu phố cũng giống như các "thi sĩ" trong thơ của Rênhiê:

*Đủ loại người chạy bám sau thi sĩ
Như kim tước hút đuôi theo chim cú*

Khi thi thăng nhóc con tinh quái liều mạng tìm cái thú khôn tả là chọc mũi kim vào bướu thẳng gù. Lúc lại là cô gái đẹp, nghịch ngợm và tro trên quá đáng đi sát chạm cả vào áo chùng thâm linh mục, hát ngay vào mặt cha mấy câu châm chọc: *Đáng kiếp, đáng kiếp, quý sứ bị tóm cổ rồi*. Đôi khi, một nhóm lúc nhúc các bà già, ngồi xồm rả rác dưới bóng râm, trên bậc thềm ngoài cổng, xôn xao âm ĩ khi thấy phó chủ giáo và gã kéo chuông đi qua, lâu lâu đón chào họ bằng câu nói mỉa: "Hừ! linh hồn của lão này cũng giống hết thể xác của thằng kia!" hoặc giả một lũ học sinh và lính tráng đang đánh cờ chó, đồng loạt cùng đứng dậy và chào to một cách cổ điển bằng tiếng la tinh: *Eia! eia! Claudius cum claudo*⁽¹⁾.

Nhưng thường thường cả linh mục lẫn gã kéo chuông hình như đều không nghe thấy tiếng chửi rủa. Cadimôđô quá điếc, còn Clôđơ quá mơ mộng để nghe thấy hết những lời đẹp đẽ đó.

QUYỂN NĂM

I. ABBAS BEATI MARTINI⁽¹⁾

Sanh tiếng của đức cha Clôđơ vang xa. Do đó, xấp xỉ vào dịp ông từ chối không tiếp lệnh bà Bôgio, có một cuộc viếng thăm khiến ông nhớ mãi.

Đó là buổi tối. Sau khóa lễ, ông liền trở về căn phòng đúng quy cách của tu viện Đức bà. Có lẽ ngoại trừ vài chiếc bình thủy tinh bỏ xó một góc, dụng thứ bột khá khả nghi rất giống thuốc súng, căn phòng không có vẻ gì khác thường và bí mật. Đúng là trên tường đây đó có vài hàng chữ, nhưng đều là châm ngôn thuần túy khoa học hoặc mộ đạo, trích ở các tác giả nổi tiếng. Phó chủ giáo ngồi xuống trước chiếc tủ lớn chất đầy sách chép tay, dưới ánh sáng cây đèn đồng ba ngọn. Ông chống khuỷu tay lên quyển sách mở rộng của Honoriuýt Đ' Ôtoong, *De praedestinatione et libero arbitrio*⁽²⁾ và trầm ngâm suy nghĩ, lật từng trang tập sách khổ to vừa lấy xuống, ấn phẩm duy nhất trong phòng. Đang lúc mơ màng thì có tiếng gõ cửa. - Ai đó? nhà bác học quát hỏi với giọng dịu dàng của con chó dơi bị giành mất khúc xương. Có tiếng đáp

bên ngoài: - Bạn của ngài, Giắc Côchiê đây. Ông liền ra mở cửa.

Đúng là quan ngự y, một người trạc ngũ tuần, vẻ mặt danh ác chỉ dụi bớt ở cái nhìn xảo quyệt. Cùng đi còn có một người nữa. Cả hai mặc áo dài màu đá đen lót lông điều thừ, thắt lưng và cài khuy, đội mũ cùng một thứ vải và đồng màu. Bàn tay họ khua trong tay áo, bàn chân họ khua dưới tà áo, cặp mắt họ khua sau chiếc mũ.

- Nhờ ơn Chúa phù hộ! Thưa quý ông, tôi không ngờ lại được hân hạnh quý ông quá bộ đến thăm vào giờ này, phó chủ giáo nói, dẫn họ vào phòng.

Vừa nói lịch thiệp như vậy, ông vừa nhìn quan ngự y lẫn người bạn đi cùng bằng cặp mắt lo ngại và thăm dò.

- Đến thăm nhà bác học lớn như đức cha Clôđơ Phrôlô Đơ Tiarosáp thì có bao giờ quá muộn, quan ngự y Côchiê đáp, giọng xú Phrăng Côngtê kéo dài từng câu, đẩy về cái vế như chiếc áo đuôi tôm.

Thế là giữa quan ngự y và phó chủ giáo bắt đầu những câu mào đầu tăng bốc, mà vào thời đó, theo tục lệ, thường đi trước mọi câu chuyện giữa các nhà thông thái, tuy không phải vì thế họ không ghét nhau thậm tệ. Và lại, bây giờ cũng thế thôi, bất cứ mồm miệng bác học nào khen một bác học khác, đều là hủ mặt đắng ngọt xót.

Lời tán tụng của Clôđơ Phrôlô đối với Giắc Côchiê trước hết liên quan tới vô số quyền lợi vật chất mà quan ngự y đáng kính biết khai thác từ mỗi căn bệnh của nhà vua, trong suốt thời gian hành nghề đáng thèm muốn,

một công cuộc luyện đan tốt đẹp và chắc chắn hơn theo đuổi việc tìm kiếm hòn đá điểm kim.

- Thật tình, thưa ngài bác sĩ Côchiê, tôi rất sung sướng tin về sự bổ nhiệm cháu của ngài, đức ông đáng kính Pie Vécxê vào chức vụ giám mục. Thưa có phải đức cha đó là giám mục ở Amiêng?

- Vâng thưa ngài phó chủ giáo; đó cũng là nhờ ơn trên của Chúa thương xót ban cho.

- Hôm lễ Giáng sinh, lúc dẫn đầu đoàn đại biểu Thẩm kế viện, trông ông thật uy nghi; ông có nhận thấy thế không, ông viện trưởng?

- Ô, thưa cha, mới là phó viện trưởng thôi đấy ạ!

- Thế còn tòa nhà tráng lệ của ông ở phố Xanh Angdrê Đê A hiện nay ra sao? Đúng là một điện Luvro. Tôi rất thích cây mơ chạm trên cửa với lối chơi chữ thú vị *A labri-côchiê*⁽³⁾.

- Thưa cha, chết nỗi là tòa nhà xây cất tốn kém quá chừng. Xây xong thì tôi đến sạt nghiệp.

- Ô hay! Thế còn các khoản lợi tức của ông bỏ đâu, nào ở Ngục thất, nào ở Pháp đình, lại còn tiền cho thuê bao nhiêu nhà cửa, quầy hàng, văn phòng, cửa tiệm ở Clôtuya nữa? Đúng là vất được cái vú tốt sữa quá.

- Đất đai của tôi ở lâu đài Poaxy năm nay chẳng thu hoạch được gì cả.

- Nhưng các món thuế của ông ở Trien, Xanh Giêm, Xanh Giécmanh Ang Lay vẫn thu được đầy đủ.

- Chỉ được trăm hai chục đồng livre, mà cũng không phải tiền Pari.

- Lại còn nhiệm vụ cố vấn nhà vua của ông nữa. Khoản này thì không xuy xuyển được rồi.

- Vâng, nhưng ông bạn đồng nghiệp Clôđơ ơi, cái thái ấp Pôlinhi chết tiệt ấy, tiếng thì to mà đổ đồng mỗi năm chỉ được chừng sáu chục đồng êquy vàng thôi.

Trong lời đức cha Clôđơ ca tụng Giắc Côchiê có cái giọng châm biếm, chua cay và ngấm ngấm chế giễu, kèm theo nụ cười buồn, độc địa, của một người cao cả và đau khổ, trong chốc lát đùa cợt với sự thịnh vượng trọc phú của một người tầm thường. Còn người này thì lại không nhận thấy gì hết.

- Thật tình mà nói, tôi rất mừng thấy ông thật dồi dào sức khỏe, cuối cùng Clôđơ nói, xiết chặt tay quan ngự y.

- Cảm ơn thầy Clôđơ.

- A, thế còn đức vua bệnh nhân của ông, hiện nay ra sao? đức cha Clôđơ chột hỏi.

- Người bệnh trả chẳng đủ công cho thầy thuốc, quan ngự y đáp, liếc mắt nhìn người bạn cùng đi.

- Thật ư, ông bạn Côchiê? người đó nói. Câu nói thốt ra bằng giọng ngạc nhiên và trách móc. làm phó chủ giáo sực chú ý tới người khách lạ, tuy thực tình, kể từ lúc hần bước qua ngưỡng cửa vào phòng, ông không hề một phút nào không theo dõi. Phải có cả trăm ngàn lý do để nể mặt bác sĩ Giắc Côchiê, quan ngự y đầy thế lực của vua Luy XI, mới khiến ông chịu tiếp y có người lạ đi theo như thế này. Cho nên, nét mặt ông chẳng có gì niềm nở khi Giắc Côchiê bảo:

- Đức cha Clôđo, nhân thể xin giới thiệu đây là một bạn đồng nghiệp, vốn hâm mộ danh tiếng của ngài, muốn đến thăm.

- Ngài đây cũng nghiên cứu khoa học chẳng? phó chủ giáo hỏi, xoi mói nhìn ông khách đi theo Côchiê. Ông bắt gặp dưới đôi lông mày người khách lạ một cặp mắt cũng không kém phần sắc sảo và nghị kỵ, so với cái nhìn của mình.

Dưới ánh đèn yếu ớt không cho phép nhận dạng kỹ, đó là một ông già trạc sáu mươi, người tầm thước, trông khá ốm yếu nhu nhược, nét mặt nhìn nghiêng, tuy rất thị dân, vẫn đầy vẻ kiên cường và nghiêm nghị, trông mắt lóe sáng dưới chòm lông mày sâu thẳm như tia sáng dưới đáy hang; và dưới chiếc mũi kéo xuống tận mũi, thoáng động dấy một vầng trán rộng thiên tài.

Chính y tự trả lời câu hỏi của phó chủ giáo, giọng trầm trầm:

- Bẩm thấy, tôi được nghe danh thầy nên xin tới đây để thỉnh giáo. Tôi chỉ là một quý tộc tầm thường ở tỉnh nhỏ, phải cời giày trước khi bước vào nhà học giả. Tôi xin phép tự giới thiệu. Tên tôi là lão Tuarăngiô.

- Quý tộc gì mà tên tuổi lạ lùng vậy! Phó chủ giáo thăm nghĩ. Nhưng ông cảm thấy đang đứng trước một cái gì quan trọng và nghiêm chỉnh. Linh tính của một đầu óc rất thông minh khiến ông đoán đang có một đầu óc cũng không kém thông minh ở dưới chiếc mũ lót lông thú của lão Tuarăngiô; ngắm khuôn mặt nghiêm nghị đó. nụ cười giễu, mà sự có mặt của Giắc Cochiê làm nảy nở trên vẻ mặt ông u ám, đã dần dần tan biến như bình minh

làm sáng chân trời đêm. Ông ủ rũ, im lặng ngồi xuống ghế bành lớn, khuỷu tay lại tì lên chỗ cũ trên bàn, bàn tay đỡ lấy trán. Trầm ngâm giây lát rồi ông ra hiệu mời hai vị khách ngồi và nói với lão Tuarăngiô.

- Thưa ngài, ngài muốn hỏi ý kiến tôi về môn khoa học nào vậy?

- Thưa cha. tôi đang ốm, ốm nặng, lão Tuarăngiô đáp. Nghe đồn cha là Exquylapo⁽⁴⁾ tái sinh, cho nên tôi tới thỉnh ý cha về y khoa.

- Y khoa à? phó chủ giáo lắc đầu nói. Ông suy nghĩ giây lát rồi tiếp lời:

- Nay lão Tuarăngiô, tôi gọi theo đúng tên của ngài, xin hãy quay đầu lại. Ngài sẽ thấy câu trả lời của tôi viết sẵn trên tường rồi.

Lão Tuarăngiô làm theo và đọc thấy phía trên đầu mình một dòng chữ trên tường: - *Y học là con đẻ của giấc mơ. Giamblico*⁽⁵⁾.

Trong lúc đó, bác sĩ Giắc Côchiê đã bực mình vì câu hỏi của người cùng đi, càng bực mình gấp đôi khi nghe đức cha Clôđơ trả lời. Ông ghé tai lão Tuarăngiô nói thầm, rất khó để phó chủ giáo khỏi nghe thấy: - Tôi đã bảo ông trước, y là thằng điên mà. Đấy, cứ đợi gặp cho kỳ được!

- Bác sĩ Giắc a, rất có thể thằng điên này, nó có lý đấy! lão ta cũng khê trả lời, còn mỉm cười chua chát.

- Tùy ông! Côchiê lạnh lùng đáp. Rồi quay lại bảo phó chủ giáo: - Đức cha Clôđơ, xem ra ngài nhanh nhẹn trong công việc thật, ngài cũng chẳng cần kiêng nể gì Hipôcratét⁽⁶⁾, hơn con khỉ đối với hạt dẻ. Y học là một

giấc mơ! Nếu bọn bán thuốc và thầy lang có mặt ở đây, tôi chắc họ sẽ bảo nhau róc thịt ngài. Hóa ra ngài phủ nhận ảnh hưởng của bùa ngải đối với máu huyết, thuốc cao đối với da thịt! Ngài phủ nhận cả cái kho y dược vĩnh cửu, toàn thảo mộc và kim khí, mang tên thế giới này, được chế sẵn cho thứ bệnh nhân vĩnh cửu, mang tên con người.

- Tôi không phủ nhận được khoa cũng không phủ nhận bệnh nhân, đức cha Clôđơ lạnh lùng đáp. Tôi chỉ phủ nhận thầy thuốc.

- Thế ra bệnh đau khớp chẳng phải là thứ hắc lao nội tạng hay sao, Côchiê sôi nổi nói, vết thương đạn pháo chẳng chữa khỏi bằng đắp con chuột nướng, rồi máu người trẻ chuyển đúng cách sẽ chẳng làm trẻ lại các mạch máu già hay sao; hóa ra hai với hai không phải là bốn, cũng như bệnh kinh giật chẳng kế tiếp bệnh sài uồn ván hay sao?

Phó chủ giáo thần nhiên đáp: - Có những thứ mà tôi nghĩ một cách khác.

Côchiê giận đỏ mặt.

- Thôi, thôi, ông bạn Côchiê, đừng có nóng, lão Tuarăngiô nói. Ngài phó chủ giáo đây là bạn cả mà.

Côchiê nguôi giận, còn lầu bầu trong miệng:

- Dù sao cũng là thằng điên!

Chúa ơi là Chúa, bẩm thầy Clôđơ, thầy làm tôi khó nghĩ quá, lão Tuarăngiô nín lặng một lát rồi nói. Tôi có hai điều muốn thỉnh giáo thầy một là sức khỏe, hai là bản mệnh tôi.

- Thưa ngài, phó chủ giáo nói luôn, nếu đó là ý định của ngài, có lẽ tốt hơn ngài chẳng nên nhọc công leo cầu thang lên đây làm gì. Tôi không tin vào y học. Tôi cũng chẳng tin vào khoa chiêm tinh.

- Thật vậy ư! lão ngạc nhiên thốt lên.

Côchiê cười gượng.

- Có đúng là y điên không, ông khê bảo lão Tuarângiô. Khoa chiêm tinh mà y cũng chẳng tin!

- Làm thế nào mà tin được mỗi tia sáng ngôi sao lại là một sợi dây nối liền với đầu một con người, đức cha Clôdo nói tiếp.

- Thế thấy tin vào cái gì? lão Tuarângiô kêu lên.

Phó chủ giáo lưỡng lự một chút, rồi bất giác mỉm cười rầu rĩ như để tự cải chính câu trả lời: - *Credo in Deum.*

- *Dominum nostrum*⁽⁷⁾. lão Tuarângiô làm dấu thánh giá, nói thêm.

- Amen, Côchiê tiếp lời.

- Thưa cha đáng kính, lão già lại nói, lòng tôi rất vui sướng được thấy ngài sùng đạo như vậy. Tuy nhiên, đã là đại bác học như ngài, chẳng lẽ ngài lại bác học tới mức không còn tin vào khoa học nữa sao?

- Không, phó chủ giáo nói, nắm lấy cánh tay lão Tuarângiô, khỏe mắt u buồn lóe tia chớp hứng khởi, không, tôi không phủ nhận khoa học. Tôi đã bò sát bụng tận đất suốt bấy lâu nay, móng tay cào vào đất, qua vô vàn ngõ ngách trong hang động, cùng chỉ để được nhìn thấy, xa xa trước mặt, tận cuối con đường tối om, một ánh

sáng, một ngọn lửa, một cái gì đó, có lẽ ánh phản quang của phòng thí nghiệm trung tâm chói ngời, nơi kẻ kiên nhẫn và người hiền triết bắt gặp Chúa.

- Tóm lại, Tuarangiô ngắt lời, ngài cho cái gì là có thật và chắc chắn?

- Thuật điểm kim.

Côchiê kêu lên: - Lạy Chúa! Đức cha Clêđo, tất nhiên thuật điểm kim có thể tin được, nhưng tại sao lại phí báng y học và chiêm tinh? - Vô ích, cái khoa học về người của ông! Cũng vô ích, cái khoa học về trời của ông! phó chủ giáo ngao mạn nói.

- Như thế là tiêu phí cả Epidôruýt lẫn Candê⁽⁸⁾ quan ngự y giễu cợt hỏi lại.

- Thưa ông Giắc, xin nói để ông rõ. Đây là những lời thành thực. Tôi không là ngự y và hoàng thượng cũng không ban cho tôi khu vườn Đêdaluyt để tôi đó quan sát các tinh tú. Xin ông đừng giận và hãy nghe tôi. - Thử hỏi ông đã tìm ra được sự thật nào từ khoa chiêm tinh, tôi không nói tới y học, vì đó là cái trò quá điên rồ rồi. Hãy kể cho tôi nghe các mặt hay của lối viết chữ cổ Hy-lạp hàng dọc, các khám phá của con số diruýt và con số dêphirốt mà bọn phù thủy Do thái gán cho mười đức thiêng thần linh.

- Liệu ngài có phủ nhận năng lực giao cảm của xương quai xanh⁽⁹⁾ và khoa học huyền bí đang xuống dốc không? Côchiê hỏi.

- Sai hết, thưa ông Giắc! Không một công thức nào của ngài đạt tới chân lý. Còn thuật điểm kim lại có những

khám phá. Liệu ông có thể bác bỏ những kết quả như thế này không? - Bể giá ở sâu dưới đất một ngàn năm biến thành đá pha lê. - Chỉ là tổ tiên của mọi kim khí. (Vàng không phải là kim khí, vàng là ánh sáng) - Chỉ cần bốn thời kỳ, mỗi thời kỳ hai trăm năm, để lần lượt biến từ trạng thái chì sang trạng thái thạch tín đỏ, từ thạch tín đỏ sang thiếc, từ thiếc sang bạc. - Đó chẳng phải là những dữ kiện hay sao? Nhưng tin vào xrong quai xanh, tin vào đường nét đầy và tinh tú, thì cũng lố bịch như tin theo dân Trung Hoa rằng chim hoàng oanh biến thành chuột chũi và hạt lúa mì biến thành loại cá vàng!

Tôi đã nghiên cứu thuật điểm kim, Côchiê thốt lên, và tôi xin khẳng định...

Vị phó chủ giáo sôi nổi ngắt lời ông ta.

- Còn tôi, tôi đã nghiên cứu y học, khoa chiêm tinh, và thuật điểm kim. Chỉ có đây mới là sự thật (vừa nói ông vừa cầm ở trên tay một cái bình đựng đầy một thứ bột đã nói ở trên), chỉ có đây mới là ánh sáng! Hipócratét là giấc mơ, Uyrania cũng chỉ là giấc mơ, còn Héc mét là một tư tưởng. Vàng, đó là mặt, làm ra vàng, là trở thành Thượng đế. Đó là khoa học duy nhất. Xin thưa với ông, tôi đã từng tìm tòi về y học và khoa chiêm tinh! Đó chỉ là hư vô, hư vô. Thân thể con người, chỉ là bóng tối; tinh tú cũng là bóng tối nốt!

Rồi ông ngồi phịch xuống ghế đầy vẻ hăng hái và say sưa. Lão Tuarăngiô lặng lẽ quan sát ông ta. Côchiê gắng cười gượng, khẽ nhún vai và lẩm bẩm: - Đồ điên!

- Nhưng mục đích kỳ diệu đó, ngài đã đạt tới chưa? Tuarangiô đột nhiên hỏi. Ngài đã làm được ra vàng chưa?

- Nếu tôi làm được rồi thì vua Pháp sẽ mang tên Clôđơ, chứ không phải là Luy, phó chủ giáo đáp, thông thả dần từng tiếng như người mãi suy nghĩ.

Lão già cau mày.

- Tôi đã nói gì rồi? Đức cha Clôđơ nói tiếp, mỉm cười khinh bỉ. Cái ngài vàng nước Pháp có thấm tháp gì, nếu tôi dừng lại cả đế quốc phương Đông!

- May thay! lão già nói.

- Ôi, tội nghiệp thằng điên, Côchiê lẩm bẩm.

Phó chủ giáo nói tiếp, như thể tự trả lời những ý nghĩ của mình:

- Nhưng không, tôi còn đang bò toài: tôi sày xước cả mặt mũi, chân tay lúc trườn trên sỏi đá đường hầm. Tôi mới thoảng thấy chữ chưa được nhìn ngắm! Tôi chưa đọc được, mới đang đánh vần!

- Nhưng khi đã biết đọc, thầy sẽ làm ra vàng chứ? lão già hỏi.

- Chắc hẳn như vậy! phó chủ giáo nói.

- Nếu vậy, Đức bà chúng giám là tôi đang rất cần tiền và tôi rất muốn học cách đọc trong cuốn sách của ngài. Bầm cha đáng kính, xin cha cho biết, liệu khoa học của cha có thù địch hoặc làm mất lòng Đức bà không?

Đáp lại câu hỏi của lão già, đức cha Clôđơ chỉ bình thản ngạo mạn trả lời:

- Tôi là phó chủ giáo của ai?

- Bẩm thầy, đúng là như vậy. Vậy thầy có vui lòng chỉ giáo cho tôi không? Thầy cho tôi được cùng đánh vần với.

Clôđơ tỏ vẻ uy nghiêm, dường bề như giáo hoàng Xamuyen, nói:

- Nay ông già, cần nhiều năm tháng hơn số năm tháng còn lại của ông, để theo đuổi cuộc hành trình vượt qua các điều huyền bí. Đầu tóc ông bạc trắng rồi! Người ta chỉ ra khỏi hang động khi tóc đã bạc, nhưng phải bước vào từ lúc tóc còn xanh. Khoa học một mình nó đủ sức đào sâu, làm ủ rũ, khô héo các khuôn mặt người; nó không cần tuổi già mang tới thêm các khuôn mặt nhăn nhúm nữa. Tuy nhiên, nếu vào tuổi ông mà còn muốn ghép mình học tập và mày mò tìm hiểu văn chữ ghê gớm của bậc học giả, thì xin mời tới đây, được lắm, tôi sẽ gắng giúp. Hồi ông già tội nghiệp, tôi sẽ không bảo ông phải đi thăm các gian nhà mở trong kim tự tháp được Hêrôđôtuyt ngày xưa nhắc tới, cũng như tòa tháp bằng gạch ở Babilôn, hoặc lăng tẩm vĩ đại bằng đá trắng trong ngôi đền Ấn-độ Oclinga. Tôi cũng như ông, chưa hề được thấy các kiến trúc xú Candê xây dựng theo hình thể thiêng liêng của tháp Xicra, hoặc ngôi đền Xalômông đã tiêu hủy, hoặc cánh cửa đá ở lăng vua Ixraen đã gãy nát. Chúng ta dành bằng lòng với những trích đoạn trong cuốn sách của Héc mét hiện có ở đây. Tôi sẽ giảng cho ông nghe về pho tượng thánh Crix tôphơ, biểu tượng người gieo mạ và biểu tượng hai thiên thần trên cổng chính ở nhà nguyện Xanh Sape, một vị tay để trong bình, còn vị kia tay để trong mây.

- Tôi đây Giắc Côchiê, đang lúng túng vì lời đối đáp hăng say của phó chủ giáo, bỗng lại hăng tiết và chen vào ngắt lời, bằng giọng đặc ý của kẻ thông thái bài bác đối thủ:

- *Erras, amice Claudi*⁽¹⁰⁾. Biểu tượng không phải là con số. Ngài đã coi Ophốt là Héc mét.

- Chính ông mới lầm, phó chủ giáo nghiêm trang cãi lại. Đêdakuyt là nền móng, Ophốt là bức tường, còn Héc mét là tòa nhà, Héc mét là tất cả.

Rồi quay lại bảo Tuarăngiô:

- Tùy ông muốn tới đây lúc nào cũng được, tôi sẽ chỉ ông xem các vẩy vàng vụn còn sót lại dưới đáy lò của Nicôla Phlamen, rồi ông sẽ đem so với vàng của Ghiôm Đơ Pari. Tôi sẽ giảng ông nghe các mặt huyền bí của *Hy-lạp peristera*⁽¹¹⁾. Nhưng trước hết, tôi sẽ để ông lần lượt đọc các vần chữ cái bằng đá hoa, các trang bằng đá hoa cương của cuốn sách. Chúng ta sẽ đi từ chiếc cổng của giám mục Ghiôm của Xanh Giảng Lơ Rông tới nhà nguyện Xanh Sapein rồi tới nhà riêng Nicôla Phlamen ở phố Marivôn, tới mộ ông ta ở nghĩa trang Xanh Inôxăng, tới hai bệnh viện của ông ta ở phố Môngmôrenxi. Tôi sẽ để ông đọc các chữ tượng hình chi chít trên bốn giá sắt lớn ở ngoài cổng bệnh viện Xanh Giécve và ở phố Hàng sắt. Chúng ta sẽ cùng đánh vần những mặt tiền của các nhà thờ Xanh Côm, Xanhto Gionovievo Đê Acdăng, Xanh Máctanh, Xanh Giắc Đơ La Busori...

Suốt từ này đến giờ, lão Tuarăngiô, tuy ánh mắt rất thông minh, xem ra không hiểu nổi đức cha Clôđơ nữa. Lão ngắt lời phó chủ giáo:

- Chúa ơi là Chúa! vậy các sách của ngài là loại sách gì thế?

- Đây là một cuốn, phó chủ giáo nói.

Rồi mở cửa căn phòng, ông giơ tay chỉ ngôi nhà thờ Đức bà mệnh mông đang in bóng đen thẫm trên nền trời sao, với hai tòa tháp, các sườn nhà bằng đá và chiếc mông khổng lồ, giống con nhạn sư vĩ đại có hai đầu, ngồi giữa thành phố.

Phó chủ giáo lặng lẽ ngắm tòa nhà đồ sộ trong giây lát, rồi thở dài, giơ tay phải chỉ cuốn sách in mở trên bàn, còn tay trái chỉ ngôi nhà thờ, và buồn rầu đưa mắt nhìn từ cuốn sách tới nhà thờ, nói:

- Than ôi! Cái này sẽ giết cái kia.

Côchiê vội vã lại gần cuốn sách, bắt giắc kêu lên:

- Ô kia! Cái này thì có gì ghê gớm đâu: *GLOSSA IN EPISTOLAS D. PAULI. Norimbergne, Aonius Koburger. 1474*⁽¹²⁾. Có gì mới lạ đâu? Đây là cuốn sách của Pie Lômba, vị thánh sư về Chăm ngôn. Hay là vì nó được in ra chăng?

- Ông nói đúng, Clôđơ trả lời. Ông ta như đang mài mề trầm ngâm suy tưởng, ông đứng đó, ngón tay trở gập lại đặt trên cuốn sách ấn hành ở nhà in nổi tiếng tại Nuyrâmbe. Rồi ông bí mật nói tiếp:

- Than ôi! Than ôi! Việc nhỏ đánh bại việc lớn, chiếc răng thẳng khối to. Con chuột sông Nin giết con cá sấu, con cá mập giết con cá voi, cuốn sách sẽ giết tòa nhà!

Hồi chuông tắt lửa trong tu viện vang đúng lúc bác sĩ Giắc khê nhắc lại cái điệp khúc bất tận với ông bạn cùng đi: - Ông ta điên rồi.

Lần này ông bạn cũng phải trả lời: - Có lẽ đúng thật.

Lúc đó đã đến giờ không một người ngoài nào được ở lại tu viện. Hai ông khách ra về. Lão Tuarăngiô chào phó chủ giáo và nói:

- Thưa ngài, tôi rất quý trọng các học giả cùng các nhà tư tưởng lớn và tôi đặc biệt kính mến ngài. Ngày mai, xin mời ngài tới cung Tuốcnen và hỏi tu viện trưởng ở Xanh Máctanh Đơ Tua.

Phó chủ giáo sững sờ quay trở vào, bây giờ mới hiểu lão Tuarăngiô là nhân vật thế nào, và sự nhớ tới đoạn văn trong cuốn pháp điển của nhà thờ Xanh Máctanh Đơ Tua: *Abbas beati Martini. SCILICET REX FRANCIAE, est canonicus de consuetudine et habet parvam praebendam quam habet sanctus Venantius et debet sedere in sede thesaurarii*⁽¹³⁾.

Người ta quả quyết bắt đầu từ đó, phó chủ giáo thường có dịp hội họp với Luy XI, khi hoàng thượng tới Pari và danh tiếng đức cha Clôđơ làm lu mờ cả Olivie Con Hoảng lẫn Giắc Côchiê, ông này vì thế, theo cách riêng, càng mạnh tay với nhà vua.

II. CÁI NÀY SẼ GIẾT CÁI KIA

Bạn đọc gái sẽ thứ lỗi cho tác giả phải ngừng lại giây lát ở đây, để tìm xem tư tưởng nào đã ẩn náu dưới

lời lẽ bí hiểm của phó chủ giáo: Cái này sẽ giết cái kia. Cuốn sách sẽ giết tòa nhà.

Theo ý chúng tôi, tư tưởng đó có hai mặt. Trước hết, đó là một tư tưởng của linh mục. Là sự sợ hãi của giáo quyền trước một động lực mới, nghề in... Là nỗi kinh hoàng và choáng váng của kẻ phụng sự đền miếu trước máy in chói sáng của Guytăngbe. Là tòa giảng và sách chép tay, lời nói miệng và lời viết ra hoảng sợ trước lời nói đem in; đại khái giống nỗi khiếp hãi của con chim tước trông thấy thiên thần Lêdiông xò ra sáu triệu cánh. Là tiếng kêu của nhà tiên tri sớm nghe thấy xào xạc và nhung nhúc đám nhân loại được giải phóng, trông thấy trong tương lai trí tuệ sẽ hủy hoại đức tin, dư luận sẽ hạ bệ tín ngưỡng, thế giới lay chuyển La-mã. Là dự đoán của triết gia trông thấy tư tưởng con người bốc hơi bởi máy in, bay thoát khỏi chiếc bình thần học. Là nỗi kinh sợ của người lính khi xem xét chiếc đầu cừu phá thành bằng đồng và nói: tòa tháp sẽ sụp đổ. Như thế có nghĩa một lực lượng sắp thay thế một lực lượng khác. Như thế có nghĩa: Máy in sẽ giết nhà thờ.

Nhưng đằng sau tư tưởng đó, có lẽ là tư tưởng khởi đầu và đơn giản nhất, theo ý chúng tôi, còn một tư tưởng khác, mới hơn, một hệ luận của tư tưởng thứ nhất, khó nhận thấy nhưng dễ bài bác, một quan điểm cũng triết học tương tự, không phải riêng của linh mục, mà của nhà bác học và nghệ sĩ. Đó là mối linh cảm khi thấy tư tưởng con người đã thay đổi hình thái, cũng sẽ thay đổi luôn cả cách thức biểu hiện, thấy ý tưởng căn bản của mỗi thế hệ sẽ không còn viết ra với cùng một chất liệu và

cùng một phương thức; thấy cuốn sách bằng đá, vốn rất vững chắc và lâu bền, sẽ nhường chỗ cho cuốn sách bằng giấy, còn vững chắc và lâu bền hơn. Theo tương quan đó, công thức mơ hồ của phó chủ giáo mang ý nghĩa thứ hai; nó có nghĩa một nghệ thuật sắp hạ bệ một nghệ thuật khác. Nó muốn nói: Ấn loát sẽ giết kiến trúc.

Thật vậy, từ khởi thủy cho đến thế kỷ mười lăm theo công nguyên, kiến trúc là cuốn sách lớn của nhân loại, biểu hiện chủ yếu của con người ở mọi trạng thái phát triển khác nhau, về mặt năng lực cũng như trí tuệ.

Khi trí nhớ của các chủng tộc đầu tiên cảm thấy quá chông chát, khi hành lý kỷ niệm của nhân loại trở nên quá nặng và lộn xộn làm cho lời nói, trần trụi và biết bay có nguy cơ rơi vãi dọc đường, người ta bèn ghi nó lên mặt đất bằng cách dễ thấy, bền bỉ và tự nhiên nhất. Người ta ghi ấn mỗi tập quán bằng một đền đài.

Các đền đài đầu tiên chỉ là những tảng đá tầm thường mà *sắt chưa dụng tới*, như lời Moidơ nói. Kiến trúc cũng bắt đầu như mọi thứ văn tự. Đầu tiên là văn chữ cái. Người ta dựng đứng một tảng đá, thế là có một chữ, và mỗi chữ là một tượng hình, và trên mỗi tượng hình có một nhóm ý tưởng như cái chóp trên đầu cột. Các chủng tộc đầu tiên đã làm như vậy, ở khắp nơi, cùng một lúc, trên toàn thế giới. Các *tảng đá dựng đứng* của giống người Xentơ cũng tìm thấy ở Xibêri châu Á, ở đồng cỏ châu Mỹ.

Về sau, người ta góp thành từ. Đá chồng chất lên đá, người ta ghép các văn đá lại, ngón từ tìm các cách sắp xếp. Các huyết đá nằm, đá đứng của người Xentơ, gò nắm

của người Êtruyt, mộ đá của người Do-thái đều là những từ. Có một số, nhất là gò nấm, là danh từ riêng. Kể cả đôi khi, sẵn có nhiều đá và bãi biển rộng, người ta viết thành câu. Vùng đá chồng chất mênh mông ở Cacánac là cả một công thức đầy đủ rồi.

Cuối cùng họ viết thành sách. Tập quán đã sản sinh các biểu tượng, rồi biến mất sau biểu tượng như thân cây biến mất dưới vòm lá; mọi biểu tượng mà nhân loại tin tưởng đó, ngày càng nhiều lên, tăng thêm, giao hòa, phức tạp hơn mãi; các đền đài đầu tiên không còn đủ chứa đựng hết; biểu tượng tràn ngập khắp mọi phía trong đền đài; các đền đài đó mới chỉ diễn đạt được tập tục cổ sơ, cũng còn đơn giản, trần trụi và nằm sát mặt đất như các kiến trúc thời. Biểu tượng cần triển khai trong đền đài. Lúc đó, kiến trúc phát triển cùng với tư tưởng nhân loại; nó trở thành khổng lồ, mọc nghìn đầu, nghìn tay, và cố định dưới một dạng thức vĩnh cửu, trông thấy được, sờ mó được, tất cả cái biểu tượng phiêu diêu đó. Trong khi Đédan, vốn là sức lực, thì do lường, trong khi Ophê, vốn là trí tuệ, lại ca hát, thì cây cột là một chữ, vòm cung là một vần, kim tự tháp là một từ, chúng cùng lúc chuyển động theo định luật kỷ hà và định luật thi ca, chúng quy tụ, kết hợp, pha trộn, thăng giáng, chất chồng trên mặt đất, ngất ngưởng giữa trời cao, tới khi chúng tuân theo tư tưởng tổng quát của thời đại đọc cho mà viết nên các cuốn sách tuyệt diệu, cũng tức là các đền đài miếu mạo tuyệt vời: chùa Oclinga, miếu Ramxây ông của Ai-cập, đền Xalômông.

Tư tưởng mẹ, ngôn từ, không phải chỉ có trong nội dung của mọi đền đài, mà còn ở hình thức. Chẳng hạn ngôi đền Xalômông không chỉ đơn giản là tờ bia bọc cuốn kinh thánh, mà chính là cuốn kinh thánh đích thân. Trên mỗi bức tường đồng tâm của tòa đền, các tu sĩ có thể đọc thấy ngôn từ được diễn tả và biểu lộ trước mắt, do đó họ theo dõi được các biến đổi từ diện này sang diện khác, tới khi nắm được nó trong cái khám thờ cuối cùng dưới hình thức cụ thể nhất, cũng lại là kiến trúc: trap-dụng pháp điển. Như vậy là ngôn từ chứa đựng trong đền đài, nhưng hình ảnh lại ở vỏ ngoài, như khuôn mặt người trên quan tài một xác ướp.

Không chỉ riêng hình khối của kiến trúc mà cả địa thế chọn lựa để xây cũng bộc lộ tư tưởng tiêu biểu cho nó. Tùy theo biểu tượng định diễn đạt cần trắng lẹ hoặc âm u, Hy-lạp dựng trên đỉnh núi một ngôi đền hài hòa đẹp mắt, Ấn-độ khoét sâu lòng núi để chạm trở các chùa hình thù kỳ dị dưới hang, có từng dãy voi đá hoa cương khổng lồ chống đỡ.

Như vậy, trong vòng sáu ngàn năm đầu của thế giới, từ ngôi chùa lâu đời nhất ở An-huýt-tăng tới nhà thờ Cô-lôn-hô, kiến trúc đã là thứ văn tự vĩ đại của nhân loại. Mà điều đó đúng đến nỗi không chỉ các biểu tượng tôn giáo, mà mọi tư tưởng nhân loại đều có trang riêng trong cuốn sách vĩ đại đó và có tòa kiến trúc riêng.

Mọi nền văn minh đều bắt đầu bằng thần quyền và kết thúc bằng dân chủ. Quy luật tự do tiếp theo nền nhất thống được viết trong kiến trúc. Bởi vì, xin nhấn mạnh vào điểm này, đừng tưởng rằng công cuộc xây cất chỉ có

240

khả năng xây dựng đền miếu, chỉ thể hiện các huyền thoại và sự tượng trưng giáo quyền, chỉ ghi chép các biểu đồ bí hiểm của định luật bằng những tượng hình trên các trang sách đá. Nếu như vậy, vì trong mọi xã hội loài người đều có lúc biểu tượng thần thánh bị hư mòn và tiêu ma trước tư tưởng tự do, lúc con người lẩn tránh tu sĩ, lúc sự phát triển của triết học và thiết chế găm nhấm bộ mặt của tôn giáo, nếu như vậy thì kiến trúc sẽ không thể diễn đạt nổi tình trạng tinh thần mới của con người, các trang sách, đã đặc chữ mặt này, sẽ trống không mặt kia, tác phẩm sẽ bị sai lệch, cuốn sách sẽ thiếu sót. Nhưng không phải thế.

Có thể lấy thời trung cổ làm thí dụ, vì nó gần ta hơn nên dễ nhìn rõ hơn. Suốt thời kỳ đầu, trong khi chế độ giáo quyền tổ chức châu Âu, trong khi Vatican tập hợp và sắp xếp quanh mình các thành phần của một La-mã dựng lên bằng thứ La-mã đổ vỡ nằm xung quanh điện Capiton, trong khi Cơ đốc giáo đi tìm, giữa đồng hoang tàn của nền văn minh trước đó, mọi tầng lớp của xã hội và xây dựng lại bằng tàn tích đó một thế giới với trật tự mới, lấy giáo quyền làm nền tảng, trước hết người ta nghe thấy âm vang từ đám hỗn độn đó, rồi dần dần trông thấy dưới hấp lực của Cơ đốc giáo, dưới bàn tay các man tộc, từ đồng hoang tàn các kiến trúc đã chết, Hy-lạp và La-mã, xuất hiện nền kiến trúc bí hiểm rôman, chi em với các kiến trúc thần linh ở Ai-cập và Ấn-độ, biểu tượng bất hủ của Cơ đốc giáo thuần nhất, tượng hình bất diệt của nền nhất thống giáo hoàng. Đúng là toàn bộ tư tưởng hồi đó được viết trong phong cách rôman âm u. Ở khắp

nơi, và toát ra uy quyền, nhất thống, thâm nghiêm, chuyên chế, tức giáo hoàng Grêgoa VII; khắp nơi là linh mục, không hề có người thường; khắp nơi dù đẳng cấp, không hề có dân chúng. Nhưng rồi cuộc thập tự chinh xảy ra. Đó là phong trào dân chúng rộng lớn, dù nguyên nhân và mục đích ra sao, cũng đều luôn toát lên tinh thần tự do từ lớp cận lã cuối cùng. Cái mới liền xuất hiện. Thế là mở đầu thời kỳ bảo tố của loạn Giaccori, loạn Pragori và loạn Liên đoàn. Quyền hành lung lay, nền nhất thống rạn nứt. Chế độ phong kiến yêu cầu được chia sẻ với chế độ giáo quyền và trong khi chờ đợi, dân chúng chắc chắn sẽ nổi dậy và sẽ chiếm phần béo bở nhất, như thường lệ. *Quia nominor leo*⁽¹⁾. Do đó quyền lãnh chúa trời lên dưới giáo quyền, quyền công xã trời lên dưới quyền lãnh chúa. Bộ mặt châu Âu thay đổi. Thế là bộ mặt kiến trúc cũng thay đổi theo. Cũng như nền văn minh, nó giở sang trang, và tinh thần mới của thời đại thấy kiến trúc sẵn sàng viết theo lời nó đọc. Kiến trúc từ các cuộc thập tự chinh trở về với hình cung nhọn, như các dân tộc trở về với nền tự do. Thành ra, trong khi La-mã dần dần tan rã, nền kiến trúc rôman cũng chết theo. Tượng hình rời bỏ giáo đường để tới tô điểm cho các huy hiệu trên vọng lâu, nâng cao uy danh chế độ phong kiến. Ngay cả giáo đường, tòa nhà xưa kia nặng nề giáo lý như vậy, bây giờ cũng bị xâm chiếm bởi thị dân, công xã, tự do, cũng thoát khỏi linh mục và rơi vào tay nghệ sĩ. Nghệ sĩ tùy ý xây dựng nhà thờ. Vinh biệt những huyền bí, huyền thoại, qui tắc. Bây giờ là phóng túng và tùy hứng. Miễn sao linh mục có giáo đường và bàn thờ, thế là được. Còn bốn bức tường thuộc về nghệ sĩ. Cuốn sách kiến trúc không thuộc về

giáo quyền, tín ngưỡng, La-mã nữa; bây giờ là của tượng tượng, thi ca, dân chúng. Từ đó dẫn tới vô vàn biến đổi nhanh chóng của nền kiến trúc chỉ mới có ba thế kỷ, đó là những biến đổi thật rõ rệt sau sự bất động trì trệ của nền kiến trúc rôman đã có tới sáu, bảy thế kỷ. Trong khi đó, nghệ thuật tiến những bước khổng lồ. Thiên tài và tính độc đáo của nhân dân làm công việc xưa kia của giám mục. Mỗi chủng tộc đi ngang qua đều ghi lại dòng chữ riêng lên cuốn sách; nó xóa bỏ các tượng hình rôman cổ lỗ trên mặt tiền nhà thờ, và nhiều lắm cũng chỉ thấy giáo lý ngoi lên đây đó dưới biểu tượng mới vừa được thiết lập. Tầm thâm che của dân chúng chỉ cho phép thấy thấp thoáng bộ xương tôn giáo. Thật khó tưởng tượng nổi sự phóng túng hời đó của kiến trúc sư, ngay cả đối với giáo hội. Đó là các nóc cột quán quít những nam nữ tu sĩ lòa lổ ăn nằm với nhau, như ở gian phòng Lò suôi trong Tòa pháp đình tại Pari. Đó là cuộc phiêu lưu của Nôê được chạm trổ *đầy đủ rõ ràng* như dưới cổng lớn nhà thờ ở Búccgiơ. Đó là lão tu sĩ say khướt có cặp tai lừa, tay cầm chén rượu, đang cười vào mũi cả một tập thể, như trên bốn rửa tay trong tu viện ở Bôsevin. Vào thời đó, đối với tư tưởng viết bằng đá, có một đặc quyền hoàn toàn so sánh được với quyền tự do báo chí hiện nay. Đó là quyền tự do kiến trúc.

Nền tự do đó đi rất xa. Đôi khi, một cánh cổng, một mặt tiền, một nhà thờ nguyên vẹn đảm bảo một ý nghĩa tượng trưng hoàn toàn xa lạ với tín ngưỡng, hoặc thậm chí thù nghịch với giáo hội. Từ thế kỷ mười ba với Ghiôm Đơ Pari, còn Nicôla Phlamen vào thế kỷ mười lăm.

cả hai đều viết nhùng trang phản loạn: Xanh Giắc Đơ La Busori đúng là một nhà thờ chống đối.

Lúc bấy giờ, tư tưởng chỉ tự do bằng cách đó, cho nên chỉ được viết hoàn toàn trọn vẹn trên các cuốn sách đó, mang tên đền đài. Không có hình thức đền đài, tư tưởng sẽ bị bàn tay dao phủ đưa ra đốt giữa nơi công chúng dưới hình thức sách chép tay, nếu nó khờ dại làm liều như vậy. Tư tưởng kiểu cổng nhà thờ hắc đã chúng kiến cuộc xử giáo tư tưởng kiểu sách. Vì chỉ còn con đường đó, tức xây dựng, cho nên muốn lộ mặt, tư tưởng từ khắp nơi liền đổ xô tới. Do đó mới có số lượng khổng lồ những nhà thờ trải khắp châu Âu, số lượng to tát đến nỗi khó lòng tin, ngay khi đã kiểm tra rồi. Mọi lực lượng vật chất, lực lượng tinh thần trong xã hội đều qui tụ vào một điểm: kiến trúc. Vì vậy vịn có xây dựng nhà thờ Chúa, nghệ thuật phát triển theo qui mô rực rỡ.

Hồi đó, ai sinh ra là thi sĩ đều trở thành kiến trúc sư. Tài năng rải rác trong đám đông, bị dồn ép khắp nơi dưới chế độ phong kiến như dưới *mai rùa* kết bằng các tấm khiên đồng, chỉ còn lối thoát về phía kiến trúc, tài năng đó đổ dồn vào nghệ thuật này và trường ca *Ilíat* liền mang hình thức giáo đường. Mọi nghệ thuật khác đều vắng lời và phục tùng môn kiến trúc. Đó là những người thợ của công trình lớn. Kiến trúc sư, thi sĩ, vị chủ nhân đã thâu tóm trong tay môn điêu khắc để chạm trổ các mặt tiền, môn hội họa để tô điểm các kính cửa, môn âm nhạc để rung chuông và thổi gió vào đại phong cầm. Ngay cả nền thi ca đích thực tội nghiệp, vẫn khẳng khẳng sống vất vưởng trong sách chép tay, nếu muốn tồn tại

cũng buộc phải tới nép mình trong đền dài dưới hình thức bài ngợi ca hoặc *tán vãn*; dù sao cũng vẫn như vai trò của bi kịch Etsin trong ngày hội lễ giáo quyền ở Hy-lạp, hoặc tích Sang thế kỷ trong đền Xalômông.

Như vậy, cho tới thời Guytănghe, kiến trúc là thứ vẫn tự chủ yếu, vẫn tự phổ biến. Cuốn sách bằng đá bắt đầu từ phương Đông, tiếp tục qua thời cổ đại Hy-lạp và La-mã, được thời trung cổ viết nốt trang cuối cùng. Dù sao, hiện tượng nền kiến trúc bình dân tiếp theo nền kiến trúc đẳng cấp, mà ta vừa nhận thấy ở thời trung cổ, còn nảy sinh, cùng với mọi trào lưu tương tự trong trí tuệ con người, vào các thời đại lớn khác của lịch sử. Cho nên, chỉ xin sơ lược nêu ra ở đây một quy luật, cần được phát triển trong nhiều cuốn sách; vào thời tiền Đông phương, cái nổi của những thời cổ đại, sau nền kiến trúc Ấn-độ là nền kiến trúc Phênixi, bà mẹ phương phi của nền kiến trúc Ai-cập; vào thời cổ đại, sau nền kiến trúc Ai-cập mà kiểu cách Etruyt và đền dài khổng lồ chỉ là một biến thể, là nền kiến trúc Hy-lạp, mà kiểu cách La-mã chỉ là một tiếp nối được chất nặng thêm vòm mái kiểu Cáctagio; vào thời hiện đại, sau nền kiến trúc rôman là nền kiến trúc gôtích. Và nếu tách đôi tính cách của ba loại đó, người ta sẽ tìm thấy trên ba cô chị, tức các nền kiến trúc Ấn-độ, Ai-cập, rôman, cùng một biểu tượng: đó là thần quyền, đẳng cấp, thống nhất, giáo điều, huyền thoại, Chúa; còn đối với ba cô em, tức các nền kiến trúc Phênixi, Hy-lạp, gôtích, bất kể sự khác biệt về hình thức gắn liền với bản chất, cũng vẫn chung một ý nghĩa, đó là tự do, dân chúng, con người.

Dù gọi là tăng thống, pháp sư hoặc giáo hoàng, trong các đền đài Ấn-độ, Ai-cập hoặc rôman, bao giờ cũng có bóng dáng tu sĩ, toàn tu sĩ thôi. Trong các kiến trúc của dân chúng lại không như vậy. Nó phong phú hơn và bớt thiêng liêng. Trong kiến trúc Phênixi, có bóng dáng nhà buôn; trong kiến trúc gô-tích, có thị dân.

Tính cách chung của mọi nền kiến trúc thần quyền là sự bất biến, thù ghét tiến bộ, gìn giữ đường nét cổ truyền, thường xuyên gò ép mọi hình thức của con người và thiên nhiên vào thói bất thường không hiểu nổi của biểu tượng. Đó là những cuốn sách tối tăm chỉ riêng kẻ sành sỏi mới đọc nổi. Và lại, mọi hình thức, cả hình thức dị dạng cũng mang một ý nghĩa, khiến nó trở nên bất khả xâm phạm. Đứng đòi hỏi các công trình xây dựng Ấn-độ, Ai-cập, rôman phải sửa đổi đường nét hoặc cải tiến hình thù. Mọi sự hoàn thiện đều trở thành báng bổ. Trong các nền kiến trúc đó, hình như thói giáo điều cứng nhắc lan tràn trên đá thành một sự hóa đá thứ hai. - Ngược lại, tính cách chung của mọi xây dựng bình dân là sự đa dạng, tiến bộ, độc đáo, phong phú, thường xuyên năng động. Các kiến trúc đó đã khá tách rời tôn giáo để nghĩ tới cái đẹp, để trang hoàng, không ngừng tu sửa các tượng và hoa văn tô điểm bên ngoài. Nó hợp với thời đại. Nó mang nhân tính để luôn luôn kết hợp với biểu tượng thần thánh, mà nó vẫn còn dựa vào để sáng tạo. Kết quả là các đền đài dễ thâm nhập trước mọi linh hồn, mọi trí tuệ, mọi tưởng tượng, tuy vẫn còn tượng trưng nhưng dễ hiểu như thiên nhiên. Giữa kiến trúc thần quyền và nền kiến trúc này, có sự khác biệt của ngôn ngữ thần thánh

so với ngôn ngữ dung tục, của tượng hình so với nghệ thuật, của Xalômông so với Phiđiát.

Nếu tóm tắt hết sức sơ lược những gì tác giả đã trình bày tới đây, bỏ qua trăm ngàn chứng cứ lẫn trăm ngàn chi tiết bất đồng, ta có kết luận như sau: cho tới thế kỷ mười lăm, kiến trúc là cuốn sổ đăng bạ chủ yếu của nhân loại trong khoảng thời gian này, không có tư tưởng nào hơi phức tạp lại xuất hiện trên thế giới mà không biến thành kiến trúc, mọi tư tưởng bình dân cũng như mọi qui tắc tôn giáo đều có đền đài riêng; tóm lại nhân loại không nghĩ ra được điều gì quan trọng mà lại không viết bằng đá. Tại sao vậy? Vì mọi tư tưởng, dù tôn giáo, dù triết học, đều mong muốn tồn tại, vì một tư tưởng đã khuấy động nhiều thế hệ khác và lưu lại dấu vết. Thế mà sự bất tử của sách viết tay lại mỏng manh xiết bao! Còn đền đài là cuốn sách chắc chắn, bền vững và lâu dài hơn nhiều! Muốn tiêu diệt ngôn ngữ viết, chỉ cần bó đuốc và tên tàn bạo. Còn muốn phá hủy ngôn ngữ - kiến trúc, phải có cách mạng xã hội, cách mạng trần gian. Bọn man di đã xéo qua điện Côlidê, trận hồng thủy có lẽ đã tràn ngập dãy Kim tự tháp.

Tới thế kỷ mười lăm, mọi sự đều thay đổi.

Tư tưởng con người tìm ra một phương tiện để tồn tại không những bền vững và lâu dài hơn kiến trúc, mà còn đơn giản và dễ dàng hơn. Kiến trúc bị phế truất. Thay vào chữ bằng đá của Ophê là chữ bằng chì của Gytăngbe.

Cuốn sách sẽ giết tòa nhà.

Việc phát minh ra nghề in là biến cố lớn nhất trong lịch sử. Đó là cuộc cách mạng mẹ. Đó là phương thức diễn đạt của nhân loại đang đổi mới hoàn toàn, đó là tư tưởng con người đang cởi bỏ một hình thức để khoát một hình thức khác, đó là cuộc lột xác trọn vẹn và dứt khoát của con rắn tượng trưng, tiêu biểu cho trí tuệ, kể từ thời Adam.

Dưới hình thức ẩn loát, tư tưởng càng bất tử hơn bao giờ, nó là thứ bốc hơi, không nắm bắt được, không hủy diệt nổi. Nó hòa vào không khí. Vào thời kỳ của kiến trúc, tư tưởng biến thành ngọn núi và đứng mãnh chiếm đoạt một thế kỷ và một địa điểm. Bây giờ nó biến thành đàn chim tung bay khắp bốn phương và đồng thời chiếm lĩnh mọi điểm không trung và không gian.

Tác giả xin nhắc lại, ai mà không thấy, bằng cách đó, tư tưởng càng trở nên bất tử? Vốn đã rắn chắc, nó còn trở thành trường tồn. Nó chuyển từ hữu hạn sang bất diệt. Người ta có thể phá hủy một khối lượng, nhưng làm thế nào tiêu trừ nổi sự biến hóa? Nếu xảy ra nạn hồng thủy, ngọn núi sẽ chìm từ lâu dưới làn sóng nhưng chim vẫn bay; và chỉ cần chiếc thuyền nổi trên mặt nước tai họa, chim sẽ đậu xuống, cùng nổi trôi với thuyền, cùng chúng kiến nước rút, còn thế giới mới, thoát khỏi cảnh hoang tàn, lúc tỉnh dậy sẽ thấy tư tưởng của thế giới bị chìm ngập, đang chấp cánh và sống động, bay lượn ngay trên đầu.

Rồi khi nhận thấy phương thức diễn đạt đó không những bền vững nhất, mà còn đơn giản, tiện lợi, phổ cập

hơn mọi người, khi nghĩ phương thức đó không lời theo hành lý công kênh và không linh kính những đồ nghề nặng nề, khi so sánh tư tưởng buộc phải biến thể thành đến dài, phải huy động đến bốn, năm ngành nghệ thuật khác và hàng tấn vàng, rồi cả một núi đá, một rừng kèo cột, hàng đoàn thợ thuyền, khi so sánh nó với tư tưởng viết thành sách, chỉ cần ít giấy, ít mực và cây bút, tại sao còn ngạc nhiên là trí tuệ con người đã rời bỏ kiến trúc để chuyển sang ấn loát? Hãy đột nhiên cắt ngang dòng nước nguồn của con sông bằng một dòng kênh dưới mực nước, con sông sẽ thoát khỏi dòng.

Cho nên, các bạn đã thấy từ ngày phát minh nghề in, môn kiến trúc cứ khô héo dần, gầy mòn và xơ xác. Ta thấy rõ ràng đang rút, nhựa sống đang biến mất, tư tưởng các thời đại và các dân tộc rời bỏ kiến trúc. Sự nguội lạnh còn rất ít nhận thấy vào thế kỷ mười lăm, hồi đó máy in còn quá yếu kém, cho nên nhiều lắm mới chỉ bòn rút được chút sinh lực thừa thãi của môn kiến trúc hùng mạnh. Nhưng từ thế kỷ mười sáu, bệnh tình khoa kiến trúc đã rõ ràng; nó không chủ yếu biểu hiện xã hội nữa; nó thậm hại biến thành nghệ thuật cổ điển; từ tính chất gòloa, châu Âu, bản xứ, nó trở thành Hy-lạp, từ chân thực và hiện đại, nó trở thành giả cổ đại. Chính sự suy đồi này được mệnh danh là Phục hưng. Tuy nhiên, đây là suy đồi tráng lệ, vì tài trí gột tích cổ xưa, vắng thái dương lặn sau cổ máy in vĩ đại ở Mayăngxơ còn chiếu rọi chùm tia nắng cuối cùng thêm một thời gian nữa, vào đồng chống chất lai căng những vòm mái kiểu la-tinh và hàng cột kiểu Côranhtơ.

Chúng ta đã lầm tưởng mặt trời lặn là rạng đông.

Trong khi đó, lúc kiến trúc chỉ còn là một nghệ thuật như mọi nghệ thuật, lúc đó không còn là nghệ thuật toàn diện, nghệ thuật bá chủ, nghệ thuật độc tài thì nó cũng chẳng đủ sức cầm giữ các nghệ thuật khác. Những nghệ thuật này bèn tự giải phóng, bẻ gãy cái ách của kiến trúc sư, rồi mỗi ngành đi mỗi ngả. Mỗi ngành đều thủ lợi sau vụ ly hôn. Sự cách biệt làm lớn mạnh tất cả. Điều khắc trở thành tạc tượng, vẽ tranh trở thành hội họa, hát bè trở thành âm nhạc. Như thế một đế quốc tan rã khi hoàng đế Aiêxăngđrô của nó chết và các phiên trấn liền trở thành vương quốc.

Từ đó mới có Raphaen, Miken Ăngiô, Giảng Gugiông, Palextrina, những huy hoàng của thế kỷ mười sáu chói lọi.

Đồng thời với nghệ thuật, tư tưởng tự giải phóng khắp nơi. Nhóm tà giáo thời trung cổ đã đục khoét sâu rộng vào lý thuyết công giáo. Thế kỷ mười sáu phá vỡ sự thống nhất tôn giáo. Trước nghề in, phong trào cải cách tôn giáo mới chỉ là vết rạn nứt, nghề in biến nó thành cách mạng. Cứ bỏ nghề in đi, tà giáo sẽ bực tức. Dù là định mệnh hay ơn phước, Guy tăngbe cứ là người mở đường cho Luyte.

Trong lúc đó, khi mặt trời trung cổ đã lặn hẳn, khi tài năng gôtic đã vĩnh viễn tắt ngấm nơi chân trời nghệ thuật, môn kiến trúc cũng ngày một lu mờ, phai nhạt, chết mòn. Cuốn sách in, con mắt đục phá tòa nhà, hút kiệt và nuốt chửng nó. Môn kiến trúc xác xơ dần, trụi hết lá, gầy đi trông thấy. Nó hóa ra tí tiện, nghèo nàn, vô dụng. Nó chẳng còn gợi nổi ý nghĩa gì nữa, ngay cả

kỷ niệm về nghệ thuật một thời đã qua. Còn tro troi một mình, bị các nghệ thuật khác bỏ rơi, vì tư tưởng loài người đã bỏ rơi nó, kiến trúc chỉ lồi cuồn được thợ thuyền chứ không phải nghệ sĩ. Kính cửa thường thay cho kính màu. Thợ đục đã thế chân nhà điêu khắc. Vĩnh biệt mọi nhựa sống, mọi tính độc đáo, mọi sinh lực và trí tuệ. Nó sống lê lét từ cúp nhật này sang cúp nhật khác, như mu ăn mầy thiếu não nơi xưởng họa. Miken Angio, ngay từ thế kỷ mười sáu hình như đã cảm thấy nó sắp chết, từng nẩy ra ý định cuối cùng, một ý định tuyệt vọng. Vị khổng lồ của nghệ thuật đó chống chất điện Păngtông lên trên điện Păctênông, và tạo nên nhà thờ Xanh Pie Đờ Rôm. Một tác phẩm lớn xứng đáng là sáng tạo duy nhất, sáng tạo độc đáo cuối cùng của nền kiến trúc, chữ ký của một nghệ sĩ vĩ đại bên dưới cuốn sổ đăng bạ khổng lồ bằng đá đang khép lại. Miken Ängior chết đi, nền kiến trúc thâm hai sống sót lay lút trong tình cảnh bóng ma và bóng tối, liệu còn làm được gì nữa? Nó giữ dật lẩy nhà thờ Xanh Pie Đờ Rôm để sao chép, để nhại lại. Đó là cái tật. Quả thật tội nghiệp. Mỗi thế kỷ đều có một thứ Xanh Pie Đờ Rôm riêng; thế kỷ mười sáu có nhà thờ Van Đờ Graxơ, thế kỷ mười tám có nhà thờ Xanh to Gionovievo. Mỗi đất nước đều có một thứ Xanh Pie Đờ Rôm riêng. Luân-đôn có cái của nó. Pêtecxbua cũng có cái của nó. Pari có hai hoặc ba cái. Di chúc vô nghĩa, trò lẩn thẩn dối già của một nghệ thuật lớn đã suy tàn, đang trở lại thành trẻ con trước khi chết.

Nếu không bàn tới các đền đài tiêu biểu như ta vừa nhắc tới mà chỉ nhận định tình hình chung của nghệ

thuật từ thế kỷ mười sáu tới thế kỷ mười tám, ta sẽ thấy cùng một hiện tượng thoái hóa và hao tổn như vậy. Từ Phrăngxoa II, hình thức kiến trúc của tòa nhà cứ mờ nhạt dần và để mặc cho hình thức kỷ hà nổi lên, như bộ xương người ốm gầy mòn. Đường nét đẹp của nghệ thuật nhường chỗ cho đường nét lạnh lùng và khắc khổ của người đo đạc. Đến đài chẳng còn là đền đài, chỉ là khối đa diện. Tuy nhiên, kiến trúc vẫn lo lắng che giấu sự tro trên đó. Đây là đầu hồi Hy-lạp sát nhập và đầu hồi La mã và ngược lại. Văn diện Păngtông, đặt vào diện Pác-tên-ông, một thứ Xanh Pie Đờ Rôm. Kia là dãy nhà gạch thời Hăngri IV với góc nhà bằng đá; rồi quảng trường Hoàng cung, quảng trường Thái tử. Đây dãy nhà thời Luy XIII, nặng nề, to bè, thấp lùn, co quắp, mang vòm mái như chiếc lung gà. Kia kiến trúc thời Madaranh, mô phỏng xấu xí kiểu Ý thời Tứ quốc. Đây cung điện thời Luy thứ XIV, một thứ doanh trại dài ngoẵng dành cho dinh thần, cứng nhắc, lạnh lẽo, buồn chán. Cuối cùng kia là thời Luy thứ XV với lá diệp quăn và sợi bún, cùng đủ thứ nốt ruồi, đủ loại u bướu làm biến dạng thứ kiến trúc già cỗi lỗi thời, móm mém và dòm dáng. Từ Phrăngxoa II tới Luy XV, căn bệnh tăng theo cấp số nhân. Nghệ thuật chỉ còn da bọc xương. Nó hấp hối thảm hại.

Trong khi đó, nghề in ra sao? Tất cả sức sống đang rời bỏ kiến trúc đều đến với nó. Kiến trúc càng suy sụp, ẩn lút càng phình ra và lớn lên. Vốn liếng sức lực mà tư tưởng con người dùng vào việc xây nhà, từ nay để in sách. Cho nên, ngay từ thế kỷ mười lăm, nghề in lớn lên ngang tầm với nền kiến trúc suy tàn, tranh chấp rồi giết

chết nó. Sang thế kỷ mười bảy nghề in đã tạm thời làm chúa tể, đủ đắc thắng, đủ vững vàng thắng lợi để tung bùng khoản đãi thế giới một thế kỷ văn học lớn. Tới thế kỷ mười tám, nghỉ ngơi đã lâu dưới triều vua Luy XIV, nghề in lại cầm lấy thanh kiếm cũ của Luyte, đem trang bị cho Vonte, rồi sôi sục chạy đi đánh phá châu Âu cổ xưa mà biểu tượng kiến trúc đã bị máy in giết chết. Vào lúc thế kỷ mười tám sắp kết thúc, nghề in đã tiêu diệt hết. Qua thế kỷ mười chín, nó sẽ xây dựng lại.

Và bây giờ thử hỏi trong hai nghệ thuật đó, ngành nào thực sự tiêu biểu cho tư tưởng nhân loại từ ba thế kỷ nay? Nghệ thuật nào diễn đạt được tư tưởng đó? Nghệ thuật nào bộc lộ được, không chỉ các cố tật văn chương và kinh viện, mà cả trào lưu rộng rãi, sâu xa, phổ cập của tư tưởng đó? Nghệ thuật nào thường xuyên bao trùm không dứt đoạn và không khiếm khuyết lên trên nhân loại đang tiến bước như con quái vật nghìn chân? Kiến trúc hay ấn loát?

Đó là ấn loát. Xin đừng nhầm lẫn, kiến trúc đã chết, chết hẳn rồi, do sách in giết chết, bị giết vì không lâu bền bằng, bị giết vì giá đắt hơn. Mỗi nhà thờ là một tỉ bạc. Giờ đây thử tưởng tượng phải bỏ ra bao nhiêu vốn liếng để viết lại cuốn sách kiến trúc; để lại tung ra mặt đất hàng ngàn đến dài nhưng nhúc; để quay lại thời kỳ nhan nhản những đền đài, đến nỗi theo lời một nhân chứng được nhìn tận mắt, có thể nói thế giới khi vùng dậy đã trút bỏ quần áo cũ để mặc tấm áo trắng toàn nhà thờ. *Erat enim ut si mundus, ipse excutiendo semet,*

rejecta vetustate, candidam ecclesiaram vestem indueret
(*Glaber Radulphus*)⁽²⁾.

Cuốn sách làm xong rất nhanh, giá rẻ, mà có thể đi rất xa! Làm sao lại ngạc nhiên là toàn bộ tư tưởng nhân loại đã chảy theo triển dốc đó? Như vậy không phải bảo rằng kiến trúc không còn có ở đây đó một đến dài đẹp đẽ, một tác phẩm riêng rẽ. Dưới triều đại ấn loát, thỉnh thoảng vẫn có, chẳng hạn một cột trụ do cả một quân đội xây bằng súng đại bác đúc lại, như dưới triều đại kiến trúc vẫn có những trường ca Iliat và Rômăngxêrô, Mahabarata và Niqbolonghen, do cả một dân tộc làm nên bằng các sử thi chống chất đúc thành. Một kiến trúc sư thiên tài có thể tạo ra bất ngờ lớn vào thế kỷ hai mươi, như Đantê từng tạo ra vào thế kỷ mười ba. Nhưng kiến trúc sẽ không còn là nghệ thuật xã hội, cộng đồng, thống trị. Bài thơ lớn, đền đài lớn, tác phẩm lớn của nhân loại sẽ không còn được xây cất, mà sẽ được in ra.

Và từ nay, nếu ngẫu nhiên môn kiến trúc có hồi phục thì cũng sẽ thôi ngự trị. Kiến trúc sẽ chịu đựng luật lệ của văn chương như ngày xưa văn chương từng chấp nhận luật lệ của kiến trúc. Vị trí tương ứng của hai ngành nghệ thuật sẽ đảo ngược. Có điều chắc chắn trong thời đại kiến trúc, thi ca, dành rằng hiếm hoi, vẫn giống các đền đài. Ở Ấn độ, Vyasa cũng rậm rạp, kỳ lạ, khó hiểu như ngôi chùa. Ở phương Đông Ai-cập, thi ca cũng như đền đài, có đường nét vĩ đại và bình dị; ở Hy Lạp cổ, đó là vẻ đẹp, vẻ an nhàn, bình thản; ở châu Âu cơ đốc giáo, là vẻ uy nghiêm công giáo, vẻ thơ ngây bình dân, những cây cỏ xum xuê và xanh tốt của thời kỳ đổi mới. Kinh

254

thánh giống Kim tự tháp, trường ca Iliát giống điện Páctênông, nhà thơ Hôme giống nhà điêu khắc Phidiát. Dantê ở thế kỷ mười ba, đó là nhà thờ rôman cuối cùng, Sêcxpia ở thế kỷ mười sáu, đó là giáo đường gôtích cuối cùng.

Như vậy, để tóm tắt một cách không tránh khỏi thiếu sót và vá vúi những điều tác giả đã trình bày cho tới đây, nhân loại có hai cuốn sách, hai sổ đăng bạ, hai chúc thư, đó là kiến trúc và án luật, cuốn kinh thánh bằng đá và cuốn kinh thánh bằng giấy. Có lẽ, lúc ngắm hai cuốn kinh thánh đó rộng mở trước những thế kỷ, người ta có thể tiếc nuối về hùng vĩ hiển nhiên của văn tự bằng đá, các chữ cái khổng lồ thể hiện bằng cột trụ, cổng tháp, đài bia, một loại núi non nhân tạo bao phủ thế giới và quá khứ, từ Kim tự tháp cho tới gác chuông, từ Kêôp cho đến Xtraxbua. Phải đọc lại quá khứ trên các trang đá hoa. Phải chiêm ngưỡng và luôn luôn lật giở những trang sách viết bằng kiến trúc nhưng không nên phủ nhận sự vĩ đại của các đền đài do án luật đến lượt dựng lên.

Đền đài này thật đồ sộ. Tôi không nhớ nhà thống kê nào đã tính nếu đem chồng lên nhau tất cả sách in máy từ thời Guytăngbe, người ta sẽ lấp đầy khoảng cách từ trái đất tới mặt trăng; nhưng chúng tôi không định nói tới thứ hùng vĩ đó. Tuy nhiên, khi tìm cách thu lượm trong tư tưởng mình một hình ảnh tổng quát về toàn bộ sản phẩm án luật có tới ngày nay, phải chăng cái toàn bộ đó cũng xuất hiện trước mắt ta như một kiến trúc mệnh mông dựa trên toàn thế giới, được nhân loại không ngớt bồi đắp, có cái đỉnh khổng lồ khuất trong làn sương

dày đặc của tương lai? Đó là tổ kiến của trí tuệ. Đó là tổ ong, nơi mọi trí tưởng tượng, như đàn ong vàng óng, đem mật tới. Đền đài có ngàn tầng lầu. Đây đó, ta thấy mở vào cầu thang các hang động âm u của khoa học, chúng cắt ngang giữa lòng tòa nhà. Trên khắp bề mặt tòa đền, nghệ thuật đã trang hoàng rực rỡ chói mắt đủ loại hoa văn, các cửa sổ hoa thị và đường viền ren. Ở đó, mỗi tác phẩm cá nhân, dù bất thường và riêng biệt đến đâu, cũng có vị trí và sự nổi bật của nó. Sự hài hòa được kết hợp bằng cái toàn thể. Từ nhà thờ lớn của Sécxpia tới ngôi đền của Bairo, hàng ngàn chuông nhỏ, hỗn độn trà trộn tại nơi trung tâm của tư tưởng toàn cầu. Dưới nền nhà, người ta viết lại vài danh vị cũ của nhân loại mà kiến trúc không ghi nhận. Bên trái cửa vào, người ta gắn tấm phù điêu cổ bằng đá hoa trắng của Hôme, còn bên phải là cuốn Kinh thánh bằng nhiều thứ tiếng đang ngẩng cao bày cái đầu. Con giao long Rômăngxêrô giương vây phía xa xa, cùng vài hình thù lai căng khác nhau là các kinh Vệ đà và Niobolonghen. Tóm lại, tòa đền kỳ diệu đó vẫn chưa hoàn thành. Máy in, cỗ máy khổng lồ đó, không ngừng hút hết nhựa sống của trí tuệ trong xã hội, cũng liên tục nhả ra các vật liệu mới để tiến hành sự nghiệp. Toàn thể nhân loại đang trên đàn gáo. Mỗi trí tuệ là một thợ nề. Kẻ yếu kém nhất cũng biết bịt lỗ hổng hoặc đặt viên đá. Nhà văn Rêtip Đơ La Broton xách tới một gùi gạch vôi vụn. Ngày nào cũng có tầng lầu mới xây lên. Ngoài sự đóng góp độc đáo và cá nhân của mỗi nhà văn, lại còn những công cuộc tập thể. Thế kỷ mười tám cung cấp bộ bách khoa toàn thư, cuộc cách mạng cung cấp tờ báo Tân văn. Tất nhiên, đó cũng

là một kiến trúc cứ lớn dần và chồng lên nhau theo đường xoắn ốc bất tận; ở đó cũng có sự pha trộn ngôn ngữ, sự hoạt động liên tục, lao động không mỏi, đóng góp cật lực của toàn thể nhân loại, nơi trú ẩn hứa hẹn của trí tuệ chống lại nạn hồng thủy mới, chống lại cuộc tràn ngập của man di. Đó là tòa tháp Babel thứ hai của nhân loại.

QUYỂN SÁU

1. NHẬN XÉT VÔ TƯ VỀ NỀN PHÁP CHẾ XUA KÌA

Vào năm Thiên Chúa 1482, nhà quý tộc Rôbe D'Extutovin quả là một nhân vật vô cùng sung sướng, ngài vốn thụ phong hiệp sĩ, tên gọi Bâyno, nam tước của Yvri và Xanh Angdri ở La Mácsơ, cố vấn kiêm thị thần nhà vua, và là đô trưởng Pari. Đã gần mười bảy năm qua, kể từ ngày mồng 7 tháng mười một năm 1465, năm có sao chổi⁽¹⁾, khi ông được nhà vua ban cho chức vụ hậu hinh là đô trưởng Pari, một chức vụ được tiếng về lãnh quyền hơn chức quyền, như Giannơ Lemnôt từng nói, *dignitas quae cum non exigua pote state politiam concernente, at que proerogativis multis et juribus conjuncta est*⁽²⁾. Thật là chuyện tuyệt vời vào năm 82 khi một quý tộc được nhà vua tín nhiệm, ông ta được sắc phong lâu rồi, từ hồi con gái riêng của vua Luy XI kết hôn với ngài con hoang họ Buốcbông. Cùng ngày với Rôbe D'Extutovin thay thế Giắc Đờ Viliê làm đô trưởng Pari, ngài Giảng Đôvê thay ngài Hêly Đờ Toreto làm đệ nhất chánh án tòa án, Giảng Duvonen Đê Uyaxanh hất cẳng Pie Đờ

Moviliê làm chủ trương án Pháp quốc, Ronôn Để Đuốc măng gạt Pie Puy giành chức chủ sự văn phòng thỉnh cầu của hoàng cung. Nhưng kể từ ngày Rôbe D'Extutovin giữ chức đô trưởng Pari, các chức vụ chánh nhất, chủ trương án, chủ sự đó đã qua tay bao người! Chiều theo sắc phong, chức vụ đô trưởng đã giao ông trị nhậm và tất nhiên, ông nắm nó thật chặt. Ông bám dít, ông hòa mình, ông hóa thân vào chức vụ đó. Đến mức ông thoát khỏi cái tật thay đổi người xoành xoạch của Luy XI, một ông vua đa nghi, keo kiệt và siêng năng, chủ trương luôn luôn bổ nhiệm và thải hồi quan chức, để duy trì quyền bính mềm dẻo. Hơn thế nữa, vị hiệp sĩ can trường còn xin cho con trai được quyền thừa kế chức vụ, cho nên từ hai năm nay, nhà quý tộc Giắc D'Extutovin, kỵ sĩ, đã có tên ghi cạnh tên bố đứng đầu sổ quân lương của tòa đô chính Pari! Thực là ân huệ hiếm có và đặc biệt! Quả tình Rôbe D'Extutovin là quân nhân tốt, đã công khai phát cờ chống lại *Liên đoàn bảo vệ công ích*⁽³⁾ và đã cung tiến hoàng hậu một con nai vô cùng kỳ diệu bằng nút keo, vào hôm lệnh bà tới Pari hồi năm 14... Ngoài ra, ông còn kết giao thân tình với Trixtăng L'Ecmít, chủ trương quân hiến binh tại hoàng cung. Quả thực cuộc sống của ông Rôbe rất dễ chịu, sung sướng. Trước hết, lương cao bổng hậu, lại còn dèo thêm, dính vào, như các chùm nho thừa bám vào chùm nho, các lợi tức về mọi phòng lục sự hình và hộ thuộc tòa đô chính cộng thêm lợi tức hình và hộ tại tòa án Amba ở Satois, chưa kể vài món thuế lật vặt về cầu ở Măngto và Cobây, rồi lợi tức về thuế hái táo ở Pari, thuế củi và thuế muối. Cộng thêm vào đó cái thú được trưng diện trong các cuộc phi ngựa qua phố phường, được khoe bộ giáp trụ đẹp đẽ

phủ bên ngoài tấm áo nửa đỏ nửa nâu của thẩm phán quan và cảnh sát trưởng, mà hiện giờ chúng ta còn được ngắm nó khắc trên mộ ông tại tu viện Vanmông ở Noóc măngđi và chiếc mũ sắt bẹp rúm ở Mônghêri. Hơn nữa, chẳng phải chuyện xoàng khi ông có toàn quyền với các cảnh vệ, viên gác cổng và tuần canh ở tòa Satolê, hai thẩm phán ở tòa Satolê, *auditores Castelleti*⁽⁴⁾, mười sáu ông cấm ở mười sáu quận, viên giám ngục ở Satolê, bốn cảnh sát lão luyện, trăm hai mươi kỵ hiến binh, trăm hai mươi cảnh vệ mang roi, các thứ lính tuần canh khác đủ loại. Chẳng phải chuyện tầm thường khi ông có quyền thi hành đủ các bản án lớn hoặc nhỏ, có quyền thi hành nhục hình trên giàn bêu tù, giá treo cổ hoặc ngựa kéo lê, không kể quyền hành tối thiểu được xét xử trước tiên, *in prima instantia* lãnh địa tử tước Pari, như được ghi trong pháp điển và được bảy tòa án quý tộc thừa nhận sắc phong thái ấp. Còn gì thú vị bằng tường tượng cảnh ngài Rôbe D'Extutovin hàng ngày ngồi xét xử và tuyên án trong tòa Đại Satolê, dưới vòm cung nhọn rộng và nặng nề của Philip Ôguýt! Rồi tối tối theo lệ thường, ông trở về ngôi nhà đẹp đẽ ở phố Galilê bên trong vòng rào hoàng cung Pale Roayan, ngôi nhà thừa hưởng bằng hồi môn của bà vợ, Ambroadơ Đơ Lôrê phu nhân, để nghỉ ngơi sau bao khó nhọc vì đã tống cổ một kẻ khôn nạn nào đó đi ngủ đêm ở "căn nhà nhỏ bé trên phố Excoócseri, mà các đô trưởng và thẩm phán ở Pari muốn dùng làm nhà giam; căn nhà dài mười một bộ, rộng bảy bộ bốn tấc và cao mười một bộ"⁽⁶⁾.

Không những ông Rôbe D'Extutovin có quyền xử án theo ý riêng với tư cách đô trưởng và tử tước Pari, mà còn có quyền để mắt và thò nanh vuốt vào các vụ án lớn của nhà vua. Không có cái đầu nào hơi cao cấp mà không qua tay ông trước khi rơi vào tay đao phủ. Chính ông đã tõi ngục Baxtio để tìm Xanh Angtoan rồi giải ra Chợ, tìm ngài Nomua để giải ra quảng trường Grevo, tìm ngài Xanh Pon giây giũa kêu la, khiến ngài đô trưởng rất thích thú vì vốn không ưa quan nguyên soái.

Tất nhiên, mọi cái đó thừa thãi để tạo nên đời sống sung sướng và danh giá, để một ngày kia ngài xứng đáng lưu danh trên một trang quan trọng của cuốn sử thú vị về những đô trưởng Pari, trong đó còn đọc thấy Uda Đơ Vilonovo có ngôi nhà trên phố Hàng thịt, Ghiôm Đơ Hăngát mua cả đại lẫn tiểu Xavoa, Ghiôm Tibuxto cùng dãy nhà trên phố Clôpanh cho các nữ tu sĩ ở nhà thờ Xanhtho Gionovievo. Huygo Ôbriô ngụ tại dinh Po Êpich, cùng nhiều chuyện gia đình khác.

Tuy nhiên, với rất nhiều lý do là cần kiên nhẫn và vui vẻ để sống ở đời, ông Rôbe D'Extutovin vẫn thức dậy rất bực bội và cau có vào sáng hôm mùng bảy tháng giêng năm 1482. Tại sao lại cau có bực bội? Chính ông cũng không hiểu nữa. Phải chăng vì trời u ám? Vì cái khóa thắt lưng cũ rích ở Mônghêvi cài không chặt và bó lấy tám thân phì nộn của đô trưởng một cách quá linh tráng chăng? Vì ngài trông thấy bọn đàn điếm đang kéo đi ngoài phố, ngay dưới cửa sổ nhà mình, mỗi tốp bốn đứa, áo dài mặc trần không áo lót, mũ không chóp, kè kè túi dết và chai rượu, còn làm bộ trêu chọc ông? Phải

chẳng vì mơ hồ linh cảm thấy ba trăm bảy mươi đồng Livơ mười sáu xu tám doniê sang năm sẽ bị nhà vua tương lai Sácơ VIII cắt xén vào số lợi tức của tòa đô chính? Xin tùy bạn đọc lựa chọn nguyên nhân; còn tác giả nghiêng về phía tin rằng ông ta bực bội chỉ vì lý do đơn giản là ông ta bực bội.

Vả lại, hôm đó là hôm sau ngày hội, một ngày đáng chán với tất cả mọi người, nhất là với nhà chức trách có nhiệm vụ quét sạch mọi rác rưởi, theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, của ngày hội ở Pari để lại. Hơn nữa, ông còn phải tới ngồi xử án tại tòa Đại Satolê. Thế mà ta thường nhận thấy các vị thẩm phán bao giờ cũng tìm cách khiến ngày phiên tòa trùng với ngày cầu kinh, để luôn có sẵn một kẻ mà nhân danh nhà vua, cứ việc tiện lợi đổ hết luật lệ và công lý lên đầu.

Trong lúc đó, phiên tòa đã khai mạc không có ông ta. Theo thường lệ, các phụ tá về hình, về hộ và về việc tư cứ làm việc; và mới tám giờ sáng đã chục nam nữ thị dân đã chen chúc, xô đẩy trong góc tối tòa án Āmba ở Satolê, giữa hàng rào gỗ sồi vững chắc và bức tường, khoan khoái dự tấn trò khá xôm và vui vẻ xử án hình, án hộ, do thấy Phloriăng Báchodiên, thẩm phán ở Satolê, phụ tá ngài đô trưởng, xét xử khá lộn xộn và hoàn toàn tùy tiện.

Gian phòng nhỏ, thấp, trần vòm. Cuối phòng kê chiếc bàn chạm hoa huệ, cùng chiếc ghế bành lớn gỗ sồi có chạm trổ, dành cho đô trưởng và đang bỏ trống, bên trái là ghế đầu của thẩm phán, thấy Phloriăng. Viên lục sự đang ghi chép, ngồi ở phía dưới. Trước mặt là công chúng; 262

trước cửa và trước bàn có rất đông cảnh vệ, mặc nhung phục lót lông thú màu tím thêu thập tự trắng. Hai cảnh vệ của tòa án Pácloa Ô Buagioa, mặc áo nâu kiểu Tút-xanh, nửa đỏ nửa xanh, đứng gác trước cửa nhỏ đóng kín, ở cuối phòng, sau bàn. Chiếc cửa sổ tò vò duy nhất, trở hẹp trong bức tường dày, chiếu ánh sáng trắng bạch thảng giêng vào hai hình thù kỳ quái, con quỷ quái dị bằng đá chạm trên đầu cột chống vòm mái và viên thẩm phán ngồi ở cuối phòng, trên nền hoa huệ.

Đúng thế, hãy hình dung thấy Phloriăng Bắcbodiên, thẩm phán ở Satolê, ngồi trước bàn xử án, giữa hai chồng hồ sơ, chống khuỷu tay, chân dẫm lên vạt áo dài bằng dạ nâu trơn, mặt khuất trong cổ áo lông cừu trắng, với cặp lông mày như sắp rời ra, một khuôn mặt đỏ như, quàu quàu, mắt hấp hím, hai má núng nính oai vệ đầy mỡ, chảy dài xuống dưới cằm.

Ông thẩm phán lại điếc nữa. Nhược điểm nhẹ với một thẩm phán. Không phải vì thế mà thầy Phloriăng không xử thẳng tay và dẫu vào đó. Chắc chắn một thẩm phán chỉ cần ra vẻ lắng nghe là đủ; thế mà ông thẩm phán đáng kính lại làm tròn đầy đủ nhiệm vụ đó, điều kiện cần thiết duy nhất để phán xử công minh, không một tiếng động nào có thể làm ông dang trí.

Hơn nữa, trong tòa án, có một kẻ đang kiểm soát gắt gao mọi hành động, cử chỉ của quan thẩm phán, đó là anh bạn Giảng Phrôlô Cối Xay của chúng ta, cậu học trò bé nhỏ hôm trước, người *bộ hành* mà ai cũng luôn luôn chắc chắn bắt gặp khắp nơi ở Pari, trừ trước bàn giảng giáo sư.

Hắn khề nói với gã bạn Rôbanh Puxopanh đang cười cợt bên cạnh, trong khi hắn bình phẩm những cảnh xảy ra trước mắt:

- Này, Gianotông Bui Rậm kia kìa. Đứa con gái xinh đẹp của thằng cha đại lân ngoài chợ Mói! - Đấy rồi xem, thế nào lão ta cũng trừng phạt con bé! Lão chẳng còn có tai có mắt gì nữa. Mười lăm xu bốn doniê tiền Pari, vì tội đeo những hai chuỗi hạt! Kể hoi đắt. *Lex duri carminis*⁽⁷⁾.
- Ai thế kia nhỉ? Rôbanh Siép Đờ vin, thợ áo giáp chăng?
- Đã từng dự thi và đỗ bằng thợ cả trong nghề ư? - Đó là tiền vào cửa của hắn ta. - Ô kìa! hai quý tộc giữa đám vô lại! Eglê Đờ Xoăng, Huytanh Đờ Mayi. Hai kỵ sĩ, *corpus Christi*!⁽⁸⁾ Chà! Họ chơi xúc xắc. Bao giờ mới thấy mặt hiệu trưởng của chúng ta ở đây nhỉ. Một trăm đồng livre tiền Pari là tiền phạt nộp cho nhà vua! Lão Báchodiên nện bừa như thằng điếc - hắn chẳng điếc sẵn là gì! - Mình chỉ muốn thành ông phó chủ giáo, nếu việc đó cấm được mình đánh bạc, đánh bạc ban ngày, đánh bạc ban đêm, sống vì cờ bạc, chết vì cờ bạc, đem cả linh hồn ra đánh bạc sau khi đã gán cả áo lót! - Lạy Đức mẹ, sao lắm con gái thế! Hết con này đến con khác, hơi bấy chiêm của ta! Ambroadơ Lêquye! Idabô La Paynét! Bêrácđơ Giônanh! Lạy Chúa, mình quen hết tụi nó! Phạt! Cứ phạt! Có thể mới chừa cái tội đeo thắt lưng vàng! Phạt mười xu tiền Pari, này mấy ả làm dáng! - Ô! cái mồm già lão thẩm phán, hắn đã điếc lại ngu! Ô! Phloriăng đồ bị thối! Ô! Báchodiên con vạ! Kìa hắn ngồi vào bàn! Hắn ăn bên nguyên, hắn ăn vụ án, hắn chén, hắn nhai, hắn nhồi, hắn nhét, phạt vạ, di vật, phí tổn, án phí, tiền, thù lao, ngoại

phụ, tiền bồi thường tổn thất, tra khảo, giam cầm, tù ngục và cộng thêm tụng phí, tất cả đối với lão chỉ là bánh ngọt Giáng sinh và bánh hạnh nhân ngày lễ Xanh Giáng! Xem kìa con lợn! - Thôi được! Lại thêm Một mu đa tình nữa! Tibô Thảm lông bò, không hơn không kém! - Vì tội đi ra từ phố Glatinh! - Thằng nào thế kia? Giéphroa Mabon, cung thủ hiến binh. Nó réo gọi tên Chúa cha. - Phạt mu Thảm lông bò! Phạt thằng Giéphroa! - Phạt cả hai đứa! Lão già điếc! Có lẽ lão lẫn lộn hai việc mất! Đánh cuộc mười ăn một là thế nào lão cũng phạt con đi về tội chủi đồng và phạt gã hiến binh về tội làm tình. Xem kìa, Rôbanh Puxopanh! Chúng sắp dẫn ai vào thế kia? Sao lăm cảnh vệ thế! Ôi thượng đế! cả bảy chó săn đều đủ mặt. Chắc là con mồi to nhất của cuộc săn. Một con lợn lòi. - Đúng là con lợn lòi, Rôbanh, con lợn lòi thật! - Mà lại là con kéch xù nữa! Hercle⁽⁹⁾ đúng là ông hoàng hôm qua, vị Cuồng dâng giáo hoàng, gã kéo chuông, tên chốt, tên gù, cái mặt nhăn nhó của chúng ta! Đúng là Cadimôdô!...

Quả thật nó.

Đúng là Cadimôdô bị cột kỹ, buộc ghì, trói gô, trút chặt và canh gác cẩn mật. Toán cảnh vệ giải nó do chính vị hiệp sĩ đội trưởng chỉ huy, mặc áo thêu huy hiệu Pháp quốc trên ngực và thêu huy hiệu thành phố trên lưng. Trừ sự tàn tật, Cadimôdô chẳng còn gì trong người để biện minh cho những gương giáo, súng ống tua tủa như vậy. Nó ủ rũ, lặng lẽ và bình tĩnh. Chỉ thỉnh thoảng nó mới thâm hiểm và tức tối liếc con mắt độc nhất nhìn mở đây trối chẳng chịt trên người.

Nó nhìn chung quanh cũng bằng con mắt đó, nhưng ngẫu dục và lơ đãng, đến nỗi bọn đàn bà cũng chỉ trở cho nhau xem để cười.

Trong khi đó, quan thẩm phán Phloriăng chăm chú giờ tập hồ sơ tố giác Cadimôđô, do viên lục sự đưa lên, lão xem qua rồi ra về suy nghĩ một lát. Nhờ sự thận trọng này đã thành thói quen, mỗi lần sắp hỏi cung, lão biết trước tên tuổi, nghề nghiệp, tội trạng của bị can, đáp lại bằng câu định sẵn về lời khai định sẵn và thoát khỏi mọi rắc rối của cuộc hỏi cung, mà không để lộ mình điếc. Hồ sơ vụ án đối với lão cũng giống con chó đối với người mù. Nếu tình cờ tật điếc thỉnh thoảng có lộ ra bằng vài câu chất vấn khó hiểu hoặc câu hỏi lí nhí, có người cho là sâu sắc, có kẻ lại nghĩ là ngu xuẩn. Trong cả hai trường hợp, danh dự tòa án đều không hề tổn thất; vì một thẩm phán thà được tiếng ngu xuẩn hoặc sâu sắc, còn hơn điếc. Cho nên, lão tìm mọi cách che giấu tật điếc trước mắt mọi người, thường thường lão thành công đến mức chính mình cũng có ảo tưởng không điếc. Điều đó thật ra cũng dễ hơn ta tưởng. Mọi anh gù đều vươn cổ lên, mọi anh ngọng đều ba hoa, mọi anh điếc đều nói nhỏ. Còn về phần lão, lão chỉ thấy tại mình hơi nghễnh ngãng. Đó là nhượng bộ duy nhất lão có thể chấp nhận trước dư luận công chúng, vào những lúc thành khẩn và tự vấn lương tâm.

Sau khi nghiền ngẫm kỹ vụ Cadimôđô, lão ngã đầu ra sau ghế và lìm dim đôi mắt, cho có vẻ thêm oai nghiêm và võ tư, thành ra lúc đó lão vừa điếc lại vừa mù. Nếu không có hai điều kiện này, lão đã chẳng thành một thẩm

phán hoàn hảo. Với thái độ oai vệ đó, lão bắt đầu thẩm vấn:

- Họ tên?

Nhưng đây là trường hợp chưa được "luật pháp quy định", trường hợp một người điếc thẩm vấn một người điếc.

Không có gì báo trước cho Cadimôđô biết câu hỏi đó nhằm vào mình, nên hắn cứ tiếp tục nhìn chăm chăm ông thẩm phán. Ông này, cũng điếc và không gì báo trước cho biết là can phạm điếc, tưởng hắn đã trả lời, như mọi can phạm thường làm như vậy, nên hỏi tiếp đây về định đạc máy móc và ngớ ngẩn:

- Tốt lắm. Bao nhiêu tuổi?

Cadimôđô cũng chẳng trả lời câu hỏi đó. Ông thẩm phán tưởng hắn đã trả lời, lại hỏi tiếp:

- Bây giờ tới nghề nghiệp?

Vẫn im lặng như thường. Nhưng cử tọa bắt đầu xì xào và nhìn nhau.

- Thế là đủ, ông thẩm phán cho là can phạm trả lời xong câu hỏi thứ ba, cứ nghiêm nhiên nói tiếp: Can phạm bị buộc tội trước tòa: *thứ nhất*, làm náo động ban đêm; *thứ nhì*, có hành động bất chính đối với một người đàn bà điên, *in praejudicium meretricis*⁽¹⁰⁾; *thứ ba*, chống đối và gian manh đối với các cung thủ ngự lâm quân. Can phạm hãy giải thích mọi việc đó. - Lúc sự, ông đã ghi đầy đủ những lời can phạm cung khai từ nãy đến giờ chưa?

Nghe câu hỏi bất ngờ đó, cử tọa phá lên cười, từ lúc sự tới công chúng, cười âm ỉ, điên cuồng, lan tràn, đồng loạt, làm cả hai gã điếc cũng phải nhận thấy. Cadimôđô nhô cái bươu lên, quay lại, nét mặt khinh khỉnh, còn thấy Phloriăng, cũng ngạc nhiên không kém và cho rằng can phạm đã trả lời hỗn láo làm cho mọi người cười, cứ xem nó nhún vai thế kia đủ rõ, liền tức giận tra hỏi:

- Anh hể kia, anh vừa trả lời một câu hỏi đáng tội treo cổ đấy. Anh có biết anh đang nói với ai không?

Câu hỏi câu kinh càng không làm trận cười chung giảm bớt. Mọi người thấy câu hỏi quá ngô nghê và vớ vẩn, trận cười lây sang cả hai cảnh vệ tòa án Pácloa Ô Buécdoa, loại quân hầu đầy tớ ngu độn như nhau. Riêng có Cadimôđô vẫn giữ vẻ nghiêm trang, vì lẽ nó chẳng hiểu gì về mọi chuyện đang xảy ra chung quanh. Ông thẩm phán, càng tức tối hơn, tưởng mình phải tiếp tục theo giọng điệu cũ, hy vọng làm can phạm run sợ, do đó tác động tới cử tọa và kéo họ trở lại trang nghiêm như cũ.

- Tên lưu manh trộm cướp kia, như thế là người dám xúc phạm tới vị thẩm phán tòa Satolê, vị pháp quan phụ trách cảnh sát nhân dân địa hạt Pari, có nhiệm vụ điều tra về hình sự, thường sự và mọi vụ phạm pháp, kiểm soát mọi ngành nghề và ngăn cấm đầu cơ độc quyền, duy trì đường sá, cấm chỉ buôn bán lẻ gà vịt nhà nuôi hay gà vịt rừng, kiểm tra đo lường củi đốt và các loại gỗ khác, tẩy uế thành phố sạch bùn rác, tẩy uế không khí sạch bệnh truyền nhiễm, luôn luôn chăm nom mọi lợi ích công cộng, tóm lại một câu là không có lương bổng, cũng chẳng hy vọng thù lao gì! Người có biết ta tên là Phloriăng

Bácbođiên, phụ tá chính thức của Ngài đô trưởng, hơn nữa còn kiêm chánh cấm, điều tra viên, kiểm soát viên và thanh tra viên với quyền hạn ngang nhau ở tòa đô chính, tòa án, quản thủ và chung thẩm!...

Chẳng có lý do gì khiến người điếc nói với một người điếc phải ngừng lời. Có trời mà biết Phloriăng đang khua mái chèo cao đàm hùng biện, sẽ ghé bến lúc nào và ở đâu, nếu cánh cửa nhỏ ở cuối phòng không đột nhiên mở ra để đích thân Ngài đô trưởng bước vào.

Thấy đô trưởng tới, thấy Phloriăng không hề lúng túng ngừng lời, mà quay gót nửa vòng, đột nhiên hướng về đô trưởng những lời biện thuyết vừa mới giảng xuống đầu Cadimôđô trước đó:

- Bẩm đức ông, lão nói, tôi trân trọng yêu cầu tòa kết án can phạm có mặt tại đây, vì tội xúc phạm nặng và kỳ quặc đối với tòa.

Rồi lão hốt hển ngồi xuống, lau mồ hôi rỏ từng giọt lớn như nước mắt trên trán, làm ướt cả tập hồ sơ trải trước mặt. Rôbe D'Extutovin cau mày rồi giơ tay đe Cadimôđô thật oai nghiêm và đầy ý nghĩa, làm gã điếc cũng hiểu đôi chút.

Ông đô trưởng nghiêm khắc hỏi:

- Tên vô lại kia, mày phạm tội gì mà phải giải tới đây?

Gã khốn nạn cho rằng đô trưởng hỏi tên nó bèn phá vỡ thói quen im lặng và trả lời bằng giọng khàn khàn từ trong cổ họng:

- Cadimôđô.

Câu trả lời chẳng ăn nhập gì với câu hỏi làm mọi người cười ầm lên, khiến ông Rôbe tức đỏ mặt, thét lên:

- Đồ mặt dày mày dạn, mày dám trêu cả tao nữa ư?

- Kéo chuông ở nhà thờ Đức bà, Cadimôđô đáp, tưởng thẩm phán hỏi nó làm nghề gì.

- Kéo chuông à! Ông đồ trưởng từ sáng dậy đã cẩu kính sẵn, như đã kể ở trên, cho nên chẳng cần những câu trả lời kỳ quặc như vậy chọc tức thêm. Kéo chuông hả? Tao sẽ cho gậy gộc nó rung chuông ngay trên lưng mày giữa ngã tư thành phố. Đồ vô lại, mày hiểu chưa?

- Nếu tòa muốn biết tuổi tôi, Cadimôđô đáp, hình như tôi được hai mươi tuổi vào ngày lễ Xanh Máctanh này.

Thế này thì quá lắm, ông đồ trưởng không chịu đựng nổi nữa.

- A, thằng khốn nạn! mày dám nhạo báng cả tòa. Cảnh vệ cấm roi, hãy điệu tên này tới giàn bêu tù ở quảng trường Grevo, đánh cho nó một trận rồi quay cho nó một giờ. Lạy Chúa! Cho nó biết tay ta và ta truyền bản án này phải được đi rao, cùng bốn lính kèn kèn theo, tại bảy khu vực lãnh địa thuộc đất đai từ tước Pari.

Viên lục sự liền thảo luận bản án.

- Lạy Chúa chết tiệt! Xử với xiếc hay thật! Gã học trò nhỏ Giảng Phrôlô Cối Xay đứng trong xó thót lên.

Ông đồ trưởng quay lại, cặp mắt nảy lửa hầm hầm nhìn Cadimôđô:

- Hình như thằng khốn khiếp còn rửa *chúa chết tiệt* nữa! Lục sự, phạt thêm mười hai đơniê tiền Pari vì tội

chửi rủa và chia cho xường Xanh Oxtaso một nửa số tiền đó. Ta đặc biệt tôn sùng thánh Oxtaso.

Vài phút sau, bản án thảo xong. Nội dung thật giản dị và ngắn. Thủ tục tại tòa đô chính và lãnh địa tử tước Pari hồi đó chưa được chánh án Tibô Bayê và luật sư hoàng gia Rôgiê Bácno nghiên cứu. Khi đó, thủ tục chưa bị ngăn cản bởi một rừng rậm các mảnh khoe và lễ thói mà hai nhà luật học đó dựng lên từ đầu thế kỷ mười sáu. Mọi cái lúc bấy giờ còn rõ ràng, minh bạch. Người ta đi thẳng tới đích và lập tức thấy ngay bánh xe quay tù, dài treo cổ hoặc giàn bêu tù ở cuối mỗi con đường không bụi rậm, chẳng ngã rề. Ít nhất cũng biết mình đi đâu.

Lục sự trình bản án cho đô trưởng, ông này áp triệu rồi đi ra, tiếp tục tới công cán tại các tòa án khác, với tâm trạng khiến hôm đó, khắp các nhà tù ở Pari phải chật ních tội nhân. Giảng Phrôlô và Rôbanh Puxopanh cùng che miệng cười. Cadimôđô nhìn mọi việc, thái độ vừa thản nhiên vừa kinh ngạc.

Trong khi đó, vào lúc thấy Phloriăng Bácbodiên đến lượt mình phải đọc bản án để ký tên, viên lục sự thấy thương hại gã tội nhân khốn khổ và hy vọng xin giảm nhẹ cho nó, nên ghé sát tận tai viên thẩm phán rồi chỉ Cadimôđô và bảo:

• Anh ta bị điếc.

Y hy vọng cảnh đồng bệnh tương liên sẽ khiến thầy Phloriăng quan tâm cứu giúp tội nhân. Nhưng trước hết, chúng ta đã nhận thấy thầy Phloriăng không muốn người ta biết mình điếc. Sau nữa, ông nặng tai đến nỗi không

nghe thấy một lời nào của viên lục sự nói với mình; nhưng ông ta ra về nghe rõ và đáp:

- Ra thế à! Nếu vậy lại khác. Nào tôi có biết đâu. Trong trường hợp này, phạt thêm nó một giờ bêu tù nữa.

Rồi lão ký bản án được sửa đổi như vậy.

Rôbanh Puxopanh vốn thù ghét Cadimôđô, bảo:

- Hay lắm, thế cho nó chừa cái thói hung bạo với mọi người.

II. HANG CHUỘT

Xin mời bạn đọc trở lại quảng trường Grevo, mà hôm qua ta đã cùng Gringoa rời đi để theo sau Exmêranda.

Lúc đó mười giờ sáng. Tất cả đều sặc mùi hôm sau ngày hội. Mặt đường đầy rác rưởi, dải lụa, giẻ rách, lông cẩu mủ, sấp ở đước rở xuống, thức ăn thừa dân chúng bỏ lại. Rất nhiều thị dân đi *lượn phố*, như ta thường nói, lấy chân đá những thanh củi đã tắt của đám lửa liên hoan, say sưa ngắm ngôi Nhà cột, nhớ lại những màn cửa đẹp treo đó hôm qua, bây giờ chỉ còn lại cái thú cuối cùng ngắm mấy chiếc đỉnh. Bọn bán rượu táo và rượu bia lặn thùng qua đám đông. Vài khách bộ hành vội vã qua lại. Người bán hàng đứng trước cửa tiệm để trò chuyện hoặc gọi nhau í ới. Ngày hội, các sứ giả, Còpponôlơ, Cuồng đảng giáo hoàng, được nhắc tới trên mọi cửa miệng. Ai nấy đua nhau chế bai và cười đùa. Trong khi đó, bốn cảnh vệ cưỡi ngựa, tới đứng gác ở bốn góc giàn bêu tù, đã lôi kéo được một đám khá đông dân chúng đang tản

man trên quảng trường, lại tụ tập quanh họ, đám này dành cam chịu đứng yên tại đó và rất buồn chán, với hy vọng được xem một vụ xử tội nhẹ.

Sau khi ngắm cảnh tượng linh hoạt và ồn ào diễn ra khắp mọi nơi trên quảng trường, nếu bây giờ bạn đọc đưa mắt nhìn ngôi nhà cổ xưa, nửa gô-tích, nửa rô-man, ở tháp Rô-lăng, nơi góc bờ sông phía tây, bạn đọc có thể nhận thấy trong một góc của mặt tiền tòa nhà, một cuốn kinh công cộng lớn được tồ điểm lộng lẫy, có mái hiên nhỏ che mưa và chân song sắt ngăn kẻ cắp, nhưng vẫn có thể giờ từng trang. Cạnh cuốn kinh là khung cửa sổ tò vò hẹp, có hai thanh sắt bất chéo chữ thập chắn ngang, mở ra quảng trường, chiếc cửa duy nhất để lọt chút không khí và ánh sáng vào căn phòng nhỏ không cửa, được xây lẩn vào trong bức tường dày của tầng dưới tòa nhà cổ; căn phòng tràn đầy vẻ bình yên càng lạnh lẽo hơn, vẻ lặng lẽ càng âm đạm hơn, nếu so với quảng trường công cộng đông đúc và náo nhiệt nhất Pari, đang chen chúc, ồn ào khắp chung quanh.

Căn phòng đó nổi tiếng ở Pari từ ba thế kỷ nay, do Rô-lăng phu nhân ở tháp Rô-lăng để tang cha tử trận trong thập tự chinh, đã sai khoét vào trong vách tường tòa nhà riêng rồi mãi mãi tự giam mình tại đây; cả tòa lâu đài đã được đem cúng cho kẻ nghèo và Chúa, bà chỉ giữ lại căn phòng đó, cửa ra vào được bịt kín còn cửa sổ bỏ ngỏ suốt mùa hè cũng như mùa đông. Quả thực, người đàn bà buồn khổ đã chờ đợi cái chết suốt hai mươi năm trong căn nhà mồ làm sẵn, ngày đêm cầu nguyện cho vong linh cha, bà ngủ ngay trên đồng tro, không có lấy hòn đá gối

dầu, bà khoác bao tải đen, sống toàn bằng của bố thí sau khi đã bố thí hết của cải, nhờ lòng thương xót của khách qua đường để lại cho mẩu bánh và bát nước trên thành cửa sổ. Khi chết, lúc dời sang nhà mồ khác, bà vĩnh viễn để lại quyền thừa hưởng căn phòng cho các phụ nữ đau buồn, các bà mẹ, vợ góa hoặc gái chưa chồng cần luôn cầu nguyện cho người khác hoặc cho mình, và muốn tự chôn sống trong nỗi đau khổ lớn hoặc nặng lòng sám hối. Các kẻ khó thời đó đã long trọng đưa ma bà bằng nước mắt và lời chúc phúc, nhưng họ rất lấy làm tiếc là cô gái mộ đạo đã không được suy tôn thành thánh chỉ vì thiếu kẻ nâng đỡ. Trong bọn họ, có vài kẻ hơi kém đức tin, hy vọng việc này sẽ được thực hiện thiên đường còn dễ hơn ở La Mã, nên họ chỉ cầu nguyện Chúa xót thương người chết mà chẳng cần tới giáo hoàng. Số đông đành chỉ tưởng nhớ bà Rôlăng linh thiêng và giữ mớ quần áo rách làm thánh tích. Để tưởng niệm bà, về phần mình, thành phố cũng làm một cuốn sách kinh công cộng, được gắn cạnh cửa sổ căn buồng, để khách qua đường thỉnh thoảng dừng lại, dù chỉ định cầu nguyện thôi, mà cầu nguyện lại buộc phải nhớ tới bố thí, do đó các bà tu kín nghèo được thừa hưởng căn buồng của bà Rôlăng, không đến nỗi bị chết đói và bỏ quên hẳn.

Ở các thành phố thời trung cổ, lại nhà mồ đó thực ra không hiếm lắm. Ngay giữa dãy phố đông đúc nhất, ngay giữa cái chợ màu sắc sặc sỡ và âm ỉ nhất, có khi đúng dưới chân ngựa, dưới bánh xe, người ta thường gặp một nhà hầm, một cái giếng, một gian nhà nhỏ tường bịt kín và rào chắn song dưới đó có một người ngày đêm cầu

nguyện, tự ý hiến mình để suốt đời kêu xin chuộc tội giải oan. Trước cảnh tượng kỳ lạ đó, cái buồng giam kính khùng, một khâu nối tiếp giữa nhà ở và nhà mộ, giữa nghĩa trang và khu phố, con người tách khỏi cộng đồng người sống và từ nay coi như thuộc về người chết, ngọn đèn cháy nốt giọt dầu cuối cùng trong bóng tối đó, mảnh đời còn lại leo lét dưới hố đó, hơi thở, tiếng nói, lời cầu nguyện vĩnh viễn trong cái hộp đá đó, khuôn mặt mãi mãi ngoảnh về thế giới bên kia, con mắt đã sáng ánh mặt trời khác, vành tai áp vào vách mộ đó, linh hồn giam hãm trong thể xác, thể xác giam hãm trong hầm tối và dưới hai lớp vỏ da thịt và đá cứng đó là một linh hồn đau khổ rì rầm, mọi cái đó đã gọi cho chúng ta bây giờ bao nhiêu ý nghĩ, nhưng hồi đó không hề được dám đồng để ý. Lòng mộ đạo thiếu suy xét và thiếu tình tế của thời đó không nhìn thấy lắm khía cạnh như vậy trong một hành vi tôn giáo. Họ hiểu sự việc gộp chung một khối và tôn sùng, thờ kính, nếu cần thì phong thần sự hy sinh đó, nhưng không ai phân tích các đau đớn và cũng rất ít mũi lòng thương hại. Thỉnh thoảng họ đem lại ít thực phẩm cho kẻ tu khổ hạnh khốn nạn, nhìn qua lỗ hồng xem còn sống hay chết, chẳng cần biết tên tuổi hần ta, cũng chẳng nhớ rõ hần bắt đầu chết từ bao năm nay rồi, nếu có khách lạ hỏi gì về bộ xương còn sống đang mục nát trong hầm, người chung quanh chỉ trả lời, nếu là đàn ông: - "một lão tu kín"; nếu là đàn bà: - "một mụ tu kín".

Thời đó, người ta nhìn nhận mọi cái đều như vậy, không siêu hình, không quá đáng, không kính phóng đại,

bằng mắt thường. Kính hiển vi còn chưa được phát minh, cho những gì thuộc về vật chất cũng như tinh thần. Tuy nhiên, dù không mấy ai còn chiêm ngưỡng, các tử dụ về lối tự giam hãm như vậy ngay giữa đô thị thực ra vẫn khá phổ biến, như đã nói ở trên. Ở Pari có khá nhiều biệt phòng như vậy để cầu Chúa và sám hối; hầu hết đều có người tu ở rồi. Quả thực, giáo hội luôn chăm lo, không để các phòng đó vắng người, để như vậy hóa ra gieo tiếng tin đồn bất mộ đạo, cho nên khi thiếu kẻ tu khổ hạnh, họ nhốt người hủi vào. Ngoài biệt phòng ở quảng trường Grevo, còn có một cái ở Môngphêcông, một cái ở nhà xác tại nghĩa trang Ixôxăng, một cái khác tác giả không còn nhớ ở đâu, hình như ở nhà Clisông thì phải. Còn nhiều biệt phòng nữa ở nhiều nơi khác, còn thấy dấu vết trong chuyện cổ, vì thiếu công trình kiến trúc. Khu đại học cũng có một biệt phòng riêng. Trên đồi Xanhô Gionovievo, một người thuộc loại cùng khổ thời trung cổ, trong ba mươi năm liền, đã tụng bảy bài thánh ca khổ hạnh trên một đồng phân, dưới suối nước ngầm, cứ tụng đi tụng lại mãi, ban đêm càng tụng to hơn, *magna voce per umbras*⁽¹⁾, và bây giờ nhà sưu tầm đồ cổ tưởng còn nghe thấy tiếng người đó khi bước vào phố Giếng biết nói.

Trở lại câu chuyện về căn phòng ở tháp Rôlăng, xin nói ngay nó chưa bao giờ vắng bóng nữ tu kín. Từ ngày bà Rôlăng chết, căn phòng rất hiếm lúc bỏ không một hoặc hai năm. Nhiều bà đã tới đó than khóc thân nhân, người yêu hoặc tội lỗi cho đến lúc chết. Thói tình quái của dân Pari, gặp cái gì cũng dính vào, ngay cả những

chuyện ít liên quan tới họ, cho rằng ở đó rất ít thấy quả phụ.

Theo thời thượng hồi đó, một chú thích bằng tiếng la tinh được ghi trên tường, chỉ cho khách qua đường có học, biết về tác dụng tu hành của biệt phòng. Tập quán này được duy trì mãi tới giữa thế kỷ mười sáu, dùng một câu châm ngôn ngắn viết trên cửa ra vào để giải thích một tòa nhà. Cho nên tại Pháp, ta còn đọc thấy ngay phía trên khung cửa xép của nhà giam ở tư dinh lãnh chúa Tuavin: *Sileto et spera*⁽²⁾; tại Ái Nhĩ Lan, dưới huy hiệu treo trên cổng lớn của lâu đài Photexquy: *Forte scutum, salus ducum*⁽³⁾; tại Anh tên cổng chính tòa lâu đài hiệu khách của các bá tước Cồppơ: *Tuum est*⁽⁴⁾. Vì thời đó mỗi tòa nhà là một tư tưởng.

Vì căn phòng xây kín ở tháp Rôlăng không có cửa ra vào, cho nên người ta khắc bằng chữ lớn kiểu rôman ở phía trên cửa sổ hai từ:

TU, ORA⁽⁵⁾

Dân chúng vốn thực tế, chẳng cần nhìn sự vật quá tinh tế và sẵn sàng dịch *Ludovico Magno*⁽⁶⁾ thành *Cổng Xanh Đòni*, đã gọi căn hầm đen ngòm tối tăm và ẩm thấp đó là *Hang chuột*⁽⁷⁾. Một chú giải có lẽ không cao cả bằng cái tên la-tinh nhưng trái lại, thú vị hơn.

III. CHUYỆN CHIẾC BÁNH RÂN MÊN BỘT NGÔ

Vào thời kỳ xảy ra chuyện này, biệt phòng ở tháp Rôlăng đang có người ở. Nếu bạn đọc muốn biết đó là ai, xin hãy lắng nghe câu chuyện giữa ba người đàn bà mau mồm mau miệng; trong khi bạn đọc đang chú ý tới hàng chuột, cả ba cũng đi về đúng phía đó, ngược từ điện Satolê lên quảng trường Grevo, theo dọc bờ sông.

Hai trong ba bà ăn mặc kiểu thị dân khá giả của Pari. Cổ áo trắng mỏng, váy len dệt kẻ xọc xanh đỏ, bít tất dệt trắng điểm đường thêu chỉ màu bó sát chân, giày mũi vuông bằng da vàng gót đen và nhất là chiếc mũ, một thứ sừng trang kim, chằng chịt dải lụa và viên ren, mà phụ nữ vùng Sămpanho hiện giờ vẫn đội, cạnh tranh với bọn lính thị vệ hoàng gia Nga, tất cả cho biết họ thuộc tầng lớp nhà buôn giàu, đứng giữa hai hạng người mà lũ gia nô gọi là *con mu* và *phu nhân*. Họ không đeo nhẫn, không đeo thánh giá vàng và cũng dễ dàng nhận thấy không phải vì họ nghèo, mà chỉ do hỗn nhiên sợ bị phạt. Bà bạn cùng đi, ăn mặc gần giống như vậy, nhưng trong cách trang sức và điệu bộ có vẻ hao hao thuộc loại vợ trưởng khế tính nhỏ. Cứ nhìn lối thắt dây lưng cao quá hông cũng đủ rõ bà từ lâu chưa tới Pari. Lại thêm cổ áo xếp nếp, giày thắt dải lụa, sọc váy may theo chiều ngang chứ không phải chiều dọc, cùng ngàn cái lỗ lủng khác mà khiêu thẩm mỹ phải bực mình.

Hai bà kia bước đi theo kiểu đặc biệt dân Pari, muốn cho dân tỉnh nhỏ thấy thế nào là Pari. Bà tỉnh nhỏ dắt một cậu bé mập mạp, tay cầm chiếc bánh rán to.

Tác giả rất bực mình phải nói thêm, đang giữa mùa lạnh như thế, cậu bé lại dùng lưỡi thay khăn tay.

Cậu bé cứ để lời đi, *non passibus aequis*⁽¹⁾, như Viécgin đã nói, và chốc chốc lại vấp ngã, khiến bà mẹ gắt mắng om sòm. Quả tình cậu nhìn chiếc bánh hơn nhìn mặt đường. Chắc hẳn có lý do gì nghiêm trọng ngăn cậu bé không cắn (chiếc bánh), vì cậu chỉ âu yếm nhìn nó thôi. Nhưng lẽ ra bà mẹ phải cầm lấy chiếc bánh. Quả là ác nghiệt khi bắt thằng bé bụ bẫm phải làm một thứ Tăngtan⁽²⁾.

Trong lúc đó, cả ba chị (vì hồi đó tiếng bà chỉ dành cho phụ nữ quý tộc) cùng nói.

- Này chị Mahiét, ta đi nhanh lên, bà trẻ nhất, cũng to béo nhất, nói với bà tỉnh nhỏ, khéo không tới nơi muộn mất. Ở Satolê, họ bảo tôi là tên đó sẽ lập tức được dẫn thẳng tới giàn bêu tù.

Ồ hay, chị Udácđo Muyxniê, chị nói gì vậy, bà người Pari kia nói, Nó sẽ bị bêu hai giờ. Còn khối thời gian. Này Mahiét, chị được xem bêu tù chưa?

- Rồi, xem ở Remx, bà tỉnh nhỏ đáp.

- Úi chà, giàn bêu tù ở Remx, ra cái quái gì! Một cái chuồng tối tăm chỉ để bêu toàn lũ dân quê. Thấm vào đâu!

- Ở chợ Hàng dạ, ở Remx, ai bảo chị là toàn lũ dân quê? Mahiét hỏi vặn. Ở đó, tôi từng thấy vô số tội nhân

ghê gớm, từng giết cả cha lẫn mẹ. Toàn lũ dân quê! Thế chị coi chúng tôi là người thế nào, hả chị Giécve?

Rõ ràng bà tỉnh nhỏ sắp cáu, tự ái cho giàn bêu tù của tỉnh mình. Vừa may Udácđơ Muynxiê vốn ý tứ, kịp thời lái câu chuyện:

- Này, chị Mahiét, chị thấy các sứ thần xứ Phlăngđơ thế nào? Liệu ở Remx có những vị tao nhã như vậy không?

- Thú thật chỉ ở Pari mới được gặp những người Phlăngđơ như họ, Mahiét đáp.

- Chị có thấy ở sứ quán có vị sứ thần làm nghề bán quần chèn không? Udácđơ hỏi.

- Có, Mahiét nói. Trông ông ta như thần Xatuyano.

- Còn cái ông to béo, mặt mũi trông như cái bụng để trần? Giécve hỏi tiếp. Cả cái ông loắt choắt, mắt tí hí viền vải tây đỏ, mặt mày nhăn nhoe cau có.

- Chỉ có đàn ngựa là đẹp mắt, được phủ vải choàng theo kiểu xứ họ, Udácđơ nói.

- Chà! Chị ơi, bà tỉnh nhỏ Mahiét đến lượt mình lên mặt, ngắt lời, nếu chị được xem lễ đăng quang thì thôi hết nói, lễ cử hành ở Remx vào năm 61, cách đây mười tám năm, với đàn ngựa của hoàng thân và của đoàn tùy giá đức vua! Thôi thì đủ loại vải choàng ngựa; thú bằng da Đama, thú bằng da mìn kim tuyến lót lông điều thừ trắng, đen; có loại bằng nhung, lót lông chồn trắng; có loại đính toàn đồ kim hoàn và tua lục lạc lớn bằng vàng và bạc! Tốn không biết bao nhiêu tiền của! Lại còn bao nhiêu thị đồng tuần tú ngồi trên ngựa!

- Dù thế chẳng nữa người Phlăngđơ vẫn cứ có đầy đủ ngựa đẹp như thường, bà Udácđơ lạnh lùng cãi lại, hôm qua họ còn dự tiệc dạ tiệc rất thịnh soạn với ngài thị trưởng, tại tòa đô chính, quan khách được thết nào kẹo viên, rượu quế, gia vị và mọi của ngon vật lạ.

- Nay chị hàng xóm, chị nói gì lạ vậy? Giécve thốt lên. Các sứ thần dự tiệc với đức hồng y, ở điện Tiểu Buốcbông đấy chứ.

- Không phải. Ở tòa đô chính!

- Đúng mà. Ở điện Tiểu Buốcbông.

- Chính là ở tòa đô chính: Udácđơ bực bội cãi lại, vì bác sĩ Xcuarabơ đọc diễn văn chào mừng bằng tiếng la-tinh khiến các sứ thần rất hài lòng. Chính chồng tôi là lái sách tuyên thệ đã nói với tôi.

- Chắc hẳn ở điện Tiểu Buốcbông, Giécve đáp lại chẳng kém gay gắt, vì thấy quân sự của đức hồng y đã tặng các vị khách như sau: mười hai chai nửa lít rượu quế trắng, hồng và đỏ; hai mươi bốn hộp bánh hạnh nhân kẹp Lyông nướng vàng, cùng từng ấy bánh cuốn thùng mỗi chiếc hai cân, và sáu thùng nhỏ rượu nho ngon nhất hiện có. Chắc như vậy đủ rõ ràng rồi. Tôi được biết là nhà thờ tôi làm chỉ huy đại đội ở tòa án Pácloa Ô Buốcđoa, sáng nay, ông ta có so sánh các sứ thần xứ Phlăngđơ với các sứ thần của Prêto Giảng và của hoàng đế xứ Trêbidông đã từ miền Luông hà tới Pari dưới triều tiên đế, tại họ đeo vòng.

- Rõ ràng họ dự tiệc tại tòa đô chính, bà Udácđơ cãi lại, dùng dụng trước mọi lời phân bày đó, chưa bao giờ lại lảm nhảm và kẹo đến thế.

- Tôi nói để chị biết chính Lo xéch, tuần cảnh thành phố, đã hầu bàn cho họ tại điện Tiểu Buốcbông, đúng là chị nhầm mất rồi.

- Tôi đã bảo ở tòa đô chính kia mà!

- Chị ơi, ở điện Tiểu Buốcbông kia! Chính người ta đã dùng đèn chiếu để soi sáng chữ *Hy vọng* ghi trên cổng lớn.

- Ở tòa đô chính! ở tòa đô chính! Chả thế mà có cả Huytxông Lo Voa thối sáo!

- Tôi đã bảo không phải!

- Con tôi bảo đúng thế!

- Nhất định không phải!

Bà béo Udácđơ sắp đáp lại và vụ cãi vã chưa chừng dẫn tới chỗ tím tóc nhau, nếu Mahiét không đột nhiên reo lên:

- Xem kia, một bọn người đang tụ tập ở đầu cầu đằng kia! Họ xúm lại xem cái gì ở giữa đám ấy.

- Đúng thế, tôi nghe có tiếng trống, Giécve nói. Có lẽ con bé Xmêranda đang làm trò với con dê. Mau lên, Mahiét! Đi nhanh lên, kéo theo cả cháu nhỏ nữa. Chị lên đây để thăm cảnh lạ Pari. Hôm qua chị đã thấy các sứ thần Phlăngđơ; hôm nay phải xem con bé Ai-cập.

- Con bé Ai-cập! Mahiét thốt lên, bỗng quay gót trở lại, nắm chặt lấy cánh tay thẳng con. Lạy Chúa phù hộ! Nó ăn cắp con tôi mất! - Oxtaso, lại đây.

Rồi bà chạy dọc bờ sông về phía quảng trường Grevo, tới khi bỏ lại chiếc cầu khá xa phía sau. Còn đứa bé bị

lôi xềnh xệch, ngã khụy xuống; bà thở hổn hển, dừng lại. Udácđơ và Giécve chạy theo tới nơi.

- Con bé Ai-cập đó mà ăn cắp con chị ư? Giécve nói. Chị bày đặt chuyện gì lạ lùng thế.

Mahiet lắc đầu, vẻ lo lắng.

- Điều lạ lùng là mẹ tu kín dòng Túi cũng nghi hết như vậy về bọn đàn bà Ai-cập, Udácđơ nhận xét.

- Mẹ tu kín dòng Túi là ai vậy? Mahiet hỏi.

- Ủa! Udácđơ nói, dì phước Guyđuylo chứ ai.

- Nhưng dì phước Guyđuylo là ai mới được chứ? Mahiet hỏi.

- Chị đúng là người ở Remx, cho nên mới không biết chuyện đó! Udácđơ đáp. Đó là mẹ tu kín ở hang chuột.

- Thế à! Hóa ra chính cái mẹ khốn khổ ta đem bánh này lại cho ư? Mahiet hỏi.

Udácđơ gật đầu, nói:

- Đúng thế. Lát nữa chị sẽ thấy mẹ đó sau cửa sổ trông ra quảng trường Grevo. Mẹ ta cũng nhìn nhận giống chị về lủ lang thang Ai-cập thường đánh trống và xem bói cho dân chúng. Không hiểu sao mẹ đó lại ghê sợ bọn đanhgari⁽³⁾ và bọn Ai-cập đến thế. Con chị, Mahiet, tại sao thoát trông thấy họ, chị đã bỏ chạy ngay?

- Ôi! Mahiet nói, hai tay giữ lấy cái đầu tròn xoe của thằng bé, tại tôi không muốn gặp phải cái cảnh đã xảy ra cho Pakét La Săngtôphlori.

- Chà! chị Mahiet ơi, chuyện này chị phải kể cho chúng tôi nghe mới được, Giécve nắm cánh tay bà ta nói.

- Tôi xin kể ngay, Mahiét đáp, đúng là tại chị ở Pari nên không biết chuyện đó! Xin nói để các chị biết - nhưng ta vừa đi vừa nói chuyện cũng được - Pakét La Săngtophlori là cô gái xinh đẹp mười tám tuổi, cũng như tôi lúc đó, tức cách đây mười tám năm, mà cũng lỗi ở cô ta nếu bây giờ cô ta không như tôi, được trở thành bà mẹ béo tốt, tươi tắn, ba mươi sáu tuổi, có chồng, có con trai. Và lại, ngày hồi cô ta mới mười bốn tuổi, cũng đã lỡ mất rồi - Cô ta vốn là con gái của Guybéctô, làm nghề hát rong dưới thuyền ở Remx, ông ta cũng chính là người từng hát trước mặt vua Sáclo VII hôm lễ đăng quang, khi nhà vua xuôi thuyền trên sông Venlo, từ Xinlori đến Muydong, có cả lệnh bà Nữ đồng trinh trên thuyền ngự⁽⁴⁾. Pakét còn bé tí thì ông bố già chết: thế là chỉ còn lại lại bà mẹ, em gái ông Matie Pradong, thợ cả làm đồng hồ, gò xoong nổi ở Pari, tại đường Paranh Gácianh, vừa chết hồi năm ngoái. Kể cô ta cũng thuộc gia đình khá giả đấy chứ. Bà mẹ là người tử tế nhưng chẳng may chỉ dạy cho Pakét biết chút nghề thêu rua kim tuyến và làm đồ chơi trẻ con, cứ thế cô gái lớn bổng lên và vẫn rất nghèo. Hai mẹ con ở Remx, bên bờ sông, tại phố Phon Pen. Xin lưu ý điểm này: Tôi cho đó là điều làm Pakét khốn khổ. Năm 61, năm làm lễ đăng quang của vua Luy XI mà Chúa vẫn phù hộ đến nay, Pakét xinh đẹp, vui tươi đến nỗi ai ai cũng gọi là Săngtophlori⁽⁵⁾. - Tội nghiệp cô gái - Cô có hàm răng đẹp, nên thích cười để khoe. Thế mà con gái hay cười sớm muộn rồi sẽ khóc; hàm răng đẹp làm hại đôi mắt đẹp. Đó chính là cô Săngtophlori. Cô ta và bà mẹ sinh sống rất chật vật. Từ khi ông chồng hát rong chết, cả hai mẹ con đều khốn đến. Nghề thêu tua kim

tuyển chỉ kiếm được mỗi tuần chưa đầy sáu doniê, tức là không tới hai đồng lya-diêu-hâu. Đầu còn thời buổi mà lão Guybéctô chỉ hát một bài trong riêng dịp lễ dâng quang cũng kiếm được mười hai xu tiền Pari? Một mùa đông - cũng vào năm 61 đó - hai mẹ con không còn lấy thanh củi, mẫu gỗ, mà trời rất lạnh, làm da dẻ cổ gái Săngtophlori càng trắng đẹp hơn, khiến bọn đàn ông gọi cô ta là Pakét! Nhiều kẻ còn gọi cô là Bạch Cúc! Thế là cô gái đâm sa đọa. - Oxtaso, ai bảo con cắn vào cái bánh như vậy! - Chúng tôi thấy ngay cô gái hư hỏng rồi, vào cái hôm chủ nhật, khi cô ta đến nhà thờ với chiếc thánh giá bằng vàng đeo trên cổ. - Mới mười bốn tuổi đầu! Các chị thấy có ghê không! - Thoạt đầu là vị tử tước trẻ Coócômôngtroi, có tòa gác chuông ở cách Remx ba phần tư dặm; rồi ông Hăngri Đờ Triăngcua, quan dạy ngựa hoàng gia; rồi kém hơn nữa là Sya Đờ Bôliông, cảnh lại vũ trang; rồi cứ thế sa sút tới Ghery Ôbécdông, hầu bàn nhà vua; rồi Maxê Đờ Phrêpuýt, thợ cạo đức Thái tử; rồi Têvonanh Lơ Moan, đầu bếp hoàng cung, rồi cứ thế ngày càng già hơn và hèn kém hơn, cô ta rơi vào tay Ghiôm Paxin, đàn hát rong và Tiery Đờ Me, chủ nhà thổ. Tội nghiệp cho Săngtophlori, thế là cô ta bị chuyển tay đủ hạng người. Cô đã tiêu đến xu cuối cùng của đồng tiền vàng. Thế rồi ra sao, các chị có biết không? Tới lễ dâng quang, cũng vào năm 61 đó, chính cô ta phải đón tên trùm trác táng - Trong vòng có một năm!

Mahiét thờ dài và lau giọt nước mắt ứa ra.

- Chuyện đó có gì lạ lắm đâu, Giécve nói, mà chuyện cũng chẳng có ai là Ai-cập và trẻ con cả.

- Khoan đã! Mahiét nói tiếp; trẻ con ư, rồi cũng sẽ có một đứa đây. - Năm 66, tính tới tháng này ngày lễ thánh bà Pôlơ là mười sáu năm rồi, Pakét đẻ con gái. Cô gái khốn khổ rất vui sướng. Từ lâu cô ta vẫn mong có con. Bà mẹ, người hiền lành tử tế, bấy lâu chỉ biết nhăm mắt làm ngo, bà mẹ đã chết. Pakét chẳng có ai trên đời để yêu thương, và cũng chẳng còn ai yêu thương cô. Trải năm năm sa đọa, Săngtophlori đã trở thành con người khốn khổ. Cô ta sống tro troi, tro troi giữa cuộc đời, bị dè bừu, bêu riếu ngoài phố, bị cảnh binh đánh đập, trẻ con rách rưới chế giễu. Rồi tuổi 20 tới; mà tuổi hai mươi đã là tuổi già đối với loại đàn bà giăng hoa. Cuộc sống phóng đảng bắt đầu không đem lại tiền bạc cho cô bằng nghề thuê tua kim tuyến ngày xưa; một vết nhăn xuất hiện là một đồng êquy ra đi; mùa đông trở nên khắc nghiệt với cô, từ nay củi đốt trở nên hiếm hoi trong lò bếp và bánh mì hiếm hoi trong thùng bánh. Cô không thể làm lụng được nữa, vì càng dâm dăng càng lười biếng, cô còn khốn khổ hơn nữa vì càng lười biếng lại càng dâm dăng. - Ít nhất cũng bởi lẽ đó mà cha xứ ở Xanh Rêmi đã giải thích tại sao loại đàn bà đó thường rét hơn và đói hơn các bà nghèo khổ khác khi trở về già.

- Phải, Giécve nhận xét, thế còn dân Ai-cập đâu?

- Khoan đã nào. Giécve! Udácđơ nói, không đến nỗi quá sốt ruột. Nếu mở đầu mà kể hết ngay, đoạn cuối còn gì nữa! Mahiét, xin chị cứ kể tiếp. Tội nghiệp cho cô Săngtophlori!

Mahiét kể tiếp:

- Thế là cô ta rất buồn rầu, rất khổ sở, nước mắt đầm đìa đến hóp má. Nhưng sống trong tủi hổ, phóng đảng, tro troi, hình như cô sẽ bớt tủi hổ, phóng đảng, tro troi, nếu trên đời còn có gì đó hoặc ai đó khiến cô có thể yêu thương, và yêu thương lại cô gái. Muốn thế phải có đứa con, vì chỉ có đứa con mới đủ tho ngầy trong việc này. - Cô gái nhận ra điều đó sau khi thử yêu một tên ăn cắp, gã đàn ông duy nhất còn đoái hoài đến cô; nhưng chỉ ít lâu sau, cô nhận thấy cả tên ăn cắp cũng khinh rẻ cô. - Đối với loại gái giang hồ, chỉ có tình nhân hoặc đứa con mới lấp đầy trái tim họ. Nếu không họ sẽ rất khổ. Vì không có nỗi tình nhân, cô chỉ còn thêm muốn có đứa con, và không ngớt cầu xin chúa ban ơn, vì cô vẫn luôn luôn mộ đạo. Chúa lòng lành liền thương xót và ban cho cô đứa con gái. Tôi chẳng tả nổi vui sướng của cô ta. Thôi thì tha hồ khóc lóc, vuốt ve, hôn hít. Cô ta tự cho con bú, làm tã lót bằng chiếc khăn duy nhất trên giường, chẳng còn biết đói rét là gì. Nhờ đó cô đẹp trở lại. Gái già biến thành mẹ trẻ. Ông buồm trở lại dập đầu, khách làng chơi lại tới tìm kiếm Săngtophlori, món hàng của cô lại có kẻ ưa chuộng, và bấy nhiêu ghê tởm được cô ta biến thành tã lót, khăn mũ, yếm dải, áo viền ren và mũ nhỏ xa tanh, cũng chẳng nghĩ tới chuyện sắm cho mình chiếc khăn khác. - Này cậu Oxtaso, tôi đã bảo không được ăn bánh kia mà - Chắc chắn con bé Anbe - đó là tên đứa trẻ, tên rửa tội, còn tên họ từ lâu cô Săngtophlori không còn nữa - chắc chắn con bé được quần dải lụa và đồ thêu còn hơn cả công chúa xứ Đôphinê! Ngoài ra, con bé còn có đôi giày nhỏ! mà đến vua Luy XI chắc cũng chẳng có nổi một đôi tương tự! Chính tay người mẹ đã

khâu và thêu đôi giày, dồn vào đó mọi khéo của thợ thêu kim tuyến và mọi chỉ vàng chỉ bạc của chiếc áo Đức mẹ đồng trinh. Đúng là đôi giày mẫu hồng xinh xắn chưa từng thấy. Nó dài không quá ngón tay cái tôi, và phải thấy đôi chân bé nhỏ của đứa trẻ rút ra khỏi giày, mới tin rằng nó có thể xỏ chân vào được. Quả tình hai bàn chân bé nhỏ thật nhỏ bé, xinh đẹp, đỏ hồng! đỏ hồng hơn cả thứ vải xa tanh may giày! Chị Udácđơ ạ khi nào có con, chị sẽ thấy không gì đẹp bằng những bàn chân, bàn tay bé bỏng đó.

- Tôi không mong gì hơn, bà Udácđơ thử dài nói.

- Hơn nữa, đứa con của Pakét không phải chỉ có đôi chân xinh xắn, Mahiét kể tiếp. Tôi đã trông thấy con bé hồi nó mới được bốn tháng. Thật dễ thương! Mắt nó to hơn miệng. Làn tóc tơ đen nhánh rất đáng yêu, đã quấn tít. Chỉ mười sáu tuổi, nó sẽ thành cô gái tóc huyền bảnh bao lắm: Mẹ nó mỗi ngày một thêm mê mẩn vì nó; nào vuốt ve, hôn hít, mon trón, tắm rửa, trang điểm, ngắm nghía nó mãi! Cô ta quay cuồng vì con, thậm cảm ơn Chúa. Nhất là đôi chân hồng hồng xinh xẻo, đúng là nỗi sung sờ triển miên niềm vui sướng điên cuồng! Cô ta không rời môi hôn đôi chân con và không hiểu sao chân nó lại bé bỏng đến thế. Cô ta xỏ chân con vào đôi giày nhỏ, rồi rút ra, ngắm nghía, trầm trồ, soi qua ánh sáng, thương hại đôi chân đứa con chấp chững bước đi trên giường và tháo giày cho hai bàn chân giống như chân của Chúa hài đồng.

- Chuyện hay lắm, nhưng chẳng thấy nhắc gì đến Ai-cập cả, bà Giécve khê nói.

- Thì đây, Mahiét đáp. Một hôm, có lũ người cười ngựa trông thật kỳ dị kéo tới Remx. Đó là bọn người nghèo khổ và hành khất đi lang thang trong xứ, do các công tước và bá tước của họ lãnh đạo. Nước da họ ngăm đen, tóc quăn tít, tai đeo khuyên bạc. Đàn bà còn xấu hơn đàn ông. Mặt mày họ đen nhẻm và luôn phoi trần, mình phủ manh vải xác xơ, vai buộc chiếc chần cũ bằng bao tải, tóc tết đuôi ngựa. Đàn con chạy quần quanh chân họ làm khí cũng phát sợ. Đúng là đoàn người bị rút phép thông công. Bọn họ đi thẳng từ miền hạ Ai-cập tới Remx, qua Ba Lan. Nghe đồn giáo hoàng đã rửa tội cho họ và bắt họ chuộc tội bằng cách bảy năm liền phải đi lang thang khắp nơi, không được ngủ trên giường. Cho nên họ mới mang tên Kẻ chuộc tội và người họ hôi thối. Hình như trước kia họ là người Hồi giáo, cho nên họ mới tin thần Giuypite, và hề gặp các tổng giám mục, giám mục và tu viện trưởng có đội mũ mang gậy là họ đòi mười đồng livro tiền Tua. Họ dám làm như vậy vì có sắc lệnh của giáo hoàng. Họ nhận danh vua xứ Angiê và hoàng đế nước Đức để tới Remx xem bói. Các chị thừa biết như thế cũng đủ để họ bị cấm không được vào thành phố. Thế là cả bọn đành vui vẻ hạ trại ở gần cổng Bren, trên ngọn đồi có cối xay, cạnh dãy hồ các mỏ phàn trắng cũ. Dân thành Remx liền lũ lượt kéo đi xem đoàn người đó. Họ xem tướng tay và nói toàn chuyện tương lai kỳ lạ. Họ dám tiên đoán Giuyda sẽ trở thành giáo hoàng. Trong khi đó, có tin đồn ghê gớm là họ chuyên bắt cóc trẻ con, cắt túi và ăn thịt người. Kẻ khôn ngoan bảo bọn đại dốt: "Đừng tới đó", nhưng lại lén lút đến một mình. Thật là một cuộc kích động. Vì rõ ràng họ nói những điều đến

đức hồng y cũng phải kinh ngạc. Các bà mẹ hết sức hãnh diện về con cái, từ khi các mẹ Ai-cập đọc chỉ tay cho chúng thấy đủ mọi phép lạ, viết bằng chữ của kẻ vô thần và người Thổ Nhĩ Kỳ. Bà này có con làm hoàng đế, bà kia có con làm giáo hoàng, bà nọ có con làm đại úy. Cô gái tội nghiệp Săngtophlori cũng đâm tò mò. Cô muốn biết số mệnh con gái mình và liệu bé Anhe xinh xắn một ngày kia có trở thành hoàng hậu xứ Ácmêni hoặc cái gì khác không. Cô ta bèn bế con tới cho bọn Ai-cập; lũ đàn bà đó liền ngắm nghía con bé rồi vuốt ve, hôn hít nó bằng cái miệng đen ngòm, còn trầm trồ khen bàn tay xinh xắn đứa nhỏ. Chao ôi! Người mẹ tha hồ vui sướng. Lũ chúng khen ngợi nhất là hai bàn chân xinh và đôi giày đẹp. Đứa bé chưa đầy một tuổi. Nó đã bập bẹ, cười với mẹ như con bé điên, bụ bẫm, mập mạp rồi hoa chân múa tay rất đáng yêu như tiên đồng trên thượng giới. Nó rất sợ bọn đàn bà Ai-cập, òa lên khóc. Nhưng người mẹ hôn con nhiều hơn và sung sướng ra về với lời tiên đoán tốt lành của bọn thầy bói nói về bé Anhe. Nó sẽ trở thành cô gái đẹp, hiền ngoan, một bà hoàng. Cô ta liền quay lại gian gác xếp ở góc phố Phon Pen, rất kiêu hãnh được bế về một bà hoàng. Hôm sau, nhân lúc con bé còn đang ngủ trên giường mẹ, vì hai mẹ con nó ngủ chung với nhau, cô ta nhẹ nhàng để cửa hé mở rồi chạy đi kể cho bà láng giềng ở phố Xêsexori là sẽ có ngày con bé Anhe được mời ăn ở bàn tiệc của vua nước Anh và quân công Etiôpi, cùng vô khối chuyện hay ho khác. Khi quay về, không nghe thấy tiếng con khóc lúc lên thang gác, cô ta thầm nhủ: "May quá! Con bé vẫn ngủ". Cô ta thấy cánh cửa mở rộng hơn lúc ra đi, nhưng người mẹ đáng thương

vấn bước vào và chạy lại giường... - Đứa bé không còn đó, giường trống trơ. Không còn dấu vết gì của đứa trẻ, ngoại trừ một trong hai chiếc giày xinh đẹp. Cô ta lao ra khỏi phòng, nhảy bổ xuống cầu thang, đập đầu vào tường kêu gào: Con tôi đâu, ai bắt mất con tôi? Ai cướp mất con tôi? - Phở xá vắng tanh, căn nhà lại biệt tịch; không ai có thể chỉ cho biết điều gì. Cô ta đi khắp thành phố, lùng sục mọi ngõ ngách, suốt ngày chạy hết đó đây, điên dại, ngơ ngác, dừ tợn, đánh hơi từng cửa ra vào lẫn của sổ như thú dữ mất con. Cô ta hốt hải, đầu tóc rối tung, trông dễ sợ, và trong khóe mắt ánh lên tia lửa làm khô hết nước mắt. Cô ta ngăn khách qua đường, đứng lại, kêu lên: "Con tôi! Con tôi! Con gái bé bỏng xinh đẹp của tôi đâu? Ai đem trả con tôi, tôi sẽ hầu hạ, xin hầu hạ cả con chó của họ, nếu muốn ăn tim tôi cũng được". Cô ta gặp cha xứ Xanh Remy, nói: "- Thưa cha, tôi xin dùng móng tay cày đất, nhưng hãy trả con tôi!" - Chị Udácđơ, nghe thật đau lòng; chính mắt tôi thấy một ông vốn tinh sắt đá, ông biện lý Pôngxơ Lacabro, cũng phải nhỏ nước mắt. - Ôi! tội nghiệp cho người mẹ! - Buổi tối, cô ta về nhà. Khi cô vắng nhà, bà láng giềng thoáng thấy hai mẹ Ai-cập ôm cái bọc trong tay lên lên gác, rồi đi xuống khép cửa lại và vội vã lẫn trốn. Họ đi cả rồi, người ta nghe thấy tiếng trẻ khóc trên buồng Pakét. Người mẹ cười vang, leo lên thang như mọc cánh, đâm sầm vào cửa như đạn đại bác, bước vào... - Udácđơ ạ, quả là một vật ghê rợn. Đáng lẽ là con bé Anhe xinh đẹp, hồng hào, tươi tắn, một ân huệ của Chúa từ bi ban cho, thì lại là một thứ quái vật bé nhỏ, xấu xí, thọt chân, chột mắt, bất thành nhân, đang bò lê trên sàn kêu khóc. Cô ta kinh sợ lấy tay che

mất. "Ôi! cô ta thắm nhũ, không biết có phải bọn phù thủy đã hóa phép biến con ta thành quái vật khủng khiếp này chăng?" Mọi người vội mang đứa bé thọt đi nơi khác. Nếu không người mẹ phát điên lên mất. Đó là đứa con quái dân của mụ Ai-cập nào đó lại đi với quỷ sứ. Nó khoảng bốn tuổi, nói thứ tiếng không phải tiếng người; đó là thứ tiếng không thể gọi là tiếng nói. - Cô Săngtophlori chỉ còn biết ôm ấp chiếc giày nhỏ, vật duy nhất còn lại của tất cả những gì thương mến. Cô ta ngồi chết lặng hồi lâu, chẳng hề nói năng, than thở, tưởng như chết rồi. Dột nhiên cô run bắn người lên, cuống đại hôn hít kỹ vật rồi khóc òa nức nở như thể trái tim vừa tan nát. Thật tình tất cả chúng ta cũng phải khóc theo. Cô ta kêu lên: "Ôi! con gái bé bỏng của mẹ! Con gái xinh đẹp của mẹ! Bây giờ con ở đâu?" - Nghe mà nào lòng. Cứ nhớ tới tôi cũng ứa nước mắt. Các chị biết đấy, con cái là tùy là xương của chúng ta. - Oxtaso tội nghiệp của mẹ! Con tôi xinh trai quá đi mất! Cháu nó ngoan lắm kia, các chị ạ! Hôm qua nó bảo tôi: con muốn lớn lên làm hiến binh. Ôi Oxtaso của mẹ! Nếu mẹ mà mất con! - Cô Săngtophlori bỗng nhiên đứng dậy, chạy khắp thành Remx, gào lên: "Ở trại bọn Ai-cập! Ở trại bọn Ai-cập! Cảnh sát đâu, thiêu chết ngay bọn phù thủy!" - Bọn Ai-cập đi mất rồi. - Đêm tối đen. Không đuổi theo bọn họ được. Hôm sau, cách Remx hai dặm, trong rừng thạch thảo giữa Go và Tinloa, người ta tìm thấy dấu vết một đồng lửa lớn, vài dải lụa của đứa con gái của Pakét, những giọt máu và phân dê. Đêm vừa qua lại đúng đêm thứ bảy. Chẳng còn gì phải nghi ngờ, đúng là bọn Ai-cập đã mở dạ hội trong rừng và đã ăn thịt con bé cùng với Diêm vương, như tội Hồi

giáo vẫn làm. Khi Săngtophlori được tin khủng khiếp đó, cô không khóc, chỉ mấp máy môi định nói mà không nói nổi. Hôm sau, tóc cô ngã bạc. Hôm sau nữa, cô ta mất tích.

- Câu chuyện quả là kinh khủng, Uđácđơ nói, đến một gã xứ Buôgônho cũng phải khóc!

- Bây giờ tôi không còn lấy gì làm lạ là chị khiếp sợ bọn Ai-cập đến thế, Giécve tiếp lời.

- Lúc này, chị dắt Oxtasơ chạy đi như vậy, xem ra rất phải, Uđácđơ nói thêm, vì bọn Ai-cập này cũng từ Ban Lan tới.

- Không phải đâu, Giécve nói. Nghe nói họ từ Tây Ban Nha và Catalônho tới.

- Catalônho à! Có lẽ đúng. Uđácđơ đáp, Pôlônho, Catalônho, Valônho, tôi cứ lẫn lộn mãi ba tỉnh đó. Có điều chắc chắn họ đúng là người Ai-cập.

- Và hẳn phải có răng khá dài để ăn thịt trẻ con, Giécve nói. Tôi chẳng ngạc nhiên là con Xmeranda cũng ăn chút ít thịt trẻ con, tuy vẫn làm ra vẻ thanh cảnh. Con dê trắng của nó làm trò rất tinh quái, chắc phải có chuyện bày bạ gì đó bên trong.

Mahiet lặng lẽ bước đi. Bà ta đang mãi mê mơ tưởng, con mơ như nổi câu chuyện đau lòng và chỉ chấm dứt sau khi chuyển đi sự rung động, từ nhịp rung này tới nhịp rung khác, đến các thớ thịt cuối cùng trong tim. Nhưng Giécve đã cất tiếng hỏi:

- Thế người ta không biết về sau Săngtophlori ra sao à?

Mahiet không đáp. Giécve nhắc lại câu hỏi, lắc tay bà bạn và gọi tên. Mahiet như sực tỉnh khỏi cơn mơ.

- Săngtrophlori về sau ra sao à? Bà ta bất giác nhắc lại câu hỏi vừa vang ngân cơn hồ bên tai; rồi gắng chú ý tới ý nghĩa câu hỏi, bà nhanh nhẩu nói: - Ô! Chẳng ai biết nữa.

Ngừng một lát, Mahiet nói tiếp:

- Có người bảo trông thấy cô ta ra khỏi Remx vào lúc chạng vạng tối, qua cửa ô Phlêsembôn; có kẻ lại bảo vào lúc tảng sáng, đằng cửa ô cũ Badê. Một người nghèo tìm thấy chiếc thánh giá bằng vàng của cô ta treo trên cây thánh giá bằng đá ở thửa đất vắng hoi chợ. Chính vật báu này đã làm hại đời cô ta vào năm 61. Đó là tặng vật của tử tước đẹp trai Coócômôngtroi, người tình đầu tiên. Pakét không bao giờ muốn rời nó, dù nghèo khổ đến đâu. Cô quý nó như đời mình. Cho nên khi thấy chiếc thánh giá bỏ đó, ai cũng nghĩ cô ta chết rồi. Tuy nhiên, nhiều người ở Cabarê Lê Văngto lại nói trông thấy cô ta đi chân không trên sỏi đá, ở con đường lên Pari. Nhưng nếu vậy, cô ta phải ra bằng cửa ô Venlo, mà mọi cái đó lại không ăn nhập với nhau. Hoặc nói đúng hơn, tôi cũng tin quả thật cô ta đã đi ra bằng cửa ô Venlo nhưng là đi ra khỏi thế giới này.

- Tôi không hiểu chị định nói gì, Giécve bảo.

- Venlo là con sông, Mahiet trả lời, mỉm cười buồn bã.

- Tội nghiệp cho Săngtrophlori! chết đuối ư? Udácđơ run rẩy hỏi.

- Chết đuối rồi! Mahiet nhắc lại. Khi vừa hát vừa thả con thuyền theo dòng nước trôi ngang dưới cầu Tanheo. Có ai dám nói với ông già Guybécô là một ngày kia,

Pakét, cô con gái thân yêu của ông, cũng sẽ đi ngang dưới cầu này, nhưng không tiếng ca mà cũng chẳng có thuyền!

- Thế còn chiếc giày nhỏ? Giécve hỏi.
- Cũng biến mất theo người mẹ! Mahiét đáp.
- Tội nghiệp chiếc giày! Udácđơ nói.

Udácđơ là một bà to béo và đa cảm, rất thích được cùng Mahiét than thở. Nhưng Giécve tò mò hơn, vẫn muốn hỏi thêm.

- Còn con quái vật? bà ta đột nhiên hỏi Mahiét.
- Quái vật nào? Mahiét hỏi lại.

- Con quái vật nhỏ Ai-cập mà bọn phù thủy để lại ở nhà Sângtophlori để đánh đổi lấy con bé ấy! Họ đã làm gì nó. Tôi chắc các bà cũng đem nó trôi sông nốt.

- Không đâu, Mahiét đáp.

- Sao hả? Chắc đem thiêu sống phải không? Kể ra làm như vậy đúng hơn. Một đứa bé phù thủy.

- Không trôi sông mà cũng chẳng thiêu sống, chỉ Giécve ạ. Đức tổng giám mục quan tâm đến đứa bé Ai-cập, đã trừ tà và ban phép lành cho nó, đã đuổi hắc ma quỷ ra khỏi người nó, rồi gửi tới Pari để đặt lên chiếc giường gỗ ở nhà thờ Đức bà làm trẻ vô thừa nhận.

- Mấy ông giám mục đó thật lắm chuyện! Giécve lâu lâu nói. Vì họ thông thái nên họ toàn làm khác người. Nay Udácđơ, chị thấy chưa, ai lại đặt quỷ sứ vào chỗ trẻ vô thừa nhận bao giờ! Vì rõ ràng thằng bé quái vật là quỷ sứ rồi. - Nay Mahiét, thế họ đã làm gì nó ở Pari? Tôi chắc chẳng có kẻ từ tâm nào nhận nuôi.

- Tôi không rõ, bà dân thành Remx đáp. Đứng vào dịp đó, chồng tôi mua được chân lục sự ở Boruy, cách thành phố hai dặm, rồi chúng tôi cũng không để ý tới chuyện đó nữa; vả lại, trước mặt Boruy có hai ngọn đồi Xécnay, che khuất cả tháp chuông nhà thờ lớn thành Remx.

Vừa đi vừa nói chuyện, ba bà thị dân đáng kính đã tới quảng trường Grevo. Mỗi trò chuyện các bà đi thẳng không dừng lại trước cuốn kinh công cộng ở tháp Rôlăng, cứ vô tình bước tới gần bên từ mỗi lúc một đông người xúm quanh. Chắc hẳn cảnh tượng đang thu hút mắt mọi người lúc đó, làm ba bà quên hẳn mất hang chuột cùng dự tính dừng lại đó, nếu chú bé mập mập sáu tuổi Oxtaso, đang bị Mahiét lệch thếch kéo đi, không đột nhiên nhắc tới vật cầm tay:

- Mẹ ơi, nó nói, như có linh tính báo cho biết đã đi qua Hang chuột, bây giờ con ăn bánh được chứ?

Nếu Oxtaso khôn ngoan hơn, nghĩa là bớt tham ăn, nó sẽ đợi thêm, và chỉ lúc quay về đến nhà, ở Khu đại học, tại nhà thầy Angdry Muxxiê, phố Madam La Valăngxo, lúc đã được hai nhánh sông Xen và năm chiếc cầu ở Khu thành cũ ngăn cách Hang chuột với chiếc bánh, tới lúc đó nó hãy rút rè đưa ra câu hỏi:

- Mẹ ơi, bây giờ con ăn bánh được chứ?

Cũng câu hỏi đó, trót đại đột đưa ra lúc bấy giờ, làm Mahiét sực nhớ, kêu lên:

- Thôi chết, ta quên mất bà tu kín rồi! Chị chỉ cho tôi Hang chuột, để tôi mang bánh lại.

- Được thôi, Uđácđơ nói. Đây là chuyện làm phúc.

Đó là điều Oxtasơ không tính tới.

- Thì đây, bánh đây này! nó nói, lần lượt nhún hai vai tới tận tai, trong trường hợp này, là dấu hiệu giận dỗi ghê gớm.

Bà quay lại, khi tới gần ngôi nhà ở tháp Rôlăng, Uđácđơ bảo hai bà kia:

- Cả ba chúng ta không nên cùng một lúc nhìn vào hang, e làm bà tu kín dòng Tui sợ hãi. Hai bà hãy giả vờ đọc kinh *dominus*⁽⁶⁾ trong cuốn kinh, để tôi ngó vào cửa sổ một tí. Bà tu kín có hơi quen tôi. Khi nào tôi được, tôi sẽ ra hiệu cho các bà.

Bà ta một mình đi tới cửa sổ. Lúc nhòm vào, nét mặt bà lộ vẻ vô cùng thương hại, khuôn mặt vui tươi, còi mỗ, đột nhiên biến đổi hẳn sắc thái như từ dưới ánh nắng đi vào ánh trăng. Mắt bà róm lệ, miệng méu mếu như sắp khóc. Lát sau, bà đặt ngón tay lên môi, ra hiệu cho Mahiét lại gần mà xem.

Mahiét xúc động, lặng lẽ, rón rén lại gần, như tới bên giường người hấp hối.

Quả thật là cảnh tượng buồn thảm đang diễn ra trước mắt hai người, khi họ im lìm, nín thở, nhìn qua cửa sổ chắn song của Hang chuột.

Căn phòng chật hẹp, chiều ngang rộng hơn chiều sâu, trần hình cung nhọn, nhìn bên trong khá giống chóp mũ lễ lớn của giám mục. Trên nền đá lát trống trơn, ở một góc, có người đàn bà đang ngồi, đứng ra là ngồi xồm. Cầm tì lên đầu gối, hai cánh tay khoanh lại ghì chặt lấy

ngực. Bà ta ngồi co quắp, mình khoác bao tải nâu hần nếp rộng, phủ kín toàn thân, tóc dài chóm bạc xoa xuống trước mặt, chảy dài xuống tận chân; thoạt nhìn, hình thù bà ta trông thật kỳ dị, cắt trên nền tối gian phòng thành thứ hình tam giác đen xám mà tia sáng chiếu qua cửa sổ in rõ thành hai màu, một tối một sáng. Đó là thứ bóng ma nửa sáng nửa tối, như thường thấy trong mộng và trong tác phẩm kỳ quái của Góia, mờ nhạt, bất động, rùng rợn, ngồi xồm trên mộ hoặc tựa lưng vào cửa sắt ngục tối. Nó không ra đàn bà, không ra đàn ông, cũng chẳng phải người sống, chẳng có hình khối xác định: chỉ là một hình thù; một thứ ảo ảnh hỗn hợp cả cái thật lẫn cái hư, như bóng tối và ánh sáng. Dưới làn tóc buông xòa tới đất, thấp thoáng khuôn mặt trông nghiêng hốc hác và nghiêm nghị; manh áo dài để lộ đầu bàn chân không, bấu lấy nền đá cứng lạnh. Chút hình hài lấp ló sau cái vỏ tang tóc khiến ta rùng mình.

Hình thù như gắn liền với nền đá lát có vẻ không cử động, không ý nghĩ, không hơi thở. Sau bao tải mỏng manh, giữa thảng giếng, nằm sóng soài không chần dậm trên nền đá cứng, chẳng đốt lửa, trong bóng tối ngục kín có khung cửa sổ chéo chỉ để lọt từ bên ngoài vào gió lạnh chứ không bao giờ có ánh nắng, hình thù như không khổ sở, thậm chí không cảm xúc. Có thể nói nó hóa đá cùng ngục tối, hóa bằng cùng thời tiết. Đôi tay chấp lại, cặp mắt dăm dăm. Thoạt nhìn tưởng đó là bóng ma, nhìn lại, tưởng đó là pho tượng.

Tuy nhiên, cặp môi xanh xám thỉnh thoảng hé mở lại thờ phào và run lên, nhưng cũng khô héo và tự động như lá lay trước gió.

Tuy nhiên từ cặp mắt ảm đạm bật ra tia nhìn, một tia nhìn khó tả, tia nhìn sâu thẳm, rùng rợn, sùng sờ, luôn nhìn chằm chằm vào góc phòng mà ta đứng ngoài không trông thấy; một tia nhìn như thu hút mọi ý tưởng đen tối của linh hồn đau khổ đổ vào một vật gì bí hiểm.

Đó là con người mang tên *tu kín* do nơi ở, và dòng *Túi* do khoác bao tải.

Giécve cũng tới đứng cạnh Mahiét và Udácđơ, cho nên cả ba cùng nhìn qua cửa sổ. Đầu họ ngăn bớt ánh sáng lọt vào phòng, vậy mà con người khốn khổ hình như cũng chẳng để ý gì tới ba người che khuất cửa. Udácđơ khẽ bảo:

- Dừng quấy rầy bà ta, bà ta đang say mê cầu nguyện.

Nhưng Mahiét mỗi lúc một lo ngại thêm, ngấm nhìn cái đầu hốc hác, héo úa, rối bù và cặp mắt dăm lệ. Bà thăm thì:

- Kế cũng kỳ lạ thật.

Bà lách đầu qua chấn song cửa và nhìn được vào tận góc phòng, nơi cặp mắt con người khốn khổ vẫn dăm dăm dán vào:

Khi rút đầu ra, khuôn mặt bà đầm đìa nước mắt. Bà hỏi Udácđơ:

- Chị bảo tên người đàn bà này là gì?

Udácđơ trả lời:

- Chúng tôi gọi là dì phước Guyđuylơ.

- Con tôi, Mahiét nói, tôi gọi là Pakét La Săngtophlori.

Rồi đặt ngón tay lên miệng, bà ra hiệu cho Udácđơ đang kinh ngạc, hãy thò đầu qua cửa sổ mà xem.

Uđácđơ nhìn vào và thấy ở góc phòng, nơi con mắt bà tu kín đang âm thầm mê mẩn ngó nhìn, một chiếc giày nhỏ bằng vải xa tanh hồng thêu đủ thứ kim tuyến và ngân tuyến.

Sau Uđácđơ đến lượt Giécve nhìn vào, thế là cả ba cùng ngấm nhìn bà mẹ đau khổ rồi òa lên khóc.

Tuy nhiên bà tu kín vẫn không hề để ý tới mọi cái nhìn lẫn tiếng khóc. Hai bàn tay bà vẫn chắp lại, cặp môi nín câm, đôi mắt đăm đăm và đối với những ai biết chuyện, nhìn thấy chiếc giày xinh xắn nọ, hẳn phải tan nát cõi lòng.

Cả ba bà chưa nói lời nào; họ không dám, dù chỉ nói thầm. Sự im lặng to lớn, nỗi đau khổ to lớn, niềm lãng quên to lớn mà tất cả điều biến mất, ngoại trừ một vật, làm ba người có cảm tưởng đứng trước chính diện của một ngày lễ Phục sinh hoặc Giáng sinh. Họ nín lặng, trầm ngâm, sẵn sàng quỳ xuống cầu nguyện. Họ thấy như vừa bước vào giáo đường đúng ngày Bông tối.

Cuối cùng, Giécve, người tò mò nhất do đó ít xúc động nhất, gắng gọi chuyện bà tu kín:

- Dì phước ơi! Dì phước Guyđuylơ ơi!

Bà gọi đi gọi lại tới ba lần, mỗi lần mỗi to hơn. Bà tu kín không nhúc nhích. Không một lời, không liếc nhìn, không hơi thở, không dấu hiệu sống.

Đến lượt Uđácđơ gọi dịu dàng và âu yếm hơn:

- Dì phước ơi! Dì phước Thánh bà Guyđuylơ ơi!

Vẫn im lặng và bất động như cũ. Giécve thốt lên:

- Cái bà này thật kỳ quặc! Giá đem súng thần công tới bắn bên tai cũng chưa chắc bà ta động lòng!

- Có khi bà ta điếc. Udácđơ thử dài nói.

- Không chừng mù nữa, Giécve thêm.

- Mà có khi chết rồi, Mahiét tiếp lời.

Có điều chắc chắn nếu linh hồn chưa rời thể xác bất động, ngủ yên, hôn mê đó, ít nhất nó cũng đã rút lui và ẩn trốn tận nơi sâu thẳm mà giác quan bên ngoài không thâm nhập tới được. Udácđơ bảo:

- Thôi đành để lại chiếc bánh trên cửa sổ. Khéo không thẳng nhai nào lại lấy mất. Làm thế nào đánh thức được bà ta bây giờ?

Oxtasơ từ nãy đến giờ mãi xem con chó lớn kéo chiếc xe nhỏ vừa đi ngang qua, bỗng nhận thấy bà đã dẫn nó đi đang nhìn gì qua cửa sổ, riêng nó cũng tò mò, trèo lên một móc đá, kiễng chân và áp khuôn mặt tròn xoe, đổ hồng vào khung cửa, kêu lên:

- Mẹ ơi, con cũng nhìn thấy!

Nghe thấy tiếng trẻ trong trẻo, tươi mát, lạnh lạnh, bà tu kín bỗng giật mình. Bà quay đầu lại, cử chỉ cứng nhắc và đột ngột như lò xo thép, hai bàn tay dài tro xương gạt mớ tóc rũ xuống trán rồi chằm chằm nhìn đứa trẻ bằng cặp mắt kinh ngạc, chua chát, tuyệt vọng. Tia mắt chỉ thoáng qua như ánh chớp. Bà giấu mặt vào đầu gối, đột nhiên kêu lên, tiếng nói khàn khàn như xé rách lồng ngực mà thoát ra:

- Trời đất ơi! Ít nhất cũng đừng đem con của người khác đến trên ta!

- Chào bà ạ! đứa trẻ nghiêm trang nói.

Nhưng phút xúc động hầu như làm bà tu kín sự tỉnh. Toàn thân run rẩy từ đầu đến chân, răng đánh lập cập, đầu hơi ngẩng lên, hai khuỷu tay kẹp lấy hông, tay nắm lấy chân như để sưởi ấm, bà nói:

- Ôi! Rét quá!

- Tội nghiệp, bà có cần chút lửa sưởi không? Uđácđơ thương xót, hỏi.

Bà ta lắc đầu từ chối, Uđácđơ chìa cái chai, nói:

Này, có chút rượu quế đây, uống cho ấm bụng. Bà uống đi.

Bà ta lại lắc đầu, nhìn chằm chằm Uđácđơ và đáp:

- Cho tôi ngậm nước.

- Không, bà ạ, nước không phải là thức uống thánh giêng, Uđácđơ nài ép. Nên uống chút rượu nhé, rồi ăn chiếc bánh rán men bột ngô chúng tôi làm riêng cho bà đây.

Bà ta gạt chiếc bánh Mahiét đưa ra và bảo:

- Cho tôi bánh mì đen.

- Này bà, đến lượt Giécve, cũng động lòng từ thiện, cởi chiếc áo len ngắn, nói - chiếc áo ngoài này ấm hơn cái của bà. Bà hãy choàng thêm lên vai.

Bà ta từ chối chiếc áo cũng như chai rượu và chiếc bánh, và đáp:

- Cho tôi cái bao tải.

- Thế bà không thấy hôm qua chả là ngày hội sao? bà Uđácđơ tốt bụng nài ép.

- Tôi biết chứ, bà tu kín nói. Đã hai hôm nay, cái vò của tôi hết sạch nước rồi.

Bà nín lặng giây lát rồi nói tiếp:

- Vì ngày hội nên họ quên tôi. Thế là phải. Tại sao lại bất thiên hạ nhớ đến tôi, khi tôi chẳng nghĩ đến họ? Than tất thì tro lạnh.

Rồi như mệt vì nói nhiều, bà gục đầu xuống gối. Bà Udácdo đơn giản và nhân từ tưởng câu nói cuối cùng của bà ta vẫn là than thở mình bị lạnh, nên ngầy thơ đáp:

- Thế bà có cần chút lửa sưởi không?

- Lửa ư? bà tu kín hỏi lại, giọng kỳ lạ; thế bà có đốt được chút lửa để sưởi cho cả con bé tội nghiệp từ mười lăm năm nay vẫn nằm dưới lòng đất không?

Tay chân run lên, giọng vang động, mắt lấp lánh, bà quỳ lên. Bỗng bà giơ bàn tay trắng gầy chỉ đứa bé đang nhìn mình ngơ ngác và thét lên:

- Hãy dắt đứa bé kia đi! Con mẹ Ai Cập sắp tới đấy!

Thế rồi bà ta ngã sấp mặt xuống đất, trán đập xuống sàn, như tiếng đá đụng phải đá. Ba bà kia tưởng bà ta chết mất. Nhưng lát sau, bà cựa quậy và họ thấy bà bò lê bằng đầu gối và khuỷu tay tới góc phòng có chiếc ghế nhỏ. Thế là họ không dám nhìn vào, không trông thấy gì nữa, nhưng nghe rõ trăm ngàn chiếc hôn và tiếng thở dài lẫn tiếng kêu xé ruột cùng tiếng thỉnh thích như đập đầu vào tường. Rồi sau một tiếng đập, mạnh đến nỗi cả ba cùng lảo đảo, họ không nghe thấy gì nữa. Giécve đánh bạo thò đầu qua cửa sổ, nói:

- Bà ta tự tử chết rồi chẳng? Dì phước ơi, dì phước Guyduylơ!

- Dì phước Guyduylơ ơi! Udácđơ gọi theo.

- Ôi! Trời ơi! bà ta không cựa quậy nữa! Giécve nói, hay bà ta chết rồi? - Guyduylơ! Guyduylơ!

Mahiét từ nãy nghen thở không cất nổi lời, cũng cố gắng bảo:

- Khoan đã! Rồi bà nhòm qua cửa sổ, gọi - Pakét, Pakét La Săngtophlori.

Đứa trẻ đại đột thối vào ngòi pháo làm nó nổ trúng mắt cũng không hoảng sợ bằng Mahiét trước hậu quả của cái tên gọi được đột ngột réo lên trong căn phòng dì phước Guyduylơ.

Bà tu kín run rẩy toàn thân, đứng thẳng trên hai bàn chân trần, mắt lóa lửa nhảy bổ lại cửa sổ, làm Mahiét, Udácđơ và cả bà kia lẫn đứa trẻ, cũng lùi lại tới lan can bên sông.

Trong khi đó, khuôn mặt thê thảm của bà tu kín dán chặt lấy dây chấn song cửa sổ. Bà cười ghê rợn, kêu lên:

- Ô! Ô! Hóa ra con mụ Ai Cập gọi ta!

Vừa lúc đó, cảnh tượng đang diễn ra trên gian bêu tù liền thu hút cặp mắt hết hoảng của bà ta. Trán nhăn lại hãi hùng, bà giơ hai cánh tay trợ xương ra ngoài cửa sổ, rồi giọng rên rỉ thét lên:

- Hóa ra vẫn là mày, đứa con gái Ai Cập kia! Đồ mẹ mìn đồ trẻ, mày gọi tao đó ư! Này quân kia! Tao nguyện rửa mày! Đồ chết tiệt, chết tiệt! chết tiệt!

VI. GIỌT LỆ RỎ VÌ GIỌT NƯỚC

Câu nói đó có thể coi như giao điểm của hai cảnh tượng khi ấy cùng lúc đang song song diễn ra, mỗi cái trên sân khấu riêng, một là cảnh tượng ban vừa đọc qua, trong Hang chuột, còn cảnh kia ở trên cầu thang giàn bêu tù, ban đọc sắp được thấy dưới đây. Cảnh đầu chỉ có ba người đàn bà mà ban đọc vừa quen biết, làm nhân chứng; cảnh sau có tất cả công chúng làm khán giả, mà trên kia ta đã thấy tụ tập ở quảng trường Greco, quanh giàn bêu tù và đài treo cổ.

Đám đông mà bốn cảnh binh từ chín giờ sáng đã tới canh gác ở bốn góc giàn và hứa hẹn một vụ xử nhục hình xứng đáng, chắc không phải treo cổ, mà chỉ là đánh roi, xẻo tai, tóm lại một vụ gì đó, đám đông lớn lên rất nhanh, làm bốn cảnh binh bị xô lấn gần quá, đã nhiều lần thấy cần phải dồn họ lại, như người ta thường nói hồi đó, bằng hàng loạt gậy nện xuống và móng ngựa xô đi.

Đám lê dân, được giữ trật tự trong khi chờ đợi nhục hình công diễn, không tỏ vẻ quá sốt ruột. Họ giải trí bằng cách nhìn lên giàn bêu tù, một công trình xây dựng rất sơ sài gồm có khối vuông bằng gạch cao khoảng mười bộ, bên trong rỗng. Một bậc thêm thẳng đứng bằng đá tảng được mệnh danh rất hay là cầu thang, dẫn lên sân thượng, trên đó thấy chiếc bánh xe bằng gỗ sồi đặc nằm ngang. Tù nhân bị trói quỳ gối trên bánh xe, hai tay quặt ra sau lưng. Một cây trụ, do máy cuốn dây giấu ở bên trong

căn nhà nhỏ làm chuyển động, kéo theo chiếc bánh xe, luôn ở vị trí nằm ngang, do đó lần lượt phơi bày mặt tội nhân ra khắp mọi phía quảng trường. Như vậy gọi là *quay bánh xe* một tội phạm.

Như bạn đọc đã thấy, giàn bêu tù ở quảng trường Greve còn kém xa về ngoạn mục so với giàn ở phố Chợ. Chẳng có vẻ gì là kiến trúc. Cũng không chút đồ sộ. Chẳng có mái vòm thép sắt, chẳng có đèn lồng bát giác, chẳng có hàng cột mảnh mai vươn lên sát mái, mở thành đỉnh cột hoa lá, chẳng có ống máng hình quái vật kỳ dị, chẳng có rui mè chạm trổ, chẳng có hình điêu khắc tinh vi khắc sâu vào đá.

Đành phải bằng lòng với bốn mặt tường đá xây cùng hai tấm lá chắn trang trí bằng gạch men, và chiếc đài treo cổ tối tàn bằng đá, gầy guộc và trần trụi, ở ngay cạnh.

Cuộc thưởng ngoạn này thật quá tù mùn đối với người ưa thích kiểu kiến trúc gô-tích. Đúng là không ai tò mò chú ý tới đền đài bằng các vị ưa dạo chơi lang thang trong thời trung cổ, thế mà họ cũng ít quan tâm tới vẻ đẹp của giàn bêu tù.

Mãi sau tội phạm mới tới, bị trói vào sàen xe, rồi khi được đưa lên sân thượng, lúc từ phía quảng trường đều trông thấy rõ hắn bị cột bằng dây thừng và dây da lên bánh xe giàn bêu tù, quảng trường liền nổi dậy tiếng hò hét âm vang, xen lẫn tiếng cười, tiếng reo. Mọi người nhận ra Cadimôđô.

Đúng là hắn. Sự thay bậc đổi ngôi thật kỳ lạ. Bị bên riếu ngay tại cùng một quảng trường này, nơi hôm qua

nó còn được chào đón, hoan hô và suy tôn làm giáo hoàng và quốc vương bọn cuồng đảng, cùng điểu hành với quận công Ai Cập, vua xứ Tuyno và hoàng đế xứ Galilê. Có điểu chắc chắn không một đầu óc nào trong đám đông, ngay cả bản thân hắn, lần lượt được tung hô và bị trừng trị, biết phân định rạch ròi sự khác biệt đó trong tư tưởng. Gringoa và triết lý của chàng vắng mặt trước cảnh tượng này.

Lát sau, Misen Noarê, viên thối kèn tuyên thệ của đức đương kim hoàng thượng, hạ lệnh cho đám lê dân im lặng và tuyên bố bản án, theo thông cáo và mệnh lệnh của Ngài đô trưởng. Rồi y lùi lại phía sau xe cùng bọn người mặc nhung phục.

Cadimôđô thần nhiên, không hề cau mày. Mọi chống cự đều vô ích, vì cái mà hồi đó mọi người gọi bằng ngôn ngữ của tòa án hình sự là sự *mãnh liệt và kiên quyết của dây trói*, có nghĩa là dây da và xích nhỏ, chắc hẳn đã lẩn sâu vào tận thịt tột nhân. Dù sao đó cũng là một truyền thống của tù ngục chưa chịu thất truyền, và được các còng tay còn trân trọng duy trì trong chúng ta, một dân tộc văn minh, hiền hòa, nhân đạo (nghĩa là có nhà giam và máy chém).

Cadimôđô để mặc họ xô đẩy, khiêng quãng lên bánh xe, trối đi trối lại mãi. Không thể đoán thấy gì trên nét mặt nó, ngoài vẻ ngạc nhiên man dại và ngu ngốc. Vốn biết nó điếc, mọi người còn cho là nó mù nữa.

Bị bắt quỳ lên tám ván tròn, nó lặng lẽ để mặc. Bị lột áo lót và áo ngoài trần trụi đến thất lung, nó cũng thây kệ. Bị trối chằng chịt bằng cả một loại dây da cùng

khóa sắt mới, nó để yên cho mà ghì mà khóa. Chỉ thỉnh thoảng nó thở phì phò, như con bê thò cái đầu ra lắc lư bên thành xe hàng thịt.

- Thằng ngốc đó chẳng biết gì hơn con bọ hung bị nhốt trong hộp! Giảng Phrôlô Cối Xay nói với thằng bạn thân Rôbanh Puxopanh (vì dĩ nhiên hai gã học trò đã đi theo tội nhân).

Đám đông cười ầm khi cái buồm của Cadimôđô phoi trần cùng bộ ngực lác đà, đôi vai lông lá đầy chai. Trong lúc mọi người cười vui, một người mặc nhung phục của thành phố, dáng thấp lùn và khuôn mặt vạm vỡ, leo lên sân thượng và tới đứng cạnh tội nhân. Tên hăn nhanh chóng được truyền đi trong đám đông. Đó là thầy Pie Joôctoruy, đao phủ tuyên thệ của tòa án Satolê.

Hăn bắt đầu đặt xuống góc giàn bêu tù chiếc đồng hồ cát sơn đen, bầu trên đầy cát đỏ đang từ từ chảy xuống bầu dưới, rồi cởi chiếc áo khoác ngắn, và mọi người thấy tay phải hăn lủng lẳng chiếc roi nhỏ vút, bằng dây da tết, dài trắng, láng bóng, thắt nút, có đính móng nhọn kim khí. Hăn đưa tay trái lơ đãng vén cao ống tay áo phải lên tới nách.

Lúc đó, Giảng Phrôlô ngھn cao đầu tóc hung và xoắn vượt lên trên đám đông (nó leo lên vai Rôbanh Puxopanh để làm việc này), kêu to:

- Hỡi quý ông, quý bà! Xin mời lại xem, ở đây sắp thẳng tay quất roi thấy Cadimôđô, người kéo chuông của ông anh tôi, đức phó chủ giáo ở Giôđát, hăn là một thứ kiến trúc kiểu đông phương kỳ lạ, lưng hình vòm và chân kiểu cột xoắn!

Đám đông liền cười vang, nhất là trẻ con và con gái.

Thế rồi dao phủ giâm chân. Bánh xe bắt đầu quay. Cadimôđô lao đảo trong dây trời. Về kinh hoàng bỗng lộ trên khuôn mặt méo mó của nó làm chung quanh lại cười rộ.

Đúng lúc bánh xe đang quay chìa chiếc lưng gù của Cadimôđô về phía Piera, tên này đột nhiên gio tay lên, mở dây da nhỏ rít trong không trung như đàn rần, rồi hung dữ quất xuống vai kẻ khốn nạn.

Cadimôđô nẩy bật người, như bất thần bị thức dậy. Nó bắt đầu hiểu. Nó quần quai trong dây trời; các thớ thịt trên mặt, méo xệch vì kinh ngạc và đau đớn, co lại rất mạnh; nhưng nó không hề kêu lên một tiếng. Nó chỉ quay mặt lại sau, sang phải, rồi sang trái, đầu lắc lư như con bò mộng bị ruồi trâu đốt vào hông.

Roi thứ hai tiếp theo roi thứ nhất, rồi roi thứ ba, lại roi nữa, roi nữa, cứ thế vụt mãi. Bánh xe không ngừng quay và roi cứ quất xuống như mưa. Lát sau máu bắt ra, chảy rùng rùng trên đôi vai đen xỉ của gã gù, và những sợi dây da mỏng quay tít xé gió làm vung các giọt máu vào đám đông.

Cadimôđô đã lấy lại vẻ thần nhiên ban đầu, ít nhất cũng bề ngoài. Thoạt tiên nó còn lặng lẽ và không lộ vẻ giãy giụa mạnh để thử giật đứt dây trời. Mọi người thấy mắt nó sáng lên, bắp thịt cứng lại, tay chân co rúm và dây da, xích nhỏ đều căng ra. Sự cố gắng thật mạnh mẽ phi thường, tuyệt vọng; nhưng các sợi dây cũ kỹ của tòa đô chính vẫn bền dai. Nó chỉ rảo ra, có thể thôi. Cadimôđô gục xuống rũ rụi. Về kinh hoàng trên nét mặt được thay

thế bằng nỗi chua chát và thất vọng sâu xa. Nó nhắm con mắt độc nhất, gục đầu xuống ngực, làm như chết.

Từ đó nó không cựa quậy nữa. Không gì khiến nó cử động được. Dù máu không ngừng rò giọt, dù roi vẫn điên cuồng quất thêm, dù dao phủ tức giận vẫn tự kích thích và say hành hình, dù tiếng dầy da khủng khiếp còn sắc nhọn và kêu rít hơn cả chân loài bút máu.

Sau cùng, viên mô tóa ở Satolê mặc đồ thâm, cưỡi ngựa ô, đứng đợi cạnh cầu thang từ lúc bắt đầu xử nhục hình, giơ chiếc gậy gỗ mun về phía đồng hồ cát. Dao phủ ngừng tay. Bánh xe ngừng quay. Mắt Cadimôđô từ từ mở ra.

Hình phạt roi chấm dứt. Hai tên phụ của dao phủ tuyên thệ lau sạch đôi vai đầy máu của tội nhân, bôi một thứ thuốc mờ gì đó khiến mọi vết thương lập tức khép miệng và khoắc lên lưng nó một cái thú áo màu vàng cắt theo kiểu áo tể. Trong lúc đó Piera Toôctoruy để cho các dây da đỏ lôm, dầm máu rò giọt xuống lòng đường.

Chưa phải đã hết mọi chuyện đối với Cadimôđô. Nó còn phải chịu thêm một giờ bêu trên giàn mà thấy Phloriăng Bachodiên đã khéo thêm vào án lệnh của ông Rôbe D'Extutovin; mọi cái đó góp phần vinh dự to lớn cho cái trò chơi chữ cổ lỗ vừa sinh lý lẫn tâm lý của Giảng Đơ Quymen: *Surdus absurdus*⁽¹⁾.

Đồng hồ cát liền được lật ngược và gã gù bị trời như vậy trên tám ván để công lý được thực hiện tới cùng.

Dân chúng, nhất là về thời trung cổ, ở trong xã hội, cũng giống như trẻ con ở trong gia đình. Chúng nào họ vẫn còn trong tình trạng ngu dốt ban đầu, còn ấu trĩ về

tinh thần và trí tuệ, ta có thể nói về họ như bàn về con trẻ:

Tuổi này không biết xót thương.

Tác giả từng cho biết Cadimôđô thường bị ghét bỏ, bởi rất nhiều lý do, đúng thế. Trong đám đông, khó tìm được một khán giả không có hoặc tưởng mình không có điều gì đáng phàn nàn về thằng gù xấu xa ở nhà thờ Đức bà. Niềm vui thật phổ biến khi họ thấy nó bị lôi lên giàn bêu tù, rồi vụ hành hạ tàn bạo mà nó vừa phải chịu cùng tư thế đang nằm thảm hại của nó, không hề khiến đám lê dân mỉm lòng, mà còn trang bị thêm chút vui thú làm họ càng thù ghét nó ác độc hơn.

Cho nên, sau khi sự công tố trọng tội đã được thỏa mãn, như các vị đội mũ vải vương vãn hay nói ngày nay, bắt đầu tới lượt vô số các vụ trả thù riêng. Ở đây cũng như trước tòa, đàn bà hay nổi khùng nhất. Ai cũng thù ghét nó, người do nó tai quái, kẻ vì nó xấu xí. Loại sau càng tức tối nó hơn.

- Ủi chao! Đúng là bộ mặt phản Chúa! một bà nói.

- Đồ phù thủy cưới cán chổi! bà khác chửi.

- Mặt nó nhăn nhó mới gớm ghê làm sao, bà thứ ba kêu lên, nên mới được bầu là giáo hoàng cuồng dâng, mà mới vừa hôm qua chứ lâu gì!

- Hay lắm, một bà già nói tiếp. Bây giờ nhăn mặt trên giàn bêu tù. Bao giờ thì nhăn mặt trên đài treo cổ?

- Nay thằng kéo chuông khốn kiếp, bao giờ mày được đội cái chuông lớn ở trăm bộ dưới đất sâu?

- Thế mà chính thằng quý sư này vẫn kéo chuông thu không dó!

- Ôi! thằng diếc! thằng chột! thằng gù! con quái vật!

- Cái mặt nó còn làm đàn bà chưa sẩy thai nhanh hơn mọi môn thuốc!

Còn hai gã học trò, Giảng Cối Xay và Rôbanh Puxopanh, hát âm 1 đoạn điệp khúc dân ca cổ:

Một sợi thừng

Cho thằng bị treo cổ

Một bó củi

Cho thằng cổ quái!

Trăm ngàn câu chửi rửa trút xuống như mưa, rồi tiếng la ó, lời nguyền rủa, tiếng cười và thỉnh thoảng dăm hòn đá.

Cadimôđô diếc, nhưng nó tỉnh mắt, còn con thịnh nộ của dân chúng cũng lộ rõ trên nét mặt như trong lời nói. Và lời, các hòn đá đủ cất nghĩa tiếng cười.

Thoạt đầu, nó giữ được bình tĩnh. Nhưng dần dần sự nhẫn nại, đã căng thẳng dưới ngọn roi tra tấn, chùng xuống và xẹp hẳn trước lũ sâu bọ châm đốt. Con bò vùng Axtuyri, ít quan tâm đến các mũi tấn công của người đấu bò tốt, lại nổi khùng vì đàn chó và những cái châm nhỏ.

Thoạt đầu nó còn thông thả đưa mắt hăm dọa nhìn đám đông. Nhưng bị trói gô như vậy, tia mắt nó bất lực không xua đuổi nổi đàn ruồi đang chích vào vết thương. Thế là nó giằng giắt dây trói và những giây giữa diên cuồng làm bánh xe cũ kỹ ở giàn bêu tù kêu cọt két trên

ván. Thấy vậy, lời chế giễu và tiếng reo hò càng tăng thêm.

Thế là gã khốn khổ không rút đứt nổi chiếc vòng cổ ghì buộc con thú dữ, đành trở lại bình tĩnh. Nhưng thỉnh thoảng một tiếng thở dài giận dữ làm nhô tất cả lồng ngực nó. Mặt nó không có vẻ gì hổ thẹn, ửng đỏ. Nó quá xa cách trạng thái xã hội và quá gần trạng thái thiên nhiên, để biết thế nào là hổ thẹn. Và lại, nó quá dị tới mức như vậy thì liệu có cảm thấy được nỗi ô nhục không? Nhưng phần nộ, căm thù, tuyệt vọng, từ từ phủ xuống khuôn mặt góm ghềnh một đám mây mỗi lúc thêm u ám, thêm chất chứa luồng điện đang nổ tung thành muôn tia chớp trong con mắt của gã khổng lồ độc nhơn.

Tuy nhiên, đám mây đó quang đãng được một lát, khi có con lừa đi ngang qua đám đông, do một vị linh mục cưỡi. Lúc trông thấy con lừa và vị linh mục đó còn ở rất xa, khuôn mặt kẻ tội đồ đáng thương đã dịu hẳn xuống. Thay vào con giận làm co rúm mặt mày là nụ cười kỳ dị, đầy vẻ hiền dịu, nhân hậu, âu yếm khôn tả. Linh mục càng tới gần, nụ cười càng rõ rệt, nổi bật, rạng rỡ hơn. Như thế gã khốn khổ chào đón một vị cứu tinh đang tới. Tuy nhiên, khi con lừa tới gần gần bên tù, đủ để kẻ cười nó có thể nhận rõ tội nhân, linh mục liền cúi nhìn xuống, đột nhiên quay lừa lại, thúc chạy, như vội vã gạt bỏ mọi lời van xin hèn hạ và chẳng hề quan tâm đến chuyện được chào hỏi và nhận ra bởi con quỷ khốn khổ đang trong hoàn cảnh như vậy.

Linh mục đó là phó chủ giáo chủ cha Clôđơ Phrôlô.

Đám mây hạ xuống càng u ám hơn trên khuôn mặt Cadimôđô. Nụ cười còn sót lại trong khoảnh khắc, nhưng chưa chất, thất vọng, vô cùng buồn thảm.

Thời gian trôi qua. Nó bị bêu ở đó ít nhất cũng đã một giờ rồi, bị đánh đập, hành hạ, chế giễu liên tục và gần như bị ném đá cho chết.

Đột nhiên, nó lại vùng vẫy trong dây trời với vẻ tuyệt vọng gấp bội, làm rung chuyển cả cái giàn gỗ đỡ nó và phá tan sự im lặng nó khẳng khăng giữ từ nãy đến giờ, nó thét lên, giọng khàn khàn và hung dữ, giống tiếng chó sủa hơn tiếng người kêu, át cả tiếng đám đông reo hò:

- Cho tôi ngụm nước!

Tiếng thét kêu cứu không những không làm đám binh dân đông đảo thành Pari đang vây quanh cầu thang thương hại mà càng tăng thêm thích thú cho họ và cũng xin nói, nhìn chung cả đám quần chúng và nhìn vào số đông, quả thực họ cũng không kém độc ác và kém u mê, so với bè lũ hành khất kinh khủng mà tác giả đã dẫn bạn đọc tới thăm và chỉ đơn giản là tầng lớp thấp nhất trong dân chúng. Không một lời đáp lại xung quanh tội nhân khốn khổ, trừ tiếng chế giễu con khất của nó. Lúc đó, đúng là nó lộ bịch và ghê tởm hơn là tội nghiệp, với bộ mặt đỏ như dấm mỡ hôi, con mắt ngo ngác, cái mồm sùi bọt mép vì tức giận và đau khổ cái lưỡi thè lè nửa chừng. Cũng phải nói thêm, nếu trong đám đông có ông bà nào giàu lòng từ thiện định mang tới cho con người đau khổ khốn nạn đó một chén nước, thì xung quanh bậc thang ô nhục của giàn bêu tù, đang có một không khí thành kiến đối

với kẻ tội phạm đáng phỉ nhổ và đáng nguyên rủa, đủ làm cho vị hảo tâm đó phải lùi bước.

Trong vòng vài phút, Cadimôđô đưa mắt thất vọng nhìn đám đông và lại gào lên thê thảm hơn:

- Cho tôi ngủ nước!

Mọi người cười ô.

- Uống cái này vậy! Rôbanh Puxopanh quát lên vút vào mặt nó miếng bọt biển rơi dưới rãnh. Đó, thằng điếc khốn nạn! Tao là người trả nợ mày đấy.

Một bà ném hòn đá vào đầu nó:

- Cho mày từ rày chừa cái tội rung chuông quái quỷ làm chúng tao thức giấc nửa đêm.

- Này con ơi, một gã thọt thét lên, cố khua chiếc nạng đánh vào người nó, mày có còn từ đỉnh tháp cao nhà thờ Đức bà phù phép làm hại chúng tao nữa không?

- Có cái bát cho mày uống đấy! một ông ném cái vò vỡ vào giữa ngực nó. Chỉ cần mày đi ngang qua mặt cũng đủ khiến vợ tao đẻ ra đứa con hai đầu!

- Còn con mèo của tao lại đẻ mèo con sáu chân! một cụ già rít lên, cầm hòn ngói ném nó.

- Cho tôi ngủ nước! lần thứ ba Cadimôđô lại giẫy giụa kêu lên.

Vừa lúc đó, nó thấy đám đông giãn ra. Một cô gái ăn mặc kỳ lạ bước tới. Cô gái có con dê nhỏ lông trắng, sừng vàng chõe, đi theo và tay cầm chiếc trống con.

Con mắt Cadimôđô lóe sáng. Đó là cô bôhêmiêng mà đêm trước nó định bắt cóc. Nó mơ hồ cảm thấy vì vụ lớn xôn đó mà giờ nó đang bị trừng trị; thực ra hoàn toàn

không phải vậy, nó chỉ bị trừng phạt bởi cái tội bị điếc và bị một anh điếc khác xét xử. Nó tin chắc cô gái cũng tới để trả thù và sẽ đánh nó như mọi người.

Nó thấy rõ ràng cô ta leo nhanh lên cầu thang. Tức giận và bức bối làm nó ngột ngạt. Nó chỉ muốn có cách nào phá đổ giàn bêu tù và nếu ánh mắt nó có thể giáng xuống như sét đánh thì cô gái Ai Cập đã tan thành tro bụi trước khi kịp lên tới mặt bằng.

Không nói một lời, cô gái lại gần tội nhân đang vùng vẫy vô ích để né tránh, rồi tháo chiếc bình nước ở dây lưng nhẹ nhàng đưa sát vào đôi môi khô khốc, của kẻ khốn khổ.

Lúc đó, trong con mắt đến nay vẫn khô khốc, cháy bỏng, mọi người thấy một giọt lệ lớn, từ từ lăn theo khuôn mặt méo mó và bấy lâu răn rúm vì thất vọng. Có lẽ đó là giọt nước mắt đầu tiên của một kẻ bất hạnh chưa lần nào rõ lệ.

Nhưng nó quên cả uống. Cô gái Ai-cập sốt ruột khe bư môi, rồi mỉm cười ghé chiếc bình vào sát cái miệng đầy răng của Cadimôđô. Nó uống từng hơi dài. Nó đang khát cháy họng.

Uống xong, kẻ khốn khổ chìa cặp môi đen xì, chắc hẳn định hôn bàn tay xinh đẹp vừa giúp đỡ nó. Nhưng cô gái, có lẽ không phải không nghi ngại và chợt nhớ tới âm mưu hung bạo đêm qua, vội rút tay với cử chỉ khiếp sợ của đứa trẻ sợ bị con thú cắn.

Gã điếc tội nghiệp liền nhìn cô gái bằng cặp mắt đầy trách móc và buồn rầu khôn tả.

Bất kỳ ở đâu, cảnh tượng đó cũng cảm động, khi một cô gái xinh đẹp, tươi tắn, thuần khiết, duyên dáng và đồng thời rất yếu ớt, động mối từ tâm, chạy tới như vậy, để cứu giúp một kẻ chết chống đủ nỗi khổ ải, cổ quái và độc ác. Trên giàn bêu tù, cảnh tượng đó thật siêu phàm.

Cả đám dân chúng cũng phải xúc động và vỗ tay reo hò:

- Nôen! Nôen!

Vừa lúc đó, qua khung cửa sổ hang chuột, bà tu kín trong thấy cô gái Ai-cập trên giàn bêu tù và rít lên nguyên rủa thề thảm:

- Con bé Ai-cập chết tiết kia! Đồ chết tiết, chết tiết!

V. KẾT THÚC CHUYỆN CHIẾC BÀNH

Exmêranda tái mặt, lao đảo chạy xuống giàn bêu tù. Tiếng bà tu kín còn đuổi theo.

- Xuống đi! Xuống đi! Con ăn cắp Ai-cập kia, rồi mày sẽ lên lại đó!

- Bà tu kín dòng Tui lại đang giở quẻ chướng ách, đám đông thì thảm; rồi không ai nói gì hơn. Vì loại đàn bà đó ai cũng sợ, khiến họ trở nên bất khả xâm phạm. Hồi đó, không ai muốn đụng chạm tới kẻ cầu nguyện suốt ngày suốt đêm.

Đã đến giờ đưa Cadimôđô trở về. Nó được cởi trói còn đám đông tản đi.

Tối gần cầu Lớn, Mahiét đang ra về cùng hai bà bạn bỗng dừng lại:

- À này, Oxtaso! cái bánh đâu rồi?

- Thưa mẹ, đưa bé đáp, khi mẹ nói chuyện với cái bà ở trong hang, có con chó to ngoạm vào cái bánh của con. Thế là con cũng ăn luôn.

- Thế nào, cậu xoi hết cả chiếc bánh? bà mẹ hỏi lại.

- Thưa mẹ, con chó đấy chứ! Con đã bảo nó, nhưng nó không chịu nghe. Cho nên con cũng ngoạm luôn!

- Thằng bé này ghê gớm lắm, bà mẹ vừa cười vừa mắng con. Chị Udácđơ, chị biết không, một mình nó đã ăn hết cả cây anh đào trong vườn nhà tôi ở Sácclorăngiô. Cho nên ông nội nó mới bảo sau này thế nào nó cũng làm đại úy - Này cậu Oxtaso, lần sau không được thế nữa nhé. - Đi, ông tướng!

QUYỂN BẢY

I. NỖI NGUY HIỂM KHI TIẾT LỘ BÍ MẬT CHO CON DẾ

Vài tuần lễ trôi qua.

Lúc đó đang đầu tháng ba. Mặt trời mà Duybácta, vị thánh tổ cổ điển của lối nói ví von, còn chưa gọi là đại công tước của các cây nến, vẫn không vì thế kém vui tươi và tỏa sáng. Đó là một ngày xuân vô cùng dịu ấm, đẹp đẽ, khiến toàn thể Pari tỏa ra khắp các quảng trường và đi dạo phố, vui chơi như hôm chủ nhật. Vào những ngày sáng sủa, ấm áp và yên tĩnh này, cổng chính nhà thờ Đức bà cần được ngắm xem, nhất là vào một giờ nào đó. Tức là lúc mặt trời xế về tây, gần như ngó thẳng vào mặt trước nhà thờ. Ánh nắng mỗi lúc một xiên ngang, từ từ rút khỏi nền đá lát quảng trường và leo dọc lên mặt tiền thẳng đứng làm trăm ngàn vết lồi lõm hình tròn nổi bật cạnh bóng tối của chúng trong khi bóng hồng lớn chính giữa đỏ rực như con mắt của vị thần thợ rèn khổng lồ độc nhơn bùng sáng ánh lửa bể lò phản chiếu.

Ta đang ở vào giờ phút đó.

Đối diện với tòa nhà thờ lớn cao vút, đồ rực nắng chiếu, trên bao lon đá xây bên trên cổng chính một ngôi nhà sang trọng kiểu gô-tích ở góc quảng trường và phố Sàn nhà thờ, vài cô gái đẹp đang tươi cười trò chuyện, giở mọi trò duyên dáng và nghịch ngợm. Cứ nhìn tấm voan dài lê thê từ trên chòm mũ nhọn đính ngọc trai rủ xuống tận gót chân, cứ nhìn vẻ tinh xảo của chiếc áo thêu che kín vai, nhưng theo thời thượng đáng yêu hồi đó, lại để lộ chỗ ngực trần hơi nhú lên cặp vú xinh đẹp của gái trinh, cứ nhìn vẻ căng phồng của lớp váy trong, còn quý giá hơn cả lớp váy ngoài (thật là cầu kỳ tuyệt diệu!), cứ nhìn nào the, nào lụa, nào nhung dùng may các thứ đó, nhất là nhìn vào bàn tay trắng nõn chúng tỏ sự nhàn rỗi và lười biếng, ta cũng dễ dàng đoán ngay họ là những quý tộc được thừa hưởng gia tài lớn. Đó đúng là tiểu thư Phlơ Đơ Lít Đơ Gôngđolôriê cùng các bạn, Dian Đơ Critxtoi. Amolốt Đơ Môngmisen, Côiôngbơ Đơ Gayophôngten và cô bé Săngsoвриê; tất cả đều là con gái nhà gia thế, lúc đó đang tụ họp ở nhà bà quả phụ Gôngđolôriê, nguyên do vì có đức ông Bôgiơ và lệnh bà phu nhân sắp tới Pari vào tháng tư này, để chọn các tùy nữ danh dự cho hoàng thái tử phu nhân Margorit, khi mọi người sẽ đến tận Picardi để nghênh đón lệnh bà từ tay người Phlăngđơ. Thế mà mọi địa chủ quý tộc ở trong vòng bán kính ba chục dặm đều tìm cách giành lấy đặc ân đó cho con gái mình và nhiều vị đã gửi hoặc thân dẫn con tới Pari. Các cô được cha mẹ gửi gắm dưới quyền trông nom kín đáo và đứng đắn của Alôydơ Đơ Gôngđolôriê phu nhân, vợ góa viên cựu chỉ huy nỗ thủ ngự lâm quân,

bà cùng cô con gái độc nhất đã lui về sống tại căn nhà ở cạnh quảng trường trước sân nhà thờ Đức bà, ở Pari.

Bao lon, nơi các cô gái đang đứng, dẫn vào căn phòng rộng rãi, treo thảm da thú xù Phlăngđơ màu hung, có in hình hoa lá bằng kim nhũ. Các xà kèo rạch ngang song song trên trần nhà, được tô điểm vui mắt đủ loại chạm trổ kỳ lạ bằng sơn màu và thép vàng. Trên các tủ chè chạm khảm, những đồ men rực rỡ lóng lánh đây đó: một đầu lợn loi bằng sứ bày trên cái tủ bát đĩa rộng rãi, hai tầng, chúng tỏ chủ nhà là vợ hoặc quả phụ một hiệp sĩ lãnh chúa. Trong cùng, cạnh lò sưởi cao, được tô điểm đủ loại huy hiệu suốt từ trên xuống dưới, ngồi trong ghế bành lịch sự phủ nhung đỏ là phu nhân Gôngđolôriê, cả mặt mày lẫn quần áo đều chưa lộ cái tuổi năm nhăm. Đứng cạnh bà là một chàng trai trẻ có vẻ mặt khá bảnh trai mà mọi đàn bà đều vừa lòng, mặc dù các ông nghiêm nghị và biết xem tướng lại nhún vai. Chàng kỵ sĩ trẻ tuổi mặc chiếc áo lẳng bóng của đại úy cung thủ ngự lâm quân, giống hệt áo của Giuypite, mà bạn đọc đã được ngắm nghía ở quyển một của tập truyện này, cho nên tác giả miễn phải miêu tả lần thứ hai.

Các tiểu thư một số ngồi trong buồng, một số ngoài bao lon, người ngồi trên miến đệm vuông bằng nhung Uytréch góc viền kim tuyến, kẻ ngồi trên ghế đầu gỗ sồi chạm hoa lá, hình vẽ. Mỗi cô đặt trên đầu gối một góc của chiếc thảm lớn, để thêu, họ cùng làm chung, một đoạn thảm dài kéo lê trên chiếu trải dưới sàn.

Các cô nói chuyện thăm thỉ và cười rúc rích, đứng như cảnh bàn tán của các thiếu nữ khi có mặt một thanh

niên trong đám. Còn chàng trai, mà riêng sự có mặt cũng đủ kích thích mọi tư ái phụ nữ, lại ra vẻ ít quan tâm; trong khi các cô gái đẹp gắng khiêu gọi sự chú ý, chàng trai lại chỉ chăm chú dùng bao tay bằng da sơn dương đánh bóng chiếc khóa thắt lưng.

Thỉnh thoảng bà phu nhân già lại khẽ nói với chàng trai, còn anh ta cố gắng trả lời bằng vẻ lễ phép vụng về và giọng gào. Cứ theo những nụ cười, những cử chỉ ra hiệu nho nhỏ của bà Alôydơ, những khước mắt liếc về phía cô con gái Phlo Đơ Lít, khi bà nói nhỏ với viên đại úy, ta cũng dễ dàng nhận thấy việc đính hôn đã đầu vào đó, chắc chỉ còn chuyện cưới xin sắp tới giữa chàng trai trẻ và cô Phlo Đơ Lít. Và cứ xem vẻ lạnh lùng lúng túng của viên sĩ quan, cũng dễ thấy ngay, ít nhất về phần anh ta, là ở đây chẳng có chuyện yêu đương. Tất cả về mặt chàng lộ ra ý tưởng ngượng ngập và buồn chán, mà các thiếu úy doanh trại hiện nay diễn đạt thật tuyệt diệu bằng câu: Công việc khổ sai chó chết!

Bà phu nhân, rất hãnh diện về con, như một bà mẹ tội nghiệp, không nhận thấy sự thiếu sót sáng của viên sĩ quan, càng ra sức khẽ chỉ cho chàng thấy sự vô cùng hoàn hảo của Phlo Đơ Lít khi nàng cầm mũi kim hoặc gỡ con chỉ.

- Này, cậu em, bà vừa bảo vừa kéo tay áo chàng để nói nhỏ vào tai, cậu xem kia! con bé đang cúi xuống.

- Đúng thế ạ, chàng đáp, rồi lại im lặng lơ đãng và lạnh nhạt.

Lát sau, chàng lại phải cúi xuống, nghe bà Alôydơ nói:

- Có bao giờ cậu thấy được một khuôn mặt niềm nở và tươi tắn như khuôn mặt vị hôn thê của cậu chưa? Chẳng có ai da lại trắng, tóc lại hung đến như vậy? Bàn tay nó mới đẹp tuyệt làm sao! Còn cái cổ, có phải đúng là đồng tác một thiên nga không? Lắm lúc tôi phát ghen với cậu! Con người tự do bừa bãi như cậu mà sao lại sung sướng đến thế! Có phải con bé Phlo Đờ Lít của tôi đẹp đến mê người, mà cậu cũng đang mê nó phải không?

- Vâng ạ, chàng đáp, mãi nghĩ đi đâu.

- Nhưng cậu tới nói chuyện với em đi, bà Alôydơ đột nhiên đẩy vai chàng đi. Có chuyện gì nói, cứ nói đi. Sao giờ cậu đâm rụt rè thế.

Xin khẳng định với bạn đọc, rụt rè chẳng phải là tính tốt hoặc tật xấu của đại úy. Tuy nhiên chàng cũng gắng làm theo lời yêu cầu.

- Này cô em xinh đẹp, chàng lại gần Phlo Đờ Lít và hỏi, để tài thẩm thắm cô đang theo đây là gì vậy?

- Ông anh tuần tú ơi, Phlo Đờ Lít trả lời, giọng hơi bực mình, em đã nói với anh ba lần rồi kia mà. Đó là động Néptuynút.

Rõ ràng Phlo Đờ Lít nhìn thấy dáng điệu lạnh nhạt và lo lắng của viên đại úy rõ hơn mẹ nhiều. Chàng thấy cần trò chuyện thêm đâm ba câu, nên hỏi:

- Thế cả cái trò hang động này dùng cho ai?

- Cho tu viện Xanh Ấngtoan Để Sáng, Phlo Đờ Lít đáp, không ngược mắt lên.

Đại úy cầm lấy một góc thảm:

- Cô em xinh đẹp ời, thế chú cảnh binh to béo đang phùng mồm thổi kèn này là ai vậy?

- Đó là Tritô, cô gái đáp.

Câu trả lời ngắn ngủi của Phlo Đờ Lít vẫn đem cái giọng hồn dỗi. Chàng trai hiểu cần nói nhỏ vài câu vào tai cô gái, một câu lãng nhàng, một câu tán tỉnh, bất cứ câu gì. Cho nên chàng cúi xuống, nhưng óc tưởng tượng không tìm ra được câu nào âu yếm và thân mật hơn câu này:

- Tại sao mẹ vẫn mặc cái váy cộc thêu huy hiệu như các cụ cổ thời Sáclo VII thế? Đây cô em xinh đẹp, cô hãy bảo bà cụ là bây giờ nó không hợp thời nữa đâu, còn cái lối thêu móc và cảnh nguyệt quế thêu thành huy hiệu trên áo dài làm bà cụ trông giống tám che lo suôi biết đi. Thật tình hiện nay không ai ngồi lên cờ hiệu nhà mình như thế nữa.

Phlo Đờ Lít ngược cặp mắt đẹp đầy trách móc nhìn chàng, khẽ nói:

- Anh chỉ nói thật tình với em có thể thôi ư?

Trong khi đó, bà phu nhân Alôydơ sung sướng thấy hai người cúi sát bên nhau thăm thì trò chuyện, vừa mân mê chiếc khóa cuốn kính nhật tụng, vừa nói:

- Thật là cảnh yêu đương cảm động!

Đại úy mỗi lúc càng thêm nguơng ngịu, liền quay nhìn tám thêu, reo lên:

- Quả là một công trình đáng yêu quá!

Nghe nói vậy, Côlôngbo Đờ Gayophôngten, một cô gái đẹp khác tóc hung da trắng, ăn mặc rất chỉnh tề bằng

hàng gấm xanh, nhẹ nhàng uớt thừ một câu, bảo với Phlo Đờ Lít, hy vọng chàng đại úy điển trai đáp lại:

- Chị Gôngdôlôriê ơi, chị đã được xem các tấm thêu ở lâu đài Rôso Guyông chưa?

- Có phải đó là lâu đài bên trong vườn Lanhgie của điện Luvơ không? Đian Đờ Chrixtoi vừa cười vừa hỏi, cô có hàm răng đẹp nên cười luôn miệng.

- Tại đó còn có cả tòa tháp cổ lớn của tường thành cũ bọc quanh Pari, Amolốt Đờ Môngmisen tiếp lời, một cô gái xinh tươi, tóc nâu quăn, chẳng hiểu sao lại có thói quen thở dài, như cô kia hay cười.

- Côlongơ yêu quý, bà Alôydơ nói, có phải cháu muốn nói tòa lâu đài trước kia của ngài Bắccovin, dưới triều vua Sácơ VI không? Đúng là ở đây có nhiều tấm thêu go dọc đẹp thật.

- Sácơ VI! vua Sácơ VI! viên đại úy trẻ vượt rìa, lăm bắm nói. Trời ơi! Chuyện cũ rích mà phu nhân vẫn còn nhớ được!

- Quả là những tấm thêu đẹp thật, bà Gôngdôlôriê nói tiếp. Bức thêu quý giá đến mức được coi là kỳ lạ!

Vừa lúc đó, Bêrăngiê Đờ Săngsovriê, một cô bé mảnh khảnh lên bảy, đang nhìn xuống quảng trường qua các lỗ hổng hình cỏ ba lá trên bao lon, reo lên:

- Ố! Xem kia, mẹ Phlo Đờ Lít ơi, cô múa rong xinh đẹp đang nhảy múa trên mặt đường và đánh trống giữa đám dân quê kia kia!

Thật thế, mọi người đều nghe thấy tiếng trống baxơ đang rung lên vang động.

- Chắc lại con Ai-cập xứ Bôhem nào đó, Phlo Đờ Lít nói, thờ ơ quay nhìn xuống quảng trường.

- Ra xem đi! Ra xem đi! Các cô bạn sôi nổi, gọi nhau; rồi họ chạy ra ngoài sát bao lon, trong khi Phlo Đờ Lít, đang tư lự về thái độ lạnh nhạt của vị hôn phu, thông thả theo sau, còn chàng trai, mừng là nhờ có việc này mà chấm dứt được câu chuyện nguỵng nguỵ, liền quay lại cuối phòng, đẩy về hể hả của tên lính hết phiên canh. Mặc dù canh gác Phlo Đờ Lít là một việc thích thú và đáng yêu, như trước đây chàng vẫn cảm thấy; nhưng dần dần viên đại úy thấy chán; viễn ảnh hôn nhân sắp tới mỗi ngày làm chàng thêm nguội lạnh. Và lại, tính khí chàng bất nhất và liệu có nên nói thẳng ra là sở thích của chàng cũng hơi tầm thường. Tuy sinh trưởng nơi khá quyền quý, chàng đã tiêm nhiễm trong quân ngũ nhiều thói quen lính tráng. Chàng ua la cà quán rượu cùng mọi chuyện tiếp theo sau đó. Chàng chỉ cảm thấy thoải mái giữa đám ăn tục nói nhảm, chơi bời lính tráng, đàn bà dễ tính và thành công dễ dàng. Không phải chàng không được gia đình giáo dục dạy dỗ, nhưng chàng sớm sống lang bạt từ nhỏ, quá trẻ đã từng quân và hàng ngày lớp sơn quý tộc cứ bị mờ dần vì cọ xát mạnh với bao súng cảnh binh. Tuy thỉnh thoảng vẫn đến thăm Phlo Đờ Lít, do còn sót lại chút ít sự quý trọng con người, nhưng chàng thấy nguỵng nguỵ gấp đôi ở nhà cô; trước hết, vì cứ ban phát mãi ái tình khắp nơi khắp chốn, chàng chỉ còn dành cho nàng quá ít; sau nữa, vì ở giữa bao nhiêu giai nhân cũng nhắc, áo quần tề chỉnh và lịch sự, chàng luôn luôn run sợ cho cái miệng quen vắng tục, nhờ đột nhiên ngửa

ngáy tuồn ra dăm câu bậy bạ nơi hàng quán. Lúc đó, tha hồ mà đẹp mặt!

Thế nhưng, mọi cái đó ở chàng lại xen lẫn với cái thích thú lớn là ưa lịch thiệp, ăn mặc sang trọng, cử chỉ đàng hoàng. Cứ cố thu xếp mọi chuyện đến đâu hay đó. Tác giả chỉ biết kể chuyện thôi.

Thế là chàng cứ đứng đực ra đó hồi lâu, không rõ có nghĩ ngợi hay không, lặng lẽ tựa vào thành lò sưởi chạm trổ; bỗng Phlo Đờ Lít đột nhiên quay lại, nói với chàng. Dù sao, cô gái tội nghiệp cũng không thể thất vọng hờn dỗi được.

- Này anh, có phải anh đã kể cho chúng em nghe chuyện cô bôhêmiêng mà anh đã cứu cách đây hai tháng, trong lần đi tuần đêm, thoát khỏi tay hàng chục kẻ gian, phải không?

- Hình như đúng thế, em ạ, viên đại úy đáp.

- Nếu vậy, có lẽ đó là cô bôhêmiêng đang nhảy múa ở trước sân nhà thờ ngoài kia. Anh Phêbuýt ơi, anh thử ra xem có đúng không.

Ý muốn làm lành kín đáo lộ ra trong câu mời dịu dàng của cô gái bảo chàng lại gần mình và trong cách chú ý gọi tên tục. Đại úy Phêbuýt Đờ Satôpe (vì chính là chàng mà bạn đọc đã biết qua từ hồi đầu chương này) thông thả bước ra bao lơn.

- Này, Phlo Đờ Lít nói, âu yếm đặt tay lên cánh tay Phêbuýt, anh hãy nhìn con bé đang nhảy múa giữa vòng người xem. Có phải đúng là cô bôhêmiêng anh kể chuyện đó không?

- Phải, cứ trông con dê là nhận ra ngay. Phêbuýt nhìn và nói.

- Ôi! con dê con xinh thật! Amolôt nói, hai tay chấp lại thích thú.

- Không biết sừng nó có thực bằng vàng không? Bêrăngie hỏi.

Vẫn ngồi yên trên ghế, phu nhân Lôngđơ hỏi:

- Nó có phải thuộc bọn bôhêmiêng năm ngoái tới đây bằng cửa ô Giba không?

- Thưa mẹ, Phlơ Đờ Lít nhẹ nhàng đáp, cửa ô đó nay gọi là cửa ô Địa ngục.

Tiểu thư Gônđolôriê biết đại úy thấy rất chướng tai trước lối nói cổ lỗ của mẹ mình. Quả nhiên, chàng liền lẩm bẩm giễu cợt:

- Cửa ô Giba! Cửa ô Giba! Để cho vua Sácơ VI đi qua!

- Mẹ ơi, Bêrăngie kêu lên, cặp mắt luôn liếc đi liếc lại, chột nhìn lên nóc tháp chuông nhà thờ Đức bà, cái người mặc áo thâm đứng trên kia là ai thế?

Tất cả các cô gái đều ngược mắt nhìn lên. Quả có một người đang đứng tựa khuỷu tay vào lan can cao chót vót của chiếc tháp phía bắc, nhìn xuống quảng trường Grevo. Đó là một linh mục. Thấy rất rõ bộ quần áo và khuôn mặt ông tựa trên hai bàn tay. Hơn nữa, ông ta đứng im phăng phắc như pho tượng. Con mắt đắm đắm nhìn xuống quảng trường.

Trông tựa tựa như vẻ im lìm của con diều hâu vừa tìm ra một tổ chim sẻ rồi nhìn chăm chăm.

- Đó là ngài phó chủ giáo Giôđát, Phlơ Đơ Lít nói.

- Mắt chị tinh thật, đúng tận đây mà cũng nhận ra ông ta! Gayophôngten nhận xét.

- Ông ta nhìn cô bé múa rong mới chăm chú chứ Dian Đơ Crixtoi nói tiếp.

- Liệu hồn cho con bé Ai-cập đó, vì ông ta không ưa Ai-cập đâu! Phlơ Đơ Lít nói.

- Đáng tiếc là ông ta lại nhìn cô gái như vậy, Amolôt Đơ Môngmisen chêm vào, vì cô ta múa tuyệt quá.

- Anh Phêbuýt ơi, Phlơ Đơ Lít đột nhiên nói, anh đã quen cô bôhêmiêng đó thì hãy ra hiệu gọi cô ta lại đây. Chúng em sẽ vui lắm.

- Phải rồi! Cả bọn vỗ tay reo lên.

- Có họa là điên, Phêbuýt đáp. Cô ta chắc quên tôi rồi, còn tôi cũng chẳng biết tên cô ta nữa. Tuy nhiên, nếu các cô muốn vậy, tôi cũng thử xem.

Rồi cúi người ra ngoài lan can bao lon, chàng gọi:

- Cô bé!

Lúc đó, cô gái múa rong không đánh trống. Cô quay đầu lại phía có tiếng gọi, con mắt long lanh dăm dăm nhìn Phêbuýt, rồi ngừng luôn múa.

- Cô bé! viên đai úy lại gọi; rồi chàng ngoắt ngón tay vẫy lại.

Cô gái vẫn nhìn chàng, rồi đỏ mặt như có lửa bốc lên má, cô cấp trống vào nách, rẽ đám đông ngạc nhiên, đi thẳng tới cửa ngôi nhà có Phêbuýt đang gọi, từng bước một, run rẩy, cặp mắt ngơ ngác như chim bị rắn thoi miến.

Lát sau, cánh cửa rèm thêu vén lên và cô bôhemiêng xuất hiện trên ngưỡng cửa phòng, mặt đỏ bừng, lúng túng, hổn hển, cặp mắt to nhìn xuống và không dám bước thêm bước nữa.

Bêrăngiê vỗ tay.

Nhưng cô múa rong vẫn đứng im trên ngưỡng cửa. Việc cô xuất hiện đặc biệt tác động đến nhóm các cô gái. Chắc chắn một ý muốn mơ hồ và vô định làm đẹp lòng viên sĩ quan đẹp trai đã đồng thời kích thích tất cả các cô, chắc chắn bộ quân phục lộng lẫy đã trở thành mục tiêu của mọi cách làm duyên làm dáng, và từ lúc có mặt chàng ở đây, giữa các cô đã có sự ghen tị ngầm ngầm, âm ỉ nào đó, mà chính các cô cũng chẳng dám hoàn toàn tự thú nhận, nhưng không vì thế mỗi lúc nó càng không bộc lộ rõ trong cử chỉ và lời nói. Tuy nhiên, vì đều xấp xỉ đẹp ngang nhau, cho nên các cô ganh đua với lợi khí bằng nhau và mỗi người đều hi vọng chiến thắng. Cô bôhemiêng đột nhiên xuất hiện liên phá vỡ thế quân bình. Cô đẹp kỳ lạ, cho nên vừa ra mắt ở ngoài cửa phòng, hình như cô đã tỏa luôn thứ ánh sáng của riêng mình. Trong căn phòng chật hẹp, dưới khung cảnh u tối của rèm che và gỗ lát, cô càng vô cùng xinh đẹp và lộng lẫy hơn ngoài quảng trường công cộng. Như ngọn đuốc vừa mang từ ngoài trời vào nơi tối. Các tiểu thư quý tộc cũng bất giác bị lóa mắt. Mỗi cô đều như bị tổn thương về sắc đẹp. Cho nên, trận tuyến của họ, xin bạn đọc bỏ qua cho danh từ này, lập tức thay đổi, chẳng ai cần bảo ai nữa lời. Và họ tuyệt đối nhất trí với nhau rồi. Bản năng phụ nữ thông cảm và đáp ứng nhau nhanh hơn trí tuệ đàn

ông. Họ vừa có kẻ thù mới, tất cả cảm thấy vậy, tất cả liên liên kết. Chỉ cần một giọt rượu nho là đủ nhuộm đỏ cả cốc nước; muốn nhuộm cả một đám đông gái đẹp theo khí sắc nào đó, chỉ cần dẫn tới một cô đẹp hơn, - nhất là ở đó lại chỉ có một người đàn ông thôi.

Cho nên cô bôhemiêng được đón tiếp lạnh lùng tuyệt vời. Các cô ngắm cô ta từ đầu tới chân, rồi nhìn nhau, và thế là đủ biết. Các cô đã tự hiểu nhau. Còn cô gái vẫn chờ người ta hỏi tới mình, xúc động đến không dám ngược mắt nhìn lên.

Đại úy phá tan bầu im lặng trước tiên.

- Quả thực cô bé xinh thật! Có đúng thế không? chàng nói, giọng ngổ ngáo kiêu kỳ.

Câu nhận xét đó, mà một người sùng bái tế nhị hơn ít ra cũng cần nói nhỏ, không phải loại làm giảm con ghen tuông của các cô gái đang ngắm nghía cô bôhemiêng.

Phlo Đờ Lít trả lời đại úy, giọng ngọt nhạt khinh khỉnh:

- Không đến nỗi.

Các cô khác thì thầm với nhau.

Cuối cùng, Alôydơ phu nhân, cũng không kém phần ghen tị, ghen tị thay cho con gái, bảo cô múa rong:

- Cô bé, lại đây.

Bêrăngie, cao tới ngang hông cô gái, cũng nhắc lại với vẻ nghiêm nghị tức cười.

- Cô bé, lại đây!

Cô gái Ai-cập lại gần bà mệnh phụ. Phêbuýt cũng tiến mấy bước đến gần cô ta và huỳnh hoang hỏi:

- Cô bé xinh đẹp, không biết tôi có điểm phúc lớn được cô nhận ra không...

Cô ngắt lời bằng cách mỉm cười và ngược mắt nhìn chàng dịu dàng vô hạn, nói:

- Ô, có chứ!

- Trí nhớ cô ta tốt đấy, Phlo Đờ Lít nhận xét.

- Thế mà đêm hôm đó, cô đã vội chạy đi ngay. Phêbuyt nói tiếp. Tôi làm cô sợ hay sao?

- Ô, không đâu! cô bôhemiêng đáp.

Trong giọng nói khi cô thốt lên ba tiếng *O*, không đâu! tiếp sau ba tiếng *Ô*, có chứ! phảng phất chút gì đó khó tả làm Phlo Đờ Lít buồn lòng.

- Cô em xinh đẹp, đại úy nói tiếp, miệng lưỡi được thoải mái trước cô gái vừa hề, cô bỏ đi để lại ở đó một thằng ngòm nhần nhần nhỏ nhỏ, đã chột lại gù, tên kéo chuông của giám mục thì phải. Nghe thiên hạ nói là có con riêng của một phó chủ giáo và bẩm sinh đã là quý sú. Tên nó cũng buồn cười, nào Bốn mùa, Phục sinh nở hoa, Thứ ba bèo, chẳng biết những gì nữa! Tóm lại tên của một ngày lễ có thỉnh chuông. Hóa ra nó dám bắt cóc cô, thế thì quá lắm. Không hiểu con cú vọ đó định làm gì cô? Thế nào, cô nói đi!

- Tôi cũng không biết, cô gái đáp.

- Hồn lác đến thế là cùng! Một tên kéo chuông mà dám bắt cóc con gái, cứ như một vị tử tước không bằng! Một gã cùng đinh dám săn trộm muông thú của quý tộc! Đó mới là chuyện lạ. Dù sao, nó cũng đã phải trả giá đắt. Thầy Piera Toóctoruy là người mã phu mạnh tay bàn

chải nhất để chà xát kẻ vô lại và tôi xin nói để cô mừng, làn da tên kéo chuông đã được âu yếm trải qua bàn tay lão ta rồi.

- Tội nghiệp anh ta! cô bôhemiêng than, câu nói trên làm cô nhớ lại cảnh tượng ở giàn bêu tù.

Đại úy phì cười, thốt lên:

- Thương hại cái đêch gì! Thương hại vợ vẫn như vậy khác gì cầm cái lông vào trôn lợn! Tôi muốn bụng to như giáo hoàng, nếu... chẳng kịp dừng lại:

- Xin lỗi quý cô! Có lẽ tôi đã buộc miệng văng tục.

- Thôi đi, ông! Gayophôngten nói.

- Anh ấy nói cùng một giọng với cô ta! Phlor Đờ Lít khề nói, mỗi lúc thêm bực bội. Bực bội càng không giảm khi cô thấy viên đại úy thích chí về cô bôhemiêng và nhất là về bản thân, đã quay gót một vòng và nhắc lại câu tán tỉnh lỗ mãng vừa ngây ngô vừa linh tráng:

- Đúng là cô gái đẹp thật!

- Nhưng ăn mặc khá man rợ, Dian Đờ Crixtoi nói, cười khoe hàm răng đẹp.

Nhận xét đó là tia sáng đối với các cô. Nó làm mọi người nhìn ra khía cạnh có thể tấn công vào cô gái Ai-cập. Không thể ngoạm nổi sắc đẹp, họ vỗ lấy quần áo cô ta.

- Mà đúng thế thật, này con bé, Môngmisen nói, mày học ở đâu cái thói cứ chạy rong khắp phố mà chẳng có khăn có yếm gì hết?

- Váy gì mà ngắn cùn còn đến dễ sợ, Gayophôngten thêm vào.

- Này cô em, Phlo Đờ Lít nói khá chua ngoa, cô có thể bị cảnh binh bắt vì cái thắt lưng vàng chói kia đấy.

- Này cô bé, cô bé ơi, Crixtoi lại nói, mỉm cười cay độc, nếu chịu khó may thêm cái tay áo thì cũng đỡ bị cháy nắng đấy.

Quả thực đây là cảnh tượng xứng đáng với một khán giả thông minh hơn Phêbuýt, khi được thấy các cô gái xinh đẹp, có chiếc lưới nhiem nọc độc và tóe tóe, đã uốn éo, luồn lách và quần quít như rắn quanh cô gái múa rong. Họ độc ác mà duyên dáng. Họ bôi móc, tinh quái dùng lời nói soi mói vào bộ quần áo nghèo nàn và ngồng cuồng gồm toàn mảnh rách và mảnh kim nhũ. Mọi người không ngớt cười đùa, chế giễu, nhục mạ. Lời lẽ cay độc tuôn như mưa xuống cô gái Ai-cập, kèm thêm với vẻ thương hại kiêu kỳ và tia mắt độc ác. Tưởng như đó là những thiếu nữ La-mã nghịch ngợm, đang châm những mũi kim bằng vàng vào vú cô nô lệ đẹp. Họ giống đàn chó săn óng ả, mũi hếch lên, mắt đỏ ngầu, vây quanh con nai tơ tội nghiệp mà mắt chủ cấm chúng xâu xé.

Vả lại một cô gái múa rong nơi quảng trường công cộng là cái thá gì trước bọn con gái nhà quyền quý này! Họ hầu như không thèm đếm xỉa tới cô, bàn tán về cô ngay trước mặt cô, nói thẳng vào mặt cô, nói lớn tiếng, như nói tới cái gì đó khá bẩn thỉu, khá ô uế mà cũng khá xinh đẹp.

Cô bôhêmiêng không phải vô tình trước các mũi kim châm đó. Thỉnh thoảng má cô, mắt cô bùng đỏ xấu hổ hoặc lóe lên một ánh tức giận; môi cô ngấp ngừng như muốn nói lời miệt thị; cô khề bừ môi khinh bỉ, như bạn

đọc từng biết, nhưng cô chỉ nín lặng. Cô đứng yên, dăm dăm nhìn Phêbuýt bằng con mắt nhẩn nại, buồn rầu và dịu hiền. Cái nhìn gói ghém cả hạnh phúc lẫn thương yêu. Tưởng như cô gắng nén giận, chỉ sợ bị đuổi đi.

Còn Phêbuýt, chàng cười cợt và về phe với cô gái, thái độ nửa ngông nghênh nửa thương hại.

- Cô bé ạ, cứ mặc cho họ nói! Chàng vừa nói, vừa khua dinh thúc ngựa bằng vàng; đúng là quần áo của cô có hơi lỗi thời và man dại; nhưng xinh đẹp như cô thì có xá gì chuyện đó.

- Trời ơi! cô Gayophôngten tóc hung thốt lên, vươn cái cổ thiên nga, mỉm cười chua chát, rõ ràng quý vị cung thủ ngự lâm quân rất dễ bốc đồng trước cặp mắt đẹp Ai-cập.

- Sao lại không? Phêbuýt hỏi lại.

Nghe câu nói của viên đại úy lưng lõ đáp lại như hòn đá bỗng nhiên rơi xuống chẳng ai thềm chú ý, Cólôngbô cười, cả Dian và Amolôt và Phlơ Đờ Lít cũng cười, nhưng cùng với nụ cười còn có một giọt lệ trong khóe mắt Phlơ Đờ Lít.

Cô bôhêmiêng từ nãy cúi gằm mặt trước câu nói của Cólôngbô Đờ Gayophôngten, lúc này ngẩng mặt lên hơn hờ vui sướng và kiêu hãnh, cặp mắt lại dăm dăm nhìn Phêbuýt. Lúc đó, cô gái thật xinh đẹp.

Bà phu nhân già nhìn cảnh tượng đang diễn ra, thấy méch lòng và chẳng hiểu ra sao.

- Lay Đức mẹ đồng trinh! bà đột nhiên hét lên, có cái gì lục xục dưới chân tôi thế này? Trời ơi, con vật khốn nạn!

Hóa ra con dê vừa đến tìm chủ và trong khi lao tới, liền bị vướng sừng vào đồng vải quần áo của bà quý phái chất dưới chân khi ngồi xuống.

Chuyện xảy ra làm thay đổi không khí. Cô bôhemiêng lặng lẽ gỡ cho con vật.

- Ô! con dê con có bốn chân vàng đây rồi!

Bêrăngiê reo, nhảy cẫng lên vui thích.

Cô bôhemiêng quỳ xuống, áp má vào cái đầu êm ái của con dê. Tựa hồ cô xin lỗi nó vì đã trót bỏ rơi như vậy.

Lúc đó, Dian ghé vào tai Côlôngbô, bảo:

- Ô! Trời ơi! Có thể mà không nghĩ ra từ sớm! Nó chính là con bôhemiêng có con dê cái. Họ đồn nó là phù thủy, còn con dê biết làm nhiều trò quỷ thuật lắm.

- Nếu thế, Côlôngbô nói, đến lượt con dê phải làm trò vui cho chúng ta xem, làm một trò quỷ thuật.

Dian và Côlôngbô vội vàng bảo cô gái Ai-cập:

- Này cô bé, hãy sai con dê làm trò quỷ thuật đi.

- Tôi không hiểu các cô định nói gì, cô gái múa rong trả lời.

- Làm trò quỷ thuật, trò ma thuật, trò phù thủy chứ cái gì nữa.

- Tôi không biết làm.

Rồi cô lại vuốt ve con vật xinh đẹp, khẽ gọi:

- Giali! Giali!

Vừa lúc đó, Phlo Đờ Lít nhìn thấy chiếc túi da thêu đeo nơi cổ con dê, liền hỏi cô bé Ai-cập:

- Kia là cái gì vậy?

Cô bé ngược cặp mắt mở to nhìn cô ta, rồi nghiêm nghị trả lời:

- Đó là bí mật của tôi.

"Ta cũng đang muốn biết xem bí mật của mày là cái gì", Phlo Đờ Lít thầm nghĩ.

Nhưng bà phu nhân đã đứng dậy, vẻ tức giận, bảo:

- Này con bôhêmiêng, nếu cả mày lẫn con dê đều không biết nhảy múa gì cả, thì còn đứng đó làm gì?

Cô gái không đáp, thong thả bước ra cửa. Nhưng càng tới gần cửa, bước chân càng chậm lại. Như có thôi nam châm cực mạnh hút giữ cô ở lại. Đột nhiên, cô quay nhìn Phêbuýt bằng cặp mắt đắm lệ và đứng lại.

- Trời ơi! đại úy kêu lên, đừng bỏ đi như thế. Hãy quay lại nào, rồi nhảy múa vài điệu cho chúng tôi xem. À này, cô em xinh đẹp, tên cô là gì?

- Exmêranda, cô gái đáp, vẫn nhìn chàng chằm chằm.

Nghe cái tên kỳ lạ đó, các cô gái phá lên cười ầm ĩ.

- Tên con gái gì mà nghe kinh khủng vậy, Dian nói.

- Các chị thấy chưa, Amelôt nói, nó đúng là một đứa có pháp thuật.

- Cô bé ơi, bà Alôydơ long trọng thốt lên, bố mẹ cô chẳng phải đã vó được cái tên đó trong bình đựng nước thánh để đặt cho cô đâu.

Trong lúc đó, khi mọi người không để ý tới Bêrăngie từ vài phút rồi, cô bé đã cầm chiếc bánh hạnh nhân đủ con dê vào một góc phòng. Lát sau, cả hai đã thành bạn thân. Cô bé tò mò liến thoáy cái túi đeo ở cổ con dê, mở ra và đổ xuống chiếu những thứ ở trong. Đó là những chữ cái, mỗi chữ viết riêng trên một mảnh gỗ hoàng dương nhỏ. Những thứ xinh xinh này vừa lăn xuống chiếu, cô bé liền ngạc nhiên thấy, có lẽ đây là một trong những *pháp thuật*, con dê giơ cái chân vàng khều chữ, rồi gảy nhẹ nhàng để sắp xếp theo một trật tự riêng. Lát sau, một từ thành hình, mà con dê tựa hồ đã quen tập viết, vì nó không hề do dự lúc sắp chữ, và Bêrăngie đột nhiên reo lên, hai tay chấp lại, vẻ khâm phục:

- Mẹ Phlo Đờ Lít ơi, lại mà xem con dê nó làm trò này!

Phlo Đờ Lít chạy tới và giật mình. Các chữ xếp trên sàn nhà hợp thành một từ:

PHÊBUÝT

- Con dê nó viết đấy à? cô hỏi, giọng thất thanh.

- Thưa mẹ, vâng, Bêrăngie đáp.

Không còn nghi ngờ gì nữa; con bé chưa biết viết. "Thì ra nó là điều bí mật!", Phlo Đờ Lít thầm nghĩ.

Trong lúc đó, nghe con bé reo lên, mọi người cùng chạy tới, đủ cả bà mẹ, các cô gái, cô bôhêmiêng và viên sĩ quan.

Cô bôhêmiêng trông thấy trò ngu dại con dê vừa làm. Mặt đỏ bừng, rồi tái xám, cô run rẩy như kẻ phạm tội

trước mặt viên đại úy đang nhìn cô, mỉm cười thích thú và kinh ngạc.

- *Phêbuyt!* Các cô gái cũng sờ thăm thì với nhau, đó là tên của đại úy!

- Cô nhớ tài lắm! Phlo Đờ Lít bảo cô bôhêmiêng đang run sợ. Rồi cô òa lên khóc, đôi bàn tay đẹp che lấy mặt, đau đớn ghen ngào thốt lên:

- Ôi! đây là con phù thủy!

Và từ đáy lòng, cô còn nghe thấy một tiếng nói chua chát hơn bảo với mình: "Đây là một kẻ tình địch!"

Cô ngã xuống, ngất thẳng.

- Con ơi! con ơi! bà mẹ hốt hoảng thét lên. Cút ngay đi, con bôhêmiêng quỷ sứ kia!

Trong chớp mắt, Exmêranda đã nhặt xong những chữ cái tai vạ, vẫy con Gialì và đi ra một cửa, trong khi Phlo Đờ Lít được đem đi cửa khác.

Còn lại một mình, đại úy Phêbuyt lưỡng lự giây lát giữa hai cửa, rồi đi theo cô bôhêmiêng.

II. LINH MỤC VÀ TRIẾT GIA LÀ HAI NGƯỜI

Linh mục mà các cô gái thấy đứng trên ngọn tòa tháp phía bắc, đang cúi nhìn xuống quảng trường và chăm chú theo dõi điệu múa cô bôhêmiêng, đúng là phó chủ giáo Clôđơ Phrôlô.

Bạn đọc hẳn chưa quên căn phòng bí mật mà phó giáo chủ giáo dành cho mình trong tòa tháp đó. (Nhân

trước mặt viên đại úy đang nhìn cô, mỉm cười thích thú và kinh ngạc.

- *Phêbút!* Các cô gái cũng sờ thăm thì với nhau, đó là tên của đại úy!

- Cô nhớ tài lắm! Phlo Đờ Lít bảo cô bôhêmiêng đang run sợ. Rồi cô òa lên khóc, đôi bàn tay đẹp che lấy mặt, đau đớn nghẹn ngào thốt lên:

- Ôi! đây là con phù thủy!

Và từ đáy lòng, cô còn nghe thấy một tiếng nói chua chát hơn bảo với mình: "Đây là một kẻ tình địch!"

Cô ngã xuống, ngất thẳng.

- Con ơi! con ơi! bà mẹ hét hoảng thét lên. Cút ngay đi, con bôhêmiêng quý sứ kia!

Trong chớp mắt, Exmêranda đã nhặt xong những chữ cái tai vạ, vẫy con Giali và đi ra một cửa, trong khi Phlo Đờ Lít được đem đi cửa khác.

Còn lại một mình, đại úy Phêbút lưỡng lự giây lát giữa hai cửa, rồi đi theo cô bôhêmiêng.

II- LINH MỤC VÀ TRIẾT GIA LÀ HAI NGƯỜI

Linh mục mà các cô gái thấy đứng trên ngọn tòa tháp phía bắc, đang cúi nhìn xuống quảng trường và chăm chú theo dõi điệu múa cô bôhêmiêng, đúng là phó chủ giáo Clôđơ Phrôlô.

Bạn đọc hẳn chưa quên căn phòng bí mật mà phó giáo chủ giáo dành cho mình trong tòa tháp đó. (Nhân

tiện cũng xin nói, tác giả không hiểu đó có phải là căn phòng hiện nay vẫn có thể nhìn thấy phía bên trong, qua khung cửa sổ nhỏ hình vuông, mở về hướng đông, cao ngang đầu người, trên sân thượng từ đó mọc vút lên các tháp: căn phòng chật hẹp giờ bỏ hoang, trống rỗng và hư nát, tường long lở hiện nay còn được *trang trí* đây đó vài bức tranh tồi tàn, úa vàng, vẽ mặt tiền các nhà thờ lớn. Tác giả đoán là đàn doi và lũ nhện đang tranh nhau ở chỗ xó xỉnh này, do đó bầy ruồi đang bị trải qua cùng lúc hai cuộc chiến tranh diệt chủng).

Hàng ngày, một giờ trước khi mặt trời lặn, phó chủ giáo leo cầu thang lên tháp, giam mình trong phòng, đôi khi ở đó suốt đêm. Hôm đó, khi tới trước khung cửa tháp nơi buồng xép, lúc tra vào ổ khóa chiếc chìa nhỏ hiếm hót luôn đeo ở bên mình, trong cái túi lưng lẳng ngang sườn, ông bỗng nghe thấy tiếng trống, tiếng sênh tiền vắng tới. Tiếng nhạc từ phía dưới quảng trường sân nhà thờ đưa lên. Như tác giả đã kể, căn phòng chỉ có độc chiếc cửa sổ trông ra mái nhà thờ. Clôđơ Phrôlô vội rút chìa khóa ra và lết sau, đã đứng trên đỉnh Tháp, thái độ u ám và trầm tư, như các cô gái đã thấy.

Ông ta đứng đó, nghiêm nghị, bất động, trầm ngâm ngấm nhìn và tư lự. Toàn thể Pari trải dưới chân, với vô vàn tháp nhọn của dinh thự và chân trời vòng quanh toàn ngọn đồi thấp, với dòng sông uốn khúc dưới cầu và dân chúng lượn nhấp nhô trên phố, với làn khói dày đặc như mây, với dãy mái nhà gọn sóng chen chúc quanh nhà thờ Đức bà như tấm lưới đan mắt kép. Nhưng trước toàn cảnh thành phố này phó chủ giáo chỉ nhìn vào một khúc

lòng đường: quảng trường Sân nhà thờ; trước tất cả đám đông này, ông chỉ thấy có một khuôn mặt: cô bôhêmiêng.

Thật khó nói rõ cái nhìn ấy bộc lộ điều gì và ngọn lửa từ đó tóe ra do đâu mà có. Đó là cặp mắt chăm chú nhưng lại hết sức xốn xang, sôi động. Cứ nhìn về bất động im lìm của toàn thân ông ta, thỉnh thoảng lại bất giác khê run lên, như thân cây trước gió, cứ nhìn về cứng đờ của đôi khuỷu tay còn hóa đá hơn cả chiếc lan can ông ta đang tì lên, cứ nhìn nụ cười chết cứng làm co rúm mặt mày, ta có thể nói ở Clôđơ Phrôlô chỉ còn cặp mắt đang sống.

Cô bôhêmiêng đang nhảy múa. Cô xoay tròn chiếc trống trên đầu ngón tay, rồi tung lên trời khi nhảy điệu dân vũ xarabăng vùng Prôvăngxơ; cô nhảy thật nhanh nhẹn, nhẹ nhàng, vui tươi, và không không biết tới sức nặng của cặp mắt ghê gớm đang rơi thẳng xuống đầu mình.

Đám đông bầu kín quanh cô; thỉnh thoảng, một người đàn ông, mặc áo chèn vàng pha đỏ, đi nói rộng vòng người, rồi quay về ngồi xuống ghế cách cô gái múa rong vài bước, và đặt đầu con dê lên đầu gối mình. Người này có lẽ đồng bọn với cô bôhêmiêng. Từ nơi cao đang đứng, Clôđơ Phrôlô không nhìn rõ nét mặt hắn.

Từ lúc trông thấy kẻ lạ mặt này, phó chủ giáo như phải chăm chú theo dõi cùng lúc cả cô gái lẫn hắn ta và nét mặt ông càng thêm u ám. Đột nhiên ông đứng thẳng người và toàn thân run lên:

- Hắn là ai nhỉ? Ông lắm bầm, lúc nào cũng chỉ thấy cô ta đi có một mình kia mà!

Thế là ông bước vào cái vòm quanh co của cầu thang cuốn và đi xuống. Đi ngang qua cửa phòng thỉnh chuông hé mở, ông lại thấy một cảnh tượng khiến ông kinh ngạc, ông thấy Cadimôđô đang cúi qua chỗ khe hở ở dưới mái hiên đá đen trông giống những mảnh mảnh rất to, nó cũng đang nhìn xuống quảng trường. Nó say mê chăm chú thưởng ngoạn đến mức không còn biết cha nuôi vừa đi qua. Con mắt nó hoang dại ánh lên kỳ lạ. Đó là cái nhìn đắm đuối và hiền dịu.

- Thế này thì kỳ quặc thật! Clôđơ thầm nhủ. Chẳng lẽ nó ngắm cô gái Ai-cập như vậy hay sao? Ông tiếp tục đi xuống. Vài phút sau, phó chủ giáo dậm chiêu bước ra quảng trường bằng cửa dưới chân tháp.

Con bôhêmiêng đi đâu rồi? Ông hỏi, chen vào đám khán giả do tiếng trống đã tụ họp nhau lại.

- Không biết nữa, một người đứng cạnh đáp, nó vừa bỏ đi. Chắc nó đi nhảy múa gì đó trong căn nhà trước mặt, họ vừa gọi nó tới.

Thay thế cho cô Ai-cập, cũng trên tấm thảm mà các hình thù hồi nãy bị mờ khuất dưới điệu múa uốn lượn quay cuồng của cô ta, phó chủ giáo chỉ còn thấy gã đàn ông mặc áo đỏ pha vàng, đến lượt hắn cũng muốn kiểm vài xu, đang đi vòng quanh, khuỷu tay khép ngang hông, đầu ngửa lên, mặt đỏ như, cổ vươn ra, hàm răng cắn lấy chiếc ghế. Trên ghế, hắn buộc con mèo vừa mượn được của một bà bên cạnh, con mèo hoảng sợ kêu the the.

- Lay Đức mẹ! thấy Pie Gringoa làm gì vậy? Phó chủ giáo thốt lên, lúc gã làm xiếc, mồ hôi nhễ nhại, đi qua trước mặt ông với chiếc ghế và con mèo ngất ngểu.

Tiếng nói nghiêm nghị của phó chủ giáo làm gã khốn khổ giật thót người, hấn liền mất thăng bằng, đánh đổ luôn cả chồng đồ nghề, cả ghế lắn mèo đều rơi lổng chổng lên đầu người xem, giữa tiếng kêu la inh ỏi.

Chắc hẳn thấy Pie Gringoa (vì đúng anh ta) sẽ còn phải rắc rối mới thu xếp ổn thỏa được với bà có con mèo cùng mọi khuôn mặt tím bầm, sây sước đang vây quanh, nếu chàng không vội lợi dụng luôn lúc ồn ào lộn xộn để lẩn ngay vào nhà thờ, nơi Clôđơ Phrôlô vừa ra hiệu cho chàng đi theo.

Bên trong nhà thờ đã tối và vắng. Hai gian bên đầy bóng đêm, các đèn trên bàn thờ sáng lóe như sao, vì vòm mái đã tối đen. Chỉ còn cửa sổ hoa thị lớn ngoài mặt tiền, óng ánh muôn màu tia nắng xiên khoai, vẫn chói sáng trong bóng tối như mớ kim cương và phản chiếu rục rờ tới cuối gian giữa.

Cả hai đi được vài bước, dúc cha Clôđơ liền tựa lưng vào cột và dăm dăm nhìn Gringoa. Cái nhìn không làm chàng e sợ, trong lúc chàng đang hổ thẹn vì bị một nhân vật nghiêm trang và bác học bắt gặp trong bộ quần áo hề rong này. Con mắt linh mục nhìn không hề có vẻ chế nhạo và giễu cợt: nó nghiêm trang, lạnh lẽ và soi mói. Phó chủ giáo lên tiếng trước.

- Lại đây, thầy Pie. Có nhiều việc anh cần nói rõ cho tôi hiểu. Trước hết, tại sao từ hai tháng nay, không ai gặp anh ở đâu, thế rồi thỉnh linh lại gặp anh ngay giữa ngã ba, mà ăn mặc quả thực mới đẹp đẽ làm sao, nửa vàng nửa đỏ, hết như quả táo ở Côđobéch?

- Thưa ông, Gringoa thăm hai đáp, quả là ăn mặc thế này thì kỳ dị thật và ông cũng thấy tôi đang tiu ngiũ như mèo cụt tai. Tôi thừa biết mình rất bầy bạ, ai lại đi phơi bộ cánh này để cho mấy thầy cảnh binh nên vài gậy vào cẳng tay của một triết gia đệ tử của Pytago. Nhưng biết làm thế nào, thưa đức ông kính mến? Lỗi chỉ tại chiếc áo cũ đã hèn nhất bỏ rơi tôi hồi đầu mùa đông, mượn có nó đã rách tả tơi và cần được nghỉ ngơi trong sọt rác. Biết làm gì đây? Nền văn minh chưa tiến tới mức có thể đi lại trần truồng, theo ý muốn của vị tiên bối Đơgien. Hơn nữa, trời trở gió lạnh, và không phải giữa tháng giêng này mà có thể thành công trong việc khiến nhân loại thử bước thêm bước tiến mới đó. Chiếc áo này tự nhiên xuất hiện. Tôi liền vớ lấy và vút lại cái áo choàng đen cũ, nó chẳng chịu khế thật kín đối với một kẻ theo khoa luyện đan như tôi. Thế là tôi đành mang bộ đồ hể rong này, như thánh Gionét. Biết làm sao bây giờ? Đây là sự lẩn tránh. Thần Apôlô cũng từng phải chần cừu cho vua Atmê-tét.

- Anh làm cái nghề hay hóm thật! Phó chủ giáo lại nói.

- Bẩm thầy, tôi đồng ý tốt hơn là nên triết lý và làm thơ, thổi ngọn lửa trong lò hoặc nhận nó từ trên trời chứ không nên suy tôn lũ mèo. Cho nên lúc ngời nắng n्हіếc, tôi đành thộn mặt ra như con lừa trước lò nướng thịt. Nhưng thưa ông, biết làm thế nào? Hàng ngày tôi vẫn phải sống, các vần thơ đẹp nhất lại không bằng miếng phở mát vùng Bri lúc đưa vào miệng. Thực ra tôi cũng đã làm cho lệnh bà Margorít Đơ Phlăngđơ một bài chúc

hôn thi tuyệt diệu mà ông đã biết, nhưng đô thành lại không trả công tôi, vịn có nó chưa xuất sắc, làm như chỉ cần trả bốn đồng êquy là có ngay được một bi kịch của Xôphôclơ. Thế là tí suýt chết đói. May thay, tôi cũng được cái khá khỏe về phương diện quai hàm, cho nên tôi mới bảo cái quai hàm đó rằng: - Mày hãy làm trò xiếc và trò thăng bằng, mà tự nuôi lấy thân. *Ale Keipsam*⁽¹⁾. Một lũ đói rách trở thành bạn tốt của tôi, đã dạy tôi đảm chực trò biểu diễn sức khỏe và hiện nay mỗi tối, tôi cho hàm răng nhai miếng bánh mì mà chúng đã kiếm vào lúc ban ngày bằng mồ hôi trán đổ ra. Dù sao, *concedo*⁽²⁾, tôi vẫn thừa nhận đó là cách sử dụng đáng buồn các khả năng trí tuệ của mình, và con người sinh ra không phải để suốt đời đánh trống và cấn ghề. Nhưng, thưa thầy kính mến, không phải chỉ có mỗi chuyện là sống ở đói, mà còn phải kiếm sống nữa.

Đức cha Côđơ lẳng lẳng đứng nghe. Bỗng nhiên, con mắt sâu của ông ánh lên vẻ linh lợi và sắc sảo, khiến Gringoa có cảm tưởng như bị cái nhìn đó moi móc tận đáy lòng.

- Tốt lắm, thầy Pie ạ, nhưng tại sao bây giờ thầy lại đánh bạn với cô gái múa rong Ai-cập?

- Ô! Đó là vợ tôi, còn tôi là chồng cô ta, Gringoa đáp.

Con mắt tối sầm của linh mục liền rực lửa.

- Đồ khốn kiếp, mày dám làm thế ư? ông thét lên, giậm dứ nắm lấy cánh tay Gringoa; phải chăng mày đã bị Chúa bỏ rơi đến mức dám xâm phạm cả cô gái sao?

- Thưa đức ông, Gringoa đáp, run lấy bấy khắp tay chân, xin thể có trời có đất là tôi chưa hề đụng tới người cô ta, nếu quả thực ngài lo ngại đến chuyện đó.

- Thế sao mà lại nói đến chuyện vợ với chồng? linh mục hỏi.

Gringoa vội kể lại hết sức tóm tắt những điều bạn đọc đã biết, từ vụ phiêu lưu ở Cung điện thần kỳ tới đám cưới đập vỡ vò của chàng. Và lại vụ hôn nhân này hình như chưa đi tới kết quả nào hết và đêm đêm, có bôhêmiêng vẫn đánh tráo mắt đêm tân hôn của chàng hết như ngày đầu. Chàng kết luận:

- Đó là chuyện khổ tâm, nhưng lý do chỉ vì tôi không may lấy phải gái trinh.

Phó chủ giáo nghe chuyện, đã người dân con giận, hỏi:

- Anh nói sao?

- Thật khó giải thích, nhà thơ đáp. Đây là chuyện mê tín dị đoan. Theo lời một tên già đời trộm cướp mà chúng tôi gọi là quận công Ai-cấp bảo riêng tôi, vợ tôi vốn là đứa trẻ vô thừa nhận, hoặc thất lạc cũng thế. Cô đeo ở cổ một túi bùa mà mọi người cam đoan nó sẽ giúp cô một ngày kia gặp lại cha mẹ, nhưng bùa sẽ mất thiêng nếu cô mất trinh. Cho nên vì thế, cả hai chúng tôi vẫn còn hết sức trong trắng.

- Thấy Pie, Clôđơ hỏi, vắng trán mỗi lúc thêm rưng rờ, như vậy thấy có tin là cô gái đó chưa hề gần gũi người đàn ông nào?

- Thưa đức cha Clôđơ, người đàn ông nào chẳng bó tay trước mê tín dị đoan? Nó đã ăn sâu trong đầu óc cô

ta. Tôi tin chắc sự giữ gìn nghiêm ngặt như nữ tu sĩ tự bảo vệ quyết liệt đó là việc rất hiếm trong đám con gái bôhêmiêng vốn rất dễ quyến rũ. Nhưng để tự vệ, cô ta có ba thứ: quần công Ai-cập nhận che chở cho cô, chắc hẳn để chờ dịp bán cho vị tu viện trưởng nào đó; tất cả giới hành khất đều đặc biệt tôn thờ cô như Đức bà; và con dao găm xinh xắn mà cô gái vui tính luôn giấu kín trong người bất chấp lệnh nghiêm cấm của ngài đô trưởng, và chỉ cần ôm ngang lưng cô ta là con dao đã xuất hiện trên tay. Đúng là một con ong kiêu hãnh, thua cha!

Phó chủ giáo đồn dập chất vấn Gringoa.

Theo nhận xét của Gringoa, Exmêranda là con người vô hại và dễ thương, xinh đẹp, trừ đặc điểm hay bấu mối: một cô gái ngây thơ và đam mê, chưa biết gì hết và ham thích mọi thứ; hiện chưa hiểu thế nào là sự khác biệt giữa đàn bà với đàn ông, ngay cả trong mơ; sinh ra như vậy đó; mê nhất là nhảy múa, sự ồn ào, thoáng rộng; một thứ đàn bà - ong, có đôi cánh vô hình dưới chân, và sống trong gió lốc. Cô mang bản chất đó vì bấy lâu vẫn sống cuộc đời lang thang. Gringoa được biết từ bé tí, cô đã đi qua Tây-ban-nha và xứ Catalônho, tới tận đảo Xixilo, chàng còn tin cô ta, vốn là thành viên đoàn bôhêmiêng, đã được dẫn tới cả vương quốc Angiê, một xứ thuộc vùng Akai, vùng Akai này một phía giáp ranh với nước Anbani bé nhỏ và nước Hi-lạp, phía kia với biển Xixilo, trên đường đi Côngxtăngtinh. Theo lời Gringoa, bọn bôhêmiêng là chư hầu của vua xứ Angiê, mang tư cách lãnh tụ dân tộc của người Môro trắng. Có điều chắc chắn Exmêranda từ Hung tới Pháp hồi còn rất nhỏ. Từ những nước đó, cô

gái mang theo các mẫu thổ ngữ kỳ lạ, các bài hát và ý tưởng ngoại lai, khiến ngôn ngữ của cô cũng có vẻ sắc sảo như bộ áo quần nửa Pari nửa Phi châu. Tóm lại, dân chúng những khu phố cô thường lui tới, đều yêu cô về tính vui vẻ, dễ thương, điệu bộ nhanh nhẹn cùng lời ca, điệu múa của cô. Khắp thành phố, cô nghĩ chỉ có hai người ghét mình, mà cô thường sợ hãi nhắc tới: bà tu dòng Tui ở tháp Rôlăng, một bà tu kín xấu xa không hiểu sao rất thù ghét các cụ Ai-cập, lần nào cũng nguyên rửa cô gái múa rong lúc cô đi ngang qua cửa sổ phòng bà ta; và một linh mục hể gặp là nhìn cô và nói năng đến phát sợ. Trường hợp sau làm phó chủ giáo rất bối rối, nhưng Gringoa không hề để ý tới thái độ này, chỉ cần hai tháng qua đi đủ để nhà thơ vô tâm quên hết các chi tiết lạ lùng vào cái đêm chàng gặp cô gái Ai-cập cùng sự có mặt của phó chủ giáo trong mọi chuyện đó. Thực ra, cô gái múa rong chẳng sợ gì hết; cô không xem bói, như vậy tránh được các vụ án ma thuật thường đem ra để xét xử bọn bôhêmiêng. Vả lại, cô đã có Gringoa đóng vai ông anh, nếu không phải là chồng. Dù sao, triết gia rất kiên nhẫn chịu đựng loại hôn nhân tình khiết này. Vẫn chỉ là chuyện kiếm lấy nơi ăn chốn ở. Sáng sáng, chàng từ khu ăn mày ra đi, thường cùng đi với cô gái Ai-cập, giúp cô tới các ngã tư thâu lượm mớ tiền lẻ; tối tới, chàng cùng cô trở về ở chung một mái nhà, để mặc cô khóa kín căn buồng nhỏ rồi đánh một giấc ngon lành. Chàng cho đó là cuộc sống khá êm ấm, thật dễ chịu và rất thích hợp cho sự mơ mộng. Vả lại, trong thâm tâm, thực tình triết gia không lấy gì làm chắc mình đã yêu say mê cô gái. Chàng yêu con dê cũng không kém. Con

vật thật đáng yêu, hiền lành, thông minh, hóm hỉnh, một con dê tinh khôn, vào thời trung cổ, thường hay có những con vật tinh khôn như vậy, khiến mọi người kinh ngạc và hay dẫn kẻ nuôi dạy chúng tới giàn hỏa thiêu. Tuy nhiên trò ma thuật của con dê bốn chân vàng chỉ là những trò hết sức vô tội. Gringoa giải thích cho phó chủ giáo về những chi tiết đó mà xem ra ông rất quan tâm. Trong nhiều trường hợp, chỉ cần giờ cái trống cho con dê theo cách nào đó, là đủ sai nó làm trò theo ý muốn. Nó được cô bôhemiêng dạy cho như vậy, cô có biệt tài hiếm hoi bày những trò tinh tế, nên chỉ cần hai tháng đủ dạy con dê dùng các chữ rồi ghép thành từ *Phêbuýt*?

- *Phêbuýt!* linh mục hỏi, tại sao lại *Phêbuýt*?

- Tôi cũng không biết, Gringoa đáp. Có lẽ đó là một từ mà cô gái tin có phép nhiệm mầu bí mật nào đó. Cô thường khê nhắc tới khi có một mình.

- Anh có tin chắc đó chỉ là một từ, chứ không phải tên người không? Clôđơ hỏi, mắt nhìn soi mói.

- Tên ai mới được chứ? nhà thơ hỏi.

- Nào tôi biết đâu đấy! linh mục đáp.

- Thưa ông, tôi thì tôi nghĩ thế này. Bọn bôhemiêng ít nhiều đều theo ma thuật Ba-tư và thờ mặt trời. Do đó mới có chữ *Phêbuýt*.

- Thấy Pie ạ, tôi thấy có lẽ không hẳn đúng như thầy nghĩ.

- Dù sao tôi cũng chẳng cần. Mặc cho cô ta cứ việc lăm bằm cái từ *Phêbuýt* đó. Có điều chắc chắn Giali yêu tôi cũng gần bằng yêu cô ta.

- Giali là gì?

- Là con dê.

Phó chủ giáo đưa tay nâng cằm và có vẻ mơ mộng hồi lâu. Bỗng ông quay phắt lại nhìn Gringoa:

- Anh có dám thể với tôi anh chưa hề mảy may đụng chạm tới nó không?

- Đụng tới gì? Con dê ư? Gringoa hỏi.

- Không, đụng tới cô gái.

- Vợ tôi? Tôi xin thể rằng chưa.

- Thế anh thường ở một mình cùng cô ta?

- Tối nào cũng vậy, khoảng một giờ.

Đức cha Clôđơ cau mày.

- Ôi ôi! *Solus cum so la non cogitabuntur orare Pater noster*⁽³⁾.

- Thật tình tôi có thể đọc kinh *Pater*, rồi kinh *Ave Maria* rồi kinh *Credo in Deum patrem omnipotentem* (4) mà cô ta cũng chẳng thèm để ý hơn con gà mái để ý tới ngôi nhà thờ.

- Anh hãy lấy bụng mẹ anh ra mà thể với tôi là anh chưa hề đụng nửa đầu ngón tay tới cô ta, phó chủ giáo hung hăng nhắc lại.

- Tôi xin đem đầu bố tôi ra mà thể như vậy. Nhưng thưa thầy kính mến, đến lượt tôi xin phép được hỏi lại một câu.

- Xin mời ông cứ hỏi.

- Tại sao thầy lại quan tâm tới việc đó?

Khuôn mặt tái xanh của phó chủ giáo đỏ bừng như má cô gái. Ông nín lặng một lát không đáp rồi nói, bối rối ra mặt:

- Thấy Pie Gringoa, hãy nghe đây. Theo tôi biết, anh chưa phạm tội. Tôi quan tâm tới anh và muốn điều hay cho anh. Nhưng chỉ cần đụng chạm một chút tới con Ai-cập quý sú đó, anh sẽ thành tội mọi cho quý Xatăng. Anh thừa biết thân xác bao giờ cũng làm hại linh hồn. Sẽ tai họa cho anh nếu anh đụng tới con đàn bà đó! Có thể thôi.

- Tôi đã thử một lần rồi, Gringoa gãi tai nói. Đó là hôm đầu tiên, nhưng tôi đã bị ông chạm.

- Thấy Pie, thấy đã cả gan như vậy sao?

Và vâng trán linh mục tối sẫm lại.

- Một lần khác, nhà thơ tươi cười nói tiếp, trước khi đi ngủ, tôi đã nhòm qua lỗ khóa và nhìn thấy rõ người đàn bà ngon lành nhất mặc đồ lót, cô ta làm cọt kẹt nan giường dưới bàn chân trần.

- Thôi dứt ngay đi! linh mục nhìn hằm hằm, quát lên và nắm hai vai Gringoa sững sờ đẩy đi, rồi ông rào bước đi vào dưới vòm cột âm u nhất của tòa nhà thờ lớn.

III. GIÀN CHUÔNG

Kể từ buổi sáng Cadimôđô bị đem bêu, dân chúng xung quanh nhà thờ Đức bà nhận thấy hình như sự sốt sắng thỉnh chuông của nó đã nguội lạnh đi nhiều. Trước kia, chuông lúc nào cũng vang lên, từng hồi chuông sáng dài ngân nga từ lễ sớm tới lễ muộn, những hồi chuông lớn bay bổng nhân dịp đại lễ, những âm điệu phong phú thông dong chuông nhỏ cho đám cưới, lễ rửa tội và tất cả hòa lẫn trong không trung như tấm thấu đủ loại âm thanh du dương. Tòa nhà thờ cổ, chỗ nào cũng rung động và ngân vang, triển miên vui trong tiếng chuông. Tựa hồ ở đó luôn có mặt vị thần linh của náo động và tùy hứng, đang ca hát qua những miệng đồng. Giờ đây, thần linh đó như biến mất; nhà thờ trở nên buồn tẻ và sẵn sàng nín lặng. Các ngày lễ và đám tang vẫn thỉnh chuông bình thường, khô khan và tro trên, đúng theo nghi lễ bắt buộc, không hơn. Trong hai thứ tiếng động do nhà thờ tạo nên, tiếng đạo phong cầm ở trong, tiếng chuông ở ngoài, chỉ còn lại tiếng phong cầm. Có thể nói không còn nhạc sĩ trên tháp chuông. Tuy rằng Cadimôđô vẫn ở đó. Chuyện gì đã xảy ra trong con người nó? Phải chăng thâm tâm nó vẫn còn hồ thẹn và thất vọng về vụ cục hình, ngọn roi của đạo phủ không ngót vang vọng trong tâm hồn nó, nỗi buồn bị ngược đãi dập tắt hết mọi thứ ở nó, kể cả niềm yêu mê giàn chuông? Hoặc Mari đã có tình địch trong trái tim gã kéo chuông nhà thờ Đức bà, cho nên

quả chuông lớn và mười bốn cô em bị bỏ rơi, nhường chỗ cho cái gì đó còn duyên dáng và xinh đẹp hơn chăng?

Vào năm on phước 1482 đó, lễ Ngự cáo lại đúng vào hôm thứ ba 25 tháng 3. Hôm đó, trời trong và nhẹ đến nỗi Cadimôđô cũng thấy thương nhớ giàn chuông. Nó liền leo lên tháp chuông phía bắc, trong khi bên dưới gã trợ thủ mở rộng các cửa nhà thờ, hồi đó là các phiến gỗ rắn chắc to lớn, bọc da, chung quanh đóng đinh sắt mạ vàng và có chạm trổ "hết sức khéo léo công phu".

Lên tới gác chuông cao, Cadimôđô lắc đầu buồn bã ngắm nghía hồi lâu sáu lầu chuông, tựa hồ đau khổ vì một cái gì xa lạ đã len vào trái tim, ngăn cách nó với giàn chuông. Nhưng khi nó đã rung chuông, cảm thấy chùm chuông chuyển động dưới tay, khi thấy, vì nó đâu còn nghe được, những âm giai run rẩy dâng lên hạ xuống trên nấc thang thanh âm như con chim chuyển cành, khi con quỹ âm nhạc, tên yêu ma này đang rung một chùm chói lọi đủ loại tiết điệu, đã nhập vào thành điệu tị nghiệp, nó bỗng trở lại sung sướng, nó quên hết và trái tim mở rộng làm khuôn mặt tươi tỉnh.

Nó đi lại, vỗ tay, chạy quanh các dây thùng, nó hò hét, múa may, để động viên sáu ca sĩ như một nhạc trưởng thúc giục các danh ca thông minh. Nó bảo:

- Cố lên, Gabrien, cố lên. Dốc hết âm thanh của mày xuống quảng trường. Hôm nay ngày hội. - Tibô, đừng có lười. Sao chậm thế. Nhanh lên, nhanh lên! Đồ ăn hại, mày han rỉ rồi sao? - Khá lắm! Nhanh nữa lên nào! Nhanh đến mức không còn nhìn thấy quả lắc. Hãy làm mọi người diếc hết như tao. Đúng thế, Tibô cừ quá! Ghiôm! - Ghiôm!

mày là đứa lớn nhất, còn Paxkiê bé nhất, thế mà Paxkiê lại giỏi hơn. Tao đánh cuộc, nhưng ai nghe được, đều nghe thấy nó rõ hơn mày. - Được! được! Gabriel của ta, to lên, to nữa lên! - Này, lũ chim sê, cả hai chú làm gì trên đó thế? Chẳng thấy chúng mày phát ra tiếng động nhỏ nào. - Lại còn những cái mỏ bằng đồng kia, ai lại hát mà cứ như ngáp ấy! Hừ, phải làm việc đi chứ. Hôm nay ngày lễ Ngự cáo. Trời nắng đẹp. Phải có hồi chuông thật vang. - Tội nghiệp Ghiôm! cậu cả béo, hết hơi rồi phải không?

Cadimôđô đang mãi đốc thúc giàn chuông, cả sáu đua nhau nhào lộn và dung đưa những cái móng bóng láng như đàn la Tây-ban-nha ầm ỉ đang bị mã phu la hét thúc giục.

Bỗng nhiên, nó liếc nhìn qua khe các miếng vải đá đen to bản, che tới độ cao nhất đỉnh bức tường thẳng đứng của tháp chuông, và thấy dưới quảng trường một cô gái ăn mặc kỳ quặc, đang đứng lại, trải xuống đất tám tấm có con dê con tới nằm lên trên, rồi một đám người xem tới vây tròn chung quanh. Cảnh tượng đó đột nhiên thay đổi dòng suy nghĩ của nó và làm đông cứng nổi thích thú âm nhạc như luồng gió lạnh làm đông cứng đồng nhựa đang chảy. Nó dừng lại, quay lưng lại giàn chuông, rồi ngồi xổm sau mái hiên đá đen, dăm dăm nhìn cô gái múa rong bằng cặp mắt mơ màng, âu yếm và hiền dịu, cái nhìn đã một lần làm phở chủ giáo phải kinh ngạc. Trong khi đó, giàn chuông bị bỏ quên cũng đột ngột im bật một loạt, khiến khách ham nghe nhạc chuông phải thất vọng, họ đành vui lòng nghe hồi chuông trên cầu

Hối đoái, và ra về chung hững như con chó được giữ miếng xương nhưng lại xoi phải cục đá.

IV. "AN" AGKH

Vào một sáng đẹp trời cũng hồi tháng ba đó, có lẽ là thứ bảy 29, ngày lễ Thánh Oxtaso, anh bạn trẻ của chúng ta là cậu học trò Giảng Phrôlô Cối xay đang mặc quần áo, chợt thấy túi quần đựng tiền không phát ra một tiếng xủng xẻng nào hết. Cậu rút túi tiền ra, nói:

- Tội nghiệp túi tiền! Sao? Chẳng còn một chinh! Xúc xắc, bia vai và gãi đẹp đã tàn nhẫn moi hết ruột mảy! Thế là mảy đâm ra trống rỗng, nhảm nhúm và bèo nhèo! Trông cứ như vú mụ điên! Xin hỏi quý ngài Xixêrô và Xênêca, mà tôi thấy tác phẩm cong queo xo xắc vút bừa bãi trên sàn, học hành thì làm được cái thá gì, dù tôi có giỏi hơn ông chánh kho bạc hoặc một lão Do Thái ngoài cầu Hối đoái, để được biết một đồng êquy vàng khắc hình vương miện bằng bầm nhăm oongdanh trị giá mỗi đồng hăm nhăm xu tám doniê tiền Pari và một đồng êquy vàng khắc hình trăng lưỡi liềm bằng bầm sáu oongdanh trị giá mỗi đồng hăm sáu xu sáu doniê tiền Tua, nếu tôi không có lấy một đồng kẽm đen ngòm khốn kiếp để liêu một ván dominô! Ôi, quan chấp chính Xixêrô! Tai họa đó đâu có thể thoát khỏi bằng những cách nói ví von, các *quemadmodum* và các *verum enimvero*!⁽¹⁾

Chàng buồn rầu mặc quần áo. Một ý nghĩ vụt đến lúc buộc dây giày, nhưng chàng vội gạt đi ngay: nhưng

nó cứ trở lại khiến chàng mặc trái cả áo gi-lê, đó là dấu hiệu rõ ràng của mối xung đột nội tâm gay gắt. Sau cùng, chàng vút mạnh mũ xuống đất, kêu lên: - Đéch cần! Muốn ra sao thì ra. Mình sẽ tới ông anh. Sẽ bị nghe chửi đấy, nhưng còn kiếm được đồng êquy.

Thế là chàng vội vã khoác áo choàng lót lông, nhặt mũ và thất thểu đi ra.

Chàng xuôi dọc phố Hàng đàn, đi về phía Khu thành cũ. Lúc đi ngang qua phố la Huysét, mùi chả nướng thơm lừng trên những cái xiên không ngừng quay, kích thích cơ quan khứu giác, chàng âu yếm nhìn tiệm thịt quay vĩ đại, một hôm đã khiến vị tu sĩ dòng thánh Catalagiron phải tha thiết thốt lên: *Veramente, queste rotisserie sono cose stupende!*⁽²⁾ Nhưng Giảng không có tiền ăn sáng và chàng thở dài thườn thượt, chui qua cổng cung Tiểu Satolê, gồm những tháp lớn hình lá tam diệp kép rất to, trấn giữ lối vào Khu thành cũ.

Chàng cũng không còn bụng dạ nào, theo thói quen, tiện tay ném hòn đá vào pho tượng khốn nạn của Pêrinê Locléc, đã dâng thành Pari thời Sác-lơ VI cho quân Anh, tội ác khiến tượng hình của hắn, bị đá ném sứt sẹo và bùn vấy đầy mặt, đã chịu hình phạt suốt ba thế kỷ ở góc phố Hàng đàn và phố Buyxi, như vịnh viễn phôi mặt trên giàn bêu tù.

Qua cầu Nhỏ, vượt phố Xanh-tơ Gionovievo mới, Giảng Đờ Môngđinô tới trước nhà thờ Đức bà. Thế là chàng lại lưỡng lự, đi dạo một lát quanh pho tượng ông Logri, ngẩn ngại nhủ thầm: - Sĩ và thì chắc chắn, còn tiền nong vẫn đáng ngờ!

Chàng hỏi một thầy thợ thủ từ tu viện đi ra:

- Ngài phó chủ giáo Giôdat đang ở đâu?

- Có lẽ ở trong phòng kín trên tháp, thấy thợ thủ đáp, tôi khuyên cậu không nên tới đó quấy rầy ông ta, trừ phi cậu được ai đó vào loại như giáo hoàng hoặc nhà vua phái đến.

Giăng vỗ tay: - Ma xui quỷ khiến! Thật là dịp tốt để xem căn phòng ma thuật trú danh!

Kiên quyết làm theo ý định, chàng mạnh bạo bước vào cửa nhỏ tối om và leo lên thang cuốn Xanh Gilo dẫn lên tầng trên tòa tháp. - Phải xem nó thế nào mới được! chàng vừa đi vừa thầm nhủ. Mẹ kiếp! Căn phòng đó chắc kỳ lạ lắm, nên ông anh đáng kính của mình mới giấu khư khư như vậy! Nghe nói ông ấy nhóm bếp địa ngục ở đó để nổi to lửa nấu món điểm kim thạch. Ối dào! Mình coi điểm kim thạch cũng chẳng hơn gì hòn sỏi, giá mà tìm thấy trên bếp lò một đĩa trứng Phục sinh trắng mờ lộn còn thú vị hơn bất cứ hòn điểm kim thạch nào to nhất đời!

Lên tới hành lang có dây cột nhỏ, chàng đứng thờ một lát, ngần ngại rửa cái cầu thang bắt tận bằng không biết bao nhiêu lời tục tũ, rồi lại tiếp tục leo lên, qua cửa hẹp tòa tháp hướng bắc, hiện nay cấm dân chúng vào xem. Lát sau, khi đã đi qua gác chuông, chàng tới sàn cầu thang nhỏ ăn sâu vào hốc tường ngang, dưới vòm có cửa thấp hình cung nhọn, mà một lỗ châu mai ở trước mặt được trở thủng vào vách tường bao quanh cầu thang cuốn khiến chàng có thể trông thấy ổ khóa to tướng và khung sắt vung chãi của cánh cửa. Hiện nay, khách tò

mò đến thăm còn nhận ra chiếc cửa đó, do hàng chữ trắng khắc trên tường đen: *Tôi yêu quý Côrali. 1829. Ký tên Uygien*. Đúng là có khắc cả chữ: *ký tên*.

- Ôi! Cậu học trò nói: chắc là ở đây.

Chìa khóa tra trong ổ. Cánh cửa ở ngay trước mặt. Chàng khẽ đẩy và thò đầu qua khe cửa mở.

Bạn đọc chắc hẳn đã giờ xem qua tập tác phẩm kỳ diệu của Rembrăng, một thứ Sécxia của hội họa. Trong số nhiều bức tranh khắc tuyệt đẹp, đặc biệt có một bức khắc chìm, mà người ta dự đoán nó thể hiện bác sĩ Phaoxtơ, khiến ta nhìn vào không thể không lóa mắt. Đó là một gian phòng tối. Ở giữa kê chiếc bàn chất đầy đồ vật ghê rợn, sọ người, bình tròn, nổi cát, công-pa, da dê ghi chữ tượng hình. Bác sĩ ngồi trước bàn, mặc áo choàng rộng, đôi mũ lột lông sụp xuống tận mắt. Chỉ trông thấy nửa người ông ta. Ông ta hơi nhồm người trên ghế bành rộng, bàn tay nắm chặt chống lên mặt bàn, đang tò mò và sợ hãi nhìn một vòng tròn sáng lớn, gồm những chữ ma quái, chói lọi, trên bức tường cuối phòng, như tia nắng chiếu vào hộp tối máy ảnh. Mặt trời huyền vi đó như rung rinh trước mắt và chiếu ánh sáng bí hiểm khắp gian phòng mờ tỏ. Thật ghê rợn và cũng thật đẹp.

Trước mắt Giảng là những thứ tương tự gian phòng của Phaoxtơ, khi chàng thò đầu qua khe cửa hé mở. Đây cũng là căn buồng tối, ánh sáng mờ mờ. Cũng chiếc ghế bành to và chiếc bàn lớn, rồi công-pha, nổi cát, xương thú vật lủng lẳng trên trần, bình tròn lăn lóc dưới sàn, xương sọ ngựa lẫn lộn với những hũ bên trong rung rinh các lá bằng vàng, sọ người đặt trên trang giấy chi chít hình vẽ

và chữ, từng tập sách viết tay dày cộp, mở sẵn, chồng chất lên nhau, không chút thương hại các góc da dễ gãy, tóm lại đủ mọi thứ rác rưởi của khoa học và khắp nơi, trên mớ lộn xộn này, bụi rậm và mạng nhện bám đầy; nhưng chỉ không có vòng tròn bằng chữ chói sáng, không có bác sĩ mãi mê ngắm huyền tượng rực cháy như đại bàng ngắm mặt trời.

Tuy nhiên, căn buồng không vắng người. Một ông ngồi trông ghế bành, đang cúi xuống bàn. Hắn quay lưng lại nên Giảng chỉ nhìn thấy đôi vai và chòm đầu; nhưng chàng dễ dàng nhận ngay ra cái đầu hói mà thiên nhiên cao tọc vỉnh viễn như thể muốn đánh đầu thiên hướng giáo sĩ không cường nổi của phó chủ giáo, bằng biểu tượng ngoại hình.

Giảng nhận ra ông anh. Nhưng cửa mở ra quá nhẹ nhàng, làm đức cha Clôdo không hay biết gì đến việc chú em có mặt. Cậu học trò tò mò liền lợi dụng lúc đó để tha hồ ngắm nghía căn buồng hời hợt. Một lò bếp rộng, thoát đầu chàng chưa để ý tới, ở bên trái ghế bành, phía dưới cửa mái. Tia nắng chiếu vào từ khung cửa đó, xuyên qua một mạng nhện tròn, in hình rất khéo cái hoa thị tinh tế vào vòm cửa sổ tò vò, ở giữa là con côn trùng kiến trúc sư đang đứng im như trục bánh xe bằng ren. trên lò bếp chất bừa bãi đủ thứ chai lọ, hũ sành, nồi nấu bằng thủy tinh, bình dài cổ bằng than đá. Giảng thờ dài thấy chẳng có chiếc chảo con nào, thậm nghĩ:

- Đồ lễ nấu bếp xem ra còn mới quá!

Hơn nữa, lò không nhóm lửa, mà hình như đã lâu cũng chẳng có lửa khói gì hết. Một mặt nạ thủy tinh

Giăng thấy ở giữa đồng dụng cụ luyện đan, chắc hẳn để phó chủ giáo đeo che mặt khi pha chế những chất ghê gớm, vút một xó, bụi bám đầy, như bị bỏ quên. Ngay cạnh, lẫn lóc cái thối lửa cũng bám đầy bụi mặt trên gần câu chú giải khảm chữ đồng: *Spira, Spera*⁽³⁾

Theo lẽ thói các nhà điểm kim, trên tường còn ghi rất nhiều chú từ khác; câu viết bằng mực, câu khắc bằng mũi nhọn kim khí. Thôi thì lộn xộn đủ thứ chữ gôtic, Do Thái, Hi-lạp, La-mã, hàng chữ nọ ngẫu nhiên chen lẫn hoặc đề lên hàng chữ kia, câu mới xóa câu cũ, tất cả quăn vào nhau rối mù như cành cây trong bụi rậm, như mũi giáo trong trận xáp lá cà. Quả thực đó là sự pha trộn lung tung đủ loại triết học, đủ trò mơ mộng, đủ thứ khôn ngoan nhân loại. Thỉnh thoảng đây đó một câu chói lọi hơn, như lá cờ giữa đám đao mác. Còn phần lớn là một câu châm ngôn ngắn La-tinh hoặc Hi-lạp, được thời trung cổ diễn đạt rất hay: *Unde? inde? - Homo homini monstrum. - Astra, castra, nomen, numen - Méghe biblion. Méghe kakôn. - Sapere aude. Flai Ubi valt, vân vân...*; hoặc một từ bề ngoài có vẻ vô nghĩa: *Anaghkophaghia*, nhưng có lẽ ẩn giấu ý ám chỉ chua cay về chế độ tu viện; đôi khi chỉ là câu cách ngôn bình thường về kỷ luật đạo giáo diễn tả bằng câu thơ tám chân đúng niêm luật: *Coeleslem dominum, terrestrem, dicite domnum*⁽⁴⁾. Đây đó cũng còn những chữ Do Thái nguệch ngoạc mà Giăng, vốn đã dốt tiếng Hi-lạp, lại càng không hiểu gì hết, và tất cả chỗ nào cũng chẳng chịt những ngôi sao, hình người hoặc hình thú và hình tam giác cài nhau, chúng góp thêm

360

phần cho bức tường bôi bẩn của căn buồng càng giống tờ giấy bị con khỉ cầm ngòi bút đấm mực vẽ nhăng nhít.

Tóm lại, toàn bộ căn phòng có vẻ hoang tàn và đổ nát, còn tình trạng tồi tàn của dụng cụ làm ta phỏng đoán, từ khá lâu, chủ nhân đã xao lãng công việc nghiên cứu vì bận chăm lo chuyện khác.

Lúc này, chủ nhân đang cúi xuống cuốn sách chép tay to rộng, trang trí các bức họa kỳ quái, như đang dấn vật vì một ý nghĩ luôn xen vào dòng suy tưởng. Ít nhất đó cũng là điều Giăng nhận xét, khi nghe ông ta thốt lên, với khoảnh khắc trầm ngâm của một giấc mơ trông rỗng dang nói to thành lời.

- Phải, Manu đã nói thế, còn Dôroaxtro⁽⁵⁾ cũng dạy như vậy, mặt trời nảy sinh từ lửa, mặt trăng nảy sinh từ mặt trời. Lửa là linh hồn của cái đại toàn thể. Các nguyên tử sơ đẳng của nó lan tràn và tuôn chảy không ngừng thành những dòng bất tận trên thế giới. Tại giao điểm của các dòng đó trong không trung, nó phát sinh ánh sáng; tại giao điểm của chúng dưới lòng đất, nó sản sinh ra vàng. - Ánh sáng, vàng, cũng là một thứ thôi. Là lửa ở trạng thái cụ thể. - Là sự khác biệt từ cái trông thấy đến cái sờ thấy, từ thể lỏng sang thể đặc của cùng một thể chất, từ hơi nước thành nước đá, không gì khác hơn. Hoàn toàn không phải chuyện mộng tưởng - đó là quy luật tổng quát của thiên nhiên - Nhưng làm cách nào moi ra được bí mật của quy luật chung đó, trong khoa học? Đúng thế: Ánh sáng tràn ngập bàn tay ta, đó chính là vàng! Vẫn chỉ là những nguyên tử đó nở phình ra theo quy luật nào đó, vấn đề chỉ là cô đặc nó theo quy luật

khác nào đó! - Làm cách nào đây? - Có người đã nghĩ cách chôn một tia nắng. - averôe - phải, chính là Averôe - Averôe⁽⁶⁾ đã chôn một tia nắng dưới chiếc cột đầu tiên bên trái trong hậu cung cất kính Corăng, tại đại tu viện Hồi giáo ở Coođu; nhưng tám nghìn năm sau mới có thể mò can hăm đó để xem công cuộc thành công hay không.

- Eo ôi! Giảng thẩm nhủ, chờ có được một đồng êquy như vậy thì lâu quá!

Phó chủ giáo mơ mộng nói tiếp:

- ...Kẻ khác lại nghĩ, tốt hơn nên thực hiện bằng một ánh sao Xiriuyt. Nhưng rất khó có nổi tia sáng thuần khiết đó, vì sự hiện diện đồng thời của nhiều tính tú khác đã trộn lẫn các ánh sáng. Phlamen cho rằng giản dị hơn, nên thực hiện bằng lửa mặt đất. - Phlamen! Đúng là cái tên tiền định, *Flamma!* - Phải, đúng là lửa. Có thể thôi. - Kim cương ở trong than đá, vàng ở trong lửa - Nhưng làm thế nào lấy ra được? - Magixtri khẳng định có một số tên của đàn bà mang vẻ đẹp hết sức hiền dịu và huyền bí chỉ cần đọc lên trong khi thực hiện... - Ta hãy đọc xem Manus bảo sao: "Nơi đâu đàn bà được tôn trọng, thần linh đều vui vẻ; nơi đâu họ bị khinh rẻ, có Cầu Chúa cũng chẳng ích gì. Miệng đàn bà bao giờ cũng tinh khiết: đó là nước trời, là tia nắng. - Tên đàn bà phải âm ái, du dương, bay bổng; phải tận cùng bằng mẫu âm dài và giống như lời ban phúc lành." - ...Phải, nhà hiền triết nói có lý; thật vậy, Maria này, Xôphia này, Exmêran... - Khốn khổ! Sao mình cứ nghĩ mãi tới chuyện đó!

Rồi ông dùng dùng gấp sách.

Ông giơ tay bóp trán, như muốn xua đuổi ý nghĩ đang ám ảnh. Rồi ông cầm lấy ở trên bàn chiếc đinh và cái búa nhỏ, cán có sơn các bùa chú kỳ lạ. Ông mỉm cười chua chát, nói:

- Ít lâu nay, ta thất bại trong mọi cuộc thí nghiệm! Một định kiến ám ảnh ta và dày vò đầu óc như chiếc vòng lửa. Ta chỉ mới khám phá được bí mật của Caxiôđô⁽⁷⁾, với chiếc đèn thấp không cần bắc và dầu. Nhưng đó chỉ là chuyện tầm thường!

- Chết tiệt! Giăng lăm bầm nói.

- ... Cho nên chỉ cần một tư tưởng khốn kiếp, linh mục nói tiếp, cũng đủ làm con người ta trở nên hèn yếu, điên rồ! Ôi, cứ để mặc Clôđơ Pécnen cười ta, bà ta đã không sao khiến nổi ông chồng Nicôla Phlamen rời bỏ một phút việc theo đuổi sự nghiệp lớn! Lạ thay! Ta đang cầm trong tay chiếc búa thần thông của Dêchiêlê! Cứ mỗi lần vị pháp sư Do Thái ghê gớm đó ngồi trong phòng riêng, nện búa xuống chiếc đinh này, kẻ thù mà ông kết tội dù cách xa hai ngàn dặm, vẫn thụt sâu xuống đất một sải và bị đất nuốt chửng. Ngay cả vua nước Pháp, một tội chỉ vì khinh suất đụng phải cửa cán nhà vị thần thông, cũng đã bị tụt xuống lòng đường Pari sâu tới gối. - Việc này xảy ra chưa quá ba thế kỷ. - Thế mà ta hiện có chiếc búa, cái đinh, nhưng trong tay ta nó chẳng phải là dụng cụ gì ghê gớm hơn cái vỏ trong tay người thợ dao kéo. - Cho nên, ta chỉ cần tìm ra câu thần chú mà Dêchiêlê đã đọc, rồi đóng cái đinh này.

- Lão toét! Giăng thăm nghĩ.

- Nào, hãy thử xem sao, phó chủ giáo hằng hái nói tiếp. Nếu thành công, ta sẽ thấy đầu đỉnh tóc lửa xanh.
- Êmen hêtăng! Êmen hêtăng! - Không phải rồi. - Xigiênani! Xigiênani!⁽⁸⁾ Chiếc đỉnh này hãy đào huyết chôn cái kẻ tên là Phêbuýt!... Khốn nạn! Sao cứ quanh quẩn mãi một ý nghĩ dai dẳng đó.

Rồi ông giận dữ vút búa đi. Và ông ngồi sụp xuống ghế, gục lên bàn, khuất sau chiếc tựa ghế bành lớn, khiến Giảng không trông thấy nữa. Trong vòng vài phút, chàng chỉ thấy bàn tay ông ta co quắp nắm chặt đặt trên cuốn sách. Đột nhiên, đức cha Clôđơ đứng dậy, cầm công-pa, lẳng lẽ khắc lên tường những chữ cái của từ Hi-lạp sau:

"AN"AGKH

- Ông anh mình điên rồi, Giảng thầm nhủ; cứ viết là *Fatum*⁽⁹⁾ có tiện hơn không. Có phải ai cũng bắt buộc phải biết tiếng Hy-lạp đâu.

Phó chủ giáo quay lại ngồi xuống ghế, hai tay ôm đầu, như người ốm đang nhức và nóng đầu thường làm.

Cậu học trò ngạc nhiên nhìn ông anh. Chàng đâu có biết, vì chàng vốn là kẻ ưa phơi trần trái tim ra ngoài, vốn chỉ tuân theo một định luật trên đời là định luật tốt đẹp của tự nhiên, cứ để mặc ham mê tuôn chảy theo sở thích, là kẻ mà mặt hồ các xúc cảm lớn bao giờ cũng khô cạn, cái mặt hồ cứ sáng sáng lại được khơi rộng thêm mương máng mới, chàng đâu có biết biển cả ham mê của con người sẽ nung nấu và sôi sục cuồng điên đến độ nào

khí ta cự tuyệt nó mọi lối thoát, biến cả đó tích tụ, dâng lên, tràn bờ, đào xói tâm can, bất thành nức nở bên trong và quần quai âm thầm, tới khi biển phá vỡ đê, chảy lạc dòng. Vô ngoài khắc khổ và giá băng của Clôđơ Phrôlô, bề mặt đạo đức lạnh lùng, cheo leo và hiểm hóc đó vẫn đánh lừa Giảng. Cậu học trò vui nhộn không hề nghĩ vẫn có thứ nham thạch sôi sục, hung hãn và lắng sâu bên dưới vầng trán phủ tuyết của núi lửa Etna.

Không hiểu Giảng có chợt nhận thấy các ý tưởng đó không, nhưng mặc dù là người vô tâm chàng cũng hiểu mình đã trông thấy những gì không nên thấy, mình vừa bắt gặp linh hồn ông anh trong một trạng thái riêng tư nhất và không nên để Clôđơ biết. Thấy phó giáo chủ trở lại im lìm như cũ, chàng khề rụt cổ và nện gót sau cửa, như người vừa tới và báo hiệu mình tới.

- Vào đi! phó chủ giáo cất tiếng từ trong phòng, tôi chờ từ nãy. Khóa vẫn để nguyên ở cửa đó. Thấy Giảng, cứ vào.

Cậu học trò mạnh dạn bước vào. Phó chủ giáo ngồi trên ghế giật mình, cuộc viếng thăm này thật bất tiện ở nơi đây.

- Ô hay! Chú Giảng đấy ư?

- Vẫn một cái tên bắt đầu bằng chữ Gi, cậu học trò đáp, mặt đỏ bừng, trắng tráo và vui nhộn.

Nét mặt Clôđơ trở lại nghiêm nghị.

- Chú đến đây có việc gì?

- Thưa anh, cậu học trò đáp, cố tạo vẻ mặt dùng dấn, đáng thương và nhũn nhặn, tay mân mê mũ ra bộ ngây thơ, em đến để xin anh...

- Xin gì?

- Bảo ban cho ít điều em đang rất cần.

Giăng không dám nói thêm: - Và một ít tiền em còn cần hơn nữa. Đoạn cuối của câu nói còn được giữ lại nguyên.

- Thưa ông, phó chủ giáo lạnh lùng nói, tôi rất không bằng lòng về ông.

- Chao ôi! cậu học trò thờ dài.

Đức cha Clôđơ xoay ghế một góc vòng, dăm dăm nhìn Giăng:

- Rất may được gặp ông.

Đó là câu mào đầu ghê gớm. Giăng sẵn sàng chờ vụ va chạm mạnh.

- Giăng, ngày nào người ta cũng tới đây than phiền về chú. Tại sao có cuộc ẩu đả mà chú vác gậy đánh vì tử tước nhỏ tuổi Anbe Đờ Ramôngsăng?...

- Ô! Có gì đâu! Giăng đáp. Tại cái thằng thị đồng tai ác chơi nghịch, nó phi ngựa làm bắn hết cả bùn lên bọn học trò chúng em!

- Thế còn vụ Mahiét Phácgiên bị chú xé rách áo dài? *Tunicam dechiraverunt*, họ nói rõ như vậy.

- Ôi dào! Nó thừa biết đó chỉ là cái áo khoác tồi tàn, Môngteguy.

- Đơn thua nói là *tunicam*, chứ không phải *cappettam*⁽¹⁰⁾
Chú có hiểu tiếng La-tinh không?

Giăng không đáp, Linh mục lắc đầu, nói tiếp:

- Phải! bây giờ học hành, chữ nghĩa như thế đấy.
Tiếng La-tinh biết lờn bõm, tiếng cổ Xyri dốt đặc, tiếng
Hi-lạp bị ghét thậm tệ chứ không phải vì dốt mà các nhà
thông thái nhất phải bỏ qua một từ Hi-lạp không đọc tới,
thế rồi lại nói: *Graecum est, non legitur*⁽¹¹⁾.

Cậu học trò ngang nhiên ngược nhìn:

- Thưa anh, anh có muốn em giảng nghĩa từ Hi-lạp
viết trên tường kia sang đúng tiếng Pháp không?

- Từ nào?

- "AN"AGKH.

Gò má vàng sạm của phó chủ giáo hơi đỏ ửng, như
luồng khói báo hiệu bên ngoài các chấn động bí mật của
núi lửa. Cậu học trò hầu như không nhận thấy điều đó.
Ông anh gắng gượng lắp bắp hỏi:

- Này Giăng, thế từ đó nghĩa là gì?

- ĐỊNH MỆNH.

Đức cha Clôđơ lại tái mặt, còn cậu học trò thản nhiên
nói tiếp:

- Còn từ ở dưới, cũng do bàn tay đó khắc, *Anaghnèia*
nghĩa là Ô TROC. Anh thấy là em cũng biết tiếng Hi-lạp
đấy chứ.

Phó chủ giáo nín lặng. Bài học tiếng Hi-lạp đó khiến
ông trở nên mơ mộng. Cậu nhỏ Giăng có đủ mọi tình
khôn của đứa trẻ được nuông chiều, thấy đây là lúc thuận

lợi để thử hỏi xin Chàng liền dùng giọng hết sức dịu ngọt, nói:

- Anh hiền từ của em, chả lẽ anh thù ghét đến mức làm mất giận với em, chỉ vì cái tát và dấm quả dấm độc địa được phân phát đích đáng cho tội ranh con nào đó ư, *quibusdam marmosetis*?⁽¹³⁾ Anh thấy không, anh Clôđơ hiền từ, em cũng thạo tiếng La-tinh đấy chứ.

Nhưng mọi trò âu yếm vờ vĩnh không còn gây được hiệu quả quen thuộc đối với ông anh nghiêm khắc. Con chó ba đầu gác cửa âm ty không thèm ngoạm chiếc bánh mật ong. Vàng trán phó chủ giáo không hề răn một nếp nhăn.

- Chú muốn gì nào? ông hỏi, giọng gay gắt.

- Nếu vậy, xin đi ngay vào việc! Giảng ngang nhiên đáp lại, em đang cần tiền.

Nghe câu tuyên bố trắng trợn đó, nét mặt phó chủ giáo lập tức ra vẻ phụ huynh dạy dỗ.

- Thưa chú, chú cũng biết lãnh địa của ta ở Tiarosáp, nếu tính chung cả tiền thuê đất lẫn tiền cho thuê hầm một căn nhà, chỉ đem lại lợi tức là năm chín livre mười một xu sáu deniê tiền Pari. Thế là gấp rưỡi so với thời kỳ anh em Palet, nhưng cũng không phải nhiều nhận gì.

- Em đang cần tiền, Giảng vẫn thân nhiên nhắc lại.

- Chú cũng biết giáo hội pháp quan đã quyết định hầm một căn nhà của chúng ta thuộc khu vực tòa giám mục, ta chỉ có thể chuộc lại quyền khỏi bị phụ thuộc bằng cách trả cho đức ông giám mục hai đồng mác tiền bạc mạ vàng trị giá sáu đồng livre tiền Pari. Thế mà hai

đồng mức đó, tôi vẫn chưa thu nhặt được. Điều đó, chú thừa biết.

- Em chỉ biết em đang cần tiền, Giảng nhắc lại lần thứ ba.

- Thế cần tiền để làm gì?

Câu hỏi làm mất Giảng lóe lên tia hi vọng. Chàng lại ra vẻ hiền ngoan như con mèo:

- Anh Clôđơ thân mến ạ, em không xin tiền để tiêu pha bậy bạ. Em đâu có dùng tiền của anh để ăn chơi nơi quán rượu rồi đi dạo phố Pari với quần áo bằng gấm kim tuyến, có kẻ hầu theo sau, *eum meo laquasio*⁽¹³⁾ Anh ơi, không phải thế đâu, tiền để dùng vào việc thiện.

- Việc thiện nào? Clôđơ hỏi, hơi ngạc nhiên.

- Có hai người bạn em đang định mua quần áo trẻ sơ sinh để cho đứa con của một bà góa nghèo thuộc dòng tu Hiếu khách. Đó là công việc cũng muốn được góp phần vào đó.

- Hai người bạn của chú tên là gì?

- Pie L'Atxommo và Baptixto Crôcc Oadông⁽¹⁴⁾

- Ghê thật! Phó chủ giáo nói, hai cái tên đó đi đôi với công cuộc từ thiện như cổ súng phóng lạc đạn đặt trên bàn thờ chính điện.

Rõ ràng Giảng đã chọn rất tối tên hai người bạn. Nhưng biết thì muộn rồi.

- Vả lại, Clôđơ vốn tinh khôn, nói tiếp, quần áo trẻ sơ sinh gì mà tốn tới ba đồng phloranh? Mà lại cho đứa con của một bà tu dòng Hiếu khách? Các bà góa dòng tu Hiếu khách có con mới đẻ từ bao giờ vậy?...

Một lần nữa, Giảng lại nói toạc ra:

- Thú thật em cần tiền để tối nay đến chơi con Idabô La Tiery ở Van Đ'Amua!

- Đồ ô uế khốn nạn! Linh mục thốt lên.

- *Anaghneia*, Giảng đáp.

Lời trích dẫn câu học sinh có lẽ đã tỉnh quái mụ ở trên tường gian phòng, đã tác động kỳ lạ tới linh mục. Ông cần môi, đỏ mặt hết cả giận, bảo Giảng:

- Thôi chú về đi. Tôi sắp có khách.

Cậu học sinh cố nài lần nữa:

- Anh Clôđơ ơi, ít nhất cũng cho em ít tiền ăn sáng.

- Về môn giáo lệnh của Grachiêng, chú học đến đâu rồi? đức cha Clôđơ hỏi.

- Em đánh mất vở học rồi.

- Thế còn môn cổ đại học La-tinh?

- Cuốn Horaxơ của em bị mất cắp rồi.

- Vậy Arixtôt đến đâu rồi?

- Thật tình, anh ạ, không biết đức cha nào trong giáo hội từng nói các sai lầm của bọn tà giáo ở thời nào cũng đều trốn nấp trong bụi rậm của siêu hình học Arixtôt? Chán chết cái lão Arixtôt! Em không muốn phá tan tín ngưỡng của mình lúc dựng vào cái trò siêu hình của lão ta.

- Anh bạn trẻ này, phó chủ giáo nói, trong lần vừa rồi nhà vua ngự giá vào thành Pari, có một vị quý tộc tên là Philip Đơ Cômín đã thêu trên tấm chăn phủ ngựa một câu châm ngôn mà tôi khuyên chú nên nghiền ngẫm: *Qui non laborat non manducat*⁽¹⁵⁾

Cậu học trò đứng lặng một lát, ngón tay bịt lỗ tai, mắt nhìn xuống đất, nét mặt giận dữ. Đột nhiên, chàng quay lại phía Clôđơ nhanh nhẹn như con chim chia vôi.

- Anh ơi, thế anh từ chối không cho em ít tiền để mua mẩu bánh ở quán ăn thực ư?

- *Qui non laborat non manducet.*

Nghe phó chủ giáo cương quyết trả lời, Giảng đưa hai bàn tay ôm đầu như cô gái bung mặt khóc, rồi tuyệt vọng hét lên: Ôtôôtôôtôôi! Clôđơ thấy thế, liền hỏi:

- Này ông, ông hét lên cái quái gì thế?

- Còn cái gì nữa! Cậu học trò đáp, ngược mắt trần trần nhìn Clôđơ bằng cặp mắt cậu đã dùng nắm tay dụi đỏ ngầu như đang khóc, đó là tiếng Hi-lạp! Một câu thơ của Esilo diễn tả đầy đủ nỗi đau khổ.

Nói rồi, cậu phá lên cười ran rất khôi hài, làm phó chủ giáo cũng phải mỉm cười. Chẳng qua cũng lỗi tại Clôđơ thôi, sao ông ta lại quá nuông chiều thằng bé như vậy?

- Ôi! Anh Clôđơ hiền từ của em, Giảng được nụ cười khuyến khích, nài thêm, hãy nhìn đôi giày rách của em đây này. Còn thứ giày dép nào ở đời lại bi thảm hơn là giày há mồm?

Phó chủ giáo lập tức nghiêm mặt lại như cũ:

- Tôi sẽ gửi giày mới đến cho chú. Nhưng tiền thì không.

- Anh ơi, chỉ xin anh tí tiền còm thôi, Giảng tiếp tục van nài. Em sẽ học thuộc lòng Grachiêng em sẽ hết sức tin vào Chúa, em sẽ là một Pytago chính cống về kiến thức và đạo đức. Nhưng chỉ xin anh làm ơn cho em ít

tiền cơm! Chẳng lẽ anh để mặc cho con đói ngọam em bằng cái mồm dày kia, nó đang há hốc trước mặt em, đen ngòm, thối tha, sâu hút hơn cả mồm gà Thái đất hoặc lỗ mũi lão tu sĩ?

Đức cha Clôđơ lắc cái đầu nhăn nhoe:

- *Qui non laborat...*

Giăng không để ông nói hết câu, kêu lên:

- Dà thế dếch cần! Cứ chơi cho sướng đời. Tôi sẽ la cà quán rượu, sẽ đánh nhanh, sẽ đập phá và sẽ đi chơi gái!

Nói rồi, chàng ném mũ vào tường và búng ngón tay kêu tanh tách.

Phó chủ giáo cau mặt nhìn chàng:

- Giăng, em mất hết linh hồn rồi.

- Nếu vậy, theo lời Epiquya, em chỉ thiếu một cái gì đó làm bằng thứ gì đó không tên.

- Giăng, chú phải nghiêm chỉnh nghĩ đến chuyện sửa mình.

- À này, cậu học trò thốt lên, hết nhìn ông anh lại nhìn cái nổi cất trên lò, ở đây cái gì cũng cong queo, cả tư tưởng lẫn chai lọ!

- Giăng, chú đang trôi tuột xuống dốc đấy. Chú có biết chú đang đi tới đâu không?

- Tới quán rượu, Giăng nói.

- Quán rượu dẫn tới giàn bêu tù.

- Cũng chỉ là chiếc cột đèn như mọi cột đèn, mà có lẽ với cột đèn đó, Điôgien đã tìm thấy con người mong ước.

- Giàn bêu tù dẫn tới giá treo cổ.

- Giá treo cổ là cái cân một bên có người bên kia là cả trái đất. Làm người đó kể cũng đẹp lắm chứ.

- Giá treo cổ dẫn xuống hỏa ngục. - Cũng chỉ là đám lửa lớn.

- Giảng, Giảng, sự kết thúc sẽ tai hại.

- Nhưng lúc khởi đầu đã tốt lành.

Lúc đó, có tiếng người bước ngoài cầu thang. Phó chủ giáo đặt ngón tay lên môi, nói:

- Im! Đây là thầy Giắc. Này, Giảng, ông khề bảo thêm, đừng bao giờ nói với ai về những gì đã trông thấy và nghe thấy ở đây nhé. Hãy nắp nhanh vào sau cái lò kia, mà đừng có lên tiếng.

Cậu học trò liền nắp vào sau lò. Ở đó, chàng bỗng nảy ra một ý kiến phong phú.

- À anh Clôđơ này, cho một đồng phloranh thì tôi không lên tiếng đâu.

- Im đi! Anh hứa sẽ cho.

- Thì cứ đưa ngay đây.

- Này đây! Phó chủ giáo nói, giận dữ vút cho chàng túi tiền. Giảng chui vào sau lò và cánh cửa mở ra.

V. HAI KẺ MẶC ÁO THÂM

Người vừa bước vào mặc áo dài thâm, mặt mũi u ám. Điều làm anh bạn Giảng của chúng ta mới thoát nhìn đã phải ngạc nhiên (ta thừa biết, tuy ngồi trong xó, chàng

vẫn tùy thích tìm cách để nhìn và nghe hết mọi chuyện); đó là vẻ buồn rầu ủ rũ cả về quần áo lẫn nét mặt của kẻ mới tới. Tuy nhiên, nét mặt cũng phảng phất đôi chút hiền dịu, nhưng là vẻ hiền dịu vô vọng. Ông ta tóc gần bạc hết, da nhăn nheo, tuổi xấp xỉ sáu mươi, mắt hấp háy, lông mày trắng, môi trề xuống, bàn tay to. Khi Giảng thấy chỉ có vậy, nghĩ là một y sĩ hoặc thẩm phán gì đó, và y lại có cái mũi cách rất xa mồm, dấu hiệu của ngu ngốc, chàng liền thu mình trong vỏ, buồn phiền vì sẽ phải trải qua một thời gian vô tận trong tư thế khó chịu và bên cạnh lũ người đáng ghét.

Lúc này, phó chủ giáo cũng chẳng thềm đứng dậy đón khách. Ông ra hiệu cho khách ngồi xuống ghế đầu kê cạnh cửa, rồi sau một lát im lặng như nối tiếp những suy nghĩ từ trước, ông nói, giọng kẻ cả:

- Chào thầy Giắc.

- Chào thầy ạ! Người mặc đồ thăm đáp.

Trong hai cách chào, một bên là *thầy Giắc*, bên kia là *thầy ạ* thật cung kính, có sự khác biệt như giữa ngài và ông, giữa *domine* và *domne*. Rõ ràng đây là cuộc tiếp xúc giữa nhà bác học và gã đồ đệ. Sau một hồi im lặng nữa, thầy Giắc vẫn không dám lên tiếng, phó chủ giáo hỏi:

- Thế nào, ông có thành công không?

- Bẩm thầy, người kia cười buồn đáp, đáng tiếc là tôi vẫn luyện. Tro than thì bao nhiêu cũng có. Nhưng chẳng thấy mây may vàng.

Dức cha Clôđơ lộ vẻ sốt ruột:

- Thầy Giắc Sác-mô-luy, tôi không nói chuyện đó, mà là vụ án xử tên phù thủy kia. Có đúng thầy bảo hắn tên là Mác Xonen phải không, gã thủ kho ở Thăm kế viện ấy? Hắn có thú nhận là biết ma thuật không? Việc tra hỏi đạt kết quả gì chưa?

- Đáng tiếc là chưa, thầy Giắc đáp, vẫn với nụ cười buồn bã. Chúng tôi chưa có được niềm an ủi đó. Hắn ta là hồn sỏi. Có đem lược hắn ngoài chợ Heo cũng chưa chắc hắn chịu nói. Tuy nhiên, chúng tôi đang làm đủ mọi cách để đạt tới chân lý. Người hắn cũng tả tôi rồi. Chúng tôi đã thi hành tất cả các biện pháp cần thiết, như nhà hoạt kê cổ Plôtuyt từng nói: *Advor-sum stimulos, laminas, crucesque, cempedesque*.

Nervos, calenas, carceres, numellas, pedicas, boias⁽¹⁾. Nhưng vô hiệu. Hắn ghê gớm lắm. Thật công toi.

- Thế ông không tìm thấy điều gì mới trong nhà hắn ư?

- Có chứ, mảnh giấy da này, thầy Giắc nói, lục hầu bao. Mảnh giấy ghi những chữ chúng tôi không hiểu. Mặc dù ông luật sư hình sự Philip Lotiê cũng có biết ít chữ Do Thái, ông ta học được trong vụ Do Thái ở phố Căngtecxten tại Bruyxen.

Vừa nói thầy Giắc vừa mở tờ giấy da. Phó chủ giáo bảo:

- Đưa đây.

Rồi liếc nhìn tờ giấy, ông kêu lên:

- Toàn trò ma thuật, thầy Giắc à! *Emenhetăng!* đó là tiếng hú của ma cà rồng đi dự dạ hội phù thủy. *Per*

ipsum, et cum ipso, et in ipso!⁽²⁾ đó là hiệu lệnh cùm quý sứ dưới âm ty. *Hax, pax, max!* đây là y khoa. Một công chức chống vết cắn của chó dại. Thấy Giắc! Ông là biện lý hoàng gia tại giáo hội pháp viện, tờ giấy này kinh tởm quá.

- Chúng tôi sẽ thẩm vấn lại người đó. Con cái này nữa, thấy Giắc nói, lại lục túi xách, đây là vật tìm thấy ở nhà Mác Xonen.

Đó là chiếc hũ cũng giống loại hũ xếp đầy mật lò bếp của đức cha Clôđơ. Phó chủ giáo nói:

- À! Đây là bình nấu luyện đan.

- Xin thú thực, thấy Giắc nói, mỉm cười rụt rè, ngượng nghịu, tôi đã nấu thử trên lò, nhưng cũng chẳng hơn gì cái bình nấu của tôi.

Phó chủ giáo ngắm nghía chiếc bình:

- Hẳn khắc gì trên bình thế này? *Och! och!* câu thần chú đuổi rận! Tên Mác Xonen này thật ngu dốt! Đúng là thấy không thể chế ra vàng bằng chiếc bình này! Chỉ đáng đặt nó trong buồng ngủ vào mùa hè, thế thôi!

- Vì ta đang bàn tới những sai lầm, viên biện lý nói, xin thưa tôi vừa rồi mới xem xét chiếc cổng dưới kia, trước khi lên đây, liệu đức cha có tin chắc phần khai từ của cuốn sách vật lý được biểu hiện trên đó về phía nhà thương, còn trong bảy hình khỏa thân dưới chân Đức bà, hình tượng có cánh ở gót chân là Mécquya không?

- Chắc chứ, linh mục đáp. Chính Ôguyxtanh Nyphô viết phần khai từ, ông bác sĩ người Ý đó có con quý rậm

râu, nó dạy ông ta đủ điều. Thôi, ta cứ xuống dưới đó, tôi sẽ cắt nghĩa cho thầy nghe ngay trên văn bản.

- Xin đa tạ thầy, Sác-mô-luy nói, cúi rạp người xuống tận đất, À quên! bao giờ ngài cần cho bắt con bé phù thủy?

- Con bé phù thủy nào?

- Con bô-hê-miêng, ngài biết rồi đấy, ngày nào nó cũng tới nhảy múa trước sân nhà thờ, bất chấp cả lệnh cấm của giáo hội pháp quan! Nó có con dê ma ám mang cặp sừng quý dữ, con dê biết đọc, biết viết, biết toán học như Picatrich, riêng tội đó cung đủ treo cổ cả cái xứ Bôhem rồi. Vụ án đã sẵn sàng. Đúng thế, chẳng bao lâu nó sẽ được thi hành. Thực tình, cô gái múa rong đó quả xinh đẹp! Cặp mắt huyền đẹp tuyệt! Như đôi hồng ngọc Ai-cập. Bao giờ ta bắt đầu?

Phó chủ giáo mặt tái nhợt, ấp úng nói thều thào:

- Tôi sẽ nói cho thầy biết sau.

lời gặng gượng nói tiếp.

- Thầy cứ lo vụ mác Xonen đi đã.

- Xin ngài cứ yên tâm. Sác-mô-luy mỉm cười nói. Lúc trở về, tôi sẽ lại sai trời nó trên giường da. Nhưng hấn ghê gớm lắm. bàn tay Piera Tooctory to hơn cả người tôi, thế mà hấn cũng làm anh ta mệt mỏi. Như lời Pltuyt tốt bụng nói:

Nudus vincitur, centum pondo, es quando pendes per pedes⁽³⁾

Tra hỏi bằng trực tời! Đó là cách tốt nhất của chúng tôi. Hấn sẽ được ném mùi.

Dức cha Clôđo như đang trầm tư lo lắng. Ông quay lại bảo Sác-mô-luy:

- Thấy Piera... à quên, thấy Giắc này, thấy hãy lo vụ Mác Xonen đi đã!

- Vâng, vâng, thưa đức cha Clôđo. Tội nghiệp hần tai! Hần sẽ đau đớn như Mommon. Ai lại đi dụ dã hội phù thủy như thế bao giờ! Một gã thủ kho ở Thăm kế viện lại đòi biết rõ bài văn của Sác-lô-man-hơ, *Stryga vel masca*!⁽⁴⁾
- Con con bé - họ gọi nó là Xmê-lác-da - tôi xin chờ lệnh ngài sau. - À, lúc đi qua cửa lớn, xin ngài cũng giảng giải cho tôi hiểu ý nghĩa của bức tranh sơn vẽ người làm vườn ta thấy khi bước vào nhà thờ. Phải chăng người gieo mạ? Kia thấy, thấy mãi nghĩ gì vậy?

Dức cha Clôđo, lòng dạ ngổn ngang, không nghe ông ta nói nữa. Sác-mô-luy rời theo hướng nhìn, thấy cha đang thần thờ ngấm tấm mạng nhện lớn che cửa mái. Lúc đó, một con ruồi đại dột đang tìm ánh nắng tháng ba, lao qua mạng lưới, bị dính luôn vào. Thấy tấm mạng rung động, con nhện lớn vụt từ ổ giữa xông ra, chồm tới vỗ lấy con ruồi, dùng hai chân trước bẻ nó làm đôi, trong khi chiếc vòi góm ghiếc sục tìm đầu ruồi. - Tội nghiệp con ruồi! viên biện lý hoàng gia tại pháp viện giáo hội nói, giờ tay định cứu nó. Như sự tình, phó chủ giáo run cầm cập giữ dật cánh tay ông ta, quát lên:

- Thấy Giắc, cứ để mặc định mệnh!

Viên biện lý hốt hoảng quay lại. Tưởng như có chiếc kim sắt kẹp chặt cánh tay mình. Mắt linh mục vẫn nhìn dầm dẫm ngo ngắc, rục rủa và dán chặt vào nhóm bé

378

nhỏ ghê tóm cả ruồi lẫn nhện. Bằng một giọng như thốt ra từ đáy lòng, linh mục nói tiếp:

- Than ôi! Đang thế, đây là biểu tượng của mọi sự. Con ruồi đang bay, nó vui sướng, nó vừa mới sinh ra, nó tìm mùa xuân, khoảng rộng, tự do. Ôi! đúng thế, nhưng nó vấp phải hình hoa thị phổ phàng, thế là con nhện xông ra, con nhện góm ghiếc! Tội nghiệp cô gái múa rong, tội nghiệp con ruồi tiền định! Thấy Giắc, cứ để mặc nó! Chẳng qua cũng là định mệnh! - Chao ôi! Clôđơ, mi là con nhện, Clôđơ, mi cũng là con ruồi! - Mi bay tới khoa học, tới ánh sáng, tới mặt trời, mi chỉ lo sao tới được khoảng rộng, tới ánh sáng rực rỡ của sự thật muôn đời; nhưng trong khi lao vào khung cửa sổ chói lọi mở sang thế giới bên kia, thế giới của ánh sáng, trí tuệ và khoa học, hồi con ruồi mù quáng, nhà bác học điên rồ, mi đã không trông thấy cái mạng nhện tinh vi do số mệnh dang ra giữa mi và ánh sáng, mi liều lĩnh đâm đầu vào, hồi gã điên khốn khố, và bây giờ mi gãy giữa, vỡ đầu xé cánh, giữa những vòi sắt của định mệnh! - Thấy Giắc! thấy Giắc! cứ mặc kệ con nhện!

- Xin cam đoan với ngài tôi sẽ không đụng đến nó, Sác-mô-luy nói, ngo ngác nhìn ông ta. Nhưng xin ngài làm phúc buông cánh tay tôi ra! Tay ngài cứ như goong kim.

Phó chủ giáo không nghe thấy gì. Ông vẫn nhìn cửa sổ, nói tiếp:

- Ôi! điên rồ! Rồi khi rút dứt được cái mạng nhện ghê gớm đó bằng đôi cánh ruồi muỗi, mi tưởng đã vươn tới ánh sáng! Chao ôi! Con tấm kính ở xa kia, vật chướng ngại trong suốt, bức tường thành pha lê, cứng hơn đồng

thau, ngăn cách mọi triết lý với chân lý, mi làm cách nào vượt qua nổi? Ôi, khoa học chỉ là trò hư ảo! Biết bao hiền giả từ nơi xa thăm đang bay tới đập đầu vào đó! Biết bao hệ tư tưởng hỗn độn đang vo ve húc vào tấm kính vĩnh cửu đó!

Ông nín lặng. Những ý nghĩ sau cùng bất giác đưa ông từ bản thân trở về với khoa học, làm ông như bình tĩnh lại. Giác Sác-mô-luy hỏi ông trở về hẳn cõi thực tại bằng câu hỏi:

- Thưa thầy, thế bao giờ thầy mới giúp tôi chế ra vàng? Mãi tôi chưa thành công.

Phó chủ giáo mỉm cười chua chát, lắc đầu:

- Thầy Giác, thầy đọc Misen Pxenluyt, cuốn *Dialogus de energia et operatione daemonum*⁽⁵⁾. Việc ta đang làm không phải hoàn toàn vô tội.

- Xin thầy nói khẽ chứ! tôi chưa tin điều đó, Sác-mô-luy nói. Khi chỉ là biện lý hoàng gia tại giáo hội pháp viện, lương mỗi năm ba chục đồng équy tiền Tua, cũng cần làm chút thuật điểm kim. Nhưng ta nói khẽ chứ.

Ngay lúc đó, tiếng hàm răng nhai từ sau lò bếp vắng tới đôi tai lo ngại của Sác-mô-luy. Ông ta hỏi:

- Cái gì thế?

Đó là cậu học trò, quá vương vãi và buồn chán trong chỗ nấp, đã vớ được mẩu bánh cũ và khúc pho mát mốc, liền ăn ngấu nghiến, thay cho bữa sáng và để tự an ủi. Vì háu đói, chàng ngoạm từng miếng lớn nhai gấu gấu, làm viên biện lý hết hoảng ngỡ vực.

- Con mèo của tôi đấy mà, phó chủ giáo vội nói, chắc nó đang ăn chuột trong xó.

Câu giải thích làm cho Sác-mô-luy yên tâm. Ông mỉm cười kính cẩn, nói:

- Thưa thầy, quả thực mọi triết gia lớn đều nuôi súc vật trong nhà. Chắc ngài cũng biết lời Xéc-viuyt nói: *Nullus enim locus sine genio est*⁽⁶⁾

Còn đức cha Clôđơ, lúc đó sợ Giảng lại giở trò khác, bèn nhắc vị đồ đệ xứng đáng là còn có những hình chạm trên chiếc cổng cần nghiên cứu chung, rồi cả hai ra khỏi buồng, làm cậu học trò thờ phào vì đang thực sự lo sợ cho đầu gối sắp in dấu cầm mình.

VI. HIỆU QUẢ CÓ THỂ GÂY RA BỞI BẢY CÂU CHUI ĐỒNG GIỮA TRỜI

- *Te Deum laudamus!*⁽¹⁾ chú Giảng chui ra khỏi xó bếp, reo lên - thế là hai con cú vọ đi rồi. *Och! och! Hax! pax! max!* đồ chấy rận! đồ chó đại! Đồ quỷ sứ! Thật chán ngấy những chuyện họ nói với nhau! Đâu ta ù lên như gác chuông. Lại còn món phó mai mốc nữa mới khổ chứ! Nào, ta xuống thôi, cứ cầm theo túi tiền của ông anh, rồi đổi hết tiền ra rượu!

Chàng âu yếm và nguơng mặt liếc nhìn vào trong cái túi quý báu, sửa lại quần áo, đánh bóng giày, phủi sạch tro bám đầy hai tay áo lót lông tối tàn, huyết sáo, quay một vòng, quan sát xem có gì đáng lấy thêm trong gian phòng, nhặt dăm ba cái bùa bằng thủy tinh vút trên lò

bếp, rồi đẩy cửa, mà ông anh một lần cuối còn khoan dung vắn để ngó và đến lượt Giảng lại để ngó, cũng vì muốn trêu chọc thêm lần cuối, rồi đi xuống cầu thang cuốn, nhảy nhót như chim.

Trong bóng tối cầu thang, chàng xô phải ai đó, hấn lâu bầu nẹp sang bên; đoán là Cadimôđô, Giảng thấy chuyện đó thật kỳ cục, cứ ôm bụng cười cho xuống tới chân cầu thang. Ra đến quảng trường mà chàng vẫn còn cười.

Khi xuống tới đất, chàng giậm chân, nói:

- Ôi! Vía hè Pari tốt lành và đánh kính! Chiếc cầu thang chết tiệt làm các thiên thần leo thang của Giacốp cũng phải thờ đố! Sao bỗng dung mình lại đâm đầu chui vào mũi khoan bằng đá chọc thủng trời đó, chỉ để ăn miếng phở mát mọc râu và ngắm tháp chuông ở Pari qua cửa mái nhà!

Chàng đi vài bước và thấy hai con cú vọ, tức đức cha Clôđơ và thầy Giắc Sácmluy, đang đứng ngắm một hình chạm trên cổng. Chàng rón rén lại gần và nghe phở chủ giáo khê bảo Sácmluy:

- Chính Ghiôm Đơ Pari đã cho chạm một thằng ngọc lên phiến đá màu ngọc bích viên vàng này. Trên phiến điểm kim thạch cũng có hình thằng ngọc, loại đá đó cũng cần được thử thách và đầy dọa mới trở thành hoàn hảo, như lời Raymông Luylo nói: *Sub conservatione formae specificae salva anima*⁽²⁾.

- Cần đích gì chuyện đó, khi ta nắm được túi tiền, Giảng thầm nhủ.

Vừa lúc đó, chàng nghe sau lưng một giọng nói oang oang chửi đổng rầm rì. - Máu Chúa! Bụng Chúa! Ác Chúa! Minh Chúa! Rồn Ma vương! Chết cha giáo hoàng! Sùng dâm sét đánh!

Giăng reo lên:

- Đúng rồi, nhất định đây là ông bạn mình, đại úy Phêbuýt!

Cái tên Phêbuýt vắng đến tai phó chủ giáo đúng lúc ông đang cất nghĩa cho viên biện lý hoàng gia về chuyện con rồng giấu dưới vào chiếc bồn tắm đang bốc khói nghi ngút và ngồi lên cái đầu vua. Đức cha Clôđơ giật mình, ngừng bật, làm Sác-mô-luy hết sức ngỡ ngàng; cha quay lại và thấy chú em Giăng đang tới gặp một sĩ quan cao lớn ở trước cửa nhà Gông-đô-lô-riê.

Đúng là ngài đại úy Phêbuýt Đờ Satôpe. Chàng tựa lưng vào góc tường nhà vị hôn thê và chửi đổng như kẻ vô thần.

- Đại úy Phêbuýt, Giăng cầm tay chàng nói, quả thật anh chửi đổng sao mà hăng hái tuyệt vời đến thế.

- Sùng dâm sét đánh anh! đại úy chửi.

- Sùng dâm sét đánh cả anh nữa! Cậu học trò chửi lại. Nay, ông đại úy đáng yêu ơi, vì đâu mà tuôn ra hàng tràng những lời đê đó?

- Xin lỗi, anh bạn Giăng quý hóa, Phêbuýt thốt lên, lắc mạnh bàn tay Giăng, ngựa đã phi dễ gì ghìm lại. Thế mà tôi quen miệng văng tục kiểu phi nước đại. Tôi vừa ở nhà mấy mụ đạo mạo ra, và mỗi lần ra về, ngực lại

đẩy ú câu chửi, tôi phải khạc nó ra, không chết nghẹn mất, mẹ kiếp!

- Anh có đi làm chén rượu không? Cậu học trò hỏi.

Lời mời làm đại úy người giân.

- Rất sẵn sàng, nhưng tôi không có tiền.

- Tôi có đây!

- Ồ! Đưa coi xem nào!

Giang mở phanh túi tiền trước mặt đại úy, vừa oai vệ vừa giản dị. Lúc này phó chủ giáo bỏ mặc Sác-mô-luy đứng sững sờ, tới gần hai người, dừng lại cách vài bước, theo dõi mà họ không hề hay biết, vì đang mải mê ngắm nghía túi tiền.

Phê-buýt reo lên:

- Giăng này, tiền trong túi chú chẳng khác mặt trăng đáy nước. Nhìn thấy mà không có ở đó. Chỉ có cái bóng thôi. Lay Chúa! Đánh cuộc với chú, đây toàn đá sỏi.

Giăng lạnh lùng đáp:

- Đá sỏi cũng được, miễn là nặng túi.

Rồi chẳng thèm thêm nửa lời, nó dốc túi tiền đổ lên cột mốc ven đường, vẻ như một người La-mã đang cứu nước.

- Lay Chúa! Phê-buýt lăm bắm, này đồng lớn đồng nhỏ, rồi hào, rồi xu, rồi chính, toàn tiền thật, đến chói cả mắt!

Giăng vẫn giữ vẻ nghiêm trang, bình thản. Vài đồng kèm lẫn xuống bùn, viên đại úy phần chần, cúi xuống nhặt. Giăng ngăn lại:

- Sá gì, đại úy Phêbuýt Đơ Satôpe!

Phêbuýt đếm tiền rồi trịnh trọng quay lại bảo Giảng:

- Này, Giảng, cả thầy hăm ba xu tiền Pari! Đêm qua, chú lột của ai trên phố Xẻo mồm thế?

Giảng hất cái đầu tóc hung và xoắn ra sau, lim dim mắt khinh bỉ, nói:

- Xoàng ra tôi cũng có một anh đã phó chủ giáo lại còn ngu ngốc.

- Sùng Chúa! Con người xứng đáng thay! Phêbuýt thốt lên.

- Ta đi uống thôi. Giảng nói.

- Đi đâu bây giờ? Phêbuýt hỏi. Tới quán *Quá táo bà Êva* chẳng?

- Không, đại úy, tới quán *Cổ học* hơn. Một bà già của cái quái. Một câu đố chữ⁽³⁾. Tôi thích nó hơn.

- Giảng, câu đố thì làm cái đếch gì! Rượu vang ở quán *Quá táo bà Êva* ngon hơn. Với lại cạnh cửa, có giàn nho ngoài nắng, lúc ngồi uống, trông khoái mắt lắm.

- Ừ thì tới bà Êva cùng quả táo của bà ta vậy! Cậu học trò nói, rồi nắm lấy cánh tay Phêbuýt - À này, đại úy thân mến, vừa rồi anh nói phố Xẻo mồm. Nói thế sai bét. Bây giờ không ai cổ lỗ như vậy nữa. Mà phải gọi là phố Xẻo cổ.

Hai người bạn tới quán *Quá táo bà Êva*. Chẳng cần phải nói, trước hết họ nhất đồng tiền, còn phó chủ giáo đi sau.

Phó chủ giáo đi theo, mặt mày ủ dột, sùng sò. Phải chăng đó chính Phêbuýt mà cái tên đáng nguyên rủa luôn

xen vào tâm trí ông, kể từ lần gặp Gringoa? Ông không biết chắc, nhưng dù sao đây cũng là một Phêbuýt và cái tên ma quái này đủ khiến phó chủ giáo lên hít theo sau hai anh bạn vô tư, chăm chú lo ngại lắng nghe từng lời, theo dõi từng cử chỉ nhỏ của họ. Vả lại, không gì dễ hơn lắng nghe mọi chuyện của họ, vì họ nói to, bất chấp khách qua đường cứ việc chia sẻ chuyện riêng của mình. Họ bàn chuyện đấu kiếm, trai gái rượu chè và mọi chuyện điên rồ.

Tới góc phố, từ ngã tư gần đó vẳng lại tiếng trống baxco. Đức cha Clôdo nghe thấy viên sĩ quan bảo cậu học trò:

- Bỏ mẹ rồi! Đi nhanh lên.

- Phêbuýt, sao vậy?

- Tôi sợ con bé bôhêmiêng nó trông thấy.

- Con bôhêmiêng nào?

- Con bé có con dê ấy.

- Con Xnêranda ấy à?

- Phải, Giảng ạ. Tôi cứ quên bằng cái tên quý quái của nó. Đi nhanh lên, không nó nhận ra mình. Tôi không muốn con bé gặp mình ngoài phố!

- Phêbuýt, thế anh quen nó à?

Tới đây, phó chủ giáo thấy Phêbuýt cười nhạo, ghé tai Giảng nói thầm vài câu. Rồi Phêbuýt phá lên cười và gật gù ra về đắc thắng.

- Thật ư? Giảng hỏi.

- Chứ sao! Phêbuýt đáp.

- Tối nay? - Tối nay.

- Anh có chắc nó đến không?

- Giăng, anh điên rồi sao? Chuyện đó có gì mà phải nghi ngờ?

- Đại úy Phêbuýt, anh là một hiền binh sung sướng!

Phó chủ giáo nghe rõ đầu đuôi câu chuyện. Rằng ông đánh đập cấp. Con rết run, hiện rõ trên mắt, chạy suốt thân thể. Ông dùng lại giấy lát, tựa vào cột mốc bên đường như kẻ say, rồi đi theo vết chân hai gã hể vui về.

Lúc ông đuổi kịp, họ đã nói chuyện khác. Ông nghe họ hát vang điệu ca xưa.

Trẻ con ở Poti Carô.

Để cho treo cổ tựa đàn bà.

VII. QUÝ ĐỘI LỐT THẦY TU

Quán rượu nổi tiếng *Quả táo bà Eva* ở trong Khu đại học, nơi góc phố Rôngđen và phố Batonnîê. Quán ở một phòng của tầng trệt, khá rộng và rất thấp, vòm trần rủ xuống ở giữa, chống trên chiếc cột gỗ lớn thếp vàng; bàn bày khắp nhà, cốc vai thiếc bóng loáng treo trên tường, lúc nào cũng đông khách uống, vô số gái điếm, cửa kính trông ra phố, trước cửa có giàn nho và trên cửa là tấm bảng tôn sặc sỡ, vẽ hình táo cùng người đàn bà, han rỉ vì mưa nắng, lắc lư trước gió trên dóng sắt. Loại chong chóng nhìn xuống đường đó chính là biển hàng.

Đêm xuống. Ngã tư tối om. Quán rượu sáng rực ánh đèn, trông xa như bể lò rèn trong đêm. Nghe tiếng chạm cốc, tiếng ăn uống, chửi rủa, cái cọ lọt qua ô kính vỡ.

Qua màn sương do khí nóng trong phòng tỏa lan trên mặt cửa hàng lấp kính thấy lối nhỏ hàng trăm khuôn mặt mờ tỏ, rồi thỉnh thoảng bật lên tiếng cười vang. Khách qua đường bận việc chẳng nhìn ngó tới khung kính ớn ào. Chỉ đôi lúc có đứa trẻ nhỏ rách rưới cố kiễng chân tới thành cửa rồi thét vọng vào trong quán tiếng reo chế nhạo xua nầy vắn đuổi theo người say: - Kia chất cay, hơi thẳng say, say, say!

Trong khi đó, một người đàn ông thân nhiên đi bách bộ trước quán rượu ớn ào, luôn nhìn vào trông như người lính gác không chịu xa rời chòi canh nửa bước. Hắn mặc áo choàng kéo lên tận mũi. Chiếc áo hắn vừa mua ở cửa hàng áo cũ gần quán *Quả táo bà Êva*, chắc để chống cái rét đêm tháng ba, mà cũng có thể cốt che giấu bộ quần áo mặc trong. Thỉnh thoảng, dừng lại trước cửa kính mờ che lưới chì, hắn nghe ngóng, nhìn ngó và giậm chân.

Cuối cùng, cửa quán mở ra. Hình như hắn đang chờ việc này. Hai gã say bước ra. Tia sáng từ khung cửa hắt tới, nhuộm đỏ chốc lát hai khuôn mặt tươi cười. Kẻ khoác áo choàng đến nấp dưới cổng căn nhà bên kia đường để quan sát.

- Sừng đâm sét đánh! Một gã say nói. Sắp bảy giờ rồi. Giờ hẹn của tôi đấy.

- Tôi đã bảo anh, gã bạn hắn nói rflu cả lưỡi, là tôi không ở phố Xấu nói, *indignus qui inter mala verba habitat*. Tôi ở phố Giăng bánh mì mềm, *in vico Johannis-Pain-Mollet*⁽¹⁾ Nếu anh nói ngược lại, anh còn nhiều sừng hơn cả con độc sừng. Ai cũng biết, đã một

388

lần cưới gấu thì không bao giờ biết sợ, nhưng anh chỉ được cái thích chèn chèn, như Xanh Giắc Đờ L'ôpitan.

- Anh bạn Giăng ơi, anh say rồi, người kia nói.

Gà này bước loạng choạng, lại bảo:

- Phêbuýt, anh chỉ nói cho sướng miệng, nhưng chúng có rõ ràng là mặt Platông trông nghiêng giống hệt chó săn.

Chắc bạn đọc đã nhận rõ hai người bạn đáng quý của chúng ta, viên đại úy và cậu học trò. Người nấp mình trong bóng tối hình như cũng nhận ra họ, vì hần thông thả bước theo chặng đường ngoắt ngoéo do cậu học trò lôi viên đại úy đi theo, ông này uống rượu tài hơn nên vẫn tỉnh táo như thường. Người khoác áo choàng chăm chú lắng nghe họ và đã nắm được toàn bộ câu chuyện thú vị như sau:

- Mẹ kiếp! Nay ông tú ơi, cố mà đi cho ngay ngắn. Tôi sắp phải chia tay với anh thôi. Đã bảy giờ rồi. Tôi có hẹn với một cô.

- Thì cứ để mặc tôi, anh bạn ơi! Tôi thấy toàn là tinh tú lẫn tia lửa. Anh giống tòa lâu đài Đammactanh đang tức cười đến vỡ bụng.

- Mà mẹ nó chứ, này Giăng, anh điên rồi quá lắm rồi đấy.- À này, Giăng, còn tiền không?

- Thưa ông hiệu trưởng, chẳng hề gì, hàng thịt bò nhỏ, *parva boucherie*⁽¹⁾.

- Giăng, này anh bạn Giăng! Anh cũng biết tôi có hẹn gặp con bé ở đầu cầu Xanh Misen, tôi chỉ có thể dẫn nó đến nhà mẹ Phalucden, một mẹ nhà chứa ở trên cầu và phải trả tiền phòng. Con mẹ diêm già mọc ria bạc đó không cho tôi chịu. Giăng, hãy giúp mình! Ta đã uống

hết sạch túi tiền của cha xứ chưa? Anh còn sót đồng nào không?

- Biết mình đã tận dụng mọi thời giờ còn lại là một món gia vị đúng và ngon ở bàn ăn.

- Tiên sư khỉ! Thôi đừng lè nhè nữa! Này Giăng quý sứ, anh còn tí tiền nào không! Đéo mẹ, đưa đây, nếu không tôi lục túi cho mà xem, dù anh có hủi như Gióp và ghẻ như Xêda!

- Thưa ông, phố Galiaso là đây phố một đầu nối với phố Hàng thủy tinh, còn đầu kia là phố Hàng dệt.

- Thì xin vâng, anh bạn Giăng đáng quý, anh bạn tội nghiệp của tôi, phố Galiaso, đúng thế, đúng lắm. Nhưng trời ơi, anh hãy tỉnh lại đi. Tôi chỉ cần một xu tiền Pari thôi, để tiêu lúc bây giờ.

- Chung quanh hãy im lặng mà lắng nghe điệp khúc:

*Kìa nào chuột ăn thịt mèo,
Vua sẽ thành lãnh chúa ở Arát,
Khi nào biển to rộng,
Đóng băng, vào ngày lễ Xanh giăng,
Ta sẽ thấy trên lớp băng
Dân Arát ra khỏi nhà*

- Này, thằng học trò trường Phán Chúa, lấy ruột mẹ mày mà thắt cổ chết đi! Phêbuýt chửi, rồi xô mạnh gã học trò say ngã lộn nhào vào tường, nằm lăn trên mặt đường Philíp Ôguýt.

Vì còn sót lại chút đồng bệnh tương liên không bao giờ hết hẳn trong lòng người say, Phêbuýt lấy chân đạp cho Giăng lăn tới chiếc gối của kẻ nghèo mà Tao hóa vẫn dành sẵn ở cạnh mỗi cột mốc vệ đường Pari, mà kẻ giàu

khinh bỉ gọi là *đồng rúc*. Viên đại úy gối đầu Giăng lên đồng cuống cái bắp khoai thoải, cậu học trò lắp tức ngáy o o nghe thật du dương. Nhưng đại úy vẫn chưa nguôi giận trong lòng.

- Kệ xác mày, mặc cho cái xe bò quái quỷ nào đi qua hót luôn mày đi! chàng rửa gã giáo sinh tội nghiệp đang nằm đó ngủ, rồi đi thẳng.

Kẻ khoác áo choàng, từ nãy giờ theo sau, dừng lại giầy lát trước gã học trò nằm lăn dưới đất, có vẻ băn khoăn bứt rứt! rồi hần thở dài thườn thượt và cũng bỏ đi, đuổi theo đại úy.

Nếu bạn đọc vui lòng, ta cũng đành như họ, để mặc Giăng nằm ngủ dưới con mắt thương yêu của bầu trời sao và cùng đi theo họ.

Lúc rẽ vào phố Xanh Ăngdrê Đê A, đại úy Phêbuýt thấy có người đi theo. Tình cờ quay lại nhìn, chàng thấy một bóng đen men dọc dây tường len lén bám sau. Chàng dừng, nó cũng dừng. Chàng đi, bóng cũng đi. Điều đó chẳng đáng lo ngại. - Ủi chao! chàng thầm nhủ, mình không có lấy một xu. Tới trước cửa trường trung học Ôtoong, chàng dừng lại. Chính trường này tạm gọi là nơi chàng đã tập tành theo học và theo một thói quen học sinh nghịch ngợm còn lại, chàng không bao giờ đi ngang qua cửa trường, mà lại không xúc phạm pho tượng hồng y giáo chủ Pie Béctrăng, tạc ở bên phải cổng, như Priáp từng bị nhục mạ như vậy, đã than vãn chưa chất trong bài thơ phúng thích của Horaxo *Olim truncus eram ficulnus*. Chàng từng xúc phạm hàng hái đến mức dòng chữ *Eduensis episcopus*⁽²⁾ gần như bị xóa bỏ. Chàng bèn dừng lại trước

pho tượng như thường lệ. Phố xá vắng tanh. Lúc chàng hững hờ buộc lại các sợi tua, mũi hếch lên trời, thì thấy bóng đen thông thả bước lại gần, bước chậm đến mức chàng đủ thời giờ nhận thấy hần khoác áo choàng, đội mũ. Tối gần chàng, hần dừng lại. Nhưng hần dăm dăm nhìn Phêbuyt bằng cặp mắt đầy thứ ánh sáng mơ hồ phát ra từ mắt mèo ban đêm.

Đại úy vốn gan dạ và sẽ chẳng thêm bận tâm đến một thằng ăn cắp thủ sẵn dao. Nhưng pho tượng biết di, con người hóa đá đó làm chàng lạnh toát. Hồi đó, thiên hạ đang đồn không thiếu gì chuyện về con ma đội lốt thầy tu, đêm đêm vẫn lảng vảng trên đường phố Pari, làm chàng chợt mơ hồ nhớ tới nó. Chàng sững sờ mấy phút, rồi gượng cười, phá tan bầu im lặng.

- Này ông, nếu ông là kẻ cắp, chắc tôi đoán đúng, trông ông giống hệt cái vẻ con cò mổ vỏ quả hạnh nhân. Tôi là con cái một gia đình bị sa sút, ông ban ạ. Mời ông đi kiếm ăn nơi khác. Trong nhà nguyện của trường trung học này có thứ gỗ của cây thánh giá chính cống, đựng trong một thứ bằng bạc.

Bàn tay bóng đen thò ra khỏi áo choàng và nắm lấy cánh tay Phêbuyt chặt như móng vuốt điều hâu. Đồng thời hần bảo:

- Đại úy Phêbuyt Đờ Satôpe!

- Ma quỷ! Sao ông lại biết tên tôi, Phêbuyt hỏi.

- Tôi không phải chỉ biết tên ông mà thôi, kẻ khoác áo choàng nói, giọng như từ dưới mồ. Tối nay, ông có một cuộc hò hẹn.

- Phải, Phêbuýt kinh ngạc, đáp.

- Lúc bảy giờ.

- Khoảng mười lăm phút nữa.

- Ở nhà mẹ Phaluốcđen.

- Đúng thế.

- Cái mẹ nhà chứa ở trên cầu Xanh Misen.

- Xanh Misen thượng đẳng thiên sứ, như kinh Chúa nhật từng nói.

- Đồ vô đạo! bóng ma cầu nhàu mắng. Hẹn với một người đàn bà phải không?

- *Confiteor*⁽³⁾

- Tên là...

- Xmeranda, Phêbuýt vui vẻ nói. Chàng dần dần trở lại hết sức vô tâm.

Nghe cái tên đó, móng vuốt bóng đen liến giận dữ lay mạnh cánh tay Phêbuýt.

- Đại úy Phêbuýt Đờ Satôpe, mi nói dối!

Lúc đó, nếu ai trông thấy khuôn mặt bưng bưng của đại úy, thấy chàng nhảy lùi phắt lại sau, thoát khỏi gọng kìm đang kẹp chặt cánh tay, thấy nét mặt hiên ngang khi chàng đặt tay lên chuỗi gươm cùng vẻ im lìm buồn thảm của kẻ khoác áo choàng trước cơn thịnh nộ, có ai trông thấy cảnh tượng đó mới biết khiếp sợ. Tựa hồ cuộc xung đột giữa Đồng Gruyăn và pho tượng.

- Đồ ôn dịch! viên đại úy quát to. Đó là lời nói ít kẻ dám thốt vào tai một người dòng họ Satôpe! Mày thử nhắc lại xem.

- Mày nói dối! bóng đen lạnh lùng nhắc lại.

Viên đại úy nghiêng rằng kèn kẹt. Dù là ma đội lốt thấy tu, quỷ dữ, dị đoan, lúc đó chàng đều quên hết. Chỉ còn trông thấy một người, nghe thấy một lời nhục mạ.

- Chà! được rồi, mày biết tay tao! Chàng nói lấp bắp, giọng uất nghẹn vì tức giận. Chàng rút guom, nói liú cả lưỡi, vì tức giận cũng làm giọng run lên như sợ hãi:

- Lại đây! Lại ngay đây! Nào! Tuốt guom ra! Tuốt guom đi! Máu phải đổ trên lề đường này!

Nhưng người kia không động đậy. Khi thấy địch thù đã thủ thế và sẵn sàng chém xả, hắn mới nói, giọng vang lên chua chát:

- Đại úy Phêbuýt, ông quên mất cuộc hò hẹn rồi đấy.

Con giận của loại người như Phêbuýt giống hệt thứ cháo sữa, chỉ cần đổ giọt nước lạnh vào là hết sôi ngay. Câu nói bình thường đó đủ khiến cây guom sáng quắc trong tay đại úy hạ xuống. Người kia nói tiếp:

- Đại úy, ngày mai, ngày kia, một tháng hoặc mười năm sau, ông sẽ thấy tôi sẽ sẵn sàng tới cắt cổ ông, nhưng bây giờ ông hãy tới chỗ hẹn đi.

- Quả thực, Phêbuýt nói như muốn kiếm có đầu hàng với chính mình, tới nơi hẹn để gặp một thanh guom và một cô gái là hai điều thú vị; nhưng tôi không hiểu tại sao lại phải bỏ điều này để chọn điều kia, trong khi tôi có thể có cả hai.

Chàng tra guom vào vỏ. Kẻ lạ mặt nói tiếp:

- Hãy tới chỗ hẹn đi.

- Thưa ông, xin rất cảm ơn về thái độ lịch sự của ông, Phêbuýt đáp, hơi lúng túng. Đúng là ngày mai ta vẫn còn đủ thời giờ để bấm vằm mổ xả cái tấm thân của ông lão Adam. Xin đa tạ ông đã giúp tôi có được một chốc lát vui thú. Vừa rồi tôi rất có thể chém gục ông xuống rãnh mà vẫn đủ thời giờ tới gặp người đẹp, nhất là cũng nên dang hoàng để người đẹp chờ đợi một chút trong những trường hợp như thế này. Nhưng xem ra ông cũng tay khá, cho nên tốt hơn hết ta nên để dành cuộc độ sức tới ngày mai. Vậy tôi tới chỗ hẹn trước. Vào hồi bảy giờ, như ông biết đấy. - Nói tới đây, Phêbuýt gãi tai. - Ô, bỏ mẹ rồi, quên mất! Tôi chẳng còn xu nào trả tiền phòng, mà mẹ già lại đòi tiền trước. Con mẹ sọ tôi quít.

- Tiền đây.

Phêbuýt cảm thấy bàn tay lạnh toát của kẻ lạ mặt nhét vào tay mình một đồng tiền to. Chàng không thể không cầm lấy tiền và nắm chặt bàn tay đó, rồi reo lên:

- Lạy Chúa! Ông thực là người tốt bụng!

- Với một điều kiện, người kia nói. Hãy chứng minh tôi nhầm, còn ông nói đúng. Ông hãy giấu tôi vào nơi nào đó, để tôi có thể thấy đúng là người đàn bà ông nói tên.

- Ô! cái đó dễ lắm, Phêbuýt đáp. Ta sẽ thuê căn phòng Xanh to Máctơ. Đứng ở chuồng chó ngay cạnh, ông có thể tha hồ nhìn.

- Vậy ta đi thôi, bóng đen nói.

- Xin hầu ông, đại úy nói. Không biết ông có phải quý sứ hiện thân hay không. Nhưng tối nay, ta cứ là bạn

tốt với nhau đã. Ngày mai tôi sẽ trả sạch nợ cho ông, cả nợ tình lẫn nợ guom.

Hai người rảo bước. Vài phút sau, tiếng nước róc rách báo cho họ biết đã tới cầu Xanh Misen, trên cầu san sát nhà cửa. Phêbuýt bảo người cùng đi:

- Trước hết, tôi đưa ông vào nhà, sau đó tôi đi đón người đẹp đang chờ ở gần cung Tiểu Satolê.

Gã cùng đi không nói gì. Hắn lặng thinh từ lúc hai người đi bên nhau. Phêbuýt dừng lại trước một khung cửa thấp, gỗ mạnh. Ánh sáng lọt qua khe cửa. Một giọng phều phào hỏi:

- Ai đó?

- Minh Chúa! Đầu Chúa! Bụng Chúa! viên đại úy chửi đồng.

Cửa lập tức mở, họ trông thấy một cụ già và chiếc đèn cũ, cả hai cùng run rẩy. Cụ già lưng còng, quần áo rách rưới, cái đầu lác lư, cặp mắt ti hí, đầu quần cái khăn tã, da mặt, da cổ, da tay nhăn nheo hết; đôi môi thụt vào trong lợi; quanh miệng mọc từng túm lông trắng trông như mồm mèo. Trong nhà cũng tối tàn không kém gì bà lão. Tường bằng phấn vôi, xà kèo đen nhem trên trần, lò sưởi hồng nát, mạng nhện dăng khắp nơi giữa một dây lủng củng những bàn khập khiễng, ghế gãy chân, một đứa trẻ bần thủ ngồi lê trên đồng tro, trong cùng là cầu thang hoặc đúng hơn chỉ là chiếc thang gỗ dẫn lên lỗ hổng trên trần. Vào tới cái hang này, kẻ đồng hành bí mật của Phêbuýt liền kéo cổ áo choàng lên tận mắt. Trong lúc đó, đại úy vẫn lèm bèm văng tục, vội làm mất

trời lóe sáng trong đồng êquy, như Rêniê tuyệt diệu của chúng ta từng nói, Chàng bảo:

- Cần phòng Xanhtrô Máctô.

Mụ già gọi chàng là đức ông và cất tiền vào ngăn kéo. Đồng tiền là của người mặc áo choàng thâm đưa cho Phêbuýt. Mụ già vừa quay lưng đi, thằng bé tóc bù, áo rách, đang chơi trên đồng tro đã khéo xán lại gần ngăn kéo, cầm lấy đồng tiền rồi bỏ thay vào đó chiếc lá khô vừa bứt trong bó củi.

Mụ già ra hiệu cho hai vị quý tộc, mụ gọi họ như vậy, đi theo mình là leo lên chiếc thang trước mặt. Lên tới gác trên, mụ đặt đèn trên chiếc hòm, còn Phêbuýt vốn là khách quen, liền mở chiếc cửa thông sang một buồng xếp tối om. Chàng bảo người cùng đi:

- Mời bạn vào đây.

Người mặc áo choàng làm theo, chẳng nói nửa lời. Cánh cửa khép lại sau lưng. Hắn nghe thấy Phêbuýt cài then lại và lát sau, cùng xuống thang với mụ già. Ánh đèn mất hút.

VIII. LỢI ÍCH CỦA DÂY CỦA SỔ MỞ RA SÔNG

Clôđô Phrêlô (chắc hẳn bạn đọc, thông minh hơn Phêbuýt, đã thấy chẳng có con ma nào ngoài phó chủ giáo trong câu chuyện phiêu lưu vừa rồi) Clôđô Phrêlô mò mẫm một lát trong gian buồng tối om bị đại ụy khóa trái. Đó là góc nhà mà kiến trúc sư đôi khi chừa ra ở chỗ tường liền mái. Nếu cắt dọc chuồng chó, như Phêbuýt gọi

rất đúng, sẽ có một tam giác. Hơn nữa, nơi đó chẳng có cửa sổ lẫn cửa mái và chiếc mái dốc nghiêng không cho phép đứng thẳng người. Clôđô đành ngồi xồm trên lớp bụi bặm và vôi vữa lao xao dưới chân. Đầu ông nóng ran. Ông đưa tay quờ quạng xung quanh và vớ được mảnh kính vỡ dưới sàn, liền áp lên trán cho dịu mát đôi chút.

Cái gì đang diễn ra trong tâm hồn tối tăm của phó chủ giáo lúc đó? Chỉ có ông ta và Chúa biết được thôi.

Theo một thứ tự định mệnh nào mà ông đã sắp xếp trong đầu óc tất cả mọi hình ảnh, mọi chuyện phiêu lưu này, từ Exmêranda, Phêbuýt, Giắc Sác-mô-luy, chú em yêu quý bị bỏ rơi trong đồng bùn đến chiếc áo chùng thâm phó chủ giáo, có thể cả danh dự nữa, để lê la tới nhà mộ Phaluốc-đen? Tác giả không trả lời nổi. Nhưng có điều chắc chắn mọi ý tưởng đó hợp thành một khối kinh khủng trong đầu óc ông.

Ông chờ đã mười lăm phút, tưởng như mình già đi một thế kỷ. Đột nhiên, ông nghe tiếng bậc thang gỗ kêu cọt két. Có người đang lên. Lỗ hổng mở ra, ánh sáng trở lại. Chiếc cửa một nơi ông nắp có khe hở khá rộng. Ông áp mặt vào đó. Nhờ vậy ông có thể trông thấy mọi việc xảy ra ở phòng bên. Mộ già mồm mềo bước ra đầu tiên khỏi lỗ hổng, tay cầm đèn, rồi Phêbuýt đang vuốt ria, sau cùng là người thứ ba, một khuôn mặt xinh đẹp và duyên dáng, cô Exmêranda. Linh mục thấy cô từ dưới đất hiện lên như một hiển linh chói lọi. Clôđô run lên, mắt mờ đi như có mây che, mạch máu đập thành thịch, khắp chung quanh đều náo động quay cuồng. Ông không nhìn, không nghe thấy gì nữa.

Lúc ông trấn tĩnh lại, chỉ còn hai người, Phêbuýt và Exmêranda, đang ngồi trên hòm gỗ, cạnh ngọn đèn, càng làm nổi bật đôi khuôn mặt trẻ trước con mắt phó giáo chủ, cùng chiếc giường tối tăm ở cuối phòng.

Cạnh giường là cửa sổ, khung kính rạn vỡ như tấm mạng nhện bị mưa rơi, để lộ qua mắt lưới dút một góc trời và vầng trăng xế xa xa, trên chiếc đệm nhùng cum mây mềm nhún.

Cô gái mặt đỏ bừng, ngo ngắc, hổn hển. Cặp mi dài khép xuống rủ bóng trên đôi má ửng hồng. Viên sĩ quan, mà cô gái không dám ngược nhìn, đang hớn hỏ. Bằng cử chỉ vụng về và đáng yêu, cô bất giác lấy đầu ngón tay vẽ lên ghế những đường nét vắn vơ và nhìn ngón tay mình. Không trông thấy chân cô, vì con dê nhỏ đang ngồi lên trên.

Dại úy ăn mặc rất dõm dáng; cổ áo, tay áo đều đeo tua kim tuyến, thời đó được coi là hết sức lịch sự.

Máu sôi hai bên thái dương làm ù cả hai tai, khiến đức cha Clôđơ phải cố gắng mới nghe được câu chuyện họ nói với nhau.

(Chuyện trò yêu đương vốn dĩ nhạt nhẽo. Quanh đi quẩn lại chỉ độc một câu, *anh yêu em, em yêu anh* bất tận. Một nét nhạc hết sức tro trơ trên và vô cùng nhạt nhẽo đối với kẻ ngoài cuộc đứng nghe, nếu nó không được tô điểm thêm đôi chút *luyến láy*. Nhưng Clôđơ không hề nghe với đôi tai dửng dưng).

- Ô! cô gái nói, vẫn nhìn xuống, đức ông Phêbuýt, xin đừng khinh em. Em biết mình làm như thế này là không phải.

- Khinh em ư, hả cô em xinh đẹp! viên sĩ quan đáp, về dáng đi, trich thượng và kiêu cách, tại sao lại khinh em chứ?

- Vì đã đi theo ông.

- Về chuyện đó, cô em ơi, chúng ta chưa đồng ý với nhau đâu. Tôi không phải khinh em, mà ghét em.

Cô gái khiếp hãi nhìn chàng:

- Ghét em ư? Nào em có làm gì đâu?

- Vì em đã bắt tôi phải van xin em mãi.

- Chao ôi! cô nói...vì em đang làm trái một lời nguyên...Em sẽ không tìm thấy bố mẹ... lá bùa sẽ mất linh thiêng.- Nhưng cần gì? Bây giờ em cần gì cả bố lẫn mẹ?

Cô vừa nói vừa dăm dăm nhìn đại úy bằng cặp mắt to đen, long lanh vui sướng và thương yêu.

- Ma quỷ cũng chẳng hiểu em muốn nói gì, Phêbuýt thốt lên.

Exmêranda nín lặng giây lát, rồi ứa nước mắt, thở dài và nói:

- Ôi! đức ông, em yêu đức ông.

Toàn thân cô toát lên làn hương trinh bạch, vẻ đẹp đức hạnh, khiến Phêbuýt cảm thấy không hoàn toàn thoải mái ở bên cô ta. Nhưng câu nói làm chàng thêm bạo dạn.

- Em yêu tôi à! chàng sôi nổi nói, rồi quàng tay ôm ngang lưng cô gái Ai-cập. Chàng chỉ chờ cơ hội này.

Linh mục nhìn thấy, liền gại đầu ngón tay thử mũi nhọn con dao găm vẫn giấu trong ngực.

- Phêbuýt, cô bôhemiêng nhẹ nhàng gỡ bàn tay viên đại úy đang ghì riết ngang lưng mình, ông tốt bụng, ông rộng lượng, ông đẹp trai. Ông đã cứu em, dù em chỉ là con bé lạc loài nghèo khổ xứ Bôhem. Từ lâu em vẫn tưởng một sĩ quan sẽ cứu vớt đời mình. Phêbuýt của em, chính ông là người em hằng mơ tưởng, trước khi được biết ông. Người trong mộng của em cũng mặc nhung y đẹp đẽ, có khuôn mặt tuấn tú và đeo guơm như ông. Tên ông là Phêbuýt, cái tên thật hay. Em yêu tên ông, em yêu thanh guơm của ông. Phêbuýt, ông tuốt guơm ra cho em xem đi.

- Thật trẻ con! đại úy nói và mỉm cười rút guơm khỏi vỏ. Cô gái Ai-cập nhìn chuỗi guơm, lưỡi guơm, tò mò thật đáng yêu để xem xét chữ số phiên hiệu của đội ngự lâm quân và hôn thanh guơm, nói:

- Mi là guơm của một dũng sĩ. Ta yêu đại úy của ta.

Phêbuýt bèn lợi dụng cơ hội để gắn lên cổ xinh đẹp đang cúi xuống chiếc hôn khiến cô gái vội ngẩng lên, mặt đỏ bừng như trái anh đào. Linh mục nghiêng răng ken két trong bóng tối. Cô gái Ai-cập nói tiếp:

- Phêbuýt, hãy để em nói hết. Ông hãy đi thử vài bước, cho em được ngắm tầm vóc cao lớn và nghe tiếng đinh thúc ngựa nện vang. Ông thật vô cùng anh tuấn!

Đại úy chiều lòng cô gái, đứng dậy, mỉm cười khoai trá trách yêu:

- Em thật trẻ con!- À này, cô em xinh đẹp, em đã thấy tôi mặc nhung phục đại lễ lần nào chưa?

- Ồ chưa, cô gái đáp.

- Mặc như thế mới thật đẹp!

Phébuýt tới ngồi xuống cạnh cô gái, kể sát hơn lần trước.

- Này, em thân yêu...

Cô gái Ai-cập đưa bàn tay xinh đẹp bịt miệng đại úy, vẻ như nhảnh thật cuồng nhiệt, duyên dáng vui tươi:

- Không, không, em không nghe anh nói đâu. Anh có yêu em không? Em không nghe anh nói đâu. Anh có yêu em không? Em muốn anh nói xem anh có yêu em không.

- Có chứ, anh yêu em, hồi tiền nữ đòi anh! đại úy thốt lên, quỳ một gối xuống. Thế xác anh, dòng máu anh, tâm hồn anh, tất cả cho em, tất cả vì em. Anh yêu em và xưa nay chỉ mới yêu có mình em.

Viên đại úy đã bao lần nhắc đi nhắc lại câu đó, trong bao trường hợp tương tự, nên chàng nói liền một mạch không hề vấp vấp lỡ quên chút nào. Nghe lời tỏ tình si mê như vậy, cô gái Ai-cập ngược mắt nhìn lên trần nhà bắn thiu thay thế cho bầu trời, khoe mắt tràn đầy hạnh phúc thần tiên. Cô thầm thì:

- Ôi! Đây là lúc ta có thể chết được rồi!

Còn Phébuýt lại vớ luôn "cơ hội" thuận tiện để gỡ gạc thêm cái hôn nữa, làm phở chủ giáo tội nghiệp núp trong xô tối càng đau khổ.

- Chết ư? viên đại úy si tình thốt lên. Hồi tiền nữ diễm kiều, em nói gì lạ vậy? Đây mới là lúc đáng sống, nếu không thần Giuypite cũng chỉ là thằng mất dạy! Chết vào lúc bắt đầu một chuyện thú vị như thế này thì mẹ kiếp, quả là đùa dai!- Không phải thế đâu.- Hãy nghe anh, em Ximila thân yêu...Exmonácda...Xin lỗi, em có tên

Hồi giáo kỳ quặc quá làm anh quên khuấy. Nó như bụi rậm chặn đứng anh lại.

- Lay Chúa, cô gái tội nghiệp nói, em lại cứ tưởng cái tên đó đẹp chính vì nó kỳ lạ! Nhưng nếu không thích, anh cứ gọi em là Gôtông.

- Ô! Em yêu kiều của anh, ta không nên quá buồn phiền về chuyện vật đó! Rồi anh cũng sẽ quen dần tên em, có gì đâu. Lúc anh thuộc lòng rồi, nó sẽ trở thành bình thường. - Vậy hãy nghe anh, em Ximila thân yêu, anh yêu em đắm đuối. Anh yêu em thực lòng đến kỳ lạ. Anh biết có một cô gái sẽ tức điên lên mà chết...

Cô bôhemiêng nổi ghen ngắt lời:

- Ai thế?

- Cần gì đếm xỉa đến chuyện đó? Phêbuýt nói. Em có yêu anh không?

- Ôi!...cô thốt lên.

- Như vậy là được rồi! Em sẽ thấy anh cũng hết sức yêu em. Anh thế là tên đại quý sĩ Néptuyn cứ dùng dính ba đảm chết nếu anh không làm em sung sướng nhất đời. Chúng ta sẽ có gian phòng nhỏ xinh đẹp ở nơi nào đó. Anh sẽ cho lính cung thủ diễu hành dưới cửa sổ buồng em. Cả bốn đều cưỡi ngựa và bắt chấp tụi cung thủ của đại úy Minhông. Có đủ mặt lính đoản thương, lính pháo thủ, lính cung thủ. Anh sẽ dẫn em đi dự các cuộc diễm binh lớn của dân Pari ở nông trại Ruyly. Thật hết sức huy hoàng. Tám chục ngàn dân binh; ba chục ngàn yên cương trắng, đoản y hoặc giáp trụ; sáu mươi bảy lá cờ đuôi nheo của nghiệp đoàn; rồi cờ xí của tối cao pháp

viện, thẩm kế viện, ngân khố của các tổng quản, các phụ tá sở đúc tiền; tóm lại cả một đoàn điều hành kinh khủng! Anh sẽ dẫn em đi xem đàn sư tử trong Hoàng cung, một loại thú dữ. Các bà các cô đều thích mọi trò đó.

Từ này tới giờ, triển miên trong ý nghĩ tươi đẹp, cô gái chỉ đắm đuối lắng nghe giọng chàng mà không để tâm tới ý nghĩa lời nói.

- Ô! Em sẽ sống sung sướng! Viên đại úy nói tiếp, đồng thời nhẹ nhàng cời thắt lưng cô gái.

- Ô hay, anh làm gì thế! cô vội hỏi. Vụ *bạo động* lôi cô ra khỏi giấc mơ.

- Không, có làm gì đâu. Phêbuýt đáp. Anh chỉ bảo cần cời bỏ hết các quần áo phóng đảng, đầu đường xó chợ này, khi nào em đã chung sống với anh.

- Đúng thế, Phêbuýt ạ, tới khi nào em đã chung sống với anh! cô gái âu yếm đáp.

Cô trở lại tư lự và nín lặng.

Viên đại úy thấy cô gái dịu dàng nên càng táo bạo hơn, chàng ôm ngang lưng cô mà cô không chống cự nên từ từ cởi áo cô bé đáng thương, phanh hết cả cổ áo làm vị linh mục thở hổn hển, thấy lớp vải the được lột ra đã để hở chiếc vai trần cô gái tròn và nâu, như vầng trăng ló mọc sau màn sương mù nơi chân trời.

Cô gái để mặc Phêbuýt. Cô như không để ý tới. Con mắt táo tợn của viên đại úy sáng long lanh.

Đột nhiên, cô quay lại bảo chàng, về vô cùng âu yếm:

- Phêbuýt, anh hãy chỉ bảo cho em theo tín ngưỡng của anh.

- Theo tín ngưỡng của anh à! đại úy thốt lên, bật cười. Anh mà đi chỉ bảo cho em theo tín ngưỡng của anh! Sừng đâm sét đánh! Theo tín ngưỡng của anh để làm cái gì kia chứ?

- Để chúng ta cưới nhau, cô trả lời.

Về mặt đại úy vừa kinh ngạc, vừa khinh khỉnh, thờ ơ và đam mê nhục dục.

- Úi chao! chàng nói, lại cưới nhau nữa kia à?

Cô bôhemiêng tái mặt và buồn rầu gục đầu xuống ngực.

- Em yêu xinh đẹp ơi, Phêbuýt âu yếm nói tiếp, ai lại điên rồ đi làm như vậy? Cưới xin làm cái quái gì! Chẳng lẽ chúng ta kém yêu nhau hay sao mà cứ phải khạc nhổ tiếng La-tinh trong cửa hiệu linh mục?

Vừa nói vậy bằng giọng dịu dàng nhất, chàng vừa ngồi sát gần cô gái Ai-cập, bàn tay men trón lại ôm ngang tám thân thon thả và mềm mại, con mắt càng sáng rực và tất cả báo hiệu ngài Phêbuýt rõ ràng đã tiến tới cái phút mà ngay cả Giuypite cũng làm chuyện bậy bạ, khiến nhà thơ Hôme tốt bụng bắt buộc phải gọi một đám mây đến cứu. Lúc đó, đức cha Clôđơ nhìn thấy hết. Cánh cửa làm bằng mảnh ván thùng rượu mục nát nên con mắt cú vọ của cha cứ việc nhòm qua các khe hở toang hoác. Vị linh mục có nước da nâu và đôi vai rộng, bấy lâu buộc phải sống khắc khổ thanh khiết nơi tu viện, nay run rẩy, sôi sục trước cảnh ái ân, đêm tối và khoái lạc. Cô gái trẻ đẹp quần áo hở hang trong tay chàng trai cuồng nhiệt khiến huyết quản ông như đang chảy chì sôi. Trong con người ông đang nảy sinh các chuyển động kỳ lạ. Mắt ông hau háu nhìn vào những chỗ đã tháo kim băng với nỗi

ghen tuông dâm dặt. Khi ấy, có ai nhìn thấy khuôn mặt kẻ khốn khổ áp vào thanh gỗ một ruộng, sẽ tưởng như trông thấy mặt con hổ nhốt trong chuồng đang ngó chó sói ăn thịt nai tơ. Cặp mắt ông bùng cháy như ngọn đèn qua khe cửa.

Đột nhiên, Phêbuýt nhanh nhẹn cởi tuột cổ áo cô gái Ai-cập. Cô bé tội nghiệp, mặt vẫn tái xanh và mơ màng, giật mình sục tỉnh. Cô vội lánh xa viên sĩ quan dạn gái và nhìn xuống bộ ngực cùng đôi vai trần, xấu hổ đến đỏ mặt, ngượng ngùng, nín thít, và khoanh đôi cánh tay đẹp che cặp vú. Nếu không có ngọn lửa nung đỏ đôi má, cứ nhìn cô im lặng và bất động như vậy, có thể nói đó là pho tượng tiết trinh. Đôi mắt cô nhìn xuống.

Nhưng cử chỉ của viên đại úy đã làm lộ tới bùa bí mặt cô đeo nơi cổ.

- Cái này là cái gì? Chàng hỏi, tóm luôn cái có đó để xán lại gần cô gái đẹp mình vừa làm cho khiếp sợ.

- Đừng sờ vào vào! cô vội đáp, thần hộ mệnh của em đó. Nó sẽ giúp em gặp lại gia đình nếu em còn xứng đáng. Ôi! Hãy buông em ra, ông đại úy! Mẹ ơi! Mẹ đáng thương của con! Mẹ ơi! Mẹ ở đâu? Lại cứu con với! Ông Phêbuýt, buông tha em ra! Trả em cái cổ áo đây!

Phêbuýt lùi lại và lạnh lùng nói:

- Hừm, cô nương ơi! rõ ràng cô không yêu tôi!

- Em không yêu anh ư! cô gái nghèo khổ thốt lên, đồng thời nín lấy đại úy bất ngờ xuống bên cạnh. Phêbuýt của em, em không yêu anh ư! Con người độc ác, sao anh nói vậy, làm tan nát lòng em? Ô! mặc kệ! Anh chiếm đoạt em đi, tha hồ yêu em đi! Tùy anh muốn làm gì em cũng được. Em là của anh rồi. Cần gì tới đạo bùa! Cần

gì tới mẹ! Chính anh là mẹ em, vì em yêu anh! Phêbuýt, Phêbuýt, yêu quý của em, anh có nhìn thấy em không? Em đây mà, hãy nhìn em đi. Chính cô bé mà anh không nhớ hết hủi đã tới đây, nó tự nguyện tới tìm anh. Tâm hồn, cuộc sống, thân xác, con người em, mọi cái đó đều riêng của mình anh, đại uý của em. Thôi, chúng ta chẳng cần làm lễ cưới, việc đó chỉ làm phiền anh. Và lại, em là cái gì kia chứ? Một con bé đầu đường xó chợ khốn khổ, con anh, Phêbuýt của em, anh là quý tộc. Đẹp đẽ quá đi mất! Một vũ nữ lấy một sĩ quan! Em thật điên rồi. Không, Phêbuýt, không, em sẽ chỉ là tình nhân, món đồ chơi, trò tiêu khiển nếu khi nào anh muốn, một con điểm của riêng anh, em sinh ra chỉ để làm việc đó, bị ô uế, rề rúng, bêu diếu, nhưng cần quái gì, miễn em được anh yêu. Em sẽ là người đàn bà kiêu hãnh và sung sướng nhất đời. Rồi khi em già hoặc xấu đi, Phêbuýt, khi em không thể yêu anh được nữa, hỡi đức ông, hãy vui lòng cho em còn được hầu hạ mãi. Các cô gái khác sẽ theo khăn quàng cho anh. Còn em sẽ chỉ là con sen lo giữ sạch sẽ các tấm khăn đó. Hãy cho phép em được đánh bóng đinh thúc ngựa, chải sạch nhung y, lau chùi đôi ủng kỵ mã của anh, Phêbuýt của em, phải chăng anh sẽ rủ lòng thương em như vậy? Trong khi chờ đợi, hãy chiếm đoạt em đi! Này Phêbuýt, tất cả con người em là của anh, miễn anh yêu em! Bọn con gái Ai-cập chúng em chỉ cần có vậy, khí trời và tình yêu.

Nói vậy rồi cô gái vòng tay ôm cổ viên sĩ quan, nhìn chàng từ đầu tới chân, vẽ van nài, nụ cười duyên dáng đầy nước mắt, cọ cặp vú mới nhú vào tấm áo da và đường theo xù xì. Tấm thân xinh đẹp gần như trần trụi quần quai trên đùi chàng. Viên đại uý cuống si gần cặp môi

nóng bỏng lên đôi vai đẹp kiểu châu Phi. Cô gái, mắt nhắm đuối nhìn lên trần nhà, giữa người ra sau, rùng mình run rẩy dưới nụ hôn.

Bỗng nhiên, phía trên đầu Phêbuyt, cô nhìn thấy một cái đầu khác, một khuôn mặt tái nhợt, xanh xám, nhẵn nhụi, với cái nhìn quỷ dữ. Cạnh khuôn mặt là bàn tay cầm dao găm. Đó là khuôn mặt và bàn tay linh mục. Ông ta đã phá cửa rồi đứng đó. Phêbuyt không thể trông thấy ông ta. Cô gái đỡ người, tê cứng, cảm lạnh trước sự xuất hiện khủng khiếp, như con bọ câu ngừng đầu lên đúng lúc con diều hâu tròn xoe mắt nhìn vào tổ nó.

Cô gái không thét nổi một tiếng. Cô thấy lưỡi dao găm đâm phập xuống người Phêbuyt rồi rút lên bốc khói.

- Ôi trời ơi! viên đại úy thét lên và ngã xuống.

Cô gái ngất đi.

Lúc nhắm mắt lại, bao tình cảm tiêu tan hết, cô gái có cảm tưởng mỗi mình bị in hằn một va chạm bỏng lửa, một cái hôn còn thiêu đốt hơn sắt nung đỏ của đao phủ.

Lúc tỉnh dậy, cô thấy lính tuần cảnh đã vây quanh, viên đại úy đâm máu được khiêng đi, linh mục biến mất, cửa sổ cuối phòng trông ra sông mở toang, người ta nhặt được chiếc áo choàng đỏ chùng là của viên sĩ quan, và cô nghe mọi người chung quanh kháo nhau:

- Con phù thủy đâm chết ông đại úy rồi.

HẾT TẬP 1

CHÚ THÍCH

LỜI GHI THÊM VÀO LẦN XUẤT BẢN HOÀN CHỈNH (1832)

1. Lần xuất bản năm 1832 gồm hai tập.
2. Trích đoạn một câu thơ của Horaxơ.
3. *Đomonin* (1776-1832): tướng Pháp, năm 1814, chịu trách nhiệm bảo vệ Vannxen.
4. *Cung Tulyon... Philipe Đolócơơ*, Tulyon là cung vua cũ ở Pháp, do kiến trúc sư Đolócơơ (1510-1570) bắt đầu xây từ năm 1564. Cung bị cháy năm 1871 và sau đó bị phá hủy hoàn toàn.

QUYỂN MỘT

I. GIAN ĐẠI SÁNH

1. *Bản chuyện hôn nhân giữa thái tử và Margorít Đơ Phiăngđơơ*; Margorít Đơ Phiăngđơơ hoặc Margorít Đơtriso, lúc này mới ba tuổi, là con gái hoàng đế La mã Nhật nhĩ man Mácxmilăng I, người đã giao tranh với vua Pháp Luy XI và đã nhường cho vua Pháp hai xứ Picardi và Buócgônơ theo hiệp ước Arát.

Thái tử là con vua Luy XI, sau thành vua Sácơơ VIII, lúc này mười hai tuổi. Hiệp ước Arát đã tạo cơ hội cho hai bên đính hôn lúc này, nhưng về sau, Sácơơ VIII đã khước hôn.

2. *Moralité, nổi và phécxơ* hay tuyệt: *moralité* là một loại hình sân khấu thời trung cổ, để tài tôn giáo, nhân vật là biểu tượng.

Xốt: loại hình sân khấu, nhân vật đều cuồng dại.

phécxơ: loại hình sân khấu, nhân vật là hề.

3. *Ngày lễ vua và Hội cuồng dâng*: Ngày lễ vua tức ngày lễ Chúa hiển hiện, mừng sáu tháng giêng hằng năm.

Hội cuồng dâng là một ngày hội thời trung cổ sau này bị thủ tiêu vì thời tục quá trớn.

4. *Lễ trồng cây tháng năm*: lễ này tổ chức ngày đầu tháng, trồng cây xanh tốt, có tết dài lụa, trước nhà, để chúc mừng chủ nhà.
5. *mixterc*: loại kịch lấy đề tài tôn giáo.
6. V.Huygô chú thích: "Từ *gótich*, với ý nghĩa thường dùng, hoàn toàn không chính xác, nhưng hoàn toàn được thừa nhận. Do đó, ta cũng tiếp nhận và như mọi người, ta dùng nó để chỉ nền kiến trúc của nửa sau thời trung cổ, lấy vòng cung nhọn làm nguyên tắc, nó tiếp nối nền kiến trúc của thời kỳ đầu, lấy vòng cung tròn làm mẫu mực".
7. Glăng vơ thổ (1167-1216). Vua nước Anh từ 1199 đến 1216. Hồi trẻ, ông nổi loạn chống lại vua cha, rồi giết cháu để cướp ngôi. Bị vua Pháp Philip Ồ quấy kiện ở tòa Nguyên lão nghị viện, ông bị kết án mất quyền cai quản các thái ấp ở Pháp. Ông định giành lại nhưng bị thua trận. Trở về nước Anh, ông dành ban quyền tự do cho các quý tộc và thị dân tư sản.
8. *Patruy* (1604-1681) luật sư Pháp, bạn thân của Boalô.
Bài chúc từ ông đọc lúc được vào Viện hàn lâm hay đến nỗi, từ đó về sau, thành lệ ai được bầu vào Viện, đều phải có diễn văn cảm tạ như vậy.
9. *Gargantua*: nhân vật chính trong cuốn sách cùng tên của Rabelais (1534), là người khổng lồ rất tham ăn.
10. Vào thời trung cổ ở Pháp, tùy theo cách xưng hô mà ta có thể phân biệt được nhân vật thuộc giai tầng nào. Nếu gọi là *maître*, ở đây tạm dịch là *thầy*, bất kể làm nghề nghiệp gì, nhân vật đều thuộc về một hội đoàn tôn giáo nào đó. Nếu gọi là *messire*, ở đây tạm dịch là *ông*, thì nhân vật là thế tục. Còn *madame*, ở đây tạm dịch là *lệnh bà* hoặc *bà*, *phu nhân* dành cho đàn bà quý tộc, dù có hoặc chưa có chồng. Còn đàn bà thuộc giới thị dân thì gọi là *mademoiselle*, ở đây tạm dịch là *chị* hoặc *cô* hoặc *mụ*.
11. *Loconuy*: tên người này, Lecomu, còn có nghĩa là người mọc sừng.
12. *Comutus et hirsutus*: đầu mọc sừng và tóc bờm xồm.
13. *Tybulde ateator*: Hồi Tibô, tay chơi xúc xắc.
14. *Tybulde ad dados*: Hồi Tibô, hồi quân xúc xắc.
15. *Gilbertus de Solleco*: Ginbe Đờ Xuyty.

16. *Saturnatilis mitimus ecce nuces*: "Hãy xem đây, ta ném cho người các quả hồ đào ngày hội phóng đăng".

Đây là một câu trong tập *Thơ phóng thích* của Mácxi-an, nhà thơ Ý (khoảng năm 40-104). Trong các ngày hội phóng đăng tế thần Xatuy-an-ơ ở La mã, người ta lấy hồ đào ném nhau.

17. *cum tunicus grisis*: với tấm áo cánh màu xám.

18. *Sen de pelibus grisis fouratis*: Hoặc lột da màu xám.

19. *quatuor denarios*: bốn đồng doniê.

20. *Aut unum bombum*: hoặc một quả bom.

21. *Post æquiem sedet atra curæ*: sau lưng kỵ sĩ đang ngồi nổi lo buồn đen tối. (một câu thơ của Horaxơ)

22. *Nec deus interit*: Đây là câu thơ trong tập *Nghệ thuật thi ca* của Horaxơ:

Nec deus interit, nisi dignus vindice nodus

Inc derit.

(và thiên thần không can thiệp tới, trừ phi có mối liên hệ xứng đáng với người bảo chúng như vậy xuất hiện).

II- PIE GRINGOA

1. *Evœ, Jupiter! Plaudite, kvest! Êvô, Giuyptê!* Hỡi các công dân, hãy hoan hô. (Êvô là tiếng hô reo, hoan hô của các nữ tu thờ thần rượu vang Bacquýt khi làm lễ tế thần. Giuyptê là vị thần đứng đầu các thần linh).
2. *Nôen! Nôen!* là tiếng hoan hô của dân chúng ngày xưa trước các sự kiện, nhất là thắng lợi chính trị.

III- ĐÚC HỒNG Y GIÁO CHỦ

1. *stare in dimidio rerum*: thường thường bậc trung bình.
2. *Arian*: theo thần thoại Hy-lạp, Arian là con gái Minô, đã cho Têđê soi chỉ, nhờ đó chàng ra khỏi mê cung, sau khi giết được quái vật Minôtôrơ. Đến nay, thành ngữ *Soi chỉ Arian* ám chỉ phương tiện hướng dẫn ta, ngọn đuốc soi sáng trí tuệ ta.
3. *Saripôô và Xylar*: là xoáy nước và đá ngầm nổi tiếng ở eo biển Mexin, khiến các thủy thủ xưa kia rất khiếp sợ, vì tránh được cái này thì lại

xỏ vào cái kia. Thành ngữ: *Fot lù Sarplo sang Xylá* có nghĩa như tránh vỏ dưa, gặp vỏ dưa.

4. *Bibamus papaliter*: Ta cùng uống như đức giáo hoàng.
5. *Cappa reptans méra*: Áo đức hồng y chứa đầy rượu

VI- THÀY GIÁC CÔPPONÔLO.

1. *Margaritas ante porcos*: Hạt ngọc trước đàn lợn.
2. *Porcos ante Margaritam*: Đàn lợn trước Măgariit
3. *Vere incessu patuit dea*: ngay cả dáng đi cũng chứng tỏ nàng là nữ thần.
4. *Timăngto*: họa sĩ Hy Lạp (thế kỷ bốn trước công nguyên) tác giả bức tranh *Lễ hiến tế Iphigieni*, có vẽ nhân vật Agamennông phủ vải che mặt.

V. CĂĐIMÔĐÔ

1. *Toniê*: họa sĩ xứ Phlăngđơ, gồm hai cha con, *Toniê già*; (1582-1649- và *Toniê trẻ* (1610-1690) chuyên vẽ cảnh sinh hoạt bình dân xứ Phlăngđơ, nơi quán rượu, hội chợ...với tính hiện thực mạnh mẽ.
2. *Xôvơ...Biê*: Glôđép Xôvơ (1653-1716) nhà toán học và vật lý học Pháp, dù điếc, đã phát minh ra môn âm nhạc âm hưởng học.
Glăng Báptxơ Biê (1774-1862), nhà vật lý và thiên văn học Pháp.
3. Âm chỉ Năpôlêông Bônăpartơ.
4. *Pôlyphem*: nhân vật thần thoại, nổi tiếng nhất trong bọn khổng lồ độc nhon, bị Uylixơ đâm mù mắt.

VI- EXMÊRANDA

1. *Hômơ*: nhà thơ Hy Lạp (thế kỷ chín trước công nguyên) được coi là tác giả của các trường ca *Hiát* và *Ôđixê*.
2. *Năđông*: còn gọi là *Ôvîđô* (*Publius Ovidius Naso* – 43 trước công nguyên – 17 sau công nguyên) nhà thơ La tinh, tác giả các tập *Biến hóa*, *Nghệ thuật yêu thương*. Ông là bạn của các nhà thơ Virgilio và Horaxơ. Được vua Ôguytxơ che chở rồi thất sủng, và chết trong lúc bị lưu đày, không phải ở Mătxcova như V.Huygô viết ở đây mà tại Tômi một thành phố của xứ Môđi tức Côngstănda của Rumania ngày nay.

QUYỂN HAI

III- BESOS PARA GOLPES

1. *Besos para golpes*: Cái hôn trả nợ trận đòn.
2. *Angdeluch*: một vùng ở miền nam Tây-ban-nha.
3. *dân bôhêmiêng*: những người dân lang thang, mà người ta tưởng là quê quán ở Bôhêm, một vùng ở Tiệp Khắc, sống độ nhật bằng nghề bói toán, ăn xin, ca múa rong, quỉ thuật...Họ còn được gọi bằng những tên khác nữa, như *dân digan* hoặc *ditan*, *dân danhgara* *danhgara* *danhgari* (theo tiếng Ý) và trong cuốn truyện này là dân Ai-cập (mặc dù họ không phải người nước Ai-cập).
4. *Un cotre de gran riqueza...de asparter*: Cái hòm đất tiền - Làm bằng cái cột - Cờ mới ở trong - Vẽ hình khủng khiếp.
5. *Alarabes de cavallo...buan échar*: Kỵ sĩ Ả-rập - Cử động bất lực - Đeo guơm, còn cổ - Đeo nỏ bắn tãi.
6. *Galilé*: Một vùng ở phía Bắc xứ Paléstin.
7. *Hecmét*: Hecmét Trimêgixto là tên Hy-lạp của thần Ai-cập *Thốt*, tác giả của các tác phẩm huyền bí về phù thủy, chiêm tinh, luyện đan.

V- TIẾP TỤC CÁC PHIÊN TOÁI

1. *Nicóla Philamen*: một nhà văn cừ khôi ở Khu đại học Pari (1330-1418) khá giàu, từng cúng nhiều của cải vào nhà thờ Xanh Giắc Đờ La Buson. Do đó, dân chúng hư truyền là ông tìm ra bí một phép luyện đan, nên mới giàu có như vậy.

VI- CÁI VÒ VỒ

1. *Iota via, cheminum et viaria*: tất cả các đường ngang, ngõ tắt và lối đi.
2. *Salve, salve, maris stellat*: Cứu khổ, cứu nạn, hỡi ngôi sao biển.
3. *La buona mancia, signori la buona mancia*: Bồi thí cho con, lấy ngài bồi thí cho con (tiếng Ý).
4. *Vuyncanh*: thần lửa và kim khí của người La-mã, con trai thần Gluypite và Gluynông, chồng của thần Vệ nữ. Sinh ra vốn xấu xí, cổ quái, Vuyncanh bị mẹ đẩy từ đỉnh núi Ôtanhơơ ngã xuống đảo Lemnốt, nên bị què chân. Thần lập bể lò rèn dưới chân núi lửa Etna, cùng bọn khổng lồ độc nhơn X clôpơ, làm ra sét cho Gluypite.

5. *Senor caballero, para comprar un pedazo de pan.* Ngài hiệp sĩ, cho con đủ mua miếng bánh (tiếng Tây-ban-nha).
6. *Facile caritatem.* Bỏ thí cho con.
7. *Ondé vas, hombre?* Anh kia, đi đâu đấy? (tiếng Tây-ban-nha).
8. *Cung điện thần kỳ.* Một khu phố của Pari cổ, khoảng giữa các khu phố Chợ và ngoại ô Xanh Đôn hiện nay, trên mảnh đất của các phố Đamiêr và phố Lò rèn, gần phố Hiênmuya. Bọn ăn mày tụ tập ở đó cho tới năm 1656 thì bị vua Luy XIV đuổi đi. Cái tên *Cung điện thần kỳ* được đặt ra để chế giễu bọn ăn mày dưới quyền cai quản của vua ăn mày xưng danh Côaxơ đại vương; chúng giả vờ què, cụt, dui, lòa để xin ăn, nhưng khi về tụ tập ở đó, lập tức trở lại lành lặn, vui vẻ, như có phép thần kỳ.
9. *Saloté:* trụ sở của các đại diện Pháp đình hoàng gia ở Pari.
10. *Miken Angiô* (1475-1564): họa sĩ Ý.
Calô (1592-1635): họa sĩ Pháp.
11. *Xitadivariuyt,* (1643-1737): thơ dân nổi tiếng người Ý.
12. *Hombre, quite tu sombrera.* Anh kia, bỏ mũ xuống (tiếng Tây-ban-nha).
13. *Êdôpuyt, H menuyt, Mécquyaruyt.* Đây là tiếng la tinh của các tên thường gọi là Êdốp, Hômerô, Mécquya.
Êdốp: (thế kỷ 7-8 trước công nguyên) nhà thơ ngụ ngôn Hy Lạp.
Hômerô: (thế kỷ 9 trước công nguyên) nhà thơ Hy Lạp.
Mécquya: thần hùng biện, thương mại và trộm cắp.
14. *et omnia in philosophia, omnes in philosopho continentur.* và triết học chứa đủ mọi thứ, triết gia chứa đủ hạng người.

VII. ĐÊM TÂN HÔN

1. *simero:* quái vật thần thoại, nửa sư tử, nửa dê, đuôi rồng, miệng phun lửa, bị Benlêrôphông cười trên thần mà Pêgaxô giết chết.
2. *Cuyplô:* thần Ái tình của người La-mã.
3. *Quando las pintados aves-Madas estár, y la tierra...* Khi đàn chim sặc sỡ - Đều im tiếng, còn trái đất...
4. *Micrômégat* nhân vật khổng lồ, cao tám dặm, của cuốn truyện triết lý cùng tên của Vontê (1752), từ sao Xituyt tới tận Trái đất.

QUYỂN BA

I- NHÀ THƠ ĐỨC BÀ

1. *Tempus edax, homo edacior*: thời gian gặm mòn, con người gặm mòn nhiều hơn.
2. *Hiát trường ca* của nhà thơ Hy-lạp, Hômerô, gồm 24 khúc ca, kể lại chuyện chiến đấu trước thành Troa.
Rô-măng-rô: tuyển tập dân ca Tây-ban-nha, thuộc thời kỳ tiền cổ điển, kể lại những phong tục cổ xưa nhất của đất nước.
3. *quae mole sua terrorem incutit spectantibus*: mà khối lượng của nó làm người xem phải khiếp sợ.
Luytê (1483-1546), nhà cải cách tôn giáo ở Đức.
Mirabô (1749-1791) nhà hùng biện của cách mạng Pháp, chủ trương quân chủ lập hiến.
4. *Vitruvô*: Kiến trúc sư La mã (thế kỷ 1 trước công nguyên) tác giả cuốn *Về kiến trúc*, rất có giá trị về nhận định tình hình kiến trúc thời đồ.
Vingôđô (1507-1573) kiến trúc sư Ý, nổi tiếng về cuốn *Bản vẽ năm loại kiến trúc*.
5. *Văngđam*: một chi thuộc giống người Giécmanh cổ.
6. *Pactônông*: một ngôi đền nổi tiếng ở Aten (Hy-lạp) thời cổ đại.
7. *Eroxirato*: một người dân ngu dốt ở thành Êphêđô muốn bắt chuộc kẻ chinh phục, lưu danh thien cổ bằng hành động phá hoại ghê gớm là đốt cháy đền Đain ở Êphêđô, một trong bảy kỳ quan của thế giới. Tên hắn bị cấm không được nhắc đến.
8. "còn tuyệt hơn về chiều dài, chiều rộng, chiều cao và cấu trúc" V. Huygô chủ thích như sau: "Lịch sử Pháp quốc giáo hội", quyển 2, hồi 3, trang 130, phần 1'.
9. Càn đế quốc hoặc đế quốc Bigiăngxơ là tên gọi đế quốc La-mã, bắt đầu từ vua đế quốc phương Đông, bắt đầu từ vua Têôđô, cho tới khi quân Thổ Nhĩ Kỳ chiếm được Côngxtăngtinhôp vào năm 1453.
10. *Cac lô van giêng*: hoặc Carôlanhiêng, dòng vua thứ hai của nước Pháp (751-987) lấy tên ở Sác lô man ho, bắt đầu từ Pápanh Lơ Brép tới Luy V.

11. *Tháp Babel*: cái tháp cho dân ở trong Kinh thánh. Con Nôê định xây tháp ấy lên tận trời, song Thượng đế làm cho những người leo tháp ấy nói sai tiếng, không hiểu nhau, nên thất bại.
12. *pendent opera interrupta*: công trình dở dang vẫn đứng chỉ.
13. *vùng rôman*: V.Huygô chú thích: "Cùng thuộc vùng này còn có các tên gọi là Lôm-ba-đi, Xéc-công và Béc-đăng-xơ, tùy theo địa phương, khí hậu và chủng loại.

Đó là bốn nền kiến trúc chị em và song hành, mỗi cái đều có đặc tính riêng, nhưng cũng xuất phát chung một nguyên tắc là hình cung tròn.

Facies non omnibus una,

Non diversa tamen, qualem, etc"

(Hai câu thơ la tinh này trích trong cuốn *Biến hóa* của nhà thơ Ovidio, có nghĩa là:

Về ngoài không giống nhau ở mọi cái,

Mặc dù không khác nhau, kể như, vân vân).

14. ...*vùng Phục hưng*: V.Huygô chú thích: "Phần chóp tháp chuông này vốn bằng xà gỗ chính là phần đã bị sét thiêu cháy năm 1823".

II. PARI DƯỚI TẦM CHIM BAY

1. Phòng dịch câu thơ tiếng Pháp nguyên văn là: *Le mur, murant Paris rend Paris murmurant*.
2. *Clivibus fidelitas in reges ... privilegia*: Sự trung thành với nhà vua, tuy ngắt quãng bởi vài cuộc nổi loạn, đã tạo cho các công nhân nhiều đặc quyền.
3. *carcer Glaucini*: Ở đây, V.Huygo gán cho nhà thơ Xanh Đơni Duy Pa những điều mà sử gia Duy Brơn kể về nhà thơ Xanh Đơni Đơ La Sactơ sẽ được xây dựng trên miếng đất cũ của nhà ngục Xanh Đơni, còn được gọi là *carcer Glaucini* (nhà ngục Glôxini).
4. *epitaphium Ludovici Grossi* văn bia của Luy Lơ Grô.
5. với *cung Tuylơt*: V.Huygo chú thích: "Chúng tôi rất đau lòng và căm giận thấy người ta đang tính cách mở rộng, tu sửa, tái tạo, có nghĩa là phá hoại tòa lâu đài kỳ diệu đó. Các kiến trúc sư ngày nay có bàn tay quá vụng về để sờ vào các công trình tế nhị thời Phục hưng. Chúng tôi vẫn hy vọng họ không dám làm như vậy. Và lại, việc phá hủy cung Tuylơt giờ đây không chỉ là một hành động tàn bạo khiến ngày kẻ phá

hoại đến đất đang say rượu cũng phải đổ mặt, mà đó còn là một cử chỉ phản bội. Cung Tulyor nay không chỉ là một kiến trúc nghệ thuật của thế kỷ 16 mà là còn là một trang sử của thế kỷ 19. Tòa lâu đài đó nay không còn của nhà vua, mà thuộc về nhân dân. Hãy để nó y nguyên như vậy. Cuộc cách mạng của chúng ta đã hai lần in dấu vết lên trên nó. Trên một của hai mặt tiền, có vết trái phá ngày 10 tháng 8; còn trên mặt kia, có vết trái phá ngày 29 tháng 7. Nó trở thành thiếng liêng.

Parl, ngày 7 tháng 4 năm 1831

(chú thích lên xuất bản thư năm)

6. *Métador*: tháng mười của cộng hòa lịch nước Pháp.

QUYỂN BỐN

I- TẮM LÒNG VÀNG

1. *Lotar*: chủ nhật thứ tư trong tuần chay, về tháng ba.

II- CLÔĐƠ PHLÔRÔ

1. *dare alepas et capillos lantere*: cho những cái tát và rút tóc mình (định thức của Matior Peri về một cuộc nổi loạn học trò vào năm 1229).
2. *cappettes*: áo khoác ngắn
3. *azurini coloris et brun*: mặc áo xanh da trời và tím.
4. *ditare pignorum*: bèn thờ của bọn lười.

III. IVMMANIS PÉCORIS CUSTOS, IMMANIORIPSE

1. *Immanis...ipse*: một bầy súc vật kỳ quái, kẻ chăn dắt lại còn kỳ quái hơn.
2. *Malus puer robustus*: đứa trẻ khỏe mạnh thường độc ác.
3. *Axonpho*: hoàng tử trong thần thoại Anh, một hiệp sĩ của truyện *Rôlăng nổi giận* của Ariôxtơ. Một viên nữ tặc chàng chiếc kèn sáo "tiếng kêu đình tai nhức óc không một sinh vật nào chịu nổi".

V. TIẾP THEO CHUYỆN CLÔĐO PHRÔLÔ

1. *quasi classico excitare*: như được tiếng kèn thúc giục.
2. *Rixa prima causa vinum optimum potatum*: nguyên nhân đầu tiên của vụ đánh nhau: rượu nho ngon nhất đã đem ra uống.
3. *ubi defuit orbis*: ở đó dừng lại cái vòng tròn (tức cái vòng tròn kiến thức nói ở đầu câu).
4. *fas*: hợp pháp; *nefas*: bất chính.
5. *ad cupam Nostrae Dominae*: nước thánh ở nhà thờ Đức Bà.
6. Huygô Đờ Bodăngxông: V.Huygô chú thích: "Huygô II de Bisuncio, 1328-1332".
7. *ad omnem tonum*: ở đủ các giọng.
8. *aliquae magnates mulieres quae sine scandalo evitari non possant* vài bà lớn mà nếu gạt ra thì sẽ sinh chuyện.

VI. MẮT LÒNG NGƯỜI

1. *Eie! eia! Claudius cum claudot*: Đi đi! Đi đi thôi! Hỡi Clôđơ và gã thọt!

QUYỂN NĂM

I- ABBAS BEATI MARTINI

1. *Abbas beati Martini*: Tu viện trưởng ở Xanh Mactanh.
2. *De predestinatione et libero arbitrio*: Bản về thuyết tiền định và tự do ý chí.
3. *A labri côchie*: Cây mơ, tiếng Pháp là: *l'abricotier*. Viết tách rời, theo kiểu chơi chữ, sẽ thành: *A labricolier*, có nghĩa là nhà ông Côchiê.
4. *Exquyapo*: thần y học, không những chữa bệnh mà còn biết cải tử hoàn sinh. Theo lời khẩn cầu của diêm vương Phutông, lo ngại âm phủ ngày càng vắng vẻ, Giuypite ghen tức đã sai thần sét đánh chết *Exquyapo*.
5. *Dâm blicô*: triết gia Hy Lạp (183-233) nghiên cứu các tập quán Ai-cập và Candê, rất được khoa huyền bí ưa chuộng.
6. *Hipócratê*: thầy thuốc giỏi nhất thời cổ đại (460 - khoảng 377 trước công nguyên).

7. *Credo in Deum*: tin vào Chúa.
Dominum nostrum: Chúa của chúng ta.
8. *Epidônyr*: một thành phố ở Hy Lạp cổ, trên bờ biển Êgiê, có đền thờ Exquylapô.
Cândê: tên cổ của xứ Babilôn, gồm miền nam của vùng Mêdôpôlam tức Lương hà, nay là nước Irắc.
Epidônyr và Cândê ở đây ám chỉ y học và chiêm tinh.
9. *Xuong quai xantr*: hoặc thìa khóa nhỏ, là tên một cuốn sách phương thuật, đã làm lẩn gài cho vua Xalômông (trị vì khoảng năm 970-935 trước công nguyên, ở Do thái).
10. *Erras, amico Claud*: nhầm rồi, ông bạn Clôđô ơi.
11. *peristera*: từ Hy Lạp cổ này có hai nghĩa: 1/ bờ cầu; 2/ Cổ roi ngựa.
12. *Glossa in epistolas D. Pauli...*: Bình luận các sứ đồ thư của thánh Pôn. Nuyrâmba, tại nhà in Angtoan Cobuyagiô. 1474.
13. *Abbas beati Martini...in sede thesaurarii*: Tu viện trưởng nhà thờ Xanh Mác-tanh, tức vua nước Pháp, vốn có do tập quán tu sĩ; ông ta được hưởng môn thánh lộc ít ỏi mà thánh Vonăng được hưởng và phải nhận chức tại nhiệm sở của viên quản lý ngân khố.

II- CÁI NÀY SẼ GIẾT CÁI KIA

1. *Quya hominor leo*: bởi vì tên là sư tử (một câu thơ của nhà thơ ngụ ngôn la tinh Phêđrô).
2. *Erat enlum...*(*Glaber Radulphus*): câu này đã được tác giả dịch ra bằng câu kể ngay ở trên.

Glaber Radulphuyt, sinh ở Ôxerô (Pháp) vào cuối thế kỷ 10, chết năm 1050, là tác giả tập *Biên niên sử* gồm năm cuốn, ghi lại sự việc các năm từ 900 đến 1046.

QUYỂN SÁU

I- NHẬN XÉT VÔ TU VỀ NỀN PHÁP CHẾ XUA KIA

1. *năm có sao chổi*: V.Huygô chú thích: "Ngôi sao chổi này, mà giáo hoàng Calixtô, chủ của Boôgia, ra lệnh cầu nguyện cộng đồng, cũng là ngôi sao sẽ mọc lại vào năm 1835".

2. *dignitas quae cum non exigua...conjuncta est*: chức tước có kèm theo quyền hành cảnh sát to lớn và nhiều quyền lợi cùng đặc quyền.
3. *Liên đoàn bảo vệ công ích*: nhận danh "công ích", vào cuối năm 1464, nhiều chủ hầu liên minh với nhau để chống lại vua Luy XI. Nhà vua tạm thời chịu thua và ký hiệp ước Côngphỉăng, nhưng sau đó đã giành lại những thứ đã nhượng bộ.
4. *auditores Castellat*: thẩm phán tòa Satolê.
5. *in prima instantia*: được xét xử trước tiên.
6. *cao mười một bộ*: V.Huygô chú thích: "Sở điển địa, 1383".
7. *Lex duri carminis*: Văn bản luật pháp vốn nghiêm khắc.
8. *corpus Christi*: mình của Chúa! (tiếng rủa).
9. *Herclet*: ôi Hocquyn! (tiếng rủa).
10. *in praejudicium meretricis*: làm thiệt hại cho một gái giang hồ.

II. HANG CHUỘT

1. *magna voce per umbras*: câu này là trích đoạn trong tập sử thi Enêido của Virgilio (71-19 trước công nguyên): *Admonet et magna testatur voce per umbras*: báo trước và lớn tiếng báo họ làm chúng cho trong bóng tối.
2. *Sileo et et spera*: Hãy im miệng và hy vọng.
3. *Forte scutum, salus ducum*: huy hiệu lớn, lời chào của các thủ lĩnh.
4. *Taum est* (lâu đài này) là của bạn.
5. *Tu, ora*: nhà người, hãy cầu nguyện.
6. *Ludonico Magno*: "Tặng Luy Đại đế", lời ghi bằng tiếng la tinh ở cổng Xanh Đônê.
7. *Hang chuột*: tiếng Pháp là *Trou aux Rats*, gần đồng âm với tiếng la tinh *TU, ORA*.

III. CHUYỆN CHIẾC BÁNH RÁN MEN BỘT NGÔ

1. *non passibus aequis*: bước đi thất thế.
2. Tànglan: vua xứ Lydi. Khi thần thánh đến thăm, muốn thử phép lành thiêng, Tànglan cắt chân tay con trai là Pêlôp để làm thức ăn mời thần thánh. Thần Giuypite dầy ông xuống âm ỉ, bắt suốt đời nhìn đói nhìn khát. Tànglan được biểu hiện bằng hình ảnh đứng giữa dòng sông, cứ định uống nước thì nước lại rút khỏi miệng, đứng dưới gốc cây, cứ định

hải quả thi cánh tại vương lên cao. Văn học dùng điển tích này để chỉ những tham vọng gần đạt tới lại bị thất bại.

3. *Danbgar*: tức bôhêmiêng hoặc người Ai-cập.
4. bà *Nữ đồng trinh*: tức Gian ĐA, nữ anh hùng cứu quốc người Pháp (1412-1431) bị quân xâm lược Anh thiếu sống tại Ruăng.
5. *Sốnglophlot*: tiếng Pháp có nghĩa là ca hát nở hoa.
6. *dominus*: Chúa.

IV. GIỌT LỆ RỎ VÌ GIỌT NƯỚC

1. *Sardus absurdus*: điên phi lý.

QUYỂN BẢY

II. LINH MỤC VÀ TRIẾT GIA LÀ HAI NGƯỜI KHÁC NHAU

1. *Ale te ipsam*: mày hãy tự nuôi thân.
2. *concedo*: đồng ý như vậy.
3. *Solus cum sole non cogitabuntur orare Pater noster*: một mình hẳn với cô ta, khó mà tin rằng hai đứa cùng đọc kinh Lạy cha.
4. *Pater*: Đức chúa cha.

Ave Maria: Lạy đức bà Maria.

Credo in Deum patrem omnipotentem: Tôi tin ở Chúa, Đức Chúa cha quyền uy tuyệt đối.

IV- "AN" AGKH

1. *quemadmodum*: cũng ví như.
verum enim verum: nhưng thực ra là.
2. *Veramenta, quæse rollisserie sono cose stupenda*: quả thật các hàng thị quay đó là đều khủng khiếp.
3. *Spina; spîpera*: Thối đi; hy vọng.
4. *Unde? inde?*: từ đâu? từ đó?

Homo homini monstrum: người là quái vật với người.

Astra, castra, nomen, numerus: tinh tú, doanh trại, tên tuổi, thần, thành.

Mégha biblion, mégha kakón: cuốn sách lớn, tội lỗi lớn (nhà in không có loại chữ Hy Lạp này, nên dịch giả tạm ghi tại đại khái ở đây).

Sapere aude: dám hiểu biết.

Flat ubi vult: (linh hồn) thổi tùy nơi nó muốn.

Anaghkophaghia: chế độ kiêng khem, như chế độ của các lực sĩ.

Coelestrem dominum, terrestrem dicite domnum: Chúa trời gọi là dominum, Chúa đất gọi là domnum.

5. *Manu*: có nghĩa Nhà tư tưởng, Người điển hình, tức Xvayambuna, người được gọi là tác giả cuốn *Kinh đạo lý Manu* của Ấn-độ, trình bày các nguyên lý đạo giáo Bà-la-môn và có nhiều chỉ dẫn quý giá về nền văn minh Ariát, kể từ khi thành hình tại châu thổ sông Hằng.

Đóróaxtra: hoặc *Daratuxtra* (khoảng 560-583) nhà cải cách đạo Ba-tư cổ đại.

6. *Averroes*: thầy thuốc và triết gia A-rập nổi tiếng (1126-1198) sinh tại Coócôô. Học thuyết của ông nghiêng về duy vật và phiếm thần luận nên bị lên án bởi Khu đại học Paris và Tòa thành.

7. *Caxtôôô*: văn sĩ la tinh, chính trị gia dưới thời Têôđôrich, vua dân Gốt (468-sau 552).

8. *Êmen-hétăngt*: Đó và kia!

Xigiéani: Tên một vị thần.

9. *Fatum*: Định mệnh.

10. *Tunicam dechiraverunt*: Áo dài bị xé rách.

Tunicam: áo dài.

cappellam: áo khoác.

11. *Groecum est, non legitur*: đó là tiếng Hy-lạp, người ta không đọc nữa.

12. *quibedam mamosetis*: đám đứa ranh con.

13. *Cum meo laquaslo*: có kẻ hầu.

14. *Pie L'Aixommo và Baptixto Croco oăđông*: (pierre l'Assommeur et Baptiste Croque-Olson) có nghĩa như là: Pie kẻ đánh chết người và Baptixto nhai ngỗng con.

15. *Qui non laborat non manducat*: Ai không làm, không ăn.

V. HAI KẸ MẮC ÁO THÂM

1. *Adversum stimulos...pedicas*, bolas: Xiên nhọn, sắt nung, thép tự, còng kếp.

Dây trời, xích chẳng, nhà tù, xiềng gông, cùm kẹp.

2. *Per ipsum, et cum ipso, et in ipso!*: do nó, và cùng nó, và ở nó. (câu này cùng với các câu *Emen-helan! Hax, Pax, max!* *Ochl Ochl...* đều là các câu thần chú, dùng để đi dự dạ hội phù thủy, cùm quỷ sứ, chống vết thương chó dại, đuổi rắn...)

3. *Nudus vincitur...per pedes*: Trần truồng, bị trời chặt, trăm đồng tiếng phạt, treo lộn đầu.

4. *Stryx vel masca*: Ma cà rồng hoặc mặt nạ.

5. *Dialogus de energiu et operatione docmonum*: Đối thoại về năng lượng và hoạt động của quỷ sứ.

Milen Pkeniut (1018-1078) chính khách và nhà văn xứ Bidāngxơ, được coi là đại bác học đương thời.

6. *Nullus anim locus sine ghenio est*: Vì chẳng có nơi nào mà lại không có thiên tài.

Xecuiut Honoraiut là nhà ngữ pháp học và bình chú cổ văn Hy Lạp vấp thế kỷ IV.

VI. HIỆU QUẢ CÓ THỂ GÂY RA BỞI BẢY CÂU CHUI ĐỒNG GIỮA TRỜI

1. *Te Deum laudamus*: Lạy Chúa, xin ngợi khen Người!

2. *Sub conservatoire formae specificae salva animae*: Dưới sự bảo tồn của hình thức đặc biệt, linh hồn giữ được nguyên vẹn.

Raymông Luytơ (1235-1315) tu sĩ Tây-ban-nha, nhà văn và nhà luyện đan, tác giả cuốn *Arc magna* (Nghệ thuật lớn) trình bày phương pháp suy luận được xem là rất lô-gich, hết sức xác đáng, một cuốn sách rất kỳ lạ về triết học kinh viện.

3. Một câu đố chữ quán Cổ học, tiếng Pháp là *La Vieille Science*. Nếu đọc theo lối chiết tự sẽ thành câu đồng âm khác nghĩa là: bà già (*la vieille*) của (*scie*) cái quai (*anse*).

MỤC LỤC

- Lời ghi thêm vào lần xuất bản hoàn chỉnh (1832) 5

QUYỂN MỘT

I-	Gian đại sảnh	11
II-	Pie Gringoa	30
III-	Đức Hồng y giáo chủ	42
IV-	Thầy Giắc Copponôlo	51
V-	Cadimôđô	63
VI-	Êxmêranda	73

QUYỂN HAI

I-	Từ Saripdo sang Xyla	77
II-	Quảng trường Grevo	80
III-	Besos para golpes ⁸³	
IV-	Những phiến toái khi theo đuổi người đàn bà đẹp qua các phố vào buổi tối.	96
V-	Tiếp tục các phiến toái.	102
VI-	Cái vò vò.	105
VII-	Đêm tân hôn.	131

QUYỂN BA

I-	Nhà thờ Đức Bà.	145
II-	Pari dưới tấm chim bay.	157

QUYỂN BỐN

I-	Tấm lòng vàng	189
II-	Clôđơ Phrôlô	194
III-	Immanis pecoris custos, immandor ipse	200
IV-	Con chó và chủ nó	210
V-	Tiếp theo chuyện Clôđơ Phrôlô.	212
IV-	Mất lòng người.	220

QUYỂN NĂM

I-	Abbas beati Martini.	222
II-	Cái này sẽ giết cái kia.	236

QUYỂN SÁU

I-	Nhận xét vô tư về nền pháp chế xưa kia.	258
II-	Hang chuột	272
II-	Chuyện chiếc bánh rán men bột ngô.	278
IV-	Giọt lệ rõ vì giọt nước.	305
V-	Kết thúc chuyện chiếc bánh.	317

QUYỂN BẢY

I-	Nỗi nguy hiểm khi tiết lộ bí mật cho con dê.	319
II-	Linh mục và triết gia là hai con người khác nhau.	339
III-	Giàn chuông.	352
IV-	"AN" AGKH	355
V-	Hai kẻ mặc áo thâm.	364
VI-	Hiệu quả có thể gây ra bởi bảy câu chửi đồng giữa trời.	373
VII-	Quý đội lột thầy tu.	381
VIII-	Ích lợi của dây cửa sổ mở ra sông.	387

NHÀ THỜ ĐỨC BÀ PARI

Tiểu thuyết của: Vichto Huygô

Chịu trách nhiệm bản thảo:

ĐINH QUANG NHẢ

Biên tập : NGUYỄN HÒA BẮC
Sửa bản in : PHƯƠNG LINH
Bìa : THÁI TUẤN HOÀNG
& XUÂN THỦY
Vì tính : KHÁNH CHI

In 1000 cuốn, khổ 13x19 cm. Tại Xí nghiệp in FAHASA.
Giấy chấp nhận đăng ký đề tài xuất bản số 5/615-CXB
cấp ngày 17/7/1999.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 2 năm 2000.

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN PHÁP

BÁ NGƯỜI LÍNH NGỰ LÂM

Aléchéxăng Đuyma

BÀ BŌVARY

Guyxtavơ Flôbe

CARMEN

Prôxpe Mêrimê

ĐỎ VÀ ĐEN

Xtăngđan

MỖI TÌNH ĐẦU CỦA NAPOLEON - Giác mộng Tình Yêu

Annemarie Selinko

NHÀ THỜ ĐỨC BÀ PARI

Vichto Huygô

NHỮNG NGƯỜI KHỒN KHỔ

Vichto Huygô

PAPILLON người tù khổ sai

Henri Charrière

QUÁN RƯỢU

Emin Zôla

NXB VN - NXB VH và FAHASA TP. HCM LIÊN KẾT XUẤT BẢN



0049900

GIÁ 33.000đ

Nhà thờ đức bà Paris (tập 1)



001031

601968

33.000 VNĐ